

TỔNG HỢP ĐỀ THI VÀO 10
Website VnTeach.Com <https://www.vnteach.com>
NGŨ LIỆU ĐỌC HIỂU NGOÀI SÁCH GIÁO KHOA

ĐỀ SỐ 01	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGŨ VĂN Thời gian: 120 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Hòn đá có thể cho lửa, cành cây có thể cho lửa. Nhưng chỉ có con người mới biết nuôi lửa và truyền lửa. Lửa xuất hiện khi có tương tác, ít ra là hai vật thể tạo lửa. Lửa là kết quả của số nhiều. Cô bé bán diêm là số đơn. Cô đã chết vì thiếu lửa. Để rồi từ đó loài người đã cảnh giác thắp nến suốt mùa Giáng sinh để cho không còn em bé bán diêm nào phải chết vì thiếu lửa.

Nước Việt hình chữ “S”, hiện thân của số nhiều, lẽ nào không biết nuôi lửa và truyền lửa, lẽ nào thiếu lửa? Không có lửa, con rồng chẳng phải là rồng, chỉ là con giun, con rắn. Không có lửa làm gì có “nồng” nàn, “nhiệt” tâm! Làm gì có “sốt” sắng, “nhiệt” tình, đuốc tuệ! Làm gì còn “nhiệt” huyết, “cháy” bỏng! Sẽ đâu rồi “lửa” yêu thương? Việc mẹ cha, việc nhà, việc nước, làm gì với đôi vai lạnh lẽo, ơ hờ? Không có lửa em lấy gì “hun” đúc ý chí, “nấu” sử sôi kinh? Em... sống đời thực vật vô tri như lương cây, mắt lá, đầu cành, thân cỏ... Cho nên: Biết ủ lửa để giữ nhân cách – người, nhân cách – Việt. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội. Thế nhưng: Nếu không có lửa làm sao thành mùa xuân?”.

(Trích Thắp mình để sang xuân, Nhà văn Đoàn Công Lê Huy)

Câu 1. Xác phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Cho biết ý nghĩa của từ “lửa” được in đậm trong hai câu văn sau: “Hòn đá có thể cho lửa, cành cây có thể cho lửa. Nhưng chỉ có con người mới biết nuôi lửa và truyền lửa”. (0,5 điểm)

Câu 3. Tại sao tác giả lại nói: “Biết ủ lửa để giữ nhân cách - người, nhân cách - Việt”? (1,0 điểm)

Câu 4. Thông điệp có ý nghĩa nhất được rút ra từ đoạn văn bản trên là gì? (1,0 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ), trình bày suy nghĩ về ý kiến được nêu ở đoạn trích trong phần Đọc hiểu: “Nếu không có lửa làm sao thành mùa xuân?”.

Câu 2 (5,0 điểm).

Cảm nhận bức tranh thiên nhiên qua hai khổ thơ sau:

“Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc
 Ổi con chim chiền chiện
 Hót chi mà vang trời
 Từng giọt long lanh rơi
 Tôi đưa tay tôi hứng”

(Trích "**Mùa xuân nho nhỏ**" - Thanh Hải)

“Bỗng nhận ra hương ổi
 Phả vào trong gió se,
 Sương chùng chình qua ngõ
 Hình như thu đã về”

(Trích "**Sang thu**" - Hữu Thỉnh)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên: nghị luận	0,5 điểm
	2	Từ “ <i>lửa</i> ” được nói đến trong câu văn mang ý nghĩa ẩn dụ, nó là: nhiệt huyết, đam mê, khát vọng, ý chí, niềm tin, là tình yêu thương mãnh liệt... ngọn lửa ấy được con người nuôi dưỡng trong tâm hồn và có thể lan truyền từ người này sang người khác.	0,5 điểm
	3	“Biết ủ lửa để giữ nhân cách – người, nhân cách – Việt” “Biết ủ lửa” tức là biết nhen nhóm, nuôi dưỡng lửa trong tâm hồn mình. Có ngọn lửa của đam mê, khát vọng mới dám sống hết mình, dám theo đuổi ước mơ hoài bão. Có ngọn lửa của ý chí, nghị lực sẽ có sức mạnh để vượt qua khó khăn trở ngại, đến được cái đích mà mình muốn. Có ngọn lửa của tình yêu thương sẽ sống nhân ái, nhân văn hơn, sẵn sàng hi sinh vì người khác. Ngọn lửa ấy giúp ta làm nên giá trị nhân cách con người.	1,0 điểm
	4	HS có thể rút ra những thông điệp khác nhau từ đoạn văn bản trên và trình bày suy nghĩ thẩm thía của mình về thông điệp đó. Ví dụ : không có lửa cuộc sống con người chỉ còn là sự tồn tại.	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.	2,0 điểm

	Có thể viết đoạn văn theo định hướng sau : 1. Mở đoạn : Giới thiệu vấn đề 2. Thân đoạn : – Mùa xuân – mùa khởi đầu của một năm, mùa để vạn vật hồi sinh, trỗi dậy. Yếu tố làm nên mùa xuân của đất trời là sức sống; còn yếu tố làm nên mùa xuân của cuộc đời, của con người là lửa. – Lửa là nhiệt huyết, khát vọng, đam mê; là ý chí, nghị lực, niềm tin; là tình yêu thương của con người với con người... – Có lửa để con người mạnh mẽ, tự tin, dám nghĩ, dám làm, dám theo đuổi ước mơ, hoài bão. Có lửa con người mới sống hết mình trong cháy khát, đam mê. Có lửa để con người sống người hơn, nhân văn hơn. Lửa thôi thúc ta vươn tới những tầm cao mới, lửa làm nảy nở những búp chồi hạnh phúc ... – Nếu lửa chỉ cháy trong một cá nhân chẳng khác nào một ngọn nến le lói trong bóng đêm. Ngọn lửa phải lan tỏa, chúng ta cùng cháy mới có thể thắp lên “mùa xuân”. 3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I/ Mở bài Thiên nhiên luôn là nguồn cảm hứng vô tận đối với thi sĩ từ xưa đến nay bởi vẻ đẹp gợi cảm và vĩnh hằng của nó. Hình ảnh thiên nhiên luôn được gọi lên với những bức tranh tuyệt đẹp qua biết bao tác phẩm sống mãi với thời	5,0 điểm

gian. Mỗi lần đọc “*Mùa xuân nho nhỏ*” của Thanh Hải và “*Sang Thu*” của Hữu Thỉnh, chúng ta lại bắt gặp những rung cảm tinh tế của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên ban tặng cho cuộc sống. Đặc biệt 2 khổ thơ đầu của bài thơ đã khơi gợi cho người đọc những cảm xúc băng khuâng xao xuyến của thiên nhiên ở 2 mùa xuân thu:

“Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng”

(Trích “*Mùa xuân nho nhỏ*” - Thanh Hải)

“Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se,
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về”.

(Trích “*Sang thu*” - Hữu Thỉnh)

II/ Thân bài

1. Khái quát chung

Thanh Hải viết bài thơ “*Mùa xuân nho nhỏ*” khi đất nước vừa thoát khỏi chiến tranh không lâu (1980), bản thân nhà thơ cũng ở tình trạng sức khỏe hiểm nghèo, nhưng cả cuộc đời gắn bó với quê hương xứ sở làm sao không có những cảm xúc lúc đi xa. Còn Hữu Thỉnh lúc viết bài “*Sang thu*” thì mới chỉ ngoài ba mươi tuổi, (1977) nhưng là người từng trải. Vì ông xuất thân từ một người lính, đã trải qua biết bao nhiêu là khó khăn, gian nan, vất vả; với biết bao nhiêu tang tóc, hi sinh, mất mát nơi chiến trường khốc liệt... nên rất thiết tha cháy bỏng với cuộc sống này. Viết về quê hương, đất nước thì mỗi nhà thơ lại có một cảm nhận riêng. Nếu hình ảnh đất nước trong bài “*Mùa xuân nho nhỏ*” của Thanh Hải được soi chiếu qua lăng kính mùa xuân thì “*Sang thu*” của Hữu Thỉnh, quê hương, đất nước lại được soi chiếu qua bức tranh giao mùa cuối hạ sang thu... Thật phong phú, đa dạng mà không kém

	phần thú vị. 2.Cảm nhận bức tranh thiên nhiên qua hai khổ thơ a.Khổ thơ bài Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải Thật vậy, hình ảnh quê hương, đất nước hiện lên qua cảnh sắc mùa xuân – thiên nhiên xứ Huế tinh khôi, trong trẻo, đầy sức sống. Mùa xuân của thiên nhiên cũng là mùa xuân của đất nước con người: <i>“Mọc giữa dòng sông xanh Một bông hoa tím biếc Ơi con chim chiền chiện Hót chi mà vang trời Từng giọt long lanh rơi Tôi đưa tay tôi hứng”</i> Thanh Hải đưa ta về với thiên nhiên tạo hoá đất trời. Sau những ngày đông lạnh lẽo, thiên nhiên lại được khoác một tấm áo tươi non, ấm áp của mùa xuân. Mùa xuân đến, báo hiệu bằng những cảnh sắc thiên nhiên quen thuộc : dòng sông xanh, bông hoa tím biếc và chim chiền chiện. Cảnh sắc thiên nhiên ấy không chỉ đẹp mà còn sinh động. Từ “mọc” đặt ở đầu câu thơ vang lên như một điểm nhấn, một sự phát hiện đầy cảm xúc của nhà thơ. Hai câu thơ đầu vẽ nên một không gian mùa xuân rộng mở tươi tắn với hình ảnh một dòng sông xanh trong chảy hiền hoà. Cái màu xanh ấy phản ánh được màu xanh của bầu trời, của cây cối hai bên bờ, cái màu xanh quen thuộc mà ta có thể gặp ở bất kì một con sông nào ở dải đất miền Trung. Nổi bật trên nền xanh lơ của dòng sông là hình ảnh “<i>một bông hoa tím biếc</i>”, một hình ảnh thân thuộc của cánh lục bình hay hoa súng mà ta thường gặp ở các ao hồ sông nước của làng quê mà ta từng gặp trong những vần thơ của khác: <i>“Con sông nhỏ tuổi thơ ta tắm Vẫn còn đây nước chẳng đổi dòng Hoa lục bình tím cả bờ sông...”</i> (Lê Anh Xuân) Màu tím biếc ấy không lẫn vào đâu được với sắc màu tím Huế thân thương- vốn là nét đặc trưng của những cô gái đất kinh kỳ với sông Hương núi Ngự. Màu xanh của nước hài hoà với màu tím biếc của bông hoa tạo nên một nét	

chấm phá nhẹ nhàng mà sống động. Bức tranh xuân còn được điểm xuyết thêm bằng âm thanh rộn rã, từng bừng của con chim chiền chiện hót vang trời. Tiếng hót của chim, đường nét uốn lượn quanh co của con sông, màu tím biếc của bông hoa vẽ nên một bức tranh mùa xuân đầy sức sống mãnh liệt trên quê hương tác giả. Trước vẻ đẹp ấy, nhà thơ ngất ngây sung sướng không ngăn được dòng cảm xúc. Những từ cảm thán “Ồ”, “*Hót chi*” vang lên là tiếng lòng nao nức say sưa của nhà thơ khi lần đầu tiên phát hiện vẻ đẹp đơn sơ mà say đắm của cảnh vật quê hương.

*“Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng”*

Cụm từ “*giọt long lanh*” gợi lên những liên tưởng phong phú và đầy thi vị. Nó có thể là giọt sương lấp lánh qua kẽ lá trong buổi sớm mùa xuân tươi đẹp, có thể là giọt nắng rọi sáng bên thềm, có thể giọt mưa xuân đang rơi, giọt hạnh phúc, giọt thời gian rơi qua kẽ lá... Nhưng theo mạch liên tưởng của bài thơ thì “*giọt long lanh*” còn là **giọt âm thanh** do liên hồi của con chim chiền chiện... Hình ảnh có tính chất tượng trưng “**tôi đưa tay tôi hứng**” **là thái độ yêu thương, trân trọng của nhà thơ trước vẻ đẹp của đất trời. Nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác** quả đã đạt tới mức tinh tế đáng khâm phục. Hai câu thơ đã biểu hiện niềm say sưa, ngây ngất, xốn xang, rạo rực của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời lúc vào xuân. Chắc hẳn trong lòng thi sĩ đang dạt dào tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu cuộc đời.

b. Khổ thơ bài Sang thu của Hữu Thỉnh

Tạm rời xa mùa xuân của Thanh Hải ta tìm đến với cái tình non sông đất nước được khơi nguồn từ cảnh sắc thiên nhiên trong bài “Sang thu” của Hữu Thỉnh.

Thi sĩ bộc bạch tình yêu đất nước ở nhiều cung bậc. Hữu Thỉnh với cái nhìn thật tinh tường, một cảm nhận thật sắc nét đã vẽ lại bức tranh in dấu sự chuyển mình của đất trời qua bài thơ “Sang Thu”. *Sang thu* của Hữu Thỉnh giúp ta chiêm ngưỡng lại những giây phút giao mùa tinh tế đầy ý vị mà bấy lâu nay ta hững hờ. Đó là lúc hồn ta run lên những cảm nhận dung dị. Hình ảnh đất nước quê hương

	còn được nhà thơ phác họa qua phút giao mùa cuối hạ sang thu thật tinh tế và sâu sắc. Bắt đầu từ một khu vườn ngoại ô của vùng đồng bằng Bắc Bộ: <i>Bỗng nhận ra hương ổi</i> <i>Phả vào trong gió se,</i> Không phải là sắc “mơ phai” của Xuân Diệu hay hình ảnh “con nai vàng ngơ ngác” của Lưu Trọng Lư mà là “hương ổi” thân quen nơi vườn mẹ đã đánh thức những giác quan tinh tế nhất của nhà thơ. Hương vị đơn sơ, mộc mạc, đồng nội, rất quen thuộc của quê hương. Câu thơ có hương vị ấm nồng của chớm thu ở một miền quê nhỏ. Vì sao tín hiệu đầu tiên để tác giả nhận ra mùa thu là “hương ổi” mà không phải là các hương vị khác? Mùi hương quê nhà mộc mạc “phả” trong gió thoảng bay trong không gian. Tất cả đến với tác giả nhẹ nhàng, mà đột ngột quá, thu về với đất trời quê hương, với lòng người mà không hề báo trước. Cảm giác bất chợt đến với nhà thơ: “<i>bỗng nhận ra</i>” - một sự bất ngờ mà như đã chờ đợi sẵn từ lâu lắm. Câu thơ không chỉ tả mà còn gợi liên tưởng đến màu vàng ươm, hương thơm lừng, vị giòn, ngọt, chua chua nơi đầu lưỡi của trái ổi vườn quê. Câu thơ ngắn mà có cả gió cả hương. Hương là hương ổi, gió là gió se. Đây là những nét riêng của mùa thu vùng đồi trung du miền Bắc. Gợi được như vậy hẳn cái tình quê của Hữu Thỉnh phải đậm đà lắm. Nhận ra hương ổi giống như một sự phát hiện nhưng ở đây là phát hiện ra mùi hương vẫn vương vấn mà bấy lâu nay con người hờ hững. chính vì sự phát hiện ra cái gần gũi xung quanh mình cho nên con người mới có cảm giác ngỡ ngàng đôi chút bối rối ấy. Và không chỉ có thế, cả “sương” thu như cũng chứa đầy tâm trạng, thông thả, chùng chình giăng mắc trên khắp nẻo đường thôn: <i>Sương chùng chình qua ngõ</i> <i>Hình như thu đã về.</i> Một hình ảnh đầy ẩn tượng. “Sương” được cảm nhận như một thực thể hữu hình có sự vận động – một sự vận động chậm rãi. Sương thu đã được nhân hoá, hai chữ “chùng chình” diễn tả rất thơ bước đi chậm chậm của mùa thu. Đâu chỉ có thế, cái hay của từ láy “chùng chình” còn là	

gọi tâm trạng. Sương “*dềnh dàng*” hay lòng người đang tư lự, hay tâm trạng của tác giả cũng “*chùng chình*”? **Cái “ngõ” sương phải chăng là cái ngõ thời gian thông giữa hai mùa?** Nhà thơ ngõ ngang, sung sướng, có phần giật mình, bối rối “*Hình như thu đã về*”, cảm giác băng khuâng, xao xuyến, cảm thấy rồi mà sững sờ khó tin. Hình như thu đã về còn như là một câu thăm hỏi lại mình để có một sự khẳng định. Tâm hồn thi sỹ nắm bắt những biến chuyển nhẹ nhàng, mong manh của tạo vật trong phút giao mùa cũng êm đềm, băng khuâng như bước đi nhỏ nhẹ của mùa thu. Khổ thơ ngắn mà đã để lại cho ta biết bao rung động. Ta như cảm thấy một hồn quê, một tình quê đi về trong câu chữ làm lòng ta ấm áp. Hình ảnh quê hương như càng thêm gần gũi, yêu mến.

3.Đánh giá

Cả 2 khổ đều được viết theo thể thơ 5 chữ, cô đọng, hàm súc; vận dụng hiệu quả các phép tu từ (đảo ngữ, nhân hóa, ẩn dụ); sử dụng cả những hình ảnh hữu hình (dòng sông, bông hoa, chim chiền chiện, sương) và vô hình (tiếng chim, hương ổi); ngòi bút miêu tả rất mềm mại, tinh tế; hình ảnh thơ bình dị, thân thuộc. Thông qua hai khổ thơ, hai tác giả đã vẽ nên hai bức tranh thiên nhiên thật trong trẻo, bình yên, đẹp đẽ. Điều đó cho thấy sự quan sát tỉ mỉ, tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống của hai nhà thơ. Tuy nhiên hai khổ thơ cũng có những điểm khác biệt. Một khổ viết về mùa xuân, một khổ viết về mùa thu. Rồi thời gian, không gian nghệ thuật trong mỗi văn bản cũng khác nhau: một bức tranh đậm chất xuân xứ Huế, một bức tranh chớm thu - bắt đúng khoảnh khắc giao mùa của vùng quê Bắc Bộ. Những văn thơ của Thanh Hải chân thật, bình dị, đôn hậu trong khi sáng tác của Hữu Thỉnh lại tinh tế, triết lí. Cảm xúc của hai thi nhân khi viết hai bài thơ cũng khác nhau: Nhà thơ Thanh Hải thiết tha, say đắm trước cảnh xuân, sắc xuân, ông nâng niu, trân trọng từng tiếng chim trong trẻo. Nếu ta đặt bài thơ vào hoàn cảnh ra đời của nó - những ngày cuối đời của nhà thơ, thì ta sẽ càng thêm hiểu những tâm tư này. Còn nhà thơ Hữu Thỉnh, ông ngõ ngang, giật mình trước bước đi của thời gian nên còn chưa chắc chắn trước

		sự hiện hữu của những tín hiệu đầu tiên của mùa thu. III/ Kết bài Khẳng định thành công của tác phẩm=> Tóm lại, hai đoạn thơ là hai bức tranh thiên nhiên đầy cảm hứng. Nếu Thanh Hải cho ta cảm nhận cái rộn ràng của thiên nhiên thì Hữu Thỉnh lại mang đến cái dân dã, mộc mạc, đầy rung cảm và thân quen. Dư âm của tác phẩm với bạn đọc=>Hai đoạn thơ để lại trong lòng bao thế hệ bạn đọc những cảm xúc sâu lắng, khó phai mờ, gợi nhắc cho những thế hệ trẻ tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.	

ĐỀ SỐ 02	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

...Cuộc sống vẫn bình yên trong mỗi căn nhà
 Con vẫn học qua online trực tuyến
 Bố, mẹ giao ban cơ quan qua máy tính
 Cả nước đồng lòng đẩy lui cuộc chiến
 Hiện hình trên màn ảnh ti-vi...
 Phía ngoài bệnh viện trầm tư
 Nhưng bên trong là nhịp chân hối hả
 Vì mạng sống của hàng trăm người bệnh
 Thầy thuốc đâu quản gian nguy
 Vẫn biết lưỡi hái tử thần không ngoại trừ ai hết!

...

Ơi mỗi người con đất Việt
 Đã từng chiến thắng ngoại xâm
 Nay thấm thía trong tâm:
 Tự nguyện cách ly
 Vì trường tồn cuộc sống
 Lặng lẽ để hồi sinh
 Cho những ngày thắng dịch

(Trích *Lặng lẽ để hồi sinh*- Nguyễn Hồng Vinh, Hà Nội, 4/4/2020)

Câu 1 (0.5 điểm): Đoạn trích trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2 (0.5 điểm): Chỉ ra những việc làm thể hiện sự đồng lòng của cả nước để đẩy lùi dịch bệnh trong đoạn trích?

Câu 3 (1.0 điểm): Em hiểu như thế nào về dòng thơ “*Lặng lẽ để hồi sinh*”?

Câu 4 (1.0 điểm): Thông điệp ý nghĩa nhất em rút ra được qua đoạn trích trên là gì? Vì sao em chọn thông điệp đó?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ nội dung phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) theo cấu trúc tổng - phân - hợp, trình bày suy nghĩ của em về *ý nghĩa của tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái của nhân dân ta trong việc phòng chống đại dịch Covid 19*.

Câu 2 (5.0 điểm).

Cảm nhận của em về nhân vật anh thanh niên trong tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long. Từ đó, nhận xét về tình cảm của tác giả dành cho những người đang cống hiến, quên mình cho nhân dân, tổ quốc.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Đoạn trích trên được viết theo thể thơ	<i>0,5 điểm</i>
	2	Những hành động thể hiện cả nước đồng lòng chống dịch: -Tự nguyện khai báo, cách ly tập trung, tránh tụ tập đông người - Hành động hy sinh thầm lặng của các vị bác sĩ, những chiến sĩ, công an nơi tuyến đầu chống dịch....	<i>0,5 điểm</i>
	3	“Lặng lẽ để hồi sinh” : Những việc làm âm thầm lặng lẽ, tự nguyện dù nhỏ bé nhưng lại góp phần làm nên chiến thắng đại dịch.	<i>1,0 điểm</i>
	4	HS có thể lựa chọn bất kì thông điệp nào và lý giải. -Thông điệp: Chúng ta cần phát huy tinh thần đoàn kết, đồng sức đồng lòng chiến đấu chống đại dịch. -Giải thích: Đoàn kết tạo nên sức mạnh dân tộc, đó là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Ngay lúc này, tinh thần đoàn kết vô cùng cần thiết để chiến thắng đại dịch.	<i>1,0 điểm</i>
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.	<i>2,0 điểm</i>

	1/ Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận Tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái của nhân dân ta trong việc phòng chống đại dịch Covid 19 là một nét đẹp trong hành động và trong văn hóa ứng xử. 2/ Thân đoạn: Bước 1. Giải thích: - Đoàn kết là kết thành một khối thống nhất, cùng hoạt động vì một mục đích chung, không chia rẽ. - Tương thân tương ái: là tinh thần thương yêu lẫn nhau Bước 2. Phân tích, chứng minh - Cả hệ thống chính trị vào cuộc. - Tất cả người dân cùng chung tay chống giặc bằng những hành động cụ thể. Khẳng định đây là những hoạt động văn hóa ứng xử tốt đẹp của nhân dân ta - Đoàn kết tạo nên sức mạnh chung thống nhất - ĐK giúp đất nước vượt qua khó khăn, chung tay cùng với chính phủ đương đầu với “sóng thần” Covid 19. - Giúp những người bị cách ly hoặc mắc Covid 19 nhận được những ấm áp về tinh thần và vật chất. - Góp phần lan tỏa tình yêu thương trong xã hội, góp phần tạo nên một xã hội tốt đẹp hơn. => Đoàn kết và tương thân tương ái đều là những biểu hiện của tình yêu nước. Dẫn chứng: Ủng hộ những chai nước rửa tay khô, những chiếc khẩu trang y tế, những bữa ăn miễn phí, lương thực, thực phẩm.... cho vùng bị cách ly... Bước 3. Bàn luận, mở rộng - Nêu gương tốt về tinh thần đoàn kết. - Phê phán những biểu hiện sai trái, tin giả, trục lợi khi mua những thiết bị y tế. Bước 4. Rút ra bài học * Nhận thức: là một nét đẹp trong hành động và trong văn hóa ứng xử của người Việt * Hành động: Rèn cho mình đức tính đoàn kết, tương thân tương ái trong cuộc sống từ những việc nhỏ nhất. 3/ Kết đoạn: Khẳng định, khái quát vấn đề cần nghị luận Có thể viết thành đoạn văn như sau: Mở đoạn ➔ Tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái của	

	nhân dân ta trong việc phòng chống đại dịch Covid 19 là một nét đẹp trong hành động và trong văn hóa ứng xử. Thân đoạn → Vậy đoàn kết và tương thân tương ái là gì? Giải thích → Đoàn kết là kết thành một khối thống nhất, cùng hoạt động vì một mục đích chung, không chia rẽ còn tương thân tương ái là tình thân thương yêu lẫn nhau. Phân tích, chứng minh → Đây là những hoạt động văn hóa ứng xử tốt đẹp của nhân dân ta. Vai trò → Đoàn kết tạo nên sức mạnh chung thống nhất, giúp đất nước vượt qua khó khăn, giúp những người bị cách ly hoặc mắc Covid 19 nhận được những ấm áp về tinh thần và vật chất, góp phần lan tỏa tình yêu thương trong xã hội để tạo nên một xã hội tốt đẹp hơn. Dẫn chứng → Ta dễ dàng nhận thấy điều đó qua đại dịch Covid 19 khi cả hệ thống chính trị, người dân vào cuộc cùng chung tay chống giặc bằng những hành động cụ thể như ủng hộ những chai nước rửa tay khô, những chiếc khẩu trang y tế, lương thực, thực phẩm, những bữa ăn miễn phí cho vùng bị cách ly... Đoàn kết và tương thân tương ái đều là những biểu hiện của tình yêu nước. Bàn luận, mở rộng → Tuy nhiên trong xã hội hiện nay khi cả nước đang oằn mình chống dịch thì vẫn còn đâu đó những hạng người với những biểu hiện sai trái, tung tin giả, trục lợi cho cá nhân. Những hành động này cần lên án gay gắt. Bài học → Bản thân em là học sinh khi đang ngồi trên ghế nhà trường phải ra sức học tập và rèn luyện thật tốt bên cạnh đó cũng rèn cho mình đức tính đoàn kết, tương thân tương ái trong cuộc sống từ những việc nhỏ nhất, góp phần vào vườn hoa đẹp để cùng cả nước chống dịch. Kết đoạn → Tóm lại, với tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái trong thời gian tới, nhất định dịch Covid 19 sẽ được ngăn chặn và đẩy lùi. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể	5,0 điểm

	<i>hiện sự cảm nhận sâu sắc.</i> Có thể viết bài văn theo định hướng sau : 1/ Mở bài - Giới thiệu tác giả Nguyễn Thành Long và tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa - Khái quát về nhân vật anh thanh niên : đại diện tiêu biểu cho vẻ đẹp của những con người lao động với công việc thầm lặng. 2/ Thân bài Bước 1. Khái quát về công việc của anh thanh niên - Anh thanh niên làm kĩ sư khí tượng thủy văn trên đỉnh Yên Sơn cao 2.600m. - Nhiệm vụ của anh là đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày để phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. => Công việc đầy gian khổ, thách thức, đáng sợ hơn cả là phải đối diện với nỗi cô đơn "thèm người". Bước 2. 1/ Cảm nhận nhân vật anh thanh niên * Luận điểm 1: Anh thanh niên say mê và có trách nhiệm cao trong công việc - Anh làm việc một mình trên đỉnh núi cao, chấp nhận cuộc sống cô đơn, xa cách với cộng đồng. - Mỗi ngày đều phải báo cáo số liệu cụ thể vào 4 mốc thời gian là 4 giờ sáng, 11 giờ trưa, 7 giờ tối và 1 giờ sáng. - Anh làm việc trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt: + có mưa tuyết, trời tối đen, "gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới" + “gió thì giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung... Những lúc im lặng lạnh cánh mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ được". -> Nghệ thuật so sánh, liệt kê, nhân hóa được dùng hiệu quả, giúp người đọc cảm nhận thật rõ về sự khắc nghiệt của thời tiết Sa Pa. - Thái độ của anh với công việc: + Vui vẻ, hồ hởi chia sẻ về công việc của mình rất chi tiết, tỉ mỉ, đầy hào hứng. + Dù ở bất cứ hoàn cảnh nào vẫn luôn chăm chỉ, cần mẫn, đều đặn hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.	

	=> Anh thanh niên là một người yêu công việc, say mê lao động; có tinh thần trách nhiệm cao, có lí tưởng sống đẹp và tinh thần vượt khó, sẵn sàng chấp nhận thử thách. * Luận điểm 2: Anh thanh niên có lẽ sống, lý tưởng sống cao cả đáng trân trọng - Sống giữa những năm tháng chống Mĩ, anh luôn khát khao được cầm súng ra mặt trận, anh đã cùng bố viết đơn xin ra lính... - Ý thức được ý nghĩa thiêng liêng của công việc, anh sẵn sàng vượt bao thử thách, gian khổ, đặc biệt là nỗi cô đơn để hoàn thành nhiệm vụ. - Cũng vì ý thức trách nhiệm ấy mà anh không những không cảm thấy chán, không cảm thấy sợ mà còn đặc biệt yêu nghề, say mê với công việc của mình: "Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi..." * Luận điểm 3: Anh thanh niên có tâm hồn trẻ trung, yêu đời, yêu cuộc sống - Là thanh niên, lại sống nơi heo hút, vắng người, nhưng anh không sống buông thả mà đã biết tổ chức cho mình một cuộc sống khoa học, văn hóa: + Căn phòng, nhà cửa gọn gàng ngăn nắp; + Trồng hoa tô điểm cho cuộc sống của mình + Nuôi gà tăng gia sản xuất, phục vụ cho cuộc sống của chính mình + Thỉnh thoảng xuống núi tìm gặp lái xe cùng hành khách để trò chuyện cho vơi nỗi nhớ nhà. -> Anh thanh niên có tinh thần lạc quan, yêu đời, sống khoa học. => Anh thanh niên đã chiến thắng nỗi cô đơn và tạo cho mình một cuộc sống đẹp để đầy ý nghĩa với một niềm yêu đời, yêu cuộc sống say mê. * Luận điểm 4: Anh thanh niên cởi mở, chân thành, hiếu khách, chu đáo. - Niềm vui được đón tiếp khách dào dạt trong anh, bộc lộ qua từng cử chỉ, nét mặt, lời nói: + Biếu bác lái xe củ tam thất + Tặng bó hoa cho cô gái + Tặng giỏ trứng gà cho ông họa sĩ - Anh thanh niên đã bộc bạch nỗi lòng, sẻ chia tâm sự với các vị khách một cách rất cởi mở, không hề giấu giếm	

	=> Sự cởi mở, những lời tâm sự chân thành của anh thanh niên đã giúp xóa bỏ khoảng cách giữa họ, tạo mối tâm giao đầy thân tình, cảm động. * Luận điểm 5: Anh thanh niên là người rất khiêm tốn, giản dị, lễ phép. - Khi ông họa sĩ bày tỏ ý muốn phác họa chân dung mình, anh từ chối vì tự thấy mình không xứng đáng với niềm cảm mến và sự tôn vinh ấy - Anh giới thiệu cho ông họa sĩ về ông kĩ sư ở vườn rau, nhà khoa học nghiên cứu sét... -> Anh chỉ dám nhận phần nhỏ bé, bình thường so với bao nhiêu người khác. 2. Tình cảm của tác giả: - Qua nhân vật anh thanh niên, tác giả muốn gửi gắm tình cảm yêu mến, trân trọng và ngợi ca tới những người lao động chân chính, đang ngày ngày thầm lặng cống hiến cho đất nước - Tác giả cũng thể hiện niềm tự hào và tình yêu nước qua việc đặt cái tên chung chung “anh thanh niên” ngầm khẳng định rằng trên khắp đất nước này có rất nhiều người lao động đáng trân quý như thế. Bước 3. Đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật - Nhân vật được lí tưởng hóa từ nhiều điểm nhìn, nhiều góc nhìn - Nhân vật được đặt trong tình huống đặc sắc: + Là thanh niên trẻ trung, sôi nổi, yêu đời nhưng lại làm việc ở một nơi heo hút, hẻo lánh và cô đơn. + Cuộc gặp gỡ ngăn ngùi giữa anh với ông họa sĩ, cô kĩ sư trên đỉnh Yên Sơn đã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của anh. - Không gọi nhân vật bằng tên cụ thể mà bằng đặc điểm giới tính, nghề nghiệp - Khắc họa nhân vật qua những chi tiết nghệ thuật đặc sắc, giàu sức gợi. 3/ Kết bài - Khẳng định những phẩm chất tốt đẹp của anh thanh niên. - Liên hệ bản thân và rút ra bài học về sự cống hiến cho đất nước. d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng,	

		mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 03	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Thay vì giúp con có một ước mơ thực sự, nhiều ông bố bà mẹ thường đưa trẻ đến những trung tâm bồi dưỡng tài năng để tham gia hết khóa học này đến chương trình khác. Bởi, phụ huynh cho rằng những chương trình đó rất bổ ích và có giá trị với con.

(...) Ai trong chúng ta cũng có một ước mơ cho riêng mình, trẻ em cũng vậy. Song khác với người lớn, trẻ sẽ có nhiều ước mơ bay bổng do trí tưởng tượng phong phú. Khi đó nhiệm vụ của cha mẹ là nuôi dưỡng ước mơ của con một cách hợp lí, giúp chúng định hướng tương lai.

Trẻ em thường xuyên có ước mơ mới mỗi khi ngưỡng mộ ai đó. Khi được bác sĩ chữa khỏi bệnh, trẻ mong ước lớn lên sẽ làm bác sĩ, khi xem tivi và chứng kiến những diễn viên xinh đẹp hoặc xem những bộ phim siêu nhân thì ước mơ của trẻ lại khác. Chắc hẳn, đây là câu chuyện xảy ra trong nhiều gia đình. Thường, trẻ nhỏ với suy nghĩ ngây thơ, có thể con sẽ thốt ra những câu nói khiến cha mẹ hoang mang. Khi đó không ít phụ huynh áp đặt suy nghĩ và mong muốn của mình lên con. Họ ép con thích những điều cha mẹ muốn. Song, đó không phải là niềm yêu thích của trẻ. Theo các chuyên gia, đó là một trong những suy nghĩ sai lầm mà cha mẹ nên bỏ trong quá trình định hình ước mơ cho con trẻ. Theo chuyên gia Trần Quốc Phúc, cha mẹ hãy cho con một ước mơ và đừng bao giờ "tiêu diệt" giấc mơ đó. "Cha mẹ hãy hỏi con thích gì và tin con sẽ làm được điều đó. Cha mẹ hãy dẫn con tới nơi có những người thành công, để con tiếp cận, nhìn những căn nhà đẹp, những chiếc xe đẹp. Đồng thời để con chứng kiến cuộc sống của những trẻ em nghèo", chuyên gia cho biết.

Theo: Vân Huyền, *Khơi gợi điều trẻ muốn hướng tới*, Báo Giáo dục và Thời đại, số 99, Thứ hai, 26/04/2021, tr.13)

Câu 1 (0,5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2 (0,5 điểm): Chỉ ra và gọi tên thành phần biệt lập trong câu văn sau: Chắc hẳn, đây là câu chuyện xảy ra trong nhiều gia đình.

Câu 3 (1,0 điểm): Nêu nội dung chính của văn bản trên.

Câu 4 (1,0 điểm): Em có đồng tình với việc cha mẹ ép con thích những điều cha mẹ muốn không? Vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ việc đọc hiểu văn bản ở phần I, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về **ý nghĩa của ước mơ đối với mỗi con người trong cuộc sống**.

Câu 2 (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng,
Ra đậu dặm xa dò bụng biển,
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.*

*Cá nhụ cá chim cùng cá đé,
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,
Cái đuôi em quẫy trắng vàng chóc.
Đêm thở : sao lùa nước Hạ Long.*

*Ta hát bài ca gọi cá vào,
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.
Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.*

(Trích Đoàn thuyền đánh cá - Huy Cận, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019, tr. 140)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận	<i>0,5 điểm</i>
	2	Thành phần biệt lập trong câu là: Chắc chắn – thành phần tình thái	<i>0, 5 điểm</i>
	3	Học sinh có thể giải thích theo ý hiểu của mình, có lý giải Gợi ý: Đoạn trích đang nói tới thực hướng dạy con của các bậc phụ huynh hiện nay. Đồng thời nói lên tiếng nói con trẻ với mong muốn được thực sự phát triển, hướng tới đam mê của mình.	<i>1,0 điểm</i>
	4	Học sinh trình bày quan điểm của mình, có lý giải. Gợi ý: Không đồng tình: Vì việc ép những đứa trẻ đi theo	<i>1,0 điểm</i>

		con đường mà cha mẹ chúng muốn sẽ khiến những đứa trẻ trở thành những người máy, luôn làm theo những gì được sắp đặt từ trước. Không phát huy được hết khả năng của mình....	
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1.Mở đoạn: C1: Con người chúng ta từ khi sinh ra cho tới lúc trưởng thành, ai cũng có một ước mơ, hoài bão của riêng mình. C2: Dân gian ta thường nói “<i>Sống là phải có ước mơ</i>”... 2.Thân đoạn: a. Giải thích Ước mơ chính là những dự định, khát khao mà mỗi chúng ta mong muốn đạt được trong thời gian ngắn hoặc dài. Ước mơ chính là động lực để mỗi chúng ta vạch ra phương hướng đường đi để dẫn tới ước mơ. b. Bàn luận chứng minh - Vai trò và ý nghĩa của ước mơ trong cuộc sống: + Ước mơ chính là ngọn đuốc soi sáng trong tim mỗi chúng ta nó hướng chúng ta tới những điều tốt đẹp. + Ước mơ cũng chính là mong muốn được cống hiến sức lực của mình cho xã hội và khi chúng ta đạt được ước mơ cũng là lúc chúng ta được thừa nhận năng lực của mình. Phân tích được con người đi tới ước mơ có dễ dàng không? + Con đường dẫn tới ước mơ cũng vô cùng khó khăn, không phải lúc nào cũng dễ dàng đạt được, nhưng với những người kiên trì, bền chí, thì ước mơ sẽ giúp cho bạn định hướng cho tương lai của mình một cách tốt đẹp nhất. Dẫn chứng cụ thể. - Nó là vì sao sáng soi những lối ta đi, khi đi qua những khó khăn nhìn thấy ước mơ của mình lấp lánh ở phía xa xa, bạn sẽ nỗ lực bước tiếp. - Những ước mơ sẽ đưa con người đi tới những tương lai, không quản ngại những chông gai, nghiệt ngã, những khó khăn trên con đường đi của mình.	2,0 điểm

	- Cuộc sống mà không có ước mơ thì sẽ như thế nào? + Ước mơ là điều mà ai cũng nên có và cần có trong cuộc sống bởi nếu không có ước mơ cuộc sống của bạn sẽ mất phương hướng vô định. Dẫn chứng cụ thể. + Không có ước mơ bạn sẽ không xác định được mục tiêu sống của mình là gì. Chính vì không xác định được phương hướng sẽ dẫn tới bạn sẽ sống hoài sống phí, và trở thành người tụt hậu bị bạn bè, xã hội bỏ lại phía sau. c. Bàn luận mở rộng: Phê phán những người không có khát vọng, ước mơ,.. d. Bài học nhận thức và hành động: Là một học sinh ngồi trên ghế nhà trường chúng ta cần phải có ước mơ mục đích sống cho riêng mình. 3. Kết đoạn: - Để đạt được ước mơ chúng ta cần ra sức rèn luyện học tập, tu dưỡng đạo đức để chuẩn bị những tư trang cần thiết cho con đường đi tới ước mơ của mình. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I/Mở bài Huy Cận là một trong những nhà thơ lớn của nền văn học Việt Nam, đặc biệt là trong phong trào Thơ mới. Thơ của ông luôn có một phong cách rất riêng với những nhà thơ khác. Tiêu biểu cho các tác phẩm của ông trong thời kì mới là bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” ra đời 1958. Bài thơ là lời ca ngợi thiên nhiên và con người lao động Việt Nam thời kì đất nước xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để lại nhiều ấn tượng nhất trong lòng người đọc là vẻ đẹp và mối giao hòa giữa con người và thiên nhiên trên cái nền lộng lẫy, tráng lệ của vũ trụ biển cả qua ba khổ thơ sau:	5,0 điểm

“...Thuyền ta lái gió với buồm trắng
Lướt giữa mây cao với biển bằng
Ra đậu dặm xa dò bụng biển,
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.
Cá nhụ cá chim cùng cá đé
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng.
Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé
Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.
Ta hát bài ca gọi cá vào,
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.
Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.”

II/ Thân bài

1. Khái quát chung

Bài thơ được sáng tác trong chuyến đi công tác của Huy Cận tại vùng mỏ Hòn Gai, Quảng Ninh năm 1958 và được bắt nguồn từ cảm hứng ngợi ca công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của miền Bắc tự do độc lập. Với ý nghĩa đó, bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" là khúc tráng ca, ca ngợi con người lao động với tinh thần làm chủ và niềm vui, niềm tin trước cuộc sống mới trong những năm đầu xây dựng đất nước. **Ba khổ thơ trên** nằm giữa bài thơ, đã làm nổi bật với **vẻ đẹp tráng lệ của biển khơi và vẻ đẹp khỏe khoắn, mạnh mẽ của đoàn thuyền, của con người trong lao động**. Tất cả được viết lên bằng trí tưởng tượng mãnh liệt, bằng niềm hứng khởi bay bổng và bút pháp tạo hình đầy sáng tạo.

2. Phân tích, cảm nhận

Luận điểm 1: Người dân ra khơi với tư thế tầm vóc lớn lao (khổ 3)

Mở đầu đoạn thơ là hình ảnh đoàn thuyền lướt nhanh giữa trời cao biển rộng có cái lân lân, sáng khoái lạ thường:

“Thuyền ta lái gió với buồm trắng

	<i>Lướt giữa mây cao với biển bằng. Ra đậu dặm xa dò bụng biển Dàn đan thế trận lưới vây giăng”.</i> Nghệ thuật phóng đại “<i>Lướt giữa mây cao với biển bằng</i>” - con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé giờ đây qua cái nhìn của tác giả đã sánh ngang tầm vũ trụ. Con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé trước biển trời bao la, đã trở thành con thuyền kì vĩ, lớn lao mang tầm vóc vũ trụ. Thuyền có gió làm lái, có trăng làm buồm, lướt giữa mây cao và biển bằng, giữa mây trời và sóng nước với tất cả sức mạnh chinh phục biển cả, chinh phục thiên nhiên. Hình ảnh này thể hiện rất rõ sự thay đổi trong cảm hứng nghệ thuật của Huy Cận trước và sau cách mạng . Chủ nhân con thuyền – những người lao động cũng trở nên lồng lộng giữa biển trời trong tư thế, tầm vóc làm chủ cuộc đời. Nghệ thuật ẩn dụ “<i>lái gió buồm trăng</i>” nghĩa là thiên nhiên hòa hợp, cùng con người lao động. Nếu như ở đoạn đầu, thiên nhiên đã chìm vào trạng thái nghỉ ngơi, thư giãn “<i>mặt trời xuống biển</i>”, “<i>sóng đã cài then</i>”, “<i>đêm sập cửa</i>” thì ở đây, con người đã đánh thức thiên nhiên, khiến thiên nhiên dường như bừng tỉnh, như cùng hòa vào niềm vui trong lao động. Có thể nói, lòng tin yêu thiên nhiên, con người và cảm hứng lãng mạn bay bổng đã giúp nhà thơ xây dựng được một hình ảnh thơ tuyệt đẹp, vừa hoành tráng, lại vừa thơ mộng. Đã qua rồi thời con người còn nhỏ bé, đơn độc trước sức mạnh bí ẩn của biển cả. Mang trong mình khí thế của người làm chủ, biển thu hẹp lại để con người ra tận khơi xa dò bụng biển, tìm luồng cá, dàn đan thế trận, bủa lưới vây giăng để con người tìm tòi, khám phá. Họ đang hoàng ra những nơi xa để bắt thiên nhiên phục vụ. Họ những dân chài mang theo cả sức trẻ, sức khỏe, mang theo cả sự tìm tòi, khám phá để tung phá thế giới bí hiểm của thiên nhiên. Nghệ thuật ẩn dụ “<i>Dàn đan thế trận</i>” được tác giả khai thác rất thành công. Việc đánh bắt ấy như một trận chiến mà mỗi người lao động như một chiến sĩ. Qua phân tích ta thấy sự kết hợp giữa hiện thực (đoàn thuyền) với chất lãng mạn (thuyền lái gió, trăng treo trên cánh buồm) tạo nên những vần thơ đẹp và sâu sắc. * Luận điểm 2: Cảnh biển đẹp trong đêm (khổ 4)	

	Bức tranh lao động được điểm tô bằng vẻ đẹp của thiên nhiên. Cái nhìn của nhà thơ đối với biển và cá cũng có những sáng tạo bất ngờ, độc đáo: <i>“Cá nhụ cá chim cùng cá đé Cá song lấp lánh đuốc đen hồng. Cái đuôi em quẫy trắng vàng chóc”</i> Thủ pháp liệt kê kết hợp với sự phối sắc tài tình qua việc sử dụng các tính từ chỉ màu sắc “<i>đen hồng</i>”, “<i>vàng chóc</i>”... đã tạo nên một bức tranh sơn mài nhiều màu sắc, ánh sáng, lung linh huyền ảo như trong câu chuyện cổ tích nói về xứ sở thần tiên. Nhà thơ đã liệt kê những loài cá quý của biển: cá nhụ, cá chim, cá đé, mỗi loài cá là một kiểu dáng, một màu sắc làm nên sự giàu đẹp của biển cả quê hương. Nhân hóa “<i>Cái đuôi e quẫy</i>” như có một hội rước đuốc trong lòng biển đêm sâu thẳm. Mỗi khi: “<i>Cái đuôi em quẫy</i>”, trắng như vàng hơn, rực rỡ hơn, biển cả như sống động hẳn lên. Nhà thơ gọi cá bằng một cách gọi rất dịu dàng-“em” ẩn chứa sự yêu mến với cá và biển cả quê hương. Người xưa thường nói: “<i>Thi trung hữu họa</i>” – nghĩa là trong thơ có hình có ảnh. Quả đúng như thế, mỗi loài cá ở đây là bức kí họa thần tình. Chúng đâu chỉ là sản phẩm vô tri được đánh bắt bởi bàn tay con người. Với họ - những người ngư dân này – cá là bạn, là “em”, là niềm cảm hứng cho con người trong lao động, và cũng chính là đối tượng thẩm mĩ cho thi ca. Cảnh đẹp không chỉ ở màu sắc, ánh sáng, mà còn ở âm thanh. Nhìn bầy cá bơi lội, nhà thơ lắng nghe tiếng sóng vỗ rì rầm: <i>"Đêm thở : sao lùa nước Hạ long"</i> Hình ảnh nhân hoá thật độc đáo. Đêm vẫn thư giãn và thủy triều lên xuống tạo ra hơi thở của đêm. Những đốm sao bạt ngàn in trên mặt nước, trôi dạt trên đầu những ngọn sóng triều đập vào bãi cát được ví như: “<i>lùa nước Hạ Long</i>”. Sao với nước cũng xuất hiện và tồn tại trong nhịp thở của đêm. Nối những miền không gian lại với nhau, thiên nhiên như bức tranh sơn mài tráng lệ và kỳ ảo. * Luận điểm 3: Tinh thần lao động hăng say và lòng biết ơn biển (khổ 5)	

Tiếng hát theo những người dân chài trong suốt cả cuộc hành trình và giờ đây tiếng hát cất lên là để gọi cá vào lưới:

*Ta hát hài ca gọi cá vào
Gỗ thuyền đã có nhịp trăng cao*

Bài hát căng buồm đưa đoàn thuyền ra khơi, bài hát lại vang lên trong công việc, biển lao động cực nhọc thành niềm vui phơi phới, niềm vui lao động, niềm vui được hòa nhập gắn bó thân thiết với thiên nhiên. Lời ca gọi cá vào lưới nâng cao thêm chất thơ mộng của bức tranh. Người dân chài gỗ thuyền xua cá vào lưới, nhưng đây không phải là con người mà là ánh trăng: trăng in xuống dòng nước, sóng vỗ như gõ nhịp vào mạn thuyền xua cá. Hiện thực được trí tưởng tượng sáng tạo thành hình ảnh lãng mạn, giàu chất thơ. Cái nhìn của nhà thơ đối với biển cả và con người là cái nhìn tươi tắn, lạc quan, ông như hòa nhập vào công việc, vào con người, vào biển cả.

Từ đó, cảm xúc dâng trào, không thể không cất lên tiếng hát, bài ca về lòng biết ơn mẹ biển giàu có và nhân hậu:

*“Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào”*

Biển ở đây được Huy Cận ví như một người mẹ. Một người mẹ luôn bao dung, che chở cho những đứa con của mình, một người mẹ sẽ luôn dành cho những đứa con những gì tốt đẹp nhất, và luôn luôn là vậy, như câu thơ *"nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra"*, chẳng bao giờ với cạn. Thật vậy, *"biển cho ta cá"*, luôn hào phóng với chúng ta, không bao giờ giữ lại gì cho riêng mình. Đây là một hình ảnh so sánh thật tài tình, mang đầy lòng biết ơn, kính trọng của Huy Cận với mẹ biển cả, với sự hào phóng của thiên nhiên. Biển đã cho ta, nuôi ta lớn khôn từ những ngày ta còn thơ bé, nuôi lớn chúng ta qua bao thế hệ con người. Phải, chúng ta thực lòng phải cảm tạ biển cả mệnh mông đã cho ta của cải, nuôi lớn ta, giúp ta làm giàu cho quê hương đất nước. Lời thơ vang lên như lời tâm tình, như lời thủ thi của con người dành cho mẹ biển bao la. Đó là lời cảm ơn, lời biết ơn sâu sắc gửi tới biển,

	bởi biển hào phóng quá, yêu thương trù mẫn quá! Qua phân tích ta thấy con người luôn có khát vọng chiến thắng, làm chủ thiên nhiên nhưng cũng vô cùng biết ơn thiên nhiên. 3.Đánh giá, mở rộng Đánh giá=> Ba khổ thơ là hình ảnh của thiên nhiên và con người trong công cuộc đánh bắt cá. Nó vừa đẹp lãng mạn lại vừa mang một màu sắc hiện thực thật rõ ràng. Có thể nói, Huy Cận đã vẽ lên một bức tranh thiên nhiên và những người dân chài thật đầy màu sắc. Cùng với đó, nghệ thuật mà Huy Cận sử dụng trong đoạn thơ trên vô cùng nhuần nhuyễn như so sánh, liệt kê, nhân hóa cũng góp phần tạo nên đặc sắc cũng như thành công cho đoạn thơ. Mở rộng=> Từ hình ảnh con thuyền và người dân chài trong bài “<i>Đoàn thuyền đánh cá</i>” khiến em liên tưởng đến hình ảnh con thuyền và người dân chài trong bài “<i>Quê hương</i>” của Tế Hanh: <i>“Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang”</i> III/ Kết bài Đánh giá thành công của tác phẩm=> Tóm lại, chỉ bằng ba khổ thơ ngắn ngủi, nhưng vẫn hiện lên thật rõ bút pháp tài hoa của nhà thơ Huy Cận. Nó đã thể hiện niềm cảm xúc dào dạt của ông trước cuộc sống mới của những người dân sau bao năm tháng chiến tranh. Ông thật xứng đáng là một trong những nhà thơ hiện đại tài năng bậc nhất nền thi ca Việt Nam.Dư âm của tác phẩm với bạn đọc=>Đọc đoạn thơ, bài thơ ta càng yêu hơn, trân trọng hơn vẻ đẹp của cảm hứng say sưa, niềm vui phơi phới trước cuộc đời và tình yêu thiên nhiên, con người thiết tha của nhà thơ Huy Cận. d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 04

ĐỀ THI THỬ VÀO 10

Môn NGỮ VĂN

Thời gian: 120 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang gây ra tác động tới mọi khía cạnh của cuộc sống, của tất cả mọi sinh vật trên Trái Đất này. Những sinh vật có sức chống trả càng yếu, sẽ càng sớm trở thành nạn nhân, và chịu ảnh hưởng càng nặng nề. Rồi loài người sẽ là những nạn nhân tiếp theo nếu chúng ta không cùng nhau tạo ra thay đổi. Thế hệ tương lai sẽ trả giá, hay biết ơn là hệ quả của chính những gì chúng ta làm ngày hôm nay. Tôi tin rằng, nếu đã đọc đến đây, bạn sẽ trở thành đồng đội của tôi, của tác giả, của những người đang cố gắng để làm cho Trái Đất này trở thành một nơi tốt đẹp hơn.

(Theo Hoàng Thảo – Lời giới thiệu, Sống xanh không khó - Nam Kha, NXB Dân trí, 2020)

Câu 1. (0,5 điểm). Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. (0,5 điểm). Theo đoạn trích, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang gây ra tác động tới những đối tượng nào?

Câu 3. (1,0 điểm). Nêu nội dung chính của đoạn trích.

Câu 4. (1,0 điểm). Em có đồng tình với ý kiến: Thế hệ tương lai sẽ trả giá, hay biết ơn là hệ quả của chính những gì chúng ta làm ngày hôm nay không? Vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 15 – 20 dòng) chia sẻ về **những việc em có thể làm để Trái Đất này trở nên tốt đẹp hơn.**

Câu 2 (5,0 điểm). Phân tích hình tượng người lính trong đoạn thơ sau:

*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh,
Sốt run người, vừng trán ướt mồ hôi.
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay!
Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.*

(Trích *Đồng chí* - Chính Hữu, SGK Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục, 2020)
ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: Nghị luận	0,5 điểm
	2	Theo đoạn trích, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang gây ra tác động tới tất cả mọi sinh vật trên Trái Đất này.	0,5 điểm
	3	Nội dung chính của đoạn trích: Gợi ý - Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang tác động nghiêm trọng tới cuộc sống chúng ta - Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường và con người phải hành động	1,0 điểm
	4	Học sinh có thể trình bày theo quan điểm cá nhân, diễn giải hợp lý. Gợi ý: Đồng tình Lý giải: Những việc làm của chúng ta ngày hôm nay sẽ gây tác động đến môi trường mà thế hệ sau chính là đối tượng trực tiếp chịu ảnh hưởng từ hệ quả đó. Vì vậy nếu hôm nay chúng ta cùng nhau thay đổi để có môi trường xanh thì tương lai thế hệ sau của chúng ta sẽ được sống trong một cuộc sống trong lành, Trái đất trở thành một nơi tốt đẹp hơn và ngược lại.	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1.Mở đoạn: Bảo vệ Trái đất chính là vấn đề cấp thiết hiện nay. 2. Thân đoạn: Bàn luận vấn đề: - Nếu thực trạng ô nhiễm môi trường hiện nay: + Trái đất ngày càng nóng lên + Không khí chứa nhiều thành phần gây hại hơn + Nồng độ chì đã và đang tăng lên + Ô nhiễm từ các loại xe cộ... - Những việc cần làm để trái đất trở nên tốt đẹp hơn: + Cần có ý thức bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường + Có lối sống bền vững	2,0 điểm

	+ Tiết kiệm nguồn điện, nguồn nước + Ít sử dụng hóa chất + Ngăn chặn chặt phá và khai thác rừng,... + Bảo vệ các loài động vật quý hiếm... + Cần có sự quản lý chặt chẽ của người nhà nước trong việc xử lý những doanh nghiệp, cá nhân vi phạm. + Tăng cường tuyên truyền để cho nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường, hiểu rõ tác hại của ô nhiễm môi trường đối với hệ sinh thái, sức khỏe con người... + Tái chế rác thải, tái sử dụng giấy + Giảm thiểu chất thải và tác động của môi trường - Bài học nhận thức và hành động + Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường. + Hiểu rằng bảo vệ môi trường chính là bảo vệ cuộc sống của mình, của tất cả những người quanh mình, của toàn xã hội. * Bài học cho bản thân: 3.Kết đoạn: - Khái quát lại vấn đề vừa bàn luận. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : 1. Mở bài: - Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ Đồng chí và tác giả Chính Hữu - Dẫn dắt vào đoạn trích: Bài thơ Đồng chí được nhà thơ Chính Hữu xây dựng hình tượng người lính hiện lên thật chân thực, giản dị với tình đồng chí cao đẹp. Đặc biệt là qua đoạn trích: "..." 2. Thân bài * Về đẹp đời sống tâm hồn, tình cảm của những người	5,0 điểm

	lính - Là sự thấu hiểu những tâm tư, nỗi lòng của nhau, cùng chia sẻ những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời người lính, đùm bọc nhau trong những giây phút ốm đau, bệnh tật: <i>Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi</i> - Là sự đoàn kết, thương yêu, kề vai sát cánh bên nhau cùng nhau chiến đấu chống lại quân thù tạo nên bức tượng đài bất diệt về hình ảnh người lính trong kháng chiến chống Pháp. - Tình cảm gắn bó thâm lặng mà cảm động của người lính: “<i>Thương nhau tay nắm lấy bàn tay</i>”. <i>"Áo anh rách vai Quần tôi có vài mảnh vá Miệng cười buốt giá Chân không giày Thương nhau tay nắm lấy bàn tay!"</i> - Tuy có những khó khăn, thiếu thốn nhưng dưới ngòi bút của nhà thơ Chính Hữu hình ảnh người lính hiện lên đôi khi mang đầy vẻ đẹp lãng mạn. Những điều này đã được tác giả miêu tả bằng những hình ảnh gợi nhiều liên tưởng phong phú và sinh động: <i>"Đêm nay rừng hoang sương muối Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới Đầu súng trăng treo."</i> 3. Kết bài - Khẳng định vẻ đẹp của hình tượng người lính trong kháng chiến chống Pháp. d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 05	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I.PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

"(...) chúng ta hãy biết trân quý vẻ đẹp tâm hồn, bởi đó là yếu tố tiên quyết làm nên giá trị chân chính của một con người. Con người là tổng hòa của vẻ đẹp hình thức bên ngoài lẫn tâm hồn bên trong (...). Với tôi, vẻ đẹp đáng được nâng niu, trân trọng được ngưỡng mộ hơn hết vẫn là nét đẹp toát lên từ tâm hồn mỗi người.

Vẻ đẹp tâm hồn là vẻ đẹp tổng hòa của cảm xúc, nhận thức, lý trí và khát vọng của lòng nhân ái, bao dung, thấu hiểu và sẻ chia, của sự chân thành, hiểu biết, thái độ, cách suy nghĩ và sự lắng nghe trong cuộc sống. Một tâm hồn đẹp giúp ta biết yêu thương, biết sống đẹp, sống có ích. Vẻ đẹp tâm hồn như người ta vẫn nói, tuy nó không có hình hài nhưng thực sự sâu xa và bền vững. Bởi vậy, đó là cái đẹp đáng được quý trọng nhất.

(...) Giống như lớp vỏ bên ngoài, như bình hoa hay một cô búp bê, khi ngắm mãi, (...) ta cũng sẽ thấy chán. Vẻ đẹp hình thức của một con người cũng vậy. Dẫu đẹp, dẫu ấn tượng đến mấy rồi cũng sẽ dễ dàng bị xóa nhòa nếu người đó chỉ là một con người nhạt nhẽo, vô duyên, hay ích kỷ, xấu xa... Nhưng vẻ đẹp tâm hồn thì khác. Nó luôn tạo nên được sức thu hút vô hình và mạnh mẽ nhất, là giá trị thực sự lâu bền của bản thân mỗi người. Một người có tâm hồn đẹp thì vẻ đẹp tâm hồn sẽ càng tôn vinh, bồi đắp cho vẻ đẹp hình thức của người ấy. Và muốn có được vẻ đẹp tâm hồn, mỗi người cần phải trải qua quá trình rèn luyện, tu dưỡng, học hỏi một cách thường xuyên (...)"

(Nguyễn Đình Thi, Trích "Vẻ đẹp tâm hồn",

Nguồn: <http://baolaocai.vn/baivietcu/20180518090329594-ve-dep-tam-hon>)

Câu 1 (0,5 điểm): Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì?

Câu 2 (0,5 điểm):

Chỉ ra từ ngữ thể hiện phép nối giữa hai câu văn sau: "Vẻ đẹp tâm hồn như người ta vẫn nói, tuy nó không có hình hài nhưng thực sự sâu xa và bền vững. Bởi vậy, đó là cái đẹp đáng được quý trọng nhất".

Câu 3 (1,0 điểm):

Em hiểu như thế nào về nội dung của câu văn: "Một tâm hồn đẹp giúp ta biết yêu thương, biết sống đẹp, sống có ích"?

Câu 4 (1,0 điểm):

Một người có tâm hồn đẹp thì vẻ đẹp tâm hồn sẽ càng tôn vinh, bồi đắp cho vẻ đẹp hình thức của người ấy". Em có đồng tình với quan điểm này của tác giả không? Vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Viết đoạn văn khoảng 200 chữ bàn về **cách thức để con người rèn luyện, tu dưỡng vẻ đẹp tâm hồn.**

Câu 2 (5,0 điểm):

Cảm nhận của em về tình cảm của ông Sáu dành cho bé Thu trong đoạn trích Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng. Từ đó thấy được “*Tấm lòng của người cha là một tuyệt tác của tạo hóa*” (Abbe’ Pre’vost).

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0,5 điểm
	2	Những từ ngữ thể hiện phép nối: Tuy...nhưng, bởi vậy.	0, 5 điểm
	3	Học sinh có thể giải thích theo ý hiểu của mình, có lý giải Gợi ý: “Một tâm hồn đẹp giúp ta biết yêu thương, biết sống đẹp, sống có ích” là nhận định chính xác bởi khi có một tâm hồn đẹp con người không chỉ biết yêu thương mà còn biết sẻ chia có thái độ và cách suy nghĩ thấu đáo,.. nhờ vậy lối sống trở thành sống đẹp, cuộc sống trở nên có ý nghĩa hơn.	1,0 điểm
	4	Học sinh trình bày quan điểm của mình, có lý giải. Gợi ý: Đồng tình Lý giải: Vẻ đẹp tâm hồn tạo nên sức hút vô cùng mạnh mẽ và bền vững. Nó chính là một trong yếu tố quan trọng làm nên vẻ đẹp hình thức hoàn thiện nhất.	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: tầm quan trọng của việc nuôi dưỡng vẻ đẹp tâm hồn. 2. Thân đoạn: a. Giải thích vẻ đẹp tâm hồn: là vẻ đẹp bên trong mỗi con người, là nhân cách, phẩm chất tốt đẹp, những đức tính quý báu mà mỗi chúng ta cần rèn luyện, trau dồi để hoàn thiện bản thân mình. =>Khẳng định: con người rèn luyện, tu dưỡng vẻ đẹp tâm hồn. b. Phân tích - Mỗi con người có một khả năng riêng, thể mạnh riêng, chúng ta cần phải nhận ra giá trị của bản thân mình và tự tin vào bản thân mình, đó sẽ là động lực quan trọng góp	2,0 điểm

	phần giúp ta cố gắng thực hiện những mục tiêu trong cuộc sống và đạt được những điều chúng ta mong muốn. - Con người sống và đối xử với nhau bằng tính cách, bằng suy nghĩ và hành động, không phải bằng vẻ bề ngoài, vì vậy, để trở thành người tốt được mọi người yêu quý, trọng dụng, chúng ta cần phải rèn luyện cho bản thân mình vẻ đẹp tâm hồn và những đức tính tốt đẹp. - Người có đạo đức, nhân phẩm tốt sẽ được mọi người yêu quý, tôn trọng, sẽ có được nhiều cơ hội quý báu hơn trong cuộc sống. Chứng minh Học sinh tự lấy dẫn chứng về những con người nuôi dưỡng vẻ đẹp tâm hồn thành công và trở thành người có ích cho xã hội để minh họa cho bài làm văn của mình. Lưu ý: Dẫn chứng phải tiêu biểu, xác thực và được nhiều người biết đến. c. Bàn luận mở rộng Trong cuộc sống vẫn còn có nhiều người quá tự cao tự đại, ảo tưởng về sức mạnh của bản thân mà không chịu trau dồi, tiến bộ. Lại có những người đề cao vẻ đẹp về ngoại hình, hình thức hơn vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách,... những người này đáng bị xã hội thẳng thắn phê phán và chỉ trích. d. Bài học và liên hệ bản thân. 3. Kết đoạn Khái quát lại vấn đề nghị luận: tầm quan trọng của việc nuôi dưỡng vẻ đẹp tâm hồn. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I. Mở bài: - Giới thiệu vài nét về tác giả Nguyễn Quang Sáng và tác phẩm “Chiếc lược ngà”.	5,0 điểm

	- Giới thiệu cảm nghĩ khái quát về nhân vật ông Sáu. - Giới thiệu về vấn đề nghị luận: Tình yêu của ông Sáu dành cho bé Thu, được thể hiện trong đoạn văn kể chuyện khi ông trở về khu căn cứ và làm cho con cây lược ngà. II. Thân bài: 1. Khái quát Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến, mãi đến khi con gái ông lên tám tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Bé Thu không chịu nhận cha vì vết sẹo trên mặt làm ba em không giống với người chụp chung với má trong bức ảnh mà em đã biết. Thu đối xử với ba như người xa lạ, đến lúc hiểu ra, tình cảm cha con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải lên đường. Ở khu căn cứ, bao nỗi nhớ thương con, ông dồn vào việc làm cho con cây lược. Ông hi sinh trong một trận càn của Mỹ nguỵ. Trước lúc nhắm mắt, ông còn kịp trao cây lược cho một người bạn. Tình đồng đội, tình cha con của ông Sáu được miêu tả thật cảm động, làm sáng ngời vẻ đẹp của người lính Cách mạng, của người cha yêu con. 2. Tình cảm của ông Sáu dành cho con khi ông ở căn cứ kháng chiến. - Kiếm được ngà voi, mặt ông “hớn hờ như một đĩa tré được quà”. Những lúc rỗi, ông “ngồi cửa từng chiếc răng lược, thận trọng tỉ mỉ và khổ công như người thợ bạc”. Trên sống lưng cây lược, ông đã tỉn tẩn khắc một dòng chữ nhỏ: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Dòng chữ nhỏ mà chứa bao tình cảm lớn lao. Việc làm chiếc lược vừa là cách ông giải tỏa tâm trạng mong nhớ, ân hận vừa là cách gửi vào đó những yêu thương khao khát cháy bỏng dành cho đứa con gái yêu của mình. Chiếc lược ngà giờ đây đã trở thành một vật quý giá thiêng liêng với ông Sáu. Nó làm dịu đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu mến, nhớ thương, mong đợi của người cha đối với đứa con xa cách. Cây lược ấy chưa chải được mái tóc của con nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của ông. Những lúc nhớ con, ông “lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng thêm mượt”. Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ trở thành một nghệ nhân - nghệ nhân chỉ sáng tạo ra một tác phẩm duy nhất trong đời. Ông gửi vào đó bao lời nhắn nhủ	

	thiên lương, gửi vào đó bao nỗi nhớ mong con. Chiếc lược ngà là kết tinh tình phụ tử mộc mạc mà đầm thắm, đơn sơ mà diệu kì, là hiện hữu của tình cha con bất hủ giữa ông Sáu và bé Thu. Tình thương ông dành cho con cháy bỏng, như một dòng sông chảy mãi từ suối nguồn, như dòng máu chảy sâu vào tim ông, vào tâm hồn ông đến phút cuối vẫn bùng cháy chẳng nguôi. - Một tình cảnh đau thương lại đến với cha con ông Sáu: trong một trận càn lớn của quân Mỹ ngụy, ông Sáu bị một viên đạn bắn vào ngực và ông đã hi sinh. “Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được”, tất cả tàn lực cuối cùng chỉ còn cho ông làm một việc “đưa tay vào túi, móc cây lược” đưa cho người bạn chiến đấu. Đó là điều trăng trối không lời nhưng nó thiên lương hơn cả những lời di chúc. Nó là sự ủy thác, là ước nguyện cuối cùng, ước nguyện của tình phụ tử. Chiếc lược ngà như là biểu tượng của tình thương yêu, săn sóc của người cha dành cho con gái, cho dù đến khi không còn nữa anh chưa một lần được chải tóc cho con. Người kể chuyện, đồng đội của ông Sáu đã bộc lộ một sự đồng cảm và xúc động thực sự khi kể lại câu chuyện. - Những dòng cuối cùng của đoạn trích khép lại trong nỗi buồn mênh mang mà chứa chan ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Chiến tranh là hiện thực đau xót của nhân loại. Chiến tranh đã làm cho con người phải xa nhau, chiến tranh làm khuôn mặt ông Sáu biến dạng, chiến tranh khiến cuộc gặp gỡ của hai cha con vô cùng éo le, bị thử thách, rồi một lần nữa chiến tranh lại khắc nghiệt để ông Sáu chưa kịp trao chiếc lược ngà đến tận tay cho con mà đã phải hi sinh trên chiến trường. Nhưng những đau thương mất mát mà chiến tranh tàn bạo gây ra không thể nào giết chết những tình cảm đẹp đẽ của con người Việt Nam. “Chiếc lược ngà” như một truyện cổ tích hiện đại dẫn người đọc dõi theo số phận của nhân vật. Người còn, người mất nhưng kỉ vật gạch nối giữa cái mất mát và sự tồn tại là chiếc lược ngà nói với chúng ta nhiều điều về tình người, tình đồng chí, tình cha con. Cảm động nhất, để lại ấn tượng nhiều nhất cho người đọc là tình phụ tử thiên lương, sâu đậm – tình yêu thương mà ông Sáu dành cho đứa con gái.	

	3. Nhận xét, đánh giá: - Có thể nói nhân vật ông Sáu được nhà văn xây dựng bằng những nét nghệ thuật đặc sắc. Nguyễn Quang Sáng đã đặt nhân vật vào cảnh ngộ éo le của đời sống để từ đó ngòi bút miêu tả tâm lí tinh tế đã phát hiện bao cung bậc cảm xúc của tình phụ tử. - Ngôn ngữ kể chuyện vừa truyền cảm, vừa mang đậm chất địa phương Nam Bộ đem đến cho người đọc nhiều xúc động. Đặc biệt, nhà văn đã lựa chọn được một số chi tiết nghệ thuật rất đắt giá như lời dặn mua cho con cây lược của bé Thu, ông Sáu hờ hởi khi kiếm được chiếc ngựa voi... Tất cả đã góp phần tô đậm vẻ đẹp của người chiến sĩ Cách mạng, của người cha yêu con nồng thắm. III. Kết bài: - Khẳng định thành công của tác giả trong việc thể hiện tình phụ tử thiêng liêng như câu danh ngôn của Abbe' Pre'vost từng nói.: <i>"Tấm lòng của người cha là một tuyệt tác của tạo hóa"</i>. - Khẳng định giá trị tác phẩm. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 06	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

“Đố kị nghĩa là bức tức, khó chịu trước những may mắn và thành công của người khác. Trong khi người thành công luôn nhìn thấy và học hỏi những đức tính tốt đẹp của người khác thì kẻ thất bại lại không làm được điều đó. Họ không muốn nhắc đến thành công của người khác, đồng thời luôn tìm cách chê bai, hạ thấp họ. Họ để mặc cho lòng tự hiềm, thói ganh tỵ, cảm giác tự ti gặm nhấm tâm trí ngày qua ngày.

Đố kị không những khiến con người cảm thấy mệt mỏi mà còn hạn chế sự phát triển của mỗi người. Thói đố kị khiến chúng ta lãng phí thời gian và không thể tận dụng hết năng lực để đạt được điều mình mong muốn. Ganh tị với sự thành công của người khác sẽ khiến chúng ta đánh mất cơ hội thành công của chính mình.

(George Matthew Adams, *Không gì là không thể*, Thu Hằng dịch, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2017, tr.,44)

Câu 1. (0,5 điểm) Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì?

Câu 2. (0,5 điểm) Xác định một phép liên kết và chỉ ra từ ngữ thực hiện phép liên kết ấy trong đoạn văn: “*Họ không muốn nhắc đến thành công của người khác (...) Họ để mặc cho lòng tỵ hiềm, thói ganh tỵ, cảm giác tự ti gặm nhấm tâm trí ngày qua ngày.*”

Câu 3. (1,0 điểm) Theo em, vì sao người có tính đố kị thường “*không muốn nhắc đến thành công của người khác*”?

Câu 4. (1,0 điểm) Em có đồng ý với ý kiến: “*Ganh tị với sự thành công của người khác sẽ khiến chúng ta đánh mất cơ hội thành công của chính mình*” không? Vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm) Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (từ 1 đến 10 câu) trình bày suy nghĩ của em về **vẻ đẹp của lối sống không có sự đố kị**

Câu 2. (5,0 điểm)

Phân tích nhân vật Vũ Nương trong Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ. Từ đó, nhận xét về tình cảm của tác giả dành cho người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: nghị luận	<i>0,5 điểm</i>
	2	Phép liên kết: Phép lặp: "họ"	<i>0,5 điểm</i>
	3	Người có tính đố kị thường không muốn nhắc đến thành công của người khác vì họ cảm thấy ganh ghét, bản thân mình thua kém trước thành công đó.	<i>1,0 điểm</i>
	4	Trình bày quan điểm của bản thân, lý giải hợp lý. Gợi ý: Đồng ý - Lý giải: - Ganh tị với người khác khiến cho bản thân tốn nhiều thời gian để khó chịu, mặc cảm, tự tin, - Đố kị khiến con người ngày càng kém cỏi, lãng phí thời gian để hoàn thiện bản thân, tích lũy những kiến thức cần thiết cho sự phát triển bản thân của mình,	<i>1,0 điểm</i>

II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề: 2.Thân đoạn: Sử dụng các thao tác lập luận như: giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận. – Giải thích: + Đố kị nghĩa là bực tức, khó chịu trước những may mắn và thành công của người khác. Đố kị là sự ghen ghét, không công nhận, thậm chí có suy nghĩ, hành động bài trừ đối với những thành tựu của người khác. + Lối sống không có sự đố kị là người có lối sống lành mạnh, phong phú; sống có lý tưởng, sống phù hợp với thời đại và hoàn cảnh. – Một số tác hại của đố kị: + Làm nảy sinh nhiều trạng thái tâm lý tiêu cực, khiến cho bản thân người có lòng đố kị luôn căng thẳng, bức bối, không thoải mái, thậm chí là đau đớn. Bởi kẻ đố kị không chấp nhận thực tế người khác hơn mình. + Động cơ kích thích phấn đấu giảm sút, mà ý muốn hạ thấp, hãm hại người khác để thỏa lòng ích kỷ tăng lên. Kẻ đố kị luôn chán nản, bỏ cuộc dẫn đến liên tục thất bại. + Thái ghen ghét, đố kị làm cho con người trở nên ti tiện, nhỏ nhen, tầm thường, ích kỷ, tự hạ thấp giá trị bản thân mình. - Vẻ đẹp của lối sống không có sự đố kị. + Người có lối sống không có sự đố kị là người có đức hi sinh, có đạo đức, có ý chí, lòng quả cảm, sống trung thực, có tấm lòng vị tha, khoan dung, độ lượng... khiến những người xung quanh tin tưởng và yên ổn. + Người có lối sống không có sự đố kị sẽ tạo nên sức mạnh làm thay đổi bộ mặt xã hội, tất cả đều hướng thiện, hướng về chân lí, lẽ phải, cái tốt, cái đẹp; làm cho cái xấu, cái ác không có chỗ nương thân... - Ý nghĩa của lối sống không có sự đố kị: + Được mọi người yêu quý + Làm cho chúng ta cảm thấy yêu đời và thoải mái hơn	2,0 điểm

	+ Giúp cuộc sống và xã hội tươi đẹp hơn – Bình luận: Đố kị là một thói xấu bạn cần phải loại bỏ ra khỏi bản thân để con người trở nên cao thượng. Phải biết thi đua, phấn đấu và luôn biết kích thích tinh thần của mình để đạt được thành công như người khác. 3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề: Từ bỏ thói đố kị, thành công nhất định sẽ tìm đến với bạn. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I.Mở bài: - Giới thiệu vài nét về tác giả Nguyễn Dữ và truyện <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>: + Nguyễn Dữ là một trong những nhà văn nổi tiếng của thế kỉ thứ 15 với thể loại truyện truyền kì. + "<i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>" là tác phẩm được rút trong tập truyện Truyền kì mạn lục nổi tiếng của ông, viết về phẩm chất và số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa, đồng thời lên án, tố cáo lễ giáo phong kiến hà khắc. - Giới thiệu khái quát nhân vật Vũ Nương: là hiện thân của lòng vị tha và vẻ đẹp người phụ nữ nhưng phải chịu bi kịch bất hạnh của chế độ phong kiến. II.Thân bài 1. Khái quát về truyện Chuyện người con gái Nam Xương - Hoàn cảnh ra đời: <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> là truyện thứ 16 trong 20 truyện trong sách <i>Truyền kì mạn lục</i> (ghi chép tản mạn những điều kì lạ vẫn được lưu truyền) của Nguyễn Dữ được viết vào thế kỉ XVI. Truyện có nguồn gốc từ truyện cổ dân gian "<i>Vợ chàng Trương</i>". - Cốt truyện: Truyện kể về người con gái tên Vũ Nương thùy mị nết na, tư dung tốt đẹp, người vợ hiền con	5,0 điểm

	thảo nhưng bị hàm oan phải tự tử để bảo vệ danh tiết. 2. Phân tích nhân vật Vũ Nương a. Hoàn cảnh sống: + Hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ: chiến tranh phong kiến xảy ra, xã hội trọng nam khinh nữ + Hoàn cảnh gia đình: Hôn nhân không có sự bình đẳng về giai cấp, vợ chồng vì chiến tranh mà phải sống xa nhau, tính cách vợ chồng trái ngược nhau. b. Vũ Nương, người phụ nữ có nhiều phẩm chất tốt đẹp - Là người con gái thùy mị nết na, tư dung tốt đẹp - Người vợ một mực thủy chung với chồng, thấu hiểu nỗi khổ và nguy hiểm mà chồng phải đối mặt nơi chiến tuyến, chờ đợi chồng + Biết Trương Sinh vốn có tính đa nghi, nên nàng luôn <i>“giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa”</i> => một người vợ hiền thực, khôn khéo, nết na đúng mực. + Khi chồng đi lính: Vũ Nương rót chén rượu đầy, dặn dò chồng những lời tình nghĩa, đầm thắm, thiết tha: <i>“Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong được đeo ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi”</i>. => Chồng đi xa vẫn một lòng chung thủy, thương nhớ chồng khôn nguôi, mong chồng trở về bình yên vô sự, ngày qua tháng lại một mình vò võ nuôi con. - Người con dâu hiếu thảo: + Thay chồng chăm lo phụng dưỡng mẹ chồng + Khi mẹ chồng ốm thì thuốc thang chạy chữa, lễ bái thần phật và lấy những lời khôn khéo để khuyên lơn để cho mẹ có thể vơi bớt đi nỗi nhớ thương và mong ngóng con. + Lo ma chay, tế lễ chu đáo khi mẹ chồng mất. - Người mẹ thương con hết mực: + Khi chồng đi lính chưa được bao lâu thì Vũ Nương sinh bé Đản và một mình gánh vác hết việc nhà chồng nhưng nàng chứ bao giờ chểnh mảng chuyện con cái. + Để con trai bớt đi cảm giác thiếu vắng tình cảm của người cha, nàng chỉ bóng mình trên vách và bảo đó là cha Đản. -> Vũ Nương là một người phụ nữ lý tưởng đầy đủ phẩm	

	chất công – dung – ngôn – hạnh. => Nguyễn Dữ đã dành thái độ yêu mến, trân trọng đối với nhân vật qua từng trang truyện, khắc họa hình tượng người phụ nữ với đầy đủ phẩm chất tốt đẹp. c. Bi kịch số phận bất hạnh, hẩm hiu: - Nàng là nạn nhân của chế độ nam quyền, một xã hội mà hôn nhân không có tình yêu và tự do: Trương Sinh xin mẹ trăm lạng vàng để cưới Vũ Nương. - Là nạn nhân của chiến tranh phi nghĩa: + Cuộc sống hôn nhân với Trương Sinh chưa được bao lâu thì chàng phải đi lính, để lại mình Vũ Nương với mẹ già và đứa con còn chưa ra đời. + Trong ba năm chồng đi lính, nàng phải thay chồng gánh đáng việc gia đình, chăm sóc con cái, phụng dưỡng mẹ già + Sự xa cách do chiến tranh đã tạo điều kiện nảy sinh hiểu lầm. - Nỗi đau, oan khuất: + Người chồng đa nghi vì nghe lời con trẻ ngây thơ nên nghi oan, cho rằng nàng đã thất tiết, mắng nhiếc, đánh và đuổi nàng đi mặc nàng đau khổ, khóc lóc bày tỏ nỗi oan. + Không thể thanh minh được, nàng tìm đến cái chết để tỏ bày nỗi oan ức, bảo toàn danh dự. + Dù ở thủy cung luôn nhớ về nhân gian nhưng không thể trở về được -> Vũ Nương có những phẩm chất tâm hồn đáng quý nhưng phải chịu một số phận cay đắng, oan nghiệt. => Tố cáo xã hội phong kiến bất công phi lí đương thời rẻ rúng, chà đạp lên hạnh phúc của con người nhất là người phụ nữ. 3.Đánh giá đặc sắc nghệ thuật - Tạo dựng tình huống để thử thách nhân vật - Khắc họa nhân vật qua ngoại hình, hành động, đối thoại... kết hợp với yếu tố kì ảo có thực - Bút pháp miêu tả nhân vật sinh động 4.Tình cảm của tác giả dành cho người phụ nữ trong xã hội phong kiến - Nguyễn Dữ đã xây dựng được một hình tượng nhân vật người phụ nữ hội tụ những vẻ đẹp đáng quý nhất và cũng là đầy đủ những gì đau khổ, tủi nhục nhất của con người.	

	Vũ Nương cũng là đại diện tiêu biểu của hình ảnh người phụ nữ Việt Nam trong xã hội cũ. - Qua đó, tác giả đã đứng trên lập trường nhân sinh để bênh vực cho họ, đồng thời lên tiếng tố cáo gay gắt với các thế lực đã gây ra nỗi đau khổ cho họ. - Liên hệ với cuộc sống của người phụ nữ trong xã hội hiện đại. III. Kết bài: Khái quát và khẳng định lại vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương. d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 07	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Tình yêu thương chân thật thường rất vị tha. Người có tình yêu thương chân thật thường nghĩ nhiều đến hạnh phúc của người khác hơn là của bản thân mình. Tình yêu ấy làm cho chúng ta thay đổi bản thân và ngày một trưởng thành hơn. Tình yêu thương chân thành và sâu sắc bao giờ cũng trường tồn ngay cả sau khi người đó đã từ giã cõi đời. Tuy nhiên, yêu thương không được bày tỏ thì không bao giờ đạt được ý nghĩa đích thực của nó (..)

Hãy bày tỏ tình yêu thương với mọi người xung quanh ngay khi chúng ta còn hiện diện trong cuộc sống này. Hãy nhớ rằng tình yêu thương là ngọn lửa sưởi ấm cuộc đời của mỗi chúng ta. Bạn đừng ngần ngại khi muốn nói với ai đó rằng bạn rất yêu quý họ!

(Trích *Cho đi là con mãi*, Azim Jamal & Harvey McKinnon, NXB Trẻ, 2010, tr. 56-57)

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. (0,5 điểm) Theo đoạn trích, người có tình yêu thương chân thật thường nghĩ gì?

Câu 3. (1,0 điểm) Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong câu văn: “*Hãy nhớ rằng tình yêu thương là ngọn lửa sưởi ấm cuộc đời của mỗi chúng ta*”.

Câu 4. (1,0 điểm) Em có đồng tình với nhận định của tác giả: Yêu thương không được bày tỏ thì không bao giờ đạt được ý nghĩa đích thực của nó? Vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm).

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về **sức mạnh của tình yêu thương trong cuộc sống**.

Câu 2. (5,0 điểm) Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim!
Mai về miền Nam thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này*

(Trích *Viếng lăng Bác*, Viễn Phương, Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, tr. 58-59)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	<i>0,5 điểm</i>
	2	Theo đoạn trích, người có tình yêu thương chân thật thường nghĩ nhiều đến hạnh phúc của người khác hơn là của bản thân mình.	<i>0,5 điểm</i>
	3	Tình yêu là tình cảm sâu đậm thanh khiết nhất, tôn quý nhất, vĩ đại nhất trong tâm hồn, nó đã trở thành ngọn lửa sưởi ấm tâm hồn, là ngọn lửa nâng cao tinh thần, nhân cách.... Ngọn lửa ấy sưởi ấm ta bằng sức nóng, nó giúp cuộc sống của chúng ta ngày một ý nghĩa hơn	<i>1,0 điểm</i>
	4	Trình bày quan điểm của em, lý giải hợp lý. Gợi ý: - Đồng tình: - Lý giải: + Tình yêu thương cần được bày tỏ để phát huy tác dụng của nó, tạo sự lan tỏa, động lực cho mọi người. + Khi bày tỏ tình yêu thương cả người cho và người nhận mới đều nhận được giá trị toàn diện nhất của nó.	<i>1,0 điểm</i>

II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1. Mở đoạn: Nêu vấn đề nghị luận: sức mạnh của tình yêu thương trong cuộc sống. 2. Thân đoạn: Bước 1: Giải thích -Tình yêu thương là cái gốc của nhân loại, là sợi dây vô hình gắn kết con người với con người, thể hiện trong nhiều mối quan hệ: cha mẹ - con cái, vợ - chồng, anh - em, ông bà - cháu, tình bạn, tình yêu đôi lứa, tình cảm giữa người với người dù không cùng màu da, sắc tộc,... Bước 2: Phân tích, chứng minh - Biểu hiện của tình yêu thương: hỏi han, quan tâm, động viên, chia sẻ, giúp đỡ nhau về vật chất và tinh thần, chăm sóc khi đau ốm,... - Tình yêu thương có sức mạnh vô cùng to lớn: +Cho ta chỗ dựa tinh thần để niềm vui được nhân lên, nỗi buồn được giải tỏa; cho ta sự giúp đỡ khi cần. +Nhờ được yêu thương, ta có cảm giác mình không đơn độc, một mình, có đủ dũng khí để vượt qua những điều tưởng như không thể. +Tình yêu thương giúp con người biết cảm thông, thấu hiểu, vị tha; để con người có thêm nhiều cơ hội hiểu nhau, sống tốt đẹp, thân ái với nhau hơn. -I-Tình yêu thương có thể cảm hóa cái xấu, cái ác; xóa bỏ những ngăn cách, hận thù, làm cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp, nhân văn (Thí	2,0 điểm

	sinh lấy dẫn chứng trong văn học và thực tế.) -Xã hội không có tình yêu thương sẽ chỉ toàn điều ích kỉ, dối trá, lừa lọc, tàn nhẫn. Dẫn chứng: Những giọt nước mắt nóng hổi lăn trên gò má khi xem một bộ phim khiến ta xúc động, có khi đó là nỗi niềm trắc ẩn trước số phận bất hạnh của những cảnh đời éo le, một ánh mắt trù mẫn cảm thông, một cái nắm tay siết chặt tình bạn bè hay những hành động cử chỉ giản đơn hơn... Bước 3: Bàn luận, mở rộng -Tình yêu thương phải thật lòng, phải xuất phát từ trái tim. - Phê phán những biểu hiện sống thờ ơ, vô cảm, thiếu ý thức về tình yêu thương, không biết trân trọng những điều ý nghĩa có được từ tình yêu thương. Bước 4: Bài học nhận thức và hành động; liên hệ bản thân. 3. Kết đoạn Khẳng định: "<i>Con người sống không có tình thương cũng giống như vườn hoa không có ánh nắng mặt trời</i>" (Vích-to Huy-gô) Có thể tham khảo đoạn văn sau Mở đoạn → “Nơi lạnh nhất không phải là Bắc Cực mà là nơi thiếu vắng tình yêu thương” . Thân đoạn → Vậy ta hiểu tình yêu thương là gì? Giải thích → Tình yêu thương là cái gốc của nhân loại, là sợi dây vô hình gắn kết con người với con người. Phân tích, chứng minh → Biểu hiện → Tình yêu thương được biểu hiện ở sự đồng cảm, thấu hiểu, sẻ chia và gắn bó giữa con người với con người, từ suy nghĩ và còn thể hiện qua cả hành động tương thân tương ái, giúp đỡ nhau trong lúc khó khăn	

	hoạn nạn. Vai trò của tình yêu thương → Tình yêu thương có sức mạnh vô cùng to lớn. Nó cho ta chỗ dựa tinh thần để niềm vui được nhân lên, nỗi buồn được giải tỏa; cho ta sự giúp đỡ khi cần. Nhờ được yêu thương, ta có cảm giác mình không đơn độc, một mình, có đủ dũng khí để vượt qua những điều tưởng như không thể. Tình yêu thương giúp con người biết cảm thông, thấu hiểu, vị tha; để con người có thêm nhiều cơ hội hiểu nhau, sống tốt đẹp, thân ái với nhau hơn. Tình yêu thương có thể cảm hóa cái xấu, cái ác; xóa bỏ những ngăn cách, hận thù, làm cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp, nhân văn. Dẫn chứng → Những giọt nước mắt nóng hổi lăn trên gò má khi xem một bộ phim khiến ta xúc động, có khi đó là nỗi niềm trắc ẩn trước số phận bất hạnh của những cảnh đời éo le, một ánh mắt trù mến cảm thông, một cái nắm tay siết chặt tình bạn bè hay những hành động cử chỉ giản đơn hơn... Tất cả là minh chứng cho lòng yêu thương. Bài học → Bản thân là học sinh chúng ta hãy thể hiện tình yêu thương từ những việc làm nhỏ nhất, hãy dắt tay một em nhỏ, một cụ già qua đường, động viên các bạn khi gặp những khó khăn, dành phần tiền ăn sáng của mình tạo quỹ thập đỏ trong nhà trường, giúp đỡ những bạn có hoàn cảnh gia đình khó khăn biết vượt khó học giỏi... Mỗi khi làm việc đó ta sẽ thấy vui hơn, hạnh phúc hơn và thấy tâm hồn mình cao đẹp hơn được mọi người tin yêu và kính trọng. Bàn luận, mở rộng → Tuy nhiên, nếu thiếu tình yêu thương cuộc sống con người sẽ trở nên trống rỗng, cằn cỗi, tâm hồn con người bị xơ cứng, ích kỉ, hẹp hòi, đó là những con người cả đời chỉ lo đến quyền lợi cá nhân, thờ ơ vô cảm trước nỗi đau bất hạnh của người khác, đó là biểu hiện của lối sống ích kỉ, hẹp hòi đi ngược với đạo lí “<i>thương người như thể thương thân</i>” họ đáng bị xã hội lên án. Và chúng ta đừng bao giờ như họ, hãy yêu thương chân thành không vụ lợi, thậm chí ngay cả bản thân phải sống trong hoàn cảnh bất hạnh, nghèo khổ cũng cần phải yêu thương người khác. Kết đoạn → Như vậy, tình yêu thương là một tình cảm cao đẹp của con người bởi lẽ “<i>Con người sống không có tình yêu thương cũng giống như vườn hoa không có ánh nắng mặt trời</i>” (Vích-to Huy-gô)	

	d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I. Mở bài - Giới thiệu đôi nét về tác giả Viễn Phương + Viễn Phương (1928 - 2005) là một nhà thơ tiêu biểu của miền Nam, một trong những cây bút có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng miền Nam thời kỳ chống Mỹ cứu nước. - Giới thiệu khái quát về bài thơ Viếng lăng Bác: Bài thơ Viếng lăng Bác in trong tập thơ “Như mây mùa xuân” (1978) là một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của Viễn Phương. - Giới thiệu đoạn trích: Là dòng cảm xúc của nhà thơ khi vào trong lăng và tâm trạng lưu luyến của nhà thơ khi rời xa lăng Bác II. Thân bài 1.Cảm xúc của nhà thơ khi vào trong lăng: – Vào trong lăng, khung cảnh và không khí như ngưng kết cả thời gian, không gian. Hình ảnh thơ đã diễn tả thật chính xác, tinh tế sự yên tĩnh, trang nghiêm cùng ánh sáng dịu nhẹ, trong trẻo của không gian trong lăng Bác. – Đứng trước Bác, nhà thơ cảm nhận Người đang ngủ giấc ngủ bình yên, thanh thản giữa vầng trăng sáng dịu hiền. – Hình ảnh “vầng trăng sáng dịu hiền” gợi cho chúng ta nghĩ đến tâm hồn, cách sống cao đẹp, thanh cao, sáng trong của Bác và những vần thơ tràn ngập ánh trăng của Người. Trăng với Bác đã từng vào thơ Bác trong nhà lao, trên chiến trận, giờ đây trăng cũng đến để giữ giấc ngủ ngàn thu cho Người. -> Chỉ có thể bằng trí tưởng tượng, sự thấu hiểu và yêu quý những vẻ đẹp trong nhân cách của Hồ Chí Minh thì nhà thơ mới sáng tạo nên được những	5,0 điểm

	ảnh thơ đẹp như vậy! – Tâm trạng xúc động của nhà thơ được biểu hiện bằng một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: “Vẫn biết trời xanh là mãi mãi”. + “Trời xanh” trước tiên được hiểu theo nghĩa tả thực đó là hình ảnh thiên nhiên mà chúng ta hằng ngày vẫn đang chiêm ngưỡng, nó tồn tại mãi mãi và vĩnh hằng. + Mặt khác, “trời xanh” còn là một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: Bác vẫn còn mãi với non sông đất nước, như “trời xanh” vĩnh hằng. Nhà thơ Tố Hữu đã viết: “Bác sống như trời đất của ta”, bởi Bác đã hóa thân thành thiên nhiên, đất nước và dân tộc. – Dù tin như thế nhưng mấy chục triệu người dân Việt Nam vẫn đau xót và nuối tiếc khôn nguôi trước sự ra đi của Bác – “ Mà sao nghe nhói ở trong tim”. + “Nhói” là từ ngữ biểu cảm trực tiếp, biểu hiện nỗi đau đột ngột quặn thắt. Tác giả tự cảm thấy nỗi đau mất mát ở tận trong đáy sâu tâm hồn mình: nỗi đau uất nghẹn tột cùng không nói thành lời. Đó không chỉ là nỗi đau riêng tác giả mà của cả triệu trái tim con người Việt Nam. + Cặp quan hệ từ “vẫn, mà” diễn tả mâu thuẫn. Cảm giác nghe nhói ở trong tim mâu thuẫn với nhận biết trời xanh là mãi mãi. Như vậy, giữa tình cảm và lý trí có sự mâu thuẫn. Con người đã không kìm nén được khoảnh khắc yếu lòng. Chính đau xót này đã làm cho tình cảm giữa lãnh tụ và nhân dân trở nên ruột già, xót xa. Cảm xúc đau đớn này, vô vọng này đã từng xuất hiện trong bài thơ của Tố Hữu: Trái bưởi kia vàng ngọt với ai Thơm cho ai nữa hời hoa nhài Còn đâu bóng Bác đi hôm sớm... Cảm xúc này là đỉnh điểm của nỗi nhớ thương, của niềm đau xót. Nó chính là nguyên nhân dẫn đến những khát vọng ở khổ cuối bài thơ. 2.Tâm trạng lưu luyến của nhà thơ khi rời xa lăng Bác: – Nếu ở khổ thơ đầu, nhà thơ giới thiệu mình là người con miền Namra thăm Bác thì trong khổ thơ cuối, nhà thơ lại đề cập đến sự chia xa Bác. Nghĩ đến ngày mai về miền Nam, xa Bác, xa Hà Nội, tình cảm của nhà thơ không kìm	

	nén, ẩn giấu trong lòng mà được bộc lộ thể hiện ra ngoài: <i>“Mai về miền Nam thương trào nước mắt”</i>. + Câu thơ “Mai về miền Nam thương trào nước mắt” như một lời giã biệt. + Lời nói giản dị diễn tả tình cảm sâu lắng. + Từ “trào” diễn tả cảm xúc thật mãnh liệt, luyến tiếc, bịn rịn không muốn xa nơi Bác nghỉ. + Đó là không chỉ là tâm trạng của tác giả mà còn là của muôn triệu trái tim khác. Được gần Bác dù chỉ trong giây phút nhưng không bao giờ ta muốn xa Bác bởi Người ấm áp quá, rộng lớn quá. – Mặc dù lưu luyến muốn được ở mãi bên Bác nhưng tác giả cũng biết rằng đến lúc phải trở về miền Nam. Và chỉ có thể gửi tấm lòng mình bằng cách muốn hóa thân, hòa nhập vào những cảnh vật quanh lăng để được luôn ở bên Người trong thế giới của Người: <i>Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác</i> <i>Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây</i> <i>Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.</i> + Điệp ngữ “muốn làm” cùng các hình ảnh đẹp của thiên nhiên “con chim”, “đóa hoa”, “cây tre” đã thể hiện ước muốn tha thiết, mãnh liệt của tác giả. + Nhà thơ ao ước được hóa thân thành con chim nhỏ cất tiếng hót làm vui lăng Bác, thành đóa hoa đem sắc hương, điểm tô cho vườn hoa quanh lăng. + Đặc biệt là ước nguyện “<i>Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này</i>” để nhập vào hàng tre bát ngát, canh giữ giấc ngủ thiên thu của Người. Hình ảnh cây tre có tính chất tượng trưng một lần nữa nhắc lại khiến bài thơ có kết cấu đầu cuối tương ứng. Hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác được lặp ở câu thơ cuối như mang thêm nghĩa mới, tạo ấn tượng sâu sắc, làm dòng cảm xúc được trọn vẹn. “Cây tre trung hiếu” là hình ảnh ẩn dụ thể hiện lòng kính yêu, sự trung thành vô hạn với Bác, nguyện mãi mãi đi theo con đường cách mạng mà Người đã đưa đường chỉ lối. Đó là lời hứa thủy chung của riêng nhà thơ và cũng là ý nguyện của đồng miền Nam, của mỗi chúng ta nói chung với Bác. III. Kết bài - Nội dung: Niềm xúc động thiêng liêng, thành kính, niềm tự hào, đau xót của nhà thơ với Bác.	

	- Nghệ thuật: + Giọng điệu thơ phù hợp với nội dung tình cảm, cảm xúc: vừa trang nghiêm, sâu lắng, vừa tha thiết, đau xót, tự hào. + Thể thơ 8 chữ, xen lẫn những dòng thơ 7 hoặc 9 chữ. Nhịp thơ chủ yếu là nhịp chậm, diễn tả sự trang nghiêm, thành kính và những cảm xúc sâu lắng. Riêng khổ cuối nhịp thơ nhanh hơn, phù hợp với sắc thái của niềm mong ước. d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 08	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Kim Woo Chung, người sáng lập nên tập đoàn Deawoo từng viết trong quyển sách Thế giới quả là rộng lớn và có rất nhiều việc phải làm rằng: “Lịch sử thuộc về những người biết ước mơ. Ước mơ là động lực thay đổi thế giới. Tôi cam đoan rằng tất cả những người đang làm nên lịch sử thế giới ngày hôm nay đều có những ước mơ lớn khi còn trẻ”. Dù là thay đổi bản thân mình hay là thay đổi thế giới, thì người ta cũng bắt đầu bằng ước mơ.

Con đường theo đuổi ước mơ không bao giờ là con đường an toàn, cũng không phải là con đường dễ dàng. Đôi khi ta phải chấp nhận đi đường vòng, làm việc mình không thích để nuôi dưỡng ước mơ. Đôi khi ta phải đứng lên chống lại định kiến xã hội để đi theo con đường của mình. Nhiều khi ta phải đối mặt với cô đơn, thất vọng. Dù làm gì, dù thế nào đi nữa, thì đừng bỏ cuộc. Hãy luyện tập mãi giữa hăng ngày. Trái ngọt có được sau những chặng đường dài thực sự rất xứng đáng. Hãy tin tưởng,

(Trích Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu, Rosie Nguyễn,- NXB Hội Nhà văn, 2017, tr. 217).

Câu 1 (0.5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2 (0.5 điểm): Theo tác giả, để theo đuổi ước mơ chúng ta phải chấp nhận những điều gì?

Câu 3 (1.0 điểm): Em hiểu như thế nào về ý kiến của tác giả: “Con đường theo đuổi ước mơ không bao giờ là con đường an toàn, cũng không phải là con đường dễ dàng”.

Câu 4 (1.0 điểm): Em có đồng ý với quan điểm của Kim Woo Chung: “Ước mơ là động lực thay đổi thế giới”? Vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm): Từ nội dung đoạn trích trong phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về **vai trò của ước mơ trong cuộc sống**.

Câu 2 (5.0 điểm):

*Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy trên lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ
Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao...
Đất nước bốn ngàn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước.
Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến.
Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.*

(Trích *Mùa xuân nho nhỏ*, Thanh Hải, SGK Ngữ văn 9 tập II,- NXB Giáo dục Việt Nam, 2005, tr.56).

Cảm nhận của em về đoạn thơ trên. Từ đó trình bày suy nghĩ về khát vọng dâng hiến của tuổi trẻ Việt Nam trước tình hình đất nước đang đối mặt với đại dịch Covid - 19.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích: Nghị luận	0,5 điểm
	2	Để theo đuổi ước mơ, chúng ta phải chấp nhận đi đường	0,5 điểm

		vòng, làm việc mình không thích để nuôi dưỡng ước mơ. Nhiều khi phải chấp nhận đứng lên chống lại định kiến xã hội để đi theo con đường của mình. Nhiều khi phải đối mặt với cô đơn, thất vọng.	
	3	Học sinh trình bày cách hiểu của bản thân, có lý giải: Gợi ý: Con đường theo đuổi ước mơ không bao giờ là an toàn, cũng không phải là con đường dễ dàng là một nhận định đúng. Con đường ấy chứa đựng đầy gian nan thử thách, thậm chí cả những thất bại không thể nào tránh khỏi. Đôi khi còn vấp phải sự quay lưng, phản đối của những người xung quanh. Nhiều khi phải đối diện với cả sự nguy hiểm kề cận.	1,0 điểm
	4	Học sinh trình bày theo quan điểm của mình, có lý giải. “Ước mơ là động lực thay đổi thế giới” Đồng ý Lý giải: - Khi có ước mơ con người sẽ tìm ra mục đích sống, đích đến, nhìn thấy lý tưởng của mình. - Khao khát, ước mơ chính là động lực để con người rèn luyện, tu dưỡng, phát triển bản thân - Ước mơ khiến con người có sức mạnh phi thường vượt qua mọi khó khăn =>Làm nên những thành công không ngờ tới, những điều được xem là phi thường.	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1/ Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề Ước mơ có vai trò quan trọng với cuộc sống con người, đối với tuổi trẻ càng quan trọng hơn, là động lực, phương hướng cho những bước đi vững chắc vào đời. 2/ Thân đoạn: Bước 1: Giải thích “Ước mơ” là những mong muốn, nguyện ước tốt đẹp mà con người mong muốn có được trong tương lai. Bước 2: Phân tích, chứng minh : Vai trò ý nghĩa của	2,0 điểm

	ước mơ -Người có ước mơ mới có động lực làm việc, học tập và cống hiến cho xã hội. Khi mỗi con người trên con đường thực hiện ước mơ của mình cũng chính là đóng góp cho xã hội, cho đất nước phát triển. - Trên con đường thực hiện ước mơ chúng ta có thể gặp những khó khăn thử thách, khi vượt qua được thử thách đó chúng ta sẽ có thêm những bài học quý giá để hoàn thiện bản thân mình. - Người sống có ước mơ sẽ thấy cuộc sống tươi đẹp hơn, nhiều màu sắc hơn. - Khi theo đuổi ước mơ, chúng ta sẽ rèn luyện được những đức tính quý báu như kiên trì, nhẫn nại, chăm chỉ... Dẫn chứng: Bác Hồ, các sĩ tử ,... Bước 3: Bàn luận, mở rộng Trong xã hội vẫn còn nhiều người sống không có ước mơ, hoài bão, vô cảm hoặc có ước mơ nhưng không cố gắng thực hiện mà chỉ hảo huyền, viễn vông về một cuộc sống tốt đẹp hơn → những người này đáng bị phê phán, chỉ trích. Bước 4: Bài học nhận thức và hành động - Là một học sinh ngồi trên ghế nhà trường chúng ta cần phải có ước mơ mục đích sống cho riêng mình. - Để đạt được ước mơ chúng ta cần ra sức rèn luyện học tập, tu dưỡng đạo đức để chuẩn bị những tư trang cần thiết cho con đường đi tới ước mơ của mình. 3/ Kết bài: Khái quát lại tầm quan trọng của ước mơ Có thể viết đoạn văn như sau Mở đoạn → Câu nói "Ước mơ giống như ngọn hải đăng ngoài khơi xa, chúng ta như những con thuyền lênh đênh, trôi nổi giữa biển nước. Ngọn hải đăng soi sáng khiến con thuyền của ta cập bến tới bờ mà không bị mất phương hướng" đã nói lên tầm quan trọng của ước mơ. Thân đoạn → Vậy, ước mơ là gì? Giải thích → “Ước mơ” là những mong muốn, nguyện ước tốt đẹp mà con người mong muốn có được trong tương lai. Phân tích, chứng minh → Vai trò, ý nghĩa → Ước mơ chẳng khác nào ngọn đèn soi sáng khi ta chìm vào vực thẳm bóng tối, là chiếc la bàn chỉ hướng khi ta lạc giữa rừng sâu. Người	

	có ước mơ mới có động lực làm việc, học tập và cống hiến cho xã hội. Trên con đường thực hiện ước mơ chúng ta có thể gặp những khó khăn thử thách, khi vượt qua được thử thách đó chúng ta sẽ có thêm những bài học quý giá để hoàn thiện bản thân mình. Người sống có ước mơ sẽ thấy cuộc sống tươi đẹp hơn, nhiều màu sắc hơn. Dẫn chứng → Thử hỏi, nếu không phải là mong muốn, ước vọng về một nền hòa bình độc lập cho dân tộc, thì người thanh niên Nguyễn Tất Thành có đủ can đảm, dũng cảm rời bến cảng Nhà Rồng để chính thức bắt đầu cuộc hành trình đi tìm đường cứu nước? Nếu không phải là ước mơ về những năm tháng say mê học hỏi trên giảng đường đại học, thì làm sao hàng ngàn sĩ tử có thể quyết tâm ôn luyện, học tập từng ngày như vậy? Nói như thế mới thấy được tầm quan trọng của ước mơ. Bàn luận, mở rộng → Tuy nhiên trong xã hội vẫn còn nhiều người sống không có ước mơ, hoài bão, vô cảm hoặc có ước mơ nhưng không cố gắng thực hiện mà chỉ hão huyền, viễn vông về một cuộc sống tốt đẹp hơn và những người này đáng bị phê phán, chỉ trích. Bài học → Bản thân em là học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường thì hãy nuôi dưỡng cho mình một ước mơ, hãy chăm chút cho ước mơ lớn lên và trưởng thành mỗi ngày. Kết đoạn → Tóm lại, “<i>đừng bao giờ từ bỏ ước mơ</i>” bởi “<i>đủ nắng hoa sẽ nở. Đủ gió chong chóng sẽ quay. Đủ yêu thương hạnh phúc sẽ đông đầy</i>” và chắc chắn đủ ước mơ bạn sẽ gặt hái được thành công. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : 1. Mở bài - Vài nét về nhà thơ Thanh Hải: Một nhà thơ có thể nói là đã cống hiến cả đời mình cho cách mạng.	5,0 điểm

	- Giới thiệu về hoàn cảnh ra đời đặc biệt của bài thơ: được viết trong những ngày cuối cùng Thanh Hải nằm trên giường bệnh, cả cuộc đời ông đã dùng để cống hiến cho cách mạng, giờ đây ông lại cất lên niềm khát khao, niềm mong mỏi có thể tiếp tục cống hiến “mùa xuân nho nhỏ” cho cuộc đời này. 2. Thân bài a. Cảm xúc về mùa xuân của đất nước và con người. Mùa xuân của đất nước gắn với hình ảnh người cầm súng (những người làm nhiệm vụ chiến đấu) và hình ảnh “người ra đồng”, “lộc”- niềm hi vọng tươi sáng đang theo họ đi khắp nơi hay chính họ đã đem mùa xuân đến mọi nơi trên đất nước. Nhịp độ khẩn trương : “Tất cả như...xôn xao” - Công cuộc xây dựng mùa xuân của đất nước diễn ra khẩn trương, sôi động. => Nghệ thuật điệp cấu trúc, từ láy... => Nhà thơ như reo vui trước tinh thần lao động khẩn trương của con người làm nên mùa xuân của đất nước. - Nhà thơ nhắc lại về lịch sử bốn nghìn năm “vất vả và gian lao” của đất nước đầy tự hào, đồng thời tin tưởng vào tương lai tươi đẹp của đất nước mai sau bằng hình ảnh so sánh đẹp mang nhiều ý nghĩa “Đất nước như vì sao...phía trước”. b. Ước nguyện của tác giả. Sự chuyển đổi ngôi thứ "tôi" -> "ta". => Nói lên quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng - Điệp ngữ "ta làm", nói lên sự quyết tâm, lối liệt kê con chim, cành hoa, nốt nhạc -> Yếu tố tạo nên mùa xuân - Nốt nhạc trầm là biểu tượng cho sự cống hiến thầm lặng. - Điệp ngữ "dù là" -> Như lời nhắn nhủ giữa người đi trước và người đi sau - Lối hoán dụ người tóc bạc, tuổi 20 -> tuổi trẻ -> tuổi già -> Sự cống hiến không phân biệt tuổi tác, thứ bậc, giới tính, giai cấp. c. Khát vọng dâng hiến của tuổi trẻ trước tình hình đất nước trong đại dịch Covid 19 - Khát vọng dâng hiến tuổi trẻ là những mong muốn góp sức mình cùng chung tay đẩy lùi dịch bệnh Covid 19. - Đem sức lực, trí tuệ cùng góp phần giúp Tổ quốc ngăn chặn dịch bệnh (Học sinh tự lấy ví dụ minh họa: Tầm	

	gương những y bác sĩ trẻ, sinh viên trường y, tình nguyện viên xung phong vào tuyến đầu chống dịch) 3. Kết bài - Khái quát lại nội dung nghệ thuật của đoạn trích - Nhấn mạnh khát vọng dâng hiến của tuổi trẻ trước tình hình đất nước trong đại dịch covid 19. d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.-/-	

ĐỀ SỐ 09	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

*Mẹ vẫn luôn ở đây như mọi khi
con vấp ngã, con ốm đau, con khóc quấy
mẹ biết rất nhiều lần con ghét mẹ đến mức không thèm nhìn mà vẫn thấy
trái tim của một đứa con, mẹ biết vẫn luôn là vậy
tìm cách từ chối những ân cần...*

*Mẹ vẫn luôn ở đây lúc con mỗi gối chồn chân
nhìn ra chung quanh biết cuộc đời xa lạ
con không cần làm gì và cũng không cần phải mặc cả
mẹ sinh ra con giống như thân cây nảy mầm một chiếc lá
đã có gốc rễ lo vun trồng...*

Mẹ vẫn luôn ở đây ôm con, con biết không! "

(Trích *Mẹ vẫn luôn ở đây để ôm con....* Nguyễn Phong Việt, Sao con phải đau đến như vậy, NXB Văn hoá - Văn nghệ, 2017, tr64-65)

Câu 1. (0,5 điểm) Đoạn trích trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. (0,5 điểm) Chỉ ra phép liệt kê được sử dụng trong khổ thơ thứ nhất của đoạn trích.

Câu 3. (1,0 điểm) Em hiểu thế nào về nội dung của hai dòng thơ sau:

mẹ sinh ra con giống như thân cây nảy mầm một chiếc lá
đã có gốc rễ lo vun trồng...

Câu 4. (1,0 điểm) Trong cuộc sống, có những đứa con đôi khi tìm cách từ chối ân cần của cha mẹ. Ở vị trí của một người con, theo em điều đó đáng chê trách hay có thể cảm thông? Vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc-hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về cách thể hiện tình yêu thương của bản thân đối với gia đình.

Câu 2.

Cảm nhận của em về nhân vật ông Sáu trong đoạn trích sau:

Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó – buổi chiều sau một ngày mưa rừng, giọt mưa còn đọng trên lá, rừng sáng lấp lánh. Đang ngồi làm việc dưới tấm ni lông nóc, tôi bỗng nghe tiếng kêu. Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hốt hải chạy về, tay cầm khúc gỗ đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà.

Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi li của Mĩ, đập mỏng làm thành một cây chĩa nhỏ, chĩa khúc gỗ thành từng miếng nhỏ. Những lúc rỗi, anh chĩa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc. Chẳng hiểu sao tôi thích ngồi nhìn anh làm và cảm thấy vui vui khi thấy bụi gỗ rơi mỗi lúc một nhiều. Một ngày, anh chĩa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tần mẩn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Cây lược gỗ ấy chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh. Những đêm nhớ con, anh ít nhớ đến nỗi hối hận đánh con, nhớ con, anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên mái tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra. Một ngày cuối năm năm mươi tám – năm đó ta chưa vỡ trang – trong một trận càn lớn của quân Mĩ – nguy, anh Sáu bị hi sinh. Anh bị viên đạn của máy bay Mĩ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh.

- Tôi sẽ mang về và trao tận tay cho cháu.

Tôi cúi xuống gần anh và khẽ nói. Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi.

(Trích Chiếc lược ngà, Nguyễn Quang Sáng, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr.199, 200)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Đoạn trích trên được viết theo thể thơ tự do	0,5 điểm
	2	Phép liệt kê: con vấp ngã, con ốm đau, con khóc quấy	0,5 điểm
	3	Hai câu thơ nói về tình yêu thương vô điều kiện của mẹ dành cho con, là sự chở che, vun đắp từ khi người con được sinh ra.	1,0 điểm
	4	Trình bày quan điểm riêng của em, lý giải hợp lý	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1.Mở đoạn: Giới thiệu về tình yêu thương của bản thân đối với gia đình. (là nền tảng của một gia đình hạnh phúc...) 2.Thân đoạn: a. Giải thích:Tình yêu thương là gì? Tình yêu thương là một khái niệm chỉ phẩm chất tình cảm, vẻ đẹp tâm hồn của con người. Đó là tình cảm thương yêu, chia sẻ, đùm bọc lẫn nhau. Tình yêu thương của bản thân đối với gia đình là tình cảm của bạn dành cho những thành viên trong gia đình của mình. b.Phân tích, bàn luận - Biểu hiện + Yêu thương, kính trọng, hiếu thảo với ông bà cha mẹ + Là khi bản thân cố gắng học tập có thành tích tốt để ông bà cha mẹ vui + Biết trách nhiệm và vai trò của mình để tạo niềm vui cho ông bà, cha mẹ trong cuộc sống. + Anh chị em trong nhà yêu thương nhau, không tranh đua, không ganh ghét nhau - Ý nghĩa của tình cảm gia đình + Gia đình hòa thuận, đầm ấm, hạnh phúc + Được mọi người xung quanh thương yêu, quý mến và tôn trọng + Ông bà cha mẹ tự hào về con cháu hiếu thuận	2,0 điểm

	c. Bàn luận mở rộng: Phê phán những người không có tình yêu thương.... d. Bài học nhận thức và hành động: Em cần làm gì để duy trì tình cảm trong gia đình: - Cố gắng học tập và rèn luyện: chăm ngoan học giỏi, tránh xa thói hư tật xấu - Hiếu thảo với ông bà, cha mẹ: giúp làm việc nhà, nghe ông bà kể chuyện, xoa bóp tay chân cho ông bà bố mẹ. 3.Kết đoạn: Khẳng định vấn đề d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I. Mở bài: - Tác giả: Nguyễn Quang Sáng sinh năm 1932, quê ở huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Trong kháng chiến chống Pháp, ông tham gia bộ đội, hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Từ sau năm 1954, tập kết ra miền Bắc, Nguyễn Quang Sáng bắt đầu viết văn. Những năm chống Mỹ, ông trở về Nam Bộ tham gia kháng chiến và tiếp tục sáng tác văn học. Tác phẩm của ông thuộc nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản phim và hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như trong thời bình. - Tác phẩm: Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” được viết năm 1966, khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ và được đưa vào tập truyện cùng tên. - Nhân vật ông Sáu là nhân vật chính của tác phẩm, để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn đọc. Đặc biệt là ở đoạn trích từ: “Tôi vẫn còn nhớ buổi chiều hôm đó... Anh mới nhắm mắt xuôi tay”. Đoạn trích thể hiện vẻ đẹp của tình phụ tử thiêng liêng, sâu sắc của ông Sáu đối với bé Thu trong những ngày ở chiến khu. II.Thân bài:	5,0 điểm

	1. Giới thiệu khái quát cảnh ngộ gia đình ông Sáu và tình yêu thương ông Sáu dành cho con. - Đất nước có chiến tranh, ông Sáu phải đi công tác khi con gái chưa đầy một tuổi, khi con lớn lên, ông Sáu không một lần được gặp con, được yêu thương chăm sóc cho con. - Sau tám năm vào sinh ra tử, khi được về thăm nhà, nỗi khao khát được gặp con, được ôm con vào lòng khiến ông không kìm nén được cảm xúc. Tuy nhiên, khi ông vì vết sẹo trên mặt, vết thương do chiến tranh gây ra nên đứa con gái hồn nhiên, ngây thơ của ông nhất định không chịu nhận cha. Đến khi con gái nhận ra thì cũng là lúc ông phải trở lại chiến trường. Lúc chia tay, ông đã cố nén giọt nước mắt vì cách biệt, tình cảm của con đối với mình khiến ông quá xúc động. Niềm hạnh phúc mà ông hằng mong chờ đã tới nhưng quá ngắn ngủi vì đã đến giờ biệt li. Ông chỉ kịp rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên tóc con, lặng lẽ ra đi không hẹn ngày về mang theo một ước nguyện của con là cây lược nhỏ. 2. Cảm nhận về vẻ đẹp nội dung của đoạn trích - vẻ đẹp của tình phụ tử thiêng liêng. - Luôn ghi nhớ như in lời con dặn vội vàng lúc chia tay <i>“Ba về, ba mua cho con một cây lược nghe ba!”</i>. Điều đó thúc giục ông đến việc làm một chiếc lược ngà. Và ông Sáu đã dồn tất cả tình yêu, nỗi nhớ con vào việc làm cây lược ấy. <i>“Lúc rảnh rồi anh ngồi cửa từng chiếc răng lược cho đến khi hoàn thành, những đêm nhớ con anh lấy cây lược ra ngắm nghía ”</i>. - Chiếc lược trở thành một vật quý giá, nó làm vơi đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm nhớ thương, yêu mến của người cha đối với đứa con trong xa cách. Chiếc lược ngà trở thành một kỉ vật thiêng liêng, nuôi dưỡng tinh thần chiến đấu cho người chiến sĩ trong những ngày gian khổ. - Bị thương nặng, chỉ đến khi gửi lại chiếc lược ngà lại cho bạn với lời nhắn nhủ sẽ trao tận tay bé Thu, ông mới yên lòng nhắm mắt. - Ông Sáu hi sinh khi chưa kịp gửi món quà cho con gái. Đây là tình huống rất cảm động. Những mất mát do chiến tranh gây ra là không gì bù đắp nổi. Tuy không một lời	

	trắng trời nhưng hành động cuối cùng của ông Sáu càng cho ta thấy tình cảm của ông dành cho con thật sâu nặng. Người đồng chí của ông - người kể chuyện đã thay ông làm việc đó. Chiếc lược ngà đã trở thành biểu tượng của tình cha con đời đời. 3. Về đẹp về hình thức nghệ thuật. - Đoạn văn là lời kể của một người đồng chí của ông Sáu, người đã chứng kiến toàn bộ quá trình ông làm cây lược tặng con gái và thấu hiểu những suy nghĩ, cảm xúc của ông. Đoạn văn vì thế trở nên khách quan, chân thành. - Ngôn ngữ văn xuôi giàu tình cảm, khả năng miêu tả tâm lí tinh tế, chính xác, bắt nguồn từ một tâm hồn nhạy cảm và tấm lòng yêu thương, trân trọng con người. - Đặc biệt, nhà văn đã xây dựng một tình huống truyện rất éo le, bất ngờ mà tự nhiên, cảm động; qua đó, phần nào nói lên sự ác nghiệt của chiến tranh. III. Kết bài: Cảm nhận khái quát về đoạn văn, liên hệ bản thân. d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 10	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương ngày 8/2/2021.

Thiên thần của chị!

Em đang ngủ hờn nhiên, đôi môi chúm lại như đang mút kẹo. Còn chị, chị ngẩng nhìn em, một thiên thần được sinh ra giữa mùa COVID, với niềm hạnh phúc không gì tả nổi. Chị muốn nói với em thật nhiều về những ngày tháng chị cùng em ở trong khu cách li này nhưng em quá bé nhỏ chẳng thể ghi nhớ nổi điều gì. Thế nên chị viết những dòng này cho em của chị.

[...] Em à! Chị thật may mắn khi được ở đây trong những ngày qua. Thời gian gần một tháng trời đã cho chị hiểu rằng bên trong tấm biển "khu vực cách ly đặc

biệt" kia không phải là những điều đáng sợ như người ta vẫn tưởng mà là cả một thế giới của sự ân cần chăm sóc, của những tấm lòng ấm áp yêu thương. Thế giới có những anh hùng thầm lặng, sẵn sàng cho đi mà không đòi hỏi bất cứ thứ gì. Nơi đây đã cho chị biết hạnh phúc không phải chỉ là được ăn ngon, mặc đẹp, được thỏa sức vui chơi mà là được sống trong niềm tin về tình yêu thương giữa con người. Bây giờ, chị thực sự hiểu rằng vì sao một đất nước nhỏ bé trên bản đồ thế giới lại khiến cho các cường quốc năm châu phải nỗ lực trong cuộc chiến chống đại dịch Covid-19. Đơn giản thôi em ơi, mỗi con người của dải đất này đều truyền đến nhau thông điệp 5K "Khẩu trang - Khử khuẩn - Khoảng cách - Không tụ tập - Khai báo y tế". Tất cả cùng hòa chung "Vũ điệu rửa tay - Ghen Covy". Tất cả cùng đồng lòng "chống dịch như chống giặc", và anh dũng nhất là những nhân viên y tế tuyến đầu.

(Trích Bức thư đạt giải Nhất quốc gia cuộc thi viết thư quốc tế UPU lần thứ 50 của em Đào Anh Thư, lớp 842 trường THCS Nguyễn Huy Tưởng, Đông Anh, Hà Nội, nguồn <http://www.vnpost.vn>, ngày 11/5/2021)

Câu 1. (1,0 điểm) Theo lời người chị trong phần đầu bức thư, chị muốn nói với người em mới sinh của mình điều gì?

Câu 2. (1,0 điểm) Theo em, vì sao người chị lại cho rằng mình thật may mắn khi được ở đây trong những ngày qua?

Câu 3. (1,0 điểm) Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: Tất cả cùng đồng lòng "chống dịch như chống giặc".

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về **ý nghĩa của những đóng góp thầm lặng trong cuộc sống.**

Câu 2 (5,0 điểm)

Vẻ đẹp của biển cả và niềm vui của người lao động trong đoạn thơ sau:

*Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng,
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng,
Vảy bạc đuôi vàng loé rạng đông,
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.
Câu hát căng buồm với gió khơi,
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi*

(Trích *Đoàn thuyền đánh cá* - Huy Cận, Ngữ văn 9 Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam 2017)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM

I	1	Chị muốn nói với người em mới sinh của mình thật nhiều về những ngày tháng chị cùng em ở trong khu cách li này nhưng em quá bé nhỏ chẳng thể ghi nhớ nổi điều gì.	1,0 điểm
	2	Người chị lại cho rằng mình thật may mắn khi được ở đây trong những ngày qua vì đã hiểu rằng bên trong tấm biển " <i>khu vực cách ly đặc biệt</i> " kia không phải là những điều đáng sợ như người ta vẫn tưởng mà là cả một thế giới của sự ân cần chăm sóc, của những tấm lòng ấm áp yêu thương.	1,0 điểm
	3	Câu văn: " <i>Tất cả cùng đồng lòng chống dịch như chống giặc</i> ". - Câu trên sử dụng biện pháp tu từ so sánh chống dịch như chống giặc. - Tác dụng: Thể hiện tinh thần đoàn kết, đồng lòng của tất cả mọi người và tầm quan trọng của việc chống lại dịch bệnh. Ai ai cũng quyết tâm đồng lòng, cùng thương yêu san sẻ trong trận chiến chống lại bệnh dịch, đem bình yên tới cho đất nước, nhân dân.	1,0 điểm
	4		
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: I. Mở đoạn: - Giới thiệu vấn đề nghị luận: Những đóng góp thầm lặng trong cuộc sống của thế hệ trẻ hiện nay. II. Thân đoạn: 1. Giải thích vấn đề nghị luận - Sự cống hiến, đóng góp thầm lặng là những suy nghĩ, hành động tự nguyện vì người khác, không vụ lợi cá nhân, đặt lợi ích của người khác lên trên lợi ích của bản thân mình. - Trách nhiệm giữ gìn nền độc lập, tích cực xây dựng nước nhà ngày càng vững mạnh. 2. Bàn luận về vấn đề nghị luận - Những đóng góp thầm lặng là lối sống tích cực mà thế hệ cần rèn luyện, tu dưỡng và trau dồi. - Lối sống cống hiến của thế hệ trẻ thể hiện ở việc sẵn	2,0 điểm

	sàng đem hết trí tuệ, tài năng của bản thân phục vụ lợi chung, vì sự phát triển chung. - Những đóng góp thầm lặng sẽ giúp thế hệ trẻ khẳng định giá trị của bản thân và phát huy hết vai trò là rường cột, là những chủ nhân tương lai của đất nước. - Trong thời đại ngày nay, thế hệ trẻ Việt Nam vẫn không ngừng nỗ lực, cố gắng để cống hiến hết mình trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước (những thanh niên xung kích, những thầy cô giáo trẻ, đội ngũ y bác sĩ...). *Dẫn chứng: - Những hy sinh thầm lặng trong trận chiến chống dịch: Trong cuộc chiến phòng, chống dịch COVID-19 hiện nay đã đọng lại nhiều hình ảnh xúc động, chạm đến trái tim của hàng triệu người Việt Nam: + Những “người lính áo trắng” xung phong ở tuyến đầu chống dịch,.. + Chiến sĩ Công an vẫn âm thầm “cắm chốt” với nhiều đêm trắng. Những hy sinh thầm lặng của họ đã và đang thắp lên niềm tin về ngày chiến thắng dịch Covid-19 không còn xa phía trước. - Các nhà hảo tâm ủng hộ, giúp đỡ, cứu trợ đồng bào miền trung khi có lũ lụt,.. - Những tấm gương trông người thầm lặng,.. 3. Bàn luận mở rộng: - Hiện tượng một số thanh niên đã xao nhãng, quên đi trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp chung của dân tộc (ích kỷ, chỉ mưu cầu lợi ích cá nhân...). - Đó là những hiện tượng lệch lạc cần bị lên án, phê phán, chấn chỉnh, bài trừ. 4. Bài học nhận thức và hành động đối với thế hệ trẻ đối với sự hi sinh, đóng góp thầm lặng trong cuộc sống. III. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác	5,0 điểm

	<i>lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.</i> Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I/Mở bài Huy Cận là một trong những nhà thơ tiêu biểu cho nền thơ ca hiện đại Việt Nam. Giữa năm 1958, ông có chuyến đi dài ngày thực tế ở Quảng Ninh. Từ chuyến đi thực tế này ông viết <i>Đoàn thuyền đánh cá</i>. Hai khổ thơ cuối, tác giả khắc họa hình ảnh tráng lệ, thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống. <i>"... Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng</i> <i>Câu hát căng buồm với gió khơi, Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời. Mặt trời đội biển nhô màu mới Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi"</i> II/ Thân bài 1.Khái quát chung Bài thơ gồm bảy khổ thơ ghi lại hành trình của một đoàn thuyền đánh cá: ra khơi lúc hoàng hôn, đánh cá một đêm trắng trên Hạ Long, trở về bến lúc rạng đông. Đây là hai khổ thơ thứ 6 và 7 nói lên cảnh kéo lưới lúc mờ sáng và cảnh đoàn thuyền buồm căng gió lộng trở về. Bài thơ được sáng tác trong chuyến đi công tác của Huy Cận tới vùng mỏ Hòn Gai, Quảng Ninh năm 1958 và được in trong tập <i>"Trời mỗi ngày lại sáng"</i>. Bài thơ được bắt nguồn từ cảm hứng ngợi ca công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của miền Bắc. Với ý nghĩa đó, thi phẩm <i>"Đoàn thuyền đánh cá"</i> là khúc tráng ca, ca ngợi con người lao động với tinh thần làm chủ và niềm vui, niềm tin trước cuộc sống mới trong những năm đầu xây dựng đất nước. Bài thơ có bảy khổ, bố cục bài thơ theo trình tự một chuyến ra khơi của đoàn thuyền đánh cá : ra khơi lúc	

hoàng hôn, đánh cá một đêm trắng trên Hạ Long, trở về bến lúc rạng đông. Hai khổ thơ cuối của bài nói lên cảnh kéo lưới lúc mờ sáng và cảnh đoàn thuyền buồm căng gió lộng trở về. (Hoặc hai khổ thơ là khúc ca ca ngợi hình ảnh con người lao động với kết quả rực rỡ, ca ngợi vẻ đẹp tươi sáng của bình minh trên biển Hạ Long)

2.Cảm nhận hai khổ thơ cuối

Lưu ý điểm 1: Cảnh kéo lưới lúc sáng (khổ 6)

Ra đi từ lúc hoàng hôn buông xuống, sóng cài then, đêm sập cửa, vũ trụ nghỉ ngơi, nay trở về bình minh đang lên rạng rỡ. Trước hết, đó là cảnh khẩn trương, hối hả chuẩn bị cho sự trở về:

*“Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng,
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng.*

*Vẩy bạc đuôi vàng loé rạng đông,
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng”*

“Sao mờ” là khoảng thời gian chuẩn bị trời đã bắt đầu rạng sáng, đó cũng chính là lúc công việc của người ngư dân càng trở nên khẩn trương, mau lẹ để kéo lưới cho kịp trời sáng. Cảnh lao động hiện lên như một bức tranh sống động với những nét tạo hình đầy khỏe khoắn, gân guốc với hình ảnh trung tâm là con người lao động. Cụm từ “*kéo xoăn tay*” không chỉ cho thấy những mẻ cá bội thu, nặng trĩu mà đây còn là một nét vẽ tạo hình với những bắp thịt săn chắc của những chàng thanh niên ngư dân cuồn cuộn nổi lên để kéo cá vào khoang thuyền. Từ đó khiến ta chợt nhớ tới câu thơ của nhà thơ Tế Hanh trong bài Quê hương khi cũng viết về dân chài lưới quê mình:

*“Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm”*

Ánh nắng hồng của bình minh hòa cùng với sắc màu của cá “*bạc*”, “*vàng*” có tác dụng tô đậm thêm sự giàu có và quý giá “*rừng vàng biển bạc*” của biển cả mà thiên nhiên ban tặng cho con người. “*Lưới xếp buồm lên*” là hai hình ảnh đối lập. “*Lưới xếp*” là kết thúc một ngày lao động còn “*buồm lên*” là đón chào một ngày mới. “*Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng*” gợi tả công việc nhịp nhàng của ngư dân với sự vận hành của vũ trụ. Khi lưới xếp lên khoang cũng là lúc đoàn thuyền trở về đón bình minh,

	kết thúc một ngày lao động vất vả, mệt nhọc. Hình ảnh “<i>năng hồng</i>” ở cuối khổ thơ là ẩn dụ đặc sắc. Đó là năng của một ngày mới, một cuộc đời mới mà cách mạng đem lại cho chúng ta. Luận điểm 2: Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về (khổ cuối) Bài ca lao động khép lại trong khổ thơ cuối với hình ảnh đoàn thuyền trở về trong thắng lợi lúc bình minh lên. Nếu khổ đầu nói lên thời điểm xuất phát thì khổ cuối là thời điểm trở về. Điểm xuất phát lúc mặt trời xuống biển đỏ như hòn lửa thì lúc trở về bình minh mặt trời đội biển lên mang theo một màu mới khép kín một chu trình thời gian và cũng là hoàn thiện một chu trình làm việc của dân chài: <i>“Câu hát căng buồm cùng gió khơi Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”</i> Câu đầu tác giả lặp lại ở khổ thơ thứ nhất: “<i>Câu hát căng buồm với gió khơi</i>”. Chỉ có từ “<i>với</i>” là khác, có lẽ tác giả tránh sự lặp lại ở câu thơ trước. Điều đó làm cho khổ thơ cuối giống như điệp khúc của một bài hát, tạo cảm giác tuần hoàn về thời gian, về công việc lao động; nhấn mạnh khí thế tâm trạng của những người dân. Đoàn thuyền ra đi hào hứng sôi nổi, nay trở về cũng với tinh thần ấy rất khẩn trương. Câu hát đưa thuyền đi nay câu hát lại đưa thuyền về. Đây là lần thứ ba tiếng hát vang lên. Tiếng hát biểu hiện cho niềm vui của những người đánh cá khi được hưởng thành quả rục rờ sau một đêm lao động vất vả. Tiếng hát ấy vang lên hùng tráng khi đoàn thuyền đang rẽ sóng trở về. Nhà thơ nhân hóa “<i>đoàn thuyền</i>” đang “<i>chạy đua cùng mặt trời</i>”, chạy đua cùng thời gian. Hai tiếng “<i>chạy đua</i>” cho ta thấy những người dân chài mặc dù suốt đêm làm việc không mệt mỏi nhưng sức lực của họ vẫn dồi dào, khí thế của họ vẫn mạnh mẽ. Được ví như nhân tự của tác phẩm, Huy Cận nâng tầm con người lên với tầm của vũ trụ. Quả cầu lửa của nhân loại, mặt trời	

lộng lẫy chói chang, giờ đây, đoàn thuyền với những người lao động cũng có thể sánh ngang với mặt trời. Con người thật xứng đáng với tầm vóc chủ nhân biển cả, vẫn muốn dành thời gian để lao động, để cống hiến. Sau một đêm lao động vất vả, họ vẫn dồi dào năng lượng, cũng giống như đất nước và con người Việt Nam, chìm trong chiến tranh, đạn bom loạn lạc, nhưng khi tổ quốc bước vào thời kì xây dựng, người dân vẫn luôn sẵn sàng tiên phong, đi theo tiếng gọi của Tổ quốc.

Mở đầu bài thơ là cảnh hoàng hôn, kết thúc bài thơ là cảnh bình minh “*Mặt trời đội biển nhô màu mới*”. Ánh mặt trời sáng rực, từ từ nhô lên ở phía chân trời xa cảm giác như mặt trời đội biển. Vẻ đẹp tráng lệ của bình minh trên biển được nhà thơ miêu tả sinh động qua biện pháp nhân hóa “*mặt trời đội biển*” gợi cảm giác thần thoại. Mặt trời có sức mạnh lớn lao, dường như nó đang đội biển mà lên và cái “*màu biển*” là màu hồng bình minh, là lời chào đón của thiên nhiên với những người lao động cần cù. Đặc biệt câu thơ cuối cùng gợi ra hình ảnh đoàn thuyền nối đuôi nhau trở về, chiếc nào trên khoang cũng đầy ắp cá. Ánh mặt trời chiếu vào mắt cá khiến cho mỗi mắt cá như một mặt trời nhỏ, lấp lánh. Hình ảnh “*mắt cá huy hoàng*” vừa là thành quả lao động, vừa gợi ra niềm vui, niềm tự hào của những người lao động và cuộc sống mới đây tốt đẹp đang mở ra trước mắt. Đó là một hình ảnh đầy sáng tạo và lãng mạn.

3.Đánh giá, mở rộng

Đánh giá=> Với cách sử dụng màu sắc, cách vận dụng các thủ pháp nghệ thuật như ẩn dụ, nhân hóa, sử dụng kết cấu đầu cuối tương ứng , Huy Cận đã sáng tạo được nhiều hình ảnh đẹp, đầy ý nghĩa. Hai khổ thơ cuối toát lên vẻ đẹp của vùng biển quê hương, là niềm vui của con người đã làm chủ thiên nhiên, làm chủ cuộc sống. **Mở rộng=>** Hình ảnh của con người lao động trong bài khiến ta liên tưởng đến những con người lao động trong “*Lặng lẽ Sa*

	<i>Pa” của Nguyễn Thành Long. Họ là anh thanh niên, anh cán bộ nghiên cứu sét, anh kĩ sư vườn rau,...Họ là hiện thân của vẻ đẹp người lao động một thời. Họ là điển hình cao đẹp của con người lao động mới, con người trưởng thành trong công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Chính họ đã đóng góp một phần công sức lớn lao của mình vào việc đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, là hậu phương vững chắc bảo vệ Tổ quốc thân yêu.</i> III/Kết bài Khẳng định thành công của tác phẩm=> Tóm lại, với hai khổ thơ cuối Huy Cận đã vẽ lên trước mắt người đọc bức tranh sau một đêm lao động vất vả, người dân cùng nhau kéo lưới, về bến. Đồng thời thông qua đó thể hiện niềm tin vào cuộc sống mới, người dân được hạnh phúc ấm no " <i>đón nắng hồng</i>" trong cuộc sống xã hội chủ nghĩa. Dư âm của tác phẩm với bạn đọc=> Hơn nửa thế kỉ đã trôi qua, bài thơ vẫn giữ nguyên vẹn giá trị ban đầu của nó. Phần nào, bài thơ giúp chúng ta hiểu được chân dung tinh thần mới của Huy Cận sau bao biến cố lịch sử trọng đại của đất nước và dân tộc – một Huy Cận trừ tình cách mạng. d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 11	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I.PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

(1) Tôi thích lên danh sách. Đây là lời đề nghị: hãy lên danh sách năm mươi điều bạn trân trọng, biết ơn (vâng, năm mươi). Mười điều đầu tiên rất dễ: người thân, công việc, gia đình, vân vân. Biết ơn vì bạn nói tiếng Việt (hoặc tiếng Nhật, tiếng

Đức). Biết ơn vì có đủ hai mắt, có trái tim khỏe, hoặc vì bạn không sống trong vùng chiến tranh. Biết ơn người khác. **Cầu chúc cho người nông dân nỗ lực làm nên thức ăn trên bàn. Cầu chúc cho người công nhân tạo ra chiếc xe máy bạn đi. Cầu chúc cho người bán hàng nơi bạn mua quần áo. Cầu chúc cho người phục vụ quán ăn bạn đến hôm qua.**

(2) Đó là thái độ biết ơn. Hãy lưu tâm đến những phúc lành của mình, đừng xem bất cứ điều gì là hiển nhiên. Tôi chắc chắn bạn sẽ có nhiều thứ để biết ơn hơn những gì bạn thấy. Chỉ cần nghĩ đến. Chỉ cần trân trọng. Và để ý xem điều gì sẽ xảy đến.

(Trích *Đời ngắn đừng ngủ dài*, Robin Sharma, NXB trẻ, 2019, tr.33-34)

Câu 1. (0,5 điểm) Theo đoạn văn (1), tác giả đề nghị điều gì?

Câu 2. (0,5 điểm) Chỉ ra thành phần biệt lập trong câu: “*Tôi chắc chắn bạn sẽ có nhiều thứ biết ơn hơn những gì bạn thấy*”.

Câu 3. (1,0 điểm) Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong các câu in đậm.

Câu 4. (1,0 điểm) Trong lời đề nghị của tác giả về những điều cần trân trọng, biết ơn, em tâm đắc nhất điều gì? Vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm).

Câu 1. (2,0 điểm).

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của lòng biết ơn trong cuộc sống. Đoạn văn có câu sử dụng thành phần khởi ngữ (gạch chân thành phần khởi ngữ).

Câu 2. (5,0 điểm).

Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen

Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...

Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa

Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ

Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm

Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm.

Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui

Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ

Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa !

(Bằng Việt, *Bếp lửa*, Ngữ văn 9, tập Một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, trang 144)

Viết bài văn trình bày cảm nhận của em về hình ảnh bếp lửa trong đoạn thơ trên.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Theo đoạn văn (1), tác giả đề nghị hãy lên danh sách năm mươi điều bạn trân trọng, biết ơn	0,5 điểm
	2	Thành phần biệt lập tình thái: chắc chắn	0,5 điểm
	3	*Biện pháp tu từ: Điệp ngữ * Tác dụng: - Tăng sức gợi hình gợi tả cho câu văn - Tạo nhịp điệu - Nhấn mạnh về việc bày tỏ lời chúc cầu mong một điều tốt lành.	1,0 điểm
	4	Học sinh có thể trình bày theo ý hiểu của mình về điều mà mình tâm đắc nhất, lý giải Gợi ý: - Điều tâm đắc nhất: Biết ơn vì có đủ hai mắt, có trái tim khỏe. - Lý giải: Con mắt là cửa sổ tâm hồn, biết ơn vì chúng ta có thể nhìn ngắm thế giới này, nhìn ngắm những vẻ đẹp và điều kì diệu của thế giới. Trái tim khỏe mạnh giúp chúng ta sống khỏe, biết cảm nhận tình yêu thương giúp cuộc đời có ý nghĩa hơn.	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: I.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề cần bàn luận II. Thân đoạn: 1. Giải thích thế nào là “lòng biết ơn”? - Lòng biết ơn là sự ghi nhớ công ơn, tình cảm mà người khác mang lại cho mình. Những hành động, việc làm mà họ hi sinh để mang lại niềm hay hạnh phúc hay niềm vui cho mình. 2.Phân tích, bàn luận <u>*Biểu hiện của lòng biết ơn</u> - Luôn ghi nhớ công ơn của họ trong lòng - Có những hành động thể hiện sự biết ơn - Luôn mong muốn đền đáp công ơn của những người đã giúp đỡ mình	2,0 điểm

	<u>*Tại sao phải có lòng biết ơn?</u> - Vì đó là nghĩa cử, truyền thống tốt đẹp của ông cha ta từ bao đời xưa. - Lòng biết ơn là một tình cảm cao đẹp và thiêng liêng của mỗi con người. - Mỗi công việc chúng ta thành công không phải tự nhiên mà có, dù lớn hay nhỏ cũng có sự giúp đỡ của ai đó, vậy nên ta cần phải có lòng biết ơn. 3. Bàn luận, mở rộng vấn đề - Có một số người hiện nay không có lòng biết ơn. VD: Ăn cháo đá bát, qua cầu rút ván, ... 4. Bài học nhận thức và hành động: III. Kết bài: Khẳng định vấn đề d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : <u>I/Mở bài</u> Tuổi thơ của mỗi một con người đều hiện diện những hình ảnh rất thiêng liêng đáng quý trong ký ức, đó có thể là bóng dáng của người mẹ với những lời ru ngọt ngào, người cha với những lời dạy sâu sắc,... Và đối với tác giả Bằng Việt thì đó là hình ảnh người bà và bếp lửa đầy thiêng thiêng, đã nằm sâu trong ký ức tuổi thơ, với những tình cảm kính yêu, mặn nồng chan chứa của người cháu dành cho bà trong bài thơ Bếp lửa. Bài thơ được sáng tác năm 1963 khi tác giả đang du học tại Nga. Bài thơ có nhiều khổ trong đó hai khổ thơ sau đã diễn tả rất chi tiết sự chiêm nghiệm và tình cảm của cháu dành cho bà- ngọn lửa sáng rực trong tim của cháu: “Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn	5,0 điểm

	<i>Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...</i> <i>Lặn độn đời bà biết mấy nắng mưa Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm. Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa !”</i> II/Thân bài 1.Khái quát chung Bếp lửa được sáng tác năm 1963 khi tác giả đang là sinh viên du học ở Liên Xô. Bố cục bài thơ chia làm 4 phần. Mạch cảm xúc của bài thơ đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ kỉ niệm đến suy ngẫm. Điều đó được gợi ra qua hình ảnh bếp lửa quê hương và hình ảnh người bà. Từ đó mà người cháu (chính là Bằng Việt) bộc lộ nỗi nhớ về những kỉ niệm thời ấu thơ và được sống trong sự yêu thương, chăm sóc của bà. Đồng thời thể hiện niềm biết ơn, sự kính trọng của người cháu đối với người bà, đối với gia đình, đối với quê hương, đất nước. Đoạn thơ trên nằm ở khổ 5 và 6 của bài. Đây là đoạn thơ đầy xúc động nhắc lại kỉ niệm êm đềm sâu sắc một thời gian khổ của bà và cháu. 2.Phân tích, cảm nhận L luận điểm 1: Suy ngẫm về cuộc đời bà (Khổ 5) Sau những đoạn thơ hồi tưởng về thời ấu thơ được sống cùng bên bà của mình, người cháu tiếp tục suy ngẫm, chiêm nghiệm về cuộc đời của bà qua hình ảnh bếp lửa: <i>“Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn</i>	

	<i>Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...”</i> Từ hình ảnh bếp lửa cụ thể ở câu trên, tác giả chuyển thành hình ảnh ngọn lửa trong lòng bà. Như thế, bếp lửa không chỉ được nhen lên bằng nhiên liệu củi rơm mà còn được nhen lên từ ngọn lửa của sức sống, lòng yêu thương “<i>luôn ủ sẵn</i>” trong lòng bà, của niềm tin vô cùng “<i>dai dẳng</i>”, bền bỉ và bất diệt. Ngọn lửa là những kỉ niệm ấm lòng, là niềm tin thiêng liêng kì diệu nâng bước cháu trên suốt chặng đường dài. Ngọn lửa là sức sống, lòng yêu thương, niềm tin mà bà truyền cho cháu. Cùng với hình tượng “<i>ngọn lửa</i>”, các từ ngữ chỉ thời gian: “<i>rồi sớm rồi chiều</i>”, các động từ “<i>nhen</i>”, “<i>ủ sẵn</i>”, “<i>chứa</i>” đã khẳng định ý chí, bản lĩnh sống của bà, cũng là của người phụ nữ Việt Nam giữa thời chiến. Điệp ngữ - ẩn dụ “<i>một ngọn lửa</i>” cùng kết cấu song hành đã làm cho giọng thơ vang lên mạnh mẽ, đầy xúc động tự hào. “<i>Ngọn lửa</i>” là sáng tạo nghệ thuật đắt giá của tác giả. Nó vừa có ý nghĩa nhấn mạnh đến sự sống dai dẳng bất diệt của ngọn lửa; lại vừa có ý nghĩa thể hiện tình yêu thương mà người bà dành cho cháu. Ngọn lửa chính là hiện thân cho tâm hồn, nghị lực sống phi thường của người bà. Vì thế, bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người, truyền lửa cho người cháu cũng như là thế hệ mai sau. Bà tin cháu mình sau này sẽ nên người và thành tài để xây dựng non sông đất nước. Luận điểm 2: Sự tần tảo, hy sinh của bà (Khố 6) Từ những hoài niệm về tuổi thơ và bà, người cháu suy ngẫm về cuộc đời, về lẽ sống của bà. Bà là người tần tảo, giàu đức hi sinh và giàu lòng nhân ái: <i>"Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa</i>	

*Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm
Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ
Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!"*

Nhà thơ đã gói ghém cả cuộc đời bà bằng một câu thơ với nghệ thuật đảo ngữ “*Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*”. Bốn chữ “*lận đận đời bà*” với cụm từ “*biết mấy nắng mưa*” đã gợi ra sự dài dặc của thời gian, sự vất vả, gian truân, nhọc nhằn, khổ cực, chênh vênh của một đời người. Bà đã kiên cường vượt qua mọi “*mưa nắng*” cuộc đời để trở thành chỗ dựa cho con cháu. Cuộc đời bà là một cuộc đời đầy gian truân, vất vả, nhiều lận đận, trải qua nhiều nắng mưa tưởng như không bao giờ dứt. Hình ảnh của bà cũng là hình ảnh của bao người phụ nữ Việt Nam giàu đức hy sinh dù gian truân vất vả vẫn sáng lên tình yêu thương. Và qua “*mấy chục năm*”, “*đến tận bây giờ*”, bà vẫn chẳng nghỉ ngơi. Bà vẫn giữ thói quen cũ “*dậy sớm*” và “*nhóm bếp lửa*” cũng như giữ trọn tình yêu thương mà bà đã dành cho con, cho cháu mấy chục năm qua. Điệp từ “*nhóm*” được lặp đi lặp lại nhiều lần (4 lần) trong khổ thơ như lời khẳng định: **bà chính là người nhóm lên trong lòng cháu ngọn lửa của tình yêu thương, của đức hy sinh cao cả**. Khi nhóm lên “*lửa ấp iu nồng đượm*”, bà đã dạy cho cháu tình yêu thương những người ruột thịt. Nhóm tình quê “*khoai sắn ngọt bùi*”, bà dạy cháu tình yêu thương xóm làng, yêu mảnh đất quê nghèo. “*Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui*”, bà dạy cháu phải luôn mở lòng ra với mọi người xung quanh. Và cũng từ đó, bà cũng nhắc nhở cháu rằng không bao giờ được quên đi những năm tháng nghĩa tình, những năm tháng khó khăn mà hai bà cháu đã cùng trải qua. Không chỉ nhóm lên ngọn lửa đó ấm nồng và cháy sáng mãi trong lòng mọi người. Người bà kì diệu ấy đã nhóm dậy, khơi dậy, giáo dục, bồi đắp cho người cháu về cả thể xác lẫn tâm hồn, về ước mơ, lẽ sống của “*tâm tình tuổi nhỏ*”. Bếp lửa của bà khó khăn, nhọc nhằn, vất vả. Bà

nuôi cháu khôn lớn bằng bếp lửa ấy. Vậy mà giờ đây, cháu đã du học tận trời Nga xa xôi, xa bà, xa quê hương, xa Tổ quốc. Cuộc đời của cháu như một câu chuyện cổ tích. Và ở đấy, bà là bà tiên hiền hậu, luôn nâng đỡ từng bước đi của cháu. Cháu đã trưởng thành từ bếp lửa của bà. Từ cuộc sống nghèo khổ, bà ươm mầm ước mơ cho cháu đi du học phương xa. Tất cả những gì cháu có được ngày hôm nay chính là nhờ ngọn lửa trong bà, ngọn lửa ấy chấp cánh cho người cháu tự tin bay vào cuộc đời cao rộng.

Khám phá ra những ý nghĩa kì diệu, cao cả, thiêng liêng từ bếp lửa của bà, cháu sung sướng reo lên:

"Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!"

Từ nơi phương xa, cháu vẫn luôn nhớ về bà với niềm xúc động mãnh liệt. Phép đảo ngữ, câu cảm thán với từ “ôi” đặt ở đầu câu bộc lộ sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng và vui sướng của cháu. “*Bếp lửa*”- “*kì lạ và thiêng liêng*” hay chính tình bà nặng sâu và diệu kì đến thế? Câu thơ chỉ có tám chữ mà có sức lan tỏa vô cùng. Bếp lửa ấy luôn hiện diện cùng bà, tỏa sáng vẻ đẹp của bà. Đứa cháu nhỏ ấy cảm thấy thật bất ngờ khi phát hiện ra những điều kì diệu thiêng liêng từ những thứ bình thường, giản dị. Bếp lửa và bà như hóa thân vào làm một, luôn rực cháy, bất tử thiêng liêng. Cháu nhớ về bà, về bếp lửa cũng chính là nhớ về quê hương cội nguồn với tấm lòng tri ân sâu nặng.

Giờ đây, tác giả đã sống xa quê, đã rời xa vòng tay người bà. Cuộc sống đầy đủ vật chất hơn, nhưng hình ảnh bà mãi là một dấu ấn khó phai. Tình cảm ấy đã trở thành bất tử trong tâm hồn tác giả. Đây cũng là khởi đầu của tình yêu đất nước, con người Việt Nam.

3.Đánh giá, mở rộng

Đánh giá=> Đoạn thơ đã kết hợp nhuần nhuyễn, linh hoạt giữa biểu cảm với miêu tả, tự sự, lời thơ có tính triết lí sâu sắc, phép đảo ngữ và điệp từ được sử dụng rất hiệu quả làm tăng thêm xúc cảm cho bài thơ và biểu lộ cảm xúc của tác giả chân thực, rõ nét hơn.Thành công của

	đoạn thơ còn ở sự sáng tạo vừa chân thực vừa giàu ý nghĩa biểu tượng: hình ảnh bếp lửa và ngọn lửa biểu tượng cho tình yêu vô bờ bến của bà dành cho người cháu. Mở rộng=> Đó cũng là người bà trong "Tiếng gà trưa" của nữ sĩ Xuân Quỳnh, là bao người mẹ, người chị dịu dàng, đảm thắm đã tô đậm trang sử vàng chói lọi của truyền thống người phụ nữ Việt Nam anh hùng. Khép lại bài thơ, hình ảnh người bà vẫn cứ lặng lẽ tỏa sáng, nhóm lên trong lòng người đọc tình cảm mến yêu, kính phục và cả lòng biết ơn sâu sắc. III/Kết bài Khẳng định thành công của tác phẩm=> Qua hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, đoạn trích giúp ta hiểu hơn về hình ảnh người bà cũng như là những phẩm chất thiêng liêng cao quý của người phụ nữ Việt. Bà mãi mãi là tín ngưỡng đẹp nhất trong tâm hồn người cháu. Dư âm của tác phẩm với bạn đọc=>Gấp trang sách lại, lòng ta dấy lên bao cảm xúc tốt đẹp: yêu bà, yêu gia đình và yêu quê hương đất nước. Càng suy ngẫm, thấm từng lời thơ của Bằng Việt ta càng hiểu thế nào là nỗi nhớ quê hương “<i>Quê hương nếu ai không nhớ/ Sẽ không lớn nổi thành người</i>” (Đỗ Trung Quân) d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 12	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I.PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Nếu nói về những ngõ xanh im vắng, có lẽ Huế có nhiều nhất những hun hút xanh chan hòa đem lại cho con người cảm giác thư thái ấy. Sống ở Huế thật lâu, tôi mơ

hồ những ngõ nhỏ xứ Huế như một sợi dây nối tâm hồn Huế ra với cao rộng cuộc đời. Sợi dây ấy đan bằng lá cây và sương khói, bện vào đó những âm vang bình dị từ những khu vườn và cả ánh sáng khiêm nhường của những thời khắc cảnh sắc không gian Huế, tất cả được đan bằng bàn tay của một tâm thức đầy mẫn cảm vừa lặng lẽ rêu phong vừa sôi động như ngọn gió qua rừng tre trúc.

Ngõ Huế, gần như là một tiếng gọi, thật gần mà lại mơ hồ xa vắng. Ngõ Huế, đó chính là cái cửa ngõ ngay trước ngôi nhà ẩm áp khói lam chiều, là những ngõ quê thơm mùi đất, những ngõ vườn xao động hoa lá điệu dàng, những ngõ phố sống động đêm khuya và cả những ngõ chùa nắng vàng như màu thiên xứ sở...

(Hồ Đăng Thanh Ngọc, *Đôi triêng gió của Mẹ*, NXB Văn học, 2011, tr. 13,14)

Câu 1. (0,5 điểm) Chỉ ra và gọi tên thành phần biệt lập có trong câu: Nếu nói về những ngõ xanh im vắng, có lẽ Huế có nhiều nhất những hun hút xanh chan hòa đem lại cho con người cảm giác thư thái ấy.

Câu 2. (0,5 điểm) Xác định hai phép liên kết về hình thức có trong ngữ liệu trên.

Câu 3. (1,0 điểm) Xác định và nêu tác dụng của hai biện pháp tu từ từ vựng có trong câu: “Ngõ Huế, đó chính là cái cửa ngõ ngay trước ngôi nhà ẩm áp khói lam chiều, là những ngõ quê thơm mùi đất, những ngõ vườn xao động hoa lá điệu dàng, những ngõ phố sống động đêm khuya và cả những ngõ chùa nắng vàng như màu thiên xứ sở...”

Câu 4. (1,0 điểm) Em có nhận xét gì về tình cảm của tác giả dành cho ngõ Huế ? (trả lời 3-5 dòng).

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề **sống có ích**.

Câu 2. (5,0 điểm) Viết bài văn trình bày cảm nhận về hai đoạn thơ sau:

Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu,

Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả,

Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:

- Sớm mai này, bà nhóm bếp lên chưa?...

(Bằng Việt, *Bếp lửa*, Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục, 2005, tr.145)

Người đồng mình thương lắm con ơi

Cao đo nỗi buồn

Xa nuôi chí lớn

Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn

Sống trên đá không chê đá gập ghềnh

Sống trong thung không chê thung nghèo đói

Sống như sông như suối

Lên thác xuống ghềnh

Không lo cực nhọc

(Y Phương, *Nói với con*, Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục, 2005, tr.72)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Có lẽ - thành phần biệt lập tình thái.	0,5 điểm
	2	Hai phép liên kết về hình thức: - Phép thế: Sợi dây ấy thay thế cho “sợi dây nối tâm hồn Huế ra với cao rộng cuộc đời”. - Phép lặp: Ngõ Huế	0,5 điểm
	3	- Liệt kê: là cái ngõ ngay trước ngôi nhà ẩm áp khói lam chiều, là những ngõ quê thơm mùi đất, những ngõ vườn xao động hoa lá điệu dàng, những ngõ phố sống động đêm khuya, những ngõ chùa nắng vàng như màu thiên xứ sở. - So sánh: ngõ chùa nắng vàng như màu thiên xứ sở - Tác dụng: + Biện pháp liệt kê làm nổi bật những nét đặc sắc, phong phú của không gian ngõ Huế. + So sánh khẳng định không gian ngõ Huế với màu sắc độc đáo “màu thiên”, tố đậm đặc trưng văn hóa của vùng đất này. + Làm cho câu văn có nhịp điệu, giàu hình ảnh.	1,0 điểm
	4	- Tác giả dành tình yêu, sự trân trọng gắn bó với ngõ Huế. - Tâm hồn tác giả dành sự cảm nhận tinh tế với không gian đặc trưng này của xứ Huế. -> Đó là tình cảm của người con với quê hương, chạm đến trái tim người đọc, truyền tải tình yêu với những người con quê hương, làm phong phú thêm vẻ đẹp của Huế mộng và thơ.	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1. Mở đoạn: Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận: sống có ích. 2. Thân đoạn a. Giải thích: Sống có ích là một lối sống lành mạnh, vì lợi ích cho chính mình cũng như cho cộng đồng, xã hội b. Bàn luận:	2,0 điểm

	+ Biểu hiện: Có một lối sống tích cực, suy nghĩ cho người khác, luôn vì lợi ích của cái chung. (Học sinh là sự chăm chỉ học tập, biết phụ giúp gia đình.) + Chứng minh: Các hoạt động ngày thường, yêu thương ông bà cha mẹ, học tập tốt, biết bảo vệ môi trường... + Ý nghĩa: Giúp bản thân sống tốt đẹp hơn, luôn vui vẻ hạnh phúc, giúp cho xã hội ngày càng tốt đẹp, văn minh hơn. c. Bàn luận mở rộng: Phê phán những lối sống không lành mạnh, thiếu lạc quan ảnh hưởng tiêu cực đến chính con người họ và ảnh hưởng cho cả xã hội. d. Bài học, liên hệ: Mỗi cá nhân phải nhận thức được lối sống có ích, có những hành động, việc làm đúng đắn. 3. Kết đoạn: Mở rộng, kết luận lại vấn đề. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : 1. Mở bài: - Giới thiệu đôi nét về 2 văn bản và hai đoạn thơ: + Mượn lời tâm sự với con, Y Phương đã để lại trong lòng người đọc nhiều cảm nhận sâu sắc về những đức tính tốt đẹp của “người đồng mình” – của con người quê hương miền núi. + Qua hình ảnh bếp lửa, Bằng Việt đã thể hiện sâu sắc tình cảm gia đình, quê hương. 2. Thân bài: a. Khổ thơ bài Bếp lửa: Nỗi nhớ khắc khoải, khôn nguôi về người bà - Lời tự bạch của đứa cháu khi trưởng thành, xa quê hương: Người cháu vẫn cảm thấy ấm áp bởi tình yêu thương vô bờ của bà. - Kết thúc bài thơ tác giả tự vấn “Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?": Niềm tin dai dẳng, nỗi nhớ luôn thường	5,0 điểm

	trực trong lòng người cháu => Tác giả rất thành công trong việc sáng tạo ra hình tượng mang ý nghĩa thực, mang ý nghĩa biểu tượng: Bếp lửa. - Kết hợp miêu tả, biểu cảm, tự sự phù hợp với dòng hồi tưởng và tình cảm của cháu. - Bài thơ chứa đựng triết lý, ý nghĩa thâm kín về tình cảm gia đình, quê hương. b. Khổ thơ bài Nói với con: lời ngợi ca phẩm chất đẹp đẽ của người đồng mình. - Người đồng mình dù sống trong nghèo khổ, gian nan vẫn thủy chung gắn bó với quê hương, cội nguồn + “Sống trên đá không chê đá gập ghềnh/ Sống trong thung không chê thung nghèo đói/ Sống như sống như suối/ Lên thác xuống ghềnh/ Không lo cực nhọc” -> Phép liệt kê với những hình ảnh ẩn dụ “đá gập ghềnh”, “thung nghèo đói”. = Gợi cuộc sống đói nghèo, khó khăn, cực nhọc => Vận dụng thành ngữ dân gian “Lên thác xuống ghềnh”, ý thơ gợi bao nỗi vất vả, lam lũ => Những câu thơ dài ngắn, cùng những thanh trắc tạo ấn tượng về cuộc sống trắc trở, gian nan, đói nghèo của quê hương. - Người đồng mình có ý thức tự lập, tự cường và tinh thần tự tôn dân tộc + Phẩm chất của người của con người quê hương còn được người cha ca ngợi qua cách nói đối lập tương phản giữa hình thức bên ngoài và giá trị tinh thần bên trong, nhưng rất đúng với người miền núi: “Người đồng mình thô sơ da thịt. Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con” -> Sự tương phản này đã tôn lên tầm vóc của người đồng mình. Họ mộc mạc nhưng giàu chí khí, niềm tin. Họ có thể “thô sơ da thịt” nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn, về ý chí. => Cùng với ý thức tự lực, tự cường, người đồng mình còn ngời sáng tinh thần tự tôn dân tộc và khát vọng xây dựng quê hương: “Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương Còn quê hương thì làm phong tục”. c. Điểm chung của hai đoạn thơ - Hai văn bản tuy viết vào những thời điểm khác nhau nhưng đều thể hiện thấm đẫm tình yêu nước, yêu quê hương.	

	- Đều là những dòng thơ tâm tình nói về tình cảm gia đình thiêng liêng và qua đó thể hiện tình yêu sâu sắc của tác giả với đất nước, với quê hương. 3. Kết bài - Khái quát nội dung và nghệ thuật của 2 đoạn thơ - Cảm nghĩ của bản thân về tình cảm gia đình, quê hương ở mọi thời đại. d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 13	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Câu chuyện về củ khoai tây

Một ngày nọ, thầy giáo yêu cầu mỗi chúng tôi mang một túi nilông sạch và một bao tải khoai tây đến lớp. Sau đó, thầy bảo mỗi lần chúng tôi không tha thứ lỗi lầm cho người nào đó thì hãy chọn ra một củ khoai tây, viết tên người ấy và ngày tháng lên đó, rồi bỏ nó vào túi nilông. Sau vài ngày, túi của nhiều người trong lớp đã bắt đầu nặng dần.

Sau đó, thầy lại yêu cầu chúng tôi phải luôn đeo cái túi đấy bên mình dù đi bất cứ đâu, ngủ hay làm việc. Sự phiền phức khi phải mang vác một cái túi chứa hàng chục củ khoai tây khiến chúng tôi càng cảm nhận rõ ràng gánh nặng tinh thần mà mình đang chịu đựng. Không những thế, chúng tôi còn phải luôn để tâm đến nó, nhớ đến nó và nhiều khi đặt nó ở những chỗ chẳng tế nhị chút nào.

Qua thời gian, khoai tây bắt đầu phân huỷ thành một thứ chất lỏng nhầy nhụa và chúng tôi không muốn mang nó bên mình nữa...”

(Quà tặng cuộc sống, nguồn Internet)

Câu 1. Trong đoạn trích trên người thầy giáo đã yêu cầu chúng tôi (học sinh) những gì? (0,5 điểm)

Câu 2. Vì sao chúng tôi (những người học sinh) không muốn mang những túi khoai tây bên mình nữa? (0,5 điểm)

Câu 3. Em hiểu như thế nào về ý nghĩa của câu văn được in đậm "*Sau vài ngày, túi của nhiều người trong lớp đã bắt đầu nặng dần*" ? (1.0 điểm)

Câu 4. Thế nào là hàm ý? Nêu điều kiện sử dụng hàm ý, Đặt 1 câu có hàm ý khuyên mọi người nên tha thứ lỗi lầm cho người khác (1,0 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về ý nghĩa của việc tha thứ lỗi lầm trong cuộc sống.

Câu 2 (5.0 điểm)

Phân tích đoạn thơ sau, trích Ánh Trăng - Nguyễn Duy

Từ hồi về thành phố
quen ánh điện cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường
Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-đinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn
Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng
Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình

(Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam 2010, trang 156)

Từ đoạn thơ, hãy rút ra bài học nhận thức và định hướng hành động cho bản thân để xứng đáng với những hi sinh của thế hệ đi trước trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	<i>Trong đoạn trích trên người thầy giáo đã yêu cầu chúng tôi (học sinh):</i> -Mang một túi nilông sạch và một bao tải khoai tây đến lớp, ai không tha thứ lỗi lầm cho người nào đó thì hãy chọn ra một củ khoai tây, viết tên người ấy và ngày tháng lên đó, rồi bỏ nó vào túi nilông. - Phải luôn đeo cái túi đấy bên mình dù đi bất cứ đâu, ngủ	0,5 điểm

		hay làm việc.	
	2	<i>Chúng tôi (những người học sinh) không muốn mang những túi khoai tây bên mình nữa vì:</i> -Sự phiền phức khi phải mang vác một cái túi chứa hàng chục củ khoai tây. -Không những thế, chúng tôi còn phải luôn để tâm đến nó, nhớ đến nó và nhiều khi đặt nó ở những chỗ chẳng tế nhị chút nào. <i>-Qua thời gian, khoai tây bắt đầu phân huỷ thành một thứ chất lỏng nhầy nhụa.</i>	0,5 điểm
	3	- Câu văn muốn giúp người đọc nhận thức được tác hại của việc không biết tha thứ lỗi lầm của người khác. Sự giận dữ và oán hận trở thành một gánh nặng tinh thần ngày càng lớn dần. - Câu văn gửi gắm đến người đọc thông điệp: Hãy bao dung, độ lượng, biết tha thứ lỗi lầm của người khác để mình thanh thản, nhẹ nhàng hơn. Tha thứ cho người khác cũng chính là đang tha thứ cho chính mình.	1,0 điểm
	4	Hàm ý là những nội dung ý nghĩa mà người nói có ý định truyền bá cho người nghe nhưng không nói ra trực tiếp, chỉ ngụ ý để người nghe tự suy ra căn cứ vào ngữ cảnh, nghĩa tường minh, căn cứ vào những phương châm hội thoại. Điều kiện sử dụng hàm ý, cần đảm bảo hai điều kiện: – Người nói (viết) có ý thức đưa hàm ý vào câu. – Người nghe (đọc) có năng lực giải đoán hàm ý. <i>Học sinh tự đặt câu của mình.</i>	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề 2.Thân đoạn: a. Giải thích: Tha thứ lỗi lầm là buông bỏ, giải phóng những sự thù hận, oán trách ra. Tha thứ lỗi lầm đồng nghĩa với việc biết chấp nhận những thiếu sót của bản thân và vị tha với lỗi lầm của người khác. b. Phân tích, bàn luận	2,0 điểm

	-Tha thứ khiến cho người được tha thứ có cơ hội chuộc lỗi, sửa chữa lỗi lầm, sống tốt đẹp hơn. Tha thứ giúp cải thiện các mối quan hệ. -Tha thứ, giúp cho người tha thứ sự thanh thản. Buông ra sự giận dữ và thù oán có thể giúp con người bình tĩnh, cải thiện sức khỏe và hạnh phúc hơn. -Tha thứ không đồng nghĩa với việc giữ những khúc mắc, đau khổ, và sự không hài lòng ở trong tâm. Cũng không đồng nghĩa với việc dung túng, bao che lỗi lầm hay để người khác lợi dụng... c.Bàn luận mở rộng: Phê phán những người không biết tha thứ. d. Bài học: Đừng thù hận. Hãy biết tha thứ. 3. Kết đoạn: Tình yêu và sự tha thứ là chìa khóa dẫn tới hạnh phúc, sự viên mãn trong cuộc sống. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I.Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, dẫn dắt tới đoạn trích và chủ đề nghị luận. II.Thân bài: 1.Hình ảnh vầng trăng trong hiện tại: -Hoàn cảnh sống: + Đất nước hòa bình. + Hoàn cảnh sống thay đổi: xa rời cuộc sống giản dị của quá khứ, con người được sống sung túc trong “ánh điện cửa gương” – cuộc sống đầy đủ, tiện nghi, khép kín trong những căn phòng hiện đại, xa rời thiên nhiên. – “Vầng trăng đi qua ngõ – như người dưng qua đường”: + Vầng trăng bây giờ đối với người lính năm xưa giờ chỉ là dĩ vãng, dĩ vãng nhạt nhòa của quãng thời gian xa xôi nào đó. + Biện pháp nhân hóa, so sánh-> “Vầng trăng tình nghĩa”	5,0 điểm

	trở thành “người dừng qua đường”. Vầng trăng vẫn “đi qua ngõ”, vẫn tròn đầy, vẫn thủy chung tình nghĩa, nhưng con người đã quên trăng, hờ hững, lạnh nhạt, dừng dừng đến vô tình. Vầng trăng giờ đây bỗng trở thành người xa lạ, chẳng còn ai nhớ, chẳng còn ai hay biết. -> Rõ ràng, khi thay đổi hoàn cảnh, con người có thể dễ dàng quên đi quá khứ, có thể thay đổi về tình cảm. Nói chuyện quên nhớ ấy, nhà thơ đã phản ánh một sự thực trong xã hội thời hiện đại. – Con người gặp lại vầng trăng trong một tình huống bất ngờ: + Tình huống: mất điện, phòng tối om. + “Vội bật tung”: vội vàng, khẩn trương -> bắt gặp vầng trăng -> Đây là khổ thơ quan trọng trong cấu tứ toàn bài. Chính cái khoảnh khắc bất ngờ ấy đã tạo nên bước ngoặt trong mạch cảm xúc của nhà thơ-> Sự xuất hiện bất ngờ của vầng trăng khiến nhà thơ ngỡ ngàng, bối rối, gợi cho nhà thơ bao kỉ niệm nghĩa tình. 2.Cảm xúc và suy ngẫm của tác giả trước vầng trăng. – Từ “mặt” được dùng với nghĩa gốc và nghĩa chuyển – mặt trăng, mặt người – trăng và người cùng đối diện đàm tâm. – Với tư thế “ngửa mặt lên nhìn mặt” người đọc cảm nhận sự lặng im, thành kính và trong phút chốc cảm xúc dâng trào khi gặp lại vầng trăng: “có cái gì rưng rưng”. Rưng rưng của những niềm thương nỗi nhớ, của những lãng quên lạnh nhạt với người bạn cố tri; của một lương tri đang thức tỉnh sau những ngày đắm chìm trong cõi u mê mộng mị; rưng rưng của nỗi ân hận ăn năn về thái độ của chính mình trong suốt thời gian qua. Một chút áy náy, một chút tiếc nuối, một chút xót xa đau lòng, tất cả đã làm nên cái “rưng rưng”, cái thổn thức trong sâu thẳm trái tim người lính. – Và trong phút giây nhân vật trữ tình nhìn thẳng vào trăng- biểu tượng đẹp đẽ của một thời xa vắng, nhìn thẳng vào tâm hồn của mình, bao kỉ niệm chợt ùa về chiếm trọn tâm tư. Kí ức về quãng đời ấu thơ trong sáng, về lúc chiến tranh máu lửa, về cái ngày xưa hồn hậu hiện lên rõ dần theo dòng cảm nhận trào dâng, “như là đồng là bể, như là	

	sông là rừng”. Đồng, bể, sông, rừng, những hình ảnh gần bó nơi khoảng trời kỉ niệm. -> Cấu trúc song hành của hai câu thơ, nhịp điệu dồn dập cùng biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ và liệt kê như muốn khắc họa rõ hơn kí ức về thời gian gần bó chan hòa với thiên nhiên, với vầng trăng lớn lao sâu nặng, nghĩa tình, tri kỉ. Chính thứ ánh sáng dung dị đôn hậu đó của trăng đã chiếu tỏ nhiều kỉ niệm thân thương, đánh thức bao tâm tình vốn tưởng chừng ngủ quên trong góc tối tâm hồn người lính. Chất thơ mộc mạc chân thành như vầng trăng hiền hòa, ngôn ngữ hàm súc, giàu tính biểu cảm như “có cái gì rưng rưng”, đoạn thơ đã đánh động tình cảm nơi người đọc. – Hình ảnh “trăng cứ tròn vành vạnh” là tượng trưng cho quá khứ nghĩa tình, thủy chung, đầy đặn, bao dung, nhân hậu. – Hình ảnh “ánh trăng im phăng phắc” mang ý nghĩa nghiêm khắc nhắc nhở, là sự trách móc trong lặng im. Chính cái im phăng phắc của vầng trăng đã đánh thức con người, làm xáo động tâm hồn người lính năm xưa. Con người “giật mình” trước ánh trăng là sự bừng tỉnh của nhân cách, là sự trở về với lương tâm trong sạch, tốt đẹp. Đó là lời ân hận, ăn năn day dứt, làm đẹp con người. 3. Bài học nhận thức và định hướng hành động cho bản thân để xứng đáng với những hi sinh của thế hệ đi trước trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước. - Đoạn trích cho ta ghi nhớ về đạo lí “uống nước nhớ nguồn”. - Khi con người được sống đầy đủ về mặt vật chất thì thường hay quên đi những giá trị tinh thần, quên đi cái nền tảng cơ bản của cuộc sống, đó chính là tình cảm con người - “Ánh trăng” đã đi vào lòng người đọc bao thế hệ như một lời nhắc nhở đối với mỗi người: Nếu ai đã lỡ quên đi, đã lỡ đánh mất những giá trị tinh thần quý giá thì hãy thức tỉnh và tìm lại những giá trị đó. còn ai chưa biết coi trọng những giá trị ấy thì hãy nâng niu những kí ức quý giá của mình ngay từ bây giờ, đừng để quá muộn. - Liên hệ bản thân em sẽ làm gì.... III. Kết bài: Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật	

	*Nội dung: – Bài thơ là một lời tự nhắc nhở của tác giả về những năm tháng gian lao của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hậu. – Gọi nhắc, củng cố ở người đọc thái độ sống “uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ. *Nghệ thuật: – Thể thơ 5 chữ, phương thức biểu đạt tự sự kết hợp với trữ tình. – Giọng thơ mang tính tự bạch, chân thành sâu sắc. – Hình ảnh vầng trăng – “ánh trăng” mang nhiều tầng ý nghĩa.	

ĐỀ SỐ 14	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

(1) Con ong làm mật, yêu hoa
 Con cá bơi, yêu nước; con chim ca, yêu trời.
 Con người muốn sống, con ơi
 Phải yêu đồng chí, yêu người anh em.
 (2) Một ngôi sao chẳng sáng đêm
 Một thân lúa chín, chẳng nên mùa vàng.
 Một người - đâu phải nhân gian?
 Sống chẳng, một đốm lửa tàn mà thôi!

(3) Núi cao bởi có đất bồi
 Núi chê đất thấp núi ngời ở đâu?
 Muôn dòng sông đổ biển sâu
 Biển chê sông nhỏ, biển đâu nước còn?
 (Trích *Tiếng ru* - Tố Hữu, Gió lộng, NXB Văn học, 1981)

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định thành phần biệt lập trong khổ thơ (1)

Câu 2. (0,5 điểm) Chỉ ra các từ thuộc trường từ vựng “*thế giới tự nhiên*” trong khổ thơ (3).

Câu 3. (1,0 điểm) Nêu tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong hai câu thơ sau:

Con ong làm mật, yêu hoa
Con cá bơi, yêu nước, con chim ca, yêu trời.

Câu 4. (1,0 điểm) Em hiểu như thế nào về hai câu thơ:

Một người - đâu phải nhân gian?
Sống chẳng, một đốm lửa tàn mà thôi!

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về **sự cần thiết của tình thân tương thân tương ái trong cuộc sống.**

Câu 2 (5,0 điểm)

Phân tích thái độ và hành động của bé Thu qua hai đoạn trích sau:

[...] Trong bữa cơm đó, anh Sáu gắp một cái trứng cá to vàng để vào chén của nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi thất thần hất cái trứng ra cơm văng tung tóe cả mâm. Giận quá và không kịp suy nghĩ anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:

– Sao mày cứng đầu quá vậy hả?

Tôi tưởng con bé sẽ lăn ra khóc, sẽ giãy, sẽ đạp đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thế nào, nó cầm đũa gắp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm. Xuống bến, nó nhảy xuống xuống, mở lời tới cố làm cho dây lòi tới khua rồn rảng, khua thật to, rồi lấy dầm bơi qua sông. Nó sang qua nhà ngoại, mét với ngoại và khóc ở bên ấy. Chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không về...

Và:

[...] Đến lúc chia tay, mang ba lô lên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt nhìn con, thấy nó đứng trong góc nhà.

Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn với đôi mắt trĩu mến lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.

- Thôi ! Ba đi nghe con ! – Anh Sáu khe khẽ nói.

Chúng tôi, mọi người – kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên:

- Ba...a...a... ba!

Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót nó như dựng đứng lên.

Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:

- Ba! Không cho ba đi nữa ! Ba ở nhà với con !

Ba nó bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa...

(Trích *Chiếc lược ngà*- Nguyễn Quang Sáng, Ngữ văn 9, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Thành phần biệt lập là: "ơi" => thành phần gọi - đáp.	<i>0,5 điểm</i>
	2	Trường từ vựng: núi, đất, dòng sông, biển, nước.	<i>0,5 điểm</i>
	3	Biện pháp nhân hóa được thể hiện ở từ “yêu”. Đây là từ dùng cho con người nhưng lại được sử dụng cho con vật	<i>1,0 điểm</i>
	4	Học sinh có thể lý giải theo nhiều cách khác nhau, lý giải. Gợi ý: Câu thơ trên có thể hiểu: Một người không thể làm nên cả một nhân gian nghĩa là muốn thành công hãy đoàn kết, hãy sống trong tình yêu thương của mọi người thay vì tách mình ra khỏi xã hội.	<i>1,0 điểm</i>
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1. Mở đoạn - Tinh thần tương thân, tương ái là một truyền thống quý báu của dân tộc ta. 2. Thân đoạn a. Thế nào là tinh thần tương thân, tương ái? - Là sự quan tâm, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống giữa con người với con người. b. Phân tích, bàn luận: *Vì sao ta cần phải có tinh thần tương thân, tương ái? - Tinh thần tương thân, tương ái thể hiện phẩm chất, nhân cách cao quý của con người, là biểu hiện của tình yêu thương. - Tinh thần tương thân, tương ái giúp gắn kết con người lại với nhau, tạo ra sức mạnh vật chất lẫn tinh thần để vượt qua mọi khó khăn, thử thách. - Tinh thần tương thân, tương ái giúp con người sống	<i>2,0 điểm</i>

	nhân ái hơn. - Sống không có tinh thần tương thân, tương ái, thể hiện sự vô cảm của con người, con người sẽ bị tách biệt khỏi tập thể. * Học sinh thể hiện tinh thần tương thân, tương ái như thế nào? - Người có tinh thần tương thân, tương ái là người sống có tấm lòng nhân nghĩa, có phẩm chất đạo đức tốt đẹp: + Trong gia đình: yêu thương, kính trọng ông bà, cha mẹ; sống hòa hợp, gắn bó với anh, chị, em: biết nhường nhịn lẫn nhau,.. + Trong nhà trường: kính trọng, yêu mến thầy cô giáo, tôn trọng, giúp đỡ bạn bè,... + Ngoài xã hội: biết cảm thông, chia sẻ với hoàn cảnh của người nghèo khó; biết tương trợ, giúp đỡ đồng bào vùng thiên tai, lũ lụt,...Dẫn chứng: Covid 19, bão lũ miền trung,... c. Bàn luận mở rộng: Phê phán: Trong xã hội ngày nay vẫn còn những kẻ chỉ biết nghĩ đến quyền lợi của bản thân mình, thờ ơ, vô cảm trước hoàn cảnh khó khăn, nỗi khổ đau của người khác. Những người như thế thật đáng chê trách. d. Bài học nhận thức và hành động: - Biết tương thân, tương ái, giúp đỡ người khác trong khó khăn, hoạn nạn là việc làm tốt đẹp, cần tuyên dương, ngợi khen và lan tỏa trong cộng đồng. Thế nhưng, lòng tốt cũng cần phải đặt đúng chỗ, giúp đúng người, đúng việc, đừng để lòng tốt của mình bị kẻ xấu lợi dụng. - Không có gì đẹp bằng ánh sáng của lòng nhân ái. Hãy biết yêu thương, giúp đỡ người khác. - Liên hệ: Chúng ta hôm nay cần phải gìn giữ và phát huy tinh thần tốt đẹp ấy trong thời đại ngày nay. 3. Kết đoạn - Khẳng định: Tinh thần tương thân, tương ái là truyền thống tốt đẹp, quý báu của dân tộc ta. Tương thân, tương ái là phẩm chất cần có ở mỗi con người. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : 1. Mở bài: - Giới thiệu tác giả, tác phẩm - Giới thiệu nhân vật và vấn đề nghị luận 2. Thân bài a)Trước khi bé Thu nhận ông Sáu là ba: -Là cô bé sinh ra và lớn lên trong chiến tranh nên trong suốt 8 năm trời cô bé không được gặp ba. Cô chỉ biết mặt ba qua 1 tấm ảnh ba chụp chung với má. -Những tưởng ngày đoàn viên sau 8 năm xa cách phải đầy mừng tủi, hạnh phúc nhưng cô bé lại thể hiện 1 thái độ khác thường: +Trước sự xúc động của ông Sáu, ba bé Thu thì cô bé ngạc nhiên, hoảng sợ, mặt tái đi, bỏ chạy, cầu cứu má. + Những ngày sau đó dù ông dành hết thời gian bên con, yêu thương, chăm sóc nhưng bé Thu vẫn lạnh nhạt, xa lánh thậm chí bướng bỉnh, ngang ngạnh cự tuyệt ông: • Cô bé không chịu gọi ông là cha. Những lúc phải nói với ông nó chỉ gọi trống không, bất chấp sự trách móc của mẹ. • Cô bé còn từ chối sự chăm sóc của ông rất quyết liệt. Nó hất miếng trứng cá ông gắp cho ra khỏi bát làm đổ cả cơm. • Lúc ông Sáu không tìm được nỗi đau khổ nên phạt bé Thu, con bé ngay lập tức bỏ sang nhà bà ngoại. =>Miêu tả thái độ, hành động khác thường của con bé, tác giả đã: + Tái hiện được hoàn cảnh éo le của chiến tranh. + Cho thấy bé Thu hồn nhiên nhưng cũng bướng bỉnh, cá tính. Cô không nhận ông Sáu là ba vì trên mặt ông có vết sẹo, không giống với người ba của cô bé trên tấm hình suốt 8 năm nay.	5,0 điểm

	b.Khi bé Thu nhận ông Sáu là ba: - Sau khi nghe bà ngoại giải thích, bé Thu đã trở về nhà trong sáng ngày ông Sáu lên đường về đơn vị. Con bé đã thay đổi hoàn toàn thái độ trong sự ngỡ ngàng của ông Sáu và mọi người. + Nó cau có, bướng bỉnh mà buồn rầu và nghĩ ngợi sâu xa. + Khi bắt gặp cái nhìn trù mến, buồn bã của ba đôi mắt nó bỗng xôn xao. Đó là cái xôn xao của sự đồng cảm. Bé Thu nhận ra những tiếc nuối, xót xa, yêu thương trong ánh mắt của ba mình. + Đến giây phút cuối cùng, khi ông Sáu cất lời từ biệt con bé mới cất lên tiếng gọi ba xé lòng + Tiếng gọi bị kìm nén suốt 8 năm + Tiếng gọi chất chứa bao tình yêu thương thăm thiết. + Không chỉ vậy, nó xô đến ôm chặt lấy ba, hôn ba, hôn lên vết sẹo: • Con bé muốn giữ chặt ba, không cho ba đi. • Nó lo sợ ba sẽ đi mất. • Nó muốn bày tỏ tất cả tình yêu của mình dành cho ba. ->Trong khoảnh khắc, mọi khoảng cách với ba bị xóa bỏ. Cô bé không dấu diếm sự gắn bó và tình cảm của mình dành cho ba -> khiến mọi người xúc động. ->Miêu tả biến đổi tình cảm của bé Thu, tác giả đã 1 lần nữa tô đậm tình yêu ba tha thiết. Khi lạnh nhạt cũng như khi quẩn quýt, bé Thu đều hướng đến ba mình. ->Qua đó, ta thấy bé Thu gan góc, bướng bỉnh nhưng rất giàu tình cảm và dễ xúc động. 3. Kết bài: Khẳng định vấn đề d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 15	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Năm 2010, khi mới về dạy học ở Trường tiểu học Võ Thị Sáu, tận mắt chứng kiến sự thiếu ăn, thiếu mặc của học sinh (HS) tiểu học ở vùng này, cô Huỳnh Thị Thùy Dung (33 tuổi) bắt đầu đi xin các nhà hảo tâm. Gặp gì cô xin nấy, từ tấm áo, tập vở cho đến các loại nhu yếu phẩm cho học trò. Đa số các em là con đồng bào Dao, Tày, suốt ngày lên rẫy, không mấy quan tâm đến con em. Vì vậy, các em không chỉ thiếu sách vở, quần áo mà còn thiếu cả cơm ăn. Cô Dung tiến thêm một bước: nấu ăn miễn phí cho lũ trẻ.

Cô Dung bắt đầu nấu buổi trưa cho những HS có nhà ở xa. “Ban đầu chỉ nấu đồ ăn thôi, còn cơm thì tụi nhỏ tự mang theo. Nhưng nhìn mỗi đứa mỗi gói cơm mang theo khác nhau thấy tội quá. Nhiều bé mang cơm trắng, nhiều bé thì cơm không có màu trắng, thậm chí nhiều bé không có cơm để mang theo”, cô Dung nhớ lại.

Bước tiếp theo, cô Dung gõ cửa các nhà tài trợ để có thể mỗi tuần nuôi cơm miễn phí vài ba bữa. Ước nguyện của cô đã được đền đáp. Các nhà hảo tâm đã giúp cô trò mỗi tuần 3 bữa ăn miễn phí. Nhưng đến lúc đó lại xuất hiện một nỗi khổ khác: nhà bếp quá tạm bợ, nhiều em phải ngồi bệt xuống nền đất để ăn. Trông cảnh ấy, rất khó cầm lòng. Thế rồi, cô Dung lại “thêm việc” cho mình: xin nhà hảo tâm để xây cho các cháu một nhà ăn thật đàng hoàng, sạch sẽ.

(Trích *Nuôi cơm miễn phí cho học sinh*, Thanh Quân, Báo Thanh niên, số 86, Thứ bảy 27.3.2021)

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Câu 2 (0,5 điểm). Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

Câu 3 (1,0 điểm). Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ liệt kê được sử dụng trong câu văn: “Vì vậy, các em không chỉ thiếu sách vở, quần áo mà còn thiếu cả cơm ăn”.

Câu 4 (1,0 điểm). Qua đoạn trích trên, tác giả gửi gắm những thông điệp nào?

PHẦN II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về **ý nghĩa của tình yêu thương con người trong cuộc sống**.

Câu 2 (5,0 điểm).

Cảm nhận của em về hai khổ thơ sau:

“Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng

Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.”

(Trích *Ánh trăng*, Nguyễn Duy, SGK Ngữ văn lớp 9, tập một, NXB Giáo dục, 2014, tr.156)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: Tự sự	0,5 điểm
	2	Nội dung chính của đoạn trích trên: Việc nấu ăn miễn phí cho lũ trẻ của cô Huỳnh Thị Thùy Dung	0,5 điểm
	3	Nhấn mạnh sự thiếu thốn của các em học sinh ở Trường tiểu học Võ Thị Sáu.	1,0 điểm
	4	Tác giả gửi gắm những thông điệp: - Xã hội còn rất nhiều những mảnh đời bất hạnh cần sự chia sẻ từ chúng ta. - Hãy cho đi để rồi nhận lại. - Giúp đỡ những mảnh đời bất hạnh hơn mình.	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1.Mở bài: Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận 2. Thân bài Bước 1: Giải thích: Tình yêu thương là sự sẻ chia, thấu hiểu giữa con người với con người. Bước 2: Phân tích, chứng minh a) Biểu hiện của tình yêu thương: - Trong gia đình: - Trong xã hội: b) Ý nghĩa của tình yêu thương: - Sưởi ấm tâm hồn những con người cô đơn, đau khổ, bất hạnh, truyền cho họ sức mạnh, nghị lực để vượt lên hoàn	2,0 điểm

	cảnh. - Tạo sức mạnh cảm hoá kì diệu đối với những người “<i>lầm đường lạc lối</i>”; mang lại niềm hạnh phúc, niềm tin và cơ hội để có cuộc sống tốt đẹp hơn; - Là cơ sở xây dựng một xã hội tốt đẹp, có văn hóa. Dẫn chứng: Giúp đỡ đồng bào lũ lụt, ủng hộ nhân dân vùng dịch,... Bước 3: Bàn luận, mở rộng Phê phán những người trong xã hội sống thiếu tình thương, vô cảm, dửng dưng trước nỗi đau chung của đồng loại; những kẻ ích kỉ, chỉ biết lo cho cuộc sống của bản thân mình mà không quan tâm đến bất cứ ai. Bước 4: Bài học nhận thức và hành động - Tình yêu thương có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống - Chúng ta hãy nâng niu hạnh phúc gia đình; hãy sống yêu thương, biết sẻ chia, đồng cảm với những cảnh ngộ trong cuộc đời. 3/ Kết bài: Tổng kết, khẳng định lại vấn đề: Tình yêu thương có vai trò quan trọng trong cuộc sống con người, là lẽ sống của mỗi người. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I/ Mở bài Thời gian vẫn trôi và bốn mùa luân luân chuyển. Con người chỉ xuất hiện một lần trong đời và cũng chỉ một lần ra đi mãi mãi vào cõi vĩnh hằng...nhưng những gì là thơ, là văn, là nghệ thuật đích thực thì vẫn còn mãi với thời gian. Trước khi chết, vua Phổ cầm tay Moda và nói “<i>Ta tiêu biểu cho trật tự, người tiêu biểu cho cái đẹp. Biết đâu hậu thế sẽ quên ta và nhắc nhở đến người</i>”. Có lẽ về sau,	5,0 điểm

chúng ta vẫn sẽ không quên “*Ánh trăng*” của Nguyễn Duy. Một bài thơ hay, ngọt ngào, da diết, là tiếng lòng thốn thức của Nguyễn Duy gửi đến thế hệ bạn đọc. Đặc biệt là hai khổ thơ cuối, là dòng cảm xúc và suy ngẫm của tác giả trước vầng trăng:

*“Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng*

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.”*

II/ Thân bài

1.Khái quát chung

Thi phẩm “*Ánh trăng*” ra đời vào năm 1978, in trong tập thơ “*Ánh trăng*” của Nguyễn Duy –tập thơ đạt giải A của Hội nhà Văn Việt Nam năm 1984. Bài thơ là câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian từ quá khứ đến hiện tại gắn với các mốc sự kiện trong cuộc đời con người. Theo dòng tự sự ấy mạch cảm xúc đi từ quá khứ đến hiện tại và lắng kết trong cái “*giật mình*” ở cuối bài thơ.

2.Cảm nhận khổ thơ

Khổ 5=>Thật vậy, vầng trăng đã từng gắn bó với tuổi thơ, với cuộc đời người lính, đã trở thành người bạn tri kỉ, ngỡ không bao giờ quên. nhưng hoàn cảnh sống đổi thay, con người cũng thay đổi, có lúc cũng trở nên vô tình. Sau chiến thắng trở về thành phố, quen “*ánh điện cửa gương*”, khiến cho vầng trăng tình nghĩa vô tình bị lãng quên nhưng một tình huống đời thường xảy ra làm cho con người phải giật mình tỉnh ngộ, phải đối mặt với vầng trăng mà sám hối:

*“Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể*

	<i>như là sông là rừng”</i> Vần thơ có cái gì đó khiến lòng người cảm động. Hai từ "mặt" trong cùng một dòng thơ: mặt người và mặt trăng, mặt đối mặt, lòng đối lòng. Bao cảm xúc bên trong nhân vật trữ tình lúc này cũng như cánh cửa sổ "bật tung" ra, trào dâng đến nỗi như "có cái gì rừng rừng". "Rừng rừng" là biểu hiện xúc động, nước mắt đang ứa ra, sắp khóc. Rừng rừng của những niềm thương nỗi nhớ, của những lãng quên lạnh nhạt với người bạn cố tri; của một lương tri đang thức tỉnh sau những ngày đắm chìm trong cõi u mê mộng mị; rừng rừng của nỗi ân hận ăn năn về thái độ của chính mình trong suốt thời gian qua. Một chút áy náy, một chút tiếc nuối, một chút xót xa đau lòng, tất cả đã làm nên cái "rừng rừng", cái thốn thức trong sâu thẳm trái tim người lính. Và trong phút giây nhân vật trữ tình nhìn thẳng vào trăng- biểu tượng đẹp đẽ của một thời xa vắng, nhìn thẳng vào tâm hồn của mình, bao kỉ niệm chợt ứa về chiếm trọn tâm tư. Kí ức về quãng đời ấu thơ trong sáng, về lúc chiến tranh máu lửa, về cái ngày xưa hồn hậu hiện lên rõ dần theo dòng cảm nhận trào dâng, "như là đồng là bể, như là sông là rừng". Đồng, bể, sông, rừng, những hình ảnh gần bó nơi khoảng trời kỉ niệm. Cấu trúc song hành của hai câu thơ, nhịp điệu dồn dập cùng biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ và liệt kê như muốn khắc họa rõ hơn kí ức về thời gian gần bó chan hòa với thiên nhiên, với vầng trăng lớn lao sâu nặng, nghĩa tình, tri kỉ. Chính thứ ánh sáng dung dị đôn hậu đó của trăng đã chiếu tỏ nhiều kỉ niệm thân thương, đánh thức bao tâm tình vốn tưởng chừng ngủ quên trong góc tối tâm hồn người lính. Chất thơ mộc mạc chân thành như vầng trăng hiền hòa, ngôn ngữ hàm súc, giàu tính biểu cảm như "có cái gì rừng rừng", đoạn thơ đã đánh động tình cảm nơi người đọc. Đọc bốn câu thơ, ta thấy thương thay cho trăng và tiếc thay cho người chiến sĩ. <i>"Khéo trách người sao quá vội vàng Bỏ lại bao kỉ niệm quá khứ Khá trách người sao quá phũ phàng Lãng quên những yêu thương tình tự".</i> Nhân vật trữ tình đã có biết bao lần có thể hội ngộ cùng	

	trắng, nhưng người đều bỏ lỡ dịp đó. Người đã xem trắng như người dưng, và giờ là lúc người bị căn rút lương tâm tội độ. Khổ 6=>Khổ cuối bài thơ, Nguyễn Duy đưa người đọc cùng đắm chìm trong suy tư, trong chiêm nghiệm về vầng trăng tình nghĩa một thời: <i>"Trăng cứ tròn vành vạnh kể chi người vô tình ánh trăng im phăng phắc đủ cho ta giật mình."</i> “Trăng tròn vành vạnh” là hiện diện cho quá khứ đẹp đẽ không thể phai mờ. Nó đối lập với con người vô tình đối thay, đối lập với ánh điện cửa gương dễ bị chi phối bởi hoàn cảnh. Hai tiếng “<i>kể chi</i>” như một lời khẳng định thể hiện sự bao dung độ lượng của trăng. Ánh trăng được nhân hoá và khoanh khắc “<i>im phăng phắc</i>” là cái lặng im của sự nghiêm khắc mà bao dung, của sự thấu hiểu và độ lượng, tha thứ. Sự im lặng của trăng đủ để nhà thơ “<i>giật mình</i>”. Cái giật mình ấy làm cho con người trở nên đáng trọng hơn. Cái “<i>giật mình</i>” là cảm giác và phản xạ tâm lí có thật của một người biết suy nghĩ, chợt nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, sự nông nổi trong cách sống của mình. Cái “<i>giật mình</i>” của sự ăn năn, tự trách, tự thấy phải đối thay trong cách sống. Cái “<i>giật mình</i>” tự nhắc nhở bản thân không bao giờ được làm người phản bội quá khứ, phản bội thiên nhiên, sùng bái hiện tại mà coi rẻ quá khứ. Con người “<i>giật mình</i>” trước ánh trăng là sự bừng tỉnh của nhân cách, là sự trở về với lương tâm trong sạch, tốt đẹp. Đó là lời ân hận, ăn năn day dứt, làm đẹp con người. Nguyễn Duy thầm nhắc nhở chính mình và cũng đồng thời nhắc nhở chúng ta, những người đang sống trong hoà bình, hưởng những tiện nghi hiện đại, đừng bao giờ quên công lao của biết bao người đi trước. Trân trọng, khắc ghi, tri ân kỉ niệm. “<i>Uống nước nhớ nguồn</i>”. 3.Đánh giá, mở rộng Đánh giá=> Với giọng thơ trầm tĩnh, sâu lắng, hai đoạn	

	thơ trên đã gây nhiều xúc động cho người đọc. Nó như là lời tâm sự, lời tự thú, lời tự nhắc chân thành. Qua đoạn thơ, tác giả muốn nói rằng: phải thủy chung, trọn vẹn, phải nghĩa tình sắt son với nhân dân, với đất nước, và ngay với chính bản thân mình. Mở rộng=>Cũng lối sống thủy chung, ân tình đó ta lại liên tưởng tới bài thơ “<i>Bếp lửa</i>” của Bằng Việt. Bài thơ khẳng định: hãy sống ân tình, thủy chung với quê hương, với quá khứ, với lịch sử và nhân dân. Chẳng ai hạnh phúc nếu không biết trân trọng, tri ân và chung thủy với quá khứ. III/ Kết bài Khẳng định thành công về tác phẩm=> Tóm lại, hai khổ thơ trên mang tính chất triết lí sâu sắc, nhẹ nhàng cảnh tỉnh ai đó đã lãng quên quá khứ tốt đẹp. Cần biết sống thủy chung, nghĩa tình. Dư âm của tác phẩm=> Cuộc sống hôm nay dù không còn bom đạn chiến tranh nhưng vẫn còn đó một cuộc đấu tranh với chính mình để loại bỏ cái vô tình, bội bạc, để hướng tới cuộc sống tốt đẹp. Hai khổ thơ trên đã, đang và sẽ soi rọi vào những góc tối của tâm hồn để con người nhận ra chính mình và có những cái “<i>giật mình</i>” đáng quý. d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 16	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I.PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

TAY TRONG TAY

Một ngày hè, tôi ngồi trên bãi biển và ngắm nhìn hai đứa trẻ đang chơi trên cát. Chúng say sưa xây một lâu đài có đủ cổng, tháp, hào và có cả khách tham quan. Khi công trình gần hoàn thành thì một cơn sóng lớn ập đến phá tan tất cả. Giờ thì

chỉ còn một đồng cát ướt mà thôi. Tôi tưởng bọn trẻ sẽ khóc vì sóng đã phá tan những gì chúng kỳ công xây dựng. Nhưng không! Chúng lại cùng chạy ra xa con nước, cười giòn, tay nắm tay và... xây dựng một lâu đài mới. Chúng đã dạy tôi một bài học quan trọng. Tất cả mọi thứ trong cuộc sống dù quý giá đến đâu thì cũng không khác gì những tòa lâu đài trên cát. Chỉ có tình yêu, tình bạn là vững bền. Trước sau gì thì cơn sóng cũng sẽ đến và mang đi tất cả những gì chúng ta có công xây đắp. Nhưng bao giờ thì những cơn sóng sẽ đến? Không ai biết trước được! Chỉ biết rằng với những ai có được bàn tay của người khác để nắm chặt, để cùng chia sẻ những thành công, thất bại thì mới có thể cười vang và vượt qua mọi khó khăn.

(Theo Songdep.xitrum.net – sống đẹp tập II NXB. Giáo dục Việt Nam, tr. 117)

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. (0,5 điểm) Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: "*Chúng ta cùng chạy ra xa, con nước, cười giòn, tay nắm tay và...xây dựng một lâu đài mới.*"

Câu 3. (1,0 điểm) Em hiểu như thế nào về ý nghĩa nhan đề văn bản "*Tay trong tay*"?

Câu 4. (1,0 điểm) Thông điệp nào của văn bản có ý nghĩa nhất với em.

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Từ nội dung phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn ngắn (200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về **ý nghĩa của sự đồng cảm, sẻ chia trong cuộc sống.**

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận về **đẹp của nhân vật Phương Định** trong đoạn trích sau :

"...Văng lạng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác. Đất nóng. Khói đen vờ vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì từ xa. Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không? Chắc có, các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt. Tôi đến gần quả bom. Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ theo dõi mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới.

Quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẻ hai vòng tròn màu vàng...

Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng. Chị Thao thối còi. Như thế là đã hai mươi phút trôi qua. Tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi. Dây mìn dài, cong, mềm. Tôi khỏa đất rồi chạy lại chỗ ẩn nấp của mình. Hồi

còi thứ hai của chị Thao. Tôi nép người vào bức tường đất, nhìn đồng hồ. Không có gió. Tim tôi cũng đập không rõ. Đường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ. Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng, đề lên những con số vĩnh cửu. Còn đằng kia, lửa đang chui bên trong cái dây mìn, chui vào ruột quả bom...

Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đứng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mặn mặn, cát lạo xạo trong miệng. Nhưng quả bom nổ. Một thứ tiếng kì quái, đến váng óc. Ngực tôi nhói, mắt cay mãi mới mở ra được. Mùi thuốc bom buồn nôn. Ba tiếng nổ nữa tiếp theo. Đất rơi lộp bộp, tan đi âm thầm trong những bụi cây. Mảnh bom xé không khí, lao và rít vô hình trên đầu.”...

(Lê Minh Khuê, *Những ngôi sao xa xôi*, Ngữ văn 9, tập hai, trang 117-118)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: tự sự	0,5 điểm
	2	Các em có thể lựa chọn 1 trong 2 biện pháp tu từ: liệt kê hoặc nhân hóa (con nước)	0,5 điểm
	3	Ý nghĩa nhan đề văn bản: Thể hiện tinh thần đoàn kết, gắn bó, sẻ chia, đồng cảm giữa người với người để vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống.	1,0 điểm
	4	Lựa chọn thông điệp em nghĩ tới. Gợi ý: Tất cả mọi thứ trong cuộc sống dù quý giá đến đâu thì cũng không khác gì những tòa lâu đài trên cát. Chỉ có tình yêu, tình bạn là vững bền. Trước sau gì thì cơn sóng cũng sẽ đến và mang đi tất cả những gì chúng ta cố công xây đắp. Nhưng bao giờ thì những cơn sóng sẽ đến? Không ai biết trước được. Chỉ biết rằng với những ai có được bàn tay của người khác để nắm chặt, để cùng chia sẻ những thành công, thất bại thì mới có thể cười vang và vượt qua mọi khó khăn.	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn	2,0 điểm

	chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1.Mở bài: Giới thiệu vấn đề 2. Thân bài: a. Giải thích - Đồng cảm: Là biết rung cảm trước những vui buồn của người khác, đặt mình vào hoàn cảnh của người khác để hiểu và cảm thông với họ. - Sẻ chia: Cùng người khác san sẻ vui buồn, những trạng thái tình cảm, tâm hồn với nhau; cả sự chia sẻ những khó khăn về vật chất, giúp nhau trong hoạn nạn... Khi ta học được cách đồng cảm và chia sẻ tức biết sống vì người khác cũng là lúc mình nhận được niềm vui; ta cảm thấy cuộc đời này thật tuyệt vời. Nếu ai cũng biết “học cách đồng cảm và sẻ chia”, trái đất này sẽ thật là “thiên đường”. b. Phân tích, bàn luận - Cuộc sống đầy những khó khăn vì vậy cần lắm những tấm lòng đồng cảm, sẻ chia + Sẻ chia về vật chất: Giúp đỡ khi khó khăn, hoạn nạn. + Sẻ chia về tinh thần: Ánh mắt, nụ cười, lời an ủi, chúc mừng, đôi khi chỉ là sự im lặng cảm thông, lắng nghe. - Sự đồng cảm, sẻ chia được thể hiện trong những mối quan hệ khác nhau + Đối với người nhận (...) + Đối với người cho (...) + Đồng cảm, sẻ chia và xã hội ngày nay (...) c. Bàn luận, mở rộng: Phê phán bệnh vô cảm, lối sống ích kỉ, sống thiếu trách nhiệm với đồng loại, với cộng đồng ở một số người. d. Bài học nhận thức và hành động - Nhận thức: Đồng cảm, sẻ chia giúp con người thêm sức mạnh để vượt qua những thử thách, những nghịch cảnh của cuộc đời. Đó cũng là một trong những phẩm chất “người”, kết tinh giá trị nhân văn cao quý ở con người. - Hành động: Phải học cách đồng cảm, sẻ chia và phân biệt đồng cảm, sẻ chia với sự thương hại, ban ơn... Ai cũng có thể đồng cảm, sẻ chia với những người quanh mình với điều kiện và khả năng có thể của mình. 3. Kết đoạn: Cuộc sống sẽ đẹp vô cùng khi con người	

	biết đồng cảm, sẻ chia. Đó cũng là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I/Mở bài <i>“ Chào em, em gái tiền phương Hẹn gặp nhé, giữa Sài Gòn Em vẫn cười đôi mắt trong.”</i> (Lá đỏ-Nguyễn Đình Thi) Hình ảnh các cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn là nguồn cảm hứng bất tận cho văn học cách mạng, đó là những cô gái kiên cường nhưng giàu tình cảm, mang những phẩm chất tốt đẹp. Phương Định trong truyện ngắn “<i>Những ngôi sao xa xôi</i>” của Lê Minh Khuê là một minh chứng tiêu biểu cho sức sống mãnh liệt của hình tượng cô thanh niên xung phong trong lòng bạn đọc. Nhà văn Lê Minh Khuê bằng một bút pháp tinh tế và cảm nhận sâu sắc đã mở ra một khoảng trời kí ức trong tâm hồn Phương Định, hé lộ những phẩm chất của nhân vật, đặc biệt qua đoạn trích “<i>Văng lạng... vô hình trên đầu</i>”. II/ Thân bài 1.Khái quát chung Truyện ngắn “ <i>Những ngôi sao xa xôi</i>” được Lê Minh Khuê viết vào năm 1971, khi ấy nước ta đang trải qua cuộc kháng chiến chống Mỹ ác liệt. Tác phẩm đã ghi lại một cách chân thực nhất đời sống của các cô gái thanh niên xung phong sống và chiến đấu trên tuyến đường Trường Sơn đầy bom đạn mà tiêu biểu là nhân vật Phương Định. Đoạn trích nằm ở giữa tác phẩm. Sau khi giặc ném bom, chị Thao và Nho đi trinh sát, phát	5,0 điểm

	hiện ra có bốn quả bom chậm cần phải phá, nhằm đảm bảo tuyến đường Trường Sơn không bị đứt mạch, Phương Định có nhiệm vụ phá một quả bom trên đồi. Đoạn trích miêu tả công việc phá bom căng thẳng và nguy hiểm của Phương Định. Qua đoạn trích trên ta thấy Phương Định là một cô thanh niên xung phong can trường, gan dạ, giàu tinh thần trách nhiệm. 2. Cảm nhận về đẹp của nhân vật Phương Định trong đoạn trích Rời ghế nhà trường phổ thông, Phương Định xung phong ra mặt trận, nguyện dâng hiến cả tuổi thanh xuân cho đất nước. Cuộc sống nơi chiến trường luôn đối mặt với thử thách, nguy hiểm và cái chết đã tôi luyện ở Phương Định lòng quả cảm, không sợ hi sinh. Tâm lí Phương Định trong một lần phá bom được miêu tả rất cụ thể, tinh tế đến từng cảm giác, ý nghĩ dù chỉ thoáng qua trong giây lát. Lê Minh Khuê đã rất tinh tế khi miêu tả không gian tĩnh lặng, hoang tàn trên đường Phương Định đi đến chỗ quả bom để làm, bật lên sự tàn khốc, căng thẳng của cuộc chiến. Phương Định nhận xét về bầu không khí ấy “<i>Vắng lặng đến phát sợ</i>”. Đó là sự tĩnh lặng tuyệt đối và căng thẳng như đè nặng lên tâm hồn nhân vật. Tất cả cảnh vật đều thiếu sức sống. Bom giặc hủy diệt thiên nhiên, những cái cây sót lại thì “<i>xơ xác</i>”. “<i>Đất nóng</i>”- câu văn ngắn khiến người đọc cảm nhận được mặt đất nóng rẫy bởi lửa đạn chiến tranh. Trong không khí là “<i>khói đen vạt vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì ở xa</i>”. Hình ảnh đám khói tạo cảm giác hiu quạnh, hoang tàn. Tất cả các cảnh vật đều gợi đến sự hủy diệt, đều gợi nhắc đến lẫn ranh giữa sự sống và cái chết chỉ tích tắc, bởi đó là sự tàn tích sót lại sau một đợt càn quét dữ dội của quân giặc. Vậy mà giữa không gian hoang tàn chết chóc đó, Phương Định chỉ có một mình. Trong tình huống nguy hiểm và cô độc ấy, tâm trí Phương Định bỗng hiện ra câu hỏi “<i>Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không?</i>”. Câu hỏi ấy cất lên thật tự nhiên, phù hợp với tâm lí nhân vật vì Phương Định luôn dành tình cảm đặc biệt cho các anh lính giải phóng. Tuy	

	cô có nét kiêu kì của một người con gái Hà Thành không sẵn sốc, vốn vã nhưng thực tâm cô luôn nghĩ rằng “<i>những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ</i>”. Sự hiện diện của các anh như tiếp thêm cho cô sức mạnh và niềm tin để hoàn thành nhiệm vụ. Mặt khác trong cái tĩnh lặng và cô độc đến đáng sợ ấy ánh mắt dõi theo của các anh cao xạ giống như một sự đồng tình, một sự ủng hộ, một động lực lớn lao đồng hành cùng Phương Định. Nó xua tan cảm giác cô quạnh và xua tan sự sợ hãi. Nó giúp Phương Định nhận ra sợi dây gắn bó vô hình nhưng bền chặt giữa cô và đồng đội, giữa một cá nhân và một tập thể, để có được thứ sức mạnh đoàn kết to lớn làm điểm tựa tinh thần. Cho nên, mặc dù lúc đầu sự không chắc chắn thể hiện qua hình thức câu hỏi, qua cụm từ “<i>chắc có</i>”, Phương Định vẫn tin tưởng mạnh mẽ vào các anh lính cao xạ. Biện pháp nói quá “<i>Các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt</i>” vừa cho thấy sự nể phục vừa cho thấy niềm tin vững chắc của Phương Định vào các anh chiến sĩ. Có một điểm tựa tinh thần như thế nên Phương Định trở nên mạnh mẽ hơn. Cô nhận ra mình không còn sợ nữa. Và hơn hết cô có can đảm để khẳng định “<i>Tôi sẽ không đi khom</i>”. Ta có thể hình dung một dáng đi hiên ngang, mạnh mẽ, ngẩng cao đầu đầy kiêu hãnh của cô thanh niên xung phong đầy can trường giữa hoàn cảnh khắc nghiệt. Ở Phương Định sáng lên vẻ đẹp của lòng tự trọng và một trái tim dũng cảm, bản lĩnh. Thế rồi hình ảnh quả bom hiện ra “<i>Quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẻ hai vòng tròn màu vàng...</i>”. Phép nhân hóa qua từ “<i>lạnh lùng</i>” khiến quả bom như một kẻ thù hiểm ác, vừa như đe dọa, vừa như thách thức. Hình ảnh quả bom tách ra, chỉ có hai câu, tô đậm thêm sự nguy hiểm và bầu không khí căng thẳng, nặng nề của công việc phá bom. Phương Định nhanh chóng bắt tay vào công việc. Những câu trần thuật ngắn đặt kề nhau như những nhịp hoạt động liên tục, thành thực của Phương Định “<i>Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom</i>”, “<i>Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên</i>”. Công việc gian khổ, nguy	

	hiểm này có lẽ Phương Định phải đối mặt mỗi ngày cho nên cô hành động dứt khoát, không do dự. Câu đặc biệt “<i>Đất rắn</i>” ngắn và bình thản. Nó cho thấy sự cảm nhận trong tích tắc và sự phán đoán mau lẹ của Phương Định. Công việc phá bom không chỉ căng thẳng cần một thần kinh thép mà còn đòi hỏi một sức khỏe bền bỉ và sự cẩn thận, chính xác từng li, từng tí. Đôi lúc lưỡi xẻng chạm vào quả bom, Lê Minh Khuê miêu tả âm thanh ấy: “<i>Một tiếng động sắc đến gai người, cửa vào da thịt tôi</i>”. Phép chuyển đổi cảm giác đầy sống động đã giúp người đọc hình dung ra cái âm thanh chất chúa của kim loại chạm vào nhau. Tiếng động ấy như một lưỡi dao cửa vào da thịt Phương Định và như cửa vào trái tim người đọc. Bởi âm thanh ấy, trong những dao động gai người của nó, là thông điệp của cái chết. Biết đâu sau một trong những va chạm nhỏ nhất, quả bom sẽ phát nổ? Lưỡi hái thần chết luôn rình rập trong công việc đầy nguy hiểm, gian khổ này. Âm thanh chất chúa này dội vào tâm hồn Phương Định, cô nhận ra sao mình làm quá chậm. Câu cầu khiến “<i>Nhanh lên một tí</i>” vang ra như một sự thúc giục. Cần phải nhanh chóng hoàn thành nhiệm vụ trước khi có điều bất trắc gì xảy ra. Chi tiết “<i>vỏ quả bom nóng</i>” là một chi tiết đắt giá. Bởi đó là “<i>một dấu hiệu chẳng lành</i>”. Có thể vỏ quả bom nóng do mặt trời nung, như vậy thì mọi việc vẫn bình an. Nhưng cũng có thể vỏ quả bom nóng do sức nóng từ bên trong , có nghĩa là nó sắp phát nổ. Câu văn “<i>vỏ quả bom nóng</i>” như dồn nén tất cả sự căng thẳng. Trong một khoảnh khắc đó là sự giằng co giữa sự sống và cái chết, an toàn và hiểm nguy, là một thử thách lớn lao ngay cả với những tâm hồn can đảm nhất. Trước thử thách tâm lí nặng nề ấy, người đọc nhận ra một sức mạnh phi thường trong tâm hồn Phương Định. Điệp cấu trúc “hoặc là”...lặp đi lặp lại hai lần cho thấy sự phán đoán bình thản đến bất ngờ. Dường như đứng giữa lằn ranh sống chết ấy, Phương Định quên đi sự an nguy của chính mình và vượt qua mọi nỗi sợ hãi, dồn toàn bộ tâm trí để hoàn thành nhiệm vụ. Đặt mìn phá bom xong, Phương Định hồi hộp chờ kết quả. Nếu ở phần trên, Lê Minh Khuê khắc họa sự nguy	

	hiểm, căng thẳng của công việc phá bom trên bình diện không gian còn đến đây thì nữ nhà văn giúp người đọc hình dung điều đó rõ hơn qua bình diện thời gian. Hai dấu hiệu của thời gian đó là: hồi còi của chị Thao và chiếc kim đồng hồ. Không gian tĩnh lặng đến tận cùng. Và dường như thời gian ngưng đọng. “<i>Không có gió</i>” –không có dù chỉ một âm thanh nhỏ và không khí vẫn khô nóng đầy ngột ngạt. Không gian tĩnh lặng đủ để Phương Định cảm nhận trái tim mình. “<i>Tim tôi đập không rõ</i>”. Đó là những nhịp tim loạn nhịp cho thấy sự căng thẳng, hồi hộp ngự trị trong tâm hồn cô thanh niên xung phong. Đối lập với tâm hồn đầy biến động của Phương Định là hình ảnh những chiếc kim đồng hồ “<i>bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung</i>” như một sinh vật sống dừng đứng, lạnh lùng. Những câu văn dài như dòng chảy vô thủy vô chung của thời gian “<i>Nó chạy sinh động và nhẹ nhàng, đè lên những con số vĩnh cửu</i>”. Ở đây bằng sự tương phản giữa thời gian vật lí và thời gian tâm lí, Lê Minh Khuê đã khắc họa được bức tranh tâm hồn của Phương Định. Nếu thời gian của đời người trong cuộc phá bom đầy nguy hiểm này chỉ là từng khoảnh khắc giằng co giữa sống-chết thì thời gian vật lí lạnh lùng vô tri bởi chúng ta chỉ là “những con số vĩnh cửu”. Nếu tâm lí căng thẳng của Phương Định cảm nhận thời gian trôi chậm chạp, nặng nề thì những chiếc kim đồng hồ chỉ đơn giản là “<i>chạy, sinh động và nhẹ nhàng</i>” theo nhịp vận động từ ngày xưa của nó. Tại sao Phương Định lại có thể mạnh mẽ đến như vậy khi đối mặt với cái chết? Tại sao cô lại hồi hộp, căng thẳng đến mức tim loạn nhịp khi dõi theo ngọn lửa chạy vào quả bom? Khi công việc phá bom thành công. Phương Định tâm tình cùng bạn đọc và lí giải những điều đó “<i>Quen rồi</i>”. Câu đặc biệt vừa chân thành như một lời tâm tình vừa bình thản gan dạ đến lạ lùng. Thì ra sức mạnh tinh thần lớn lao ấy giống như một thứ kim loại quý giá và vững vàng đã được ngọn lửa chiến tranh tôi luyện để càng rắn rỏi. Chính cái hoàn cảnh “<i>một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít:ba lần</i>” đã tạo cho Phương Định và đồng đội của mình một tinh thần thép để vượt qua nỗi sợ hãi và những khoảnh khắc căng thẳng	

	đối diện với cái chết. Tất nhiên họ không phải là những kẻ liều mạng. Họ đủ tỉnh táo để nhận ra “<i>Tôi có nghĩ tới cái chết nhưng cái chết mờ nhạt, không cụ thể</i>”. Thông thường những người yêu cuộc sống tha thiết sẽ sợ cái chết bởi như một danh nhân từng nói “<i>Bị kích thật sự của cái chết không phải là ta chết mà chính là ở chỗ ta không còn được sống nữa</i>”. Thế nhưng thật nghịch lí trong hoàn cảnh chiến tranh lúc con người ta dám can đảm đối mặt với cái chết là lúc con người ta yêu cuộc sống nhất. Bởi cái chết khi làm nhiệm vụ khiến cuộc đời của họ kết thúc một cách có ý nghĩa, họ ngã xuống trở thành một phần máu thịt của đất mẹ quê hương. Lí do khác khiến Phương Định cảm thấy cái chết “<i>mờ nhạt không cụ thể</i>” chính là bởi tâm trí cô có một mục tiêu rõ ràng, quan trọng, cần phải quan tâm hơn: nhiệm vụ. Các câu hỏi như những làn sóng xoáy sâu vào tâm trí “<i>Liệu mình có nổ không?</i>”, “<i>Không thì làm cách nào để châm mình lần hai</i>” đã lấn át ý niệm về cái chết và khiến nó trở nên thật mờ nhạt. Như vậy, chính tinh thần trách nhiệm cao độ mà cơ sở của nó chính là tình yêu nước, là khát vọng hòa bình đã tiếp thêm sức mạnh cho Phương Định để cô có thể vững vàng vượt qua tất cả. Và giây phút chờ đợi đã qua. Bom nổ - “<i>Một thứ tiếng kì quái đến váng óc</i>”, ngực nhói, mắt cay, ... “<i>Mảnh bom xé không khí, lao và rít vô hình trên đầu.</i>”...cô vẫn phui áo và chạy xuống ngay nơi nổ. “<i>Bom nổ</i>”. “<i>Thắng rồi</i>”. Phương Định đã hoàn thành công việc. Đây quả là một cuộc đấu trí gan góc, kiên cường. Từ đó ta thấy tinh thần, ý chí và lòng dũng cảm của người con gái nhỏ bé, bình dị nhưng không bao giờ chịu khuất phục. Một ngày trong những năm tháng Trường Sơn của cô là như vậy! Những trang lịch sử Trường Sơn không thể quên ghi một ngày như thế! Đoạn trích trên đã giúp người đọc hình dung ra bức chân dung tinh thần của Phương Định-một cô thanh niên dũng cảm gan dạ với một tinh thần thép và bản lĩnh phi thường. Chính nghịch cảnh chiến trường đã tôi luyện nơi cô thanh niên xung phong một trái tim quả cảm, một tinh thần trách nhiệm để có thể vượt qua được sự căng thẳng của công việc, vượt qua được nỗi sợ hãi cái chết để có thể	

	hoàn thành nhiệm vụ. Sự gan dạ, dũng cảm phi thường ấy có nguồn cội sâu xa từ tinh thần yêu nước sâu sắc và khát vọng hòa bình mãnh liệt trong tâm hồn Phương Định. Qua đó ta thấy được ngòi bút của Lê Minh Khuê đậm chất nhân văn. Nhà văn đã mở lòng mình ra để đồng cảm với nhân vật và khai phá được những nét đẹp rất riêng của nhân vật cũng như khái quát lên được những phẩm chất của cả một thế hệ. Đó là thế hệ trẻ trên tuyến đường Trường Sơn quyết dâng hiến sức trẻ của mình để giải phóng dân tộc. Ở họ dòng suối cuộc đời đã hòa vào trường giang của quê hương, để rồi tất cả chan hòa trong đại dương của Tổ quốc, làm nên những sức mạnh thật diệu kì. 3.Đánh giá, mở rộng a.Đánh giá Có thể nói, xây dựng nhân vật Phương Định, Lê Minh Khuê đã xây dựng bằng những thủ pháp nghệ thuật đặc sắc, hiệu quả. Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sắc sảo tinh tế. Ở đoạn văn trên, nữ nhà văn đã chú ý đến các yếu tố không gian thời gian và chọn lọc các chi tiết ngoại cảnh (tiếng xẻng chạm vào vỏ bom, chi tiết vỏ bom nóng,...) để khắc họa tâm lí nhân vật. Việc chọn ngôi kể là ngôi thứ nhất, lời kể của Phương Định cũng giúp người đọc dễ dàng đồng cảm với nhân vật. Ngôn ngữ tự sự hấp dẫn, sống động, giàu sức tạo hình. Đặc biệt là sự kết hợp giữa câu văn dài, ngắn khác nhau, kết hợp linh hoạt các kiểu câu trần thuật, câu cầu khiến vừa đặc tả được sự tĩnh lặng của không gian, sự trôi chảy của thời gian, vừa giúp người đọc hình dung được hoạt động và tâm lí nhân vật. b.Mở rộng Hình ảnh Phương Định khiến ta gợi nhớ đến hình ảnh của những cô gái thanh niên xung phong trong thơ Phạm Tiến Duật, Lâm Thị Mỹ Dạ, trong văn của Nguyễn Minh Châu, và 10 đóa hoa thơm ở ngã ba Đồng Lập,...Họ là những cô gái trẻ đã hiến dâng tuổi thanh xuân của mình cho đất nước. <i>“Em nằm dưới đất sâu Như khoảng trời nằm yên trong đất Đêm đêm tâm hồn em tỏa sáng</i>	

		<i>Những vì sao ngồi chối lưng linh”.</i> (“Khoảng trời hố bom”- Lâm Thị Mỹ Dạ) III/Kết bài Tóm lại, qua đoạn trích trên, Phương Định hiện lên là một cô gái dũng cảm, gan dạ, giàu tinh thần trách nhiệm. Bằng một ngòi bút bàng bạc chất thơ và thấm đẫm cảm xúc, Lê Minh Khuê đã vẽ nên bức chân dung gần gũi, đáng yêu của cô thanh niên Phương Định, để lại ấn tượng trong lòng bạn đọc. Chính vì lẽ đó, đứa con tinh thần đầu tay của nhà văn – truyện ngắn “<i>Những ngôi sao xa xôi</i>” đến nay vẫn có sức sống mãnh liệt, nó khơi gợi trong lòng người đọc sự trân trọng và nể phục trước một thế hệ trẻ hào hùng của những trang sử vàng dân tộc. <i>“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước” Mà lòng phơi phới dậy tương lai”</i> (Tố Hữu) d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 17	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I.PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

- (1) "...Người có tính khiêm tốn thường hay cho mình là kém, còn phải phấn đấu thêm, trau dồi thêm, cần được trao đổi, học hỏi nhiều thêm nữa. Người có tính khiêm tốn không bao giờ chịu chấp nhận sự thành công của cá nhân mình trong hoàn cảnh hiện tại, lúc nào cũng cho sự thành công của mình là tầm thường, không đáng kể, luôn luôn tìm cách để học hỏi thêm nữa.
- (2) Tại sao con người lại phải khiêm tốn như thế? Đó là vì cuộc đời là một cuộc đấu tranh bất tận, mà tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước bẻ nhỏ giữa đại dương bao la. Sự hiểu biết của mỗi cá nhân

không thể đem so sánh với mọi người cùng chung sống với mình. Vì thế, dù tài năng đến đâu cũng luôn luôn phải học thêm, học mãi mãi.

(3) Tóm lại, con người khiêm tốn là con người hoàn toàn biết mình, hiểu người, không tự mình đề cao vai trò, ca tụng chiến công của cá nhân mình cũng như không bao giờ chấp nhận một ý thức chịu thua mang nhiều mặc cảm tự ti đối với mọi người...".

(Trích "*Tinh hoa xử thế*", Lâm Ngữ Đường, Ngữ văn 7, tập hai, NXB Giáo dục, 2015, tr.70-71)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Xác định và nêu tác dụng của một phép tu từ được sử dụng ở đoạn (1)? (0,75 điểm)

Câu 3. Em có đồng tình với tác giả khi cho rằng cá nhân "*dù tài năng đến đâu cũng luôn luôn phải học thêm, học mãi mãi*" không? Vì sao? (0,75 điểm)

Câu 4. Thông điệp nào của đoạn trích có ý nghĩa nhất đối với em? Vì sao? (1,0 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về **giá trị của đức tính khiêm tốn**.

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*"Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng.*

*Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy trên lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ
Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao."*

(Trích "*Mùa xuân nho nhỏ*", Thanh Hải, Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục, 2005, tr. 55-56)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận	0,5 điểm
	2	Phép tu từ: phép điệp ngữ “ <i>người có tính khiêm tốn</i> ” -> Tác dụng: nhấn mạnh, tô đậm nội dung nghị luận về đức tính khiêm tốn	0,75 điểm
	3	Em đồng tình với tác giả khi cho rằng “ <i>dù tài năng đến đâu cũng luôn luôn phải học thêm, học mãi mãi</i> ” vì cuộc đời là cuộc đấu tranh bất tận, tài nghệ của mỗi cá nhân chỉ như giọt nước nhỏ bé giữa đại dương bao la; mình giỏi còn có người giỏi hơn giống như núi cao còn có núi cao hơn nữa.	0,75 điểm
	4	Thông điệp có ý nghĩa nhất đối với em là chúng ta cần biết rèn luyện đức tính khiêm tốn, sống biết mình, biết người vì đức tính ấy sẽ giúp em sống chan hòa, yêu thương nhiều hơn, không ngừng học hỏi và trau dồi để tích lũy kiến thức và phát triển bản thân, trở thành công dân có ích cho xã hội.	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1.Mở bài: Giới thiệu vấn đề: lòng khiêm tốn 2.Thân bài a. Giải thích - Là một đức tính tốt mà con người cần phải trau dồi, rèn luyện - Khiêm tốn là nhã nhặn, có thái độ đúng mực trong việc đánh giá bản thân, không tự mãn , tự kiêu , tự cho mình là hơn người - Thường đi kèm với sự tự tin, lòng tự trọng b. Phân tích mặt đúng , chỉ ra tác dụng, ý nghĩa - Biểu hiện của đức tính khiêm tốn : + Trong phát ngôn: luôn dung từ giản dị, dễ hiểu, không nói nhiều về mình, không khoe khoang + Trong thái độ đối xử: không quá tự tin vào bản thân, luôn “ kính trên nhường dưới”, không dùng từ làm tổn thương người khác; nhẹ nhàng, biết lắng nghe nếu được góp ý	2,0 điểm

	- Tác dụng ý nghĩa : + Giúp con người dễ đạt đến sự thành công, có được sự tin tưởng của mọi người + Luôn nhận được sự giúp đỡ chân thành của mọi người, được mọi người quý mến, tôn trọng c. Bàn luận mở rộng - Ngược lại với khiêm tốn là sự tự cao, tự đại, luôn khoe khoang, thích nói nhiều về bản thân - Tác hại: dễ bị mọi người xa lánh d. Bài học nhận thức và hành động - Học lối sống khiêm tốn để dễ hòa đồng với xã hội, với mọi người - Thẳng không kiêu, bại không nản 3. Kết bài - Khẳng định giá trị của đức tính khiêm tốn trong việc hình thành nhân cách con người. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : 1. Mở bài: - Thanh Hải là người có công lớn thắp sáng ngọn lửa thi ca cách mạng trong lòng miền Nam trong những năm dài đen tối, đầy máu và nước mắt dưới ách thống trị của thực dân Mỹ. - Bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” được Thanh Hải viết vào tháng 11 năm 1980 khi còn nằm trên giường bệnh, một tháng trước lúc qua đời. Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp và khí thế của đất nước vào xuân , thể hiện khát vọng và tình yêu thiết tha được trọn đời dâng hiến cho quê hương, đất nước. - Khổ thơ là cảm nhận của tác giả về mùa xuân của thiên nhiên, đất nước. 2. Thân bài:	5,0 điểm

	- Hình ảnh mùa xuân của đất nước được lắng đọng , cảm nhận từ cái nhìn triu mến, thiết tha của nhà thơ, hiện lên như một thế giới trong xanh, tỏa sáng và tươi non với những sắc màu và âm thanh thân quen và tươi mới. + Đường nét thật giản đơn: nền xanh của nước(của trời) hiện lên một bông hoa tím biếc giản dị, khiêm nhường. Đó là sự hòa điệu của sắc màu: màu hồ thủy của dòng sông, màu tím biếc hơi trầm của bông hoa nhỏ... Độ lắng của sắc màu cũng là độ lắng của cảm xúc. Mùa xuân đơn sơ, dịu nhẹ, làm nao lòng người... + Giai điệu mùa xuân chọt cất cao, lạnh lót và lan tỏa trong tiếng chim chiền chiện vui tươi. Cái không khí của một buổi sớm mùa xuân trong veo, bầu trời trong veo, không gian trong veo, tiếng chim trong veo... đến mức có thể hóa thành “ giọt long lanh” . Giọt sương – giọt ánh sáng- giọt âm thanh tất cả đã hóa thành giọt long lanh của mỗi sáng mai. Kì diệu thay, đôi bàn tay nhà thơ đã hứng lấy giọt tinh túy của trời đất mùa xuân mát lành. + Từ những khoảnh khắc bất chợt cảm nhận về sắc màu, thanh âm trong trẻo như vậy, cả mùa xuân lớn của dân tộc chọt ủa vào tâm hồn nhà thơ. + Hình ảnh mùa xuân đất nước: Lấy người cầm súng, người ra đồng- hai lực lượng chính trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. + Lược : điệp từ “ lộc”- điệp từ mang tính khẳng định kết hợp với từ láy “ hồi hã”, “ xôn xao” tạo nên một không khí khẩn trương, tràn đầy sức sống, sức xuân – niềm lạc quan, tin tưởng vào thành quả cách mạng. 3. Kết bài: - Khổ thơ giàu tính nhạc , nhịp điệu nhẹ nhàng, uyển chuyển thanh thoát của những câu thơ 5 chữ giai điệu sôi nổi, da diết của những điệp ngữ phù hợp với giọng điệu cảm xúc trữ tình. - Thể hiện tình cảm tha thiết , trong trẻo, đầm thắm của tác giả trước vẻ đẹp , sức sống của mùa xuân thiên nhiên , đất nước. Từ những rung động ngọt ngào, sâu lắng và da diết, tác giả khao khát được hòa nhập vào cuộc đời- mùa xuân nho nhỏ vào dòng chảy dạt dào sức sống, dạt dào tình đời, tình người mùa xuân của đất trời. d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng,	

		mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 18	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN Thời gian: 120 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Một nhà nghiên cứu thực hiện thí nghiệm sau. Ông đưa hai người – một người ngốc nghếch ốm yếu và một người thông minh cường tráng - đến một vùng đất. Sau đó, ông nói hai người cùng đào giếng để tìm nguồn nước.

Chàng ngốc không suy nghĩ gì mà liên cầm cuốc lên và bắt đầu đào. Còn người thông minh dự đoán và lựa chọn phần đất có thể có nước. Hai tiếng sau, cả hai đều đào được hai mét nhưng vẫn chưa thấy nước. Người thông minh nghĩ mình đã chọn sai nên liền tìm một vị trí khác để đào. Chàng ngốc tiếp tục kiên nhẫn đào phần đất của mình. Hai tiếng sau, anh đào được thêm một mét nữa, còn người thông minh đào được hai mét ở chỗ mới.

Một lúc sau, người thông minh lại cảm thấy dường như mình đang đào sai chỗ nên tìm một mảnh đất khác. Hai tiếng nữa lại trôi qua, chàng ngốc đào được thêm nửa mét nữa, còn người thông minh chuyển sang chỗ mới và đào được hai mét. Cả hai đều chưa thấy nước. Người thông minh cho rằng vùng đất này không có nước nên bỏ cuộc. Trong khi đó, chàng ngốc vẫn tiếp tục đào và cuối cùng anh đã tìm thấy nguồn nước.

Kết quả là chàng ngốc đã chiến thắng người thông minh.

(Theo Hạt giống tâm hồn, Tập 13, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, tr. 97-98)

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.

Câu 2. (0,5 điểm) Theo văn bản, vì sao người thông minh lại bỏ cuộc?

Câu 3. (1,0 điểm) Tìm, gọi tên và cho biết vai trò của thành phần biệt lập trong câu: Ông đưa hai người - một người ngốc nghếch ốm yếu và một người thông minh cường tráng - đến một vùng đất.

Câu 4. (1,0 điểm) Em có đồng tình với suy nghĩ và hành động của người thông minh trong văn bản không? Vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về **vai trò của tính kiên nhẫn đối với con người**.

Câu 2 (3,0 điểm) Trong bài thơ Đồng chí, Chính Hữu viết:

Quê hương anh nước mặn, đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.

Anh với tôi đôi người xa lạ .

Từ phương trời chẳng hạn quen nhau,

Súng bên súng, đầu sát bên đầu,

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.

Đồng chí !

(Theo Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr. 128)

Trình bày cảm nhận của em về tình đồng chí của những người lính trong đoạn thơ trên.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: tự sự	0,5 điểm
	2	Theo văn bản, người thông minh lại bỏ cuộc vì cho rằng vùng đất này không có nước.	0,5 điểm
	3	Thành phần phụ chú: " <i>- một người gốc nghèo ốm yếu và một người thông minh cường tráng</i> "	1,0 điểm
	4	Nêu ý kiến của bản thân em và lập luận phù hợp.	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1.Mở đoạn: Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận: Lòng kiên nhẫn là một trong những đức tính quan trọng trong mỗi cá nhân chúng ta. 2.Thân đoạn: a. Giải thích: Lòng kiên nhẫn là sự kiên trì, nhẫn nại b. Phân tích, bàn luận: - Biểu hiện: Trong mọi hoàn cảnh, mọi công việc biết suy nghĩ kỹ lưỡng, kiên trì chờ đợi, đợi một thời điểm, thời cơ thích hợp... - Vai trò, ý nghĩa: Giúp bản thân trưởng thành hơn, vượt	2,0 điểm

	qua được khó khăn, rèn luyện bản thân tốt hơn => dẫn chứng: có công mài sắt, có ngày nên kim... c. Bàn luận, mở rộng: Người thiếu lòng kiên nhẫn sẽ gặp phải nhiều khó khăn, sẽ tạo cho bản thân thói ỷ lại, những thói xấu và dễ dẫn đến thất bại - Mở rộng: Có lòng kiên nhẫn thôi không đủ cần phải kết hợp rèn luyện với các đức tính khác để dễ dàng đến với thành công hơn d. Bài học : Không ngừng học tập, trau dồi bản thân. 3.Kết đoạn: Kiên trì là một trong những chìa khóa mở cửa thành công. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I/ Mở bài : - Sơ nét về tác giả Chính Hữu qua những nét nổi bật nhất. - Giới thiệu tác phẩm Đồng chí cùng giá trị đặc sắc về nội dung. - Dẫn dắt vấn đề: cảm nhận 7 câu thơ đầu bài Đồng chí. II/ Thân bài : 1. Tình đồng chí của người lính bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân: - Ngay từ những câu thơ mở đầu, tác giả đã lí giải cơ sở hình thành tình đồng chí thắm thiết, sâu nặng của anh và tôi – của những người lính Cách mạng: “Quê hương tôi nước mặn đồng chua Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.” + Thành ngữ “nước mặn đồng chua”, hình ảnh “đất cày lên sỏi đá” + Giọng điệu thủ thỉ, tâm tình như lời kể chuyện => Các anh ra đi từ những miền quê nghèo đói, lam lũ - miền biển nước mặn, trung du đồi núi, và gặp gỡ nhau ở tình yêu Tổ quốc lớn lao. Các anh là những người nông	5,0 điểm

	dân mặc áo lính – đó là sự đồng cảm về giai cấp. Cũng như giọng thơ, ngôn ngữ thơ ở đây là ngôn ngữ của đời sống dân dã, mộc mạc: <i>“Anh với tôi đôi người xa lạ Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau”.</i> => Đến từ mọi miền đất nước, vốn là những người xa lạ, các anh đã cùng tập hợp trong một đội ngũ và trở nên thân quen. 2. Cùng chung mục đích, lí tưởng chiến đấu: “Súng bên súng, đầu sát bên đầu” - Điệp từ, hình ảnh sóng đôi mang ý nghĩa tượng trưng. => Tình đồng chí, đồng đội được hình thành trên cơ sở cùng chung nhiệm vụ và lí tưởng cao đẹp. Theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc thân yêu, các anh đã cùng tập hợp dưới quân kì, cùng kề vai sát cánh trong đội ngũ chiến đấu để thực hiện nhiệm vụ thiêng liêng của thời đại. 3. Cùng chia sẻ mọi gian lao, thiếu thốn: - Mỗi tính từ kĩ của những người bạn chí cốt được biểu hiện bằng một hình ảnh cụ thể, giản dị, gợi cảm: “Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”. - Chính trong những ngày gian khó, các anh đã trở thành tri kỉ của nhau, để cùng chung nhau cái giá lạnh mùa đông, chia nhau cái khó khăn trong một cuộc sống đầy gian nan. 4. Đánh giá chung - Thể thơ tự do với những câu dài ngắn đan xen đã giúp cho nhà thơ diễn tả hiện thực và bộc lộ cảm xúc một cách linh hoạt. - Hình ảnh thơ cụ thể, xác thực mà giàu sức khái quát. Ngôn ngữ thơ hàm súc, cô đọng, giàu sức biểu cảm III/ Kết bài : - Tóm tắt nội dung và giá trị của toàn tác phẩm. - Tổng kết ý nghĩa của đoạn thơ đầu bài thơ Đồng chí. - Bày tỏ cảm xúc cá nhân khi cảm nhận 7 câu thơ đầu bài Đồng chí. d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 19

ĐỀ THI THỬ VÀO 10

Môn NGỮ VĂN

Thời gian: 120 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Cảm nhận sự vất vả, hy sinh thầm lặng của đội ngũ y, bác sĩ đang nỗ lực, căng mình chống dịch Covid-19, ca sĩ Nguyễn Phi Hùng đã sáng tác ca khúc “*Bao la những trái tim hồng*”. Lời bài hát như sau:

“Chờ ngày mai nắng lên
Em ngược lên nhìn trời
Gửi về nơi xa xôi
Ngày bão giông mong thấy ánh mặt trời
Nước mắt bao lần rơi
Bao đau thương không nói thành lời
Cầm tay nhau vượt qua đường xa
Mong ngày buồn rồi sẽ chóng qua
Yêu thương sẽ chữa lành vết thương
Mơ ngày mai nắng lên trên khắp quê hương
Cho đàn em thơ vui bước đến trường
Những vòng tay yêu thương sẽ không còn cách xa
Điệp khúc:
Và điều đẹp nhất là có những tấm lòng
Thắp lên hy vọng xua tan những đêm mùa đông
Vì tình yêu nguyện dâng hiến cho cuộc đời

Để thế giới mệnh mông, không bao la bằng những trái tim hồng”

(Bao la những trái tim hồng, Nguyễn Phi Hùng - Nguồn <https://nhac.vn>)

Em đọc kỹ lời bài hát trên và thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính. (0,75 điểm).

Câu 2. Trong câu “Thắp lên hy vọng xua tan những đêm mùa đông”, những từ nào được dùng theo nghĩa chuyển? (0.75 điểm).

Câu 3. Xác định biện pháp tu từ trong câu “Ngày bão giông mong thấy ánh mặt trời”; phân tích hiệu quả sử dụng biện pháp tu từ trên. (1,5 điểm).

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Em hãy viết đoạn văn (không quá 200 chữ) trình bày suy nghĩ về **tinh thần trách nhiệm của mỗi người trong phòng, chống dịch Covid-19.**

Câu 2. (5,0 điểm) Cảm nhận của em về đoạn thơ:

“Thình lình đèn điện tắt

Phòng buyn - đình tối om
 Vội bật tung cửa sổ
 Đột ngột vầng trăng tròn
 Ngửa mặt lên nhìn mặt
 Có cái gì rưng rưng
 Như là đồng là bể
 Như là sông là rừng
 Trăng cứ tròn vành vạnh
 Kể chi người vô tình
 Ánh trăng im phăng phắc
 Đủ cho ta giật mình”.

(Trích *Ánh trăng*, Nguyễn Duy, Ngữ văn 9, tập một, NXBGD Việt Nam, tr.156)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm	0,75 điểm
	2	Những từ được dùng theo nghĩa chuyển: thấp, xua tan	0,75 điểm
	3	- Biện pháp nghệ thuật ẩn dụ - Tác dụng: + Câu thơ giàu hình ảnh, sinh động, hấp dẫn + Nhấn mạnh niềm mong ước những ngày “bão giông”, những ngày tháng khó khăn phải đối diện với dịch bệnh sẽ qua đi để cuộc sống được trở lại tươi đẹp như trước.	1,5 điểm
	4		
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề: trách nhiệm của bản thân trong việc đẩy lùi dịch Covid 19. 2.Thân đoạn: a. Giải thích: - Trách nhiệm là ý thức thực hiện tốt nghĩa vụ, công việc của bản thân, không ỷ lại, dựa dẫm hay đùn đẩy trách nhiệm cho người khác. => Khẳng định trách nhiệm của bản thân trong việc đẩy lùi dịch Covid 19 là vô cùng cần thiết. b. Phân tích, bàn luận:	2,0 điểm

	*Biểu hiện của tinh thần trách nhiệm: - Đối với học sinh: trách nhiệm của chúng ta là học tập thực tốt, nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của nhà trường, chính phủ về việc thực hiện phòng chống dịch bệnh,... - Biết giúp đỡ, sẵn sàng chia sẻ, quan tâm người khác. - Dẫn chứng, chứng minh hành động cụ thể. + Dịch bệnh COVID-19 đã càn quét, gây ảnh hưởng về Sức Khỏe, kinh tế của nhiều quốc gia trên thế giới. Là một nước nằm trong vùng ảnh hưởng của dịch bệnh, Việt Nam đã có những cách xử lý tuyệt vời, làm thế giới thán phục. Có thể nói, chính nhờ sức mạnh , trách nhiệm của mỗi cá nhân đã giúp đất nước ta bước đầu chiến thắng trên mặt trận chống Tình cảm gia đình, thầy trò, hàng xóm láng giềng, chung tay góp từ thiện ủng hộ... + Ngay từ lúc dịch bệnh bùng phát, giữa bối cảnh nhiều quốc gia hoang mang lo lắng, chính phủ nước ta đã có động thái quyết tâm, thể hiện trách nhiệm bảo vệ, giúp đỡ công dân, “Việt Nam quyết tâm không để ai bị bỏ lại phía sau, trong cuộc chiến chống dịch bệnh COVID-19”. + Tham gia ác hoạt động thiện nguyện, “lá lành đùm lá rách”, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn để đẩy lùi, chống dịch COVID-19. + Học sinh, sinh viên các trường đại học đeo khẩu trang, nước rửa tay thường xuyên. * Ý nghĩa của tinh thần trách nhiệm: - Mang lại hạnh phúc cho nhân loại. - Tình cảm giữa con người với con người ngày một bền chặt hơn. - Xây dựng được một xã hội văn minh, giàu tình người. - Phát huy sức mạnh tình yêu thương: Việt Nam đã vượt qua tình trạng khó khăn do COVID 19 gây ra. + Cơ bản đã kiểm soát được dịch bệnh... . - Thành công trong công việc và cuộc sống 3. Bàn luận, mở rộng: Những người có lối sống ích kỉ, không có tinh thần trách nhiệm, đối xử tệ bạc với nhau.... 4. Liên hệ, rút ra bài học: trách nhiệm của bản thân trong việc đẩy lùi dịch Covid 19 3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.	

	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : 1. Mở bài - Giới thiệu tác giả Nguyễn Duy và bài thơ " Ánh trăng ". - Giới thiệu khái quát về ba khổ thơ cuối 2. Thân bài a.Khổ thơ 1: tạo nên bước ngoặt làm chuyển hướng mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình -Hoàn cảnh được đẩy đến bước ngoặt khi tình huống bất ngờ xảy đến: <i>Thình lình đèn điện tắt</i> <i>Phòng buyn đing tối om</i> Đây là tình huống quen thuộc, rất thực, tình huống tạo nên tính bước ngoặt để tác giả bộc lộ và thể hiện chủ đề tác phẩm -Sự đối lập giữa ánh sáng và bóng tối, giữa “ <i>phòng tối om</i>” > < “<i>vầng trăng tròn</i>” - Người và trăng đối mặt thì tình xưa nghĩa cũ dâng lên, dường như “<i>vầng trăng tròn vành vạnh</i>” vẫn luôn chung thủy đứng chờ - Trăng xuất hiện đột ngột có sức rung động mạnh mẽ thức tỉnh lương tâm con người → khổ thơ quan trọng tạo nên tính bước ngoặt cho bài thơ cũng là hồi chuông làm thức tỉnh tình nghĩa, lương tâm của con người b.Khổ thơ 2: Hình tượng vầng trăng và dòng cảm xúc của tác giả Sự xúc động mãnh liệt của nhân vật trữ tình “ <i>ngửa mặt lên nhìn mặt/ có cái gì rưng rưng/ như là đồng là bể/ như là sông là rừng</i>” - Chủ thể trữ tình lặng lẽ đối diện với vầng trăng trong tư thế im lặng cũng chính là quá khứ đối diện với hiện tại, sự thủy chung tình nghĩa đối diện với sự bạc bẽo vô tình + Đối diện với vầng trăng tình nghĩa, con người dường	5,0 điểm

	như thức tình được sự thiện lương: nhìn sâu vào bản thân để thấy lỗi lầm, sự thay đổi của mình + Cuộc gặp gỡ không lời giúp con người tự soi chiếu vào chính mình c.Khổ cuối: thể hiện những suy ngẫm sâu sắc mang tính triết lý của tác giả - “trăng cứ tròn vành vạnh” biểu trưng cho sự chung thủy, nghĩa tình, trọn vẹn của thiên nhiên và quá khứ dù con người có thay đổi, vô tình - Ánh trăng được nhân hóa “im phăng phắc” không trách cứ, oán hờn thể hiện sự bao dung, độ lượng của con người nghĩa tình - Sự im lặng khiến nhân vật trữ tình “giật mình” đây là sự thức tỉnh lương tâm rất đáng trân trọng - Câu thơ cuối cùng là sự âm hận, nỗi niềm tâm sự trở nên ám ảnh, day dứt → Sự cảnh tỉnh, nhắc nhở con người nhớ về quá khứ, về những điều ân tình thủy chung => Tổng kết: 3 khổ thơ hính là cuộc gặp gỡ có ý nghĩa gợi nhắc cho người đọc một thái độ sống một đạo lý cao đẹp của dân tộc Việt Nam mà không ai được lãng quên - Uống nước nhớ nguồn 3. Kết bài - Khẳng định giá trị của ba khổ thơ cuối nói riêng và bài thơ nói chung - Tình cảm của em dành cho tác phẩm d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 20	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Mỗi người chúng ta đều là một con chim làm tổ trên cây, bố mẹ chính là cây cổ thụ. Cây che nắng cháy gió mưa, che chở chim non đến khi đủ lông đủ cánh.

Nhưng chim luôn hướng tới bầu trời, tò mò về thế giới chưa biết. Chim non lớn sẽ rời khỏi tổ, thoảng lại biến mất, nhưng cây không thể đi theo, chỉ biết yên lặng chờ đợi nơi chốn cũ.

Nuôi dạy con cái là nhìn chúng ngày càng đi xa khỏi đời mình, người làm bố làm mẹ chỉ có thể đưa tiễn phía sau.

Tiếng nói của họ là tiếng lá cây xào xạc trong gió, mái tóc bạc của họ là vòng tuổi được khắc bởi thời gian. (...)

Cây vẫn chờ ở chỗ cũ, đợi cánh chim mỗi quay về, hết thấy xem như trời yên biển lặng, nhưng vòng tuổi mãi mãi vẫn luôn thay đổi.

Tôi nghĩ, hôm nay đã đến lúc về nhà.

(Trích *Có một ngày, bố mẹ sẽ già đi* - Nhiều tác giả, Losedow dịch, NXB Thế giới, 2020, tr. 271)

Câu 1. (0,5 điểm) Chỉ ra từ làm phép nối để liên kết hai đoạn văn ở phần in đậm.

Câu 2. (0,5 điểm) Tìm từ láy được sử dụng trong câu văn: *Tiếng nói của họ là tiếng lá cây xào xạc trong gió, mái tóc bạc của họ là vòng tuổi được khắc bởi thời gian.*

Câu 3. (1,0 điểm) Em hiểu như thế nào về nội dung câu văn: *Cây che nắng cháy gió mưa, che chở chim non đến khi đủ lông đủ cánh?*

Câu 4. (1,0 điểm) Theo em, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì qua đoạn trích?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Có một ngày, bố mẹ sẽ già đi và chúng ta sẽ lớn...

Từ gợi ý trên, hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về **vai trò của tính tự lập đối với giới trẻ.**

Câu 2. (5,0 điểm)

Phân tích đoạn thơ sau:

Chân phải bước tới cha

Chân trái bước tới mẹ

Một bước chạm tiếng nói

Hai bước tới tiếng cười

Người đồng mình yêu lắm con ơi

Đan lò cài nan hoa

Vách nhà ken câu hát

Rừng cho hoa

Con đường cho những tấm lòng

(Trích *Nói với con* - Y Phương, Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr.72)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Từ làm phép nối để liên kết hai đoạn văn ở phần in đậm: "nhưng"	0,5 điểm
	2	Từ láy: <i>xào xạc</i>	0,5 điểm
	3	Cây chính là tượng trưng cho cha mẹ, bởi vậy ta có thể hiểu cha mẹ là mái ấm, là nơi che chở, sinh dưỡng và nuôi con khôn lớn trưởng thành, để con có thể tự tin bước vào cuộc sống của chính mình.	1,0 điểm
	4	Các em tự lựa chọn thông điệp mà mình muốn nhất: Gợi ý: - Dù con có đi đâu chẳng nữa thì bố mẹ luôn đợi con ở phía sau. - Bố mẹ hãy cho con cái khoảng trời riêng của mình. -	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề: Tự lập là đức tính cần thiết và quan trọng trong mỗi cuộc sống. 2.Thân đoạn: a. Giải thích - Tự lập chính là một cách sống tự quyết định, tự hành động, tự lựa chọn cho mình một con đường trong tương lai để đi. Tự lập là hành động mà không dựa dẫm vào người khác đặc biệt là bố mẹ của mình. b. Bàn luận - Biểu hiện của tính tự lập + Tự học mà bố mẹ không phải thúc giục + Hoàn thành mọi bài tập bằng sức của mình, không đi chép bài + Dám đưa ra ý kiến, quan điểm của mình - Vì sao phải có tính tự lập? + Tự lập là đức tính quan trọng mà cha ông chúng ta dạy	2,0 điểm

	từ thuở nhỏ. + Tự lập giúp con người có tính sáng tạo hơn. + Khi tự lập, con người có ý thức hơn trong mọi hành động + Tính tự lập giúp con người nhận thức toàn diện hơn về mọi mặt, có cái nhìn bao quát hơn về mọi mặt cuộc sống. + Tính tự lập giúp con người khẳng định giá trị bản thân. + Tính tự lập giúp xã hội hoàn thiện và phát triển c. Bàn luận, mở rộng: - Hiện trạng tính tự lập trong giới trẻ hiện nay + Học sinh đang thiếu dần tính tự lập vì mọi chuyện đều có bố mẹ lo. + Tuy nhiên vẫn còn rất nhiều người biết sống tự lập, không phải chờ đợi, dựa dẫm vào những kết quả mà bố mẹ đã đưa sẵn, không chịu làm việc mà chỉ muốn hưởng. d. Bài học nhận thức và hành động + Chăm chỉ rèn luyện học tập + Giúp đỡ mọi người xung quanh cùng rèn luyện tính tự lập 3. Kết đoạn: Hãy rèn luyện để trở thành một người có tính tự lập vì "<i>Có một ngày, bố mẹ sẽ già đi và chúng ta sẽ lớn...</i>" d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : 1. Mở bài - Giới thiệu đôi nét về tác giả, tác phẩm: + Y Phương là một nhà thơ đặc trưng cho người dân tộc, thơ ông là tiếng nói được phát từ sâu thẳm trái tim, vừa gần gũi, giản dị nhưng cũng chứa đựng nhiều giá trị nhân văn sâu sắc. + "Nói với con" là một bài thơ hay của Y Phương nói lên tình cảm thiêng liêng giữa cha và con. Bài thơ giống như	5,0 điểm

	lời chia sẻ, trò chuyện của một người đi trước với người đi sau, của một người cha dành cho đứa con máu mủ của mình, những kỷ niệm khó quên. - Khái quát nội dung khổ 1: Người cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng: Con lớn lên trong tình yêu thương, sự nâng đỡ của cha mẹ, trong cuộc sống lao động nên thơ của quê hương. 2. Thân bài a. Luận điểm 1: Tình yêu thương của cha mẹ đối với con cái là sâu sắc và vô hạn - Ngay từ những câu đầu tiên lời thơ đã giống như một lời tự sự: <i>"Chân phải bước tới cha Chân trái bước tới mẹ Một bước chạm tiếng nói Hai bước tới tiếng cười"</i> - Một đứa trẻ khi ngày từ khi được hình thành lên từ trong bụng mẹ đã mang rất nhiều tâm sự, yêu thương, bao bọc của những người thân yêu, của cha mẹ. - Mở rộng lời bài hát “Nhật ký của mẹ” do nhạc sĩ Nguyễn Văn Chung sáng tác có những câu sau: “Bao ngày mẹ ngóng, bao ngày mẹ trông, bao ngày mẹ mong con chào đời...” -> Đó chính là nỗi lòng yêu thương của bậc làm cha, làm mẹ dành cho hài nhi bé bỏng của mình. - Hình ảnh một em bé chập chững biết đi những bước chân đầu tiên trên đường đời luôn được sự cổ vũ động viên từ những người thương yêu chính là cha mẹ. => Không khí gia đình tuy nhỏ bé nhưng thật ấm áp, êm đềm, hạnh phúc. b. Luận điểm 2: Con lớn lên trong cuộc sống lao động nên thơ của quê hương. - Tác giả lại gieo vào lòng người đọc những tình cảm thân thuộc, tình cảm đồng bào, tình làng nghĩa xóm đầy quý mến, trân trọng. <i>"Người đồng mình thương lắm con ơi Đan lờ cài nan hoa Vách nhà ken câu hát Rừng cho hoa Con đường cho những tấm lòng Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới"</i>	

	<i>Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời"</i> - Tác giả kể về những kỷ niệm, những cánh rừng đầy hoa, những con đường thân thuộc gần gũi, giản dị, nhưng sâu sắc chứa đựng biết bao tình nghĩa. <i>"Đan lờ cài nan hoa</i> <i>Vách nhà ken câu hát"</i> - Động từ <i>"ken, cài"</i> ngoài nghĩa miêu tả còn nói lên tình cảm gắn bó quăn quýt trong lao động, làm ăn của đồng bào quê hương. <i>"Rừng cho hoa</i> <i>Con đường cho những tấm lòng"</i> - Rừng núi quê hương đẹp, thơ mộng, trữ tình đã che chở nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn và lối sống. -> Tác giả muốn qua những câu thơ này để gợi nhớ cho con phải biết yêu thương xóm làng, yêu thương những con người gắn bó với mình, những người tuy không cùng chung dòng máu nhưng lại thân thiết hơn cả ruột thịt. => Đoạn thơ khẳng định con lớn lên trong sự nuôi dưỡng của cha mẹ và sự đùm bọc của quê hương bản làng. c. Đặc sắc nghệ thuật - Từ ngữ giàu hình ảnh, sức gợi cảm. - Cách nói phù hợp với người miền núi. - Thể thơ tự do phóng khoáng, cụ thể, giàu sức khái quát, vừa mộc mạc nhưng giàu chất thơ. - Các phép tu từ so sánh, điệp ngữ. 3. Kết bài - Khái quát giá trị nội dung khổ 1 bài <i>Nói với con</i> - Nêu cảm nhận của em. d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 21

ĐỀ THI THỬ VÀO 10
Môn NGỮ VĂN
Thời gian: 120 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Tôi muốn nhắc lại ý tưởng của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn: "Sống trong đời sống cần có một tấm lòng". Con người khác máy móc, công nghệ chính là ở tình cảm, tấm lòng. Một người máy làm thay cho chúng ta rất nhiều việc, có thể giải quyết công việc vô cùng phức tạp nhưng quả thật lòng trắc ẩn, vị tha, "mình vì mọi người, mọi người vì mình" chắc chỉ có ở con người chúng ta. Tôi cho rằng lòng trắc ẩn là “bệ đỡ” quan trọng, là nền tảng cho mọi hành động, suy nghĩ của chúng ta. Không ai có thể phát triển mà không quan tâm đến người xung quanh, không chia sẻ. Lòng trắc ẩn cũng phải "có đi có lại", nghĩa là sự chia sẻ, gắn kết trên tinh thần mình vì mọi người, mọi người vì mình. Một xã hội quan trọng nhất là có sự gắn kết, đồng cam cộng khổ, ai muốn đi nhanh thì đi một mình, muốn đi xa thì đi cùng nhau.

(Nguồn: <http://tuoitre.vn>)

Câu 1 (1,0 điểm). Theo quan điểm của tác giả, điểm khác nhau giữa con người và máy móc công nghệ là gì?

Câu 2 (1,0 điểm). Tìm 01 lời dẫn trực tiếp được sử dụng trong đoạn trích và chuyển lời dẫn đó thành lời dẫn gián tiếp.

Câu 3 (1,0 điểm). Em hiểu như thế nào về nghĩa của các cụm từ “*đi một mình*” và “*đi cùng nhau*” trong câu văn: Một xã hội quan trọng nhất là có sự gắn kết, đồng cam cộng khổ, ai muốn đi nhanh thì đi một mình, muốn đi xa thì đi cùng nhau.

II. PHẦN LÀM VĂN

Câu 1 (2,0 điểm).

Hoạt động từ thiện đang trở thành vấn đề nóng trong đời sống cộng đồng vào thời gian gần đây. Hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ), chia sẻ quan điểm của em về **cách làm từ thiện có ý nghĩa**.

Câu 2 (5,0 điểm). Cảm nhận của em về vẻ đẹp của bài thơ sau:

*Bồng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về*

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu*

*Vẫn còn bao nhiêu nắng
Đã vơi dần cơn mưa.
Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi*

(Sang thu, Hữu Thỉnh)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Theo quan điểm của tác giả, điểm khác nhau giữa con người và máy móc công nghệ ở tình cảm, tấm lòng	1,0 điểm
	2	Lời dẫn trực tiếp: Sống trong đời sống cần có một tấm lòng Chuyển lời dẫn đó thành lời dẫn gián tiếp: Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn từng có một ý tưởng rằng Sống trong đời sống cần có một tấm lòng.	1,0 điểm
	3	- đi một mình: bạn tự bước trên con đường mà mình hướng tới, chịu mọi trách nhiệm và tự bản thân vượt qua mọi khó khăn, thử thách. - đi cùng nhau: là bạn có người đồng hành để đi tới mục tiêu chung, và chắc chắn rằng khi đi cùng nhau thì quãng đường tới mục tiêu sẽ bớt xa hơn rất nhiều.	1,0 điểm
	4		
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề: Từ thiện là một trong những phong trào đang trở thành xu hướng phổ biến trong xã hội hiện nay. Nhưng cách làm từ thiện có ý nghĩa chứ không phải chạy theo xu thế là một vấn đề khá là bất cập. 2.Thân đoạn: a.Giải thích - Từ thiện có nghĩa là làm việc tốt từ lòng yêu thương (người). - Từ thiện là một hành động trợ giúp người yếu thế. b.Phân tích, bàn luận - Vì sao cần làm từ thiện? + Xã hội chẳng thiếu những số phận bất hạnh. + Các cơ quan, tổ chức chỉ có thể hỗ trợ một bộ phận nhỏ đặc biệt là trong tình hình hiện nay: khi đại dịch hoành hành, thiên tai + Làm việc thiện trở thành một nếp sống quen thuộc, một	2,0 điểm

	nét sống đẹp của dân tộc ta. + Dẫn chứng - Những ích lợi của việc từ thiện: + Họ nhận thấy tâm hồn mình được thoải mái hơn, nhẹ lòng hơn. + Có người thì họ không làm vì mình mà để phúc đức lại cho con cháu. + Họ chỉ mong muốn đóng góp một phần cho xã hội: để cuộc sống của những người bất hạnh được dịu đi. + Một xã hội tốt là một xã hội giàu lòng yêu thương, có nhiều người yêu thương nhau. c. Bàn luận, mở rộng: - Phê phán một lớp người trong xã hội còn vô cảm, dửng dưng, không biết quan tâm, sẻ chia...với những người có hoàn cảnh bất hạnh trong xã hội. - Có những người chỉ làm từ thiện để lấy danh nghĩa, lấy sự nổi tiếng về cho bản thân chứ không xuất phát từ thực tâm thiện nguyện. Từ thiện là tốt nhưng từ thiện sai cách, sai đối tượng lại đem đến những điều phản tác dụng. d. Bài học nhận thức và hành động - Nhận thức được từ thiện là hành động tốt đẹp trong xã hội, thể hiện tình yêu thương của con người với đồng loại, là cơ sở để xây dựng các mối quan hệ xã hội và phát triển đất nước. - Hành động: Tuổi trẻ càng cần tích cực trong công tác từ thiện. Việc thiện thật ra không đòi hỏi nhiều tiền bạc và thì giờ, chỉ cần có một tấm lòng. 3. Kết đoạn: Kết thúc vấn đề: Không có thứ gì trên đời buộc người ta phải làm việc thiện, hãy làm từ thiện sao cho thật có ý nghĩa. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau :	5,0 điểm

	1. Mở bài - Giới thiệu về tác giả, tác phẩm: + Hữu Thỉnh là nhà thơ trưởng thành từ quân đội, viết nhiều và viết hay về những con người ở nông thôn, về mùa thu. + Bài thơ Sang thu chính là cảm nhận tinh tế của nhà thơ Hữu Thỉnh về sự biến đổi của đất trời từ cuối hạ sang đầu thu. 2. Thân bài a. Cảm nhận tinh tế của nhà thơ về tín hiệu sang thu - Cảm nhận tín hiệu thu về không gian gần bằng nhiều giác quan và sự rung cảm tinh tế + Hương ổi chín lan vào không gian, phả vào gió se + Sương đầu thu giăng mắc nhẹ nhàng, chuyển động chậm chậm nơi đường thôn ngõ xóm + Từ “bỗng” diễn tả sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng của nhà thơ trước những phát hiện thú vị báo thu về + Động từ “phả” gợi lên hương thơm của ổi chín như sánh lại, luồn vào trong gió gợi lên cho người đọc hình dung được không gian và thời gian của tiết sang thu + Gợi ra hình dung của hương ổi chín lan trong không gian, phả vào gió se + Chùng chình – nghệ thuật nhân hóa: sương như có ý chậm lại, quẩn quýt, điều đó cũng gợi hình ảnh về bước đi của thời gian, nhẹ nhàng. b. Những chuyển biến tinh tế của đất trời lúc thu sang - Khoảnh khắc giao mùa được diễn tả thú vị qua đám mây mùa hạ “vắt nửa mình sang thu” – nghệ thuật nhân hóa diễn tả sự nuối tiếc, sự lưỡng lự trước khi chuyển mùa. - Hình ảnh dòng sông trôi thanh thản, êm dịu chính là sự lắng đọng, “dềnh dàng” đặc trưng của mùa thu - Chim “vội vã”: nghệ thuật nhân hóa, dường như chim muông cũng cảm nhận được sự chuyển giao của mùa mới nên tìm cho mình hướng đi. => Các hình ảnh, chi tiết đặc sắc giàu sức gợi hình tái hiện chân thật góc nhìn cũng như cảm xúc say sưa, hòa nhịp của tác giả trong khoảnh khắc thiêng liêng của đất trời. c. Những tâm tư, suy ngẫm của tác giả <i>Vẫn còn bao nhiêu nắng</i>	

		<i>Đã vơi dần cơn mưa</i> - Các tính từ chỉ mức độ “vẫn còn”, “vơi dần” bớt từ chỉ mức độ rằng hạ nhạt dần, thu đậm nét hơn - Quan sát tinh tế, nhạy cảm của tác giả: <i>Sấm cũng bớt bất ngờ/ Trên hàng cây đứng tuổi</i> + Hình ảnh thực của tự nhiên sang thu sấm thừa thốt, không còn dữ dội làm lay động hàng cây nữa + Nghệ thuật nhân hóa: “bớt bất ngờ” - trạng thái của con người + Hàm ý: con người khi cứng cáp, trưởng thành sẽ không còn sợ, hay cảm thấy bất ngờ trước những thử thách, sóng gió của cuộc đời. Con người từng trải sẽ vững vàng, kiên định hơn trước những tác động bất thường từ ngoại cảnh. 3. Kết bài - Khẳng định lại giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm: + Nội dung: Sang thu là bài thơ đẹp thể hiện những rung động tinh tế của tác giả trước khoảnh khắc chuyển mùa hạ sang thu. Qua đó nêu bật lên chiêm nghiệm của tác giả về cuộc đời, con người. + Nghệ thuật: sử dụng nhiều từ láy, tính từ gợi trạng thái, hình ảnh chân thực. Nghệ thuật nhân hóa mang lại cái hồn cho bài thơ, nghệ thuật ẩn dụ tạo chiều sâu về cảm xúc và suy nghĩ. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 22	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

*Yêu từng bờ ruộng, lối mòn,
Đỏ tươi bông gạo, biếc rờn ngàn dâu.
Yêu con sông mặt sóng xao,
Dòng sông tuổi nhỏ rì rào hát ca.*

*Yêu hàng ớt đã ra hoa
Đám dưa trổ nụ, đám cà trổ bông.
Yêu sao tiếng mẹ ru nồng,
Tiếng thoi lách cách bên nong dâu tằm.*

(*Ta yêu quê ta*, Lê Anh Xuân Thơ Thiếu nhi chọn lọc, NXB Vin học, 2017, tr.94)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (0,5 điểm) Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. (0,5 điểm)

Tìm hai từ láy tượng thanh có trong bài thơ.

Câu 3. (1,0 điểm) Trong hai dòng thơ sau, cảnh vật quê ta hiện lên như thế nào?

*Yêu từng bờ ruộng, lối mòn,
Đỏ tươi bông gạo, biếc rờn ngàn dâu.*

Câu 4. (1,0 điểm) Phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp điệp ngữ trong bài thơ.

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Bài thơ đã đánh thức trong em tình cảm, suy nghĩ gì? Trình bày bằng một đoạn văn 200 chữ.

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về nhân vật ông Sáu trong đoạn trích sau:

Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó – buổi chiều sau một ngày mưa rừng, giọt mưa còn đọng trên lá, rừng sáng lấp lánh. Đang ngồi làm việc dưới tấm ni lông nóc, tôi bỗng nghe tiếng kêu. Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hớt hải chạy về, tay cầm khúc gỗ đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hờ như một đứa trẻ được quà.

Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi li của Mĩ, đập mỏng làm thành một cây chĩa nhỏ, chĩa khúc gỗ thành từng miếng nhỏ. Những lúc rỗi, anh chĩa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc. Chẳng hiểu sao tôi thích ngồi nhìn anh làm và cảm thấy vui vui khi thấy bụi gỗ rơi mỗi lúc một nhiều. Một ngày, anh chĩa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tần mẩn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Cây lược gỗ ấy chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh. Những đêm nhớ con, anh ít nhớ đến nỗi hối hận đánh con, nhớ con, anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên mái tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra. Một ngày cuối năm năm mươi tám –

năm đó ta chưa vỡ trang – trong một trận càn lớn của quân Mĩ – nguy, anh Sáu bị hi sinh. Anh bị viên đạn của máy bay Mĩ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lễ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh.

- Tôi sẽ mang về và trao tận tay cho cháu.

Tôi cúi xuống gần anh và khẽ nói. Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi.

(Trích *Chiếc lược ngà*, Nguyễn Quang Sáng, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr.199)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Bài thơ được viết theo thể thơ lục bát.	0,5 điểm
	2	Hai từ láy: lách cách, rì rào.	0,5 điểm
	3	Cảnh vật quê ta hiện lên bằng những hình ảnh thân quen, bình dị nhất của quê hương đó là bờ ruộng, bông gạo ...	1,0 điểm
	4	BPTT là: điệp ngữ " yêu " -> Tác dụng: Làm rõ tình yêu của tác giả đối với những hình ảnh thân quen nơi quê hương mình, bộc lộ cảm xúc và khiến cho hình ảnh đẹp hơn, sinh động hơn.	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1. Mở đoạn: Nêu vấn đề cần bàn luận: Tình yêu quê hương đối với những điều bình dị nhất. 2. Thân đoạn: - Tình yêu quê hương đất nước là tình cảm gắn bó sâu sắc, chân thành đối với những sự vật và con người nơi ta được sinh ra và lớn lên. - Quê hương gắn liền với những cảnh vật quen thuộc, những điều tưởng chừng rất đơn giản và bình dị. Yêu quê hương từ những điều bình dị nhất chính là trân trọng tất cả những điều ấy, bảo vệ, giữ gìn và làm đẹp những thứ bình dị đó. - Tình yêu quê hương không nhất thiết đến từ những điều	2,0 điểm

	lớn lao phi thường mà đôi khi nó đến từ những tình yêu nhỏ bé, từ những cống hiến thầm lặng. (Học sinh tự lấy dẫn chứng phù hợp) 3. Kết đoạn: Khái quát vấn đề bàn luận, nêu cảm xúc của em. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I/Mở bài - Tác giả: Nguyễn Quang Sáng sinh năm 1932, quê ở huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Trong kháng chiến chống Pháp, ông tham gia bộ đội, hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Từ sau năm 1954, tập kết ra miền Bắc, Nguyễn Quang Sáng bắt đầu viết văn. Những năm chống Mỹ, ông trở về Nam Bộ tham gia kháng chiến và tiếp tục sáng tác văn học. Tác phẩm của ông thuộc nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản phim và hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như trong thời bình. - Tác phẩm: Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” được viết năm 1966, khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ và được đưa vào tập truyện cùng tên. - Nhân vật ông Sáu là nhân vật chính của tác phẩm, để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn đọc. Đặc biệt là ở đoạn trích từ: “Tôi vẫn còn nhớ buổi chiều hôm đó... Anh mới nhắm mắt xuôi tay”. Đoạn trích thể hiện vẻ đẹp của tình phụ tử thiêng liêng, sâu sắc của ông Sáu đối với bé Thu trong những ngày ở chiến khu. II.Thân bài: 1. Giới thiệu khái quát cảnh ngộ gia đình ông Sáu và tình yêu thương ông Sáu dành cho con. - Đất nước có chiến tranh, ông Sáu phải đi công tác khi con gái chưa đầy một tuổi, khi con lớn lên, ông Sáu	5,0 điểm

	không một lần được gặp con, được yêu thương chăm sóc cho con. - Sau tám năm vào sinh ra tử, khi được về thăm nhà, nỗi khao khát được gặp con, được ôm con vào lòng khiến ông không kìm nén được cảm xúc. Tuy nhiên, khi ông vì vết thẹo trên mặt, vết thương do chiến tranh gây ra nên đứa con gái hồn nhiên, ngây thơ của ông nhất định không chịu nhận cha. Đến khi con gái nhận ra thì cũng là lúc ông phải trở lại chiến trường. Lúc chia tay, ông đã cố nén giọt nước mắt vì cách bộc lộ, tình cảm của con đối với mình khiến ông quá xúc động. Niềm hạnh phúc mà ông hằng mong chờ đã tới nhưng quá ngắn ngủi vì đã đến giờ biệt li. Ông chỉ kịp rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên tóc con, lặng lẽ ra đi không hẹn ngày về mang theo một ước nguyện của con là cây lược nhỏ. 2. Cảm nhận về vẻ đẹp nội dung của đoạn trích - vẻ đẹp của tình phụ tử thiêng liêng. - Luôn ghi nhớ như in lời con dặn vội vàng lúc chia tay “Ba về, ba mua cho con một cây lược nghe ba!”. Điều đó thúc giục ông đến việc làm một chiếc lược ngà. Và ông Sáu đã dồn tất cả tình yêu, nỗi nhớ con vào việc làm cây lược ấy. “Lúc rảnh rỗi anh ngồi cửa từng chiếc răng lược cho đến khi hoàn thành, những đêm nhớ con anh lấy cây lược ra ngắm nghía”. - Chiếc lược trở thành một vật quý giá, nó làm vơi đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm nhớ thương, yêu mến của người cha đối với đứa con trong xa cách. Chiếc lược ngà trở thành một kỉ vật thiêng liêng, nuôi dưỡng tinh thần chiến đấu cho người chiến sĩ trong những ngày gian khổ. - Bị thương nặng, chỉ đến khi gửi lại chiếc lược ngà lại cho bạn với lời nhắn nhủ sẽ trao tận tay bé Thu, ông mới yên lòng nhắm mắt. - Ông Sáu hi sinh khi chưa kịp gửi món quà cho con gái. Đây là tình huống rất cảm động. Những mất mát do chiến tranh gây ra là không gì bù đắp nổi. Tuy không một lời trăng trối nhưng hành động cuối cùng của ông Sáu càng cho ta thấy tình cảm của ông dành cho con thật sâu nặng. Người đồng chí của ông - người kể chuyện đã thay ông làm việc đó. Chiếc lược ngà đã trở thành biểu tượng của	

	tình cha con đời đời. 3. Về đẹp về hình thức nghệ thuật. - Đoạn văn là lời kể của một người đồng chí của ông Sáu, người đã chứng kiến toàn bộ quá trình ông làm cây lược tặng con gái và thấu hiểu những suy nghĩ, cảm xúc của ông. Đoạn văn vì thế trở nên khách quan, chân thành. - Ngôn ngữ văn xuôi giàu tình cảm, khả năng miêu tả tâm lí tinh tế, chính xác, bắt nguồn từ một tâm hồn nhạy cảm và tấm lòng yêu thương, trân trọng con người. - Đặc biệt, nhà văn đã xây dựng một tình huống truyện rất éo le, bất ngờ mà tự nhiên, cảm động; qua đó, phần nào nói lên sự ác nghiệt của chiến tranh. III/ Kết bài: Cảm nhận khái quát về đoạn văn, liên hệ bản thân. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 23	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Nếu nói về những ngõ xanh im vắng, có lẽ Huế có nhiều nhất những hun hút xanh chan hòa đem lại cho con người cảm giác thư thái ấy. Sống ở Huế thật lâu, tôi mơ hồ những ngõ nhỏ xứ Huế như một sợi dây nối tâm hồn Huế ra với cao rộng cuộc đời. Sợi dây ấy đan bằng lá cây và sương khói, bện vào đó những âm vang bình dị từ những khu vườn và cả ánh sáng khiêm nhường của những thời khắc cảnh sắc không gian Huế, tất cả được đan bằng bàn tay của một tâm thức đầy mẫn cảm vừa lặng lẽ rêu phong vừa sôi động như ngọn gió qua rừng tre trúc.

Ngõ Huế, gần như là một tiếng gọi, thật gần mà lại mơ hồ xa vắng. Ngõ Huế, đó chính là cái cửa ngõ ngay trước ngôi nhà ấm áp khói lam chiều, là những ngõ quê thơm mùi đất, những ngõ vườn xao động hoa lá điệu dàng, những ngõ phố sống động đêm khuya và cả những ngõ chùa nắng vàng như màu thiên xứ sở...

(Hồ Đăng Thanh Ngọc, *Đôi tiếng gió của Mẹ*, NXB Văn học, 2011, tr. 13,14)

Câu 1. (0.5 điểm) Chỉ ra và gọi tên thành phần biệt lập có trong câu: *Nếu nói về những ngõ xanh im vắng, có lẽ Huế có nhiều nhất những hun hút xanh chan hòa đem lại cho con người cảm giác thư thái ấy.*

Câu 2. (0,5 điểm) Xác định hai phép liên kết về hình thức có trong ngữ liệu trên.

Câu 3. (1,0 điểm) Xác định và nêu tác dụng của hai biện pháp tu từ từ vựng có trong câu: *“Ngõ Huế, đó chính là cái cửa ngõ ngay trước ngôi nhà ẩm áp khói lam chiều, là những ngõ quê thơm mùi đất, những ngõ vườn xao động hoa lá điệu dàng, những ngõ phố sống động đêm khuya và cả những ngõ chùa nắng vàng như màu thiền xứ sở...”*

Câu 4. (1,0 điểm) Em có nhận xét gì về tình cảm của tác giả dành cho ngõ Huế ? (trả lời 3-5 dòng).

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về **ý nghĩa của lối sống hòa hợp với thiên nhiên.**

Câu 2. (5,0 điểm)

Phân tích đoạn thơ sau để thấy được dòng hoài niệm đẹp đẽ của người cháu về tuổi thơ sống bên bà.

*Tám năm ròng, cháu cùng bà nhóm lửa
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà?
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế.
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!
Mẹ cùng cha công tác bận không về,
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe,
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học,
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,
Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà,
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?*

(Trích *Bếp lửa* - Bằng Việt - Ngữ văn 9, NXBGD Việt Nam, 2017)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Có lẽ - thành phần biệt lập tình thái.	<i>0,5 điểm</i>
	2	Hai phép liên kết về hình thức: - Phép thế: Sợi dây ấy thay thế cho “sợi dây nối tâm hồn Huế ra với cao rộng cuộc đời”.	<i>0,5 điểm</i>

		- Phép lặp: Ngõ Huế	
	3	- Liệt kê: là cái ngõ ngay trước ngôi nhà ẩm áp khói lam chiều, là những ngõ quê thơm mùi đất, những ngõ vườn xao động hoa lá điệu dàng, những ngõ phố sống động đêm khuya, những ngõ chùa nắng vàng như màu thiên xứ sở. - So sánh: ngõ chùa nắng vàng như màu thiên xứ sở - Tác dụng: + Biện pháp liệt kê làm nổi bật những nét đặc sắc, phong phú của không gian ngõ Huế. + So sánh khẳng định không gian ngõ Huế với màu sắc độc đáo “màu thiên”, tố đậm đặc trưng văn hóa của vùng đất này. + Làm cho câu văn có nhịp điệu, giàu hình ảnh.	1,0 điểm
	4	- Tác giả dành tình yêu, sự trân trọng gắn bó với ngõ Huế. - Tâm hồn tác giả dành sự cảm nhận tinh tế với không gian đặc trưng này của xứ Huế. -> Đó là tình cảm của người con với quê hương, chạm đến trái tim người đọc, truyền tải tình yêu với những người con quê hương, làm phong phú thêm vẻ đẹp của Huế mộng và thơ.	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: Thiên nhiên là cội nguồn của sự sống, là ngôi nhà chung của tất cả chúng ta. Thiên nhiên cung cấp cho chúng ta mọi điều kiện sống, giúp con người sinh tồn và phát triển. Thiên nhiên còn mang lại cho con người vẻ đẹp, để con người tận hưởng cuộc sống tốt lành, thơi thả tâm hồn sau những công việc đầy khó nhọc. Bởi thế, từ xưa xưa, con người luôn dành cho thiên nhiên một tình yêu lớn. Yêu cuộc sống tự nhiên chính là sự gắn bó, sống hòa hợp với thiên nhiên, yêu quý và giữ gìn thiên nhiên ở xung quanh mình. Con người từ lâu đã dành cho thiên nhiên một tình yêu lớn. Vẻ đẹp của thiên nhiên đi vào nghệ thuật thi ca, hội họa, âm nhạc, nâng đỡ và dìu dắt cảm xúc của con người. Lối sống hòa hợp, tôn trọng thiên nhiên của người	2,0 điểm

	xưa là một mẫu mực của tình yêu thiên nhiên thiết tha. Thế nhưng, ngày nay, thiên nhiên đang bị hủy hoại nghiêm trọng bởi con người, gây nên những hậu quả nặng nề đến đời sống của toàn nhân loại. Mẹ thiên nhiên đang bị xúc phạm và con người phải gánh lấy hậu quả do những hành động nông nổi của chính mình. hãy nhớ rằng mỗi mầm xanh là một nguồn sống đáng quý, mỗi dòng nước chảy mang theo nguồn năng lượng sinh tồn. Hãy biết bảo vệ lấy nó. Bảo vệ thiên nhiên là bảo vệ cuộc sống chính mình, bảo vệ sự sống trên trái đất. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I/ Mở bài: Dẫn dắt vấn đề nghị luận xã hội: dòng hoài niệm đẹp đẽ của người cháu về tuổi thơ sống bên bà trong bài thơ Bếp Lửa được thể hiện trong: trích thơ II/ Thân bài: 1/ Nhớ về những kỉ niệm là nhớ về bếp lửa, nhớ về tình bà trong suốt tám năm bên bà Nhớ về những kỉ niệm là nhớ về bếp lửa, nhớ về tình bà trong suốt tám năm bên bà: – “Tám năm ròng cháu sống cùng bà” – tám năm cháu nhận được sự yêu thương, che chở, dưỡng nuôi tâm hồn từ tấm lòng của bà. Tám năm ấy, cháu sống cùng bà vất vả, khó khăn nhưng đầy tình yêu thương. – Kháng chiến bùng nổ, “Mẹ cùng cha công tác bận không về”,bà vừa là cha, lại vừa là mẹ: “bà bảo cháu nghe – Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học”. Chính bà là người	5,0 điểm

	đã nuôi dưỡng, dạy dỗ cháu nên người. Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế để nhắc nhở cháu về truyền thống gia đình, về những đau thương mất mát và cả những chiến công của dân tộc. Bà luôn bên cháu, dạy dỗ, chăm sóc cho cháu lớn lên. -> Một loạt các từ ngữ “bà bảo”, “bà dạy”, “bà chăm” vừa diễn tả một cách sâu sắc tình thương bao la, sự chăm chút hết mình của người bà dành cho cháu, vừa thể hiện được lòng biết ơn của cháu đối với bà. Tình yêu và kính trọng bà của tác giả được thể hiện thật chân thành, sâu sắc: “Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc”. – Bà và bếp lửa là chỗ dựa tinh thần, là sự chăm chút, đùm bọc dành cho cháu. Bếp lửa của quê hương, bếp lửa của tình bà lại gợi thêm một kỉ niệm tuổi thơ – kỉ niệm gắn với tiếng chim tu hú trên đồng quê mỗi độ hè về: <i>Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế! Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?</i> Đoạn thơ khiến ta chạnh nhớ về “tiếng chim tu hú” của nữ sĩ Anh Thơ: tiếng chim tu hú gắn liền với hình ảnh cha già với những kỉ niệm về một thời thiếu nữ hoa niên, tiếng chim tu hú len lỏi khắp bài thơ như một âm thanh u ất, không buồn mà tiếc. Còn ở đây, tiếng chim tu hú bước vào thơ Bằng Việt như một chi tiết để gợi nhắc nhà thơ về những kỉ niệm ấu thơ được sống bên bà. Tiếng chim tu hú – âm thanh quen thuộc của làng quê Việt Nam mỗi độ hè về, báo hiệu mùa lúa chín vàng đồng, vải chín đỏ cây. Tiếng chim như giục giã, như khắc khoải một điều gì da diết khiến lòng người trỗi dậy những hòa niệm, nhớ mong. Phải chăng đó chính là tiếng đồng vọng của đất trời để an ủi, sẻ chia với cuộc đời lam lũ của bà? Câu hỏi	

	tu từ “Tu hú ới chẳng đến ở cùng bà – Kêu chi hòa trên những cánh đồng xa” mới thấm thía làm sao, xót xa làm sao! Nó diễn tả nỗi lòng da diết của tác giả khi nhớ về tuổi thơ, nhớ về bà. => Những câu thơ như lời đối thoại tâm tình, cháu trò chuyện với bà trong tâm tưởng, cháu trò chuyện với chim tu hú trong tình yêu thương. Và tất cả đều là sự bộc bạch của cháu dành cho người bà kính yêu. Hình ảnh của bà, hình ảnh của bếp lửa và âm thanh của chim tu hú vang vọng trong một không gian mênh mông khiến cả bài thơ nhuộm phủ sắc bàng bạc của không gian hoài niệm, của tình bà cháu đẹp như trong chuyện cổ tích. 2/ Đặc sắc nghệ thuật: - Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm và miêu tả, tự sự và bình luận. - Thể thơ tám chữ kết hợp với 7 chữ, 9 chữ phù hợp với việc diễn tả dòng cảm xúc và suy ngẫm về bà. - Giọng điệu tâm tình, thiết tha, tự nhiên, chân thành. III/ Kết bài: dòng hoài niệm đẹp đẽ của người cháu về tuổi thơ sống bên bà càng cho ta thấy rõ tình cảm thiêng liêng giữa bà với cháu. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 24	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Ồi tuổi thơ, ta dầm mưa ta tắm.
Ta lội tung tăng trên mặt nước mặt sông
Ta lặn xuống, nghe vang xa tiếng sấm
Nghe mưa rơi, tiếng ầm tiếng trong.
Ồi đâu rồi những trò chơi tuổi trẻ
Những tàu chuối bẹ dừa, những mảnh chòi nhỏ bé
Những vết chân thơ ấu buổi đầu tiên
Mấy tấm mo cau là mấy chiếc thuyền
Mưa cuốn đi rồi.
Mưa chảy xuống dòng sông quê nội
Sóng nước quê hương dào dạt chảy về khơi,
Chờ những kỷ niệm xưa, chìm lắng bốn phương trời.
(Trích “ *Nhớ cơn mưa quê hương*” - Lê Anh Xuân)

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích .

Câu 2. (0, 5 điểm) Chỉ ra ít nhất một thành phần biệt lập có trong đoạn trích trên .

Câu 3. (1,0 điểm) Xác định biện pháp tu từ trong câu thơ được in đậm và nêu tác dụng (Nghe mưa rơi, tiếng ầm tiếng trong)

Câu 4. (1,0 điểm) Em hiểu như thế nào về cảm xúc của tác giả trong đoạn trích trên ?

II . PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 . (2,0 điểm)

Aesop – Một nhà văn Hi Lạp đã từng nói :

“ *Sự tử tế , dù nhỏ tới thế nào , không bao giờ là lãng phí “*

Từ câu nói trên, em hãy nêu suy nghĩ của mình về giá trị của lòng nhân ái .

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận về vẻ đẹp của nhân vật Thúy Kiều trong đoạn trích sau:

"Tường người dưới nguyệt chén đồng,

Tin sương luống những rày trông mai chờ.

Bên trời góc bể bơ vơ,

Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.

Xót người tựa cửa hôm mai,

Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?

Sân Lai cách mấy nắng mưa,

Có khi gốc tử đã vừa người ôm,"

(Trích *Kiều ở lâu Ngưng Bích*, *Truyện Kiều* - Nguyễn Du, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr.93 – 94)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm	0,5 điểm
	2	Thành phần biệt lập thành phần cảm thán: “Ôi”.	0,5 điểm
	3	Biện pháp tu từ trong câu in đậm: ẩn dụ chuyển đổi cảm giác. Tác dụng: tiếng mưa được cảm nhận qua thính giác được chuyển đổi qua cảm giác “ấm” và thị giác “trong” thể hiện được nét độc đáo, tinh tế trong sự cảm nhận của người con xa quê, những liên tưởng, bất ngờ, thú vị về âm thanh tiếng mưa là sản phẩm của những rung động sâu sắc, sự nhạy cảm, tài hoa của tác giả. Mặt khác, còn làm cho hình ảnh thơ sống động, như hiện hữu đa chiều và dễ đi vào lòng người đọc.	1,0 điểm
	4	Tác giả khi nhớ về quê hương với bao nhiêu kỉ niệm thời thơ ấu ùa về cùng những cảm xúc lắng đọng, nhớ nhung da diết và cũng có một phần tiếc nuối những hoài niệm, kí ức đã qua. Qua đó cũng cho ta thấy trong sâu thẳm trái tim của người con xa quê là tình yêu quê hương sâu nặng, thiết tha.	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: I/Mở đoạn: giới thiệu vấn đề nghị luận. II. Thân đoạn: 1.Giải thích: -“Nhân” là người, “ái” là yêu, “Nhân ái”là tình yêu thương đối xử với nhau thật tốt đẹp đúng nghĩa làm người.	2,0 điểm

	- Tình yêu thương này còn là một trong những thước đo nhân cách con người và là nét đẹp về đạo đức. 2. Phân tích, bàn luận: * Biểu hiện của lòng nhân ái: - Qua hành động đơn giản, qua sự quan tâm, qua ý thức chung. - Không cần phải là những việc làm to tát, những điều xa xỉ mà lòng nhân ái hiện diện xung quanh cuộc sống thường ngày của chúng ta. *Giá trị của lòng nhân ái: - Con người yêu thương nhau hơn - Xã hội tốt đẹp hơn, bình đẳng hơn. - Con người sống vui hơn, tin tưởng và đoàn kết với nhau hơn. - Đạo đức được nâng lên, tinh thần được cổ vũ. 3.Bàn luận mở rộng: Phê phán những con người vô cảm, thờ ơ và không có lòng nhân ái: Một số thực trạng mặt trái về lòng nhân ái hiện nay. 4. Bài học nhận thức và hành động III. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I/ Mở bài Nguyễn Du là đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, tên tuổi của ông gắn liền với tác phẩm "<i>Truyện Kiều</i>" - kiệt tác số một của văn học trung đại Việt Nam. Ngoài giá trị nội dung sâu sắc, <i>Truyện Kiều</i> còn rất thành công về nghệ thuật đặc biệt là bút pháp "<i>Vịnh cảnh ngụ tình</i>" (lấy cảnh vật để nói lên nỗi lòng của con người, người và cảnh vì thế mà tâm đầu ý hợp hòa quyện vào nhau). Tiêu biểu là đoạn trích "<i>Kiều ở lầu Ngưng Bích</i>" và điển hình là tám câu thơ sau đã khắc họa một cách xúc	5,0 điểm

	động về nỗi nhớ người yêu, nhớ bố mẹ của Thúy Kiều, qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm của chính nhân vật: <i>“Tưởng người dưới nguyệt chén đồng</i> <i>Tin sương luống những rày trông mai chờ. Bên trời góc bể bơ vơ, Tấm son gột rửa bao giờ cho phai. Xót người tựa cửa hôm mai, Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ? Sân Lai cách mấy nắng mưa, Có khi gốc tử đã vừa người ôm”</i> II/ Thân bài 1.Khái quát đoạn trích: Sau khi trao duyên cho em là Thúy Vân, Kiều theo Mã Giám Sinh về Lâm Tri để yên phận làm vợ, nào ngờ đó lại là chốn lầu xanh trêu hoa ghẹo bướm. Quyết giữ thân trong trắng, Kiều cự tuyệt và dùng mọi cách để không sa vào vũng bùn lầy nhơ nhuốc ấy. Đòn roi của mụ Tú Bà không khuất phục được ý chí giữ gìn phẩm giá của người con gái đẹp. Mụ đưa Kiều vào lầu Ngưng Bích nhưng thực chất là giam lỏng và bắt đầu như âm mưu “<i>thuần phục</i>” nàng. Tại lầu Ngưng Bích, nhìn cảnh vật đượm nỗi ưu sầu với vẻ non xa, tấm trăng gần, cơn cát bụi bay mờ mịt, thời gian, không gian trôi qua vô hình vô định như chính cuộc đời nàng. Thương cho số phận của chính mình, Kiều nhớ về gia đình, nhớ về cha mẹ, nhớ về những người thân yêu và nhớ về mối tình dang dở với chàng Kim. 2.Cảm nhận về vẻ đẹp của nhân vật Thúy Kiều trong đoạn trích a. Kiều nhớ Kim Trọng Trước hết Kiều nhớ đến Kim Trọng. Đã có nhiều người phê phán rằng Kiều không phải là người con chí hiếu khi trong tình cảnh như thế này lại nhớ đến người yêu trước tiên. Có lẽ việc để Thúy Kiều nhớ về Kim Trọng trước cũng là một trong những dụng ý của tác giả. Nguyễn Du đã khéo léo để	

nàng Kiều nhớ Kim Trọng trước, cha mẹ sau. Bởi, trước hết nó phù hợp với quy luật tâm lí của tuổi trẻ.

Hơn nữa, trong cơn gia biến, Kiều đã hi sinh chữ tình vì chữ hiếu. Nàng đã bán mình chuộc cha, làm tròn đạo hiếu. Với cha mẹ, nàng đã đền đáp được công ơn sinh thành và dưỡng dục cao như núi, dài như bể của cha mẹ. Vì vậy nàng không có gì phải ăn năn, day dứt. Thế nhưng, còn với chàng Kim, nàng đã không làm tròn được lời thề đính ước giữa chàng và nàng:

*“Tuồng người dưới nguyệt chén đồng
Tin sương luống những rày trông mai chờ”*

Tại sao tác giả lại không dùng từ nhớ mà lại dùng từ “*tuồng*”? “*Tuồng*” có nghĩa là nhớ nhung, hồi tưởng, vừa là nhớ, vừa là hình dung, tuồng tượng ra người mình yêu. Nhớ về Kim Trọng là nhớ về người yêu nên bao giờ Kiều cũng nhớ về lời thề đôi lứa. “*Chén đồng*” là chén rượu thề nguyện, đồng lòng, đồng dạ mà Kiều và Kim Trọng đã uống dưới ánh trăng vằng vặc:

*"Văng trăng văng vặc giữa trời
Đình linh hai miệng một lời song song"*

Văng trăng kia vẫn còn, chén rượu thề nguyện chưa ráo mà nay tình duyên đã chia cắt đột ngột. Câu thơ như có nhịp thốn thức của trái tim yêu thương đang rỉ máu. Nhớ về Kim Trọng, đau đớn hình dung cảnh ở Liêu Dương xa xôi cách trở, Kim Trọng không hề hay biết Kiều đã bán mình chuộc cha mà vẫn hướng về Kiều chờ tin mà uống công vô ích. Càng nhớ chàng bao nhiêu thì Kiều càng thương cho số phận mình bấy nhiêu:

*“Bên trời góc bể bơ vơ
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai”*

Thương thân mình bơ vơ trên trời, góc bể, càng nuôi tiếc cho mối tình đầu. Câu thơ “*Tấm son gột rửa bao giờ cho phai*” có thể hiểu tấm son của Kiều đã bị hoen ố nàng không còn là một thiếu nữ phòng khuê, nhưng có thể hiểu “*tấm son*” là tấm lòng chung thủy son sắc của nàng dành cho Kim Trọng chẳng bao giờ nguôi ngoai. Đặt trong hoàn cảnh cô đơn Kiều đã tạm để tấm lòng mình lắng xuống và nhớ đến Kim Trọng. Đó là sự vị tha và tấm lòng

chung thủy của một người.

b. Kiều nhớ cha mẹ

Tiếp theo là Kiều nhớ đến cha mẹ, nàng đã làm tròn đạo hiếu, nhưng không vì thế mà nỗi nhớ cha mẹ kém phần day dứt:

*“Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt lồng ấp lạnh những ai đó giờ?
Sân Lai cách mấy nắng mưa
Có khi gốc tử đã vừa người ôm”*

Khi viết về nỗi nhớ cha mẹ của Kiều, Nguyễn Du dùng từ “xót”. Từ này thể hiện nỗi nhớ thương quặn lòng của một đứa con hiếu thảo. Nguyễn Du sử dụng thành ngữ “*quạt lồng ấp lạnh*”, điển cố “*sân Lai*”, “*gốc tử*” để nói lên nỗi xót xa của nàng khi cha mẹ đã già mà không được chăm sóc chu đáo. Cụm từ “*cách mấy nắng mưa*” vừa nói được thời gian xa cách qua bao mùa mưa nắng vừa nói lên sự tàn phá của tự nhiên, của nắng mưa đối với con người và cảnh vật, lần nào nhớ về cha mẹ Kiều cũng “*nhớ ơn chín chữ cao sâu*” và luôn ân hận day dứt vì đã phụ công sinh thành nuôi dưỡng của cha mẹ. Còn gì xót xa hơn khi nghĩ đến cha mẹ đã già mà vẫn phải nhớ thương, ngày đêm lo lắng cho mình, vẫn tựa cửa chờ ngóng tin con. Là người con chí hiếu, Kiều đã quyết “*bán mình chuộc cha*”, nhưng giờ đây nơi nghìn trùng xa cách, nàng vẫn không nguôi được nỗi nhớ thương, xót xa cho cha mẹ già. Ai sẽ thay mẹ chăm sóc cha mẹ luôn là câu hỏi xoáy sâu tâm can nàng. **Đến đây ta hiểu tại sao trong nỗi nhớ thương, Kiều lại nhớ Kim Trọng trước cha mẹ sau**, phải chăng trong hai chữ tình hiếu nàng đã tạm yên với chữ hiếu bởi khi bán mình chuộc cha Kiều đã phần nào đền đáp được công ơn sinh thành nuôi dưỡng của cha mẹ. Còn với Kim Trọng trước khi về Liêu Dương chịu tang chú, chàng đã kỳ vọng vào Kiều bao nhiêu.

“Giữ vàng giữ ngọc cho hay

Cho đành lòng kẻ chân mây với trời”

Vậy mà giờ đây, tấm thân Kiều đã bị hoen ố, nàng đã phụ bạc chàng Kim vì thế nàng luôn ân hận, day dứt như một kẻ phụ tình. Nỗi đau ấy cứ xé tâm can nàng khiến nàng luôn nhớ đến Kim Trọng, nhớ người yêu trước nhớ cha mẹ sau, điều đó hoàn toàn phù hợp với quy luật tâm lý của Kiều. Đồng thời thể hiện sự tinh tế trong ngòi bút miêu tả tâm lý của Nguyễn Du. Điều đáng lưu ý là dù trong hoàn cảnh cô đơn ở lầu Ngưng Bích, Kiều là người đáng thương nhất nhưng trái tim Kiều đầy yêu thương nhân hậu vị tha. **Nàng là người tình thủy chung, là người con rất mực hiếu thảo**, thật đáng trân trọng biết bao.

3.Đánh giá

Chỉ với 8 câu thơ ngắn gọn , Nguyễn Du với nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc, tinh tế, đã thể hiện được tấm lòng thủy chung của Kiều với Kim Trọng và hiếu thảo của Kiều với gia đình. Dù trong hoàn cảnh khó khăn, cô độc, Kiều vẫn luôn đau đáu về người yêu, về trách nhiệm của người con với cha mẹ. Trách nhiệm và tấm lòng thương yêu người yêu, cha mẹ của nàng thật đáng quý biết bao. Nói đến Kiều, người ta thường nói đến cái tài, cái sắc, nhưng chính cái tình của Kiều đối với gia đình, đối với người yêu, đối với tất cả mọi người trong cuộc đời này mới là điều làm nên nhân cách cao đẹp của Kiều.

III/Kết bài

Tóm lại, bằng việc sử dụng ngôn ngữ độc thoại nội tâm, những từ ngữ hình ảnh tinh tế, qua đoạn trích "*Kiều ở lầu Ngưng Bích*" nói chung và **tám câu thơ trên nói riêng**, Nguyễn Du đã khắc họa thành công và thật xúc động nỗi nhớ người yêu, nhớ cha mẹ của Thúy Kiều, qua đây cho ta thấy, **Kiều không chỉ là một cô gái tài sắc vẹn toàn mà còn là người tình thủy chung, người con hiếu nghĩa**. Đồng thời đoạn thơ cho ta thấy được tấm lòng ngời ca trân trọng vẻ đẹp phẩm chất của con người, đặc biệt là người phụ nữ của thi nhân – một trong những biểu hiện cho **cảm hứng nhân đạo** trong sáng tác của Nguyễn Du.

		d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 25	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I.PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

“Có lẽ chỉ những giấc mơ trở về tuổi thơ mới đem lại cho tôi những cảm giác ấm áp, bình yên đến thế...Trong mơ...Tôi thấy một tôi rơm rớm nước mắt trong buổi chia tay. Xung quanh, bạn bè tôi đều tâm trạng cả. Đứa khóc thút thít, đứa cười đỏ hoe mắt, đứa bịn rịn lặng thinh... Tất cả nắm tay tôi thật chặt, ôm tôi thật lâu...Giấc mơ tuổi học trò du dương như một bản nhạc Ballad - bản nhạc nhẹ nhàng mà da diết khôn nguôi. Bản nhạc đó mỗi lần kết thúc lại đẩy lên trong tôi những băng khuâng, tiếc nuối. Nhưng, tôi vẫn thích nghe, thích cảm nhận niềm hạnh phúc hân hoan khi được trở về những năm tháng tuổi thơ, bên mái trường, bên thầy cô, bên bạn bè và những gì thân thương nhất. Dù biết rằng đó chỉ là một giấc mơ...”

(“*Có những giấc mơ về lại tuổi học trò*” - Đăng Tâm)

Câu 1. Tìm và chỉ ra phép liên kết câu chính được dùng trong đoạn văn. (0.5 điểm)

Câu 2. Câu văn “Xung quanh, bạn bè tôi đều tâm trạng cả...” mang hàm ý gì? Nêu tác dụng ? (1,0 điểm)

Câu 3. Hãy tìm và phân tích tác dụng nghệ thuật của các biện pháp tu từ được Đăng Tâm sử dụng trong đoạn văn. (1.5 điểm)

II.PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm) Trong ca khúc “*Đường đến ngày vinh quang*”, có một đoạn rất hay:

“*Chẳng chặng đường nào trải bước trên hoa hồng. Bàn chân cũng thấm đau vì những mũi gai. Đường vinh quang đi qua muôn ngàn sóng gió*”.

(Trích “*Đường đến ngày vinh quang*” – Trần Lập)

Trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của câu hát trên bằng một đoạn văn văn (khoảng 200 chữ)

Câu 2:(5.0 điểm)

Cảm nhận của em về khổ thơ sau

“Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa
Buồn trông ngọn nước mới sa

Hoa trôi man mác biết là về đâu
Buồn trông nội cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”

(Theo “Kiều ở lầu Ngưng Bích, Trích Truyện Kiều của Nguyễn Du)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phép liên kết câu chính được sử dụng trong đoạn văn: Phép thế. - “Bản nhạc đó” - thế cho “Giấc mơ tuổi học trò”/ “Bản nhạc Ballad”. - “Tất cả” - thế cho những người bạn của nhân vật trữ tình.	0,5 điểm
	2	Hàm ý của câu ‘Xung quanh, bạn bè tôi đều tâm trạng cả...’: => Ý nói rằng : mỗi thành viên lớp trong buổi chia tay đều mang trong mình nỗi buồn khó diễn tả, nỗi buồn phải chia tay bạn bè, thầy cô, chia tay mái trường... * Tác dụng : Tạo tính hàm súc cho lời nói: lời nói ngắn gọn mà chất chứa nhiều nội dung, ý nghĩa. Tạo hiệu quả mạnh mẽ, sâu sắc với người nghe.	1,0 điểm
	3	Biện pháp tu từ chủ yếu được Đăng Tâm sử dụng: - Liệt kê: + “Đứa khóc thút thít, đứa cười đỏ hoe mắt, đứa bịn rịn lặng thinh” + “...Trở về những năm tháng tuổi thơ, bên mái trường, bên thầy cô, bên bạn bè và những gì thân thương nhất...” - Ẩn dụ (chuyển đổi cảm giác): “Giấc mơ tuổi học trò du dương...” - So sánh: “Giấc mơ tuổi học trò du dương như một bản nhạc Ballad...” * Tác dụng:	1,5 điểm

		- Việc kết hợp giữa 3 biện pháp tu từ đã làm nổi bật cảm nhận của tác giả về “giấc mơ tuổi học trò”, giấc mơ với nhiều những kỷ niệm vui- buồn của một thời tuổi thơ. - Làm bật nên khao khát bình dị đó là được quay ngược thời gian trở về tuổi học trò của Đăng Tâm. - Khởi gợi trong trái tim độc giả tình yêu mái trường, yêu bạn bè, thầy cô, biết trân trọng những khoảnh khắc đáng quý của “giấc mơ tuổi học trò”	
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1. Giải thích ý nghĩa thông điệp của tác giả – “Hoa hồng” là loại hoa có hương thơm nồng nàn, có màu sắc rực rỡ của niềm vui, một loại hoa đẹp luôn là biểu tượng cao nhất của tình yêu trong cuộc sống con người. Ở đây hoa hồng là chỉ thành công và hạnh phúc mà con người đạt được. – “Mũi gai” hoa hồng đẹp nhưng có gai, đôi lúc để cầm bông hồng trên tay chúng ta cũng phải chịu đau đớn không ít lần vì mũi gai nhọn của nó. Giống như cuộc sống, để có thành công và hạnh phúc ta phải biết vượt qua những sóng gió và thử thách trong cuộc đời” Qua cơn mưa trời lại sáng” =>Tác giả muốn khẳng định chân lí: Muốn có hạnh phúc và thành công trên đường vinh quang mỗi người bắt buộc phải biết “chịu đau” khi gặp những “mũi gai” và “đi qua muôn ngàn sóng gió”. 2. Bàn luận – Hạnh phúc, vui sướng...luôn là ước mơ cũng là mục tiêu của mọi con người. Nhưng nghịch lí cuộc đời vẫn để khó khăn vất vả chiếm đa phần trong đời mỗi chúng ta. Phải đi qua, thoát ra khỏi đau khổ, con người mới có thành công. – Mọi sự thành công đều bao gồm sự hi sinh mất mát và những nỗi đau, nỗi buồn. Biết chấp nhận đau thương, vất vả cũng là biết cố gắng để đi tới đích trên đường vinh	<i>2,0 điểm</i>

	quang. Dẫn chứng: Nick Vujic – con người tàn tật biết chấp nhận sự thiếu thốn, không vịn nguyên về thể xác để thành công và trở thành biểu tượng của bản lĩnh, nghị lực sống trên toàn thế giới. – Đường vinh quang là đi qua muôn trùng sóng gió – Lời bài hát như khẳng định thêm về ý chí của một con người luôn hiên ngang bước qua mọi gian nan ở đời. Đó là một bài học ý nghĩa về cách sống mà Trần Lập muốn gửi gắm đến mỗi con người, đặc biệt là thế hệ trẻ. Sống tốt đẹp là phải biết đối mặt với thử thách, đối mặt với phong ba bão táp và chiến thắng nó. Thành công sẽ đến với những người không bao giờ chùn bước và run sợ trước khó khăn. Dẫn chứng: “<i>Người thương binh Nguyễn Xuân Năng với tinh thần</i>” Thương binh tàn mà không phế” đã có nhiều thành tích cao trong việc thi đấu bóng bàn ở trong nước và Quốc tế. 3. Phê phán – Trái ngược với những tấm gương luôn sống đương đầu với thử thách thì không ít bạn trẻ ngày nay có lối sống nhút nhát, gặp khó khăn là nản chí, nhụt chí và dễ dàng bỏ cuộc. – Cũng không ít người không chịu chấp nhận những thất bại, buồn đau mà khó khăn của mình gây ra, mà tìm cách đi đến thành công bất chấp mọi thủ đoạn. Dẫn chứng: Nhiều cán bộ vì muốn giàu ra sức tham nhũng của dân chúng; thành công mà hại người khác... d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I/ Mở bài Nguyễn Du là đại thi hào dân tộc, là danh nhân văn hóa	5,0 điểm

thế giới. Nhắc đến ông, người ta nhớ đến “ **Truyện Kiều**”- một tác phẩm đã nâng Tiếng Việt lên thành ngôn ngữ dân tộc. Đọc truyện, ta cảm nhận được trái tim nhân hậu, đa cảm đối với con người của nhà thơ. Như Mông Liên Đường chủ nhân trong lời tựa Truyện Kiều đã viết “*Lời văn tả ra hình như có máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm ở trên tờ giấy, khiến ai đọc cũng phải thấm thìa, ngậm ngùi, day dứt đến đứt ruột*”. Và có đọc tám câu thơ cuối của đoạn “ **Kiều ở lầu Ngưng Bích**” ta mới cảm nhận được nét tinh tế, được cái hay, cái đẹp của bút pháp tài ba của Nguyễn Du, đặc biệt là **bút pháp “vịnh cảnh ngụ tình”**:

*“Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu
Buồn trông nội cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”*

II/Thân bài

1.Khái quát đoạn trích

Đoạn trích nằm giữa hai biến cố đau xót. Đây là những biến cố giúp ta hiểu những bàng hoàng tê tái và sự lo âu về tương lai của nàng Kiều. Tại lầu Ngưng Bích, Kiều không thôi buồn nhớ. Nàng nghĩ đến thân phận hoa trôi bèo nổi của mình rệu rã tâm hồn. Nàng còn nhớ đến Kim Trọng, nhớ đến đêm uống rượu hẹn thề mà đắng cay. Thấy thương Kim Trọng rày trong mai chờ mòn mỏi. Rồi nàng thương cha mẹ ngày đêm ngóng chờ. Song thân tuổi già hiu quạnh, không người kề cận mà xót xa trong lòng. Càng suy nghĩ, nàng càng đau đớn và tuyệt vọng. Nhìn ra bốn bề mong tìm lấy một sự trợ giúp nào đó. Thế nhưng, càng mong đợi, lại càng thấy xa vời, mờ mịt hơn:

2.Cảm nhận 8 câu thơ

Đoạn thơ chia ra làm bốn cặp lục bát, mở đầu mỗi cảnh là điệp từ “*buồn trông*” xuất hiện với âm hưởng trầm buồn, báo hiệu biết bao sóng gió, khó khăn phía trước. Đồng thời mỗi cặp lục bát cũng tương ứng với một nét tâm trạng của Thúy Kiều.

Mở đầu là khung cảnh biển nước mênh mông:

“Buồn trông cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa”

Nguyễn Du sử dụng linh hoạt hai từ láy “*thấp thoáng*”, “*xa xa*” và kết hợp với đại từ phiếm chỉ “*ai*” cho thấy nỗi chờ đợi, trông ngóng trong vô vọng của nàng. Không chỉ vậy, Nguyễn Du cũng rất tinh tế khi lựa chọn khoảng thời gian để bộc lộ tâm trạng, đó là thời gian buổi chiều, gợi nhắc gợi nhớ về hơi ấm gia đình. Đúng lúc ấy lại xuất hiện hình ảnh “*cánh buồm*” nhỏ bé trước “*cửa bể*” rộng lớn, làm cho nỗi hoang vắng mênh mông càng lớn hơn. Đồng thời “*cánh buồm*” đó cũng chính là **ẩn dụ** cho thân phận bé nhỏ, lẻ loi của nàng.

Đến khung cảnh thứ hai, Nguyễn Du dựng nên cảnh dòng nước với đóa hoa trôi. Cảnh vật được nhìn bằng ánh mắt sầu não đến ghê gớm, trước mắt nàng lại hiện lên cảnh tan tác, chia lìa:

“Buồn trông ngọn nước mới sa

Hoa trôi man mác biết là về đâu ?”

Nàng Kiều tự ví bản thân mình với những cánh hoa mỏng manh, yếu đuối, thân phận chìm nổi lênh đênh không biết đi đâu về đâu. Kết hợp với câu hỏi tu từ “*biết là về đâu?*” càng cho thấy rõ hơn nữa thân phận bọt bèo, bấp bênh, vô định của nàng. Trong dòng nước mênh mang, cánh hoa trôi chao đảo, cứ dập dềnh, quẩn quanh, không biết trôi về đâu. Dòng nước ấy hay chính là dòng đời vạn biến. Cánh “*hoa trôi man mác*” trên “*ngọn nước mới sa*” gợi lên thân phận nhỏ bé, mỏng manh, lênh đênh trôi dạt trên dòng đời vô định không biết đi đâu về đâu. Số kiếp của

bông hoa hay cũng chính là số kiếp của đời Kiều đầy thôi. Càng nghĩ càng thêm đáng sợ. Lỡ sa bước vào cạm bẫy cuộc đời giả trá, Kiều nào có hay. Để đến nỗi giờ đây nàng cũng không biết đời mình sẽ đi đâu về đâu. Rồi phận gái long đong, tuổi xuân cao quý cũng sẽ bị cuộc đời vùi dập tan tành mà thôi. Câu hỏi tu từ như chạm vào nơi sâu thẳm của trái tim người đọc.

Dựng nên bức tranh thứ 3 này, Nguyễn Du muốn nói với chúng ta rằng Kiều đang rất buồn khổ và lo lắng cho tương lai của mình. Đó là một tương lai vô định, càng nghĩ ngợi càng thấy mờ mịt. Càng nhìn xa càng thấy mịt mờ. Dưới ánh mắt của Thúy Kiều, tất cả dường như mờ ảo, tan biến, ẩn giấu biết bao hoài nghi và bí mật :

“Buồn trông nội cỏ rầu rầu

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”

Hình ảnh cỏ, đã nhiều lần xuất hiện trong thơ Nguyễn Du, là sắc xanh non mơn mớn trong ngày hội xuân, đầy sức sống: *“Cỏ non xanh tận chân trời”*. Nhưng đến đây sắc xanh ấy đâu còn nữa, mà thay vào đó là màu sắc của sự tàn tạ, héo úa *“rầu rầu”*. Nội cỏ *“rầu rầu”* nhuộm màu đau thương trải rộng nơi *“chân mây mặt đất”* gợi cuộc sống úa tàn, bi thương, vô vọng kéo dài không biết đến bao giờ. *“Cỏ”* trong đôi mắt thắm đậm tâm trạng của nàng Kiều *“rầu rầu”* tàn lụi, héo úa. Tác giả tả màu xanh của cỏ nối tiếp nhau đến tận chân trời, nhưng màu xanh ấy không sắc nét mà nhòe mờ, pha lẫn vào nhau, có phần đơn điệu. Màu cỏ héo úa như sắp tàn lụi như sắp từ biệt vũ trụ, kết thúc cuộc đời ngắn ngủi. **Màu cỏ hay cũng chính là tâm hồn của Thúy Kiều đang héo úa, heo hắt, rệu rã trước cuộc đời.** Phải chăng trong dòng nước mắt cô đơn và tủi cực mà cái nhìn của nàng nhìn đâu cũng thấy vô vọng.

Đến bức tranh cuối cùng, một lần nữa nàng Kiều lắng lòng mình, để nghe những vang vọng của cuộc sống. Nhưng những thứ nàng nghe được chỉ là chuỗi âm thanh khủng khiếp:

“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh

	<i>Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi</i> Hình ảnh “<i>gió cuốn mặt duềnh</i>” và âm thanh ầm ầm của tiếng sóng “<i>kêu quanh ghế ngồi</i>” gợi tâm trạng lo sợ, hãi hùng của Thúy Kiều. Nàng hoàn toàn tuyệt vọng trong cái nghịch cảnh trở trêu của mình. Nó như báo trước những trắc trở, như vẽ ra con đường gian nan mà nàng sẽ phải đi qua “<i>Ầm ầm tiếng sóng</i>”. Chỉ ngay sau lúc này, dông bão của số phận sẽ nổi lên, xô đẩy, vùi dập cuộc đời Kiều “<i>Thanh y hai lượt, thanh lâu hai lần</i>”. Với những nét vẽ này, Nguyễn Du khác họa đậm nét sự hoảng loạn, mất phương hướng trong tinh thần của Kiều. Nàng hoàng toàn tuyệt vọng trước dòng đời khắc nghiệt. Nàng cầu cứu trăm phương nhưng bất lực. Độc đáo hơn, khi những bức tranh tâm trạng được cụ Nguyễn Du sắp xếp theo trình tự tăng tiến. Từ cảm giác hoang mang trước của biển, đến suy nghĩ về tương lai vô định, nổi trôi của kiếp đời con gái. Sau đó là sự tuyệt vọng trước nghịch cảnh bế tắc, tối tăm. Cuối cùng, nàng rơi vào trạng thái hoang tưởng, tột cùng đau đớn và sợ hãi. 3.Đánh giá Với nghệ thuật ẩn dụ, hệ thống câu hỏi tu từ, các từ láy “thấp thoáng”, “xa xa”, “man mác”, “rầu rầu”, “xanh xanh”, “ầm ầm”... đã góp phần làm nổi bật nỗi buồn nhiều bề trong tâm trạng Kiều. Tác giả lấy ngoại cảnh để bộc lộ tâm cảnh. Cảnh được miêu tả từ xa đến gần. Màu sắc từ nhạt đến đậm. Âm thanh từ tĩnh đến động. Nỗi buồn từ man mác, mông lung đến lo âu, kinh sợ, dồn đến cơn bão táp của nội tâm, cực điểm của cảm xúc trong lòng Kiều. Toàn là hình ảnh về sự vô định. Sự vật mong manh, dạt trôi. Lòng người chao đảo nghiêng đổ dữ dội. Cuối cùng hoàn toàn rơi vào bế tắc, tuyệt vọng đến tận cùng. Lúc này, Kiều bất lực , buông xuôi trước thực tại phũ phàng. Bởi thế, nàng ngậy thơ mắc lừa Sở Khanh để rồi nàng bị đẩy xuống bùn nhơ của cuộc đời: “<i>Thanh y hai lượt, thanh lâu hai lần</i>”.	

	III/ Kết bài Tóm lại, 8 câu thơ cuối trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” đặc tả tâm trạng cô đơn, buồn tủi và khổ đau của Thúy Kiều. Đoạn trích đã khẳng định sự kì tài của Nguyễn Du trong việc miêu tả nội tâm nhân vật bằng bút pháp “<i>tả cảnh ngụ tình</i>” đặc sắc. Đồng thời ta cũng thấy được tấm lòng nhân đạo, niềm cảm thương sâu sắc mà Nguyễn Du dành cho người con gái hồng nhan bạc mệnh. Khép lại đoạn thơ những hình ảnh, âm thanh của nó vẫn sẽ còn lưu lại mãi trong tâm trí người đọc. Và ta tự hỏi liệu xã hội ngày nay có người con gái nào bất hạnh như Kiều? d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 26	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I.PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Mẹ và Quả

*Những mùa quả mẹ tôi hái được
Mẹ vẫn trông vào tay mẹ vun trồng
Những mùa quả lặn rồi lại mọc
Như mặt trời, khi như mặt trăng.*

*Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên
Còn những bí và bầu thì lớn xuống
Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn
Rỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi.*

*Và chúng tôi, một thứ quả trên đời
Bảy mươi tuổi mẹ đợi chờ được hái*

*Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi
Mình vẫn còn một thứ quả non xanh?*

(Nguyễn Khoa Điềm)

Câu 1 (0,5 điểm) . Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

Câu 2 (1,0 điểm). Bài thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Nêu tác dụng.

Câu 3 (0,5 điểm) . Hình ảnh “*Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi/ Mình vẫn còn một thứ quả non xanh?*” gợi cho em suy nghĩ gì?

Câu 4 (1,0 điểm). Nêu suy nghĩ của em về bài thơ trên.

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Từ nội dung bài thơ trên, hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về tình mẫu tử.

Câu 2 (5,0 điểm). Phân tích nhân vật Phương Định trong truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là biểu cảm.	<i>0,5 điểm</i>
	2	Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn trích: Ẩn dụ: “những mùa quả mẹ trồng”: ẩn dụ cho việc mẹ sinh ra, nuôi nấng, chăm sóc những đứa con thơ gian nan, vất vả nhưng mẹ luôn cố gắng đầy tâm huyết. So sánh: “Những mùa quả lặn rồi lại mọc/ Như mặt trời, khi như mặt trăng.” Cứ hết mùa quả này mẹ lại trồng mùa quả khác cũng giống như vòng tuần hoàn lặp đi lặp lại của mặt trời và mặt trăng; liên tưởng này giúp bạn đọc dễ dàng hình dung ra những công lao to lớn của mẹ.	<i>1,0 điểm</i>
	3	Hình ảnh “ <i>Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi/ Mình vẫn còn một thứ quả non xanh?</i> ” gợi suy nghĩ: Sẽ là một nỗi sợ nếu phải rời xa vòng tay mẹ khi chưa đủ trưởng thành để đối diện với phong ba bão táp ngoài kia; sẽ không còn	<i>0,5 điểm</i>

		bến đỗ bình yên chúng ta có thể quay về sau những mệt mỏi.	
	4	Bài thơ “Mẹ và quả” đã gợi cho em nhiều ấn tượng sâu sắc: những đứa con giống như những loại quả mẹ vun trồng, một lòng chăm sóc chờ ngày đơm hoa kết trái nhận quả ngọt. Mẹ đã bỏ bao công sức, tâm huyết, tình yêu thương chỉ mong các con nên người. Bài thơ không chỉ nói về công lao to lớn của mẹ mà còn thể hiện sự biết ơn, tình yêu thương, trân trọng mà người con dành cho mẹ.	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: tình mẫu tử. 2. Thân đoạn: <i>a. Giải thích</i> Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng nhất trong những tình cảm của con người. Đó không chỉ là tình cảm mà người mẹ dành cho con mà còn là sự hiếu kính, biết ơn, yêu thương dành cho mẹ của phận làm con. <i>b. Phân tích</i> Tình mẫu tử là tình cảm đầu tiên mà mỗi chúng ta nhận được từ khi còn trong bụng mẹ, được mẹ yêu thương, nuôi nấng lớn lên từng ngày. Tình mẫu tử góp phần quan trọng trong việc hình thành nhân cách cũng như nuôi dưỡng những tình cảm khác của người con. Tình mẫu tử là gốc rễ tạo động lực cho chúng ta vượt qua những khó khăn, thử thách của cuộc sống.	2,0 điểm

	<i>* Chứng minh</i> Mỗi học sinh lấy ít nhất 2 dân chứng về tình mẫu tử. (Dân chứng nổi bật, tiêu biểu được nhiều người biết đến). <i>c. Bàn luận, mở rộng</i> Tuy nhiên, trong cuộc sống vẫn còn có nhiều người thiếu thốn tình mẫu tử. Vì bất cứ lí do thì chúng ta cũng cần yêu thương, đồng cảm nhiều hơn với những hoàn cảnh này. <i>d. Bài học nhận thức và hành động:</i> - Cho những người làm mẹ.. - Cho những người làm con. 3. Kết đoạn: Khái quát lại ý nghĩa của tình mẫu tử. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I. Mở bài Giới thiệu tác giả Lê Minh Khuê, truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi và nhân vật Phương Định. II . Thân bài 1.Khái quát: Tác phẩm được sáng tác vào năm 1971, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc diễn ra hết sức gay go và ác	5,0 điểm

	liệt. Nội dung truyện kể về 3 cô gái thanh niên xung phong Nho, Thao, Phương Định với công việc rất khó khăn và nguy hiểm : phá bom nhưng họ vẫn lạc quan, yêu đời và có tinh thần trách nhiệm cao. Nổi bật trong số đó là Phương Định với những phẩm chất và tính cách đáng yêu, đáng mến. 2. Phân tích nhân vật Phương Định: <i>a. Hoàn cảnh sống và chiến đấu</i> Xuất thân là con gái Hà Nội, Phương Định tham gia thanh niên xung phong sống giữa khói bụi Trường Sơn và bom đạn. Công việc của chị là đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom nổ. Công việc hết sức nguy hiểm. Giữa chiến trường khói lửa, chị vẫn hồn nhiên, ngây thơ, trẻ con đôi khi nhạy cảm, mơ mộng, thích hát. Chị vẫn hay nhớ về những kỉ niệm bên mẹ trong căn gác nhỏ, nhớ về thành phố tuổi thơ. Là cô gái yêu đời, hồn nhiên, giàu cá tính, hay hát hay cười một mình, hay ngắm mình trong gương. Tự đánh giá mình là một cô gái khá, có hai bím tóc dài, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Mắt dài, màu nâu hay nheo lại như chói nắng và được các anh chiến sĩ nhận xét là “có cái nhìn sao mà xa xăm”. Chị có cái điệu đà của một cô gái Hà Nội nhưng đáng yêu, hồn nhiên và chân thực. Điểm xinh xắn và điệu đà được cánh pháo thủ và lái xe quan tâm, khi đó chị cảm thấy ấm lòng và tự tin hơn. <i>b. Bản chất anh hùng, nghiêm túc trong công việc, tinh thần dũng cảm, luôn có thần chết rình rập.</i> Phương Định là một cô gái có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc.	

	Tinh thần dũng cảm trong cuộc phá bom đầy nguy hiểm, chị dũng cảm, bình tĩnh tiến đến quả bom, dang hoàng mà bước tới cùng xới xẻ đào đất, có lúc lưỡi xẻng chạm trúng vào quả bom. Đó là cuộc sống thường nhật của họ. Có những lúc chị nghĩ đến cái chết nhưng chỉ “mờ nhạt”, mục đích hoàn thành nhiệm vụ luôn được chị đặt lên trên. → Ấy vậy mà Phương Định vẫn đùa vui trong gian khổ, coi thường thương tích, coi rằng công việc của mình cũng có cái thú vị riêng. <i>c. Tình cảm gắn bó với đồng chí, đồng đội</i> Yêu mến đồng đội, quan tâm, tôn trọng tất cả những người bạn, người anh em cùng sống và chiến đấu với mình. Phương Định miêu tả chị Nho và chị Thao đầy trìu mến, khi miêu tả các anh bộ đội, khi Phương Định chăm sóc chị Nho. Lo lắng, sốt ruột khi đồng đội lên cao điểm chưa về. 3. Đánh giá nội dung, nghệ thuật III. Kết bài: Khái quát lại nhân vật và giá trị của tác phẩm. d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 27	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

Anh hát em nghe khúc hát đồng quê
Cho lắng lại vui buồn muôn thuở
Cho mẹ thương con, cho chồng thương vợ,
Người không thương nhau có rất ít ở trên đời!
Anh hát em nghe về những con người
Sống với đất chết lẫn vào cùng đất
Chỉ để lại nụ cười chân thật
Như hoa đồng cỏ nội nở rồi quên.
Những câu hát nhắc anh, những câu hát nhắc em
Ăn hạt gạo không quên người cày cuốc...
Bao vất vả gian lao đã có gì được hưởng,
Ai quên ai khuya sớm nhọc nhằn?

(Khúc hát đồng quê, Chữ Văn Long, Theo baocantho.com.vn, ngày 29/05/2010)

Câu 1. Đoạn thơ được viết theo thể thơ nào? (0,5 điểm)

Câu 2. Ghi lại 02 dòng thơ có sử dụng cặp từ trái nghĩa trong đoạn thơ và chỉ rõ cặp từ trái nghĩa đó. (0,75 điểm)

Câu 3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ được sử dụng trong khổ thơ thứ 3. (0,75 điểm)

Câu 4. Em có đồng tình với quan niệm: Người không thương nhau có rất ít ở trên đời? Vì sao? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của lối sống chân thật.

Câu 2 (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về nhân vật Phương Đình trong đoạn văn sau:

Bây giờ là buổi trưa. Im ắng lạ. Tôi ngồi dựa vào thành đá và khe khẽ hát. Tôi mê hát. Thường cứ thuộc một điệu nhạc nào đó rồi bịa ra lời mà hát. Lời tôi bịa lộn xộn mà ngớ ngẩn đến tôi cũng ngạc nhiên, đôi khi bò ra mà cười một mình.

Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm!”.

Xa đến đâu mặc kệ, nhưng tôi thích ngắm mắt tôi trong gương. Nó dài dài, màu nâu, hay nheo lại như chói nắng.

Không hiểu sao các anh pháo thủ và lái xe lại hay hỏi thăm tôi. Hỏi thăm hoặc viết những thư dài gửi đường dây, làm như ở cách nhau hàng nghìn cây số, mặc dù có

thế chào nhau hàng ngày. Tôi không sẵn sóc, vồn vã. Khi bọn bạn gái tôi xúm nhau lại đối đáp với một anh bộ đội nói giỏi nào đấy, tôi thường đứng ra xa, khoanh hai tay trước ngực và nhìn đi nơi khác, môi mím chặt. Nhưng chẳng qua tôi điệu thế thôi. Thực tình trong suy nghĩ của tôi, những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ.

(...)

Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cửa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng.

Chị Thao thối còi. Như thế là đã hai mươi phút qua. Tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi. Dây mìn dài, cong mềm. Tôi khoả đất rồi chạy lại chỗ nắp của mình.

Hồi còi thứ hai của chị Thảo. Tôi nép người vào bức tường, nhìn đồng hồ. Không có gió. Tim tôi cũng đập không rõ. Đường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ. Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng, đề lên những con số vĩnh cửu. Còn đằng kia, lửa đang chui bên trong cái dây mìn, chui vào ruột quả bom...

Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đứng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mặn mặn, cát lạo xạo trong miệng.

(Trích Những ngôi sao xa xôi, Lê Minh Khuê, Ngữ Văn 9 tập 2, NXBGD, 2013)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Thể thơ tự do	0,5 điểm
	2	Cho lắng lại vui buồn muôn thuở/ Sống với đất chết lẫn vào cùng đất Cặp từ trái nghĩa: vui - buồn; sống - chết	0,75 điểm

	3	-Biện pháp tu từ điệp ngữ được sử dụng trong khổ thơ thứ 3: Những câu hát nhắc ... -Tác dụng: Nhấn mạnh hơn để người đọc chú ý vào những nội dung tiếp sau đó: Những câu hát kia nhắc chúng ta là phải nhớ công lao của người đã ngày đêm vất vả làm ra hạt gạo. Không lên ăn mà không nghĩ tới công lao của người thức khuya dậy sớm, vất vả bao ngày để làm ra hạt gạo	0,75 điểm
	4	Trình bày quan điểm cá nhân, nêu rõ lý do. Gợi ý: Đồng ý với "Người không thương nhau có rất ít ở trên đời" + Trong cuộc sống hiện nay, có rất ít người không thương nhau. + Nhân dân ta luôn yêu thương, chia sẻ, đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau - đó đã trở thành một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.	1,0 điểm
II	1	1.Mở đoạn: Sống chân thật là lối sống cao quý, rất đáng được trân trọng và làm theo. 2.Thân đoạn: a.Giải thích: Sống chân thật là sống ngay thẳng, thật thà, chân thành, không dối trá, không sống theo kiểu hai mặt. b. Phân tích, chứng minh: -Sống trung thực mới có cơ hội thử thách để thành công. -Sống chân thật sẽ làm mối quan hệ giữa người và người sẽ tốt đẹp hơn, cái ác cái xấu cũng sẽ giảm đi, cái tốt được đề cao và tôn vinh. - Nếu sống không chân thật, con người sẽ đánh mất lòng tin ở mọi người. - Người chân thành luôn tạo ra sự tin cậy quanh họ, là chỗ dựa tinh thần ấm áp của bạn bè, người thân. - Những ai sống bằng sự giả dối, cuộc sống sẽ luôn bất an , pháp phòng lo sợ người khác phát hiện ra sự dối trá của	2,0 điểm

	mình, tiếp tục nghĩ ra kiểu dối trá khác để đối phó. D/c: Gian lận trong thi cử , gian lận để thắng trong một cuộc thi,.... c. Bàn luận mở rộng: -Nói dối, giả dối, thiếu chân thật là một hành vi xấu nhưng có khi ta cũng phải nói dối để bảo vệ một giá trị lớn lao hơn. Trong những trường hợp đặc biệt, vì tinh thần nhân đạo, bí mật quốc gia, buộc người ta phải nói dối. Cần biết bao lời nói dối của một bác sĩ để một bệnh nhân nan y còn có hy vọng, cố gắng chữa trị; người chiến sĩ bị giặc bắt, dù bị tra tấn dã man vẫn không khai báo tổ chức, đơn vị d. Bài học: - Phải sống chân thật. 3.Kết đoạn: Tóm lại, lối sống chân thật là lối sống đẹp mà mỗi người đều cần có trong cuộc sống để hướng tới những giá trị hạnh phúc và bền vững trong đời. ĐOẠN VĂN MẪU Lối sống chân thật là phẩm chất và lối sống mỗi người đều cần trang bị cho bản thân trong cuộc sống. Sống chân thật là sống thành thật với lòng mình, đối xử với tất cả mọi người xung quanh bằng tấm lòng chân thành và hướng tới những giá trị thật và bền vững. Những người sống chân thật với lòng mình sẽ luôn theo đuổi những giá trị cuộc sống bền vững và có ý nghĩa thay vì những hư vinh hão huyền chẳng bền lâu. Những con người này thực sự đáng quý vì họ đối xử với chính bản thân và người xung quanh bằng tấm lòng trắc ẩn và chân thành. Họ luôn lan tỏa yêu thương và lòng tử tế nhằm giúp cho xã hội được tốt đẹp và hạnh phúc hơn. Hơn nữa, những người có lối sống chân thật thì luôn hiểu bản thân mình khao khát điều gì và sẵn sàng dấn thân đam mê và theo đuổi đam mê ấy. Những người sống chân thật ấy cũng là những người vô cùng dũng cảm vì họ dám thành thật với lòng mình mà đối xử với bản thân và những người xung quanh bằng sự tử tế nhất. Tóm lại, lối sống chân thật là lối sống đẹp mà mỗi người đều cần có trong cuộc sống để hướng	

	tối những giá trị hạnh phúc và bền vững trong đời.	
2	I. Mở bài - Lê Minh Khuê là một cây bút nữ chuyên viết truyện ngắn, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc. Ngôi bút của bà trong chiến tranh thường hướng về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ trên tuyến đường Trường Sơn. - Truyện ngắn “<i>Những ngôi sao xa xôi</i>” là tác phẩm tiêu biểu của bà khi viết về đề tài này. Tác phẩm của bà được sáng tác vào năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc diễn ra vô cùng ác liệt. Tác phẩm là bức tranh về cuộc sống chiến đấu vô cùng ác liệt mà ánh sáng của nó là ánh sáng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Những cô gái thanh niên xung phong trinh sát mặt đường là nhân vật chính trong tác phẩm. - Đoạn văn trên giúp người đọc cảm nhận về đẹp nhân vật Phương Định- nhân vật chính trong tác phẩm với vẻ đẹp tâm hồn và sự dũng cảm, gan dạ đầy ngưỡng mộ. II. Thân bài 1. Khái quát về đoạn trích 2. Cảm nhận về Phương Định: a. Phương Định là một cô gái Hà Thành hồn nhiên, thơ mộng, trẻ trung, đáng yêu tràn đầy sức sống + Ấn tượng đầu tiên là cô gái có bề ngoài trẻ trung, xinh xắn, đầy sức sống. Cô có “<i>hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh..</i>”, “<i>ánh mắt nhìn xa xăm</i>”, cô hay thích ngắm mình trong gương và làm điệu có vẻ kiêu kì... + Cô mang theo vào chiến trường vẻ hồn nhiên vô tư lự của cô gái Hà Thành mơ mộng với những bài hát “<i>thuộc bất cứ một nhạc điệu nào rồi bịa ra lời mà hát...</i>” Tiếng hát ấy để động viên đồng đội và động viên chính bản thân mình, để gửi vào trong tiếng hát sự khao khát của tuổi trẻ, của người chiến sĩ, mong được trở về quê hương yêu dấu,	5,0 điểm

	được gặp lại người yêu sau bao ngày nhớ nhung, yêu thương. b. Phương Định- cô gái thanh niên xung phong gan dạ, dũng cảm, mạnh bạo + Phương Định có hoàn cảnh sống và chiến đấu vô cùng khó khăn, sống trên một cao điểm, nơi có trọng điểm ở tuyến Trường Sơn ác liệt, giữa mênh mông khói bụi và bom đạn hủy diệt kẻ thù. Công việc của họ là <i>“đo khối lượng đất lấp vào hố bom và đếm bom nổ nếu bom chưa nổ thì phá bom”</i>, Công việc vô cùng vất vả, hiểm nguy, cô phải đối diện với tử thần với cái chết bất cứ lúc nào. + Trận phá bom trên đỉnh cao Trường Sơn thể hiện rõ tinh thần, thái độ dũng cảm vượt mọi hiểm nguy của Phương Định và các cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường ấy. + Phương Định gan dạ dũng cảm, không hề sợ hãi, không đi khom... vừa thể hiện thái độ tự trọng, vừa là ý chí mạnh mẽ giúp cô vượt mọi khó khăn, hiểm nguy. + Phương Định có những thao tác rất chuẩn xác <i>“ dùng xẻng nhỏ đào đất”, “cẩn thận bỏ gói thuốc mìn chôn ngòi”, “khỏa đất”</i>....Sự thuần thục, nhanh nhẹn do được tôi luyện theo thời gian đã trở thành tiềm thức của nhân vật. + Phương Định là người có cảm xúc nhạy bén, cảm nhận rõ rệt về trái bom khi nóng lên , suy nghĩ cảm thấy mình làm còn chậm . Sự thúc giục bản thân cần nhanh chóng hoàn thành công việc , tinh thần tự giác và tinh thần trách nhiệm cao trong trái tim người trẻ tuổi yêu nước. + Tâm trạng nhân vật Phương Định được miêu tả tỉ mỉ, chi tiết, suy nghĩ, lo lắng, hoảng sợ nhưng vẫn gan dạ, dũng cảm, hoàn thành trách nhiệm.. Có nghĩ đến cái chết	

	nhưng là cảm giác bình thường, cái chết không rõ ràng, mà vô cùng mơ hồ,..Tinh thần trách nhiệm cao hơn tất cả, cao hơn cả mạng sống bản thân, Họ sẵn sàng hi sinh vì nhiệm vụ. + Câu nói “ <i>quen rồi</i>”, “ <i>phá bom 5 lần</i>”, sự bản lĩnh được tôi luyện. Đối mặt với tử thần là khó khăn nhưng các cô đã làm điều đó trong một thời gian dài để “ <i>quen rồi</i>”.. + Câu văn miêu tả trận phá bom ngắn, dồn dập, khẩn trương, tất cả làm nổi bật vẻ đẹp cô thanh niên xung phong với lý tưởng sống cao đẹp, dũng cảm, gan dạ với đời sống tinh thần phong phú, hồn nhiên, lạc quan, lãng mạn, thơ mộng,... + Phương Định và những đồng đội của mình là những người đã không tiếc tuổi thanh xuân, họ hiến dâng trọn vẹn tất cả những gì cho Tổ quốc: <i>“ Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước</i> <i>Mà lòng phơi phới dậy tương lai”.</i> 3. Đánh giá, mở rộng - Đọc tác phẩm “ <i>Những ngôi sao xa xôi</i>” của Lê Minh Khuê, người đọc thấy khâm phục và yêu mến Phương Định bởi vẻ hồn nhiên, ngây thơ lãng mạn của cô và vẻ đẹp dũng cảm, gan dạ, lí tưởng yêu nước cao đẹp trong người con gái này. - Qua nhân vật này chúng ta còn cảm nhận được vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong những năm tháng kháng chiến chống Mĩ đầy oanh liệt hào hùng. Họ đã góp sức nên “<i>thiên sử vàng</i>”. - Liên hệ mở rộng so sánh với bài thơ khác cùng viết về đề tài này như: “ <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i>”(Phạm Tiến Duật) viết về những chàng thanh niên	

	lái xe, “ <i>Khoảng trời hố bom</i> ” về cô gái mở đường...	
	- Liên hệ bản thân về trách nhiệm của thế hệ trẻ trong thời đại hiện nay: Đất nước đã ra khỏi cuộc chiến tranh, nhiệm vụ của thế hệ trẻ là học tập , rèn luyện bản thân để phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa....	
	III. Kết bài: Khẳng định vấn đề	

ĐỀ SỐ 28	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu :

Không hiểu bằng cách nào, một hạt cát lọt vào bên trong cơ thể của con trai . Vị khách không mời mà đến đó tuy rất nhỏ, nhưng gây rất nhiều khó chịu và đau đớn cho cơ thể mềm mại của con trai . Không thể tống hạt cát ra ngoài, cuối cùng con trai quyết định đối phó bằng cách tiết ra một chất dẻo bọc quanh hạt cát .

Ngày qua ngày, con trai đã biến hạt cát gây ra nỗi đau cho mình thành một viên ngọc trai lấp lánh tuyệt đẹp

(Theo *Lớn lên trong trái tim của mẹ*, Bùi Xuân Lộc, NXB Trẻ, 2005)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên ? (0,5 điểm)

Câu 2. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn (0,5 điểm)

" Vị khách không mời mà đến đó tuy rất nhỏ, nhưng gây rất nhiều khó chịu và đau đớn cho cơ thể mềm mại của con trai "

Câu 3. Em hiểu như thế nào về nghĩa tượng trưng của hai hình ảnh: hạt cát và chất dẻo? (1 điểm)

Câu 4. Câu chuyện trên gửi đến cho em thông điệp gì trong cuộc sống?(1 điểm)

II. TẬP LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1. (2 điểm)

Hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bàn về ý nghĩa của *tinh thần lạc quan đối với cuộc sống của mỗi người* .

Câu 2 (5 điểm)

Cảm nhận của em về vẻ đẹp nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn "[Lặng lẽ Sa Pa](#)" của Nguyễn Thành Long (SGK Ngữ văn 9, tập 1)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: tự sự	0,5 điểm

	2	Biện pháp tu từ nhân hóa "Vị khách"	0,5 điểm
	3	Nghĩa tượng trưng của 2 hình ảnh: - Hạt cát: Những nghịch cảnh, khó khăn, rủi ro mà con người có thể gặp trong cuộc sống. - Chất dẻo: Cách ứng phó, khắc phục để vượt qua những rủi ro, trở ngại.	1,0 điểm
	4	Thông điệp: Cuộc sống luôn tiềm ẩn những khó khăn, trở ngại, những việc bất thường. Vì vậy, khi đứng trước khó khăn, mỗi người phải biết đổi mới, tìm cách khắc phục để có được sự thành công.	1,0 điểm
II	1	1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận: ý nghĩa của tinh thần lạc quan trong cuộc sống 2. Thân đoạn Lạc quan là gì? "Lạc" là vui vẻ, "quan" là cách nhìn nhận. Lạc quan là trạng thái tinh thần của con người luôn hướng về những điều tốt đẹp, tích cực trong cuộc sống. Ý nghĩa của tinh thần lạc quan trong cuộc sống - Giúp cuộc sống tươi đẹp cho tất cả mọi người - Giúp chúng ta biết sống một cách có ý nghĩa hơn - Giúp con người tránh khỏi những hiểm họa trong cuộc sống - Những người lạc quan thường thành công trong cuộc sống và công việc Biểu hiện của tinh thần lạc quan - Luôn tươi cười dù có chuyện gì xảy ra - Luôn yêu đời - Luôn bình tĩnh xử lý mọi tình huống dù có chuyện gì xảy ra Dẫn chứng một số tấm gương về tinh thần lạc quan - Bác Hồ ở trong tù vẫn có thể sáng tác thơ, ngâm trăng - Các bệnh nhân ung thư vẫn lạc quan để chiến đấu bệnh tật để giành giật sự sống - Các em bé mồ côi vẫn lạc quan sống để mong ngày gặp lại cha mẹ của mình 3. Kết đoạn: Khẳng định tinh thần lạc quan vô cùng quan trọng giúp cuộc sống con người trở nên thoải mái hơn.	2,0 điểm
	2	I. Mở bài - Giới thiệu tác giả Nguyễn Thành Long và tác phẩm	5,0 điểm

	Lặng lẽ Sa Pa. - Đặc biệt, tác giả đã khắc họa thành công vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn. II. Thân bài 1. Khái quát chung: - <i>Hoàn cảnh sáng tác:</i> + Riêng: Mùa hè 1970 sau chuyến đi thực tế ở Lào Cai + Chung: Miền Bắc đang xây dựng CNXH (vừa làm nhiệm vụ của hậu phương chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam, vừa chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. - <i>Tóm tắt truyện:</i> 5-7 dòng - <i>Cốt truyện đơn giản:</i> xoay quanh cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa ông họa sĩ, cô kĩ sư với anh thanh niên ở trạm khí tượng trên đỉnh Yên Sơn. 2. Cảm nhận về nhân vật anh thanh niên a. Hoàn cảnh sống và công việc khó khăn gian khổ: - Hoàn cảnh sống và làm việc: + Hoàn cảnh sống: trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m-> gian khổ, vất vả + Công việc: Công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu + Nhiệm vụ: đo gió, đo mưa, tính mây, tính nắng,...-> đòi hỏi chính xác, tỉ mỉ,... b. Vẻ đẹp phẩm chất, tâm hồn cao quý * Yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm với công việc - Yêu nghề: “Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi,..nếu cất đi cháu buồn đến chết mất” -> Anh tìm thấy niềm vui, niềm hạnh phúc, tình yêu và niềm đam mê công việc. - Tinh thần trách nhiệm: Nửa đêm, đúng giờ ộp thì dù mưa tuyết, gió rét vẫn trở dậy làm việc-> Vượt qua khó khăn, gian khổ để hoàn thành công việc. * Tâm hồn lạc quan, biết sắp xếp công việc, cuộc sống khoa học, gọn gàng, ngăn nắp. - Căn nhà ba gian sạch sẽ, đồ đạc được kê xếp gọn gàng, ngăn nắp. - Ngoài giờ làm việc, anh trồng hoa, nuôi gà, đọc sách, coi sách là bạn. -> Tự tìm niềm vui, hạnh phúc trong cuộc sống. * Cởi mở, chân thành, hiếu khách	

	- Anh đón khách niềm nở, chia sẻ cởi mở những suy nghĩ về cuộc sống và công việc của mình. - Pha trà Yên Sơn mời khách, biểu ông họa sĩ làn trứng, cô kĩ sư bó hoa để tưởng nhớ buổi đầu gặp mặt=> Người con trai đáng yêu thật. * Khiêm tốn, có ý thức hoàn thiện bản thân: - Ông họa sĩ định vẽ chân dung nhưng anh từ chối, giới thiệu người khác xứng đáng hơn. - Anh cảm thấy đóng góp của mình còn nhỏ bé. * Biết quan tâm chu đáo đến người khác: - Biểu bác lái xe củ tam thất khi biết bác gái bị ốm. - Biểu ông họa sĩ làn trứng, cô kĩ sư bó hoa.... c. Những ảnh hưởng tích cực của anh với các nhân vật khác: * Ông họa sĩ: - Cảm thấy bối rối, Họa sĩ bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước..... - Ông muốn vẽ chân dung anh nhưng làm thế nào đặt được chính tấm lòng của mình vào bức tranh đó. => ATN làm cho ông họa sĩ thêm khao khát, thêm yêu cuộc sống. * Cô kĩ sư: - Cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên khiến cô cảm thấy “bàng hoàng”. Cô hiểu thêm cuộc sống một mình dũng cảm tuyệt đẹp của người thanh niên, về cái thế giới những con người như anh mà anh kể và về con đường cô đang đi tới. - Một ấn tượng hàm ơn khó tả dạt lên trong lòng cô gái trẻ. => ATN làm cho cô kĩ sư háo hức và mơ mộng. Cô tin tưởng con đường mà mình đã lựa chọn. 3. Đánh giá, mở rộng: * Đánh giá: - Nhân vật ATN là đại diện cho vẻ đẹp của người lao động đang ngày đêm lặng lẽ, âm thầm cống hiến cho đất nước. “Nếu là con chim.....nhận riêng mình (Tố Hữu) - Nghệ thuật: + Nhân vật chính được tái hiện qua nhiều điểm nhìn: Ông họa sĩ, cô kĩ sư,..	

	+ Cách đặt tên cho nhân vật: Được gọi bằng các Danh từ chung như anh thanh niên, cô kĩ sư,...xây dựng cốt truyện, tình huống nhẹ nhàng, hợp lí. + Truyện đậm chất thơ (chất trữ tình): toát lên từ vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Sa Pa. * Mở rộng: - Tác phẩm cùng đề tài: Đoàn thuyền đánh cá (Huy Cận); Bài ca xuân 61 (Tố Hữu)' Một khúc ca xuân (Tố Hữu); Mùa lạc (Nguyễn Khải).... => Miền Bắc xây dựng CNXH, ca ngợi những con người đang lạc quan, làm việc hăng say, cống hiến cho đất nước. III. Kết bài - Khẳng định vẻ đẹp của hình tượng nhân vật anh thanh niên tiêu biểu cho những người lao động bình dị đang cống hiến lặng thầm cho đất nước. - Tác phẩm khơi dậy khát vọng sống cao cả cho người đọc: Sống có lí tưởng, sống đẹp, sống có ích “Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”. (Tố Hữu)	

ĐỀ SỐ 29	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây:

(1) Cuộc sống này vốn không chỉ có hương thơm của hoa hồng và vẻ thơ mộng của dòng sông, nó còn có cả những phút giây bị gai hoa hồng đâm đếnứa máu hoặc vấy vùng giữa dòng nước chảy xiết. Bên cạnh những niềm vui là những khó khăn và cạm bẫy luôn chực chờ chỉ cần bạn lơ là mất cảnh giác chúng sẽ xô tới. Chính những khó khăn thử thách ấy sẽ góp phần nhào nặn bạn trở thành một phiên bản tốt hơn.

(2) Sẽ có những lúc bạn hoang mang, chông chênh, mệt mỏi và hoàn toàn mất phương hướng. Đó có thể là khi bạn thi trượt cuộc thi mà bạn nghĩ là quan trọng nhất đời mình. Đó là khi người bạn thân nhất quay lưng đi sau khi đâm vào lưng bạn một vết dao.

[...]

(3) Để vượt qua được những khoảnh khắc đó, bạn phải tìm kiếm cho mình một điểm tựa vững chắc luôn cho bạn lời khuyên và không bao giờ rời xa. Đến cái bóng cũng rời xa bạn khi bạn đi vào bóng tối, nhưng điểm tựa thì không, mỗi

người hãy tìm kiếm cho mình một điểm tựa. Có một loại điểm tựa như thế, thường được gọi là “trọng tâm cuộc đời”.

(Phi Tuyết *Sống như ngày mai sẽ chết*, NXB Thế giới, 2017, tr.37-39)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích. (0,5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả, cuộc sống này có những gì ? (0,5 điểm)

Câu 3. Chỉ ra và gọi tên các phép liên kết về hình thức được sử dụng trong đoạn (2). (1,0 điểm)

Câu 4. Theo em, vì sao tác giả cho rằng: *Đến cái bóng cũng rời xa bạn khi bạn đi vào bóng tối, nhưng điểm tựa thì không* ? (1,0 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) bàn về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: *Chính những khó khăn thử thách sẽ góp phần nhào nặn bạn trở thành một phiên bản tốt hơn.*

Câu 2. (5,0 điểm) Trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

Quê hương anh nước mặn, đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,

Súng bên súng, đầu sát bên đầu,

Đêm rét chung chăn thành đội tri kỉ.

Đồng chí !

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

(Trích *Đồng chí* - Chính Hữu, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục, 2008, tr.128)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: nghị luận	0,5 điểm
	2	Theo tác giả, cuộc sống này vốn không chỉ có hương thơm của hoa hồng và vẻ thơ mộng của dòng sông, nó còn có cả những phút giây bị gai hoa hồng đâm đến ứa máu hoặc vấy vùng giữa dòng nước chảy xiết.	0,5 điểm
	3	Phép liên kết về hình thức được sử dụng trong đoạn (2): Phép thế: "đó" = "những lúc bạn hoang mang, chông chênh, mệt mỏi và hoàn toàn mất phương hướng." Phép lặp: "là khi", "bạn"	1,0 điểm
	4	Tác giả cho rằng: Đến cái bóng cũng rời xa bạn khi bạn đi vào bóng tối, nhưng điểm tựa thì không, vì:	1,0 điểm

		+ Điểm tựa là thứ vững chắc, nó chính là niềm tin xuất phát từ trong tâm mỗi chúng ta. Chỉ cần có điểm tựa mọi khó khăn sẽ không làm ta gục ngã. + Điểm tựa sẽ giúp ý chí của ta thêm vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách. => Qua câu nói này, tác giả muốn nhấn mạnh ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của điểm tựa.	
II	1	1. Mở đoạn: Giới thiệu ný kiến:” Chính những khó khăn thử thách sẽ góp phần nhào nặn bạn trở thành một phiên bản tốt hơn”. 2. Thân đoạn: Giải thích vấn đề - Khó khăn, thử thách là những trở ngại mà con người sẽ gặp phải trong cuộc sống. - Nhào nặn là hoạt động, tác động làm cho biến đổi dần, hình thành nên cái mới. => Cả câu nói khẳng định những trở ngại trong cuộc sống góp phần giúp con người trưởng thành hơn. Bàn luận vấn đề - Vì sao nói khó khăn thử thách sẽ góp phần nhào nặn bạn thành phiên bản tốt hơn? + Đem đến cho con người những bài học quý giá trong cuộc sống. Đó có thể là bài học về công việc, tình yêu,... + Rèn luyện ý chí, tôi luyện tính cách của con người. + Giúp con người trở nên bản lĩnh, trưởng thành hơn. + Giúp con người biết trân quý những thành công mình có được. + Giúp con người thấu hiểu lẽ đời và biết sống khiêm nhường. = > Khó khăn, thử thách giúp bạn rút ra những bài học kinh nghiệm, giúp bạn có sức mạnh, niềm tin, lòng kiên trì vượt qua mọi thử thách. Từ một con người non nớt, mềm yếu nhờ khó khăn, thử thách, nhờ vấp ngã mà bạn ngày càng trưởng thành, vững vàng và tốt đẹp hơn. - Khó khăn, thử thách luôn hiện diện trong cuộc sống, là một phần tất yếu cuộc sống. Sau khi vượt qua khó khăn, thử thách con người sẽ có được những thành quả quý giá. Vì vậy không nên nản chí. - Phê phán những người sống thiếu ý chí, ngại khó. - Liên hệ và rút ra bài học cho bản thân.	2,0 điểm

	3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề.	
2	I. Mở bài. - Giới thiệu ngắn gọn tác giả Chính Hữu và bài thơ “Đồng chí” - là một trong số những bài thơ hay nhất, tiêu biểu nhất của Chính Hữu và cũng là của nền thơ kháng chiến. - Qua bài thơ ta càng hiểu rõ hơn về cơ sở hình thành tình đồng chí cũng như tình cảm mà các anh dành cho nhau. II. Thân bài: 1. Khái quát chung: - Bài thơ “Đồng chí” được sáng tác mùa xuân năm 1948, sau khi tác giả tham gia chiến dịch Việt – Bắc thu đông (1947). Bài thơ là kết quả từ những trải nghiệm của tác giả về thực tế cuộc sống và chiến đấu của bộ đội ta trong những ngày đầu kháng chiến. – Bài thơ được in trong tập “Đầu súng trăng treo” (1966) – tập thơ phần lớn viết về người lính trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. 2. Cơ sở hình thành tình đồng chí - Tình đồng chí bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân của những người lính: "Quê hương anh nước mặn đồng chua Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá". "Anh" ra đi từ vùng "nước mặn đồng chua", "tôi" từ miền "đất cày lên sỏi đá". Hai miền đất xa nhau, "đôi người xa lạ" nhưng cùng giống nhau ở cái "nghèo". Hai câu thơ giới thiệu thật giản dị hoàn cảnh xuất thân của người lính: họ là những người nông dân nghèo. - Tình đồng chí hình thành từ sự cùng chung nhiệm vụ, cùng chung lý tưởng, sát cánh bên nhau trong hàng ngũ chiến đấu: "Súng bên súng, đầu sát bên đầu" Họ vốn "chẳng hẹn quen nhau" nhưng lý tưởng chung của thời đại đã gắn kết họ lại với nhau trong hàng ngũ quân đội cách mạng. "Súng" biểu tượng cho nhiệm vụ chiến đấu, "đầu" biểu tượng cho lý tưởng, suy nghĩ. Phép điệp từ (súng, đầu, bên) tạo nên âm điệu khoẻ, chắc, nhấn mạnh sự gắn kết, cùng chung lý tưởng, cùng chung nhiệm vụ.	5,0 điểm

	- Tình đồng chí nảy nở và bền chặt trong sự chan hoà và chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui: Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ. Cái khó khăn thiếu thốn hiện lên: đêm rét, chăn không đủ đắp nên phải "chung chăn". Nhưng chính sự chung chăn ấy, sự chia sẻ với nhau trong gian khổ ấy đã trở thành niềm vui, thắt chặt tình cảm của những người đồng đội để trở thành "đôi tri kỷ". => Sáu câu thơ đầu đã giải thích cội nguồn và sự hình thành của tình đồng chí giữa những người đồng đội. Câu thơ thứ bảy như một cái bản lề khép lại đoạn thơ một để mở ra đoạn hai. 3. Những biểu hiện cảm động của tình đồng chí - Tình đồng chí là sự cảm thông sâu sắc những tâm tư, nỗi niềm của nhau. Những người lính gắn bó với nhau, họ hiểu đến những nỗi niềm sâu xa, thầm kín của đồng đội mình: <i>Ruộng nương anh gửi bạn thân cày, Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.</i> Người lính đi chiến đấu để lại sau lưng những gì yêu quý nhất của quê hương: ruộng nương, gian nhà, giếng nước gốc đa,... Từ "mặc kệ" cho thấy tư thế ra đi dứt khoát của người lính. Nhưng sâu xa trong lòng, họ vẫn da diết nhớ quê hương. Ở ngoài mặt trận, họ vẫn hình dung thấy gian nhà không đang lung lay trong cơn gió nơi quê nhà xa xôi. - Tình đồng chí còn là cùng nhau chia sẻ những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời người lính : + Những gian lao, thiếu thốn trong cuộc sống của người lính những năm kháng chiến chống pháp hiện lên rất cụ thể, chân thực: áo rách, quần vá, chân không giày, sự khổ sở của những cơn sốt rét rừng hành hạ, trời buốt giá, môi miệng khô và nứt nẻ, nói cười rất khó khăn, có khi nứt ra chảy cả máu. Nhưng những người lính vẫn cười bởi họ có hơi ấm và niềm vui của tình đồng đội "thương nhau tay nắm lấy bàn tay". + Hơi ấm ở bàn tay, ở tấm lòng đã chiến thắng cái lạnh ở "chân không giày" và thời tiết "buốt giá". Cặp từ xưng	

	hồ "anh" và "tôi" luôn đi với nhau, có khi đứng chung trong một câu thơ, có khi đi sóng đôi trong từng cặp câu liền nhau diễn tả sự gắn bó, chia sẻ của những người đồng đội. 3.Kết bài: Tổng kết cảm nhận của em.	

ĐỀ SỐ 30	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN Thời gian: 120 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau

“1) Cảm ơn hay xin lỗi là một trong các biểu hiện của ứng xử có văn học hành vi văn minh, lịch sự trong quan hệ xã hội. Trong ứng xử giữa cộng đồng, cảm ơn và xin lỗi được trình bày một cách chân thành, một mặt phản ánh phẩm chất văn hóa của cá nhân, một mặt giúp mọi người dễ cư xử với nhau hơn.

(2) Trong nhiều trường hợp, lời cảm ơn hay lời xin lỗi không chỉ đem niềm vui tới người nhận, chúng còn trực tiếp giải tỏa khúc mắc, gỡ rối các quan hệ con người cũng vì thế mà sống vị tha hơn.

(3) Trước đây, trong quan hệ xã hội, việc mọi người cảm ơn và xin lỗi "vốn là chuyện bình thường, cảm ơn và xin lỗi trở thành một trong các tiêu chí “định tính tư cách văn hóa của con người. Rồi nhiều năm trở lại đây, lời cảm ơn và xin lỗi như có chiều hướng giảm trong giao tiếp xã hội. Có người cho ra 18 nguyên nhân của tình trạng này là do sự lỏng lẻo của chuẩn mực ứng xử, lại người cho rằng, lối sống công nghiệp làm con người thay đổi, hay do bản tính cá một người cụ thể nào đó vốn không quen với hai từ cảm ơn và xin lỗi,... Song thiết nghĩ, vẫn còn một nguyên nhân nữa là lâu nay, như một luật lệ bất thành và thường thì chỉ có con cái xin lỗi hay cảm ơn cha mẹ, người ít tuổi xin lỗi hay cảm ơn người lớn tuổi, mà nhiều người lớn tuổi không chú ý tới việc cảm ơn hay xin lỗi khi ứng xử với người khác. Trong giao tiếp xã hội, nhất là trong giao tiếp với cộng đồng, người lớn tuổi hơn ít khi sử dụng lời xin lỗi hoặc cảm ơn cho dù họ nhận được sự giúp đỡ, hay hành vi của họ gây phiền toái cho người khác. Các em nhỏ khi nhận được sự giúp đỡ hay sau khi mắc lỗi thường không ngần ngại nói lời xin lỗi hay cảm ơn, nhưng càng lớn lên thì thói quen này dường như đã mất dần, phải chăng vì các em học nói lời cảm ơn và xin lỗi không chỉ qua bài học giáo dục công dân hoặc qua lời răn dạy của cha mẹ, mà còn học trực tiếp qua ứng xử và việc làm của những người lớn tuổi?”

(dẫn theo Hà Anh, "Cảm ơn" và "xin lỗi" là biểu hiện của ứng xử văn hóa, <https://www.nhandan.com.vn/> - Báo Nhân dân điện tử)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. (0,5 điểm)

Em hãy cho biết, lời “*cảm ơn*” và “*xin lỗi*” được sử dụng trong trường hợp nào?

Câu 2. (0,5 điểm)

Theo tác giả bài viết, “*Trong ứng xử giữa cộng đồng, khi cảm ơn và xin lỗi được trình bày một cách chân thành, một mặt phản ánh phẩm chất văn hóa của cả nhân, một mặt giúp mọi người dễ cư xử với nhau hơn*”, nhưng trong nhiều trường hợp, lời cảm ơn, xin lỗi còn có tác dụng nào khác?

Câu 3. (1,0 điểm).

Ở đoạn (3), tác giả bài viết chỉ ra những nguyên nhân nào làm cho “lời cảm ơn và xin lỗi như có chiều hướng giảm trong giao tiếp xã hội”? (Nêu ngắn gọn những nguyên nhân đó).

Câu 4. (1,0 điểm)

Em có đồng ý với ý kiến: “Cảm ơn hay xin lỗi là một trong các biểu hiện của ứng xử có văn hóa” không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung văn bản Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ), nói về ý nghĩa của lời xin lỗi trong cuộc sống.

Câu 2. (5,0 điểm) Phân tích đoạn thơ sau:

“Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi
Ung dung buồng lái ta ngồi,
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa như ùa vào buồng lái.”

(Trích Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật - dẫn theo Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục, 2012, trang 131)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Lời “ <i>cảm ơn</i> ” và “ <i>xin lỗi</i> ” được sử dụng trong các trường hợp ứng xử cộng đồng: - Khi nhận được sự giúp đỡ - Khi hành động của mình gây phiền toái cho ai đó - Khi mắc lỗi với ai đó.	
	2	Theo tác giả bài viết, “ <i>Trong ứng xử giữa cộng đồng, khi cảm ơn và xin lỗi được trình bày một</i>	

		<i>cách chân thành, một mặt phản ánh phẩm chất văn hóa của cả nhân, một mặt giúp mọi người dễ cư xử với nhau hơn”, nhưng trong nhiều trường hợp, lời cảm ơn, xin lỗi còn có tác dụng đem niềm vui tới người nhận, trực tiếp giải tỏa khúc mắc, gỡ rối các quan hệ, con người cũng vì thế mà sống vị tha hơn.</i>	
	3	Những nguyên nhân làm cho “lời cảm ơn và xin lỗi như có chiều hướng giảm trong giao tiếp xã hội”: <i>sự lỏng lẻo của chuẩn mực ứng xử lỗi sống công nghiệp làm con người thay đổi, hay do bản tính cá một người cụ thể nào đó vốn không quen với hai từ cảm ơn và xin lỗi; thường chỉ có con cái xin lỗi hay cảm ơn cha mẹ, người ít tuổi xin lỗi hay cảm ơn người lớn tuổi, mà nhiều người lớn tuổi không chú ý tới việc cảm ơn hay xin lỗi khi ứng xử với người khác.</i>	
	4	Đồng ý: vì cảm ơn và xin lỗi chính là những cách ứng xử tối thiểu thể hiện sự văn minh, lịch sự trong cuộc sống giữa người với người. Đầu tiên, ta cần biết nói lời cảm ơn, xin lỗi đúng nơi đúng lúc và thời điểm. Có như vậy, nó sẽ phản ánh được phẩm chất văn hóa của chính mỗi người chúng ta. Bên cạnh đó, khi nói lời cảm ơn hay xin lỗi, ta cần thực sự thể hiện được thái độ chân thành từ tình cảm từ trong chính trái tim mình, ví dụ thái độ hối lỗi khi nói xin lỗi và thái độ cảm kích khi nói cảm ơn.	
II	1	1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Bàn về lời xin lỗi, suy nghĩ về vai trò, ý nghĩa của lời xin lỗi trong cuộc sống 2. Thân đoạn: - Giải thích + Xin lỗi": là hành động tự nhận khuyết điểm, sai lầm về mình, là sự đồng cảm, sẻ chia đối với người bị ta làm tổn thương, thiệt hại. Biết xin lỗi là mong muốn được đền bù thiệt hại và tha thứ. + Xin lỗi không chỉ là cách thể hiện thái độ biết lỗi, tự nhận thấy sai lầm mà còn là phép lịch sự trong giao tiếp, ứng xử giữa người với người. - Tại sao sống phải biết nói lời xin lỗi? + Xin lỗi là một trong các biểu hiện của ứng xử có	

	văn hóa của con người, là hành vi văn minh, lịch sự trong quan hệ xã hội + Lời xin lỗi chân thành phản ánh phẩm chất văn hóa của cá nhân, giúp mọi người dễ cư xử với nhau hơn. + Xin lỗi là một phép lịch sự trong giao tiếp, thể hiện sự văn minh và thái độ tôn trọng con người + Lời xin lỗi chân thành có thể cứu vãn được sự việc đáng tiếc có thể đã xảy ra + Xin lỗi đúng cách, đúng lúc giúp ta tránh được những tổn thất về vật chất và tinh thần + Lời xin lỗi còn để thể hiện sự chia sẻ, đồng cảm với mọi người + Lời xin lỗi chân thành hàn gắn những chia rẽ và hận thù do những lỗi lầm ấy gây nên. + Xin lỗi còn để dạy cho con cái biết học cách lớn lên là người có ý thức trách nhiệm. + Biết nói lời xin lỗi giúp cho cuộc sống của chúng ta được an lành, hạnh phúc hơn. - Bài học nhận thức và hành động + Biết sống chân thành, tôn trọng, quý trọng người khác, thành thật nhận khuyết điểm về mình, không được né tránh trách nhiệm hay ngụy biện về hành động của mình + Lời xin lỗi phải xuất phát từ đáy lòng mới thật sự hữu dụng + Hiểu rõ đối tượng là ai để bày tỏ thái độ xin lỗi một cách đúng đắn và hiệu quả nhất. + Xin lỗi đúng lúc, đúng nơi sẽ làm cho người được xin lỗi thấy dễ tha thứ hơn, đặc biệt cần biết sửa sai sau khi xin lỗi. 3. Kết đoạn: Khẳng định vai trò, ý nghĩa của lời xin lỗi trong các mối quan hệ cuộc sống Đoạn văn mẫu tham khảo: Có ai đó đã từng nói: “Một lời xin lỗi vụng về vẫn tốt hơn sự im lặng”. Quả thật như vậy, lời xin lỗi là cái cúi đầu, cái khoanh tay lễ phép và lời chân thành: cháu xin lỗi, em xin lỗi, bác xin lỗi, thầy xin lỗi... Nhưng trong cuộc sống này đã mấy ai làm được điều đó. Lời xin lỗi khi mình làm sai không	

	chỉ là cách thể hiện thái độ biết lỗi, tự nhận thấy sai lầm mà còn là phép lịch sự trong giao tiếp, ứng xử giữa người với người. Lời xin lỗi là thể hiện sự tôn trọng và khiến người nghe cảm thấy hài lòng, vui vẻ, chấp nhận, bỏ qua, làm cho mối quan hệ tốt đẹp hơn. Còn người xin lỗi thì cảm thấy nhẹ lòng và trên hết là ý thức được trách nhiệm của mình trước hành động sai trái. Hành động của cậu bé 8 tuổi ở Hải Phòng lỡ làm vỡ gương ô tô đã viết giấy gửi lời xin lỗi và số điện thoại ngõ ý đền bù cho chủ nhân chiếc ô tô để trước cổng trường mà báo chí đưa tin trong suốt thời gian qua khiến chúng ta phải suy ngẫm. Cho nên biết nói lời xin lỗi là một hành động lịch sự làm cuộc sống xã hội trở nên văn minh, tốt đẹp hơn. Cần phê phán những kẻ thiếu tự trọng, thiếu dũng cảm, làm sai nhưng bảo thủ không nhận trách nhiệm. Cũng qua đây chúng ta cần rút ra bài học cho mình: cần phải nghiêm túc nhận lỗi khi làm sai, biết nói lời xin lỗi chân thành cũng như dũng cảm, tự trọng trước những sai lầm của bản thân.	
2	I.Mở bài: - Giới thiệu tác giả, tác phẩm - Giới thiệu vấn đề nghị luận II. Thân bài 1. Hình ảnh những chiếc xe không kính – Xưa nay, những hình ảnh xe cộ, tàu thuyền đưa vào thơ thì đều được “mĩ lệ hóa”, “lãng mạn hóa” và thường mang ý nghĩa tượng trưng hơn là tả thực. Người đọc đã bắt gặp chiếc xe tam mã trong thơ Pus-kin, con tàu trong “Tiếng hát con tàu” của Chế Lan Viên, đoàn thuyền đánh cá trong bài thơ cùng tên của Huy Cận. – Ở bài thơ này, hình ảnh những chiếc xe không kính được miêu tả cụ thể, chi tiết rất thực. Lê thường, để đảm bảo an toàn cho tính mạng con người, cho hàng hoá nhất là trong địa hình hiểm trở Trường Sơn thì xe phải có kính mới đúng. Ấy thế mà chuyện “xe không kính” lại là một thực tế, là hình ảnh thường gặp trên tuyến đường Trường Sơn.	

	– Hai câu thơ mở đầu có thể coi là lời giải thích cho “sự cố” có phần không bình thường ấy: Không có kính không phải vì xe không có kính Bom giật, bom rung, kính vỡ đi rồi. + Lời thơ tự nhiên đến mức buộc người ta phải tin ngay vào sự phân bua của các chàng trai lái xe dũng cảm. Chất thơ của câu thơ này hiện ra chính trong vẻ tự nhiên đến mức khó ngờ của ngôn từ. + Bằng những câu thơ rất thực, đậm chất văn xuôi, điệp ngữ “không”, cùng với động từ mạnh “giật”, “rung” -> Tác giả đã lí giải nguyên nhân không có kính của những chiếc xe. Bom đạn chiến tranh đã làm cho những chiếc xe trở nên biến dạng “không có kính”, “không có đèn”, “không có mui xe”, “thùng xe có xước”. Từ đó, tác giả đã tạo ấn tượng cho người đọc một cách cụ thể và sâu sắc về hiện thực chiến tranh khốc liệt, dữ dội, về cuộc chiến đấu gian khổ mà người lính phải trải qua. => Hình ảnh những chiếc xe không kính vốn chẳng hiếm trong chiến tranh, song phải có một hồn thơ nhạy cảm, có nét tinh nghịch, ngang tàn như Phạm Tiến Duật mới phát hiện ra được, đưa nó vào thơ và trở thành biểu tượng độc đáo của thơ ca thời chống Mỹ. 2. Hình ảnh người lính lái xe * Hình ảnh những chiếc xe không kính đã làm nổi rõ hình ảnh những chiến sĩ lái xe ở Trường Sơn. Thiếu đi những điều kiện, phương tiện vật chất tối thiểu lại là một cơ hội để người lính lái xe bộc lộ những phẩm chất cao đẹp, sức mạnh tinh thần lớn lao của họ, đặc biệt là lòng dũng cảm, tinh thần bất chấp gian khổ khó khăn. a. Vẻ đẹp của người lính lái xe trước hết thể hiện ở tư thế hiên ngang, ung dung, đường hoàng, tự tin, và tâm hồn lãng mạn, lạc quan, yêu đời Ung dung buồng lái ta ngồi Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng. + Nghệ thuật đảo ngữ với từ láy “ung dung” được đảo lên đầu câu thứ nhất và nghệ thuật điệp ngữ với từ “nhìn” được nhắc đi nhắc lại trong câu thơ thứ	

	hai -> nhấn mạnh tư thế ung dung, bình tĩnh, tự tin của người lính lái xe. + Cái nhìn của các anh là cái nhìn bao quát, rộng mở “nhìn đất”, “nhìn trời”, vừa trực diện, tập trung cao độ “nhìn thẳng”. Các anh nhìn vào khó khăn, gian khổ, hi sinh mà không hề run sợ, né tránh – một bản lĩnh vững vàng. – Trong tư thế ung dung ấy, người lính lái xe có những cảm nhận rất riêng khi được tiếp xúc trực tiếp với thiên nhiên bên ngoài: Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng Thấy con đường chạy thẳng vào tim Thấy sao trời và đột ngột cánh chim Như sa, như ùa vào buồng lái. + Sau tay lái của chiếc xe không có kính chắn gió nên các yếu tố về thiên nhiên, chướng ngại vật rơi rụng, quăng ném, va đập vào trong buồng lái. Song, quan trọng hơn là các anh có được cảm giác như bay lên, hòa mình với thiên nhiên rồi được tự do giao cảm, chiêm ngưỡng thế giới bên ngoài. Điều này được thể hiện ở nhịp thơ đều đặn, trôi chảy như xe lăn với việc vận dụng linh hoạt điệp ngữ “thấy” và phép liệt kê. Có rất nhiều cảm giác thú vị đến với người lính trên những chiếc xe không có kính. + Các hình ảnh “con đường”, “sao trời”, “cánh chim”... diễn tả rất cụ thể cảm giác của những người lính khi được lái những chiếc xe không kính. Khi xe chạy trên đường bằng, tốc độ xe chạy đi nhanh, giữa các anh với con đường dường như không còn khoảng cách, chính vì thế, các anh mới có cảm giác con đường đang chạy thẳng vào tim. Và cái cảm giác thú vị khi xe chạy vào ban đêm, được “thấy sao trời” và khi đi qua những đoạn đường cua dốc thì những cánh chim như đột ngột “ùa vào buồng lái”. Thiên nhiên, vạn vật dường như cũng bay theo ra chiến trường. Tất cả điều này đã giúp người đọc cảm nhận được ở các anh nét hào hoa, kiêu bạc, lãng mạn và yêu đời của những người trẻ tuổi. Tất cả là hiện thực nhưng qua cảm nhận của nhà thơ đã trở thành những hình ảnh lãng	

		mạn. III.Kết bài: Khẳng định vấn đề	

ĐỀ SỐ 31	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:

TRUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH

Tôi yêu truyện cổ nước tôi

Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa

Thương người rồi mới thương ta

Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm

Ở hiền thì lại gặp hiền

Người ngay thì gặp người tiên độ trì

Mang theo truyện cổ tôi đi

Nghe trong cuộc sống thăm thì tiếng xưa

Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa

Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi

Đời cha ông với đời tôi

Như con sông với chân trời đã xa

Chỉ còn truyện cổ thiết tha

Cho tôi nhận mặt ông cha của mình
Rất công bằng, rất thông minh
Vừa đo lường lại đa tình, đa mang.
Thị thơm thì giấu người thơm
Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà
Đẽo cày theo ý người ta
Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì.
Tôi nghe truyện cổ thăm thì
Lời cha ông dạy cũng vì đời sau.
Đậm đà cái tích trâu cau
Miếng trâu đỏ thắm nặng sâu tình người.

Lâm Thị Mỹ Dạ – Theo SGK Tiếng việt lớp 5, tập 2

Câu 1. Bài thơ gợi nhắc cho em đến những truyện cổ nào trong kho tàng truyện cổ dân gian của người Việt? (0,5 điểm)

Câu 2. Nhà thơ đã khẳng định những giá trị, ý nghĩa gì của truyện cổ? (0,5 điểm)

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp điệp từ trong hai câu thơ” (1,0 điểm)

Thương người rồi mới thương ta

Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm

Câu 4. Những thông điệp mà nhà thơ muốn gửi gắm qua bốn câu thơ cuối là gì? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung văn bản Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ), nói về sự cần thiết phải trân trọng cuộc sống mỗi ngày.

Câu 2. (5,0 điểm)

Phân tích nhân vật ông Hai trong truyện ngắn *Làng* của Kim Lân.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Những truyện cổ nào trong kho tàng truyện cổ dân gian của người Việt: Sự tích trầu cau, cây tre trăm đốt, Duyên nợ ba sinh, Đẽo cày giữa đường, Tấm cám...	0,5 điểm
	2	Giá trị, ý nghĩa của truyện cổ là: - Thể hiện truyền thống ân nghĩa, ân tình, vẻ đẹp tâm hồn của người Việt Nam. - Chứa đựng những lời khuyên, lời răn dạy của ông cha, những bài học nhân sinh sâu sắc. - Là một nguồn tư liệu quý báu để thế hệ sau hiểu về truyền thống, về ông cha mình.	0,5 điểm
	3	Tác dụng: Nhấn mạnh, khẳng định truyền thống tương thân, tương ái, giàu lòng yêu thương của con người Việt Nam từ ngàn xưa.	1,0 điểm
	4	Cần nêu ra ít nhất hai thông điệp, đảm bảo tính hợp lí và thuyết phục. Gợi ý: - Thế hệ sau cần trân trọng, lắng nghe lời dạy của cha ông, đó là vốn trí tuệ quý báu của dân tộc. - Cần giữ gìn truyền thống ân tình, thủy chung của người Việt, phát huy truyền thống đó trong thời kì hội nhập. - Cần biết giữ gìn và phát huy những giá trị mà truyện cổ để lại cho thế hệ hiện tại bởi mỗi câu chuyện đều là những viên ngọc quý kết tinh đời sống tâm hồn của cha ông trong quá khứ.	1,0 điểm
II	1	1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)	2,0 điểm

	- Viết thành đoạn văn (khoảng 200 chữ). - Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành. 2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,25 điểm) Sự cần thiết phải trân trọng cuộc sống mỗi ngày. 3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm) Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ sự cần thiết phải trân trọng cuộc sống mỗi ngày. Có thể theo hướng sau: - Giải thích: Trân trọng cuộc sống mỗi ngày là thái độ quý trọng, nâng niu, tận dụng mọi khoảnh khắc của hiện tại, không bỏ phí dù chỉ một giây phút nhỏ bé. - Sự cần thiết phải trân trọng cuộc sống mỗi ngày: + Mỗi ngày là một phần tạo nên dòng chảy dài của cuộc sống. Trân trọng cuộc sống mỗi ngày giúp ta hiểu được ý nghĩa của từng điều nhỏ bé để tạo nền tảng vững chắc cho tương lai. + Trân trọng cuộc sống mỗi ngày giúp con người sống trọn vẹn trong từng khoảnh khắc, sống có ý nghĩa. + Trân trọng cuộc sống mỗi ngày là thái độ sống tích cực, chỉ những người biết trân trọng từng khoảnh khắc, tận dụng nó mới có thể tạo nên thành công. 4. Chính tả, ngữ pháp (0,25 điểm) Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt. 5. Sáng tạo (0,25 điểm) Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	
2	I.Mở bài: - Giới thiệu vài nét về tác giả Kim Lân và truyện ngắn Làng:	5,0 điểm

	+ Kim Lân (1920 - 2007) là một trong những nhà văn hiện thực xuất sắc của nền văn học Việt Nam thế kỉ 20. + Làng (1948) là một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất của nhà văn Kim Lân viết về làng quê và những người dân quê Việt Nam. - Giới thiệu về nhân vật ông Hai: nhân vật ông Hai trong Làng nổi bật lên với những phẩm chất đáng quý của một người nông dân yêu làng yêu nước. II. Thân bài 1 Khái quát về truyện ngắn Làng - Làng được sáng tác vào thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp kể về nhân vật ông Hai - một nông dân có lòng tha thiết yêu làng Chợ Dầu của mình. - Truyện diễn tả chân thực và sinh động tình yêu làng, yêu quê hương, đất nước và tinh thần cách mạng của nhân vật ông Hai trong thời kì kháng chiến chống Pháp xâm lược. - Tóm tắt ngắn gọn tình huống truyện: + Ông Hai - người nông dân yêu, tự hào về làng, mọi niềm vui, nỗi buồn của ông đều xoay quanh chuyện làng chợ Dầu. Ở nơi tản cư ông luôn nhớ về làng, khoe làng của mình với mọi người + Ở nơi tản cư, ông Hai nghe tin làng chợ Dầu theo giặc làm Việt gian. 2. Phân tích nhân vật ông Hai a. Tình yêu, niềm tự hào về làng của ông Hai - Trước Cách mạng: ông yêu làng, tự hào về làng, hay khoe làng. - Sau Cách mạng: + Ông tin tưởng vào thắng lợi cuộc kháng chiến do Chính phủ và Cụ Hồ lãnh đạo. + Ở nơi tản cư thì nhớ làng da diết - muốn về làng, muốn tham gia kháng chiến. + Mong nắng cho Tây chết. => Yêu thương, gắn bó với làng quê, tự hào và có trách nhiệm với cuộc kháng chiến của làng. - Ở phòng thông tin, khi nghe được nhiều tin hay, tin chiến thắng của quân ta, ruột gan ông cứ	

	múa cả lên -> Quan tâm tha thiết, nồng nhiệt đến cuộc kháng chiến. => Ông Hai là người nông dân có tính tình vui vẻ, chất phác, có tấm lòng gắn bó với làng quê và cuộc kháng chiến. b. Nỗi đau đớn của ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc - Từ chỗ đang vui vẻ, phấn chấn vì nghe được nhiều tin ta thắng giặc thì ông Hai lại hay tin làng của ông theo giặc “<i>Cổ ông lão nghẹn đặng hắt lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được</i>”. - Ông rơi vào trạng thái đau đớn, tủi hổ ngày càng nặng nề, cố ra vẻ bình thản để che giấu tâm trạng, nỗi tủi hổ + “cúi gằm mặt xuống mà đi”, tai còn nghe văng vẳng tiếng chửi theo “...giống Việt gian bán nước”. + Lúc nào cũng nơm nớp lo sợ, thấy đám đông tụ tập nhắc tới hai chữ <i>Cam nhông</i>, <i>Việt gian</i> ông lại chột dạ - Về đến nhà ông nằm vật ra giường, nhìn đàn con mà tủi, “...nước mắt ông lão cứ giàn ra. + Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư?”. + Niềm tin, sự ngờ vực giằng xé mạnh trong tâm trạng ông Hai. Ông căm giận lũ người theo giặc, phản bội quê hương, đất nước. - Cái tin làng theo giặc cứ ám ảnh bám riết, khiến tâm tư ông nặng nề, day dứt, đau khổ. Suốt mấy ngày, ông chẳng dám đi đâu, chỉ quanh quẩn trong nhà. Ông mặc cảm, thu mình trong nỗi đau xót, tủi hổ, trần trọc không ngủ được, không muốn nói năng gì. - Ông Hai có một cuộc xung đột nội tâm dữ dội: “Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù” + Tình yêu nước rộng lớn bao trùm lên tình yêu làng, dù xác định như thế nhưng trong lòng ông vẫn chan chứa nỗi xót xa, tủi hổ + Ông Hai tiếp tục rơi vào bế tắc, tuyệt vọng khi mụ	

	chủ nhà đánh tiếng đuổi gia đình ông đi nơi khác. - Ông Hai tâm sự cùng với đứa con nhỏ thể hiện tấm lòng bền chặt, sâu sắc gắn bó giữa ông với quê hương, đất nước, với kháng chiến và cụ Hồ. Nói với con, nhưng thực chất ông nói với lòng mình, tự giải bày, tự minh oan. Lời tâm sự như một lời thề, khẳng định sắt đá tình yêu làng, yêu nước sâu nặng, bền vững của ông Hai. c. Niềm vui của ông Hai khi tin làng theo giặc được cải chính - Khi có tin đánh chính làng ông không theo giặc, niềm vui trở lại trên gương mặt ông: + “cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui rạng rỡ hẳn lên” + khăn áo lại chỉnh tề, mặt tươi rạng rỡ, miệng lèm bèm nhai trầu, mắt hấp háy, nói bô bô, khoe con ăn bánh rán đường,... Ông hoan hỉ chạy sang nhà bác Thứ khoe với bác và tất cả mọi người tin vui “Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn!”. => Đó là minh chứng hùng hồn cho việc làng ông không theo giặc, trung thành với kháng chiến, với cách mạng. + Ông nhắc đi nhắc lại “<i>Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn!</i>” => Ông Hai như sống lại, mọi nỗi xót xa, tủi hờn, đau đớn tan biến, thay vào đó là niềm hân hoan, hạnh phúc hiện lên trên khuôn mặt, cử chỉ, điệu cười của ông. 3. Đánh giá về nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật - Ngòi bút phân tích tâm lí sắc sảo - Ngôn ngữ mang đậm tính khẩu ngữ và là lời ăn tiếng nói của người nông dân. - Lời trần thuật và lời nhân vật có sự thống nhất về sắc thái, giọng điệu, do truyện được trần thuật chủ yếu theo điểm nhìn của nhân vật ông Hai. - Đặt tâm trạng nhân vật vào tình huống thử thách để khai thác chiều sâu tâm trạng - Thể hiện tâm trạng nhân vật tài tình, cụ thể qua ngôn ngữ đối thoại, độc thoại, và độc thoại nội tâm	

	qua ý nghĩ, hành vi, cử chỉ. - Lối kể chuyện giản dị, tự nhiên, gần gũi III. Kết bài - Khẳng định lại vẻ đẹp của nhân vật ông Hai tiêu biểu cho người nông dân Việt Nam và tấm lòng của nhà văn. - Liên hệ mở rộng: Suy nghĩ về tình yêu nước, yêu cách mạng của nông dân Việt Nam.	

ĐỀ SỐ 32	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN Thời gian: 120 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Loài người không được cho sẵn bất cứ cái gì trên mặt đất này. Tất cả những gì anh ta cần – anh ta phải làm ra chúng. Và ở đây loài người đối mặt với sự lựa chọn cơ bản nhất của mình: anh ta chỉ có thể tồn tại được theo một trong hai cách – bằng cách làm việc độc lập với bộ óc của riêng anh ta, hay là trở thành một kẻ ăn bám nhờ bộ óc của những người khác. Người sáng tạo chọn cách thứ nhất. Kẻ ăn bám thì chọn cách thứ hai. Người sáng tạo một mình đối mặt với tự nhiên. Kẻ ăn bám đối mặt với tự nhiên thông qua những trung gian.

Mỗi quan tâm của người sáng tạo là chinh phục tự nhiên. Còn mỗi quan tâm của kẻ ăn bám là chinh phục con người.

Người sáng tạo sống với lao động của mình. Anh ta không cần ai khác. Mục đích cơ bản của anh ta là chính bản thân anh ta. Kẻ ăn bám sống cuộc đời thứ cấp. Anh ta cần những người khác. Những người khác trở thành động lực chính của anh ta.

(Trích tiểu thuyết **Suối nguồn**, Ayn Rand, NXB Trẻ, TP HCM, 2017, tr.1174)

Câu 1. Cách loài người có thể tồn tại được tác giả nêu ra trong đoạn trích? (0,5 điểm)

Câu 2. Em hiểu câu: “Mỗi quan tâm của người sáng tạo là chinh phục tự nhiên” như thế nào? (0,5 điểm)

Câu 3. Theo em việc tác giả khẳng định: “*Loài người không được cho sẵn bất cứ cái gì trên mặt đất này. Tất cả những gì anh ta cần – anh ta phải làm ra chúng*” có ý nghĩa gì? (1,0 điểm)

Câu 4. Em có đồng tình với ý kiến: *Người sáng tạo sống với lao động của mình. Anh ta không cần ai khác.* Vì sao? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về hậu quả của lối sống ăn bám.

Câu 2. (5 điểm)

Cảm nhận của em về **nhân vật bé Thu** trong truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Theo tác giả, loài người chỉ có thể tồn tại được theo sự lựa chọn một trong hai cách: <i>bằng cách làm việc độc lập với bộ óc của riêng anh ta, hay là trở thành một kẻ ăn bám nhờ bộ óc của những người khác.</i>	0,5 điểm
	2	Câu: “ <i>Mối quan tâm của người sáng tạo là chinh phục tự nhiên</i> ” có nghĩa là: Người sáng tạo luôn khát khao tìm kiếm, khám phá thế giới xung quanh, đặc biệt là thế giới tự nhiên để phục vụ đời sống con người.	0,5 điểm
	3	Việc tác giả khẳng định: “ <i>Loài người không được cho sẵn bất cứ cái gì trên mặt đất này. Tất cả những gì anh ta cần – anh ta phải làm ra chúng</i> ” có ý nghĩa: HS có thể theo gợi ý sau: – Con người cần phải lao động, sáng tạo để tồn tại. – Nhắc nhở mỗi người không ngừng nỗ lực phát huy bản thân để cuộc sống có ý nghĩa.	1,0 điểm
	4	Thí sinh có thể đồng tình, không đồng tình, hoặc đồng tình một phần nhưng phải có lí giải hợp lí, thuyết phục.	1,0 điểm
II	1	a.Viết đúng bố cục của một đoạn văn khoảng 200 chữ. Trình bày mạch lạc rõ ràng, không sai lỗi chính	2,0 điểm 0, 25 điểm

	tả, dùng từ đặt câu... b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: <i>Hậu quả của lối sống ăn bám</i>. Khuyến khích sự sáng tạo của thí sinh khi viết đoạn văn. c. Triển khai vấn đề nghị luận: Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ hậu quả của lối sống ăn bám. Có thể theo hướng sau: – Lối sống ăn bám là một thói tật của con người, là khi con người sống dựa dẫm, phụ thuộc, kí sinh, lợi dụng người khác để mưu lợi cho bản thân mình. – Khi sống theo kiểu ăn bám, con người thường có thái độ ỷ lại, thiếu tự lập, không có kĩ năng sống, không đủ sức đề kháng với những thử thách trong cuộc đời. – Khi sống theo kiểu ăn bám, con người hạ thấp giá trị, nhân cách, dễ đánh mất cái tôi của mình. – Một xã hội tồn tại nhiều kẻ ăn bám, xã hội không thể phát triển. d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0, 25 điểm 1,0 điểm 0, 25 điểm 0, 25 điểm
2	I. Mở bài - Tác giả: Sinh ra, lớn lên và hoạt động chủ yếu ở chiến trường miền Nam nên các sáng tác của nhà văn chỉ viết về cuộc sống và con người nơi đây trong hai cuộc kháng chiến cũng như sau hòa bình. Lối viết giản dị, mộc mạc nhưng sâu sắc, đậm chất Nam Bộ - CLN được viết 1966 tại chiến trường Nam Bộ khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt. Tác phẩm là câu chuyện cảm động về tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. - Nhân vật bé Thu: tình yêu thương cha sâu sắc,	5, 0 điểm

	mãnh liệt, và có cá tính mạnh mẽ. II. Thân bài 1. Hoàn cảnh của bé Thu: (dựa vào cốt truyện và tình huống truyện) - Sinh ra khi đất nước có chiến tranh: cha con xa cách khi chưa đầy tuổi. - Chỉ biết mặt cha qua hình chụp với má. - Sau tám năm, ông Sáu về phép thì nảy sinh tình huống éo le: Thu không nhận ba. Đến lúc nhận ra ba thì ông Sáu lên đường trở về đơn vị. Lần gặp mặt ấy là đầu tiên và cũng là cuối cùng của hai cha con. 2. Diễn biến , thái độ, tình cảm của Thu trong thời gian ông Sáu về phép * Phút đầu gặp cha: - Nghe gọi tên, giật mình, tròn mắt nhìn,.. - Ngơ ngác - Nghi ngờ - Mặt tái đi,...vụt chạy, kêu thét lên * Những ngày ông Sáu nghỉ phép: tỏ ra ngờ vực, lạnh tránh=> thái độ lạnh nhạt, xa cách. - Ông Sáu càng vỗ về thì bé Thu càng đẩy ra. - Không chịu gọi ông Sáu là ba, xem như người lạ (nói trống).. - Bị dồn vào thế bí (chắt nước cơm) - Kiên quyết chối từ tình yêu thương của ông Sáu (hất cái trứng)-> bị đánh đòn, xuống xuống qua bà ngoại. => Bướng bỉnh, cự tuyệt tình cảm của ông Sáu + Sự ương ngạnh không đáng trách: Thu còn nhỏ không hiểu hết được những éo le của chiến tranh, đó là tâm lí hoàn toàn tự nhiên của một đứa trẻ có cá tính mạnh mẽ=> Biểu hiện tuyệt vời của tình yêu thương cha sâu sắc. 3. Thái độ, hành động của bé Thu trong buổi sáng chia tay - Vẻ mặt buồn rầu, đôi mắt không chớp, nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa. - Bất ngờ cất tiếng gọi ba, ôm ba, hôn ba, hôn cả vết sẹo dài... - Trong đêm bé Thu bỏ về bà ngoại được bà ngoại	

	giải thích...=> ân hận. => Tình yêu và nỗi mong nhớ người cha xa cách đã bị dồn nén bấy lâu, nay bùng ra thật mạnh mẽ và hối hả, cuống quýt, có xen lẫn cả sự hối hận=> tình yêu cha mãnh liệt - Có người không cầm được nước mắt và người kể chuyện cảm thấy như có bàn tay ai nắm lấy trái tim mình. 4. Đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật bé Thu - Nhà văn rất thành công trong việc xây dựng tình huống truyện - Xây dựng tính cách nhân vật qua tâm lí và hành động: Bé Thu tình cảm sâu sắc, mạnh mẽ những cũng rất dút khoát, rạch ròi; có cá tính cứng cỏi đến ương ngạnh nhưng vẫn là một đứa trẻ hồn nhiên, ngây thơ. - Tác giả am hiểu tâm lí trẻ em và diễn tả rất sinh động với tấm lòng yêu mến trân trọng những tình cảm trẻ thơ => Hình ảnh bé Thu và tình yêu cha sâu sắc, mãnh liệt đã gây xúc động mạnh trong lòng người đọc, để lại những ấn tượng khó phai. III. Kết bài Suy nghĩ: Tình cảm cha con trong chiến tranh có những xa cách, trắc trở nhưng rất thiêng liêng, mãnh liệt và cao quý.	

ĐỀ SỐ 33	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây:

Tấm gương là người bạn chân thật suốt một đời mình, không bao giờ biết xu nịnh ai, dù đó là kẻ vương giả uy quyền hay giàu sang hãnh tiến. Dù gương có tan xương nát thịt thì vẫn cứ nguyên tấm lòng ngay thẳng trong sạch như từ lúc mẹ cha sinh ra nó. Nếu ai có bộ mặt không xinh đẹp thì gương không bao giờ nói dối,

nịnh rằng xinh đẹp. Nếu ai mặt nhọ gương nhắc nhở ngay. Nếu ai buồn phiền cau có thì gương cũng buồn phiền cau có theo như để an ủi, sẻ chia cho người đỡ buồn phiền sâu khổ.

Là người, ai dám tự bảo mình là trong sáng suốt đời như tấm gương kia. Thiếu gì kẻ ác độc, nịnh hót, hót lẻo, dối trá, có kẻ còn tham lam mà bảo trắng là đen, gọi xấu là tốt đấy sao.

Không một ai là không soi gương, từ già đến trẻ, từ đàn ông đến đàn bà. Soi gương nhiều nhất có lẽ là các chị chúng ta, những cô gái càng xinh đẹp thì càng thích soi gương.

Không hiểu ông Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi có lúc nào soi gương để buồn phiền cho gương mặt xấu xí của mình, để rồi làm ra bài phú “Hoa sen giếng ngọc” nổi tiếng bao đời. Anh Trương Chi nữa, anh ngồi trên con thuyền lơ lửng mặt sông, có soi vào dòng nước để tủi cho khuôn mặt mình, nên đành gửi lòng vào tiếng hát cho say đắm lòng cô gái cấm cung và bao người khác nữa... thành câu chuyện đau buồn.

Có một gương mặt đẹp soi vào gương quả là hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc càng trọn vẹn hơn khi có một tâm hồn đẹp để mỗi khi soi vào tấm gương lương tâm sâu thẳm mà lòng không hổ thẹn.

Còn tấm gương bằng thủy tinh tráng bạc, nó vẫn là người bạn trung thực, chân thành, thẳng thắn, không hề nói dối, cũng không bao giờ biết nịnh hót hay độc ác với bất cứ ai.

(Băng Sơn, *U tôi* – theo sách *Ngữ văn 7*, Tập một, NXB giáo dục Việt Nam 2015)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Câu 2. (0, 5 điểm) Tác giả dùng hình ảnh “tấm gương” để tượng trưng cho điều gì?

Câu 3. (1,0 điểm) Theo em qua hình ảnh “tấm gương”, tác giả muốn nói đến những con người nào trong xã hội?

Câu 4. (1,0 điểm) Em có đồng tình với ý kiến: “Có một gương mặt đẹp soi vào gương quả là hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc càng trọn vẹn hơn khi có một tâm hồn đẹp để mỗi khi soi vào tấm gương lương tâm sâu thẳm mà lòng không hổ thẹn” không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về cách nuôi dưỡng tâm hồn đẹp.

Câu 2. (5,0 điểm)

Suy nghĩ về tình cảm sâu nặng và cao đẹp mà ông Sáu dành cho con trong đoạn trích *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	
	2	Tấm gương trong đoạn trích tượng trưng cho những phẩm chất, tính cách của con người.	
	3	Những con người được nói đến: - Những con người trung thực, ngay thẳng, ... - Những kẻ xu nịnh, dối trá, nịnh hót, ác độc, tham lam ...	
	4	Thí sinh bộc lộ quan điểm của mình, có thể đồng ý hoặc không đồng ý với quan điểm trên nhưng phải lý giải hợp lý.	
II	1	<i>a. Đảm bảo yêu cầu hình thức đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hay song hành.	2,0 điểm
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Cách nuôi dưỡng tâm hồn đẹp.	0,5 điểm
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i>	0,5 điểm
		Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ các cách mà bản thân đã áp dụng để nuôi dưỡng vẻ đẹp tâm hồn. Có thể theo hướng sau: - Tâm hồn đẹp là vẻ đẹp của phẩm chất bên trong, là yếu tố tạo nên nét đẹp chân chính của mỗi con người. - Nuôi dưỡng tâm hồn đẹp là điều rất quan trọng và cần thiết. Việc làm ấy cần được tiến hành thường xuyên và ngay từ khi còn nhỏ. - Mỗi người có thể nuôi dưỡng tâm hồn mình bằng nhiều cách khác nhau: biết lắng nghe sự chỉ bảo của ông bà, cha mẹ, thầy cô giáo; không ngừng học hỏi để nâng cao vốn sống, vốn hiểu biết, luôn hướng thiện cho tâm hồn đồng cảm với người khác; biết	1,0 điểm

	cách sống mình vì mọi người; có ý chí vươn lên trong cuộc sống; tránh gây tổn thương cho những người xung quanh... lời nói đi đôi với việc làm, hành động bên ngoài thống nhất với suy nghĩ bên trong. d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i>: Đảm bảo quy tắc chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu. e. <i>Sáng tạo</i>: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,5 điểm 0,5 điểm
2	I. Mở bài - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Vấn đề nghị luận: <i>Tình cha con sâu nặng, cao đẹp</i> trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh được thể hiện qua nhân vật ông Sáu. II. Thân bài 1. Giới thiệu về ông Sáu: - Là một người nông dân Nam Bộ giàu lòng yêu nước, từng tham gia kháng chiến chống Pháp nhưng ông không tập kết ra Bắc mà ở lại đấu tranh, gây dựng lực lượng, tiếp tục tham gia vào cuộc kháng chiến chống Mĩ. - Ông đã chiến đấu và hi sinh vì Tổ quốc, là một người lính anh hùng nhưng nhà văn không tập trung khắc họa con người ông ở khía cạnh đó mà đi vào đời sống riêng của ông để viết về tình phụ tử. 2. Tình cảm ông Sáu dành cho con * Nỗi khao khát gặp lại con: - không chờ cho xuống cập bến, nhảy thót lên bờ.. - Nôn nóng được gặp con khiến vết thẹo đỏ ửng lên, giần giật, giọng run run...ba đây con... - Bé Thu không nhận cha: buồn bã, hụt hẫng, thất vọng,... “anh đứng sững lại đó...” * Trong những ngày nghỉ phép: - Ông không đi xa, chỉ ở nhà, tìm cách gần gũi con “<i>Anh quay lại....cười vậ thôi</i>” - Yêu thương con, chăm sóc con “<i>gắp trứng cá</i>”.....=> đánh con=> ân hận. - Giờ phút chia tay: không dám lại gần, chỉ nhìn từ xa bằng ánh mắt trĩu mến, buồn rầu. Bất ngờ nghe tiếng gọi “<i>ba</i>”: ông xúc động, nghẹn ngào “<i>một tay</i>	5,0 điểm

	ôm con, một tay lấy khăn lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con=> Giọt nước mắt hạnh phúc, sung sướng vì ông cảm nhận được tình ruột thịt từ con mình. * Khi trở lại chiến trường: - Mang theo nỗi nhớ con, nỗi day dứt ân hận vì đánh con. - Mang theo lời hẹn ước với con gái: “ <i>Ba về..mua cây lược cho con nghe ba!</i>” đã thôi thúc ông nghĩ đến việc làm một chiếc lược ngà tặng con. - Khi kiếm được một khúc ngà “ <i>mặt anh hớn hờ...được quà</i>” - Dành hết tâm trí vào việc làm cây lược “<i>thận trọng..thơ bạc</i>”=> đã biến người chiến sĩ thành 1 nghệ nhân- nghệ nhân chỉ sáng tạo một tác phẩm duy nhất trong đời. - Kì công khắc hàng chữ trên sống lưng lược “<i>Yêu nhớ tặng Thu con của ba</i>”=> chứa đựng bao yêu thương, trù mến ông dành cho con gái-> kết tụ tình phụ tử. - Chiếc lược còn làm dịu đi bao nỗi ân hận và chứa đựng bao tình cảm yêu mến “<i>chưa chải được mái tóc...tâm trạng anh</i>”=> trở thành vật thiêng, an ủi, nuôi dưỡng tình cha con và sức mạnh chiến đấu. - Những lúc nhớ con, ông lấy cây lược ra ngắm , mài lên tóc cho thêm bóng, thêm mượt. - Trước lúc hi sinh, chuyển nó cho người bạn như một cử chỉ chuyển giao sự sống, một sự ủy thác, là ước nguyện cuối cùng của người bạn thân, ước nguyện của tình phụ tử “<i>chỉ có tình cha con là không thể chết được</i>” => Tình cảm của ông Sáu thật sâu nặng, tha thiết. Tình cảm ấy bất diệt trước sự hủy diệt, tàn khốc của chiến tranh. 3. Đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật ông Sáu - Tác giả lựa chọn ngôi kể thứ nhất nhưng đặt vào nhân vật bác Ba- người đồng đội của ông Sáu. Vì thế câu chuyện được tái hiện một cách chân thực, khách quan hơn.	

		- Đặt nhân vật vào tình huống bất ngờ nhưng tự nhiên, hợp lí. - Miêu tả tâm lí, tình cảm nhân vật sâu sắc. - Sáng tạo hình ảnh chiếc lược ngà mang nhiều ý nghĩa: CLN : tình người, tình đồng đội, tình cha con III. Kết bài: - Nhân vật ông Sáu đã góp phần thể hiện sâu sắc tư tưởng chủ đề của truyện: khẳng định và ca ngợi tình phụ tử thiêng liêng. Đó là tình cảm cao đẹp, sâu nặng, cảm động trong hoàn cảnh eo le của chiến tranh. - Liên hệ: Thấm thía những mất mát không gì bù đắp của con người Việt Nam trong chiến tranh, trân trọng những tình cảm cao đẹp trong tâm hồn họ.	

ĐỀ SỐ 34	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Sự trung thực là nền tảng cơ bản giữ cho những mối quan hệ được bền vững”- Ramsey Clark.

Trung thực- ứng xử cao nhất của sự tôn trọng.

Một thái độ ứng xử tích cực, những thói quen tốt, cách nhìn lạc quan, khát khao theo đuổi những mục tiêu, vv.. mới chỉ là điều kiện cần nhưng vẫn chưa đủ để đưa bạn đến thành công nếu vẫn còn thiếu sự trung thực và chính trực. Bạn sẽ chẳng bao giờ cảm nhận trọn vẹn những giá trị của bản thân khi chưa tìm thấy sự bình an trong tâm hồn mình. Viên đá đầu tiên và cần thiết nhất của nền tảng đó là sự trung thực.

Vì sao tôi lại xem trọng tính trung thực đến thế? Đó là bởi vì tôi đã phải mất một thời gian rất dài mới có thể nhận ra rằng sự trung thực chính là phần còn thiếu trong nỗ lực tìm kiếm sự thành công và hoàn thiện bản thân tôi. Tôi không phải là một kẻ hay nói dối, một kẻ tham lam, một tên trộm mà tôi chỉ thiếu tính trung thực mà thôi. Giống như nhiều người khác, tôi cũng quan niệm “Ai cũng thế cả mà”, một chút không trung thực không có gì là xấu cả. Tôi đã tự lừa dối mình.

Dù muộn màng, nhưng rồi tôi cũng khám phá ra rằng không trung thực là một điều rất tệ hại và để lại một hậu quả khôn lường. Ngay sau đó, tôi quyết định sẽ ngay thẳng, chính trực trong tất cả mọi việc. Đó là một lựa chọn quan trọng làm thay đổi cuộc đời tôi.

(Theo Hal Urban, “**Những bài học cuộc sống**”, www.wattpad.com)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên?

Câu 2. Vì sao tác giả lại cho rằng: “Một thái độ ứng xử tích cực, những thói quen tốt, cách nhìn lạc quan, khát khao theo đuổi những mục tiêu, vv.. mới chỉ là điều kiện cần nhưng vẫn chưa đủ để đưa bạn đến thành công nếu vẫn còn thiếu sự trung thực và chính trực”?

Câu 3. Anh (chị) hiểu như thế nào về câu nói: “Sự trung thực là nền tảng cơ bản giữ cho những mối quan hệ được bền vững”?

Câu 4. Anh (chị) có đồng tình với quan điểm của tác giả: “không trung thực là một điều rất tệ hại và để lại một hậu quả khôn lường” hay không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về vai trò của sự trung thực trong thành công của mỗi người.

Câu 2 (5.0 điểm)

Phân tích **nhân vật Vũ Nương** trong tác phẩm “*Chuyện người con gái Nam Xương*” của Nguyễn Dữ.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt: Nghị luận	
	2	Vì: – Một thái độ ứng xử tích cực, những thói quen tốt, cách nhìn lạc quan, khát khao theo đuổi những mục tiêu, vv.. là động lực, là điều kiện để con người cố gắng phấn đấu, rèn luyện mình trên con đường tìm đến thành công. – Nhưng vẫn chưa đủ bởi để có được thành công, con người còn cần đến những mối quan hệ xã hội. Và sự trung thực và chính trực là yếu tố giúp tạo nên quan hệ bền vững, là thái độ ứng xử cao nhất của sự tôn trọng đối với những người xung quanh, cũng là	

		tôn trọng chính bản thân mình..	
	3	“Sự trung thực là nền tảng cơ bản giữ cho những mối quan hệ được bền vững”: – Sự trung thực: là thật thà, ngay thẳng, đúng với sự thật, không làm sai lạc đi; trái ngược với sự dối trá... – Sự trung thực sẽ giúp tạo được niềm tin, lòng tin với mọi người, từ đó giữ cho các mối quan hệ được bền vững, lâu dài	
	4	– Học sinh có thể đưa ra ý kiến riêng và có lí giải hợp lí (Có thể đưa ra ý kiến đồng tình và lí giải : + Không trung thực sẽ đánh mất niềm tin của mọi người dành cho mình; sẽ không đạt được kết quả mình mong muốn trong công việc cũng như trong cuộc sống.... + Không trung thực sẽ có lợi trước mắt nhưng làm ảnh hưởng đến người khác và để lại hậu quả về sau.... + Người không trung thực sẽ sống không thanh thản, không vui vẻ)	
II	1	1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận 2. Thân đoạn: a. Giải thích vấn đề: – Sự trung thực – Vai trò của sự trung thực trong thành công của mỗi người b. Bàn luận: – Quan niệm về “thành công”: Đạt được kết quả, mục đích như dự định trong công việc; Đạt được mong ước trong cuộc sống; Hài lòng, hạnh phúc với những gì mình có được và có ước mơ tốt đẹp trong tương lai – Sự trung thực là điều kiện đủ để có được thành công, là yếu tố quan trọng đưa con người đến thành công. Bởi vì + Sự trung thực sẽ giúp tạo được niềm tin, lòng tin với mọi người, từ đó giữ cho các mối quan hệ được bền vững, lâu dài. Điều này vô cùng quan trọng, giúp công việc thuận lợi, các mối quan hệ xã hội trở nên hài hòa.	

	+ Sống trung thực sẽ đem đến sự thanh thản trong tâm hồn, giúp con người luôn vui vẻ, thoải mái. Điều này lại đem đến sự tỉnh táo, sáng suốt khi đưa ra những lựa chọn, những quyết định quan trọng trong cuộc sống, trong công việc, góp phần tạo nên thành công. (Có thể có dẫn chứng cụ thể) c. Bài học nhận thức, hành động: – Cần trung thực trong công việc cũng như trong cuộc sống. 3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề	
2	I. Mở bài - Giới thiệu tác giả Nguyễn Dữ, tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương. - Dẫn dắt vấn đề nghị luận: Nhân vật Vũ Nương là người con gái có những phẩm chất tốt đẹp nhưng bị hàm oan vì thế số phận trở nên bất hạnh MB trực tiếp Trong nền văn học Trung đại Việt Nam, Nguyễn Dữ xuất hiện như một đại diện tiêu biểu cho thể loại truyện kì. Bằng trái tim giàu yêu thương đối với những con người đau khổ và bất hạnh, cùng một thái độ căm ghét sự ngang trái bất công của chế độ đương thời, ông đã đem đến cho nền văn học nước nhà tập Truyện kì mạn lục với 20 truyện ngắn giàu sáng tạo. Trong số đó ta phải kể đến sự góp mặt của “Chuyện người con gái Nam Xương”- tác phẩm đã tái hiện một cách chân thực số phận đau khổ của Vũ Nương cùng với những phẩm hạnh của nàng. Vũ Nương là hiện thân cho vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam truyền thống cũng như nỗi đau đớn xót xa trong số phận của người phụ nữ phong kiến xưa. MB gián tiếp Hình tượng người phụ nữ luôn là một đề tài hấp dẫn trong văn học. Đó là đề tài đã lấy đi rất nhiều tình cảm và nước mắt của biết bao nhiêu thi nhân, văn nhân trong lịch sử văn học nước nhà. Ta đã từng thốt thức với nàng Kiều- một người con gái đẹp nghiêng nước nghiêng thành nhưng cuộc đời lại ngang trái trong thơ Nguyễn Du. Ta cũng từng phải	

	ngạc nhiên với người phụ nữ ngang tàng, bản lĩnh trong thơ Hồ Xuân Hương. Và thật xúc động biết bao khi một lần nữa ta lại được thương, được khóc cho một Vũ Nương đẹp người đẹp nết nhưng số phận lại đầy rẫy nỗi oan khiên trong <i>“Chuyện người con gái Nam Xương”</i>. II. Thân bài 1. Giới thiệu khái quát về tác phẩm (3-5 dòng) - Thời gian ra đời: thế kỉ XVI, khi XHPK Việt Nam còn nặng tư tưởng trọng nam khinh nữ, người phụ nữ mang thân phận bọt bèo... - Nội dung chính: tập trung làm nổi bật vẻ đẹp phẩm giá của Vũ Nương cũng như những đau đớn mà nàng phải trải qua. 2. Phân tích nhân vật Vũ Nương a. Hoàn cảnh sống của Vũ Nương - Xã hội: Chiến tranh phong kiến, xã hội trọng nam khinh nữ - Gia đình: + Xuất thân nghèo khó + Vợ chồng vì chiến tranh phải xa nhau + Hôn nhân không bình đẳng + Tính cách vợ chồng trái ngược nhau... b. Vũ Nương là người phụ nữ có nhiều phẩm chất tốt đẹp. - Người phụ nữ thùy mị, nết na. - Người vợ thủy chung, thấu hiểu nỗi khổ và nguy hiểm của chồng phải đối mặt nơi chiến tuyến, chờ đợi chồng. - Người con dâu hiếu thảo: chăm sóc mẹ chồng khi ốm đau, lo ma chay chu đáo. - Người mẹ hết mực thương yêu con: bù đắp thiếu thốn cho con bằng cách chỉ bóng mình trên tường để tạo cho con những hình ảnh về người cha. - Người phụ nữ trọng nhân phẩm và danh dự: tìm đến cái chết để giữ tròn danh tiết, từ chối trở về trần gian để nhân phẩm được bảo toàn. => Vũ Nương mang trong mình đầy đủ những nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam truyền thống: công, dung, ngôn, hạnh.	

	c. Vũ Nương có số phận bất hạnh, hẩm hiu: - Chồng đi lính, một mình gánh vác gia đình, chăm sóc con nhỏ, phụng dưỡng mẹ già-> trụ cột của gia đình. - Bị chồng nghi oan, mắng nhiếc, đánh đuổi,.. - Phải chết khi tuổi đời còn trẻ, khi hạnh phúc mới chớm nở trong đời. - Ở chốn thủy cung luôn nhớ về nhân gian nhưng không thể trở về. => Số phận của Vũ Nương tiêu biểu cho phụ nữ xưa. 3. Đánh giá khái quát: - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: tạo dựng tình huống để thử thách nhân vật, khắc họa nhân vật qua ngoại hình, hành động, đối thoại...kết hợp yếu tố kì ảo và yếu tố thực để làm nên nỗi đau của nhân vật. - Thể hiện niềm thương cảm với số phận oan nghiệt của người phụ nữ trong xã hội phong kiến; khẳng định những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ: hiếu thảo, thủy chung, nhân hậu,.. - Lên án, tố cáo chiến tranh phi nghĩa, phê phán thói xấu: gia trưởng, thô bạo, bất bình đẳng giới...luôn chà đạp và vùi dập người phụ nữ. III. Kết bài - Vũ Nương tiêu biểu cho số phận bi thảm của người phụ nữ trong xã hội cũ. - Vũ Nương để lại trong lòng người đọc nỗi cảm thương sâu sắc.	

ĐỀ SỐ 35	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Nếu bước chân vào bất kì bệnh viện nào và hỏi bác sĩ về “bệnh vô cảm”, chắc hẳn bạn sẽ không nhận được câu trả lời. Bởi đó là căn bệnh tồn tại ngoài xã hội chứ không phải đơn thuần trên giường bệnh. “Bệnh vô cảm” là tình trạng chai sạn của tâm hồn, là thái độ sống thờ ơ, lãnh đạm trước những gì diễn ra xung

quanh mình. Đáng sợ hơn là nó diễn ra ngay cả trước những đau khổ, mất mát của con người. Một ngày, bạn không còn biết yêu thương và cũng không căm ghét, không cảm nhận được hạnh phúc và cũng không động lòng trước đau khổ, không có khát vọng sống có ý nghĩa... thì ắt hẳn, bạn đang có những “triệu chứng” của căn bệnh vô cảm đáng sợ kia. Nó không làm con người ta đau đớn hay chết đi về thể xác nhưng lại làm trái tim và tâm hồn chết dần trong sự lạnh lẽo. Và phải chăng “cái chết không phải là điều mất mát lớn nhất trong cuộc đời, sự mất mát lớn nhất là bạn để tâm hồn tàn lụi ngay khi còn sống” như lời Nooc- man Ku- sin đã khẳng định?

(Theo Bài tập ngữ văn 12, Tập hai, NXB GD, 2013)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên. (0,5 điểm)

Câu 2: Em hiểu như thế nào về câu nói của **Nooc- man Ku- sin**: “cái chết không phải là điều mất mát lớn nhất trong cuộc đời, sự mất mát lớn nhất là bạn để tâm hồn tàn lụi ngay khi còn sống”? (0,5 điểm)

Câu 3: Em hãy chỉ ra một biểu hiện khác của “bệnh vô cảm” trong đời sống? (1,0 điểm)

Câu 4: Thông điệp sống có ý nghĩa nhất mà em rút ra từ văn bản trên? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Từ đoạn trích trong phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về *bệnh vô cảm trong cuộc sống hiện nay*.

Câu 2 (5,0 điểm):

Vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều trong đoạn trích cùng tên, trích *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	(0,5 điểm)
	2	Ý nghĩa của câu nói: Theo Nooc- man, cái chết không phải là điều đáng sợ nhất mà tâm hồn chai sạn, lụi tàn khiến cuộc sống con người bất hạnh hơn cái chết.	(0,5 điểm)
	3	HS có thể nêu một biểu hiện khác của “bệnh vô cảm” trong đời sống, chẳng hạn: không quan tâm tới mọi người xung quanh, sống khép kín,...	(1,0 điểm)
	4	HS có thể trình bày quan điểm cá nhân, thông điệp có ý nghĩa, phù hợp với chuẩn mực đạo đức. Lập	(1,0 điểm)

		luận chặt chẽ, thuyết phục. VD: Mỗi người cần ý thức sâu sắc về mối nguy hại của bệnh vô cảm để phòng chống căn bệnh này.	
II	1	1. Mở đoạn: Giới thiệu về bệnh vô cảm 2. Thân đoạn: (1) Thực trạng của bệnh vô cảm Bệnh vô cảm là căn bệnh liên quan đến tâm hồn của con người. những con người này có trái tim lạnh giá, không xúc động, sống ích kỷ, lạnh lùng, cho sự an toàn của bản thân mình là trên hết. ngoài ra họ còn thờ ơ, làm ngơ trước những điều xấu xa, hoặc nổi bất hạnh, không may của những người sống xung quanh mình. Căn bệnh này xuất hiện nhiều ở rất nhiều học sinh, thanh niên: những con người này sống ích kỷ, ham chơi, chỉ biết đòi hỏi, hưởng thụ không có trách nhiệm với gia đình, xã hội. - Thậm chí có học sinh tìm đến cái chết chỉ vì cha mẹ không đáp ứng các yêu cầu cá nhân của mình... - Biểu hiện: + không sẵn sàng giúp người nghèo khổ, đói khát hơn mình + không giúp đỡ người tàn tật khi đi trên đường (2) Nguyên nhân của bệnh vô cảm - Do xã hội phát triển nhiều loại hình vui chơi giải trí - Do phụ huynh nuông chiều con cái... - Do ảnh hưởng của khoa học công nghệ đến con người - Do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường đến đạo đức truyền thống - Lối sống thực dụng của nền công nghiệp hiện đại. - Thiếu tình yêu thương trái tim. (3) Hậu quả của bệnh vô cảm - Ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách, phát triển của xã hội - Vô cảm nguy hiểm với cả chính người bệnh lẫn và người xung quanh - Bệnh vô cảm nếu không được giáo dục, không được ngăn chặn sẽ là tác nhân làm “lệch chuẩn” hay “loạn chuẩn” đạo đức	2,0 điểm

	(4) Biện pháp giải quyết bệnh vô cảm - Cải cách giáo dục một cách đúng đắn và hiệu quả - Sống yêu thương, quan tâm và vị tha cho nhau - Mở lòng với những người xung quanh. 3. Kết đoạn Nêu cảm nghĩ của em về bệnh vô cảm.	
2	I.Mở bài - Giới thiệu tác giả Nguyễn Du và đoạn trích Chị em Thúy Kiều - Dẫn dắt vấn đề nghị luận: đoạn trích đã làm nổi bật nhan sắc và tài năng của chị em Thúy Kiều, đặc biệt là sắc đẹp và tài năng của Thúy Kiều. Mở bài tham khảo Nguyễn Du cả đời cầm bút luôn dụng tâm hướng cảm xúc của mình đến với vẻ đẹp cũng như số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Dưới ngòi bút của ông, chân dung những người phụ nữ luôn được ca ngợi và cực tả đến tuyệt mỹ. Điều này ta có thể thấy rõ qua bức chân dung chị em Thúy Kiều trong đoạn trích cùng tên. Bằng nét bút tài hoa, ông đã dựng nên bức tranh về hai tố nữ với những nét đẹp không hề lặp lại. Vẻ đẹp ấy đã làm cho trái tim bao thế hệ bạn đọc không khỏi trầm trồ, ngưỡng mộ. Đồng thời qua đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” mỗi chúng ta có cơ hội được diện kiến ngòi bút kì tài của Nguyễn Du trong nghệ thuật khắc họa chân dung nhân vật. II.Thân bài 1. Giới thiệu khái quát về đoạn trích - Nằm ở phần đầu của Truyện Kiều - Nội dung: Khắc họa chân dung chị em Thúy Kiều qua đó bộc lộ cảm hứng nhân văn sâu sắc của tác giả. 2. Vẻ đẹp của Chị em Thúy Kiều a. Vẻ đẹp của Thúy Vân: - Phong thái: thanh thoát, nhẹ nhàng, đoan trang, lịch sự; - Nhân diện: Lấy vàng trắng so sánh khuôn mặt: phúc hậu, hiền hòa - Giọng nói: cũng trở thành nét đẹp rất riêng trong con người nàng. Xuân Diệu ca ngợi: từ thốt là chữ	5,0 điểm

		đắt giá. - Dự báo số phận từ nhan sắc: “<i>mây thua....tuyết nhường..</i>”: số phận bình an, hạnh phúc. => Bằng bút pháp ước lệ tượng trưng và thủ pháp so sánh ngầm, Nguyễn Du đã làm cho chân dung Thúy Vân hiện lên như một tố nữ, đẹp người, đẹp nét và bình an trong số phận. b. Vẻ đẹp tài sắc của Thúy Kiều b1. Nhan sắc của Thúy Kiều: - Thúy Vân là phong nền hoàn hảo mở đường cho sự xuất hiện của Thúy Kiều với vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà; - Thủ pháp tăng tiến trong miêu tả “ <i>Kiều càng sắc sảo mặn mà</i>” không chỉ đẹp mà còn có sức hút mạnh mẽ đối với người đối diện; - <i>Đôi mắt</i> như nước mùa thu lột tả nội tâm luôn man mác một chút buồn ẩn sâu dưới cái nhìn trong veo của Kiều - Nguyễn Du sử dụng những từ ngữ có sức gợi cảm cao như “ghen”, “hờn” khi miêu tả vẻ đẹp của Kiều. Hai từ ngữ ấy tự nó đã chứa đựng sự dự báo không mấy tốt đẹp mà Kiều có thể phải đối mặt ở tương lai. => Tạo hóa ganh ghét với nhan sắc vượt qua những chuẩn chung. Nguyễn Du đã bày tỏ sự thương cảm kín đáo với số phận của nhân vật. - “ <i>Nghiêng nước nghiêng thành</i>” : đẩy vẻ đẹp của Kiều lên hàng <i>quốc sắc thiên hương</i>, có một không hai-> Sự yêu mến hết mực mà Nguyễn Du đã dành cho Kiều-> Chân dung của Kiều hiện ra với vẻ đẹp vạn người mê. Vẻ đẹp ấy khiến cho tạo hóa và vạn vật sinh lòng đố kị->Dấu hiệu dự báo một cuộc đời đầy sóng gió. b2. Nét đẹp tài năng: - Thúy Kiều có tài năng toàn vẹn: cầm, kì, thi, họa. Lĩnh vực nào Kiều cũng tinh thông nhưng nổi bật nhất là tài đàn. - Nguyễn Du hoàn thiện cho một triết lí “<i>tài mệnh tương đố</i>”, mỗi khúc đàn luôn ẩn chứa nét buồn ai oán-> tiếng đàn mang tính chất dự báo một thiên bạc mệnh đang chờ đợi nàng ở phía trước-> người con	

	gái đa sầu, đa cảm. => Bằng bút pháp lí tưởng hóa, vẻ đẹp của Thúy Kiều ở phương diện tài năng và nhan sắc đạt đến mức hoàn mĩ và đỉnh cao. c. Vẻ đẹp trong lối sống của chị em Thúy Kiều - Lối sống phong lưu, được chăm sóc và yêu chiều “<i>Phong lưu rất mực hồng quần</i>” - Luôn khuôn phép giữ mình theo đúng chuẩn mực của một người có nền nếp gia phong. - Cả hai chị em Kiều là những cô gái ngoan, kín đáo, tế nhị và luôn ý thức được giá trị của bản thân mình. “<i>Tường đông ong bướm đi về mặc ai</i>” 3. Đánh giá khái quát: - Tả người từ khái quát đến cụ thể, tả ngoại hình mà bộc lộ tính cách, dự báo số phận, ngôn ngữ gợi tả, sử dụng hình ảnh ước lệ, thủ pháp đòn bẩy, các biện pháp tu từ, nhân hóa, so sánh, dùng điển tích, điển cố. Tất cả đã làm nổi bật lên hai bức tranh tố nữ với những nét đẹp không hề lặp lại. Nghệ thuật ấy đã tôn lên tài năng của Nguyễn Du trong việc khắc họa chân dung nhân vật. - Qua chân dung chị em Kiều, ta càng mến yêu, trân trọng những người phụ nữ xưa. Dù cuộc sống có trải qua những thăng trầm biến cố song vẻ đẹp của họ luôn khiến ta ngưỡng mộ và yêu thương. III. Kết bài - Đánh giá khái quát lại vẻ đẹp của chị em Kiều cũng như tấm lòng và tài năng của Nguyễn Du. - Nêu được cảm xúc của bản thân về hai nhân vật và niềm mong ước của bản thân về cuộc sống và số phận của người phụ nữ trong xã hội ngày nay.	

ĐỀ SỐ 36	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

Người có tính khiêm tốn thường hay tự cho mình là kém, còn phải phấn đấu thêm, trau dồi thêm, cần được trao đổi, học hỏi nhiều thêm nữa. Người có tính khiêm tốn không bao giờ chịu chấp nhận sự thành công của cá nhân mình trong hoàn cảnh hiện tại, lúc nào cũng cho sự thành công của mình là tầm thường, không đáng kể, luôn luôn tìm cách để học hỏi thêm nữa.

Tại sao con người lại phải khiêm tốn như thế? Đó là vì cuộc đời là một cuộc đấu tranh bất tận, mà tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước bé nhỏ giữa đại dương bao la. Sự hiểu biết của mỗi cá nhân không thể đem so sánh với mọi người cùng chung sống với mình. Vì thế, dù tài năng đến đâu cũng luôn luôn phải học thêm, học mãi mãi.

Tóm lại, con người khiêm tốn là con người hoàn toàn biết mình, hiểu người, không tự mình đề cao vai trò, ca tụng chiến công của cá nhân mình cũng như không bao giờ chấp nhận một ý thức chịu thua mang nhiều mặc cảm tự ti đối với mọi người.

Khiêm tốn là một điều không thể thiếu cho những ai muốn thành công trên đường đời.

(Trích *Tinh hoa xử thế*, Lâm Ngữ Đường, Ngữ văn 7, tập 2, NXB Giáo dục, 2015, tr.70 – 71)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Em hiểu như thế nào về câu nói sau: (1,0 điểm)

“Tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước nhỏ giữa đại dương bao la”.

Câu 3. Hãy chỉ ra một biểu hiện của tính khiêm tốn mà em gặp trong cuộc sống? (0,5 điểm)

Câu 4. Em có đồng tình với ý kiến: *Khiêm tốn là một điều không thể thiếu cho những ai muốn thành công trên đường đời ? Vì sao?* (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ nội dung phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về lòng khiêm tốn trong xã hội hiện nay.

Câu 2 (5.0 điểm)

Phân tích đoạn trích sau:

"Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:
- Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu

không nghĩ như vậy nữa. Và, khi ta việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả “thèm” hờ bác? Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy. Bác lái xe đi, về Lai Châu cứ đến đây dừng lại một lát. Không vào giờ “ốp” là cháu chạy xuống chơi, lâu thành lệ. Cháu bỗng dừng tự hỏi: Cái nhớ xe, nhớ người ấy thật ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô hội thì xoàng. Cháu ở liền trong trạm hằng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lái phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói: “Đấy, bác cũng chẳng “thèm” người là gì?”

(*Lặng lẽ Sa Pa*, Nguyễn Thành Long)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0,5 điểm
	2	Tài nghệ của mỗi người quan trọng nhưng hữu hạn, bé nhỏ như “ <i>những giọt nước</i> ” trong thế giới rộng lớn, mà kiến thức của loài người lại mênh mông như đại dương bao la. Vì thế cần khiêm tốn để học hỏi.	1,0 điểm
	3	HS có thể chỉ ra một trong các biểu hiện sau của tính khiêm tốn: - Luôn tiếp thu sự góp ý của người khác - Không tự cao, tự đại. - Luôn có ý thức học hỏi ở mọi lúc. mọi nơi	0,5 điểm
	4	HS có thể đồng tình hoặc không đồng tình nhưng phải đưa ra lí giải hợp lí. Có thể tham khảo gợi ý sau: - Đồng tình vì hiểu biết của mỗi người là rất nhỏ bé so với đại dương kiến thức. Sự khiêm tốn giúp con người biết mình là ai để vươn lên - Không đồng tình vì có thể có những yếu tố khác quan trọng hơn sự khiêm tốn như tự tin, bản lĩnh....	1,0 điểm
II	1	1.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề Khiêm tốn không đơn thuần là bài học mà nó còn là thái độ sống, một nghệ thuật về cách đối nhân xử thế trên đường đời.	2,0 điểm

	2. Thân đoạn: (1) Giải thích Khiêm tốn là gì: Là thái độ đúng mức trong việc đánh giá bản thân mình, không tự mãn, tự kiêu, không tự cho mình là hơn người khác. -Người có lòng khiêm tốn?: Luôn thể hiện thái độ hòa nhã, nhún nhường trong văn hóa ứng xử, luôn tỏ ra tôn trọng bản thân mình và tôn trọng người khác (2)Phân tích, chứng minh - Người khiêm tốn luôn nhã nhặn, nhún nhường, tiếp thu ý kiến của người khác, không cho rằng mình giỏi. - Đối với thành công của mình thì người khiêm tốn luôn cho rằng đó là điều nhỏ nhoi, kém cỏi. - Ý thức rèn luyện bản thân ngày càng hoàn thiện luôn được thể hiện ở người khiêm tốn. - Tại sao sống phải có lòng khiêm tốn: + Có khiêm tốn mới có tinh thần cầu tiến, mới không ngừng học hỏi và tiến bộ. + Sẽ được mọi người yêu quý và bớt người ganh tị + Giúp ta không kiêu ngạo khi đứng trên đỉnh vinh quang (3) Bàn luận, mở rộng - Lối sống kiêu căng, tự mãn-> phê phán, lên án. (4) Bài học nhận thức và hành động - Hãy tự giác và nuôi dưỡng cho mình một thái độ khiêm tốn để có thể đạt được những thành công trong cuộc sống. - Rèn luyện tính khiêm tốn từ những hành động nhỏ nhặt trong đời sống. 3. Kết đoạn: Khiêm tốn là nhân tố thiết yếu tạo nên sự thành công và góp phần xây dựng những mối quan hệ bền vững trong xã hội.	
2	I. Mở bài - Nguyễn Thành Long- Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa - Lời tâm tình của anh thanh niên về công việc và cuộc sống.	5,0 điểm

		II. Thân bài 1. Giới thiệu khái quát: - Hoàn cảnh ra đời: 1970- chủ đề tư tưởng - Vị trí đoạn trích 2. Vẻ đẹp của người lao động qua vẻ đẹp của anh thanh niên - Lí tưởng sống cao đẹp - Yêu nghề, yêu công việc - Cởi mở, quý trọng tình cảm 3.Đánh giá - Lời kể tự nhiên, bình dị - Nhân vật được đặt vào điểm nhìn trực tiếp.. - Nhà văn: tài năng, tấm lòng, tư tưởng. III. Kết bài Khẳng định vai trò, sức sống của đoạn trích.	

ĐỀ SỐ 37	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu

“14/7/69”

Hôm nay là ngày sinh của ba, mình nhớ lại ngày đó giữa bom rơi đạn nổ. Mới hôm qua một tràng pháo bất ngờ đã giết chết năm người và làm bị thương hai người. Mình cũng nằm trong làn đạn lửa của những trái pháo cực nặng ấy. Mọi người còn chưa qua cái ngạc nhiên lo sợ. Vậy mà mình vẫn như xưa nay, nhớ thương, lo lắng và suy tư đè nặng trong lòng. Ba má và các em yêu thương, ở ngoài đó ba má và các em làm sao thấy hết được cuộc sống ở đây. Cuộc sống vô cùng anh dũng, vô cùng gian nan, chết chóc hi sinh còn dễ dàng hơn ăn một bữa cơm. Vậy mà người ta vẫn bền gan chiến đấu. Con cũng là một trong muôn nghìn người đó, con sống chiến đấu và nghĩ rằng mình sẽ ngã xuống vì ngày mai của dân tộc. Ngày mai trong tiếng ca khải hoàn sẽ không có con đâu. Con tự hào vì đã dâng trọn đời mình cho Tổ quốc.”

(Trích *Nhật kí Đặng Thùy Trâm*, NXB Hội Nhà văn, 2016, Tr. 160)

Câu 1. Những từ ngữ, hình ảnh nào trong đoạn trích thể hiện sự ác liệt của chiến tranh? (0,5 điểm)

Câu 2. Trong đoạn trích, nỗi nhớ thương của người viết hướng đến những ai? Tình cảm đó cho thấy tác giả nhật kí là người như thế nào?(1,0 điểm)

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu văn: “*Cuộc sống vô cùng anh dũng, vô cùng gian nan, chết chóc hi sinh còn dễ dàng hơn ăn một bữa cơm.*” (0,5điểm)

Câu 4. Phẩm chất nào của người viết được bộc lộ trong đoạn nhật kí khiến em xúc động nhất? Vì sao? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung được gợi ra ở phần đọc – hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về *trách nhiệm của bản thân mình trong công cuộc bảo vệ độc lập dân tộc*.

Câu 2 (5 điểm):

Cảm nhận của em về nhân vật anh thanh niên trong đoạn trích sau:

[...] Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu [...] Cháu lấy những con số, mỗi ngày báo về “nhà” bằng máy bộ đàm bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối, lại một giờ sáng. Bản báo ấy trong ngành gọi là “ốp”. Công việc nói chung dễ, chỉ cần chính xác. Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung

tung ... Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ được.

(Trích *Lặng lẽ Sa Pa*, Nguyễn Thành Long, Ngữ văn 9, tập I)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Chọn đúng chữ từ ngữ, hình ảnh thể hiện sự ác liệt của chiến tranh: <i>bom rơi đạn nổ; tràng pháo bắt ngờ đã giết chết năm người; nằm trong làn đạn lửa; những trái pháo cực nặng; vô cùng gian nan; chết chóc hi sinh còn dễ dàng hơn ăn một bữa cơm.</i>	0,5 điểm
	2	- Trong đoạn trích, nỗi nhớ thương của người viết hướng đến ba má và các em (hoặc hướng đến những người thân trong gia đình) - Tình cảm đó cho thấy tác giả nhật kí là người giàu tình yêu thương, tha thiết với những người thân, ngay trong lửa đạn chiến trường vẫn hướng về gia đình.	1,0 điểm
	3	- Biện pháp tu từ so sánh: <i>chết chóc hi sinh còn dễ dàng hơn ăn một bữa cơm</i> - Tác dụng: + Giúp cho câu văn trở nên giàu hình ảnh, sinh động + Làm rõ sự khốc liệt, bi thương của chiến tranh + Những chết chóc hi sinh diễn ra hàng ngày dễ dàng hơn thấy bữa cơm	0,5 điểm
	4	Thí sinh bày tỏ được suy nghĩ của mình về một phẩm chất tốt đẹp mà người viết bộc lộ trong đoạn nhật kí song cần lí giải một cách thuyết phục tại sao phẩm chất đó lại khiến cho bản thân xúc động nhất. Gợi ý: Thí sinh có thể bộc lộ suy nghĩ về một trong những phẩm chất sau: - <i>Tình yêu thương gia đình, người thân</i> - <i>Sự hi sinh cao cả, quên mình cho Tổ quốc</i> - <i>Ý thức được sự cống hiến của bản thân là nhỏ bé trước cả một thế hệ anh hùng</i> - <i>Tinh thần lạc quan chiến đấu...</i>	1,0 điểm
II	1	Thí sinh lựa chọn thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận bằng nhiều cách, song cần đảm bảo các ý sau: - Thấy được trách nhiệm của thế hệ trẻ hôm nay: sống, rèn luyện và học tập để đáp đền và xứng đáng với công lao to lớn và sự hi sinh của thế hệ đi trước cho hòa bình hôm nay.	2,0 điểm
	2	I. Mở bài :	5,0 điểm

	- Giới thiệu tác giả, tác phẩm - Khái quát chung về nhân vật anh thanh niên qua đoạn trích. II. Thân bài : 1. Khái quát chung - Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác. - Tóm tắt lại nội dung chính của đoạn trích 2. Cảm nhận về nhân vật anh thanh niên a. Công việc của anh thanh niên - Đoạn văn là lời của nhân vật thanh niên, nhân vật chính trong truyện Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long kể về công việc làm của mình cho ông họa sĩ già và cô kỹ sư nông nghiệp trẻ, qua lời giới thiệu của bác lái xe, lên thăm nơi ở và làm việc của anh thanh niên trên đỉnh Yên Sơn cao hai ngàn sáu trăm mét trong thời gian ba mươi phút. Nhân vật thanh niên đó sống một mình trên núi cao, quanh năm suốt tháng làm việc với cây và mây núi ở Sa Pa. - Công việc của anh là làm khí tượng kiêm vật lý địa cầu. Nhiệm vụ của anh là đo gió, đo mưa, đo gió, đo chấn động mặt đất và dự báo thời tiết hằng ngày phục vụ cho công việc chiến đấu và sản xuất. Anh lấy những con số, mỗi ngày báo về “nhà” bằng báo bộ đàm bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối và một giờ sáng. Công việc anh thanh niên kể trong đoạn văn là ghi báo về những con số lúc một giờ sáng trong hoàn cảnh thời tiết khắc nghiệt. - Ngoài khó khăn được nói đến trong đoạn trích trên, hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật còn	

	có điều đặc biệt là: Anh thanh niên mới có hai mươi bảy tuổi, cái tuổi đang hừng hực sức sống và sự bay nhảy. Thế mà, anh đã sống một mình trong suốt bốn năm trên đỉnh Yên Sơn. Trong bốn năm đó, ông họa sĩ và cô gái trẻ là đoàn khách thứ hai đến thăm nhà anh. Như vậy, cái gian khổ nhất đối với anh là phải vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng chỉ có một mình trên đỉnh núi cao không một bóng người. Công việc của anh làm âm thầm, lặng lẽ một mình, báo về “ốp” đều đặn những con số để phục vụ sản xuất, chiến đấu. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác, có tính trách nhiệm cao. => Hoàn cảnh sống khắc nghiệt, công việc gian khổ, vất vả. Đó là thử thách rất lớn nhưng anh thanh niên đã vượt qua hoàn cảnh ấy bằng ý chí, nghị lực và những suy nghĩ rất đẹp. <i>b. Phẩm chất của anh thanh niên được thể hiện qua đoạn văn</i> - Trước hết, anh thanh niên rất yêu nghề. Anh có những suy nghĩ đúng và sâu sắc về công việc đối với cuộc sống con người: “...Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với công việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất”. - Là người có hành động đẹp: Một mình sống trên đỉnh Yên Sơn, không có ai đôn đốc, kiểm tra nhưng anh vẫn vượt qua hoàn cảnh làm việc một cách nghiêm túc, tự giác với tinh thần trách nhiệm cao. Dù thời tiết khắc nghiệt mùa đông giá rét mà anh đều thức dậy thắp đèn đi “ốp” đúng giờ. Ngày nào cũng vậy anh làm việc một cách đều đặn, chính xác 4 lần trong ngày, âm thầm, bền bỉ trong nhiều năm trời.	

	- Anh thấy được công việc thầm lặng của mình có ích cho cuộc sống, cho mọi người. Anh đã thấy mình “thật hạnh phúc” khi được biết một lần do phát hiện kịp thời một đám mây khô mà anh đã góp phần vào chiến thắng của không quân ta bắn rơi nhiều máy bay Mỹ trên bầu trời Hàm Rồng. - Người có phong cách sống đẹp: Anh có một phong cách sống khiến mọi người phải nể trọng. Tinh thần thái độ làm việc của anh thật nghiêm túc, chính xác, khoa học và nó đã trở thành phong cách sống của anh. 3. Đánh giá, mở rộng: - Anh thanh niên là đại diện tiêu biểu cho thanh niên Việt Nam, hăng say làm việc, hết mình cống hiến cho dân tộc, cho đất nước: <i>“ Nếu là con chim...”</i> (Khúc ca xuân, Tố Hữu) - Nghệ thuật: cách đặt tên cho nhân vật, xây dựng cốt truyện,... - Mở rộng những tác phẩm cùng đề tài. III.Kết bài : Cảm nhận chung về anh thanh niên : sống có lí tưởng, sống đẹp, sống có ích « <i>Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình</i> »	

ĐỀ SỐ 38	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Ước mơ bây giờ là đánh thắng giặc Mỹ, là Độc lập, Tự do của đất nước. Mình cũng như những thanh niên khác đã lên đường ra tiền tuyến và tuổi trẻ qua đi giữa tiếng bom rơi đạn nổ. Tuổi trẻ của mình đã thấm đượm mồ hôi, nước mắt, máu

xương của những người đang sống và những người đã chết. Tuổi trẻ của mình đã cứng cáp trong thử thách gian lao của chiến trường. Tuổi trẻ của mình cũng đã nóng rực vì ngọn lửa căm thù đang ngày đêm hun đốt. Và gì nữa, phải chăng mùa xuân của tuổi trẻ cũng vẫn thấm đượm thêm vì màu sắc của mơ ước và yêu thương vẫn ánh lên trong những đôi mắt nhìn mình. Một đôi mắt đen thâm quầng vì thức đêm nhưng bao giờ đến với mình cũng là niềm vui và sôi nổi. Một đôi mắt long lanh dưới hàng mi dài cũng vậy bao giờ cũng đến với mình tha thiết tin yêu. Và đôi mắt tinh ranh của một người bạn gái nhìn mình như hiểu hết, như trao hết niềm tin. Th. ời! Đó phải chăng là hạnh phúc mà chỉ Th mới được hưởng mà thôi? Hãy vui đi, hãy giữ trọn trong lòng niềm mơ ước và đề màu xanh của tuổi trẻ ngời rạng mãi trong đôi mắt và nụ cười nghe Thùy!

(Trích Nhật kí Đặng Thùy Trâm, NXB Hội Nhà văn, 2005)

Câu 1 (0,5 điểm): Tại thời điểm viết những dòng nhật kí trên, tác giả ước mơ điều gì ?

Câu 2 (1,0 điểm): Gọi tên các phép liên kết hình thức và chỉ ra từ ngữ làm phương tiện của các phép liên kết ấy trong hai câu văn sau: "Một đôi mắt long lanh dưới hàng mi dài cũng vậy bao giờ cũng đến với mình tha thiết tin yêu. Và đôi mắt tinh ranh của một người bạn gái nhìn mình như hiểu hết, như trao hết niềm tin."

Câu 3 (1,0 điểm): Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu sau: "Tuổi trẻ của mình đã cứng cáp trong thử thách gian lao của chiến trường." Xét về cấu tạo ngữ pháp, câu văn đó thuộc kiểu câu nào? (1.0)

Câu 4 (0,5 điểm): Nêu tác dụng của điệp ngữ “tuổi trẻ của mình” trong những câu văn sau: "Tuổi trẻ của mình đã thấm đượm mồ hôi, nước mắt, máu xương của những người đang sống và những người đã chết. Tuổi trẻ của mình đã cứng cáp trong thử thách gian lao của chiến trường Tuổi trẻ của mình cũng đã nóng rực vì ngọn lửa căm thù đang ngày đêm hun đốt."

Câu 5 (1,0 điểm): Nhận xét về hoàn cảnh sống, chiến đấu và vẻ đẹp tâm hồn của tác giả Đặng Thùy Trâm qua đoạn nhật kí trên.

II. PHẦN LÀM VĂN (6.0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Viết đoạn văn diễn dịch (khoảng 8 đến 10 câu), trong đó có sử dụng thành phần biệt lập tình thái, với câu chủ đề: Thái độ lạc quan là điều cần thiết trong cuộc sống của con người. (Lưu ý: Gạch chân thành phần tình thái).

Câu 2 (4,0 điểm):

Ngày xuân con én đưa thoi,
 Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi,
 Cỏ non xanh tận chân trời,
 Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
 Thanh minh trong tiết tháng ba,
 Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh,
 Gần xa nô nước yến anh,
 Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.

(Truyện Kiều - Nguyễn Du, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục, 2020, tr. 84 - 85)
 Phân tích đoạn thơ trên và nhận xét ngắn gọn về nghệ thuật tả cảnh của Nguyễn Du.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
	1	Tại thời điểm viết những dòng nhật kí trên, tác giả ước mơ bây giờ là đánh thắng giặc Mỹ, là Độc lập, Tự do của đất nước.	0,5 điểm
	2	Các phép liên kết hình thức - Phép nối: và - Phép lặp: "đôi mắt"	1,0 điểm
	3	- Cấu tạo ngữ pháp của câu: "Tuổi trẻ của mình (cn) đã cứng cáp trong thử thách gian lao của chiến trường (vn)." - Xét về cấu tạo ngữ pháp, câu văn đó thuộc kiểu câu đơn	1,0 điểm
	4	Tác dụng của điệp ngữ “tuổi trẻ của mình”: - Nhấn mạnh ý nghĩa của tuổi trẻ tác giả: tuổi trẻ đã sống và chiến đấu vì Tổ quốc, đã cùng với thế hệ mình và thế hệ cha anh quyết tử cho Tổ quốc quyết	0,5 điểm

		sinh. Khẳng định niềm tự hào được cống hiến cho dân tộc. - Tạo nhịp điệu hùng hồn, thiết tha cho câu văn.	
	5	Qua đoạn nhật kí, ta thấy hoàn cảnh sống, chiến đấu vô cùng cực khổ, đầy nguy hiểm: phải trải qua bom rơi, đạn nổ, thấm đượm mồ hôi, nước mắt và xương máu... Dù hoàn cảnh sống, chiến đấu đầy gian lao, cực khổ nhưng vẫn ánh lên trong tâm hồn tác giả là niềm tin yêu, mơ ước, là tình yêu thương vẫn ánh lên trong đôi mắt.	1,0 điểm
	1	- Giới thiệu vấn đề nghị luận: thái độ lạc quan là điều cần thiết trong cuộc sống - Bàn luận về tinh thần lạc quan + Lạc quan là gì? Lạc quan là thái độ sống tốt, có cách nhìn, tin tưởng và luôn hướng về những điều tốt đẹp ở tương lai. Biểu hiện của tinh thần lạc quan: ++Luôn tươi cười dù có chuyện gì xảy ra ++Luôn yêu đời ++Luôn bình tĩnh xử lí mọi tình huống dù có chuyện gì xảy ra + Ý nghĩa của tinh thần lạc quan trong cuộc sống ++Lạc quan sẽ tạo nên cuộc sống tươi đẹp cho tất cả mọi người ++Giúp chúng ta biết sống một cách có ý nghĩa hơn	2,0 điểm

	++Giúp con người tránh khỏi những hiểm họa trong cuộc sống Những người lạc quan thường thành công trong cuộc sống và công việc 3. Một số tấm gương về tinh thần lạc quan + Bác Hồ ở trong tù vẫn có thể sáng tác thơ, ngâm trăng + Các bệnh nhân ung thư vẫn lạc quan để chiến đấu bệnh tật để giành giật sự sống + Các em bé mồ côi vẫn lạc quan sống để mong ngày gặp lại cha mẹ của mình - Nêu cảm nghĩ của em về tinh thần lạc quan: + Khẳng định thái độ lạc quan là điều cần thiết trong cuộc sống, giúp con người vượt qua số phận + Bên cạnh đó nó còn có những tác động xấu khi con người có tinh thần lạc quan thái quá.	
2	I. Mở bài - Giới thiệu tác giả Nguyễn Du và tác phẩm Truyện Kiều + Nguyễn Du (1766 – 1820), là tác gia lớn của nền văn học Việt Nam. + Truyện Kiều viết về cuộc đời của nhân vật Thúy Kiều, là sáng tác viết bằng chữ Nôm xuất sắc nhất của Nguyễn Du. - Giới thiệu đoạn trích Cảnh ngày xuân	4,0 điểm

	+ Đoạn trích này được viết sau đoạn tả tài sắc của chị em Thúy Kiều. + Đoạn trích này tả cảnh ngày xuân trong tiết Thanh minh và cảnh du xuân của chị em Thúy Kiều. II. Thân bài 1. Khung cảnh mùa xuân - Không gian khoáng đạt: cảnh ngày xuân trong trẻo, tinh khôi và tràn đầy sức sống. + Chim én đưa thoi + Thiều quang chín chục, đã ngoài sáu mươi + Màu cỏ non xanh rợn đến chân trời: gợi lên không gian khoáng đạt. + Cành lê trắng: gợi sự thanh khiết, trong trẻo. => Bút pháp miêu tả, gợi, từ ngữ gợi hình: Cảnh ngày xuân hiện ra tinh khôi, mới mẻ và tràn đầy sức sống. 2. Cảnh lễ hội trong tiết Thanh minh - Lễ tảo mộ: ngày tựu trung đến viếng, dọn dẹp, sửa sang và thắp hương phần mộ của người thân. - Hội đạp thanh. - Sử dụng những từ ngữ gợi tả: + Gần xa, nô nức (tính từ): tâm trạng náo nức. + Yến anh, tài tử, giai nhân, chị em (danh từ): gợi sự đông vui náo nhiệt.	

		+ Sấm sủa, dập dìu (động từ): không khí rộn ràng, nhộn nhịp. => Không khí lễ hội rộn ràng, náo nức cùng những nghi thức trang nghiêm khi viếng mộ. 3. Đặc sắc - Nội dung: miêu tả bức tranh thiên nhiên mùa xuân tươi đẹp. - Nghệ thuật: Ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhịp điệu, diễn tả tinh tế tâm trạng của nhân vật. III. Kết bài: Khung cảnh thiên nhiên được khắc họa tuyệt đẹp biết mấy qua bút pháp tả cảnh của Nguyễn Du	

Bài văn ngắn tham khảo:

Nguyễn Du là một đại thi hào của dân tộc, một danh nhân văn hóa thế giới, tên tuổi của ông gắn liền với tác phẩm "Truyện Kiều" – kiệt tác số một của văn học trung đại Việt Nam. "Truyện Kiều" là một bài ca lớn về giá trị nhân đạo, một bản cáo trạng nghiêm khắc về cái ác, cái phản nhân bản, một tập đạo thành của nghệ thuật văn chương. Chỉ xét về bút pháp tả và gợi Nguyễn Du đã đạt đến đỉnh cao chói lọi. Điều này được thể hiện qua đoạn trích "Cảnh ngày xuân" nằm ở phần I, "Gặp gỡ và đính ước" của Thúy Kiều. Có thể nói đây là một đoạn trích thành công nhất trong nghệ thuật tả cảnh thiên nhiên của Nguyễn Du.

Bốn câu thơ đầu gợi lên khung cảnh mùa xuân với vẻ đẹp riêng: hữu tình, hữu sắc, hữu hương, lên thơ.

*"Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi"*

Bằng bút pháp chấm phá kết hợp với gợi tả, hai câu thơ đầu vừa gợi không gian, vừa gợi thời gian. Nhưng không gian ấy không tĩnh mà rất sống động bởi hình ảnh "con én đưa thoi". Trước hết đây là một hình ảnh tả thực, trong tháng cuối cùng của mùa xuân, những cánh én vẫn rộn ràng chao đi chao lại giữa bầu trời trong

sóng. Nhưng đồng thời nó còn là hình ảnh ẩn dụ, ngụ ý. Chỉ thời gian đang trôi nhanh, mùa xuân đang trôi nhanh. Mùa xuân có chín mươi ngày, mới đó thôi mà giờ đã sang tháng ba, gợi sự nuối tiếc trong lòng người. Sau đó hình ảnh ”con én đưa thoi” là thiều quang, thiều quang gợi lên cái mùa hồng của ánh xuân, cái ấm áp của khí xuân, cái mê mông bao la của đất trời. Đặc biệt bức họa tuyệt đẹp của mùa xuân là ở hai câu thơ:

*“Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”*

Ở đây Nguyễn Du đã vận dụng một cách sáng tạo câu thơ cổ của Trung Quốc ”cỏ thơm liền với trời xanh – trên cành lê có mấy bông hoa”, thay vì dùng từ cỏ thơm Nguyễn Du đã dùng từ ”cỏ non” để tô đậm màu sắc – màu xanh của cỏ non trải rộng đến tận chân trời. Đó là gam màu nền của bức tranh xuân, trên thảm cỏ xanh ấy, điểm xuyết một vài bông hoa lê trắng. Từ ”trắng” được đảo lên trước gây ấn tượng mạnh, tuy chỉ là một vài chấm trắng nhỏ nhưng lại là điểm nhấn nổi bật tỏa sáng trên toàn cảnh. Như vậy, màu sắc có sức hài hòa đến tuyệt mỹ. Tất cả đều gợi lên vẻ đẹp riêng của mùa xuân: mới mẻ, tinh khôi, giàu sức sống, khoáng đạt trong trẻo nhẹ nhàng, thanh khiết. Chữ ”điểm” làm cho bức tranh xuân thêm sống động, có hồn chứ không tĩnh tại.

Cảnh ngày xuân là bức tranh hoa lệ mà Nguyễn Du để lại cho đời, tô điểm cho cuộc sống mỗi chúng ta, đồng thời nó cũng tương hợp với tâm trạng náo nức chung của chị em Thúy Kiều khi đi du xuân.

Tám câu thơ tiếp theo, tác giả gợi khung cảnh mùa xuân trong tiết thanh minh. Trong ngày thanh minh có hai hoạt động diễn ra cùng một lúc: lễ tảo mộ – đi viếng mộ sửa sang quét tước phần mộ của người thân, hội đạp thanh – dầm lên cỏ non ở chốn đồng quê:

*“Thanh minh trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh”*

Cảnh trẩy hội mùa xuân diễn ra tưng bừng náo nhiệt, trên các nẻo đường gần xa, những dòng người cuồn cuộn trẩy hội. Có biết bao yến anh trẩy hội trong niềm vui nô nức, bao tài tử, giai nhân dập dìu vai sánh vai nhịp bước.

“Gần xa nô nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.”

Nguyễn Du tài tình khắc họa khung cảnh lễ hội mùa xuân bằng bút pháp miêu tả giàu chất tạo hình, một loạt các từ láy, từ ghép và danh từ, động từ, tính từ xuất hiện. Các danh từ: "chị em, yến anh, tài tử, gia nhân" diễn tả sự đông vui, nhiều người đến dự hội. Các động từ "sắm sửa, dập dìu" gợi tả sự rộn ràng náo nhiệt của ngày hội. Các tính từ "gần, xa, nô nức" làm rõ hơn tâm trạng của người đi dự hội. Bên cạnh đó tác giả còn sử dụng cách nói ẩn dụ "yến anh". Tất cả đều làm sống dậy không khí lễ hội mùa xuân từng bừng náo nhiệt diễn ra trên mọi miền đất nước, trẻ trung và xinh đẹp, trang trọng và phong lưu.

Nói tóm lại bằng những từ ngữ, bút pháp miêu tả giàu chất tạo hình qua đoạn trích "Cảnh ngày xuân" Nguyễn Du đã gợi lên tư tưởng của người đọc một bức tranh thiên nhiên, cảnh lễ hội xuân tươi đẹp và tràn đầy sức sống cũng là một đoạn thơ miêu tả cảnh thiên nhiên thành công nhất của ông.

ĐỀ SỐ 39	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc ngữ liệu và trả lời các câu hỏi sau:

Trên đường đời bạn cũng có lúc vấp ngã. Tôi cũng vậy. Ngay cả người tài giỏi, khôn ngoan nhất cũng có lúc vấp ngã. Vấp ngã là điều bình thường, chỉ có những người không bao giờ đứng dậy sau vấp ngã mới là người thực sự thất bại. Điều chúng ta cần ghi nhớ là, cuộc sống không phải là một cuộc thi đố - trượt... Cuộc sống là một quá trình thử nghiệm các biện pháp khác nhau cho đến khi tìm ra một cách thích hợp. Những người đạt được thành công phần lớn là người biết đứng dậy từ những sai lầm ngớ ngẩn của mình bởi họ coi thất bại, vấp ngã chỉ là tạm thời và là kinh nghiệm bổ ích. Tất cả những người thành đạt mà tôi biết đều có lúc phạm sai lầm. Thường thì họ nói rằng sai lầm đóng vai trò quan trọng đối với thành công của họ. Khi vấp ngã, họ không bỏ cuộc. Thay vì thế, họ xác định các vấn đề của mình là gì, cố gắng cải thiện tình hình và tìm kiếm giải pháp sáng tạo hơn để giải

quyết. Nếu thất bại năm lần, họ cố gắng đứng dậy năm lần, mỗi lần một cố gắng hơn, Winston Churchill đã nắm bắt được cốt lõi của quá trình này khi ông nói: “Sự thành công là khả năng đi từ thất bại này đến thất bại khác mà không đánh mất nhiệt huyết và quyết tâm vươn lên”.

(Trích Cuộc sống không giới hạn, Nick Vujicic, chương VII, trang 236)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính. (0,5 điểm)

Câu 2. Chỉ ra phép liên kết hình thức được sử dụng trong hai câu văn sau: "*Khi vấp ngã, họ không bỏ cuộc. Thay vì thế, họ xác định các vấn đề của mình là gì, cố gắng cải thiện tình hình và tìm kiếm giải pháp sáng tạo hơn để giải quyết.*" (0,5 điểm)

Câu 3. (1,0 điểm)

- Em hiểu thế nào về câu văn: "*Vấp ngã là điều bình thường, chỉ có những người không bao giờ đứng dậy sau vấp ngã mới là người thực sự thất bại*" ?

Câu 4. (1,0 điểm)

Em có đồng ý với quan điểm của Winston Churchill: "Sự thành công là khả năng đi từ thất bại này đến thất bại khác mà không đánh mất nhiệt huyết và quyết tâm vươn lên."? Vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN: (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Từ ngữ liệu phần đọc hiểu, em hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về ý nghĩa của việc đứng dậy sau vấp ngã đối với tuổi trẻ trong cuộc sống.

Câu 2: (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về đoạn thơ:

*Thuyền ta lái gió với buồm trắng
Lướt giữa mây cao với biển bằng,
Ra đậu dặm xa dò bụng biển,
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.
Cá nhụ cá chim cùng cá đé,
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,*

Cái đuôi em quẫy trắng vàng chóc.

Đêm thờ: sao lùa nước Hạ Long,

(Trích Đoàn thuyền đánh cá, Huy Cận, Ngữ văn 9, tập 1, NXBGD 2018, tr.140)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính là nghị luận.	0,5 điểm
	2	Phép thế: "Khi vấp ngã, họ không bỏ cuộc." = "Thay vì thế"	0,5 điểm
	3	Vấp ngã là điều bình thường bởi ai cũng có lúc thất bại và vấp ngã trong cuộc sống, chỉ trừ những người không dám đứng dậy sau vấp ngã hay chính là sợ hãi, không dám đối mặt với những điều xấu nhất có thể xảy ra thì họ mới là người thực sự thất bại.	1,0 điểm
	4	Học sinh có thể đưa ra quan điểm riêng của mình là đồng tình hoặc không đồng tình. Đồng thời đưa ra lập luận giải thích cho quan điểm đó.) Ví dụ: Đồng tình vì: - Thất bại là một phần của cuộc sống và đó là điều rất bình thường, không ai không thành công mà không trải qua những thất bại. - Thất bại thử thách sự kiên nhẫn của con người. Con người biết theo đuổi đam mê, chắc chắn sẽ thành công. - Thất bại cho con người những bài học kinh nghiệm quý báu để nuôi dưỡng đam mê của chính mình.	1,0 điểm
II	1	Giới thiệu vấn đề: ý nghĩa của việc đứng dậy sau	2,0 điểm

	vấp ngã đối với tuổi trẻ trong cuộc sống. - Cuộc đời ai cũng từng vấp ngã trước khó khăn thất bại. Điều quan trọng không phải là khó khăn to hay nhỏ mà quan trọng là con người có đủ sức để đứng dậy sau những vấp ngã hay không? Bàn luận vấn đề - Con người từ khi sinh ra đã không ít lần vấp ngã: Ngày còn bé bụ bẫm, chập chững tập đi qua bao nhiêu lần vấp ngã đứng dậy và tập đi được. Vì vậy giờ ta có trưởng thành thì ta càng phải biết cách chấp nhận nó như một điều tự nhiên trong cuộc sống để sống nhẹ nhàng và vui vẻ hơn. Thất bại chính là động lực để con người vượt qua, là bài học để từ đó con người rèn luyện bản thân phấn đấu để ngày càng hoàn thiện. - Đứng dậy sau mỗi lần vấp ngã làm ta trưởng thành hơn trong cuộc sống, học được cách đứng dậy giúp ta vượt qua được khó khăn. - Trong cuộc sống, ai cũng ít nhất 1 lần vấp ngã theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Sau mỗi lần vấp ngã ấy, người ta sẽ rút ra dc một bài học cho chính mình, biết tránh những chỗ ghồ ghề khó đi, biết tìm cho mình bước đi mới hay là dẫm lên chính chỗ đã ngã xuống và đi tiếp. - Vấp ngã thất bại chỉ là một chuyện thường tình trong cuộc sống, người muốn thành công đều phải trải qua vấp ngã. Như một vận động viên muốn thành công đều có khó khăn trong quá trình luyện tập, khi thi đấu cũng có lúc vấp ngã nhưng luôn nỗ lực phấn đấu rèn luyện để đến được vinh quang,	

	người chiến thắng là người ngã gục cuối cùng trước các đối thủ. - Đứng dậy ngay tại điểm vấp ngã rất dễ làm ta thấy sợ hãi, thiếu suy nghĩ, sáng suốt hay áp đặt quá khứ vì vậy khi bạn cảm thấy đủ tự tin hãy đứng dậy từ một điểm bắt đầu theo hướng mới tích cực hơn. - Mở rộng: Tuổi trẻ không nên sợ hãi vấp ngã, vì càng ngã đau thì bạn càng nhớ rõ để rồi không bao giờ vấp ngã tại chính điểm đấy.	
2	1. Mở bài - Tác giả: Huy Cận và bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” - Dẫn dắt vào đoạn trích: là khổ 3 và khổ 4 của bài thơ, miêu tả cảnh đánh cá trên biển đêm với những vẻ đẹp bình dị của bút pháp hiện thực và trí tưởng tượng phong phú. 2. Thân bài a. Khổ thơ thứ nhất - Mở đầu đoạn trích là hình ảnh đoàn thuyền đang băng băng lướt sóng: “Thuyền ta lái gió với buồm trăng Lướt giữa mây cao với biển bằng.” Con thuyền vốn nhỏ bé trước biển cả bao la qua cái nhìn của nhà thơ bỗng trở nên lớn lao, kì vĩ. Đoàn thuyền ấy có gió làm lái, có trăng làm buồm, thiên nhiên như mở ra bát ngát mênh mông. Đoàn thuyền hòa nhập với thiên nhiên, con người cũng vươn lên ngang tầm vũ trụ, làm chủ thiên nhiên với sự tự tin,	5,0 điểm

	mạnh mẽ. - Giữa không gian bao la của trời biển, con thuyền trở thành trung tâm, vừa đẹp đẽ, khỏe khoắn, vừa giàu chất thơ. Thiên nhiên như cùng chung sức với con người điều khiển con thuyền. - Người lao động đã đánh thức thiên nhiên, cùng thiên nhiên vũ trụ giao hòa trong công cuộc lao động. Lòng tin yêu con người và trí tưởng tượng bay bổng đã giúp nhà thơ xây dựng được hình ảnh tuyệt đẹp và giàu ý nghĩa. Thiên nhiên không đối lập với con người, không làm cho con người trở nên nhỏ bé, cô đơn, bơ vơ mà càng trở nên lớn lao, mạnh mẽ, hài hòa với khung cảnh thiên nhiên. - Hai câu tiếp theo miêu tả những công việc cụ thể của đoàn thuyền đánh cá: Ra đậu dặm xa dò bụng biển Dàn đan thế trận lưới vây giăng Nhịp thơ hối hả, lôi cuốn. Con thuyền là vũ khí, mỗi ngư dân là một chiến sĩ đầy uy quyền sức mạnh. Cuộc đánh cá có phương tiện kĩ thuật, được chuẩn bị như một cuộc chiến đấu với khí thế của những con người có niềm tin chiến thắng. b. Khổ thơ thứ hai - Những câu thơ miêu tả đàn cá đặc sắc, biển cả giàu có với những loại cá ngon và quý. Huy Cận đã vận dụng sáng tạo cách nói dân gian “chim thu nhụ đẻ” để viết:	

	Cá nhụ cá thu cùng cá đé Cá song lấp lánh đuốc đen hồng Cá đuôi em quẫy trắng vàng chóc Đêm thở sao lùa nước Hạ Long. - Hình ảnh con cá song là một nét vẽ tài hoa. Vẩy cá đen hồng lấp lánh trên biển nước chan hòa ánh trắng vàng chóc. Cái đuôi cá quẫy được so sánh với ngọn đuốc rực cháy. Nghệ thuật phối sắc tài tình làm cho đoạn thơ đẹp như một bức tranh sơn mài rực rỡ. Bầy cá như những nàng tiên trong vũ hội. - Vẻ đẹp của bức tranh lao động tiếp tục được thể hiện rõ hơn trong những đoạn thơ tiếp theo. c. Nhận xét - Hai đoạn thơ miêu tả khung cảnh lao động tươi vui với sự trù phú, giàu có của biển cả. - Tác giả sử dụng nghệ thuật liệt kê, nhân hóa, so sánh đặc sắc. - Thể hiện phong cách nghệ thuật Huy Cận sau cách mạng tháng Tám: tin yêu vào cuộc sống mới, con người mới. 3. Kết bài - Bút pháp vừa hiện thực vừa lãng mạn của tác giả vẽ nên bức tranh sơn mài rực rỡ về thiên nhiên và con người trong lao động. - Hình ảnh con người nâng lên ngang tầm vũ trụ và công việc đánh cá trở thành một công việc nên thơ.	

ĐỀ SỐ 40

ĐỀ THI THỬ VÀO 10

Môn NGỮ VĂN

Thời gian: 120 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau:

*Không có gì tự đến đâu con
Quả muốn ngọt phải tháng ngày tích nựa
Hoa sẽ thơm khi trải qua nắng lửa
Mùa bội thu trải một nắng hai sương.
Không có gì tự đến, dẫu bình thường
Phải bằng cả đôi tay và nghị lực.
Như con chim suốt ngày chọn hạt
Năm tháng bao dung nhưng khắc nghiệt lạ kỳ.*

(Không có gì tự đến đâu con - Nguyễn Đăng Tấn)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ.

Câu 2 (0,5 điểm). Chỉ ra biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong đoạn thơ.

Câu 3 (1,0 điểm). Em hiểu như thế nào về câu thơ: Quả muốn ngọt phải tháng ngày tích nựa?

Câu 4 (1,0 điểm). Em có cảm nhận gì về nỗi lòng của cha mẹ được gửi gắm qua đoạn thơ?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm).

Câu 1 (2,0 điểm). Từ nội dung đoạn thơ phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về *nghị lực của con người trong cuộc sống*.

Câu 2 (5,0 điểm). Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng.
Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy trên lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ
Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao...*

(Trích Mùa xuân nho nhỏ, Thanh Hải, Ngữ văn 9, tập hai)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm	0,5 điểm
	2	Biện pháp tu từ so sánh: "Như con chim suốt ngày chọn hạt "	0,5 điểm
	3	Muốn có được quả ngon, ngọt thì cần phải trải qua những ngày tháng vất vả, chăm sóc cây mới có được thành quả. Ở đây muốn nói đến sự kiên trì và quyết tâm.	1,0 điểm
	4	Qua những lời thơ nhẹ nhàng như một bài hát du dương, gọn chạm vào tâm hồn người đọc để qua đó cũng là những lời răn dạy con, nhẹ nhàng và sâu lắng của cha mẹ.	1,0 điểm
II	1	*Giới thiệu vấn đề nghị luận: suy nghĩ của em về nghị lực của con người trong cuộc sống. *Giải thích: Nghị lực là bản lĩnh, sự dũng cảm và lòng quyết tâm cố gắng vượt qua thử thách dù khó khăn, gian khổ đến đâu để đạt được mục tiêu đề ra. *Biểu hiện của nghị lực: Người có nghị lực luôn biết khắc phục hoàn cảnh khó khăn bằng cách tự lao động, mưu sinh, vừa học vừa làm, tự mở cho mình con đường đến tương lai tốt đẹp. *Vai trò, ý nghĩa của ý chí nghị lực - Nghị lực giúp con người đối chọi với khó khăn, vượt qua thử thách của cuộc sống một cách dễ dàng hơn. Ví dụ: Bill Gate,... - Có niềm tin vào bản thân, tinh thần lạc quan để theo đuổi đến cùng mục đích, lí tưởng sống - Thay đổi được hoàn cảnh số phận, cuộc sống có ích, có ý nghĩa hơn - Trở thành những tấm gương về ý chí, nghị lực vượt lên số phận. - Người có ý chí nghị lực sẽ luôn được mọi người ngưỡng mộ, cảm phục, đồng thời tạo được lòng tin ở người khác. * Bình luận, mở rộng - Phê phán những người không có ý chí, nghị lực: + Những người chưa làm nhưng thấy khó khăn đã nản chí, thấy thất bại thì hủy hoại và sống bất cần	2,0 điểm

	đời. + Những người có điều kiện đầy đủ nhưng không chịu học tập, buông thả, không nghĩ đến tương lai + Những người khi gặp khó khăn là buông xuôi, nản chí, phó mặc cho số phận => Lối sống cần lên án gay gắt. * Bài học nhận thức và hành động	
2	I. Mở bài: - Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm - Trích dẫn thơ: Là dòng cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân của thiên nhiên và đất nước. II. Thân bài: 1. Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân của thiên nhiên (6 câu đầu): – Bức tranh mùa xuân thiên nhiên trong 6 câu thơ đầu được vẽ bằng vài nét phác hoạ nhưng rất đặc sắc. – Không gian cao rộng của bầu trời, rộng dài của dòng sông, màu sắc hài hoà của bông hoa tím biếc và dòng sông xanh – đặc trưng của xứ Huế. – Rộn rã, tươi vui với âm thanh tiếng chim chiền chiện hót vang trời, tiếng chim trong ánh sáng xuân lan tỏa khắp bầu trời như đọng thành “<i>từng giọt long lanh rơi</i>”. – Cảm xúc của tác giả trước mùa xuân đất trời thể hiện qua cái nhìn trìu mến với cảnh vật, trong những lời bộc lộ trực tiếp như lời trò chuyện với thiên nhiên “<i>ơi, hót chi... mà...</i>”. Đặc biệt cảm xúc của nhà thơ được thể hiện trong một động tác trữ tình đón trân trọng vừa tha thiết trìu mến với mùa xuân: đưa tay hứng lấy từng giọt long lanh của tiếng chim chiền chiện. <i>“Từng giọt long lanh rơi Tôi đưa tay tôi hứng”.</i> – Có thể hiểu câu thơ theo nhiều cách khác nhau. Trước hết, “<i>giọt long lanh</i>” là những giọt mưa mùa xuân, giọt sương mùa xuân, trong sáng, rơi xuống từng nhành cây, kẽ lá như những hạt ngọc. – Ở đây, giọt long lanh cũng có thể được hiểu theo nghĩa ẩn dụ chuyển đổi cảm giác. Tiếng chim từ chỗ là âm thanh (cảm nhận bằng thính giác) chuyển thành	5,0 điểm

	từng giọt (hình và khối, cảm nhận bằng thị giác), từng giọt ấy lại long lanh ánh sáng và màu sắc, có thể cảm nhận bằng xúc giác “<i>Tôi đưa tay tôi hứng</i>”. Dù hiểu theo cách nào thì hai câu thơ vẫn thể hiện cảm xúc say sưa, ngây ngất của tác giả trước cảnh đất trời xứ Huế vào xuân, thể hiện mong muốn hoà vào thiên nhiên đất trời trong tâm tưởng giữa mùa đông giá lạnh khiến ta vô cùng khâm phục. 2. Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân của đất nước – Hình ảnh lộc xuân theo người ra trận theo người ra đồng làm đẹp ý thơ với cuộc sống lao động và chiến đấu, xây dựng và bảo vệ, 2 nhiệm vụ không thể tách rời. Họ đã đem mùa xuân đến mọi nơi trên đất nước. <i>“Mùa xuân người cầm súng Lộc giắt đầy quanh lưng Mùa xuân người ra đồng Lộc trải dài nương mạ”</i> + “<i>Mùa xuân người cầm súng. Lộc giắt đầy trên lưng</i>”: liên tưởng đến những người chiến sỹ ra trận mà trên vai, trên lưng họ có cành lá nguy trang. Những cành lá ấy mang lộc biếc, chồi non, mang theo mùa xuân của thiên nhiên, cây cỏ. Từ “lộc” còn làm cho người ta liên tưởng đến hình ảnh người lính khi ra trận, mang theo sức sống của cả dân tộc. Chính màu xanh sức sống đó đã tiếp cho người lính có thêm sức mạnh, ý chí để họ vươn xa ra phía trước tiêu diệt quân thù. + “<i>Mùa xuân người ra đồng. Lộc trải dài nương mạ</i>”: nói về những người lao động, những người ươm mầm cho sự sống, ươm những hạt mầm non trên những cánh đồng quê hương, từ “lộc” cho ta nghĩ tới những cánh đồng trải dài mênh mông với những chồi non mới nhú lên xanh mướt từ những hạt thóc giống đầu mùa xuân. Từ “lộc” còn mang sức sống, sức mạnh của con người. Có thể nói, chính con người đã tạo nên sức sống của mùa xuân thiên nhiên, đất nước. + “<i>Tất cả như hối hả. Tất cả như xôn xao</i>”. Nhà thơ Thanh Hải đã cảm nhận mùa xuân đất nước bằng hai từ láy gợi cảm “hối hả” là vội vã, khẩn trương, liên	

	tục không dừng lại. “Xôn xao” khiến ta nghĩ tới những âm thanh liên tiếp vọng về, hoà lẫn với nhau xao động. Đây chính là tâm trạng tác giả, là cái náo nức trong tâm hồn. Tiếng lòng của tác giả như reo vui náo nức trước tinh thần lao động khẩn trương của con người. Mùa xuân đất nước được làm nên từ cái hồi hả ấy. Sức sống của đất nước, của dân tộc, cũng được tạo nên từ sự hồi hả, náo nức của người cầm súng, người ra đồng. Như vậy, hình ảnh mùa xuân đất nước đã được mở rộng dần. Đầu tiên, nó chỉ gói gọn trên đôi vai, tấm lưng của người ra trận, đã được mở rộng thành một cánh đồng bao la. 3. Nghệ thuật đặc sắc: – Thể thơ 5 chữ gần với điệu dân ca, âm hưởng trong sáng, nhẹ nhàng, tha thiết, điệu thơ như điệu của tâm hồn, cách gieo vần liền tạo sự liên mạch của dòng cảm xúc. – Hình ảnh tự nhiên, giản dị, những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng, đặc biệt một số hình ảnh cảnh hoa, con chim, mùa xuân được lặp đi lặp lại và nâng cao, gây ấn tượng đậm đà. III.Kết bài: Cảm nhận của em.	

ĐỀ SỐ 41	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới.

Một cô bé vừa gầy vừa thấp bị thầy giáo loại ra khỏi dàn đồng ca. Cũng chỉ tại cô bé ấy lúc nào cũng chỉ mặc mỗi một bộ quần áo vừa bẩn, vừa cũ, lại rộng nữa.

Cô bé buồn tủi khóc một mình trong công viên. Cô bé nghĩ: “Tại sao mình lại không được hát? Chẳng lẽ mình hát tồi đến thế sao?”. Cô bé nghĩ mãi rồi cô cất giọng hát khe khẽ. Cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt là mới thôi.

“Cháu hát hay quá!” – Một giọng nói vang lên: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ, cháu đã cho ta cả một buổi chiều vui vẻ”. Cô bé ngẩn người. Người vừa khen cô bé là một ông cụ tóc bạc trắng. Ông cụ nói xong liền đứng dậy và chậm rãi bước đi. Hôm sau, khi cô bé đến công viên đã thấy cụ già ngồi ở chiếc ghế đá hôm trước, khuôn mặt hiền từ, mỉm cười chào cô bé. Cô bé lại hát, cụ già vẫn chăm chú lắng

nghe. Cụ võ tay nói lớn: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ của ta, cháu hát hay quá!”. Nói xong cụ già lại chậm rãi một mình bước đi.

Cứ như vậy nhiều năm trôi qua, cô bé giờ đây đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng. Cô gái vẫn không quên cụ già ngồi tựa lưng vào thành ghế đá trong công viên nghe cô hát. Một buổi chiều mùa đông, cô đến công viên tìm cụ nhưng ở đó chỉ còn lại chiếc ghế đá trống không.

“Cụ già ấy đã qua đời rồi. Cụ ấy điếc đã hơn hai mươi năm nay” – một người trong công viên nói với cô. Cô gái sững người, bật khóc. Hóa ra, bao nhiêu năm nay, tiếng hát của cô luôn được khích lệ bởi một đôi tai đặc biệt: Đôi tai của tâm hồn.

(Theo Hoàng Phương – Sống đẹp)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì? (0,5 điểm)

Câu 2. Nêu ý nghĩa của tình huống bất ngờ trong văn bản trên? (0,75 điểm)

Câu 3. Bài học mà em tâm đắc nhất khi đọc xong văn bản? (0,75 điểm)

Phần II: Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung của câu chuyện trong phần Đọc – hiểu, em hãy viết một đoạn văn nghị luận với câu chủ đề: Tình yêu thương là sức mạnh giúp con người vượt qua mọi hoàn cảnh.

Câu 2. (5,0 điểm)

“Cái cốt lõi của nghệ thuật là tính nhân đạo.” (Nguyễn Ngọc).

Em hãy phân tích nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm [*Chuyện người con gái Nam Xương*](#) (Trích Truyền kì mạn lục) của Nguyễn Dữ (Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục, 2005) để làm sáng tỏ cho nhận định trên.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
	1	Phương thức biểu đạt chính: Tự sự	0,5 điểm
	2	- Tình huống bất ngờ trong câu chuyện trên là: Cô gái sững người khi nhận ra người bấy lâu nay luôn khích lệ, động viên cho giọng hát của cô lại là một ông cụ bị điếc. (0,25 điểm) - Ý nghĩa của tình huống: Ông cụ đã nghe giọng hát của cô gái không phải bằng đôi tai thông thường mà bằng tâm hồn và trái tim của mình – tâm hồn và trái tim giàu tình yêu thương. (0,5 điểm)	0,75 điểm
	3	Học sinh tự nêu bài học mà mình tâm đắc nhất khi đọc xong văn bản Ví dụ như:	1,0 điểm

		- Trước khó khăn, thử thách con người cần có niềm tin, nghị lực vượt lên hoàn cảnh để chiến thắng hoàn cảnh. - Tình yêu thương sẽ làm nên những điều kì diệu đối với con người. -	
	1	*Yêu cầu về hình thức - Viết đúng hình thức đoạn văn - Có câu chủ đề như yêu cầu ở đề bài. - Đoạn văn không mắc quá 3 lỗi diễn đạt và lỗi chính tả. Lưu ý: Nếu thiếu một trong các ý trên -0,25 điểm *Yêu cầu về nội dung Đoạn văn yêu cầu bàn luận về một khía cạnh của vấn đề nên học sinh không cần làm theo cấu trúc của một bài nghị luận. Có nhiều cách lập luận khác nhau nhưng phải nêu được các ý cơ bản sau: - Tình yêu thương sưởi ấm tâm hồn những con người cô đơn, đau khổ, bất hạnh, truyền cho họ sức mạnh, nghị lực để vượt lên hoàn cảnh. (dẫn chứng minh họa) - Tình yêu thương tạo sức mạnh cảm hóa kì diệu đối với những con người “lầm đường lạc lối”, mang lại niềm hạnh phúc, niềm tin và cơ hội để họ có cuộc sống tốt đẹp hơn. (dẫn chứng minh họa) - Tình yêu thương giữa con người với con người là cơ sở để xây dựng một xã hội tốt đẹp, có văn hóa. - Phê phán những con người sống vô cảm, thiếu tình yêu thương, chỉ biết chăm lo cho lợi ích cá nhân mà dừng dưng trước nỗi đau, bất hạnh của người khác.... - Bài học rút ra: Tình yêu thương có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống, bởi vậy chúng ta hãy nâng niu hạnh phúc gia đình, hãy sống yêu thương, biết sẻ chia, đồng cảm với những cảnh ngộ trong cuộc đời, hãy cho đi yêu thương để nhận về yêu thương.	0,25 điểm 1,25 điểm
	2	1.Mở bài: Giới thiệu tác giả Nguyễn Dữ, tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương, nhận định, nhân vật Vũ Nương 2. Thân bài * Giải thích	5,0 điểm

	- Nhận định đã khẳng định yếu tố cốt lõi làm nên giá trị của một tác phẩm là giá trị nhân đạo. Giá trị nhân đạo trong một tác phẩm thường được biểu hiện ở nhiều phương diện khác nhau: là sự đồng cảm xót thương cho những bất hạnh của con người; là thái độ trân trọng ngợi ca vẻ đẹp, ước mơ, khát vọng của con người; là sự lên án những thế lực bạo tàn đã chà đạp thân phận con người, tước đoạt quyền sống, quyền hạnh phúc của con người... * Biểu hiện của giá trị nhân đạo qua nhân vật Vũ Nương: - Qua vẻ đẹp của Vũ Nương, tác giả đã trân trọng những phẩm chất đẹp đẽ của con người. + Vũ Nương có tư dung tốt đẹp + Vũ Nương mang vẻ đẹp tâm hồn cao quý của người phụ nữ Việt Nam truyền thống: • Là người vợ rất mực dịu dàng, đằm thắm, thủy chung: biết chồng đa nghi luôn giữ gìn khuôn phép; khi chồng đi lính dặn dò những lời tình nghĩa, chu đáo “chàng đi chuyến này...cánh hồng bay bổng”; khi xa chồng luôn giữ gìn tiết hạnh, nhớ mong khắc khoải; khi bị chồng nghi oan bình tĩnh phân trần, khẳng định tấm lòng thủy chung, đau khổ, thất vọng tìm đến cái chết vì hạnh phúc tan vỡ, tình yêu không còn (bình rơi trầm gãy, mưa tạnh mây tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió...) • Là người con dâu hiếu thảo: chăm sóc mẹ chồng tận tình khi đau ốm, thái độ lúc nào cũng ân cần, dịu dàng, khi mẹ chồng mất hết lời thương xót, việc ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình. • Là người mẹ hết lòng vì con: yêu thương con, không muốn để con thiếu tình cảm của cha (dỗ con bằng chiếc bóng trên tường) • Là người phụ nữ trọng danh tiết phẩm giá: tìm đến cái chết để bảo toàn danh dự... => Tác phẩm đã thể hiện sự trân trọng, ngợi ca con người. - Qua bi kịch, qua nghệ thuật xây dựng nhân vật Vũ Nương, tác phẩm đã thể hiện niềm xót thương, đồng cảm trước bất hạnh của con người.	

	+ Vũ Nương phải chịu một cuộc tình duyên ngang trái: cuộc hôn nhân không bình đẳng, nàng đẹp người đẹp nết nhưng lấy Trương Sinh con nhà giàu không có học, tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức. => Tác giả đã đồng cảm với con người không may mắn. + Vũ Nương phải chịu nhiều đau khổ khi chồng đi lính: nàng phải sống những ngày tháng vất vả, chờ chồng đằng đẳng, một mình chăm mẹ già, con dại. => Tác giả đã cảm thông với nỗi khổ của con người. + Vũ Nương bị chồng xúc phạm nặng nề, bị đập vùi tàn nhẫn, bị đẩy đến cái chết oan khuất: bị đối xử một cách bất công, vô lí, bị hiểu lầm không có cơ hội được minh oan, không có quyền được tự bảo vệ...=> Tác giả đã thể hiện sự thương cảm với con người. + Nghệ thuật xây dựng nhân vật Vũ Nương: tác giả đã mượn yếu tố kì ảo của thể loại truyền kì để xoa dịu nỗi bất hạnh lớn lao mà Vũ Nương phải chịu: Vũ Nương trở về để được rửa sạch nỗi oan giữa thanh thiên bạch nhật, với vẻ đẹp còn lộng lẫy hơn xưa. => Sự đồng cảm, xót thương, trân trọng con người của nhà văn. -Qua nguyên nhân dẫn đến bi kịch của nhân vật Vũ Nương, tác phẩm đã lên án những thế lực tàn bạo chà đạp lên hạnh phúc và quyền sống của con người. + Truyện đã lên án xã hội phong kiến với hủ tục nam quyền độc đoán phi lí, gây nhiều bất công cho người phụ nữ mà hiện thân của xã hội ấy là nhân vật Trương Sinh, người chồng ghen tuông mù quáng, vũ phu, gia trưởng. + Truyện cũng tố cáo thế lực đồng tiền bạc ác: Trương Sinh con nhà giàu không có học, một lúc bỏ ra trăm lạng vàng để cưới Vũ Nương. Điều đó tạo cho Trương Sinh một cái thế bên cạnh cái thế của người đàn ông gia trưởng trong xã hội phong kiến, gây ra bi kịch cho người con gái đẹp người đẹp nết. 3. Kết bài -Vũ Nương là nhân vật chính. Qua nhân vật Vũ Nương ta thấy được tình cảm yêu thương, trân trọng con người của nhà văn. -Giá trị nhân đạo là yếu tố cốt lõi làm nên chiều sâu ý nghĩa, sức sống cho tác phẩm Chuyện người con gái	

		Nam Xương, làm phong phú thêm cho trào lưu nhân đạo chủ nghĩa trong văn học trung đại Việt Nam nói riêng và văn học dân tộc nói chung.	

ĐỀ SỐ 42	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

(1)"...Không nhất thiết bạn phải tặng người khác những món quà đắt tiền hay phải bỏ ra quá nhiều thời gian hoặc công sức để đem lại niềm vui cho người khác. Có rất nhiều cách để khiến cho người khác cảm thấy vui. Một tấm thiệp xinh xắn được gửi đến một cách bất ngờ cho một người quen của bạn, một bình hoa hải trong vườn đặt lên bàn ăn của gia đình, hay đơn giản hơn, chỉ cần một nụ cười thân thiện của bạn với đồng nghiệp vào mỗi sáng đến công sở,... Cũng có thể, những gì bạn làm cho người khác, tưởng chừng như đơn giản, lại chính là biểu hiện của 1 ứng xử văn hóa tốt đẹp, của một tinh thần vì cộng đồng: mang giúp hành lí nặng, nhường ghế trên xe buýt hay tham gia làm việc tình nguyện tại trại trẻ khuyết tật,...

(2) Chẳng có hành động nào trong số những hành động trên là tầm thường, nhỏ nhặt! Chính vì chúng quá đỗi bình thường nên chúng ta ít khi chú ý đến. Bạn cứ thử thực hành trong cuộc sống hàng ngày mà xem, bạn sẽ ngạc nhiên khi thấy hiệu quả tác động của chúng lên cuộc sống của bạn và của người khác kì diệu đến nhường nào. “Hạnh phúc như là nước hoa, bạn không thể vấy lên người khác mà không làm vương vãi giọt lên chính mình” (Bernard Shaw)”.
(Trích “*Hạnh phúc không khó tìm*” - M.J.Ryan)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích. (0,5 điểm)

Câu 2. Xác định và nêu hiệu quả biểu đạt của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: “Hạnh phúc như là nước hoa, bạn không thể vấy lên người khác mà không làm vương vãi giọt lên chính mình”. (0,75 điểm)

Câu 3. Em có đồng tình với quan niệm của tác giả qua câu: Không nhất thiết phải tặng người khác những món quà đắt tiền hay phải bỏ ra quá nhiều thời gian hoặc công sức để đem lại niềm vui cho người khác không? Vì sao? (0,75 điểm)

Câu 4. Thông điệp nào trong đoạn trích có ý nghĩa nhất đối với em? Vì sao? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của sự sẻ chia trong cuộc sống bằng một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ)

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về nhân vật anh thanh niên trong đoạn trích sau:

[...] Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu [...] Cháu lấy những con số, mỗi ngày báo về “nhà” bằng máy bộ đàm bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối, lại một giờ sáng. Bản báo ấy trong ngành gọi là “ốp”. Công việc nói chung dễ, chỉ cần chính xác. Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vịn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung

tung ... Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ được.

(Trích *Lặng lẽ Sa Pa*, Nguyễn Thành Long, Ngữ văn 9, tập I)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận	
	2	Biện pháp tu từ: so sánh (so sánh hạnh phúc và nước hoa) Tác dụng: giúp hình ảnh trở nên sống động, hấp dẫn, gợi hình gợi cảm hơn; giúp hình ảnh hạnh phúc vốn mờ lung trở nên rõ ràng hơn, nó như một thứ hương thơm ngọt ngào, dễ dàng lan tỏa, bám lấy tâm hồn mỗi người. Khi bạn làm cho người khác hạnh phúc thì bạn cũng sẽ nhận được niềm hạnh phúc như thế. Vì vậy, đừng ngần ngại lan tỏa yêu thương và hạnh phúc.	
	3	Nêu quan điểm của em. Gợi ý Đồng ý. Bởi vì mỗi người có cảm nhận về hạnh phúc khác nhau. Và hạnh phúc là một thứ cảm giác khi	

		được yêu thương, quan tâm, thân thiết... chứ không phải cảm giác về sự đủ đầy vật chất. Thế nên khi ta thực sự quan tâm, yêu thương một ai, thì dù là những hành động nhỏ bé, món quà đơn giản cũng khiến họ cảm thấy hạnh phúc. Bởi chính tiểu tiết mới tạo nên niềm vui lớn lao.	
	4	Lựa chọn thông điệp theo em là ấn tượng nhất, và giải thích. Gợi ý Thông điệp ấn tượng nhất: "Hạnh phúc như là nước hoa..." bởi nó giúp em thấu hiểu được sức mạnh của niềm hạnh phúc - đó chính là sự lan tỏa, khi ta làm cho ai đó hạnh phúc thì chính chúng ta cũng sẽ hạnh phúc, hạnh phúc chính là trao đi và nhận lại.	
II	1	I. Mở đoạn - Xác định vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của sự sẻ chia trong cuộc sống II. Thân đoạn 1. Giải thích - Sẻ chia: Cùng người khác san sẻ vui buồn, những trạng thái tình cảm, tâm hồn với nhau; cả sự chia sẻ những khó khăn về vật chất, giúp nhau trong hoạn nạn... => Khi ta học được cách sẻ chia tức biết sống vì người khác cũng là lúc mình nhận được niềm vui; ta cảm thấy cuộc đời này thật tuyệt vời. 2. Bàn luận a) Sự đồng cảm và chia sẻ được thể hiện qua các mối quan hệ: - Giữa con người với con người - Giữa các thành viên trong gia đình với nhau - Giữa học đường, tập thể, xã hội, toàn cầu... b) Biểu hiện của đồng cảm và chia sẻ: - Về vật chất: chúng ta có thể quyên góp, ủng hộ bằng nhiều cách để giúp đỡ những người gặp hoạn nạn, khó khăn. - Về tinh thần: chúng ta biết lắng nghe, mở lòng để thấu hiểu họ, thể hiện tình cảm, sự thấu hiểu đối với những người gặp khó khăn - Về công sức: có thể góp sức xây dựng nên nơi cư	

	trú hay xây dựng trường học cho những nơi khó khăn,.... c) Ý nghĩa của sẻ chia trong cuộc sống - Đối với người nhận: những người gặp khó khăn sẽ rất vui, họ cảm thấy được an ủi, được quan tâm và chia sẻ - Đối với người ủng hộ: những người ủng hộ sẽ được an lòng, cảm thấy nhẹ nhàng, thanh thản và sống tốt hơn. - Mang lại lợi ích cho cả hai bên, giúp cho tinh thần của học trở nên thư thái và được yêu thương hơn. d) Bàn luận mở rộng: Cần lên án, phê phán căn bệnh vô cảm, lối sống ích kỉ, sống thiếu trách nhiệm với đồng loại, với cộng đồng ở một số người. 3. Bài học nhận thức và hành động - Nhận thức: sẻ chia giúp con người thêm sức mạnh để vượt qua những thử thách, những nghịch cảnh của cuộc đời. Đó cũng là một trong những phẩm chất "người", kết tinh giá trị nhân văn cao quý ở con người. - Hành động: Phải học cách sẻ chia với sự thương hại, ban ơn... Ai cũng có thể sẻ chia với những người quanh mình với điều kiện và khả năng có thể của mình. III. Kết đoạn: Cuộc sống sẽ đẹp vô cùng khi con người biết sẻ chia. Đó cũng là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.	
2	I. Mở bài - Giới thiệu tác giả, tác phẩm - Khái quát chung về nhân vật anh thanh niên qua đoạn trích. II. Thân bài 1. Khái quát chung - Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác. - Tóm tắt lại nội dung chính của đoạn trích	

	2. Cảm nhận về nhân vật anh thanh niên a. Công việc của anh thanh niên - Đoạn văn là lời của nhân vật thanh niên, nhân vật chính trong truyện Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long kể về công việc làm của mình cho ông họa sĩ già và cô kỹ sư nông nghiệp trẻ, qua lời giới thiệu của bác lái xe, lên thăm nơi ở và làm việc của anh thanh niên trên đỉnh Yên Sơn cao hai ngàn sáu trăm mét trong thời gian ba mươi phút. Nhân vật thanh niên đó sống một mình trên núi cao, quanh năm suốt tháng làm việc với cây và mây núi ở Sa Pa. - Công việc của anh là làm khí tượng kiêm vật lý địa cầu. Nhiệm vụ của anh là đo gió, đo mưa, đo gió, đo chấn động mặt đất và dự báo thời tiết hằng ngày phục vụ cho công việc chiến đấu và sản xuất. Anh lấy những con số, mỗi ngày báo về “nhà” bằng báo bộ đàm bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối và một giờ sáng. Công việc anh thanh niên kể trong đoạn văn là ghi báo về những con số lúc một giờ sáng trong hoàn cảnh thời tiết khắc nghiệt. - Ngoài khó khăn được nói đến trong đoạn trích trên, hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật còn có điều đặc biệt là: Anh thanh niên mới có hai mươi bảy tuổi, cái tuổi đang hừng hực sức sống và sự bay nhảy. Thế mà, anh đã sống một mình trong suốt bốn năm trên đỉnh Yên Sơn. Trong bốn năm đó, ông họa sĩ và cô gái trẻ là đoàn khách thứ hai đến thăm nhà anh. Như vậy, cái gian khổ nhất đối với anh là phải vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng chỉ có một mình trên đỉnh núi cao không một bóng người. Công việc của anh làm âm thầm, lặng lẽ một mình, báo về “ốp” đều đặn những con số để phục vụ sản xuất, chiến đấu. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác,	

	có tính trách nhiệm cao. => Hoàn cảnh sống khắc nghiệt, công việc gian khổ, vất vả. Đó là thử thách rất lớn nhưng anh thanh niên đã vượt qua hoàn cảnh ấy bằng ý chí, nghị lực và những suy nghĩ rất đẹp. <i>b. Phẩm chất của anh thanh niên được thể hiện qua đoạn văn</i> - Trước hết, anh thanh niên rất yêu nghề. Anh có những suy nghĩ đúng và sâu sắc về công việc đối với cuộc sống con người: "...Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với công việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất". - Là người có hành động đẹp: Một mình sống trên đỉnh Yên Sơn, không có ai đôn đốc, kiểm tra nhưng anh vẫn vượt qua hoàn cảnh làm việc một cách nghiêm túc, tự giác với tinh thần trách nhiệm cao. Dù thời tiết khắc nghiệt mùa đông giá rét mà anh đều thức dậy thắp đèn đi "ốp" đúng giờ. Ngày nào cũng vậy anh làm việc một cách đều đặn, chính xác 4 lần trong ngày, âm thầm, bền bỉ trong nhiều năm trời. - Anh thấy được công việc thầm lặng của mình có ích cho cuộc sống, cho mọi người. Anh đã thấy mình "thật hạnh phúc" khi được biết một lần do phát hiện kịp thời một đám mây khô mà anh đã góp phần vào chiến thắng của không quân ta bắn rơi nhiều máy bay Mỹ trên bầu trời Hàm Rồng. - Người có phong cách sống đẹp: Anh có một phong cách sống khiến mọi người phải nể trọng. Tinh thần thái độ làm việc của anh thật nghiêm túc, chính xác, khoa học và nó đã trở thành phong cách sống của anh.	

	3. Đánh giá, mở rộng: - Anh thanh niên là đại diện tiêu biểu cho thanh niên Việt Nam, hăng say làm việc, hết mình cống hiến cho dân tộc, cho đất nước: “ Nếu là con chim...” (Khúc ca xuân, Tố Hữu) - Nghệ thuật: cách đặt tên cho nhân vật, xây dựng cốt truyện,... Mở rộng những tác phẩm cùng đề tài. III.Kết bài Cảm nhận chung về anh thanh niên : sống có lí tưởng, sống đẹp, sống có ích « <i>Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình</i> »	

ĐỀ SỐ 43	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu:

(1) Khi tôi lên 8 hay 9 tuổi gì đó, tôi nhớ thỉnh thoảng mẹ tôi vẫn nướng bánh mì cháy khét. Một tối nọ, mẹ tôi về nhà sau một ngày làm việc dài và bà làm bữa tối cho cha con tôi. Bà dọn ra bàn vài lát bánh mì và đợi xem có ai nhận ra điều bất thường của chúng và lên tiếng hay không. Nhưng cha tôi chỉ ăn miếng bánh của ông và hỏi tôi về bài tập cũng như những việc ở trường học như mọi hôm. Tôi không còn nhớ tôi đã nói gì với ông hôm đó, nhưng tôi nhớ đã nghe mẹ tôi xin lỗi ông vì đã làm cháy bánh mì. Và tôi không bao giờ quên được những gì cha tôi nói với mẹ tôi : "Em à, anh thích bánh mì cháy mà".

(2) Đêm đó, tôi đến bên chúc cha tôi ngủ ngon và hỏi có phải thực sự ông thích bánh mì cháy. Cha tôi khoác tay qua vai tôi và nói: "Mẹ Con đã làm việc rất vất vả cả ngày và mẹ rất mệt. Một lát bánh mì cháy chẳng thể làm hại ai con ạ, những con biết điều gì thực sự gây tổn thương cho người khác không? Những lời chê bai trách móc cay nghiệt đấy [...] Điều mà cha học được qua nhiều năm tháng, đó là học cách chấp nhận sai sót của người khác và chọn cách ủng hộ những khác biệt của họ. Đó là chìa khóa quan trọng nhất để tạo nên một mối quan hệ lành mạnh, trưởng thành và bền vững con ạ. Cuộc đời rất ngắn ngủi để thức dậy với những hối tiếc và

khó chịu. Hãy yêu quý những người cư xử tốt với con, và hãy cảm thông với những người chưa làm được điều đó".

(Theo quatangyeu.vn)

Câu 1 (0.5 điểm). Xác định và gọi tên một thành phần biệt lập có trong đoạn (1),

Câu 2 (0.5 điểm). Theo người cha, điều gì thực sự gây tổn thương cho người khác?

Câu 3 (1,0 điểm). Xét trong ngữ cảnh văn bản, câu nói của người cha: “Em à, anh thích bánh mì cháy mà” đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Việc vi phạm ấy nhằm mục đích gì?

Câu 4 (1.0 điểm). Em có đồng ý với quan điểm "*Cuộc đời rất ngắn ngủi để thức dậy với những hối tiếc và khó chịu*" không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ văn bản Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày ý nghĩa của việc biết chấp nhận sai sót của người khác.

Câu 2 (5,0 điểm) Cảm nhận vẻ đẹp của người chiến sĩ lái xe qua hai đoạn thơ sau:

Không có kính, ừ thì ướt áo

Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời

Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa

Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi.

Và:

Không có kính, rồi xe không có đèn

Không có mui xe, thùng xe có xước

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước

Chỉ cần trong xe có một trái tim.

(Trích *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*, Phạm Tiến Duật, SGK Ngữ văn 9, Tập 1)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Thành phần biệt lập tình thái: Khi tôi lên 8 hay 9 tuổi gì đó, Thành phần biệt lập gọi đáp: Em à	0,5 điểm
	2	Theo người cha, điều gì thực sự gây tổn thương cho người là <i>những lời chê bai trách móc cay nghiệt đấy</i>	0,5 điểm
	3	Câu nói của người cha: “Em à, anh thích bánh mì cháy mà.” đã vi phạm phương châm hội thoại về chất. Việc vi phạm này giúp người cha muốn nói rằng, ông biết người vợ làm việc cả ngày rất mệt mỏi nên không thể chuẩn bị bữa tối tốt cho gia đình	1,0 điểm

	4	Nêu quan điểm của em về "Cuộc đời rất ngắn ngủi để thức dậy với những hối việc và khó chịu" Đưa ra lập luận thuyết phục Gợi ý - Đồng ý với quan điểm trên - Giải thích: Cuộc đời mỗi con người đều có giới hạn lựa chọn cách sống, thái độ sống như thế nào là do bản thân ta tự quyết định Nếu cứ sống với những hối tiếc, sự khó chịu hận thù thì cuộc sống sẽ chẳng còn ý nghĩa, bản thân sẽ luôn sống trong những dằn vặt, đau khổ.	1,0 điểm
II	1	1.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề: chấp nhận sai sót của người khác 2. Thân đoạn: Giải thích vấn đề - Bất chấp nhận sai sót của người khác là sự đồng cảm bao dung, chấp nhận những sai sót, lỗi lầm của người khác và rộng lượng tha thứ cho những thiếu sót ấy. => Biết chấp nhận sai sót của người khác sẽ khiến cuộc sống dễ chịu và các mối quan hệ trở nên tốt đẹp hơn. Bàn luận vấn đề - Biểu hiện của việc chấp nhận sai sót của người khác: + Chấp nhận những điều thiếu sót của người khác. + Không khó chịu khi người khác lỡ may sai sót, chưa làm tốt công việc. + ... - Ý nghĩa của việc chấp nhận sai sót của người khác: + Trong cuộc sống, ai cũng có lúc phạm phải sai lầm nên việc bao dung, tha thứ và chấp nhận là điều cần thiết đối với con người. + Chấp nhận những thiếu sót của người khác sẽ khiến cho mối quan hệ giữa con người trở nên tốt đẹp hơn. + Biết bỏ qua sai sót cho người khác sẽ tạo điều kiện cho họ khắc phục, sửa chữa lỗi lầm. + Nếu không biết tha thứ, bỏ qua cho người khác và hẹp hòi, con người sẽ luôn sống trong sự hận thù,	2,0 điểm

	mối quan hệ giữa con người sẽ trở nên áp lực, căng thẳng. - Phê phán những người có lối sống ch ki, luôn soi mói không chấp nhận những sai lầm thiếu sót của người khác. - Bài học nhận thức và hành động + Chúng ta cần mở rộng lòng mình để sẵn sàng tha thứ, bỏ qua sai lầm của người khác. + Giúp đỡ người khác nhận ra và khắc phục những sai lầm. Liên hệ bản thân 3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề. Đoạn văn tham khảo Đoạn trích trong phần Đọc hiểu đã mang lại cho em rất nhiều thông điệp có ý nghĩa, nhưng tiêu biểu nhất là hãy học cách chấp nhận sai sót của người khác. Thật vậy, đó là một thông điệp vô cùng quan trọng trong cuộc sống hiện nay. Thực tế đã minh chứng, con người không bao giờ hoàn hảo, ai cũng tồn đọng những mặt hạn chế và mặt tích cực. Hơn hết, sẽ chẳng ai có thể thành công nhiều lần mà không phải trải qua một lần sai sót, thất bại nào. Vậy, trước những sai lầm của họ, bạn sẽ làm như thế nào? Có phải là trách phạt hay là mắng mỏ hay là chấp nhận sai phạm đó, cho họ một cơ hội nữa? Chắc có lẽ, đa số bạn sẽ xử phạt và không cho họ một cơ hội để làm lại từ đầu. Nhưng như vậy, chẳng phải là bạn sẽ rũ bỏ tất cả những cố gắng của họ. Chính bởi lẽ đó, ta phải học cách chấp nhận sai sót của người khác. Bên cạnh đó, hãy ủng hộ họ bởi biết đâu rằng, chính từ những sai sót đó lại làm nên thành công, giá trị của mỗi con người sau này. Tuy nhiên, không phải lúc nào chúng ta cũng chấp nhận sai phạm của người khác. Ta sẽ chẳng thể tha thứ cho kẻ cứ tái phạm từ lỗi sai này đến lỗi sai khác. Qua đây, mỗi người hãy rèn luyện tri thức, kĩ năng và học cách tha thứ, ủng hộ sự khác biệt của một ai đó. Có như vậy, bạn mới sống lương thiện, nhân hậu và được mọi người yêu mến.	
2	1/ Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm.	5,0 điểm

		2/ Thân bài. Nêu cảm nhận <i>Khổ 1. Về đẹp trong bức chân dung tinh thần của người lính trong bài thơ chính là tinh thần lạc quan, sôi nổi, bất chấp khó khăn, nguy hiểm.</i> Phạm Tiến Duật ghi lại những gian khổ mà người lính đã trải qua: Không có kính, ừ thì ướt áo Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi. - Lại một lần nữa, người đọc bắt gặp hình ảnh người lính lái xe trong cái vẻ ngang tàn, chấp nhận mọi thử thách: “Ừ thì ướt áo” như một tiếng tặc lưỡi. Luôn luôn là thái độ bất cần, chất chấp hoàn cảnh. Khó khăn, gian khổ cũng không làm ảnh hưởng đến ý chí của họ, không có gì ngăn nổi bánh xe lăn. Nhiệt huyết cách mạng của người lái xe không còn là trừu tượng nữa mà được tính bằng cung đường “lái trăm cây số nữa”. Những cung đường ấy trong mưa bom bão đạn phải trả bằng mồ hôi xương máu. Gian khổ là vậy, nhưng hình ảnh người lính lái xe vẫn phơi phới niềm tin, tràn đầy nghị lực: “Mưa ngừng gió lùa khô mau thôi” Một câu thơ với cấu trúc khá đặc biệt, có bảy từ mà đến sáu thanh bằng góp phần diễn tả sự lằng lằng bay bổng. Trong hoàn cảnh nghiệt ngã không chỉ có mưa bom bão đạn của kẻ thù mà còn có “mưa rừng Trường Sơn” – những cơn mưa lũ xối xả, nhưng người lính lái xe vẫn không hề chùn bước, ngại ngừng. Trái lại, như thép đã tôi luyện, họ càng dày dặn, vững vàng, coi mưa gió là chuyện bình thường. Ngồi sau vô lăng, chạy xe trong mưa rừng, tranh thủ từng phút vượt qua cung đường dài đầy nguy hiểm để đưa hàng tới đích phục vụ tiền phương. Câu thơ không chỉ là miêu tả, không chỉ là lời tự động viên, mà còn là một tâm hồn yêu đời lạc quan, một tính cách trẻ trung đầy chất lính. <i>Khổ 2. Hoàn thiện về đẹp của người lính, đó là lòng yêu nước, ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam:</i>	

		Không có kính rồi xe không có đèn Không có mui xe, thùng xe có xước Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước: Chủ cần trong xe có một trái tim. – Giờ đây những chiếc xe không chỉ mất kính mà lại không đèn, không mui, thùng xe có xước. Chiếc xe đã biến dạng hoàn toàn. Người lính xế lại chất chồng khó khăn. Sự gian khổ nơi chiến trường ngày càng nâng lên gấp bội lần nhưng không thể làm chùn bước những đoàn xe nối đuôi nhau ngày đêm tiến về phía trước. – Nguyên nhân nào mà những chiếc xe tàn dạng ấy vẫn băng băng chạy như vũ bão? Nhà thơ đã lí giải: “Chỉ cần trong xe có một trái tim”. + Câu thơ dồn dập cứng cáp hẳn lên như nhịp chạy của những chiếc xe không kính. Từ hàng loạt những cái “không có” ở trên, nhà thơ khẳng định một cái có, đó là “một trái tim”. + “Trái tim” là một hoán dụ nghệ thuật tu từ chỉ người chiến sĩ lái xe Trường Sơn năm xưa. Trái tim của họ đau xót trước cảnh nhân dân miền Nam sống trong khói bom thuốc súng, đất nước bị chia cắt thành hai miền. + Trái tim ấy dào dạt tình yêu Tổ quốc như máu thịt, như mẹ cha, như vợ như chồng... Trái tim ấy luôn luôn sục sôi căm thù giặc Mỹ bạo tàn. => Yêu thương, căm thù chính là động lực thôi thúc những người chiến sĩ lái xe khát khao giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Để ước mơ này trở thành hiện thực, chỉ có một cách duy nhất: vùng vằng tay lái, cầm chắc vô lăng. Vì thế thử thách ngày càng tăng nhưng tốc độ và hướng đi không hề thay đổi. => Đằng sau những ý nghĩa ấy, câu thơ còn muốn hướng con người về chân lý thời đại của chúng ta: sức mạnh quyết định chiến thắng không phải là vũ khí mà là con người giàu ý chí, anh hùng, lạc quan, quyết thắng. => Có thể coi câu thơ cuối là câu thơ hay nhất của bài thơ. Nó là nhãn tự, là con mắt thơ, bật sáng chủ	

		đề, tỏa sáng vẻ đẹp hình tượng người lính lái xe thời chống Mỹ. 3/ Kết bài: Khí thế quyết tâm giải phóng miền Nam của toàn dân toàn quân ta, khẳng định con người mạnh hơn sắt thép. Lòng nhiệt huyết của tuổi trẻ, của những người con đã dâng trọn đời mình cho Tổ quốc.	

ĐỀ SỐ 44	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích

Cơ hội là điều có thật chứ không phải là kết quả của một sự may mắn hay tình cờ nào đó. Cơ hội luôn hiện hữu xung quanh chúng ta nhưng thường núp dưới cái bóng rủi ro hoặc thất bại tạm thời. Đó là lý do khiến rất nhiều người bỏ lỡ cơ hội của mình. Gục ngã hoàn toàn sau thất bại đầu tiên và không bao giờ đứng dậy được nữa, họ không nhận ra rằng, đằng sau mỗi thất bại luôn ẩn chứa một cơ hội mới.

Nhiều người tin rằng thành công là kết quả của những bước ngoặt may mắn, Dù không thể phủ nhận sự may mắn, nhưng nếu chỉ trông chờ vào yếu tố này, thì gần như bạn sẽ luôn thất vọng. Bước ngoặt duy nhất mà bất kì ai cũng có thể dựa vào là bước ngoặt do chính họ tạo ra hoặc biết nắm bắt cơ hội mà cuộc sống mang đến cho mình,

Để làm được điều này, trước hết bạn hãy cố gắng nhận ra cơ hội của mình, đồng thời phân tích những thuận lợi và thách thức mà nó mang lại. Biến cơ hội thành hiện thực nghĩa là bạn sẵn lòng làm những công việc, từ đơn giản nhất, và cố gắng hoàn thành chúng một cách triệt để. Điều này cũng đồng nghĩa với việc bạn phải biết tận dụng từng phút giây quý báu của mình và làm phần việc được giao tốt hơn phạm vi trách nhiệm của bạn.

(Không gì là không thể - George Matthew Adams, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2018, tr. 60-61)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. (0,5 điểm) Theo tác giả, "*lý do khiến nhiều người bỏ lỡ cơ hội của mình*" là gì ?

Câu 3. (1 điểm) Dựa vào đoạn trích, hãy cho biết làm thế nào để mỗi người có thể nắm bắt được cơ hội mà cuộc sống mang đến ?

Câu 4. (1 điểm) Em có đồng tình với quan điểm của tác giả "*đằng sau mỗi thất bại luôn ẩn chứa một cơ hội mới*" không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1, 2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích Đọc hiểu em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về ý nghĩa của việc đối mặt với thất bại trong cuộc sống

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về tình yêu làng, yêu nước của nhân vật ông Hai trong các đoạn văn bản sau:

Ông Hai quay phắt lại, lắp bắp hỏi:

- Nó... nó vào làng Chợ Dầu hờ bác? Thế ta giết được bao nhiêu thằng?

Người đàn bà ẵm con cong môi lên đồng đánh:

- Có giết được thằng nào đâu. Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây còn giết gì nữa!

Cổ ông lão nghẹn đắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặn ề ề, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi:

- Liệu có thật không hờ bác? Hay là chỉ tại...

[...] Ông lão vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng. Tiếng cười nói xôn xao của đám người mới tản cư lên ấy vẫn dõi theo...

(...) Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu... Ông lão nắm chặt hai tay lại mà rít lên:

- Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này.

Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được. Ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy!... Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được? Mà thằng chánh Bệu thì đích thị là người làng không sai rồi. Không có lửa thì sao có khói? Ai người ta hời đâu bịa tạc ra những chuyện ấy làm gì. Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước...

(...) Ông lão ôm thằng con út lên lòng, vỗ nhẹ nhẹ vào lưng nó, khẽ hỏi :

- Húc kia! Thầy hỏi con nhé, con là con của ai?

- Là con thầy mấy lại con u.

- Thế nhà con ở đâu?

- Nhà ta ở làng Chợ Dầu.

Thế con có thích về làng Chợ Dầu không?

Thằng bé nép đầu vào ngực bố trả lời khe khẽ:

- Có.

Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu lại hỏi:

- À, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?

Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:

- Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!

Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ:

- Ủ đúng rồi, ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ.

Mấy hôm nay ru rú ở xó nhà, những lúc buồn khổ quá chẳng biết nói cùng ai, ông lại thủ thỉ với con như vậy. Ông nói như để ngỏ lòng mình, như để mình lại mình oan cho mình nữa.

Anh em đồng chí biết cho bố con ông.

Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông.

(Làng, Kim Lân, SGK Ngữ văn 9 tập Một, NXB Giáo dục, 2014)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận	0,5 điểm
	2	Lý do khiến rất nhiều người bỏ lỡ cơ hội của mình được nêu trong đoạn trích là: cơ hội thường núp dưới cái bóng của sự rủi ro hoặc thất bại tạm thời.	0,5 điểm
	3	Để mỗi người có thể nắm bắt được cơ hội mà cuộc sống mang đến trước hết bạn hãy cố gắng nhận ra cơ hội của mình, đồng thời phân tích những thuận lợi và thách thức mà nó mang lại.	1,0 điểm
	4	Đưa ra quan điểm cá nhân đồng tình hoặc không đồng tình, sau đó đưa ra lập luận lý giải. Ví dụ: Đồng tình với quan điểm của tác giả: "đằng sau mỗi thất bại luôn ẩn chứa một cơ hội mới" vì sau mỗi vấp ngã chúng ta luôn trưởng thành hơn, chính những vấp ngã, thất bại cho bạn cơ hội nhìn nhận lại bản thân và mọi thứ, để điều chỉnh, thích nghi hoặc tìm một con đường riêng giúp chính mình bứt phá hay sống trọn vẹn hơn. Chỉ cần giữ được lửa nhiệt huyết, tinh thần dám nghĩ dám làm, bạn sẽ từng bước đi đến tận cùng mục tiêu của mình.	1,0 điểm
II	1	1.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề: ý nghĩa của việc đối mặt với thất bại trong cuộc sống 2.Thân đoạn - Giải thích: Thất bại là việc không đáp ứng được mục tiêu mong muốn hoặc dự định. Đối mặt thất bại là một thái độ sống đúng đắn, thể hiện cách ứng xử của con người trước sự thật đau lòng dù mình không	2,0 điểm

	mong muốn. - Bàn luận ý nghĩa: + Đối mặt thất bại rèn cho con người tinh thần dũng cảm, ý nghĩ, nghị lực phi thường; + Đối mặt thất bại tạo cho con người có sức mạnh tinh thần để vươn lên hơn nữa, mới có thể đạt được những gì mình mong muốn, thực hiện được những khát vọng của bản thân. + Đối mặt thất bại trở thành cơ hội để sửa chữa sai lầm từ những bài học kinh nghiệm đã được rút ra. - Phê phán biểu hiện tiêu cực sau thất bại: Nếu thất bại mà lại thất vọng, bi quan, chán nản thì ta dễ bỏ cuộc và sẽ chẳng đạt được bất cứ thành công. - Bài học nhận thức và hành động phù hợp: + Về nhận thức: hiểu được giá trị của việc đối mặt thất bại trong đời sống; + Về hành động: học tập và rèn luyện, sẵn sàng đón nhận thất bại và tìm mọi cách để vươn đến thành công; thắng không kiêu, bại không nản... 3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề	
2	I. Mở bài - Giới thiệu tác giả Kim Lân và truyện ngắn Làng: Truyện ngắn “Làng” của Kim Lân đã ca ngợi về tinh thần cách mạng và lòng yêu nước đó của người dân Việt Nam, cụ thể là nói về một người nông dân có tình cảm gắn bó với làng, với quê hương và đất nước sâu sắc. II. Thân bài 1. Khái quát về nhân vật ông Hai: - Truyện kể về ông Hai, một người yêu làng và gắn bó với làng, lúc nào ông cũng khoe về làng của mình - Ông cứ kể say sưa trong niềm nhớ thương về làng mà không cần biết người nghe có chú ý hay không. 2. Tình cảm của ông Hai đối với làng chợ Dầu: - Ông tự hào về làng mình từ cơ sở vật chất cho tới cái sinh phần của tổng đốc làng ông, vinh dự vì làng có bề dày lịch sử. Sau cách mạng ông khoe về tinh thần cách mạng của làng ông, ngay cả cụ râu tóc bạc phơ cũng vác gậy đi tập, ông khoe những hố, ụ và hào.	5,0 điểm

	3. Diễn biến tâm lý của nhân vật ông Hai khi nghe tin làng theo Tây: - Khi ông nghe tin làng mình theo Tây, “cổ họng ông nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân”, ông lặng đi tưởng như không thở được - Ông hỏi đi hỏi lại nhiều lần rồi lảng lảng bỏ đi trong nỗi đau đớn và nhục nhã khi biết làng mình theo giặc - Khi về nhà, ông nằm vật ra giường, đêm đó trằn trọc không ngủ dc. - Ông nhìn đám trẻ ngây thơ mà bị mang tiếng Việt gian rồi khóc. - Ông điếm lại mọi người trong làng nhưng thấy ai cũng có tinh thần cả nên ông vẫn không tin lại có ai làm điều nhục nhã ấy. - Tâm trạng ông bị ám ảnh, day dứt và mặc cảm với thân phận là người của làng Việt gian bán nước. - Bên tai ông đây rầy tiếng chửi bọn Việt gian, ông chẳng làm được gì, chưa thể đối mặt với điều đó, ông chỉ biết cúi gằm mặt mà đi - Khi mẹ chủ nhà muốn đuổi gia đình ông đi bởi ông là người làng Chợ Dầu, ông thoáng nghĩ về lại làng nhưng ông đã gặt phăng đi, ông dứt khoát “Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù” 4. Niềm sung sướng và vui mừng khi biết làng không phải Việt gian: - Ông đi từ đầu làng tới cuối làng để khoe tin làng mình không theo giặc, ông tìm gặp ông Thứ để thanh minh về làng mình, khoe cả việc nhà ông bị đốt cháy một cách sung sướng, hả hê, bởi đó là minh chứng rõ nhất cho việc làng ông không phải Việt gian bán nước. III. Kết bài - Khẳng định giá trị nghệ thuật và nội dung của truyện ngắn: tác giả đã cho người đọc hình dung được một thời kì chống Pháp sôi nổi của nhân dân, tinh thần trung kiên với Cách mạng và một lòng theo Bác, kháng chiến đến cùng - Qua diễn biến tâm trạng của ông Hai ta thấy được tình yêu làng sâu sắc và tình yêu nước thiết tha gắn	

		với tinh thần kháng chiến của ông.	

ĐỀ SỐ 45	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Hãy đọc trích đoạn bài báo dưới đây rồi trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

“(...) Đã từng nghe ai đó nói: “đọc sách là khoản đầu tư có lãi nhất cuộc đời”. Vậy thì phải chăng là người Việt đang có sự “đầu tư” chệch hướng. Khi mà trong khoảng thời gian hữu hạn của một ngày, một tháng, một năm... mỗi chúng ta vẫn đang say mê với những “like, share, bình luận” thì khoảng thời gian ta dành cho việc đọc sách sẽ là bao nhiêu? Đã bao giờ mỗi chúng ta tự hỏi chính mình về sự đầu tư cho văn hóa đọc”. Đó không đơn giản chỉ là sự đầu tư 100, 200 nghìn cho việc sở hữu cuốn sách nào đấy. Ở đó còn là thời gian, công sức, sự chiêm nghiệm, suy tư... và sau cùng, thu về được? Đó chắc chắn là những giá trị đích thực mà chỉ khi tác giả, nhà xuất bản, độc giả cùng nghiêm túc. (...)”.

(Dân theo công nghệ số thay đổi văn hóa đọc"; <http://vanhoadoisong.vn>)

Câu 1 (0,5 điểm): Văn bản trên bàn về vấn đề gì?

Câu 2 (0,5 điểm): Chỉ ra phép liên kết câu trong 2 câu sau:

“Đã bao giờ mỗi chúng ta tự hỏi chính mình về sự đầu tư cho “văn hóa đọc”. Đó không đơn giản chỉ là sự đầu tư 100, 200 nghìn cho việc sở hữu cuốn sách nào đấy.”.

Câu 3 (1,0 điểm): Tác giả bài báo đưa ra lý do nào để giải thích người Việt ít dành thời gian cho việc đọc sách?

Câu 4 (1,0 điểm): Để đọc - hiểu một cuốn sách mang lại hiệu quả, em phải đọc như thế nào?

II. TẠO LẬP VĂN BẢN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Em hãy viết đoạn văn khoảng 200 chữ bàn về lợi ích của việc đọc sách.

Câu 2 (5,0 điểm):

(...) " Bác nằm trong giấc ngủ bình yên

Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền

Vẫn biết trời xanh là mãi mãi

Mà sao nghe nhói ở trong tim!

Mai về miền Nam thương trào nước mắt

Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác

Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này ."

(Trích "[Viếng lăng Bác](#)" (Viễn Phương), Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục, 2018)

Trình bày cảm nhận của em về hai khổ thơ trên. Em cần làm gì để xứng đáng với những công lao to lớn của Bác.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Vấn bản trên bàn về vấn đề: văn hóa đọc	0,5 điểm
	2	Phép liên kết câu trong 2 câu sau: Phép thế: Đó = văn hóa đọc Phép lặp: "đầu tư"	0,5 điểm
	3	Tác giả bài báo đưa ra lý do nào để giải thích người Việt ít dành thời gian cho việc đọc sách: <i>mỗi chúng ta vẫn đang say mê với những “like, share, bình luận”</i>	1,0 điểm
	4	Để đọc - hiểu một cuốn sách mang lại hiệu quả, em phải đọc như thế nào: + Xác định mục đích của việc đọc sách đó + Phải đọc kỹ, vừa đọc vừa nghiền ngẫm suy nghĩ, ghi chép những điều bổ ích. + Thực hành, vận dụng những điều học được từ sách vào cuộc sống hàng ngày.	1,0 điểm
II	1	I. Mở đoạn - Vai trò của tri thức đối với loài người, và sách chính là một nền tảng để nâng cao tri thức. - Đọc sách là điều vô cùng cần thiết và nó đem lại vô vàn lợi ích cho con người. II. Thân đoạn - Ý nghĩa tác dụng của sách: Sách là tài sản vô giá, là người bạn tốt. Bởi sách là nơi lưu trữ toàn bộ sản phẩm tri thức của con người, giúp ích cho con người về mọi mặt trong đời sống xã hội. - Chứng minh tác dụng của việc đọc sách: + Đọc sách giúp ta có thêm tri thức, mở rộng hiểu biết, thu thập thông tin một cách nhanh nhất (nêu dẫn chứng). + Sách bồi dưỡng tinh thần, tình cảm cho chúng ta, để chúng ta trở thành người tốt (dẫn chứng) + Sách là người bạn đồng viên, chia sẻ làm vơi đi nỗi buồn (dẫn chứng) - Tác hại khi không đọc sách: Hạn hẹp về tầm hiểu biết, tâm hồn cằn cỗi.	2,0 điểm

	- Phương pháp đọc sách: + Phải chọn sách tốt, có giá trị để đọc + Phải đọc kỹ, vừa đọc vừa nghiền ngẫm suy nghĩ, ghi chép những điều bổ ích. + Thực hành, vận dụng những điều học được từ sách vào cuộc sống hàng ngày. III. Kết đoạn - Khẳng định sách là người bạn tốt - Lời khuyên phải chăm chỉ đọc sách.	
2	I. Mở bài: Giới thiệu qua về tác giả, tác phẩm. Trích dẫn 2 khổ thơ II. Thân bài: Cảm nhận về 2 khổ thơ 1. Cảm xúc của nhà thơ khi ở trong lăng: - Khổ thơ thứ ba diễn tả thật xúc động cảm xúc và suy nghĩ của tác giả khi vào lăng viêng Bác. Khung cảnh và không khí thanh tĩnh như ngưng kết cả thời gian và không gian ở bên trong lăng Bác đã được nhà thơ gợi tả rất đạt: <i>"... Bác nằm trong giấc ngủ bình yên Giữa một vầng trăng sáng diệu hiền Vẫn biết trời xanh là mãi mãi Mà sao nghe nhói ở trong tim"</i> + Cụm từ “giấc ngủ bình yên” diễn tả chính xác và tinh tế sự yên tĩnh, trang nghiêm và ánh sáng dịu nhẹ, trong trẻo của không gian trong lăng Bác. + Bác còn mãi với non sông đất nước như trời xanh còn mãi mãi, Người đã hóa thành thiên nhiên, đất nước, dân tộc. Tác giả đã rất đúng khi khẳng định Bác sống mãi trong lòng dân tộc vĩnh hằng như trời xanh không bao giờ mất đi. 2. Tâm trạng lưu luyến của nhà thơ trước lúc khi trở về miền Nam: – Khổ thơ thứ tư (khổ cuối) diễn tả tâm trạng lưu luyến của nhà thơ. Muốn ở mãi bên lăng Bác, nhưng tác giả cũng biết rằng đến lúc phải trở về miền Nam, chỉ có cách gửi lòng mình bằng cách hóa thân, hòa nhập vào những cảnh vật ở bên lăng Bác để luôn được ở bên Người. <i>"Mai về niềm Nam thương trào nước mắt"</i>	5,0 điểm

		Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này” – Từ “muốn làm” được lặp đi lặp lại nhiều lần trong đoạn thơ thể hiện được ước muốn, sự tự nguyện của tác giả. Hình ảnh cây tre lại xuất hiện khép bài thơ lại một cách khéo léo. – Tác giả muốn làm con chim, làm đóa hoa, làm cây tre trung hiếu, muốn được gần bó bên Bác: “Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta Ta bỗng lớn ở bên Người một chút” III. Kết bài: – Qua hai khổ thơ cuối, nhà thơ đã thể hiện được niềm xúc động tràn đầy và lớn lao trong lòng khi viếng lăng Bác, thể hiện được những tình cảm thành kính, sâu sắc với Bác Hồ.	

ĐỀ SỐ 46	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN Thời gian: 120 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu:

“Mẹ ơi những ngày xa

Là con thương mẹ nhất

Mẹ đặt tay lên tim

Có con đang ở đó

Như ngọt ngào cơn gió

Như nồng nàn cơn mưa

Với vạn ngàn nỗi nhớ

Mẹ dịu dàng trong con!”

(Trích *Dặn mẹ* - Đỗ Nhật Nam)

Câu 1. Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ? (1,0 điểm)

Câu 2. Tìm từ láy có trong đoạn thơ. (1,0 điểm)

Câu 3. Hai câu thơ sau mang hàm ý gì? (1,0 điểm)

“Mẹ đặt tay lên tim

Có con đang ở đó”

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2 điểm).

"Cuộc sống quanh ta đang bị ngập trong rác."

Em hãy viết một đoạn văn nghị luận nêu ý kiến của mình về vấn đề trên.

Câu 2. (5 điểm).

Phân tích những câu thơ sau trong bài thơ Đồng chí của Chính Hữu:

“Quê hương anh nước mặn, đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,

Súng bên súng, đầu sát bên đầu,

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ.

Đồng chí!

...

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trắng treo.”

(Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục 2017, Tr. 128-129)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	- Đoạn trích được viết theo thể thơ năm chữ (ngũ ngôn). - Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.	
	2	Từ láy có trong đoạn: Ngọt ngào, nồng nàn, dịu dàng.	
	3	- Hai câu thơ muốn người nghe (người đọc) hiểu theo hàm ý: Mẹ luôn yêu con tha thiết và trong trái tim người mẹ luôn lưu giữ hình ảnh của con mình. - Đồng thời qua đó thể hiện tình yêu mẹ sâu sắc của tác giả.	
II	1	Mở đoạn: Giới thiệu được vấn đề nghị luận Thân đoạn: Gợi hướng : - Rác là gì? Trong đời sống hiện nay có những loại rác nào? (rác: sinh hoạt, sản xuất, âm thanh, ... rác văn hóa, rác trong tính cách..) - Hiện nay, tình trạng rác đang tràn ngập cuộc sống ra sao? - Nguyên nhân nào dẫn đến cuộc sống của nhân loại bị ngập bởi rác? - Rác gây ra những hậu quả gì với cuộc sống của chúng ta?	

	- Cần làm gì để làm cho cuộc sống không bị ngập bởi rác? Kết đoạn: Trở lại vấn đề nghị luận và nêu lời kêu gọi hành động	
2	Mở bài: Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, vị trí đoạn trích và trích dẫn đoạn thơ. Thân bài: A, Về nội dung: (2,5 điểm) <i>* Cơ sở hình thành tình đồng chí (7 câu đầu)</i> - Họ xuất thân cùng cảnh ngộ nghèo khó; - Tình đồng chí đồng đội còn bắt nguồn từ sự cùng chung lí tưởng, mục đích chiến đấu; - Tình đồng chí được nảy nở và trở thành bền chặt trong sự chan hoà chia sẻ mọi thiếu thốn; Câu thơ thứ 7: Câu đặc biệt - một tiếng gọi trầm xúc động từ trong tim, lắng đọng trong lòng người về hai tiếng mới mẻ, thiêng liêng. <i>* Vẻ đẹp của tình đồng chí (3 câu cuối)</i> - Bức tranh đẹp về tình đồng chí đồng đội của người lính, là biểu tượng đẹp về cuộc đời người lính, sát cánh bên nhau chiến đấu trong tư thế chủ động. - Nổi lên trên nền cảnh rừng đêm là ba hình ảnh gắn kết với nhau: người lính, khẩu súng, vầng trăng... - Hình ảnh “đầu súng trăng treo” cảnh vừa thực, lại vừa mộng, là vẻ đẹp hài hoà của tâm hồn chiến sĩ, thi sĩ.	

	B, Về nghệ thuật: (1,0 điểm) Đoạn trích đã sử dụng thành công bút pháp tả thực kết hợp với lãng mạn tạo nên hình ảnh thơ đẹp mang ý nghĩa biểu tượng. - Ngôn ngữ bình dị, tình cảm chân thành, sử dụng thành công kiểu câu đặc biệt và phép tu từ ẩn dụ. Kết bài: - Đánh giá lại giá trị của đoạn trích (khái quát lại nội dung đã phân tích)	

ĐỀ SỐ 47	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn là người không bao giờ trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn, hơn ai hết, trước ai hết, phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó.

(Trích *Bản thân chúng ta là giá trị có sẵn* - Phạm Lữ Ân, *Nếu biết trăm năm là hữu hạn*, NXB Hội Nhà văn, 2012, tr.24)

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2 (0,75 điểm). Chỉ ra thành phần biệt lập trong câu: Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn.

Câu 3 (0,75 điểm). Nêu tên một biện pháp tu từ có trong những câu in đậm.

Câu 4 (1,0 điểm). Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Đừng xấu hổ khi không biết, chỉ xấu hổ khi không học.

Hãy viết đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.

Câu 2 (5,0 điểm)

Cảm nhận về vẻ đẹp của nhân vật Thúy Kiều trong đoạn trích sau:

*"Tường người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống những rày trông mai chờ.*

*Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.*

*Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?*

*Sân Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm,"*

(Trích Kiều ở lầu Ngưng Bích, Truyện Kiều - Nguyễn Du, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr.93 – 94)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là nghị luận.	0,5 điểm
	2	Thành phần biệt lập trong câu: "chắc chắn".	0,75 điểm
	3	Biện pháp tu từ: điệp từ ("nhưng"), lặp cấu trúc câu	0,75 điểm

		"bạn có thể không nhưng...."	
	4	Nội dung chính của đoạn trích trên: <i>Mỗi con người trong chúng ta đều có những giá trị riêng và chính bản thân chúng ta cần biết trân trọng những giá trị đó.</i>	1,0 điểm
II	1	Có thể viết đoạn văn theo định hướng sau: A. Mở đoạn Giới thiệu câu tục ngữ Nga “Đừng xấu hổ khi không biết, chỉ xấu hổ khi không học”. B. Thân đoạn <i>* Giải thích:</i> - Từ “xấu hổ”: Đó là trạng thái tâm lí bình thường của con người khi cảm thấy ngượng ngùng, e thẹn hoặc hổ thẹn khi thấy kém cỏi trước người khác. - Ý nghĩa cả câu: chỉ ra sự khác nhau giữa “không biết” và “không học”, đồng thời khuyên con người phải ham học hỏi và biết “xấu hổ khi không học”. <i>* Bàn luận:</i> - Dùng lí lẽ, dẫn chứng để khẳng định sự đúng đắn của câu ngôn ngữ: + Tại sao lại nói: “Đừng xấu hổ khi không biết”? Tri thức của nhân loại là vô hạn, khả năng nhận thức của con người là hữu hạn. Không ai có thể biết được mọi thứ, không ai tự nhiên mà biết được. Không biết vì chưa học là một điều bình thường, không có gì phải xấu hổ cả. + Tại sao nói: “chỉ xấu hổ khi không học”? Vì việc	2,0 điểm

	học có vai trò rất quan trọng đối với con người trong nhận thức, trong sự hình thành nhân cách, trong sự thành đạt, trong cách đối nhân xử thế và trong việc cống hiến đối với xã hội. Không học thể hiện sự lười nhác về lao động, thiếu ý chí cầu tiến, thiếu trách nhiệm với bản thân và xã hội. Việc học là một nhu cầu thường xuyên, phổ biến trong xã hội từ xưa đến nay, từ việc nhỏ như “Học ăn, học nói, học gói, học mở” đến những việc lớn như “kinh bang tế thế” , đặc biệt trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay, phát triển vũ bão về khoa học công nghệ như hiện nay. Việc học giúp chúng ta sống tốt hơn, đẹp hơn,hoàn hảo hơn. <i>* Có thể mở rộng về hiện tượng: “giấu dốt, thói tự kiêu, tự mãn”.</i> <i>* Bài học rút ra:</i> - Muốn việc học có kết quả, cần có phương thức học tập đúng đắn, phong phú: học ở trường, ở gia đình, ở xã hội, ở bạn bè, trong thực tế, trong sách vở, trong phim ảnh. Học phải kết hợp với hành biến nó trở thành sức mạnh phục vụ cho cuộc sống của chính mình và xã hội, có như vậy, việc học mới có ý nghĩa thực sự đúng đắn. - Không giấu dốt, không ngại thú nhận những điều mình chưa biết để từ đó cố gắng học tập, tích cực rèn luyện, và không ngừng vươn lên. Khẳng định việc học là vô cùng quan trọng, không chịu học là điều đáng xấu hổ. C. Kết đoạn: Khẳng định ý nghĩa sâu xa của ý kiến này và những bài học mà bản thân em cần ghi nhớ qua đó.	

2	Thí sinh có thể giải quyết theo hướng sau: Dàn ý tham khảo: A. Mở bài: Giới thiệu về tác phẩm và đoạn trích: Tác phẩm “Truyện Kiều” là một kiệt tác của tác giả Nguyễn Du. Ông đã đóng góp cho nền thi ca Việt Nam một tác phẩm tuyệt vời có sức sáng tạo, vang xa tới nhiều thế hệ sau. - Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là một đoạn trích hay nó đã lột tả được tâm trạng của Thúy Kiều. - Tác giả Nguyễn Du đã khéo léo sử dụng rất nhiều bút pháp điêu luyện nhưng nổi bật lên là tả cảnh ngụ tình, lấy cảnh vật để nói lên nỗi lòng của con người, người và cảnh vì thế mà tâm đầu ý hợp hòa quyện vào nhau. - Giới thiệu đoạn thơ. B. Thân bài: - Giới thiệu qua về hoàn cảnh của Thúy Kiều vì đâu mà nàng lại có mặt tại lầu Ngưng Bích này: Sau khi gia đình lâm biến và bị Mã Giám Sinh dùng mưu hèn kế bẩn, gạt gẫm lừa tình rồi bị bán vào thanh lâu, Thúy Kiều đã định tự kết liễu đời mình, nhưng kế hoạch của nàng không thành công. - Tác giả đưa nhịp bài thơ nhanh hơn, chuyển hướng tâm trạng của Thúy Kiều hồi tưởng lại những ngày xưa bình yên hạnh phúc. <i>“Trông người dưới nguyệt chén đồng</i>	5,0 điểm

	<i>Tin sương luống những rày trông mai chờ</i> <i>Bên trời góc bể bơ vơ</i> <i>Tấm son gột rửa bao giờ cho phai”</i> - Phân tích tâm trạng của Thúy Kiều khi nhớ về Kim Trọng mỗi tình đầu của nàng trong sự ê chề, bẽ bàng, tủi nhục này người nàng nhớ về đầu tiên chính là chàng Kim Trọng, nhớ người đã thề hẹn ước nguyện với nàng. <i>“Xót người tựa cửa hôm mai</i> <i>Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?”</i> - Tâm trạng của Kiều khi nghĩ về cha mẹ. Nàng nghĩ về những người sinh thành ra mình, cảm thấy xót xa. Kiều lo lắng vì hiện thời ở nhà hai em vẫn còn thơ ngây và cha mẹ không lấy ai phụng dưỡng. Thành ngữ “quạt nồng ấp lạnh”trong câu hỏi tu từ" Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?" nói rõ sự lo lắng của Kiều. Các điển tích “sân Lai”, “gốc tử” đều nói đúng tâm trạng nhớ thương và lòng hiếu thảo đó của Kiều. Từ khi xa nhà đến nay “Sân Lai cách mấy nắng mưa”, có lẽ “nắng mưa” (hoán dụ chỉ thời gian) đã làm cho cảnh quê nhà thay đổi nhiều. Cụm từ “cách mấy nắng mưa” vừa diễn tả được thời gian xa cách, vừa nói lên được sức mạnh tàn phá của tự nhiên, của nắng mưa đối với cảnh vật và con người. Và rồi nàng tưởng tượng cảnh đổi thay lớn nhất là “gốc tử đã vừa người ôm”, nghĩa là cha mẹ ngày	

		một thêm già yếu, mà nỗi xót thương và lo lắng ở nàng càng thêm bội phần. → Trong cảnh ngộ hiện tại ở lầu Ngưng Bích, Kiều là người đáng thương nhất. Thế mà, nàng đã quên cảnh ngộ của mình để nghĩ về người thân, thế mới biết Kiều là con người vị tha. Điều đó cũng dễ hiểu thôi: Kiều quên mình để chỉ nghĩ về Kim Trọng, bởi Kiều là người tình thủy chung. Kiều quên mình để nghĩ về cha mẹ, bởi Kiều là người con hiếu thảo. C. Kết bài: số phận hẩm hiu của Kiều khi bị bán đến lầu xanh. Ở đây, Kiều buồn tủi, nhớ thương người yêu và gia đình, qua đoạn trích ta thấy được Kiều là một người chung thủy và rất có hiếu.	

ĐỀ SỐ 48	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Vầng trăng quê em

Vầng trăng vàng thắm đang từ từ nhô lên sau lũy tre làng. Làn gió nồm nam thổi mát rượi. Trăng óng ánh trên hàm răng, trăng đậu vào đáy mắt. Trăng ôm ấp mái tóc bạc của các cụ già. Khuya. Làng quê em đã vào giấc ngủ. Chỉ có vầng trăng vẫn thao thức như canh gác trong đêm.

(Theo Phan Sĩ Châu, Tiếng Việt 3, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019)

Câu 1. Hãy cho biết các từ được gạch chân thực hiện phép liên kết gì? (0,75 điểm)

Câu 2. Xác định phần trung tâm của cụm từ "mái tóc bạc của các cụ già". Cho biết đây là cụm danh từ, cụm động từ hay cụm tính từ? (0,75 điểm)

Câu 3. Tìm câu đặc biệt. (0,75 điểm)

Câu 4. Xác định biện pháp tu từ từ từ vựng được sử dụng trong câu (7). (0,75 điểm).

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn hoặc bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của lời chào trong giao tiếp hàng ngày.

Câu 2. (5,0 điểm)

Phân tích sự thay đổi tâm trạng của bé Thu trong hai đoạn trích sau:

(...) Trong bữa cơm đó, anh Sáu gặp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm. Giận quá và không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:

- Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?

Tôi tưởng con bé sẽ lăn ra khóc, sẽ giãy, sẽ đạp đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thế nào nó cầm đũa, gắp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm. Xuống bến, nó nhảy xuống xuống, mở lời tới cổ làm cho dây lời tới khuá rồn rảng, khuá thật to, rồi lấy dầm bơi qua sông. Nó sang qua nhà ngoại, mét với ngoại và khóc ở bên ấy. Chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không về.

Và:

(...) Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. Không ghìm được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con:

- Ba đi rồi ba về với con.

- Không! - Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run. Nhìn cảnh ấy, bà con xung quanh có người không cầm được nước mắt, còn tôi bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim tôi.

(Nguyễn Quang Sáng, *Chiếc lược ngà*, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2013)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phép liên kết được sử dụng là: phép lặp	0.75 điểm
	2	Phần trung tâm của cụm từ “mái tóc bạc của các cụ già” là: mái tóc - Đây là cụm danh từ	0,75 điểm
	3	Câu đặc biệt là câu 5: Khuya	0,75 điểm
	4	Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu 7: nhân hóa, so sánh.	0,75 điểm
II	1	- Giới thiệu khái quát về ý nghĩa của lời chào trong giao tiếp hàng ngày vô cùng quan trọng. - Triển khai các luận điểm để chứng minh cho vai trò quan trọng của lời chào: + Lời chào là một hình thức khởi đầu một cuộc trò chuyện trong giao tiếp. + Lời chào thể hiện thái độ trân trọng, cung kính và thân thiết của mình đối với người khác. - Trong đời sống, lời chào như một hình thức xã giao để bắt đầu một cuộc nói chuyện được tự nhiên, lịch sự, cởi mở. Người vai dưới gặp người vai trên mà không biết chào hỏi là bất kính. Người vai trên không đáp lại lời chào của người vai dưới là thiếu lịch sự, hách dịch, khinh người.	2,0 điểm

	- Lời chào khẳng định phẩm chất tốt đẹp của con người. Nó thể hiện sự trân trọng của bản thân đối với người khác. Nó giúp ta xác định rõ ràng vị trí mỗi người trong giao tiếp. Từ đó, thực hiện các hoạt động giao tiếp một cách đúng đắn, hiệu quả và đúng mực. Người nhận được lời chào cũng cảm thấy mình cảm được tôn trọng, vui vẻ, hạnh phúc. - Lời chào còn có giá trị to lớn trong truyền thống văn hóa dân tộc (lời chào cao hơn mâm cỗ). - Khái quát lại vấn đề: một lần nữa khẳng định vai trò quan trọng của lời chào.	
2	GỢI Ý <i>Phân tích đoạn trích 1: Trước khi nhận cha: Bé Thu là đứa bé bướng bỉnh, ương ngạnh</i> - Các em dẫn dắt vào bài văn có thể lựa chọn qua: Thái độ và hành động của bé Thu trước khi nhận ra ông Sáu là cha: (Gặp cha sau tám năm xa cách trước sự vô vập của cha, bé Thu tỏ ra ngờ vực và hoảng sợ con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn mình như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: "Má! Má".) - Thu hất tung cái trứng cá ra mâm, cơm văng tung tóe, bị ba đánh đòn nhưng cô không khóc mà chạy sang nhà ngoại. → Bé Thu “ cứng đầu ương ngạnh nhưng giàu tình yêu thương cha. <i>Phân tích đoạn trích 2: Bé Thu có tình yêu thương cha tha thiết, mãnh liệt.</i> Trong buổi sáng cuối cùng trước khi chia tay,	5,0 điểm

		thái độ của bé Thu đã đột ngột thay đổi hoàn toàn: Thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên: Ba...a...a...ba! - Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng "Ba" mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng "Ba" như vỡ tung ra từ đáy lòng nó. - "Nó nhảy thót lên ôm lấy cổ ba nó. Nó hôn tóc, hôn vai, hôn cổ, hôn cả vết thẹo dài bên má ba nó. Hai tay nó xiết chặt lấy cổ, chắc nó nghe hai tay không giữ được ba nên nó dùng cả hai chân câu chặt lấy ba, đôi vai của nó run run". → Chi tiết sinh động đầy kịch tính diễn tả thành công sự bùng nổ mạnh mẽ, sự đột phá dữ dội của tình cảm, bao nhiêu yêu thương mong đợi dồn nén giờ đây oà vỡ, những giọt nước mắt yêu thương xen lẫn sự hối hận và hành động ôm hôn ba của Thu. Nghệ thuật miêu tả tâm lí của tác giả: sự bùng nổ những yêu thương do bị dồn nén. → Thể hiện được điều đó chứng tỏ tác giả am hiểu tâm lí trẻ em, yêu mến, trân trọng những tình cảm trẻ thơ.	

ĐỀ SỐ 49	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc kĩ đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Giữa năm 2015, bà Lê Thị Thảo, mẹ của Hòa, quyết định tặng thận...

[...] Tháng 3-2016, Hòa lên bàn mổ để tặng một quả thận cho một người phụ nữ trạc tuổi mẹ mình. Người được nhận thận quê ở Hà Nam, đã bị suy thận nhiều năm và cần được ghép thận để tiếp tục được sống.

[...] Để tặng được quả thận, từ khi quyết định hiến tặng đến khi lên bàn mổ, bà Thảo đã phải hơn 10 lần một mình một xe máy từ Bắc Ninh ra bệnh viện Việt Đức ở Hà Nội để làm các xét nghiệm. Con gái bà Thảo cũng vậy, và cuối năm 2016 khi mẹ con bà được mời lên truyền hình để nói về ý nghĩa của việc hiến tặng mô tạng, hai mẹ con lại chở nhau bằng xe máy từ Bắc Ninh lên Hà Nội rồi vội vã trở về ngay trong đêm... Nếu có ai hỏi về chuyện hiến thận đã qua, bà chỉ phẩy tay cười: “Cứ nghĩ bình thường đi, bình thường với nhau đi, bây giờ tôi chẳng đang rất khỏe là gì...”

Và nhờ cái “bình thường” của mẹ con bà Thảo, giờ đây có thêm hai gia đình được hạnh phúc vì người thân của họ được khỏe mạnh trở lại. Ở Bắc Ninh, gia đình bà Thảo cũng đang rất vui vẻ. Nỗi đau đớn của ca đại phẫu thuật đã qua đi, giờ đây trên bụng hai mẹ con là hai vết sẹo dài, như chứng nhân về quyết định rất đổi lạ lòng, về việc sẵn sàng cho đi mà không bán khoản một phần thân thể của mình.

Có lẽ bạn đọc nghĩ rằng đó là hai con người kì lạ, nhưng khi gặp họ và trò chuyện, chúng tôi mới thấy mẹ con bà Thảo không kì lạ chút nào, họ chỉ muốn tặng quà một cách vô tư để nhận lại một thứ hạnh phúc tinh thần nào đó mà tôi không thể nào định danh được!

(Trích **Hai mẹ con cùng hiến thận**, Lan Anh, Báo Tuổi trẻ, ngày 31/5/2018)

Câu 1: (0.5 điểm)

Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2: (0.5 điểm)

Chỉ ra lời dẫn trực tiếp được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 3: (1.0 điểm)

Nỗi đau đớn của ca đại phẫu thuật đã qua đi, giờ đây trên bụng hai mẹ con là hai vết sẹo dài, như chứng nhân về quyết định rất đổi lạ lòng, về việc sẵn sàng cho đi mà không bán khoản một phần thân thể của mình.

a. Xét về mặt cấu trúc, câu trên thuộc kiểu câu gì?

b. Xác định và nêu tác dụng của phép tu từ được sử dụng trong câu trên.

Câu 4: (1.0 điểm)

Có lẽ bạn đọc nghĩ rằng đó là hai con người kì lạ, nhưng khi gặp họ và trò chuyện, chúng tôi mới thấy mẹ con bà Thảo không kì lạ chút nào, họ chỉ muốn tặng

quà một cách vô tư để nhận lại một thứ hạnh phúc tinh thần nào đó mà tôi không thể nào định danh được!

a. Xác định thành phần biệt lập có trong câu trên.

b. Theo em, thứ hạnh phúc tinh thần mà người viết không thể nào định danh được là gì?

II. LÀM VĂN (7.0 ĐIỂM)

Câu 1: (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, em hãy viết đoạn văn khoảng 200 chữ theo cách lập luận tổng – phân – hợp bàn về tâm niệm của Trịnh Công Sơn “Sống trong đời sống cần có một tấm lòng”. Trong đó sử dụng ít nhất hai phép liên kết. (Gọi tên và xác định từ ngữ liên kết)

Câu 2: (5,0 điểm)

Phân tích tình cảm của ông Sáu dành cho con gái qua đoạn trích sau đây:

[...] Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hốt hải chạy về, tay cầm khúc gỗ đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà.

Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi ly của Mĩ, đập mỏng làm thành một cây chĩa nhỏ, chĩa khúc gỗ thành từng miếng nhỏ. Những lúc rỗi, anh chĩa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc... Mỗi ngày anh chĩa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi... cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba” ... Những đêm nhớ con,... anh lấy cây lược ra ngắm nghía, rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra... Anh bị viên đạn của máy bay Mĩ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lễ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh.

- Tôi sẽ mang về trao tận tay cho cháu.

Tôi cúi xuống gần anh và khẽ nói. Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi.

(Trích **Chiếc lược ngà**, Nguyễn Quang Sáng, Ngữ văn 9, Tập 1)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: Tự sự	0,5 điểm
	2	Lời dẫn trực tiếp được sử dụng trong đoạn trích: “Cứ nghĩ bình thường đi, bình thường với nhau đi, bây giờ tôi chẳng đang rất khỏe là gì...”	0,5 điểm

	3	a. Câu ghép b. Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn trên là biện pháp so sánh. <i>Hai vết sẹo dài trên bụng hai mẹ con (bà Thảo và Hòa) được so sánh như chứng nhân về quyết định rất đau lòng, về việc sẵn sàng cho đi mà không bận khoăn một phần thân thể của mình.</i> - Tác dụng của biện pháp so sánh: + Khẳng định giá trị của những vết thương mà hai mẹ con phải chịu đựng. + Hai vết sẹo ấy là bằng chứng sáng rõ nhất của tinh thần làm việc thiện, sẵn sàng cho đi một phần thân thể của mình mà không cần đáp lại. =>Khẳng định tinh thần hiến dâng, biết sống vì người khác của hai mẹ con.	1,0 điểm
	4	a. Thành phần biệt lập trong câu văn trên là: Có lẽ - thành phần biệt lập tình thái. b. <i>Thứ hạnh phúc tinh thần mà người viết không thể nào định danh được</i> là niềm hạnh phúc của việc cho đi, của tinh thần sẻ chia, biết sống vì người khác, biết yêu thương với những số phận bất hạnh trong cuộc đời.	1,0 điểm
II	1	Đoạn văn đảm bảo các nội dung chính sau: - Giải thích: “tấm lòng” là những tình cảm tốt đẹp, đáng trân trọng ở con người. Trịnh Công Sơn muốn khẳng định sống trong đời sống, mỗi người cần có một tấm lòng biết quan tâm, yêu thương, biết dành những điều tốt đẹp cho người khác. + Vì mỗi người chỉ được sống có một lần trong cuộc đời, và “người với người sống để yêu nhau” nên phải dành tất cả những gì tốt đẹp cho mọi người xung quanh thì mới làm cho cuộc sống đẹp hơn, đáng sống hơn.	2,0 điểm

	- Biểu hiện của việc sống có tấm lòng: + Tấm lòng trong cuộc sống để biết cảm thông và chia sẻ: biết sẻ chia, chúng ta nhân đôi niềm vui, chia vơi nửa nỗi buồn. Khi con người biết quan tâm đến nhau, thế giới sẽ không còn khổ đau và bất hạnh. + Tấm lòng trong cuộc sống để biết tha thứ và bao dung, để không có sự ích kỉ, hận thù, để xây dựng cuộc sống hòa bình, ấm êm. + Tấm lòng của sự dũng cảm, của đức hi sinh: Dũng cảm để xả thân vì lí tưởng cao đẹp, để biết hi sinh cho những điều xứng đáng. - Tuy nhiên, trong cuộc sống ngày nay, vẫn không ít người thiếu những “tấm lòng”, sống nhỏ nhen, chỉ biết vun vén cho bản thân. - Bài học hành động và liên hệ bản thân: không ngừng rèn luyện phẩm chất đạo đức, nuôi dưỡng tâm hồn, tấm lòng để biết sống vì người khác, biết cho đi.	
2	I. Mở bài: - Giới thiệu vài nét về tác giả Nguyễn Quang Sáng và tác phẩm “Chiếc lược ngà”. Giới thiệu cảm nghĩ khái quát về nhân vật ông Sáu. - Giới thiệu về vấn đề nghị luận: Tình yêu của ông Sáu dành cho bé Thu, được thể hiện trong đoạn văn kể chuyện khi ông trở về khu căn cứ và làm cho con cây lược ngà. II. Thân bài: 1. Khái quát Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến, mãi đến khi con gái ông lên tám tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Bé Thu không chịu nhận cha vì vết sẹo trên mặt làm ba em không giống với người chụp chung với má trong bức ảnh mà em đã biết. Thu đối xử với ba như người xa lạ, đến lúc hiểu ra, tình cảm	5,0 điểm

	cha con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải lên đường. Ở khu căn cứ, bao nỗi nhớ thương con ,ông dồn vào việc làm cho con cây lược. Ông hi sinh trong một trận càn của Mỹ nguy. Trước lúc nhắm mắt, ông còn kịp trao cây lược cho một người bạn. Tình đồng đội, tình cha con của ông Sáu được miêu tả thật cảm động, làm sáng ngời vẻ đẹp của người lính Cách mạng, của người cha yêu con. 2. Tình cảm của ông Sáu dành cho con khi ông ở căn cứ kháng chiến. - Kiếm được ngà voi, mặt ông <i>“hớn hờ như một đứa trẻ được quà”</i>. Những lúc rỗi, ông <i>“ngồi tựa lưng chiếc răng lược, thận trọng tỉ mỉ và khổ công như người thợ bạc”</i>. Trên sống lưng cây lược, ông đã tận tâm khắc một dòng chữ nhỏ: <i>“Yêu nhớ tặng Thu con của ba”</i>. Dòng chữ nhỏ mà chứa bao tình cảm lớn lao. Việc làm chiếc lược vừa là cách ông giải tỏa tâm trạng mong nhớ, ân hận vừa là cách gửi vào đó những yêu thương khao khát cháy bỏng dành cho đứa con gái yêu của mình. Chiếc lược ngà giờ đây đã trở thành một vật quý giá thiêng liêng với ông Sáu. Nó làm dịu đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu mến, nhớ thương, mong đợi của của người cha đối với đứa con xa cách. Cây lược ấy chưa chải được mái tóc của con nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của ông. Những lúc nhớ con, ông <i>“lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng thêm mượt”</i>. Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ trở thành một nghệ nhân - nghệ nhân chỉ sáng tạo ra một tác phẩm duy nhất trong đời. Ông gửi vào đó bao lời nhắn nhủ thiêng liêng, gửi vào đó bao nỗi nhớ mong con. Chiếc lược ngà là kết tinh tình phụ tử mộc mạc mà đầm thắm, đơn sơ mà diệu kì, là hiện hữu của tình cha con bất hủ giữa ông Sáu và bé Thu. Tình thương ông dành cho con cháy bỏng, như một dòng sông chảy mãi từ suối nguồn, như dòng máu chảy sâu vào tim ông, vào tâm hồn ông đến phút cuối vẫn bùng cháy chẳng	

	ngươi. Một tình cảnh đau thương lại đến với cha con ông Sáu: trong một trận càn lớn của quân Mỹ ngụy, ông Sáu bị một viên đạn bắn vào ngực và ông đã hi sinh. <i>“Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được”</i>, tất cả tàn lực cuối cùng chỉ còn cho ông làm một việc “đưa tay vào túi, móc cây lược” đưa cho người bạn chiến đấu. Đó là điều trăng trối không lời nhưng nó thiêng liêng hơn cả những lời di chúc. Nó là sự ủy thác, là ước nguyện cuối cùng, ước nguyện của tình phụ tử. Chiếc lược ngà như là biểu tượng của tình thương yêu, săn sóc của người cha dành cho con gái, cho dù đến khi không còn nữa anh chưa một lần được chải tóc cho con. Người kể chuyện, đồng đội của ông Sáu đã bộc lộ một sự đồng cảm và xúc động thực sự khi kể lại câu chuyện. - Những dòng cuối cùng của đoạn trích khép lại trong nỗi buồn mênh mang mà chứa chan ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Chiến tranh là hiện thực đau xót của nhân loại. Chiến tranh đã làm cho con người phải xa nhau, chiến tranh làm khuôn mặt ông Sáu biến dạng, chiến tranh khiến cuộc gặp gỡ của hai cha con vô cùng éo le, bị thử thách, rồi một lần nữa chiến tranh lại khắc nghiệt để ông Sáu chưa kịp trao chiếc lược ngà đến tận tay cho con mà đã phải hi sinh trên chiến trường. Nhưng những đau thương mất mát mà chiến tranh tàn bạo gây ra không thể nào giết chết những tình cảm đẹp đẽ của con người Việt Nam. “Chiếc lược ngà” như một truyện cổ tích hiện đại dẫn người đọc dõi theo số phận của nhân vật. Người còn, người mất nhưng kỉ vật gạch nối giữa cái mất mát và sự tồn tại là chiếc lược ngà nói với chúng ta nhiều điều về tình người, tình đồng chí, tình cha con. Cảm động nhất, để lại ấn tượng nhiều nhất cho người đọc là tình phụ tử thiêng liêng, sâu đậm – tình yêu thương mà ông Sáu dành cho đứa con gái.	

		3. Nhận xét, đánh giá: - Có thể nói nhân vật ông Sáu được nhà văn xây dựng bằng những nét nghệ thuật đặc sắc. Nguyễn Quang Sáng đã đặt nhân vật vào cảnh ngộ éo le của đời sống để từ đó ngòi bút miêu tả tâm lí tinh tế đã phát hiện bao cung bậc cảm xúc của tình phụ tử. - Ngôn ngữ kể chuyện vừa truyền cảm, vừa mang đậm chất địa phương Nam Bộ đem đến cho người đọc nhiều xúc động. Đặc biệt, nhà văn đã lựa chọn được một số chi tiết nghệ thuật rất đắt giá như lời dặn mua cho con cây lược của bé Thu, ông Sáu hờ hởi khi kiếm được chiếc ngà voi... Tất cả đã góp phần tô đậm vẻ đẹp của người chiến sĩ Cách mạng, của người cha yêu con nồng thắm. III. Kết bài: - Khẳng định thành công của tác giả trong việc thể hiện tình phụ tử thiêng liêng. - Khẳng định giá trị tác phẩm.	

ĐỀ SỐ 50	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Sách kể chuyện hay... sách ca hát

.....(1) Nhiều lần tôi khóc khi đọc sách, sách kể chuyện hay biết bao về con người, họ trở nên đáng yêu và gần gũi biết bao. (2) Là một thằng bé con bị công việc ngà độn làm cho kiệt sức, luôn luôn phải hìng lấy những lời chửi mắng dằn đôn, tối trịnh trọng hứa với mình là lớn lên, tôi sẽ giúp mọi người, hết lòng phục vụ họ. (3) Như những con chim kỳ diệu trong truyện cổ tích, sách ca hát về cuộc sống đa dạng và phong phú như thế nào, con người táo bạo như thế nào trong khát vọng đạt tới cái thiện và cái đẹp. (4) Và càng đọc, trong lòng tôi càng tràn đầy tinh thần lành mạnh và hăng hái (5). Tôi trở nên điềm tĩnh hơn, tin ở mình hơn, làm việc hợp lý hơn và ngày càng ít để ý đến vô số chuyện bức bối trong cuộc sống.

(6) Mỗi cuốn sách đều là một bậc thang nhỏ mà khi bước lên, tôi tách khỏi con thú để lên tới gần con người, tới gần quan niệm về cuộc sống tốt đẹp nhất và về sự thèm khát về cuộc sống ấy...

(M.Gorki, Dẫn theo Tạ Đức Hiền, Tập làm văn THPT, Nxb Giáo dục, 1998)

Câu 1. Văn bản trên thuộc kiểu văn bản nào (thuyết minh, tự sự, nghị luận)? (0,5 điểm)

Câu 2. Dựa vào văn bản, em hãy chỉ ra 02 tác dụng của việc đọc sách. (0,5 điểm)

Câu 3. Xác định và nêu tác dụng của phép liên kết trong 02 câu sau: (1,0 điểm)

(3) Như những con chim kỳ diệu trong truyện cổ tích, sách ca hát về cuộc sống đa dạng và phong phú như thế nào, con người tạo bao như thế nào trong khát vọng đạt tới cái thiện và cái đẹp. (4) Và càng đọc, trong lòng tôi càng tràn đầy tinh thần lành mạnh và hăng hái.

Câu 4. Em có đồng tình với ý kiến “Mỗi cuốn sách đều là một bậc thang nhỏ mà khi bước lên, tôi tách khỏi con thú để lên tới gần con người” không? Vì sao? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm): Hãy viết một đoạn văn (độ dài khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về lợi ích của việc đọc sách.

Câu 2 (5,0 điểm):

Trình bày cảm nhận về nhân vật Phương Định trong truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* (Lê Minh Khuê)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Văn bản trên thuộc kiểu văn bản thuyết minh.	0,5 điểm
	2	Dựa vào văn bản có thể chỉ ra 2 tác dụng của việc đọc sách đó là: - Sách kể những câu chuyện hay về con người, khiến con người trở nên gần gũi với nhau hơn. - Sách ca ngợi, mang lại cái nhìn tích cực về một cuộc sống đa dạng, phong phú, lành mạnh tươi đẹp, giúp ta quên đi những căng thẳng, bực bội trong cuộc sống.	(0,5 điểm)
	3	Phép liên kết: phép nối ("và") => Tác dụng: Nhấn mạnh về ý nghĩa, tác dụng to lớn của việc đọc sách đối với con người.	(1,0 điểm)
	4	Đồng tình với quan điểm Vì: đọc sách giúp con người phát triển và hoàn thiện nhân cách, giúp con người tách dần khỏi phần bản năng (thú) để đi đến phần con người, hướng con người đến cái đích của chân - thiện -	(1,0 điểm)

		mĩ.	
II	1	Tham khảo những gợi ý sau để triển khai vào đoạn văn của mình: - Một trong những phương pháp để con người có tri thức là chăm chỉ đọc sách bởi sách là tài sản quý giá, người bạn tốt của con người. - Sách là tài sản vô giá, là người bạn tốt. Bởi sách là nơi lưu trữ toàn bộ sản phẩm tri thức của con người, giúp ích cho con người về mọi mặt trong đời sống xã hội. - Sách giúp ta có thêm tri thức, mở rộng hiểu biết, thu thập thông tin một cách nhanh nhất (nêu dẫn chứng). - Sách bồi dưỡng tinh thần, tình cảm cho chúng ta, để chúng ta trở thành người tốt (dẫn chứng) - Sách là người bạn đồng viên, chia sẻ làm vơi đi nỗi buồn (dẫn chứng) - Tác hại khi không đọc sách: Hạn hẹp về tầm hiểu biết, tâm hồn cằn cỗi. - Cần có phương pháp đọc sách hiệu quả: chọn sách tốt, có giá trị để đọc, phải đọc kỹ, vừa đọc vừa nghiêm ngẫm suy nghĩ, ghi chép những điều bổ ích, thực hành, vận dụng những điều học được từ sách vào cuộc sống hàng ngày.	(2,0 điểm)
	2	I. Mở bài - Giới thiệu vài nét về tác giả Lê Minh Khuê và truyện ngắn <i>Những ngôi sao xa xôi</i>. + Lê Minh Khuê (1949) là nữ nhà văn gốc Thanh Hóa thuộc thế hệ những nhà văn bắt đầu sáng tác trong thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ. + <i>Những ngôi sao xa xôi</i> là tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê nhà văn nữ chuyên viết về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ nơi tuyến đường Trường Sơn trong những năm chống Mỹ. - Giới thiệu khái quát về nhân vật Phương Định: là một nhân vật chính xuyên suốt truyện thể hiện được thông điệp của truyện. II. Thân bài	5,0 điểm

	1. Khái quát về tác phẩm <i>Những ngôi sao xa xôi</i> - Hoàn cảnh sáng tác: Tác phẩm được sáng tác vào những năm 1970 trong thời kì kháng chiến chống Mỹ vô cùng gian khổ, ác liệt. - Nội dung tác phẩm kể về 3 cô thanh niên xung phong có nhiệm vụ phá bom trong thời kì chống Mỹ, dù công việc rất khó khăn và nguy hiểm nhưng họ vẫn lạc quan, yêu đời và có tinh thần trách nhiệm cao. 2 Phân tích và cảm nhận về nhân vật Phương Định - Lý tưởng sống cao đẹp và tinh thần dũng cảm + Vừa rời khỏi ghế nhà trường trung học phổ thông, cô đã không ngại gian khó, nguy hiểm xung phong ra mặt trận, nghe theo tiếng gọi của con tim, đi theo tiếng gọi của Tổ Quốc. - Hoàn cảnh sống và công việc + Vào chiến trường đã được 3 năm, thuộc tổ trinh sát mặt đường, hàng ngày phải đo khối lượng đất đá lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần phải phá bom. + Thời gian làm việc: Cô và đồng đội phải "<i>chạy trên cao điểm cả ban ngày</i>". -> Công việc luôn ẩn chứa hiểm nguy, có thể lấy đi tính mạng con người bất cứ lúc nào. => Phẩm chất của thế hệ trẻ trong thời kháng chiến chống Mỹ: dũng cảm, gan dạ, kiên cường. - Thái độ, tinh thần lạc quan của Phương Định + Cô đã quen với việc phải đối mặt với "<i>Thần chết</i>" mỗi ngày + Không quan tâm đến tính mạng của mình, chỉ nghĩ đến có gỡ được bom không thôi. + Vẫn làm việc ngay cả khi "<i>còn một vết thương chưa lành miệng ở đùi</i>" -> hi sinh mất mát của bản thân cũng coi hết sức nhẹ nhàng. + Mỗi lần gỡ bom, "<i>thần kinh thì căng như chảo, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết rộng khắp xung quanh có nhiều</i>	

	quả bom chưa nổ". Khi xong việc, quay lại nhìn cảnh đoạn đường một lần nữa, thở phào "rồi mới yên tâm chạy về hang ở". > Có tinh thần trách nhiệm với công việc mặc nguy hiểm vẫn không hề nản, hành động chuẩn xác, thuần thực, kĩ lưỡng. => Chính sự khốc liệt của chiến tranh đã tôi luyện tâm hồn nhạy cảm yếu đuối của cô trở nên bản lĩnh kiên cường, ý chí và lòng quả cảm. - Vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng, mơ mộng và tình nghịch + Phương Định nhạy cảm, mơ mộng, hay lãng mạn: có thời học sinh hồn nhiên vô tư, hay nhớ tới những kỉ niệm tuổi thơ, luôn tìm được điều thú vị trong cuộc sống, công việc + Hồn nhiên, yêu đời: thích hát, say sưa tận hưởng cơn mưa đá một cách hồn nhiên + Quan tâm đến vẻ đẹp bên ngoài của mình: • Thích ngắm mình trong gương • Khi biết mình được các anh để ý cô có một chút kiêu ngâm - Giàu tình cảm, gắn bó với đồng chí đồng đội + Yêu thương đồng đội, coi như chị em trong gia đình với bao tình cảm, gắn bó, đùm bọc lẫn nhau. + Lo lắng khi thấy Nho và Thao lên cao điểm chưa về + Khi Nho bị thương, cô lo lắng, quan tâm, chăm sóc cho Nho: pha sữa, rửa vết thương cho Nho,... + Cô dành tình cảm quý mến và tôn trọng chị Thao => Phương Định là một người sống giàu tình cảm. 3 Cảm nhận về đặc sắc nghệ thuật - Nghệ thuật xây dựng hình tượng, miêu tả tâm lí và tính cách nhân vật sâu sắc - Ngôn ngữ trần thuật phù hợp, ngôn ngữ nhân	

	vật trẻ trung, tự nhiên, giàu nữ tính - Ngôi kể thứ nhất, nhân vật tự kể khiến câu chuyện hiện lên chân thực, chi tiết, tỉ mỉ; đồng thời dễ dàng bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc của mình. III. Kết bài - Nêu đánh giá, cảm nhận của em về nhân vật Phương Định. - Liên hệ vai trò của tuổi trẻ hiện nay trong việc bảo vệ đất nước.	

BÀI VĂN MẪU

Lê Minh Khuê là nhà văn thuộc thế hệ những tác giả bắt đầu sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Mỹ. Với tài năng và sự tìm tòi, khám phá của mình, bà sớm gặt hái được nhiều thành công về mảng đề tài là cuộc sống chiến đấu của những thanh niên xung phong và bộ đội trên tuyến đường Trường Sơn. “Những ngôi sao xa xôi” là một trong những truyện ngắn tiêu biểu của Lê Minh Khuê. Nhân vật chính trong tác phẩm - Phương Định - là nhân vật giành được nhiều sự yêu mến, cảm phục của người đọc bởi vẻ đẹp ngoại hình, tâm hồn và sự dũng cảm, ngoan cường, bình tĩnh ung dung trước hiểm nguy.

Phương Định tạo cảm tình đầu tiên cho người đọc bởi vẻ trẻ trung, xinh đẹp của một cô gái mới lớn. Cô là người nhạy cảm và luôn quan tâm đến hình thức của mình. Cô tự đánh giá: *“Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Con mắt tôi thì các lái xe bảo: Cô có cái nhìn sao mà xa xăm”*, vẻ đẹp ấy của cô đã hấp dẫn bao chàng trai: *“các anh pháo thủ và lái xe hay hỏi thăm tôi”*. Điều đó làm Phương Định tự hào nhưng điều đặc biệt là cô chưa dành riêng tình cảm cho ai.

Nhân vật chính của tác phẩm còn khiến người đọc khâm phục bởi sự dũng cảm ngoan cường, bình tĩnh ung dung vượt lên khó khăn nguy hiểm.

Phương Định cùng những người bạn của mình sống và chiến đấu trên một cao điểm, giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Chị phải chạy trên cao điểm đánh phá của máy bay địch. Sau mỗi trận bom, chị cùng đồng đội phải lao ra trọng điểm, đo và ước tính khối lượng đất đá bị bom địch đào xới, đếm những quả bom chưa nổ và dùng những khối thuốc nổ đặt vào cạnh nó để phá. Đó là công việc mạo hiểm với cái chết luôn gần kề tạo áp lực khiến thần kinh vô cùng căng thẳng. Thực hiện công việc đó, Phương Định và đồng đội phải rất bình tĩnh và họ đã thực sự bình tĩnh, ung dung một cách lạ thường. Thậm chí, với họ, công

việc ấy đã trở thành bình thường: *"Công việc của chúng tôi là ngồi đây. Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và khi cần thì phá bom"*.

Mặc dù đã quen với công việc nguy hiểm này, thậm chí một ngày có thể phải phá tới năm quả bom nhưng mỗi lần vẫn là một thử thách tột độ với thần kinh của Phương Định. Từ khung cảnh và không khí chứa đầy căng thẳng đến cảm giác là các anh cao xạ ở trên kia cũng đang theo dõi từng động tác cử chỉ của mình để lòng dũng cảm ở cô như được kích thích bởi sự tự trọng: *"Tôi đến gần quả bom... đang hoảng mà bước tới"* ở bên quả bom kề sát với cái chết im lìm và bất ngờ, từng cảm giác của con người như cũng trở nên sắc nhọn hơn: *"Thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người cửa vào da thịt tôi. Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành"*.

Đặc biệt, Phương Định càng khiến người đọc yêu mến, trân trọng hơn bởi tâm hồn trong sáng, tinh tế. Chị rất giàu tình cảm với đồng chí, đồng đội, quê hương và vô cùng lạc quan yêu đời.

Giống như hai người đồng đội trong tổ trinh sát, Phương Định yêu mến những người đồng đội trong tổ và cả đơn vị của mình. Đặc biệt, cô yêu mến và cảm phục tất cả những người chiến sĩ mà hằng đêm cô gặp trên trọng điểm của những con đường vào mặt trận. Phương Định đã lo lắng, sốt ruột khi đồng đội lên cao điểm chưa về. Chị yêu thương và gắn bó với bạn bè nên có những nhận xét tốt đẹp đầy thiện cảm về Nho, phát hiện ra vẻ đẹp dễ thương "nhẹ, mát như một que kem trắng" của bạn. Chị còn hiểu và đồng cảm sâu sắc với những sở thích và tâm trạng của chị Thao.

Phương Định cũng là người con gái có một thời học sinh hồn nhiên, vô tư bên người mẹ thân thương trong một căn buồng nhỏ nằm trên một đường phố yên tĩnh hồi Hà Nội còn thanh bình trước chiến tranh. Những kỉ niệm ấy luôn sống lại trong cô giữa chiến trường dữ dội. Nó là niềm khao khát làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến trường.

Vào chiến trường đã ba năm, làm quen với những thử thách hiểm nguy, giáp mặt hàng ngày với cái chết nhưng ở Phương Định không mất đi sự hồn nhiên trong sáng và cả những mơ ước về tương lai: *"Tôi mê hát", "thích nhiều bài"*.

Phương Định là cô thanh niên xung phong trên tuyến đường huyết mạch Trường Sơn những ngày kháng chiến chống Mĩ. Chị tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam trong những năm tháng hào hùng ấy. Họ là những người không tiếc tuổi thanh xuân, hiến dâng trọn vẹn cho Tổ quốc những gì quý giá nhất:

*“Xẻ dọc Trường Sơn đi đánh Mĩ
Mà lòng phơi phới dậy tương lai”*

Trong "*Những ngôi sao xa xôi*", Lê Minh Khuê đã miêu tả chân thực và sinh động tâm lí nhân vật. Tác phẩm được kể từ ngôi thứ nhất tạo thuận lợi cho tác giả miêu tả thế giới nội tâm qua việc để nhân vật tự sự về mình.

Nhân vật Phương Định trong "*Những ngôi sao xa xôi*" của Lê Minh Khuê mang những đặc điểm tốt đẹp tiêu biểu cho tâm hồn những chàng trai, cô gái thanh niên xung phong lên đường chống Mĩ trong những năm tháng vất vả mà hào hùng của dân tộc. Phương Định để lại trong lòng độc giả niềm yêu mến, cảm phục đối với thế hệ trẻ Việt Nam trong những ngày tháng bom rơi đạn nổ ấy. Và hơn thế, điều đó trở thành động lực để thế hệ trẻ Việt Nam hôm nay viết tiếp nét son trong trang sử của thời đại mình.

ĐỀ SỐ 51	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Tiếng lành đồn gần, tiếng dữ đồn xa”, đúng như ông bà ta từ xa xưa đã nói. Trong xã hội hiện nay, tiếng dữ càng lan truyền nhanh hơn, rộng hơn gấp vạn lần bởi các trang mạng xã hội.

Những cái *“like”* vô tình, *“share”* theo phong trào và *“comment”* cố ý để gây ấn tượng đã góp phần rất lớn cho cái xấu lan xa hơn.

“Tiếng dữ đồn xa” dường như đã làm mất đi lối sống đẹp của giới trẻ ngày nay. Vậy tại sao chúng ta không làm cho *“tiếng lành đồn xa”*?

Theo tôi, chúng ta có thể bắt đầu ngay chính từ những trang mạng xã hội. Hãy phát động từ trường học, cơ quan, xí nghiệp đến ban ngành, đoàn thể nhân rộng các câu chuyện đẹp, hành động tử tế trên mạng xã hội, nghĩa là mọi người chỉ *“like, share, comment”* những tin tức, hình ảnh về việc tốt, người tốt và tuyệt đối không làm những điều này với những tin tức về cái xấu, cái ác.

Lối sống đẹp, điều thiện chỉ có thể bắt đầu khi *“tai nghe, mắt thấy”* thường xuyên từ những chuyện tốt đẹp.

(Chia sẻ của Lê Phương Trí, đăng trên *Xây dựng lối sống đẹp: đừng vội quy chụp cho người trẻ* - Quốc Linh, www.tuoiitre.vn, 19/3/2018).

Câu 1: Người chia sẻ đã nêu ra nguyên nhân nào khiến cái xấu dễ lan xa? (0,5 điểm)

Câu 2: Em hiểu như thế nào về nghĩa của từ “tiếng lành”? (0.5 điểm)

Câu 3: Vì sao “*Lối sống đẹp, điều thiện chỉ có thể bắt đầu khi “tai nghe, mắt thấy”*” thường xuyên từ những chuyện tốt đẹp”? (1.0 điểm)

Câu 4:

a) Thế nào là khởi ngữ? (0,5 điểm)

b) Câu nào sau đây không có khởi ngữ? Chuyển câu đó thành câu có khởi ngữ. (0.5 điểm)

(1) - Lối sống đẹp, ta có thể bắt gặp ở mọi nơi.

(2) - Mọi người cần có cách ứng xử đúng đắn trước cái xấu.

II. LÀM VĂN: (7.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 01 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ về tính kiêu ngạo.

Câu 2: (5.0 điểm)

Cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn những cô thanh niên xung phong trong truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* (Lê Minh Khuê).

)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
	1	Người chia sẻ đã nêu ra các nguyên nhân khiến cái xấu dễ lan xa: những cái “like” vô tình, “share” theo phong trào và “comment” cố ý	0,5 điểm
	2	"tiếng lành" ở đây là chỉ những người, những việc tốt đẹp trong cuộc sống.	0,5 điểm
	3	Để có một lối sống đẹp không phải chỉ ngày một ngày hai có thể làm được, mà nó còn phải thể hiện ở những hành động thực tế, mà muốn lan tỏa được những lối sống đẹp thì ta cần phải thực hiện lan tỏa để mọi người xung quanh đều có thể “ <i>tai nghe, mắt thấy</i> ”, mà việc này cần phải làm thường xuyên. đồng thời cũng cần phê phán những lối sống tiêu cực, ích kỉ, những điều xấu xa. Ví dụ như "ATM gạo" ở Việt Nam, chỉ một hành động nhỏ của một cá nhân tới địa phương, rồi lan tỏa ra toàn quốc, giúp những ai có hoàn cảnh khó khăn trong thời kỳ đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp.	1,0 điểm
	4	a) Khởi ngữ là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu. b) Câu không có khởi ngữ: (2) - Mọi người cần	1,0 điểm

		có cách ứng xử đúng đắn trước cái xấu. Chuyển câu đó thành câu có khởi ngữ: Trước cái xấu, mọi người cần có cách ứng xử đúng đắn.	
	1	Đoạn văn tham khảo: Trong cuộc sống, biết tự tin vào bản thân là một điều tốt và cần phát huy nhưng có một số người lại biến sự tự tin ấy trở thành sự kiêu ngạo của bản thân. Kiêu ngạo dùng để ám chỉ những người luôn tự tin một cách thái quá vào bản thân, luôn coi mình là nhất mà không coi người khác ra gì. Người có đức tính kiêu ngạo luôn bảo vệ ý kiến của bản thân mà không quan tâm tới người khác. Có một số người còn thể hiện sự kiêu ngạo bằng cách coi thường những thứ mà họ nghĩ là "thấp kém hơn mình". Như một vài người "tầng lớp trên" - người có cả tiền tài và địa vị, họ nhìn những người nghèo khổ bằng thái độ khinh khỉnh. Không ở đâu xa, ngay trong trường học, có những học sinh học rất giỏi nhưng họ lại luôn tự phụ, coi thường các bạn khác trong lớp... Kiêu ngạo, tự cao như một chất axit ăn mòn nhân cách và huỷ hoại cuộc sống của con người. Bởi sự kiêu ngạo, thói tự cao sẽ kéo theo những đức tính xấu khác như sự ích kỷ, bảo thủ. Chính vì luôn cho mình là đúng, luôn cho những thứ của mình là tốt nhất nên con người thường không muốn san sẻ những điều mình có cho bất cứ một ai khác. Cuối cùng, họ trở thành những con người cô đơn, cô độc nhất. Việc ta cần làm để tránh đi thói tự cao, kiêu ngạo chính là học cách sống chậm lại, suy nghĩ và nhìn nhận mọi việc rộng rãi hơn. Tất nhiên, bản thân chúng ta vẫn phải nỗ lực, rèn luyện để hoàn thiện bản thân, hướng tới những điều tốt đẹp trong cuộc sống.	2,0 điểm
	2	I.Mở bài - Giới thiệu tác phẩm Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê.	5,0 điểm

	- Giới thiệu chung về ba cô gái trong tổ trình sát mặt đường. II. Thân bài 1. Khái quát hoàn cảnh sống và chiến đấu của 3 cô gái + Sống và chiến đấu trên tuyến đường Trường Sơn đầy bom đạn. + Họ phải đối mặt đó là cuộc chiến đấu ác liệt và chính là công việc tổ trình sát mặt đường - một công việc hơn cả nặng nhọc, đó là nhiệm vụ hiểm nghèo. 2. Vẻ đẹp chung của ba cô gái + Họ có lòng yêu nước sâu sắc, sống có lí tưởng cao đẹp. + Tinh thần trách nhiệm cao với công việc, lòng dũng cảm, gan dạ không sợ gian khổ hi sinh. + Họ có tâm hồn trong sáng, lạc quan, yêu đời + Họ là những nữ thanh niên xung phong có tình đồng đội gắn bó, thân thiết 3. Vẻ đẹp riêng của ba cô thanh niên xung phong + Nho là một cô gái trẻ, xinh xắn nhưng trong chiến đấu thì rất dũng cảm, hành động thật nhanh gọn. + Nhân vật Phương Định là đại diện các cô gái trẻ Hà Nội vào chiến trường tham gia đánh giặc, tuy gian khổ nhưng vẫn giữ được cái phong cách riêng của người Hà Nội, rất trữ tình và đáng yêu. Là một cô học sinh thành phố, nhạy cảm và hồn nhiên, thích mơ mộng và hay sống với những kỉ niệm của tuổi thiếu nữ vô tư về gia đình và về thành phố của mình. + Nhân vật chị Thao lớn tuổi hơn nên những ước mơ và dự định về tương lai cũng thiết thực hơn. Một người chị nông thôn, đầy tinh thần trách nhiệm, dám quyết đoán, biết hi sinh và nhường nhịn. 4. Đánh giá Nghệ thuật xây dựng nhân vật.	

		III.Kết bài Nêu cảm nhận chung của em về vẻ đẹp tâm hồn của 3 cô thanh niên xung phong trong truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi.	

ĐỀ SỐ 52	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc kĩ văn bản và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Công nghệ càng trở nên ưu việt sau khi đón tiếp sự ra đời của những chiếc điện thoại thông minh, hay còn gọi là smartphome. Vậy nên điện thoại thì thông minh nhưng người dùng nó, đặc biệt là người trẻ đã thực sự “thông minh”?

Theo một bài báo đưa tin về báo cáo mới nhất từ công ty chuyên nghiên cứu thị trường SuperAwesome (Anh), trẻ em từ 6-14 tuổi ở khu vực Đông Nam Á đang dẫn đầu thế giới về tỉ lệ sử dụng smartphome, cao hơn 20% so với một cường quốc công nghệ như Mỹ.

Trong thời đại công nghệ lên ngôi như hiện nay, smartphome mang tính cá nhân hóa rất lớn, kết nối internet dễ dàng, linh động và có thể sử dụng liên tục mọi lúc mọi nơi. Chúng ta dễ bắt gặp những hình ảnh giới trẻ cặm cụi vào chiếc smartphome, từ đi học đến đi chơi, vào quán cà phê, siêu thị... và thậm chí là chờ đèn đỏ hay đi bộ qua đường.

Cũng vì smartphome quá vượt trội nên chính nó cũng gây ra không ít “tác dụng phụ”. Nghiện selfie, nghiện đăng status, nghiện trở thành “anh hùng bàn phím”... khiến giới trẻ mất dần sự tương tác giữa người với người. Thật đáng buồn khi nhìn thấy trẻ em không còn thích thú với những món đồ chơi siêu nhân, búp bê, những trò chơi ngoài trời như đá bóng, nhảy dây,... - những thứ từng là cả bầu trời tuổi thơ. Những buổi sum họp gia đình, ông bà, bố mẹ quây quần bên nhau còn con cháu lại chỉ biết lướt Facebook, đăng story. Hơn cả là tình trạng giới trẻ “ôm” điện thoại từ sáng đến khuya làm tổn hại đến sự phát triển thể chất và tâm hồn.

Không ai phủ nhận được những tính năng xuất sắc mà chiếc điện thoại thông minh mang lại, song giới trẻ cần có ý thức sử dụng: *dùng điện thoại thông minh¹ một cách thông minh²*.

(Theo Thu Thương, Baomoi.com)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản. (0.5 điểm)

Câu 2: Phân loại câu theo cấu tạo, câu “Cũng vì smartphone quá vượt trội nên chính nó cũng gây ra không ít “tác dụng phụ”.” thuộc loại câu gì? Và xác định trợ từ trong câu. (0.5 điểm)

Câu 3: Em hãy giải thích nghĩa của từ *thông minh*¹ và *thông minh*² (1.0 điểm)

Câu 4: Nội dung chính của văn bản. (1.0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm). Viết đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về việc làm thế nào để dùng điện thoại thông minh một cách thông minh.

Câu 2. (5,0 điểm). Cảm nhận của em về nhân vật Phương Định, một trong những ngôi sao xa xôi trong truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* của nhà văn Lê Minh Khuê.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản là nghị luận.	0,5 điểm
	2	Phân loại câu theo cấu tạo, câu “Cũng vì smartphone quá vượt trội nên chính nó cũng gây ra không ít “tác dụng phụ” thuộc kiểu câu ghép. Trợ từ trong câu là: Chính	0,5 điểm
	3	- Nghĩa của từ thông minh (1) là khái niệm chỉ một kiểu điện thoại di động tích hợp nhiều tính năng. Điện thoại thông minh ngày nay bao gồm tất cả chức năng của laptop như duyệt web wifi, các ứng dụng của bên thứ 3 trên di động và các phụ kiện đi kèm cho máy. - Nghĩa của từ thông minh (2) chỉ cách người dùng sử dụng điện thoại, sử dụng để thực hiện được các yêu cầu công việc khác nhau một cách linh hoạt nhưng không lạm dụng quá mức dẫn đến lệ thuộc vào điện thoại, “nghiện” điện thoại.	1,0 điểm
	4	Nội dung chính của văn bản là thực trạng của giới trẻ sử dụng smartphone trong thời đại công nghệ hiện nay và những hậu quả của nó.	1,0 điểm

1	Bài làm cần đảm bảo các ý chính sau: - Thực trạng sử dụng smartphone hiện nay có không ít tác dụng phụ. - Cách sử dụng điện thoại thông minh một cách thông minh: + Sử dụng điện thoại cho những nhu cầu nghe, gọi, thư giãn, giải quyết công việc như đúng chức năng mà khi người khai sinh ra nó mong muốn. + Tự điều chỉnh khung thời gian biểu hợp lí để không quá chú tâm đến điện thoại, có thời gian thực hiện những vui chơi, giải trí lành mạnh khác. + Những trang mạng xã hội nên quản lí nội dung phù hợp với lứa tuổi của người dùng. + Người dùng điện thoại nhận thức điều quan trọng nhất là giữ gìn, xây đắp mối quan hệ yêu thương với những người thân chứ không phải những mối quan hệ ảo trên mạng xã hội... + Với những người lớn: kiểm soát, làm gương cho người nhỏ. Học sinh có thể đưa ra những giải pháp khác nhau, giáo viên tùy thuộc vào cách viết của học sinh để cho điểm. - Là một học sinh, em đã được dùng điện thoại chưa? Nếu dùng rồi em đã và đang dùng điện thoại thông minh như thế nào để không ảnh hưởng đến việc học tập.	2,0 điểm
2	I. Mở bài - Thuộc thế hệ nhà văn trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ. Tác giả tham gia thanh niên xung phong và bắt đầu sáng tác vào đầu những năm 70.	5,0 điểm

	- Lê Minh Khuê thành công ở thể loại truyện ngắn: + Trong chiến tranh, hầu hết sáng tác tập trung viết về cuộc sống, chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn. + Sau 1975, sáng tác của Lê Minh Khuê bám sát những chuyển biến của đời sống xã hội và con người trên tinh thần đổi mới. - Sáng tác của Lê Minh Khuê cuốn hút người đọc nhờ lối viết giản dị, tự nhiên, lối kể chuyện sinh động, khả năng phân tích tâm lí nhân vật chân thực, tinh tế. - Tác phẩm được viết năm 1971, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt. - Tóm tắt ngắn gọn tác phẩm. II. Thân bài: Phân tích, cảm nhận về vẻ đẹp nhân vật Phương Định 1. Vẻ đẹp dũng cảm, kiên cường: - Phương Định cùng đồng đội đảm nhận một công việc đầy gian khổ, hiểm nguy trên cung đường Trường Sơn, giữa những năm kháng chiến chống Mỹ ác liệt: + Cô thuộc tổ trinh sát mặt đường, hàng ngày phải đo khối lượng đất đá lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần phải phá bom. + Vì thế, mỗi khi máy bay ném bom phải lao lên mặt đường, đánh dấu đoạn đường bị bom phá hỏng và những quả bom chưa nổ. + Không chỉ vậy, cô và tổ trinh sát còn đảm đương việc phá bom nổ chậm. Đây là nhiệm vụ đòi hỏi sự bình tĩnh, dũng cảm, quên mình của chiến sĩ vì thần chết luôn lẫn trong ruột những quả bom.	

	Là công việc mà có làm bao nhiêu lần vẫn không thể quen, vẫn luôn căng thẳng đến mức <i>“thần kinh căng như chảo... tim đập bất chấp cả nhịp điệu”</i>. Vậy mà, cô vẫn bám trụ 3 năm liền trên tuyến đường Trường Sơn, chứng tỏ vẻ đẹp quả cảm, ý chí kiên cường, lòng yêu nước của Phương Định. - Diễn biến tâm trạng Phương Định trong một lần phá bom nổ chậm: + Nền của tâm trạng là không khí căng thẳng: bầu trời, mặt đất vắng lặng phát sợ. + Phương Định đã chiến thắng nỗi sợ hãi của mình: Đi thẳng người đến bên quả bom; tắt cả mọi giác quan của cô trở nên nhạy bén, có ngày cô phá bom đến 5 lần. Tinh thần trách nhiệm, sự quên mình trong công việc khiến cái chết trở nên mờ nhạt. Cô chỉ nghĩ đến <i>“liệu mình có nổ, bom có nổ không?”</i> =>Cô là biểu tượng cho vẻ đẹp của lòng quả cảm, kiên cường của thế hệ nữ thanh niên xung phong thời chống Mỹ. 2. Vẻ đẹp tâm hồn nhạy cảm, mơ mộng, giàu yêu thương: - Nét đẹp trẻ trung, hồn nhiên, mơ mộng: + Cô luôn chăm chút cho ngoại hình và rất tự hào về đôi mắt <i>“có cái nhìn sao mà xa xăm”</i> và cái cổ kiêu hãnh như đài hoa loa kèn => tự thấy mình là một cô gái khá. + Cô thích soi gương, thích làm điệu trước các anh bộ đội. + Đặc biệt, Phương Định rất thích hát, thích nhiều loại nhạc khác nhau và còn thường bịa lời ra để hát. + Cô vui thích cuống cuống trước một cơn mưa	

	đá. + Cô cũng hay hồi tưởng về quá khứ, về tuổi học sinh, về căn nhà nhỏ bên quảng trường thành phố. Cô nhớ khuôn cửa sổ, nhớ những ngôi sao trên bầu trời Hà Nội, nhớ bà bán kem với lũ trẻ con háo hức vây quanh. Đó là những kí ức làm tươi mát tâm hồn cô trong hoàn cảnh chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh. Vào chiến trường, phải trải qua nhiều gian khổ, thiếu thốn song Phương Định vẫn giữ vẹn nguyên thế giới tâm hồn mình. Đây là một minh chứng cho sức sống mãnh liệt của cô gái trẻ này. - Tình cảm gắn bó, yêu thương cô dành cho những đồng đội: + Cô yêu thương, chiều chuộng Nho như một đứa em út trong nhà. Khi Nho bị thương, cô lo lắng, chăm sóc, cảm thấy đau như chính mình bị thương. + Với chị Thao: Phương Định hiểu tính cách và tình cảm của chị, cô coi chị Thao như người chị cả trong gia đình. + Khi đồng đội trên cao điểm, Phương Định ở nơi an toàn trực điện đài, mà chẳng thể yên lòng: cô gắt lên với đội trưởng, cô sốt ruột chạy ra ngoài rồi lo lắng. Tất cả đã làm hiện lên một thế giới tâm hồn tinh tế, trong sáng, nhân hậu và vẻ đẹp nhân cách của một người thiếu nữ, sống giữa hiện thực chiến tranh khốc liệt mà vẫn tràn đầy niềm yêu thương, tin tưởng dành cho con người và cuộc sống. Lê Minh Khuê đã khắc họa thành công nhân vật Phương Định, người thiếu nữ Hà Nội với	

	tâm hồn phong phú và lòng dũng cảm, tinh thần quên mình vì nhiệm vụ. Nhà văn đã góp cho văn xuôi chống Mĩ một trong những hình tượng sống động và đáng yêu nhất. 3. Đặc sắc nghệ thuật - Nghệ thuật miêu tả nhân vật đặc sắc. - Kể chuyện sinh động. - Ngôn ngữ trần thuật phù hợp với nhân vật, nhịp kể biến đổi linh hoạt. - Lựa chọn ngôi kể phù hợp, thể hiện được những nét tinh tế, sâu sắc trong tâm hồn nhân vật. III. Kết bài - Lê Minh Khuê đã làm nổi bật chân dung của Phương Định một cô gái hồn nhiên, trong sáng, tinh thần dũng cảm, lạc quan trong cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ. Phương Định là đại diện tiêu biểu của thế hệ trẻ thời kì kháng chiến chống Mĩ. - Nhân vật Phương Định được xây dựng thành công với nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc.	

ĐỀ SỐ 53	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Lãng phí thời gian là mất tuyệt đối. Thời gian là một dòng chảy thẳng, không bao giờ dừng lại và cũng không bao giờ quay lại. Mọi cơ hội, nếu bỏ qua là mất. Tuổi trẻ mà không làm được gì cho đời, cho bản thân thì nó vẫn xồng xộc đến tuổi già. Thời gian là một dòng chảy đều đặn, lạnh lùng, chẳng bao giờ chờ đợi sự chậm

trễ. Hãy quý trọng thời gian, nhất là trong thời đại trí tuệ này; nền kinh tế tri thức đã và đang làm cho thời gian trở nên vô giá. Chưa đầy một giờ, công nghệ Nhật Bản đã có thể sản xuất một tấm thép, con tàu tốc hành của các nước phát triển, trong vài giờ đã có thể vượt qua được vài ngàn kilômét. Mọi biểu hiện đủng đỉnh, rềnh ràng đều trở nên lạc lõng trong xu thế toàn cầu hiện nay. Giá trị là cần thiết nhưng chơi bời quá mức, để thời gian trôi qua vô vị là có tội với đời, với tương lai đất nước.

(Phong cách sống của người đời, nhà báo Trường Giang, theo nguồn Internet)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Hãy chỉ ra trong đoạn trích 01 phép liên kết về hình thức. (0,5 điểm)

Câu 3. Em hiểu như thế nào về câu văn: “Thời gian là một dòng chảy đều đặn, lạnh lùng, chẳng bao giờ chờ đợi sự chậm trễ”? (1,0 điểm)

Câu 4. Thông qua đoạn trích trên, em hãy nêu ngắn gọn bài học có ý nghĩa nhất đối với bản thân. (1,0 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu . (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở câu 1, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 – 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về việc phải làm gì để không lãng phí thời gian.

Câu 3. (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về bé Thu trong đoạn trích *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng. (Sách giáo khoa Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên: nghị luận.	0,5 điểm
	2	01 phép liên kết về hình thức là phép lặp: Thời gian	0,5 điểm
	3	“Thời gian là một dòng chảy đều đặn, lạnh lùng, chẳng bao giờ chờ đợi sự chậm trễ” Thời gian sẽ liên tục trôi qua mà không biện pháp nào có thể ngăn cản; nó không phụ thuộc vào bất cứ điều gì. Dù bạn có nhanh hay chậm, thời gian vẫn sẽ cứ tuần hoàn trôi đi.	1,0 điểm

	4	Bài học có ý nghĩa nhất: <i>Con người cần biết quý trọng thời gian, biết sử dụng quỹ thời gian của mình cho hợp lí để không bỏ lỡ các cơ hội trong cuộc đời hay hối tiếc vì những gì đã qua.</i>	1,0 điểm
	1	1. Mở đoạn 2. Thân đoạn Giải thích vấn đề. - Lãng phí thời gian là sử dụng quỹ thời gian của mình không hợp lí, để thời gian trôi qua một cách vô ích. - Lãng phí thời gian là điều đáng chê trách, lãng phí thời gian cũng đồng nghĩa với việc lãng phí cuộc đời của chính mình. Bàn luận vấn đề: - Tại sao lãng phí thời gian lại đáng chê trách: Thời gian vũ trụ là vô tận nhưng thời gian cho một đời người là hữu hạn. Nếu lãng phí thời gian bạn sẽ không làm gì được cho cuộc đời của chính mình và cho xã hội. - Nguyên nhân con người thường lãng phí thời gian: Con người mải miết rong chơi. Con người chưa biết quản lí quỹ thời gian hợp lí. - Biện pháp khắc phục và sử dụng quỹ thời gian hợp lí: + Mỗi người cần tự nhận thức được giá trị của thời gian với cuộc đời để từ đó biết quý trọng thời gian mình có. + Lập thời gian biểu để sử dụng thời gian hợp lí. + Tận dụng tối đa thời gian để học tập và làm việc. + Tạo bản thân thói quen làm việc đúng giờ. + ... Liên hệ bản thân: Em đã làm gì để sử dụng quỹ thời gian của mình hợp lí?	2,0 điểm

	3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề	
2	I. Mở bài - Nguyễn Quang Sáng là nhà văn miền Nam, những tác phẩm của ông chủ yếu viết về cuộc sống và con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như sau hòa bình. - <i>Chiếc lược ngà</i> được sáng tác năm 1966 khi tác giả tham gia chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ. - Tác phẩm: + Ca ngợi tình cha con thăm thiết, sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Từ đó khẳng định tình cảm cha con thiêng liêng như một giá trị nhân bản sâu sắc. + Gợi cho người đọc nghĩ tới và thấm thía những đau thương, mất mát và éo le mà chiến tranh đã gây ra với con người. II. Thân bài 1. Tình yêu thương cha sâu nặng của bé Thu. a. Trước khi nhận ông Sáu là cha: - Bé Thu gặp lại cha sau 8 năm xa cách, một người mà Thu mới chỉ nhìn thấy trong ảnh. Nhưng ngay từ lần đầu gặp mặt, cô bé đã vô cùng hoảng sợ và phải gọi “Má!Má!”, nó nhìn ông Sáu bằng đôi mắt xa lạ. - Rồi những ngày sau đó Thu tỏ ra ngang ngạnh, bướng bỉnh, gan lì kiên quyết không gọi ông Sáu là ba. Bị mẹ ép gọi ba vào ăn cơm nó chỉ nói trống không, khi bị đẩy tới bước đường cùng chặt nước cơm nó cũng linh hoạt tự làm một mình. - Nhất là khi ông Sáu gắp cho nó cái trứng cá, nó hất ra khỏi bát cơm, khiến cơm văng tung tóe. Lúc bị đánh những tưởng nó sẽ khóc, nhìn bằng ánh mắt căm giận, nhưng nó chỉ lặng lẽ gắp cái trứng cá ra rồi bỏ về nhà ngoại. Nó không chấp nhận bất cứ sự quan tâm nào của ông Sáu với nó.	5,0 điểm

	=> Đây là sự biểu hiện của một cái tính mạnh mẽ, đồng thời cũng rất phù hợp với tâm lý thường thấy của con người. Bởi trong hoàn cảnh xa cách và trắc trở của chiến tranh, Thu còn quá nhỏ để biết được những tình thế khắc nghiệt và éo le của cuộc sống. => Nhưng đằng sau tất cả sự từ chối đến cứng đầu đầy của bé Thu là tình yêu thương cha mãnh liệt. b. Khi được bà ngoại giải thích: Tuy nhiên khi được nghe bà ngoại giải thích, anh Sáu không giống trong bức ảnh thì bé Thu hiểu ra mình đã sai. Thu đã rất ân hận về hành động của mình. c. Nhận ra cha - Phản ứng không nhận anh Sáu quyết liệt bao nhiêu thì khi nhận ra cha tình cảm ấy lại càng sâu nặng bấy nhiêu. Trong giờ phút cuối cùng trước khi cha đi, tình cảm dồn nén bấy lâu nay bùng lên thật mãnh liệt, mạnh mẽ. - Nó hét tiếng “Ba” xé ruột, xé gan. Đó là tiếng “ba” nó mong chờ bấy lâu nay, tiếng gọi ấy khiến ông Sáu rơi lệ. - Rồi nó nhảy tót lên ôm chặt lấy ông Sáu, hôn vào tóc, vai, mặt, mũi và cả vết sẹo dài trên mặt ông. Chân nó quắp chặt lấy ba, như thể không muốn cho ông rời đi. => Tất cả những hành động ấy cho thấy Thu yêu thương ba vô cùng, một tình yêu mãnh liệt, chân thành, thấm thiết. Tình yêu đó được bộc lộ một cách cảm động qua hoàn cảnh éo le của chiến tranh. 2. Đặc sắc nghệ thuật - Miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật đặc sắc. - Ngôn ngữ giản dị, đậm chất Nam Bộ. - Tình huống bất ngờ hợp lí, đã bộc lộ tình yêu	

	thương tha thiết bé Thu dành cho ba của mình III. Kết bài - Tác phẩm đã thể hiện một cách chân thực và cảm động tình cảm yêu thương sâu nặng của bé Thu dành cho cha của mình trong hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt. - Miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc, giàu sức biểu cảm.	

ĐỀ SỐ 54	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (2,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

CÂU CHUYỆN CỦA HAI HẠT MẦM

Có hai hạt mầm nằm cạnh nhau trên một mảnh đất màu mỡ. Hạt mầm thứ nhất nói: Tôi muốn lớn lên thật nhanh. Tôi muốn bén rễ sâu xuống lòng đất và đâm chồi nảy lộc xuyên qua lớp đất cứng phía trên...

Tôi muốn nở ra những cánh hoa dịu dàng như dấu hiệu chào đón mùa xuân... Tôi muốn cảm nhận sự ấm áp của ánh mặt trời và thưởng thức những giọt sương mai đọng trên cành lá.

Và rồi hạt mầm mọc lên.

Hạt mầm thứ hai bảo:

- Tôi sợ lắm. Nếu bén những nhánh rễ vào lòng đất sâu bên dưới, tôi không biết sẽ gặp phải điều gì ở nơi tối tăm đó. Và giả như những chồi non của tôi có mọc ra, đám côn trùng sẽ kéo đến và nuốt ngay lấy chúng. Một ngày nào đó, nếu những bông hoa của tôi có thể nở ra được thì bọn trẻ con cũng sẽ vặt lấy mà đùa nghịch thôi. Không, tốt hơn hết là tôi nên nằm ở đây cho đến khi cảm thấy thật an toàn đã. Và rồi hạt mầm nằm im và chờ đợi.

Một ngày nọ, một chú gà đi loanh quanh trong vườn tìm thức ăn, thấy hạt mầm nằm lạc lõng trên mặt đất bèn mổ ngay lập tức.

Trong cuộc sống sẽ luôn có những cơ hội cho những ai dám chấp nhận mạo hiểm, trải nghiệm những thử thách, mạnh dạn vượt qua những khuôn khổ lối mòn để bước lên những con đường mới.

(Theo Hạt giống tâm hồn, Fisrt New và NXB Tổng hợp TP HCM)

Câu 1: (0.5 điểm) Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên

Câu 2: (0,5 điểm) Tác dụng của biện pháp điệp ngữ “tôi muốn” trong lời nói của hạt mầm thứ nhất.

Câu 3: (1.0 điểm) Sự khác nhau về quan điểm sống được thể hiện trong lời nói của hai hạt mầm.

II. LÀM VĂN (8.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm) Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về con đường để đạt được ước mơ.

Câu 2. (6.0 điểm)

“Từ cuối hạ sang thu, đất trời có những biến chuyển nhẹ nhàng mà rõ rệt. Sự biến chuyển này đã được Hữu Thỉnh gợi lên bằng cảm nhận tinh tế, qua những hình ảnh giàu sức biểu cảm trong bài Sang thu”.

(SGK Ngữ văn 9, tập hai, 2017)

Bằng sự cảm nhận bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên: tự sự.	0,5 điểm
	2	Điệp ngữ “tôi muốn” nhấn mạnh và diễn tả những khát khao, ước mơ của hạt mầm thứ nhất.	0,5 điểm
	3	Sự khác nhau về quan điểm sống được thể hiện trong lời nói của hai hạt mầm: - Hạt mầm thứ nhất: sống đầy mơ ước, khát khao hướng tới những điều cao đẹp, dũng cảm đương đầu với thử thách. - Hạt mầm thứ hai: chọn cách sống an toàn, sống hèn nhát, thụ động, luôn sợ hãi.	1,0 điểm
II	1	1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề 2. Thân bài *Giải thích vấn đề - Ước mơ là ước mong, khát vọng, là những gì tốt đẹp mà ta luôn hướng tới. Mỗi người sẽ có những ước mơ khác nhau.	2,0 điểm

	- Con đường đạt được ước mơ chính là cách thức để ta biến ước mơ thành hiện thực. * Phân tích, bàn luận vấn đề. - Tại sao con người cần có ước mơ? + Ước mơ chính là động lực thúc đẩy ta hành động. + Người có ước mơ là người sống có lí tưởng riêng và nhất định sẽ thành công với những sự lựa chọn của mình. - Con đường thực hiện ước mơ: + Không ngừng nâng cao năng lực của bản thân, trau dồi tri thức và kĩ năng. + Không chùn bước trước khó khăn, sẵn sàng vượt qua mọi trở ngại. + Con đường thực hiện ước mơ phải bắt đầu từ ngày hôm nay, từ những bước nhỏ nhất. + Điều quan trọng nhất trong quá trình đi đến ước mơ đôi khi không phải là đích đến mà là hành trình. - Phê phán những kẻ bất chấp tất cả để đạt được ước muốn của mình. - Liên hệ bản thân: Em có ước mơ gì? Em đã lựa chọn con đường nào để thực hiện những ước mơ đó? 3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề	
2	I. Mở bài: - Là nhà thơ chiến sĩ, trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Ông từng cầm súng chiến đấu trong chiến trường miền Nam. - Sáng tác của ông cuốn hút người đọc nhờ cảm xúc tinh tế, ngòi bút giàu chất lãng mạn và lối viết giản dị, giàu sức gợi. - Mùa thu – một đề tài quen thuộc của thơ ca phương Đông nói chung và thơ ca Việt Nam nói riêng.	6,0 điểm

	- Tác phẩm được sáng tác vào năm 1977, được in lại nhiều lần trong các tập thơ mà gần đây nhất là tập <i>“Từ chiến hào đến thành phố”</i> – 1991. - Nhận định: <i>“Từ cuối hạ sang thu, đất trời có những biến chuyển nhẹ nhàng mà rõ rệt. Sự biến chuyển này đã được Hữu Thỉnh gọi lên bằng cảm nhận tinh tế, qua những hình ảnh giàu sức biểu cảm trong bài Sang thu”</i>. II. Thân bài: 1. Giá trị nội dung a. Khoảnh khắc giao mùa <i>* Tín hiệu mùa thu</i> - Tín hiệu đầu tiên mà tác giả cảm nhận qua khứu giác là hương ổi mộc mạc, bình dị. Hương ổi chủ động <i>“phả vào trong gió se”</i>. + Với từ <i>“phả”</i> tác giả đã đặc tả hương thơm đậm như sánh lại, quện lại, lùa vào trong gió, làm cho nó trở nên thơm tho lạ thường. + Vì thế gợi hình dung cụ thể về mùi ổi chín thơm nồng, ngọt mát, có sức lan tỏa. - Mùa thu về còn hiện qua cả xúc giác <i>“gió se”</i>. Gió và hương ổi làm thức dậy cả không gian thôn vườn, ngõ xóm. - Hình ảnh <i>“sương qua ngõ”</i>. Nghệ thuật nhân hóa cùng từ láy <i>“chùng chình”</i> đã làm cho làn sương trở nên sinh động có hồn. <i>* Cảm xúc của nhà thơ</i> - Trong giờ phút giao mùa ấy lòng nhà thơ đắm say: + Đó là cảm giác bất ngờ khi bắt gặp tín hiệu thu về: <i>“bỗng”</i> diễn tả cảm xúc ngạc nhiên, ngỡ ngàng, một niềm vui chợt đến, một thoáng xúc động, một cái giật mình khẽ đánh thức con người khỏi những bề bộn của cuộc sống để hòa mình với thiên nhiên. + Rồi đến cảm giác mơ hồ, mong manh, bối rối, tự hỏi lòng mình <i>“hình như thu đã về”</i>. + Từ <i>“về”</i> còn gợi ra cảm giác thân thiết, quen thuộc.	

	=> Phải gắn bó lắm với cuộc đời, phải có giác quan vô cùng nhạy cảm thì nhà thơ mới có những cảm nhận tinh tế đến vậy về phút giao mùa. <i>b. Bức tranh mùa thu và sự chuyển biến rõ nét hơn của đất trời khi sang thu</i> <i>* Hai câu đầu:</i> - Hình ảnh dòng sông và cánh chim được vẽ với những nét tương phản: + Dòng sông trôi một cách hiền hòa, nhàn hạ. Nghệ thuật nhân hóa cùng từ láy gợi hình “<i>dềnh dàng</i>” đã đặc tả hình ảnh dòng sông trôi chậm chạp, thông thả. + Đối lập lại là hình ảnh những cánh chim vội vã. <i>* Hai câu sau:</i> tạo điểm nhấn cho bức tranh - Hình ảnh đám mây xuất hiện cùng từ “<i>vất</i>” đã gợi ra khung cảnh: một làn mây mỏng nhẹ, mềm mại, uyển chuyển như một dải lụa, một tấm khăn voan vắt ngang trên bầu trời. - Nghệ thuật nhân hóa đã làm đám mây mang tâm trạng con người: nửa lưu luyến, bịn rịn mùa hạ, nửa háo hức nghiêng hẳn sang thu. <i>c. Những biến chuyển của thiên nhiên & suy ngẫm về đời người lúc chớm thu:</i> - Những biến chuyển của thiên nhiên được tái hiện tài tình: + Phép đối: “<i>vẫn còn</i>” – “<i>vội dần</i>”, “<i>nắng</i>” – “<i>mưa</i>” gợi sự vận động trái chiều của hai hiện tượng thiên nhiên -> biểu hiện của sự giao mùa. + “<i>Mưa</i>”, “<i>nắng</i>”: Nắng vẫn còn nhưng không chói chang, gay gắt, cơn mưa rào đặc trưng của mùa hạ đã vội dần -> dấu hiệu của mùa thu đậm nét hơn. + Những từ ngữ chỉ mức độ “<i>vẫn còn</i>” “<i>vội</i>” “<i>bớt</i>” được sắp xếp giảm dần cho thấy mùa hạ đang nhạt dần, mùa thu ngày càng rõ nét hơn.	

	- Suy ngẫm về đời người lúc chớm thu: + Tiếng sấm: Theo nghĩa thực, tiếng sấm là dấu hiệu của những cơn mưa rào mùa hạ. Sang thu, tiếng sấm nhỏ dần, không đủ sức làm lay động hàng cây đã bao mùa thay lá. Nghĩa ẩn dụ: chỉ những biến động thất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời, cho những gian nan, thử thách mà con người gặp phải trong cuộc đời. + “hàng cây đứng tuổi”: gọi cái xế chiều của đời người, gọi hình ảnh những con người đã trưởng thành, trầm tĩnh và vững vàng hơn. è Con người khi đã trưởng thành sẽ hiểu biết hơn, bình tĩnh, ung dung hơn trước mọi đổi thay, biến động của cuộc đời. 2. Nghệ thuật - Thể thơ 5 chữ. Nhịp thơ chậm, âm điệu nhẹ nhàng. - Nhiều từ có giá trị gợi tả, gợi cảm sâu sắc. - Sự cảm nhận tinh tế, thú vị, gợi những liên tưởng bất ngờ. - Hình ảnh chọn lọc mang nét đặc trưng của sự giao mùa hạ - thu III.Kết bài: Đất trời sang thu gợi biết bao cảm xúc, gợi bao suy ngẫm về đời người sang thu.	

ĐỀ SỐ 55	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (2,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Bà con của một người bà con dẫn cô lên giúp việc nhà họ vào một bữa trời mưa...

Ngay cái ngày đầu tiên đó cô đã mang một chuẩn mực mới đến với gia đình họ, tạm gọi là “phải ở dưới quê...” Ngó mấy con cá rô nằm cạnh rổ cải bắp, cô thần thờ, trời ơi, “phải ở dưới quê, mình nấu cá rô với bông so đũa, ngọt nước lắm. Bông so đũa mùa này trở trắng trên mấy bờ kinh, mật ời là mật” Hàng xóm cãi nhau, cô ngó qua rào, “phải ở dưới quê thế nào cũng có người chạy tới can, người ngoài mới tiếng ngọt, tiếng lạt, cũng đỡ căng” Sau mỗi bữa ăn, cô tần ngần “phải ở dưới quê, đồ ăn dư như vậy là nuôi được mấy con heo”

(...) Mỗi người có một chuẩn mực của riêng mình để vịn vào, đối chiếu so sánh. Chủ nhà từng nghĩ cuộc sống hiện đại, sung túc là thiên đường. Nhưng bây giờ thì họ hoang mang, thế giới mơ ước của họ có nguy cơ đổ vỡ trước cô giúp việc...

(Biển của mỗi người, Nguyễn Ngọc Tư, NXB Kim Đồng, 2016, tr. 5, 6, 7)

Câu 1. Những phương thức biểu đạt nào được sử dụng trong đoạn trích trên?

Câu 2. Tại sao chủ nhà lại “hoang mang” và cảm thấy “thế giới mơ ước của họ có nguy cơ đổ vỡ” trước cô giúp việc?

II. PHẦN LÀM VĂN. (8,0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Thời gian – Quà tặng kì diệu của cuộc sống! Hãy viết bài văn ngắn (khoảng 200 chữ) bàn về ý nghĩa của thời gian đối với lứa tuổi học trò hiện nay.

Câu 2. (6.0 điểm)

Cảm nhận về hình ảnh người lính trong đoạn thơ sau:

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.

(Đồng chí, Chính Hữu, Ngữ văn 9, tập 1. NXBGDVN, 2014)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM

I	1	Những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích trên: tự sự, nghị luận.	1,0 điểm
	2	Chủ nhà “hoang mang” và cảm thấy “thế giới mơ ước của họ có nguy cơ đổ vỡ” vì: - Họ sống trong một cuộc sống hiện đại với sự quy chiếu giá trị từ đời sống hiện đại, nếp sống của phố xá kể cả trong sinh hoạt lẫn trong nếp nghĩ. - Cô giúp việc mang đến gia đình họ những lối suy nghĩ và nếp sống của người ở dưới quê. Sự chênh lệch về chuẩn mực trong suy nghĩ và nếp sống dẫn đến những khác biệt, xáo trộn về tâm lí khiến chủ nhà hoang mang trước nếp sống và suy nghĩ của chính mình.	1,0 điểm
	3		
II	1	1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề. 2. Thân đoạn Giải thích vấn đề: - Thời gian: là khái niệm dùng để diễn tả trình tự xảy ra của các sự kiện, biến cố và khoảng kéo dài của chúng. - Thời gian trong quan niệm của người xưa là thời gian có khả năng trở đi trở lại – thời gian tuần hoàn. Tuy nhiên, với những nghiên cứu trong xã hội hiện đại, con người biết rằng thời gian là thứ một đi không trở lại – thời gian tuyến tính. Như vậy thời gian cho mỗi con người là hữu hạn. Vì vậy, mỗi người cần biết quý trọng quỹ thời gian của mình. Phân tích, bàn luận vấn đề: - Ý nghĩa của thời gian với lứa tuổi học trò: + Khi còn đang ở tuổi học trò – tuổi trẻ, con người sẽ có nhiều thời gian.	2,0 điểm

	+ Thời gian ở thời điểm này nên dùng vào việc học tập, tích lũy kiến thức, hoàn thiện bản thân + Thời gian nên dùng vào việc quan tâm đến gia đình, bạn bè,... - Thời gian là nhân chứng cho những giá trị đích thực mà mỗi bạn sẽ tạo ra. - Lãng phí thời gian là thứ lãng phí không bao giờ có thể bù đắp được. - Không nên cậy mình còn trẻ mà rong chơi, mãi chạy theo những thứ vô bổ ở cuộc đời. Mỗi bạn cần xây dựng kế hoạch để sử dụng quỹ thời gian cho hợp lí vì “Thời gian thấm thoắt thoi đưa/...” - Phê phán những bạn còn mãi chơi, không quý trọng thời gian. - Liên hệ bản thân. 3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề	
2	I. Mở bài Tác giả - Trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp. - Từng cầm súng chiến đấu -> am hiểu tâm tư, cuộc đời người lính. - Bắt đầu sáng tác năm 1947, chủ yếu viết về đề tài người lính và chiến tranh. - Đặc điểm thơ Chính Hữu: cảm xúc chân thành, mãnh liệt, ngôn ngữ giàu hình ảnh, giọng điệu phong phú. Tác phẩm: - Hoàn cảnh sáng tác: mùa xuân năm 1948, được in trong tập “<i>Đầu súng trăng treo</i>” (1966) - Vị trí:	6,0 điểm

	+ Là một trong những thi phẩm thành công nhất của Chính Hữu. + Tiêu biểu cho thơ ca kháng chiến chống Pháp (1946-1954) - Đoạn trích đã nêu lên biểu hiện của tình đồng chí và khẳng định sức mạnh, vẻ đẹp tình đồng chí cao đẹp. II. Thân bài 1. Biểu hiện của tình đồng chí <i>* Là sự thấu hiểu những tâm tư, tình cảm của nhau:</i> - Nhân vật trữ tình nói về nỗi lòng của đồng đội mà như đang bộc bạch nỗi lòng của chính mình. - Thấu hiểu: + Cảnh ngộ, nỗi bận lòng về hậu phương. + Ý chí lên đường, tình cảm cách mạng mãnh liệt. Khi cần họ biết hi sinh hạnh phúc cá nhân vì dân tộc. Họ bỏ lại ruộng vườn, ngôi nhà – là những tài sản quý giá để vào lính. Từ “<i>mặc kệ</i>” đã nói lên sự lựa chọn dứt khoát ấy. + Nỗi nhớ quê nhà đau đáu trong tâm hồn người lính. <i>* Là sự đồng cam, cộng khổ trong cuộc đời người lính:</i> - Đó là những cơn sốt rét rừng đã từng cướp đi bao sinh mạng, trong hoàn cảnh đó họ vẫn quan tâm, lo lắng cho nhau. - Đó còn là cái hiện thực thiếu thốn, khó khăn, gian khổ của cuộc đời người lính. Họ đã sống trong hoàn cảnh nghèo nàn về vật chất: thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu thuốc men...nhưng họ vượt lên tất cả nhờ sức mạnh của tình đồng chí.	

	- Đó còn là những khắc nghiệt của khí hậu núi rừng -> họ vượt lên nhờ tinh thần lạc quan cách mạng, sự ấm áp của tình đồng chí. <i>* Là niềm yêu thương, gắn bó sâu nặng họ dành cho nhau.</i> - Hình ảnh “<i>tay nắm bàn tay</i>”: + Chứa chứa bao yêu thương trù mến. + Sẵn lòng chia sẻ khó khăn. => Chính tình đồng chí chân thành, cảm động và sâu sắc đã nâng đỡ bước chân người lính và sưởi ấm tâm hồn họ trên mọi nẻo đường chiến đấu. 2. Sức mạnh và vẻ đẹp của tình đồng chí: <i>* Được xây dựng trên nền một hoàn cảnh khắc nghiệt:</i> - Thời gian, không gian: rừng đêm hoang vu, lạnh lẽo. - Không khí căng thẳng trước một trận chiến đấu. -> Tâm hồn họ vẫn bay lên với hình ảnh vầng trăng nơi đầu súng. -> Họ vẫn xuất hiện trong tư thế điềm tĩnh, chủ động “<i>chờ giặc tới</i>”. => Nhờ tựa vào sức mạnh của tinh thần đồng đội. Họ “<i>đứng cạnh bên nhau</i>” và trở thành một khối thống nhất không gì lay chuyển nổi. <i>* Được biểu hiện qua một hình ảnh thơ độc đáo, đầy sáng tạo: “Đầu súng trăng treo”:</i> - Vốn là một hình ảnh thơ được cảm nhận từ thực tiễn chiến đấu. - Song hình ảnh này mang nhiều ý nghĩa biểu tượng phong phú: + Gợi liên tưởng: chiến tranh - hòa bình, hiện thực - ảo mộng, kiên cường – lãng mạn, chất chiến sĩ – chất thi sĩ.	

	+ Gợi vẻ đẹp của tình đồng chí snags trong, sâu sắc. sự xuất hiện của vầng trăng là một bằng chứng về sức mạnh kì diệu của tình đồng đội. Tình cảm ấy giúp tâm hồn người lính bay lên giữa lúc gay go, khốc liệt của chiến tranh. + Gợi vẻ đẹp của tâm hồn người lính – một tâm hồn luôn trong trẻo, tươi mát dầu phải băng qua lửa đạn chiến tranh. + Gợi vẻ đẹp tâm hồn dân tộc Việt Nam – một bàn tay giữ chắc cây súng mà trái tim luôn hướng đến những khát vọng thanh bình. III. Kết bài - Nội dung: Bài thơ thể hiện chân thực, cảm động một tình cảm lớn mang tính thời đại, đó là tình đồng chí bền chặt, thiêng liêng của những người lính cách mạng. Qua đó tác giả đã khắc họa thành công hình ảnh người lính thời kì đầu chống Pháp. - Nghệ thuật: Lối miêu tả chân thực, tự nhiên; từ ngữ, hình ảnh giản dị và giàu sức gợi, cảm xúc dồn nén.	

ĐỀ SỐ 56	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc kĩ ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi nêu bên dưới:

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm bắt thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

(Phương Liên, *Thời gian là vàng*, Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, tr.36)

Câu 1: (0.5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của ngữ liệu trên.

Câu 2: (0.5 điểm) Nêu ngắn gọn nội dung của ngữ liệu.

Câu 3: (1.0 điểm)

Xét về cấu tạo, câu “*Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội.*” là kiểu câu gì? Vì sao?

Câu 4: (1.0 điểm) Ngữ liệu trên chuyển tải thông điệp gì?

II. Phần Tập làm văn (7.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm)

Viết một đoạn văn nghị luận (không quá một trang giấy thi) theo cách diễn dịch bàn về ý nghĩa của tuổi thơ đối với mỗi người.

Câu 2: (5.0 điểm)

Cảm nhận của em về vẻ đẹp của hai nhân vật: anh Sáu trong tác phẩm *Chiếc lược ngà* (Nguyễn Quang Sáng) và anh thanh niên trong tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa* (Nguyễn Thành Long)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của ngữ liệu trên là nghị luận.	0,5 điểm
	2	Nội dung của ngữ liệu trên: Khẳng định giá trị của thời gian quý hơn vàng vì không mua được. Thời gian là sự sống, là thắng lợi, là tri thức và nếu biết tận dụng thời gian, chúng ta có thể làm được nhiều điều đáng quý cho chính mình cũng như cho xã hội.	0,5 điểm
	3	Xét về cấu tạo, câu “ <i>Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội.</i> ” là kiểu câu ghép. Vì ở đây là câu ghép đã bị lược mất cả hai thành phần chủ ngữ ở hai vế nhưng chúng ta vẫn có thể hiểu đối	1,0 điểm

		tượng mà câu văn nói tới là mọi người, chúng được tạo bởi cặp quan hệ từ “nếu ... thì”. Chúng ta có thể khôi phục câu văn như sau để dễ xác định: “Thế mới biết, nếu chúng ta biết tận dụng thời gian thì chúng ta sẽ làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội.”	
	4	Ngữ liệu trên chuyển tải thông điệp nhắc nhở mọi người biết quý trọng thời gian, dùng thời gian để làm những điều có ý nghĩa.	1,0 điểm
II	1	Bài làm của học sinh đảm bảo các ý chính sau. - Tuổi thơ là quãng thời gian thơ bé, nhỏ tuổi. - Tuổi thơ có ý nghĩa quan trọng với mỗi người: + Khi còn nhỏ, người ta không có quá nhiều thứ để nhớ, những ấn tượng tuổi thơ sẽ là những kỉ niệm được khắc ghi nhất. + Tuổi thơ nuôi dưỡng những cảm xúc trong trẻo, hồn nhiên bên những người thân yêu, bên bạn bè. + Tuổi thơ được chứng kiến và trải nghiệm nhiều điều mới lạ, mở ra những ước mơ trong sáng. + Tuổi thơ được nuôi dưỡng như thế nào sẽ có ảnh hưởng nuôi dưỡng tâm hồn con người như thế. Tuổi thơ thiếu thốn nuôi dưỡng cho người ta ý chí, nghị lực vươn lên; tuổi thơ được sống trong yêu thương nuôi dưỡng cho người ta biết yêu thương những người khác; tuổi thơ được vui chơi tạo nên những kỉ niệm đẹp; ngay cả những tuổi thơ không may mắn cũng dạy cho người ta bài học nào đó trong cuộc đời. - Tuy nhiên, hiện nay, tuổi thơ của trẻ con trong thời đại mới khác trước rất nhiều. Có những điều kiện hiện đại hơn nhưng chưa chắc con trẻ được khám phá và nuôi dưỡng thể xác, tâm hồn lành mạnh như trước đây. - Điều quan trọng là làm thế nào để mỗi tuổi thơ đều đáng nhớ, đáng yêu. Kể cả những vấp ngã, đau đớn	2,0 điểm

	trong tuổi thần tiên ấy cũng trở thành những mốc cuộc đời không thể nào quên. - Đã đi qua tuổi thơ của mình, tuổi thơ em có gì đặc biệt và có vai trò như thế nào với em.	
2	1. Mở bài - Giới thiệu hai tác giả, hai tác phẩm - Giới thiệu hai nhân vật là linh hồn của tác phẩm, gửi gắm những tư tưởng của tác giả. 2. Thân bài 2.1. Giống nhau - Anh Sáu và anh thanh niên đều là những con người mới trong thời đại kháng chiến chống Mĩ. - Họ đều có tình yêu quê hương, đất nước, giàu tình cảm với những người thân trong gia đình, mang trong mình tình yêu lớn, lí tưởng lớn. Họ là đại diện cho con người Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. 2.2. Khác nhau <i>a. Anh Sáu trong Chiếc lược ngà là hiện thân của người cha tha thiết yêu thương con. Tình cảm đó được thể hiện suốt dọc dài câu chuyện. Đồng thời ông Sáu cũng là một người lính chiến đấu giành lại niềm Nam thân yêu.</i> Trong 3 ngày ngắn ngủi về thăm con: - Xúc động mãnh liệt trong khoảnh khắc gặp lại con sau 8 năm xa cách: + Vội vàng, hấp tấp nhảy lên bờ gọi con + Đưa tay đón con + Bước những bước dài tới bên con + Khuôn mặt biến đổi vì nỗi xúc động. - Đau đớn vì bé Thu không đáp lại tình cảm của ông mà sợ hãi bỏ chạy:	5,0 điểm

	+ Sầm mặt lại + Đứng sững lại + Hai tay buông thõng như bị gãy => Đau khổ, bất lực vì không biết làm thế nào để san bằng khoảng cách của không gian, thời gian. - Suốt 3 ngày phép ông Sáu làm mọi cách để bé Thu thay đổi: + Ông không đi đâu, chỉ quanh quẩn bên con + Ông không giận con mà chỉ khe khẽ lắc đầu, cười trước sự bướng bỉnh, xa lánh của con. + Thậm chí khi con bé chối từ sự chăm sóc của ông, ông đã đau đớn không giữ được bình tĩnh mà trách phạt con. => Ông đã kiên nhẫn, dịu dàng, bao dung rất mực đối với con mình. - Khi chia tay, ông bộc lộ tình yêu con sâu nặng. + Anh không dám lại gần con, chỉ nhìn con bằng ánh mắt trù mến, buồn rầu. -> Ánh mắt cho thấy nỗi xót xa, cả sự yếu đuối của 1 người lính trước tình cảm gia đình. + Giọt nước mắt mà ông cố dấu, lời hứa trở về cùng chiếc lược ngà cho con đã gói trọn tình cảm yêu thương, gắn bó sâu sắc, mãnh liệt mà ông dành cho con. => Tình yêu con của ông Sáu đã chiến thắng mọi khoảng cách của sự biệt li. Tình cảm ấy luôn vẹn nguyên, ấm áp và tràn đầy. <i>Khi ông trở lại chiến trường:</i> - Luôn cảm thấy ân hận, khổ tâm vì đã đánh con. - Không quên lời hứa với con. Ông hiểu mơ ước ngày thơ của con. Cô bé muốn có một vật dụng để luôn	

	nhớ về cha. + Dồn nỗi nhớ, tình yêu và sự day dứt vào việc làm chiếc lược ngà. + Ông tỉ mỉ cưa từng răng lược, cẩn thận khắc từng nét chữ “yêu nhớ tặng Thu con của ba”. + Lúc nhớ con, ông lấy cây lược ra ngắm nghía, mài lên mái tóc. - Thậm chí, cái chết cũng không cướp đi được tình yêu thương con của ông Sáu. + Vết thương nặng trong một trận càn khiến ông kiệt sức, không trăng trối được điều gì nhưng ông vẫn dồn hết tàn lực móc cây lược trao cho đồng đội và gửi gắm đồng đội mình qua ánh mắt. + Cây lược ấy đã được trao lại cho bé Thu. Tình cha con đã không chết, nâng đỡ cô bé trưởng thành, vượt lên mọi đau thương mất mát. => Ông Sáu là biểu tượng cho tình yêu thương, sự ân cần và che chở của người cha dành cho con mình. Qua đó ta thấy được sự bất tử của tình cảm cha con. <i>b. Anh thanh niên là đại diện cho vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mĩ, đại diện cho những con người ngày đêm cống hiến thầm lặng, xây dựng đất nước.</i> <i>Hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật anh thanh niên</i> - Anh là “người cô độc nhất thế gian”, một mình làm việc trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m, quanh năm suốt tháng bốn bề mây phủ cây phong, lạnh rét. Anh cô độc đến “thèm người” và luôn “nhớ người”. - Công việc mỗi ngày của anh là: “Đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất”, dự báo trước thời tiết hàng ngày phục vụ sản xuất và chiến đấu. Công việc đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao.	

	<i>Tính cách, phẩm chất tốt đẹp của nhân vật anh thanh niên</i> * Là con người thiết tha yêu cuộc sống: - Tình cảm gắn bó, sự quan tâm, gần gũi của anh với những người xung quanh. + Lấy khúc cây chắn ngang đường để dừng xe -> thèm người, nhớ người, mong được trò chuyện và được nghe tiếng nói, tiếng cười. + Gửi củ tam thất cho vợ bác lái xe -> quan tâm đến cả những người tình cờ gặp gỡ -> trái tim biết yêu thương, sẻ chia. + Trò chuyện cởi mở, tặng hoa, tặng quà ăn đường cho người vừa mới gặp lần đầu là ông họa sĩ, cô kĩ sư -> Lòng đôn hậu, sự thân thiện của anh. - Tinh thần lạc quan trong một hoàn cảnh sống nhiều khó khăn, thử thách: + Biết tạo ra niềm vui cho cuộc sống của mình -> trồng hoa trước nhà. + Biết tổ chức một cuộc sống gọn gàng, ngăn nắp -> căn nhà anh ở sạch sẽ... + Biết nối mình với cuộc sống văn minh, tự nâng cao hiểu biết, chuyên môn nhờ đọc sách -> nhờ bác lái xe mua sách. => Giúp anh thanh niên hoàn toàn chủ động, vượt qua cuộc sống khó khăn cả vật chất lẫn tinh thần. * Là con người sống có lí tưởng, có niềm say mê và trách nhiệm với công việc. - Rất say mê công việc đo gió, đo mưa trên đỉnh Yên Sơn: + Chấp nhận sống và làm việc một mình trên đỉnh núi cao mấy nghìn m so với mặt biển -> dám đối mặt và vượt lên nỗi cô đơn vì tình yêu công việc.	

	+ Coi công việc như một người bạn “ta với công việc là đôi” + Thấy hạnh phúc khi được làm việc: tin vào ý nghĩa công việc mình làm, dự báo chính xác thời tiết giúp người nông dân sản xuất, từng giúp không quân bắn rơi máy bay. - Làm việc với một tinh thần trách nhiệm rất cao: + Có những đêm trời lạnh giá anh vẫn trở dậy đo gió, đo mưa. + Anh đã vượt lên hoàn cảnh và vượt lên chính mình để hoàn thành công việc. -> Tinh thần trung thực và ý thức trách nhiệm với nghề. - Tất cả đều bắt nguồn từ lí tưởng sống đẹp của anh thanh niên: + Anh muốn góp sức mình vào công cuộc dựng xây và bảo vệ cuộc sống mới (công việc của anh giúp ích cho lao động sản xuất và chiến đấu) + Anh không lẻ loi, đơn độc mà tìm thấy những người bạn đồng hành trên con đường mình đã chọn: ông kĩ sư vườn rau Sa Pa, anh cán bộ địa chất lập bản đồ sét -> tất cả đều lặng lẽ và bền bỉ với đời sống, với công việc. + Anh tác động lớn tới ông họa sĩ và cô kĩ sư. Ông họa sĩ tìm thấy ở anh lí tưởng sáng tạo của mình. Còn cô kĩ sư cũng tìm thấy ở anh một tấm gương về tình yêu cuộc sống, tình yêu công việc. => Anh thanh niên là hiện thân cho vẻ đẹp của một lớp người đang tích cực góp phần tạo dựng lên cuộc sống mới cho quê hương, đất nước. <i>* Anh là người khiêm tốn, thành thực</i> - Khi ông họa sĩ muốn vẽ chân dung của anh, anh từ chối bởi thấy công việc và những đóng góp của mình	

	còn nhỏ bé, chưa thấm vào đâu so với “ông kĩ sư vườn rau dưới Sa Pa”, “đồng chí nghiên cứu khoa học” đang nghiên cứu lập bản đồ sét với tất cả niềm say mê, hào hứng... Anh nhiệt thành giới thiệu để ông họa sĩ vẽ chân dung của họ - những con người làm việc hết mình, thầm lặng, những cống hiến đáng trân trọng và khâm phục. 3. Kết bài - Hai nhân vật đại diện cho người Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ nhưng mỗi người mang vẻ đẹp khác nhau. - Khuynh hướng văn học thời bấy giờ - khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn’ cái tâm, cái tài của người nghệ sĩ.	

ĐỀ SỐ 57	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

MÙA GIÁP HẠT...

... Những bữa cơm dọn sẵn, dọn khoai trong mùa giáp hạt đó là chuyện thường xuyên. Ba anh em tôi luôn được bố mẹ nhường phần cơm. Bố mẹ ăn phần sẵn và khoai lang, chúng tôi cứ vô tư ăn ngon lành. Và những bữa cơm như thế, bố mẹ luôn ngồi đầu nồi, nhiều hôm tôi thấy bố mẹ thở dài. Hai đứa em tôi không để ý đến những hành động đó. Trong bữa cơm, thường có một bát mắm tôm đồng, hoặc sang hơn có thêm bát sườn lợn được mẹ băm thật nhỏ và kho thật mặn. Một nồi canh rau tập tàng. Chỉ đơn sơ vậy thôi, mà anh em tôi thấy ngon biết mấy.

Những mùa giáp hạt, vai mẹ lại gầy đi vì những đêm thức trắng, trằn trọc với viết bao lo lắng. Tóc bố ngày một bạc thêm như thế có khói thuốc trên đầu. Anh em tôi cứ thế lớn lên trên đôi vai gầy của mẹ. Lớn lên trên những sợi bạc của bố, lớn lên trong tình yêu thương, đùm bọc của gia đình. Lớn lên trong những mùa giáp hạt, lớn lên trong nồi cơm dọn khoai sẵn. Bây giờ ngồi ôn lại những kỉ niệm, ôn lại những mùa giáp hạt, trong lòng không khỏi cảm thấy rưng rưng.

Quê tôi không còn cảnh phải ăn cơm độn sắn khoai. Nhưng tôi vẫn nhớ lắm những mùa giáp hạt...

(Trích **Mùa giáp hạt...**, Nguyễn Trung Thành, Báo **Giáo dục và Thời đại** số 100, ra ngày 26/4/2018, trang 50)

Câu 1: (0.5 điểm) Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

Câu 2: (0.5 điểm) Hãy đặt một nhan đề mới cho văn bản trên.

Câu 3: (1.0 điểm) Anh em tôi cứ thế lớn lên trên đôi vai gầy của mẹ. Lớn lên trên những sợi bạc của bố, lớn lên trong tình yêu thương, đùm bọc của gia đình. Lớn lên trong những mùa giáp hạt, lớn lên trong nồi cơm độn khoai sắn.

Cụm từ lớn lên trong các câu trên được tác giả dùng để thể hiện biện pháp tu từ gì? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Câu 4: (1.0 điểm) Trong văn bản trên, tác giả thể hiện tư tưởng tình cảm gì với gia đình?

II. PHẦN LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm)

Từ văn bản đọc hiểu trên, hãy viết đoạn văn nghị luận (từ 10-12 câu) trình bày suy nghĩ của bản thân về *tình yêu thương của cha mẹ đối với con cái*.

Câu 2: (5.0 điểm)

Phân tích nhân vật anh thanh niên qua đoạn trích sau:

Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:

- Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Và, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả “thèm” hờ bác? Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy. Bác lái xe đi, về Lai Châu cứ đến đây dừng lại một lát. Không vào giờ “ốp” là cháu chạy xuống chơi, lâu thành lệ. Cháu bỗng dừng tự hỏi: Cái nhớ xe, nhớ người ấy thật ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phần hoa đô hội thì xoàng. Cháu ở liền trong trạm hằng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lái phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói: “Đấy, bác cũng chẳng “thèm” người là gì?”

Anh xoay sang người con gái đang một mắt đọc cuốn sách, một mắt lắng nghe, chân cô đứng đưa khe khẽ, nói:

- Và cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện. Nghĩa là có sách

ấy mà. Mỗi người viết một vẽ.

- Quê anh ở đâu thế? Họa sĩ hỏi.

- Quê cháu ở Lào Cai này thôi. Năm trước, cháu tưởng cháu đi xa lắm cơ đấy, hóa lại không. Cháu có ông bố tuyệt lắm. Hai bố con cùng viết đơn xin ra lính đi mặt trận. Kết quả: bố cháu thắng cháu một – không. Nhân dịp Tết, một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đấy. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói: nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại như thế. Chú lái máy bay có nhắc đến bố cháu, ôm cháu mà lắc “Thế là một – hòa nhé!”. Chưa hòa đâu bác ạ. Nhưng từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc. Ơ, bác vẽ cháu đấy ư? Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn...

(**Lặng lẽ Sa Pa**, Nguyễn Thành Long, SGK Ngữ văn 9, Tập 1, NXBGD)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: tự sự.	0,5 điểm
	2	Nhan đề mới: Tôi lớn lên/ Kỉ niệm không quên	0,5 điểm
	3	- Cụm từ <i>lớn lên</i> trong các câu văn được tác giả dùng thể hiện biện pháp điệp ngữ. - Tác dụng của biện pháp điệp: nhấn mạnh cội nguồn nuôi dưỡng sự trưởng thành cho tác giả. Đó là sự hi sinh của cha mẹ, là những vất vả tảo tần bố mẹ đã gánh chịu để đem đến cho con ấm no dù vào những mùa giáp hạt. Không chỉ nuôi dưỡng thể xác, “anh em tôi” còn được nuôi dưỡng về tâm hồn, được sống trong sự yêu thương, đùm bọc của gia đình. Tất cả để lại trong lòng tác giả lòng biết ơn không thể nào quên.	1,0 điểm
	4	Trong văn bản trên, tác giả thể hiện tình yêu thương, sự kính trọng với gia đình, đặc biệt là lòng biết ơn vô bờ bến đối với đấng sinh thành. Tác giả hiểu thấu những vất vả gian lao mà bố mẹ phải trải qua trong những mùa giáp hạt. Nhưng hơn tất thảy, bố mẹ vẫn luôn dành cho con những điều tốt đẹp nhất. Dù	1,0 điểm

		không còn phải ăn cơm độn khoai sắn nhưng tác giả vẫn “nhớ lắm những mùa giáp hạt” vì trong những hoàn cảnh khó khăn ấy, con người mới cảm nhận được hết tấm lòng của những người thân thương xung quanh.	
II	1	Học sinh đảm bảo các ý chính sau: - Tình yêu thương của cha mẹ đối với con cái là tình cảm tự nhiên, bất biến. Vì thế mới có câu thơ: <i>“Đi khắp thế gian không ai tốt bằng mẹ Gánh nặng cuộc đời không ai khổ bằng cha”</i> - Tình yêu thương của cha mẹ dành cho con cái không gì đo đếm được, từ khi con mới ra đời cho tới tận lúc con lớn khôn. Tình yêu thương đó được thể hiện qua những hành động khác nhau: từ việc chăm cho con ăn, học, san sẻ với con những khó khăn, làm chỗ dựa tinh thần cho con trong mọi khó khăn đến lớn nhất, vĩ đại nhất là bố mẹ có thể hi sinh tất cả vì con. Được sống trong tình yêu thương của cha mẹ là niềm hạnh phúc nhất trần đời. - Tuy nhiên, ở đâu đó vẫn còn những đứa trẻ không được hưởng hạnh phúc đó, vẫn có những bậc cha mẹ sẵn sàng vứt bỏ con mình, không quan tâm yêu thương con. - Là một đứa con, em đang được đón nhận tình yêu thương của cha mẹ, em phải làm gì để xứng đáng với tình yêu thương ấy.	2,0 điểm
	2	I. Mở bài: Nêu cảm nhận chung về tác giả, tác phẩm và nhân vật <i>“Lặng lẽ Sa Pa”</i> được viết năm 1970, sau chuyến đi thực tế ở Lào Cai của nhà văn Nguyễn Thành Long, có thể coi đây là một truyện ngắn tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của ông – vừa chân thực, giản dị, vừa giàu chất trữ tình. Truyện đã xây dựng được hình tượng nhân vật anh thanh niên với những	5,0 điểm

	nét tính cách, phẩm chất đáng quý qua đoạn trích ở phần nói chuyện với ông họa sĩ và cô kĩ sư. II. Thân bài: Cần đạt được các nội dung sau <i>1. Giới thiệu khái quát hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật anh thanh niên</i> - Anh là “<i>người cô độc nhất thế gian</i>”, một mình làm việc trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m, quanh năm suốt tháng bốn bề mây phủ cây phong, lạnh rét. Anh cô độc đến “<i>thèm người</i>” và luôn “<i>nhớ người</i>”. - Công việc mỗi ngày của anh là: “<i>Đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất</i>”, dự báo trước thời tiết hàng ngày phục vụ sản xuất và chiến đấu. Công việc đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao. <i>2. Tính cách, phẩm chất tốt đẹp của nhân vật anh thanh niên</i> a. Là con người thiết tha yêu cuộc sống - Tình cảm gắn bó, sự quan tâm, gần gũi của anh với những người xung quanh. - Trò chuyện cởi mở với ông họa sĩ, cô kĩ sư. - Thông qua sách để gặp gỡ những tâm hồn khác, để đỡ cơn “thèm người” b. Là con người sống có lí tưởng, có niềm say mê và trách nhiệm với công việc. - Rất say mê công việc đo gió, đo mưa trên đỉnh Yên Sơn: + Chấp nhận sống và làm việc một mình trên đỉnh núi cao mấy nghìn mét so với mặt biển -> dám đối mặt và vượt lên nỗi cô đơn vì tình yêu công việc. + Coi công việc như một người bạn “ta với công việc là đôi” + Thấy hạnh phúc khi được làm việc: tin vào ý nghĩa công việc mình làm, dự báo chính xác thời	

	tiết giúp người nông dân sản xuất, từng giúp không quân bắn rơi máy bay. - Tất cả đều bắt nguồn từ lí tưởng sống đẹp của anh thanh niên => Anh thanh niên là hiện thân cho vẻ đẹp của một lớp người đang tích cực góp phần tạo dựng lên cuộc sống mới cho quê hương, đất nước. b. Anh là người khiêm tốn, thành thực - Khi ông họa sĩ muốn vẽ chân dung của anh, anh từ chối bởi thấy công việc và những đóng góp của mình còn nhỏ bé, chưa thấm vào đâu so với “<i>ông kĩ sư vườn rau dưới Sa Pa</i>”, “<i>đồng chí nghiên cứu khoa học</i>” đang nghiên cứu lập bản đồ sét với tất cả niềm say mê, hào hứng... Anh nhiệt thành giới thiệu để ông họa sĩ vẽ chân dung của họ - những con người làm việc hết mình, thầm lặng, những cống hiến đáng trân trọng và khâm phục. III. Kết bài Truyện ngắn “<i>Lặng lẽ Sa Pa</i>” đã khắc họa thành công hình ảnh anh thanh niên với những phẩm chất đáng quý. Anh là người sống đẹp, sống có ý nghĩa, luôn nghĩ và làm việc cho đất nước. Nhân vật anh thanh niên là tấm gương tiêu biểu của hình tượng người lao động mới trong xã hội chủ nghĩa, ngày đêm lặng thầm góp sức mình vào công cuộc xây dựng đất nước.	

ĐỀ SỐ 58	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới:

TIẾNG VỌNG RỪNG SÂU

Có một cậu bé ngộ nghĩnh hay bị mẹ khiển trách. Ngày nọ giận mẹ, cậu chạy đến một thung lũng cạnh rừng rậm. Lấy hết sức mình, cậu hét lớn: “Tôi ghét người”. Khu rừng có tiếng vọng lại: “Tôi ghét người”. Cậu bé hốt hoảng quay về, sà vào lòng mẹ khóc nức nở. Cậu bé không sao hiểu được từ trong rừng lại có tiếng người ghét cậu.

Người mẹ cầm tay con, đưa cậu trở lại khu rừng. Bà nói: “Giờ thì con hãy hét thật to: Tôi yêu người”. lạ lùng thay, cậu bé vừa dứt tiếng thì có tiếng vọng lại: “Tôi yêu người”. Lúc đó, người mẹ mới giải thích cho con hiểu: “Con ơi, đó là định luật trong cuộc sống của chúng ta. Con cho điều gì, con sẽ nhận điều đó. Ai gieo gió thì ắt gặt bão. Nếu con thù ghét thì người cũng thù ghét con. Nếu con yêu thương người thì người cũng yêu thương con”.

(Theo Quà tặng cuộc sống, NXB Trẻ, 2002)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Xác định và gọi tên thành phần biệt lập trong câu sau: “Con ơi, đó là định luật trong cuộc sống của chúng ta.” (1,0 điểm)

Câu 3. Thông điệp mà câu chuyện trên mang đến cho người đọc. (1,5 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm). Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề cho và nhận trong cuộc sống.

Câu 2. (5,0 điểm).

Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến

Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.

(Trích Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải, Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: tự sự.	0,5 điểm
	2	Thành phần biệt lập – thành phần gọi – đáp: Con ơi.	1,0 điểm

	3	Thông điệp: Con người nếu cho đi những điều gì sẽ nhận lại được những điều như vậy, cho đi điều tốt đẹp sẽ nhận được điều tốt đẹp.	1,5 điểm
II	1	1.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề 2. Thân đoạn *Giải thích vấn đề: + Cho tức là hành động đem những thức thuộc về mình mang đến cho người khác. Cho chính là sự san sẻ, giúp đỡ, yêu thương xuất phát từ tâm, từ tim của một người. Dù “cho” rất nhỏ, rất đời thường nhưng đó là cả một tấm lòng đáng quý. + Nhận là hành động cầm lấy cái được trao cho mình. Nhận ở đây còn là nhận sự yêu thương của người khác với mình, là nhận lại sự đáp trả, đền ơn. Cho và nhận là một mối quan hệ nhân quả nhưng ẩn chứa trong đó rất nhiều mối quan hệ tương trợ, bổ sung cho nhau. *Bàn luận vấn đề: + Nếu con người biết cho và nhận, cuộc sống sẽ trở nên hạnh phúc hơn, các mối quan hệ xã hội trở nên tốt đẹp hơn. + Phê phán những người cho đi có mục đích, chỉ biết nhận mà không biết cho. + Liên hệ bản thân: Em đã cho và nhận những gì trong cuộc sống. 3. Kết đoạn: khẳng định vấn đề	2,0 điểm
	2	1. Mở bài Tác giả: - Là một nhà thơ cách mạng, sự nghiệp thơ văn của ông gắn với hai cuộc kháng chiến của dân tộc. - Thanh Hải để lại số lượng tác phẩm không nhiều nhưng vẫn tạo được dấu ấn riêng nhờ vẻ đẹp bình dị, trong sáng, ngôn ngữ thơ giàu nhạc điệu, cảm xúc chân thành, đằm thắm.	5,0 điểm

	Tác phẩm: - Bài thơ được viết vào tháng 11 năm 1980 – thời điểm Thanh Hải ốm nặng và chỉ mấy tuần lễ sau ông qua đời. - Được sáng tác trong hoàn cảnh đặc biệt nhưng bao trùm bài thơ lại là tình yêu, là sự gắn bó thiết tha với quê hương, đất nước, là cả một khát vọng sống đẹp của tác giả. - Mùa xuân đất nước đã khơi dậy trong lòng nhà thơ những khát vọng sống cao quý. 2. Thân bài a. Niềm nguyện ước chân thành của tác giả: - Niềm khát khao dâng hiến cuộc đời được khơi gợi từ những cảm nhận về một mùa xuân mới, mùa xuân của thiên nhiên đất trời, mùa xuân của cuộc sống lao động và chiến đấu của dân tộc. - Niềm khát khao dâng hiến cuộc đời được thể hiện một cách khiêm nhường nhưng rất đổi chân thành: <i>Ta làm con chim hót</i> <i>Ta làm một cành hoa</i> <i>Ta nhập vào hòa ca</i> <i>Một nốt trầm xao xuyến</i> + Điệp từ “<i>ta làm</i>”, lặp cấu trúc, liệt kê -> giúp tác giả bày tỏ ước nguyện được hiến dâng cuộc đời mình cho quê hương, xứ sở. + Các hình ảnh “<i>con chim hót</i>” “<i>một cành hoa</i>” “<i>nốt nhạc trầm</i>”: giản dị, tự nhiên mà đẹp đẽ, thể hiện ước nguyện khiêm nhường mà đáng quý. + Có sự ứng đối với các hình ảnh ở đầu bài thơ cho thấy lí tưởng cống hiến cho đời là một lẽ tự nhiên, tất yếu; gợi liên tưởng đến mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, giữa con người – đất nước. + Tấm lòng thiết tha được hòa nhập, được cống hiến cho cuộc đời, cho đất nước.	

	- Khát vọng sống đẹp được nâng lên thành lí tưởng sống cao cả”: <i>Một mùa xuân nho nhỏ</i> <i>Lặng lẽ dâng cho đời</i> <i>Dù là tuổi hai mươi</i> <i>Dù là khi tóc bạc.</i> + “<i>Mùa xuân nho nhỏ</i>”: ẩn dụ cho những gì đẹp nhất, tinh túy nhất của cuộc đời con người để góp phần làm nên mùa xuân của đất nước. Là cách nói khiêm nhường, giản dị, gợi một tâm hồn đẹp, một lối sống đẹp, một nhân cách đẹp “<i>lặng lẽ dâng cho đời</i>”. + Điệp từ “<i>dù là</i>” + hình ảnh tương phản “<i>tuổi hai mươi</i>” – “<i>khi tóc bạc</i>” khẳng định sự tồn tại bền vững của những khát vọng và lí tưởng sống ấy. Cả cuộc đời mình ông vẫn muốn chắt chiu những gì tốt đẹp nhất để hiến dâng cho đời. Khổ thơ là lời tổng kết của nhà thơ về cuộc đời mình. Cho đến tận cuối đời ông vẫn khát khao cống hiến cho đất nước. Tình yêu đất nước, yêu cuộc đời đã giúp tâm hồn Thanh Hải bay lên với những khát vọng sống cao đẹp. - Liên hệ với các nhà thơ khác: Biết lặng lẽ dâng đời, biết sống vì mọi người cũng là cách sống mà nhà thơ Tố Hữu đã viết: <i>“Nếu là con chim chiếc lá</i> <i>Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh,</i> <i>Lẽ nào vay mà không trả</i> <i>Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình”.</i> Nguyễn Trãi đã từng tâm niệm: <i>“Bui một tắc lòng trung lẫn hiếu</i> <i>Mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen”.</i> b. Đặc sắc nghệ thuật + Thể thơ 5 chữ, cách gieo vần liền giữa các khổ thơ tạo sự liền mạch của cảm xúc.	

	+ Ngôn ngữ, hình ảnh giản dị, trong sáng. + Cảm xúc chân thành, tha thiết. 3. Kết bài + Niềm khát khao dâng hiến cuộc đời được thể hiện một cách khiêm nhường nhưng rất đổi chân thành, đó là ước nguyện được hòa nhập, được là một con chim hót, một nhành hoa tỏa ngát hương, một nốt trầm xao xuyến, một mùa xuân nho nhỏ... bất chấp thời gian, bất chấp tuổi tác. + Niềm khát khao ấy càng có ý nghĩa và xúc động khi là ước nguyện của một người đang nằm trên giường bệnh.	

ĐỀ SỐ 59	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh diều.

Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi. Cánh diều mềm mại như cánh bướm. Chúng tôi vui sướng đến phát dại nhìn lên trời. Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng. Sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè,... như gọi thấp xuống những vì sao sớm.

Ban đêm, trên bãi thả diều thật không còn gì huyền ảo hơn. Có cảm giác diều đang trôi trên dải Ngân Hà. Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ. Có cái gì cứ cháy lên, cháy mãi trong tâm hồn chúng tôi. Sau này tôi mới hiểu đó là khát vọng. Tôi đã ngửa cổ suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên áo xanh bay xuống từ trời và bài giờ cũng hi vọng khi tha thiết cầu xin: “Bay đi diều ơi! Bay đi!” Cánh diều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.

(Cánh diều tuổi thơ – Tạ Duy Anh, Tiếng Việt 4, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

Câu 1. Xác định những phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản.(0,5 điểm)

Câu 2. Tác giả đã chọn những chi tiết nào để tả cánh diều? (0,5 điểm)

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: *Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ.* (1,0 điểm)

Câu 4. Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua hình ảnh cánh diều? Trả lời trong khoảng 3 đến 5 dòng. (1,0 điểm)

II. Làm văn (7.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm)

Từ nội dung văn bản phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về *vai trò của khát vọng trong cuộc sống*.

Câu 2: (5.0 điểm)

Cảm nhận của em về hai đoạn thơ sau:

Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Oi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng

(Trích *Mùa xuân nho nhỏ* - Thanh Hải, Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về

(Trích *Sang thu* – Hữu Thỉnh, Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
	1	Những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn trên: tự sự, miêu tả, biểu cảm.	0,5 điểm
	2	Những chi tiết tác giả chọn để tả cánh diều: + Cánh diều mềm mại như cánh bướm. + Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng. + Sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè,... như gọi thấp xuống những vì sao sớm.	0,5 điểm
	3	- Biện pháp tu từ được sử dụng: so sánh. Tác giả so sánh bầu trời đêm với một tấm thảm nhung.	1,0 điểm

		- Tác dụng: Gợi vẻ đẹp của bầu trời đêm. Tầm thâm nhung có đặc tính mềm, mịn; bầu trời đêm cũng mịn và không một gợn mây, mở ra không gian cao rộng.	
	4	Qua hình ảnh cánh diều tác giả muốn nói: + Cánh diều là những kỉ niệm tuổi thơ của tác giả với những người bạn nơi thôn quê. Đó là kí ức đẹp theo tác giả suốt đời. + Cánh diều tuổi thơ là nơi chở những khát vọng, những ước mơ của tác giả bay cao, bay xa.	1,0 điểm
	1	1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề 2. Thân đoạn Giải thích vấn đề - Khát vọng là những mong muốn lớn lao, tốt đẹp của mỗi con người, nó mang một sức thôi thúc mạnh mẽ mà khiến họ cần phải hành động để đạt được khát vọng của bản thân. - Mỗi con người sẽ có những khát vọng riêng trong cuộc sống của mình. Khát vọng là động lực để con người phát triển và vươn tới thành công. Phân tích, bàn luận vấn đề: - Vai trò của khát vọng với con người: + Có khát vọng tức là con người có những ước mơ. Một người sống không thể thiếu ước mơ vì những ước mơ, khát vọng giúp con người nỗ lực và phấn đấu không ngừng. + Có khát vọng, con người sẽ có sức mạnh để vượt qua những khó khăn, chông gai trong cuộc sống. + Con người có khát vọng là con người sống có lí tưởng riêng và những người như vậy nhất định sẽ thành công. - Khát vọng khác với tham vọng. Cần phải tỉnh táo để không biến những khát vọng của mình thành những tham vọng.	2,0 điểm

	- Phê phán những người sống không có khát vọng, sống như những cỗ máy. - Liên hệ bản thân: Em đã phải là người sống có khát vọng chưa? Hãy chia sẻ về những khát vọng của mình? 3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề	
2	1. Mở bài - Bài <i>Mùa xuân nho nhỏ</i>: Tác giả: + Là một nhà thơ cách mạng, sự nghiệp thơ văn của ông gắn với hai cuộc kháng chiến của dân tộc. + Thanh Hải để lại một số lượng tác phẩm không nhiều nhưng vẫn tạo được dấu ấn riêng nhờ vẻ đẹp bình dị, trong sáng, ngôn ngữ thơ giàu nhạc điệu, cảm xúc chân thành, đầm thắm. Tác phẩm: Bài thơ được viết vào tháng 11 năm 1980 – thời điểm Thanh Hải ốm nặng và chỉ mấy tuần lễ sau ông qua đời. - Bài <i>Sang thu</i>: Tác giả: Là nhà thơ chiến sĩ, trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Ông từng cầm súng chiến đấu trong chiến trường miền Nam. - Sáng tác của ông cuốn hút người đọc nhờ cảm xúc tinh tế, ngòi bút giàu chất lãng mạn và lối viết giản dị, giàu sức gợi. Tác phẩm: Vào năm 1977, được in lại nhiều lần trong các tập thơ mà gần đây nhất là tập “<i>Từ chiến hào đến thành phố</i>” – 1991. => Hai bài thơ đã thể hiện những cảm nhận tinh tế của các tác giả về sự chuyển giao giữa các mùa, và qua mỗi bài thơ đều thể hiện những suy tư, chiêm nghiệm của họ về con người, về cuộc đời. 2. Thân bài a. <i>Cảm nhận khổ đầu bài Mùa xuân nho nhỏ</i>	5,0 điểm

	- Bài thơ được mở ra bằng khung cảnh thiên nhiên tươi sáng và tràn đầy sức sống: <i>“Mọc giữa dòng sông xanh</i> ... <i>Hót chi mà vang trời”</i> + Cấu trúc đảo ngữ ở câu thơ 1,2 gợi sức sống mạnh mẽ đến bất ngờ, khiến bông hoa như có cội rễ, tràn đầy sức xuân, sắc xuân. + Các hình ảnh “dòng sông” “bông hoa” “bầu trời” “chim chiền chiện” thật bình dị và gợi cảm, đã tái hiện một không gian cao rộng của mùa xuân với những hình ảnh đặc trưng của xứ Huế. + Màu sắc: “sông xanh” “hoa tím biếc” rất hài hòa, tươi sáng. Dòng sông xanh đã trở thành cái nền cho sắc tím của hoa, làm nổi bật vẻ đẹp sống động của mùa xuân. + Âm thanh: tiếng chim chiền chiện: là tín hiệu của một buổi sớm mùa xuân trong trẻo, mát lành; gợi không gian cao rộng của bầu trời tươi sáng, ấm áp của thiên nhiên. Chỉ bằng vài nét phác, tác giả đã vẽ ra khung cảnh mùa xuân tuyệt đẹp, đủ đầy hình ảnh, âm thanh, màu sắc, ứ đầy sức sống và đậm đà nét Huế. <i>b. Cảm nhận về khổ thơ đầu bài Sang thu</i> - Bài thơ được mở ra bằng những tín hiệu rất riêng, báo mùa thu về: + “<i>Hương ổi</i>”: đi liền với từ “<i>bỗng</i>” gợi cảm giác đột ngột, ngỡ ngàng; “<i>phả</i>” – làn hương ngọt ngào, sánh đậm, mùi ổi chín như được cô lại, phả vào gió thu. “<i>Hương ổi</i>” gợi không gian nên thơ thân thuộc, yêu dấu của làng quê đất Việt với những khu vườn, lối ngõ sum suê hoa trái, làm nên hương sắc mỗi mùa; gợi hương vị riêng của mùa thu trong thơ Hữu Thỉnh. + “<i>Gió se</i>” là ngọn gió heo may mùa thu dịu nhẹ, thoáng chút se lạnh lúc thu về, giúp ta cảm nhận rõ	

	hơn cái ngọt lành của hương ổi. + “<i>Sương chùng chình</i>” – nghệ thuật nhân hóa, gợi dáng vẻ, tâm trạng của làn sương thu. Làn sương lững lờ như cố ý chậm lại, lưu luyến mùa hè, chưa muốn bước hẳn sang thu. Hệ thống hình ảnh độc đáo đã diễn tả một cách tài tình cái không khí se lạnh đầu thu và cả cái nhịp điệu chậm chậm của mùa thu về với đất trời. - Đối diện với những tín hiệu báo thu là cái ngỡ ngàng của lòng người: + “<i>Hình như</i>” là lối nói giả định, không chắc chắn, phù hợp với những biểu hiện mơ hồ lúc giao mùa – những biểu hiện ấy không chỉ được cảm nhận bằng các giác quan mà còn phải cảm nhận bằng cả một tâm hồn tinh tế. + Âm điệu: là tiếng reo vui, ngỡ ngàng lúc thu sang. Khổ thơ là những cảm nhận mới mẻ, tinh tế của tác giả lúc mùa sang. Ẩn sau những đổi thay của thiên nhiên đất trời lúc sang thu là niềm vui, niềm hạnh phúc của thi nhân. <i>c. Nhận xét</i> - Điểm giống nhau: + Cảm nhận tinh tế của tác giả về một mùa trong năm. + Thể hiện tâm hồn nhạy cảm, khả năng khám phá và phát hiện đời sống của cả hai nhà thơ. + Ngôn từ giản dị, giàu cảm xúc. + Thể thơ 5 chữ, giàu tính nhạc. - Điểm khác biệt: + Cảm nhận khác nhau về mùa: .Thanh Hải cảm nhận về mùa xuân của đất trời. .Hữu Thỉnh lại nắm bắt khoảnh khắc thời tiết chuyển giao giữa hạ sang thu. + Những tín hiệu mùa khác nhau:	

	.Mùa xuân nho nhỏ: bông hoa, tiếng chim .Sang thu: hương ổi, gió se, sương + Cảm xúc: . Mùa xuân nho nhỏ: say sưa, nâng niu, trân trọng trước mùa xuân thiên nhiên, đất nước. . Sang thu: băng khuâng, ngỡ ngàng “hình như” thu đã về. + Nghệ thuật . Mùa xuân nho nhỏ: ẩn dụ, ngôn ngữ giọng điệu tha thiết. . Sang thu: nhân hóa. 3. Kết bài - Bằng những cảm nhận tinh tế của một tâm hồn nhạy cảm hai tác giả đã đem đến cho người đọc những bức tranh đẹp đẽ của mùa thu và mùa xuân. Hệ thống ngôn từ giản dị, giàu sức biểu cảm.	

ĐỀ SỐ 60	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Hai biển hồ

Người ta bảo ở bên Palestin có hai biển hồ. Biển hồ thứ nhất gọi là biển Chết. Đúng như tên gọi, không có sự sống nào bên trong cũng như xung quanh biển hồ này. Nước trong hồ không có một loài cá nào có thể sống nổi mà người uống phải cũng bị bệnh. Ai ai cũng đều không muốn sống gần đó. Biển hồ thứ hai là Galilê. Đây là biển hồ thu hút nhiều khách du lịch nhất. Nước ở biển hồ lúc nào cũng trong xanh mát rượi, con người có thể uống được mà cá cũng sống được. Nhà cửa được xây cất rất nhiều ở nơi đây. Vườn cây xung quanh tốt tươi nhờ nguồn nước này.

Nhưng điều kì lạ là cả hai biển hồ này đều đón nhận nguồn nước từ sông Jordan. Nước sông Jordan chảy vào biển Chết. Biển Chết đón nhận và giữ lại riêng cho mình mà không chia sẻ nên nước trong biển Chết trở nên mặn chát. Biển hồ Galilê cũng đón nhận nguồn nước từ sông Jordan rồi từ đó tràn qua các hồ nhỏ và sông lạch, nhờ vậy nước trong biển hồ này luôn sạch và mang lại sự sống cho cây cối, muông thú và con người...

Quà tặng cuộc sống (Nhà xuất bản Trẻ, 2007)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản. (0,5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả, vì sao Biển hồ thứ nhất gọi là biển Chết? (0,5 điểm)

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu: “Biển Chết đón nhận và giữ lại riêng cho mình mà không chia sẻ nên nước trong biển Chết trở nên mặn chát.” (1,0 điểm)

Câu 4. Em rút ra được bài học gì từ văn bản trên? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm).

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của cho và nhận trong cuộc sống, nhất là trong những ngày cả nước tập trung phòng, chống dịch Covid-19.

Câu 2 (5,0 điểm) Cảm nhận của em về đoạn thơ sau trong bài thơ Đồng chí của Chính Hữu:

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vùng trán ướt mồ hôi.
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.

(Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, trang 129)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Nghị luận	0,5 điểm
	2	Theo tác giả, Biển hồ thứ nhất gọi là biển Chết bởi không có sự sống nào bên trong cũng như xung quanh biển hồ này. Nước trong hồ không có một loài cá nào có thể sống nổi mà người uống phải cũng bị bệnh. Ai ai cũng đều không muốn sống gần đó.	0,5 điểm
	3	Trong câu: “Biển Chết đón nhận và giữ lại riêng cho mình mà không chia sẻ nên nước trong biển Chết trở nên mặn chát.” - Biện pháp tu từ: Nhân hóa. (hoặc điệp) - Tác dụng: Làm nổi bật đặc điểm của Biển Chết.	1,0 điểm
	4	Bài học rút ra được từ văn bản trên:	1,0 điểm

		- Cho và nhận; - Lối sống giữ lại cho riêng mình.	
II	1	Giữa cuộc sống bộn bề lo toan, chúng ta rất cần những yêu thương và sẻ chia. Trao đi yêu thương để nhận lại yêu thương là một quy luật trong cuộc sống. Sống không chỉ là nhận mà còn phải biết cho đi vì "Chính lúc ta cho đi nhiều nhất lại là lúc ta được nhận lại nhiều nhất". Cho và nhận tưởng chừng như là những khái niệm đơn giản nhưng để hiểu và làm được thì không dễ dàng. Cuộc sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi có sự sẻ chia, kết nối giữa con người với con người. Khi "cho" chúng ta không mong được "nhận" lại, không mong người khác sẽ trả ơn lại cho mình là lúc ta hạnh phúc nhất, khi ta đem niềm vui đến cho người khác có nghĩa là đã nhận được cho mình niềm vui, hạnh phúc. Trong cuộc sống của chúng ta, có rất nhiều những con người luôn giúp đỡ người khác mà không đòi hỏi báo đáp. Tuy nhiên, cũng có rất nhiều sống theo một lối sống ích kỉ, chỉ biết nghĩ đến bản thân mình. Họ không quan tâm đến chuyện gì, cũng như không quan tâm đến những người xung quanh. Ý kiến trên như một lời nhắc nhở mỗi người chúng ta cần phải biết quan tâm, giúp đỡ những người xung quanh, từ những việc nhỏ nhất nhất, vì lúc cho đi là lúc ta nhận lại.	2,0 điểm
	2	1/ Mở Bài Giới thiệu tác giả: Chính Hữu là nhà thơ quân đội. Ông sống và viết xuyên suốt chiều dài hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ của dân tộc nên những sáng tác của ông tập trung chủ yếu vào đề tài người lính và chiến tranh. Thơ ông mang đậm chất liệu của hiện thực cuộc sống. Giới thiệu tác phẩm : Bài thơ "Đồng chí" được sáng tác vào đầu xuân năm 1948, thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Tác phẩm đã viết rất chân thực, cảm động về tình đồng đội, đồng chí cao quý của các anh bộ đội cụ Hồ thời kháng chiến chống Pháp và trở thành một trong những bài thơ tiêu biểu	5,0 điểm

	nhất viết về đề tài này. Giới thiệu đoạn trích: Đoạn thơ “Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh/.. ./Đầu súng trắng treo" thể hiện rất rõ nội dung đó. 2/Thân bài Cảm nhận về đoạn thơ 7 câu thơ đầu Hiện thực gian khổ nơi chiến trường Những người lính phải đối mặt với bệnh tật ngay giữa hoàn cảnh thiếu thốn, không thuốc men. Căn bệnh sốt rét rừng hành hạ các anh bằng những “cơn ớn lạnh",những trận "sốt run người, vầng trán ướt mồ hôi".Thậm chí, nhiều người bị vắt kiệt sức lực hay phải nằm lại giữa rừng.Thực tế ấy cũng từng được ghi lại trong bài thơ "Tây Tiến" củaQuang Dũng sau này: "Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc Quân xanh màu lá, dữ oai hùm" Áo rách, quần vá, chân đi đất: đó là những thiếu thốn, khó khăn chung của những ngày đầu kháng chiến. Miệng cười buốt giá: Đó là cái buốt giá của đất trời, của núi rừng. Hai từ "buốt giá"khiến người đọc cảm nhận thật rõ cái khắc nghiệt của rừng thiêng nước độc! Tinh đồng đội keo sơn Những người lính đã đồng cam cộng khổ, khi là sự sánh đôi "anh với tôi",khi là sự đối xứng " áo anh" -	

	"quần tôi". Nhưng cảm động nhất là họ vẫn trao nhau những nụ cười, vẫn nắm chặt tay nhau để xoa dịu đi những khó khăn, thiếu thốn ấy. Một nụ cười bằng cả mười thang thuốc bổ và ở đây còn có sức mạnh sưởi ấm. Cả cái siết tay nắm chặt cũng đầy sự cảm thông và chia sẻ, như muốn truyền hơi ấm và sức mạnh cho nhau. Tiếng "thương" nghe sao thật ấm áp, ân tình! Anh với tôi luôn luôn sóng đôi với nhau, có khi cùng nằm trong một câu thơ, có khi sóng đôi trong từng cặp câu liền nhau đã diễn tả sự gắn bó, chia sẻ của những người đồng đội. 3 câu cuối - bức tranh trước giờ chiến đấu Hình ảnh những người lính được miêu tả trên nền thiên nhiên khắc nghiệt + Thời gian: đêm tối, lạnh lẽo. + Không gian: "Rừng hoang sương muối" - không gian vừa mênh mông, hoang sơ, vừa lạnh lẽo. Họ vẫn vững vàng tay súng “chờ giặc tới”- tư thế chủ động, tự tin, sẵn sàng chiến đấu vì lí tưởng cao đẹp, vì độc lập, tự do của dân tộc. Có được tâm thế ấy là bởi họ có đồng đội "đứng cạnh bên nhau". Quả thực, tình đồng đội, tình đồng chí giúp họ tự tin, bình tĩnh, chủ động đối diện với kẻ thù và vượt qua tất cả. "Đầu súng trăng treo" là một hình ảnh đặc sắc. Trước hết, đó là hình ảnh thực mà Chính Hữu đã nhận ra trong suốt những đêm phục kích chờ giặc. Nhưng đó còn là một hình ảnh giàu biểu tượng:	

	+Súng là biểu tượng cho chiến tranh, cho hiện thực khốc liệt. Đồng thời là biểu tượng cho lí tưởng, nhiệm vụ của người lính. +Trăng tượng trưng cho vẻ đẹp mơ mộng, yên bình, lãng mạn. => Kết hợp giữa hiện thực và lãng mạn, Chính Hữu đã vẽ nên một bức tranh đơn sơ mà đầy thi vị về người lính. Trong không gian bát ngát của rừng khuya, vầng trăng bất ngờ xuất hiện, chơi vơi trên đầu ngọn súng. Người lính nông dân hiện lên như những người nghệ sĩ đầy chất thơ, bình dị mà đẹp đẽ. Hai hình ảnh súng và trăng kết hợp tạo nên một biểu tượng đẹp về cuộc đời người lính: chiến sĩ mà thi sĩ, thực tại mà mơ mộng. Đó là vẻ đẹp mang cả đặc điểm của thơ ca kháng chiến - một nền thơ giàu chất hiện thực và dạt dào cảm hứng lãng mạn. Nghệ thuật Bút pháp tả thực và nghệ thuật liệt kê đã vẽ nên bức tranh hiện thực vô cùng chân thực về đời sống chiến đấu của những người lính thời chống Pháp. -Thể thơ tự do, linh hoạt trong việc giải bày, miêu tả. Tạo dựng được hình ảnh có sức gợi, sức biểu tượng cao (nắm tay, đầu súng trăng treo). 3/ Kết Bài Đoạn thơ đã giúp ta hiểu và trân trọng tình đồng đội, đồng chí - đó là sự đồng cam cộng khổ, sẵn sàng chia sẻ khó khăn, sẵn sàng động viên, tiếp sức cho nhau và cùng nhau chiến đấu vì lí tưởng chung. Khẳng định lại vị trí của bài thơ trong nền thơ ca thời kì đầu kháng chiến chống Pháp.	

		Rút ra bài học liên hệ về tình bạn, về lí tưởng sống đẹp.	

ĐỀ SỐ 61	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc kĩ văn bản và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Ý tưởng bắt đầu từ bạn trẻ Hoàng Anh Tuấn (Thành phố Hồ Chí Minh) và anh em trong Công ty sản xuất khóa vân tay PHGLock, cây “ATM gạo” đầu tiên đã được đặt tại Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngay lập tức “ATM gạo” đã phát huy tác dụng, dòng yêu thương đã lan tỏa rất nhanh trong cộng đồng.

Với “ATM gạo” này, người dân chỉ cần giẫm chân vào nút bấm sẽ nhận được khoảng 1,5 - 3kg gạo, tùy nơi. Số gạo người nghèo nhận được từ chiếc máy phát giúp họ bớt đi nỗi lo về từng bữa ăn hàng ngày giữa mùa dịch Covid-19 đầy khó khăn.

“ATM gạo” cũng là địa chỉ để những người có tấm lòng, lặng lẽ đến, sẻ chia với người khó khăn hơn mình. Như chị tiểu thương chở dăm ba ký gạo sau chiếc xe đạp, chờ lúc vắng người trút vào thùng “ATM gạo”. Lại có những nhà **hảo tâm**, trong một ngày, vài lần đến nơi đặt “ATM gạo”. Họ muốn duy trì “dòng gạo yêu thương” chảy suốt 24/24 giờ. Không ai muốn có người cơ nhỡ thất vọng ra về, không ai bị đứt bữa ăn trong những ngày cách ly xã hội.

Cây “ATM gạo” đã nhanh chóng có mặt tại nhiều địa phương trong cả nước, như Hà Nội, Đà Nẵng, Huế,... và An Giang cũng mới hình thành tại Thành phố Long Xuyên. Đến các hãng tin lớn trên thế giới như Reuters, CNN, SCMP, NHK... đều dành những vị trí trang trọng, thời lượng đáng kể để nói về Rice ATM Vietnam. “ATM gạo” chính là nơi Chia sẻ yêu thương - Để không ai bị bỏ lại phía sau.

(Theo *An Thanh*, baomoi.com, ngày 18/4/2020)

Câu 1. Các từ cộng đồng, khó khăn, lặng lẽ, tiểu thương, từ nào là từ ghép, từ nào là từ láy? (1.0 điểm)

Câu 2. Xác định khởi ngữ và cho biết dấu hiệu nhận biết đó là khởi ngữ trong câu: “Với “ATM gạo” này, người dân chỉ cần giẫm chân vào nút bấm sẽ nhận được khoảng 1,5 - 3kg gạo, tùy nơi.” (1.0 điểm)

Câu 3. Từ *hảo tâm* trong văn bản có nghĩa là gì? (0,50 điểm)

Câu 4. Nội dung chính của văn bản? (0,50 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1. Viết đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về nhận định của tác giả văn bản trên: “*ATM gạo*” chính là nơi Chia sẻ yêu thương - Để không ai bị bỏ lại phía sau”. (2.0 điểm)

Câu 2. Cảm nhận của em về nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ.(5.0 điểm)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	- Từ ghép: cộng đồng, tiểu thương. - Từ láy: khó khăn, lặng lẽ.	1,0 điểm
	2	- Khởi ngữ: Với “ATM gạo” này - Dấu hiệu nhận biết đó là khởi ngữ trong câu đó là có thêm các quan hệ từ “Với”	1,0 điểm
	3	Từ hảo tâm trong văn bản có nghĩa là có lòng tốt, sẵn sàng giúp đỡ người khác.	0,5 điểm
	4	Nội dung chính của văn bản: Sự chia sẻ yêu thương của người với người trong hoàn cảnh khó khăn thông qua “ <i>ATM gạo</i> ”	0,5 điểm
II	1	Đoạn 1 Tình yêu thương giữa con người với con người là vô cùng thiêng liêng, nó thể hiện sự gắn bó, sự sẻ chia và đồng cảm trước những mảnh đời bất hạnh. Ngày nay khi xã hội ngày càng phát triển con người đang dần phải đối mặt với rất nhiều những khó khăn từ cuộc sống, nhưng họ không bao giờ quên đi được lối sống và chuẩn mực của mình khi sống trong xã hội loài ngoài, “sống trong đời sống cần có một tấm lòng”, tấm lòng đó là tấm lòng biết yêu thương, sẻ chia và đồng cảm. Lối sống đó hiện nay đang được coi trọng và là chuẩn mực sống đúng đắn nhất. Đồng cảm đó là sự chia sẻ, thấu hiểu và quan tâm sâu sắc đối với mọi người xung quanh, luôn luôn có một thái độ biết yêu thương và cảm thông sâu sắc trước mọi hoàn cảnh sống, đồng cảm đó là một thái độ biết nhập tâm và hiểu được đối phương một cách chân thành nhất, đồng cảm giúp kết nối con người với con người để từ đó họ có những cách đánh giá và nhìn nhận cuộc sống này một cách chân thành và da diết nhất. Sẻ chia đó là sự chia sẻ những nỗi đau, niềm vui, nỗi buồn cùng với mọi người xung quanh, sống là cho	2,0 điểm

đâu chỉ nhận riêng mình, sống luôn luôn phải biết cho đi và bản thân sẽ nhận được những điều tốt lành nhất, đó là một tình cảm tinh thần phong phú và giàu có, bản thân sẽ làm nên được những điều tốt nhất, da diết và mang trong trái tim, biết bao nhiêu hoài niệm và cả những niềm hạnh phúc lớn lao khi làm được những điều có ý nghĩa.

Đoạn 2

Đối với mỗi cuộc đời con người, sự sẻ chia trong cuộc sống là điều vô cùng cần thiết. Vậy sẻ chia là gì? Tại sao nó lại quan trọng đến vậy? Sẻ chia là một dạng tình cảm xuất phát từ trái tim, sự đồng cảm, và tình yêu thương, được thể hiện khi ta biết quan tâm, lo lắng và giúp đỡ những người xung quanh. Nói cách khác, sẻ chia chính là cho đi mà không mong muốn được nhận lại. Bạn biết đấy, cuộc sống là sự tổng hòa của các mối quan hệ xã hội. Biết sẻ chia chắc chắn sẽ giúp bạn phát triển các mối quan hệ xã hội, tạo nên sự gắn kết với những người xung quanh, từ đó không bao giờ cảm thấy cô đơn, lạnh lẽo. Đồng thời khi ai đó gặp khó khăn, giúp được họ - dù chỉ một chút thôi – chắc chắn bạn sẽ cảm thấy hạnh phúc và thanh thản hơn rất nhiều. Trong thực tế, không khó để ta bắt gặp và cảm phục những con người mang trong mình đức tính này. Những tình nguyện viên mang trên mình màu áo xanh tình nguyện, các mạnh thường quân không quản ngại khó khăn đến với vùng bão lũ hay đơn giản hơn là một cậu bé biết dành tiền ăn sáng tặng cho người hành khất..., đó đều là những bông hoa đẹp điểm tô cho vườn đời thêm rực rỡ. Tuy nhiên, vẫn có một số người sống ích kỉ, chỉ biết nhận lại chứ không biết cho đi. Họ chỉ biết đến lợi ích của bản thân mình mà không quan tâm đến người khác muốn gì, nghĩ gì, cần giúp đỡ gì. Đứng trước hiện tượng này, tất cả chúng ta cần học cách đồng cảm, sẻ chia với những người xung quanh từ những việc làm nhỏ nhất: gửi lời chào tới bố mẹ trước khi đi học, chúc người bạn cùng bàn một ngày tốt lành khi tới lớp... Như vậy, chắc chắn cuộc sống ý nghĩa hơn rất nhiều. Bởi đúng như một nhà văn Nga từng nói: “Nơi

	lạnh nhất không phải là Bắc Cực mà là nơi thiếu vắng tình thương của con người”.	
2	I. Mở bài: - Giới thiệu tác phẩm, tác giả - Giới thiệu nhân vật: Vũ Nương là nhân vật chính trong truyện; là người phụ nữ bình dân có truyền thống tốt đẹp về đạo đức, phẩm chất nhưng trong xã hội phong kiến nhưng chịu đau khổ. + Đọc “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ ta thương nàng Vũ Thị Thiết đã chịu đựng nỗi đau oan khuất. II. Thân bài 1) Những phẩm chất tốt đẹp của Vũ Nương <i>* Người phụ nữ đẹp người, đẹp nết</i> - “vốn đã thùy mị, nết na lại thêm tư dung, tốt đẹp”. - Có tư tưởng tốt đẹp. - Người vợ dẫu hiền, khuôn phép: Chồng đi xa vẫn một lòng chung thủy, thương nhớ chồng khôn nguôi, mong chồng trở về bình yên vô sự, ngày qua tháng lại một mình vò võ nuôi con. - Người con dâu hiếu thảo: Chăm nuôi mẹ chồng lúc đau yếu, lo việc ma chay, tế lễ chu toàn khi mẹ chồng mất. <i>* Người phụ nữ thủy chung</i> - Khi chồng ở nhà - Khi tiễn chồng ra trận - Những ngày tháng xa chồng - Khi bị nghi oan - Khi sống dưới thủy cung <i>* Người con dâu hiếu thảo</i> - Thay chồng chăm sóc mẹ khi mẹ đau ốm (lời nói của mẹ chồng). - Lo liệu ma chay khi mẹ mất như với cha mẹ đẻ - Là người mẹ yêu thương con: Một mình chăm sóc con nhỏ khi chồng đi vắng. - Là người phụ nữ trọng nhân phẩm, tình nghĩa, chọn cái chết để minh oan cho mình. - Giàu lòng vị tha: Bị Trương Sinh đẩy đến đường cùng phải chết oan ức nhưng không oán trách, hận thù. Khi Trương Sinh lập đàn giải oan ở bến sông vẫn	5,0 điểm

	hiện về nói lời “đa tạ tình chàng” 2) Nỗi đau, oan khuất của Vũ Nương - Người chồng đa nghi vì nghe lời con trẻ ngây thơ nên nghi oan, cho rằng nàng đã thất tiết. - Nàng đau khổ, khóc lóc bày tỏ nỗi oan với chồng nhưng chồng vẫn không nghe còn mắng nhiếc, đánh và đuổi nàng đi. - Không thể thanh minh được, nàng tìm đến cái chết để tỏ bày nỗi oan ức của mình. 3) Khi chết rồi Vũ Nương vẫn thiết tha với gia đình, muốn trở về quê cũ - Ở thủy cung, nàng vẫn nhớ quê hương, có ngày tất phải tìm về. - Tìm về là để giải bày nỗi oan với chồng, với mọi người. - Nhưng nàng không thể trở về với nhân gian được nữa. * Nhận xét về nghệ thuật - Nhận xét về nghệ thuật: khai thác vốn văn học dân gian, sáng tạo về nhân vật... * Liên hệ về hình ảnh người phụ nữ trong xã hội hiện nay III. Kết bài: - Khẳng định “Chuyện người con gái Nam Xương” là tác phẩm giàu tính hiện thực và giá trị nhân văn - Những phẩm chất tốt đẹp của Vũ Nương cũng chính là nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam cần được tôn vinh trong mọi thời đại.	

ĐỀ SỐ 62	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Chiếc hộp giấy vàng

Hồi đó một người bạn tôi bắt phạt đưa con gái lên ba tuổi vì nó đã phỉ phạm cả một cuộn giấy gói hoa màu vàng Tiền bạc thì co hẹp, thế mà đứa con gái cử cổ trang hoàng chiếc hộp quà giáng sinh để dưới cây thông khiến bạn tôi nổi giận. Dù có bị phạt đi nữa, sáng hôm sau đứa con gái cũng mang hộp quà đến cho cha và

nói: “Con tặng cho cha nhân dịp giáng sinh”. Anh cảm thấy ngượng ngùng vì phản ứng gay gắt của mình hồi hôm trước nhưng rồi cơn giận lại bùng lên lần nữa khi anh mở hộp ra thấy hộp trống không.

Anh nói to với con: “Bộ con không biết rằng khi cho ai món quà thì phải có gì trong đó chứ.”

Đứa con ngơ ngác nhìn cha sợ hãi nước mắt lưng tròng: “Cha ơi nó đâu có trống rỗng Con đã thổi những nụ hôn vào hộp. Con bỏ đầy những tình yêu của con vào đó. Tất cả dành cho cha mà.” Người cha nghe tim mình thắt lại. Anh ôm con vào lòng và cầu xin con tha thứ cho mình.

(Theo *Hạt giống tâm hồn*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2018)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên. (0,75 điểm)

Câu 2. Xác định phép liên kết cấu được sử dụng trong các câu văn sau:

Đứa con ngơ ngác nhìn cha sợ hãi nước mắt lưng tròng: “Cha ơi nó đâu có trống rỗng Con đã thổi những nụ hôn vào hộp. Con bỏ đầy những tình yêu của con vào đó. Tất cả dành cho cha mà”. (0,75 điểm)

Câu 3. Qua cách hành xử của người cha trong câu chuyện, em rút ra được bài học gì cho bản thân? (1,5 điểm)

II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ nội dung phần Đọc hiểu, em hãy giúp người cha viết lời xin lỗi tới con gái bé bỏng (lời xin lỗi được viết trong một đoạn văn dài khoảng 200 chữ).

Câu 2 (5.0 điểm)

Cảm xúc của Viễn Phương qua đoạn thơ sau:

*Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền*

Vẫn biết trời xanh là mãi

Mà sao nghe nhói ở trong tim.

Mai về miền Nam thương trào nước mắt

Muốn làm con chim hát quanh lăng Bác

Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này...

(Trích: *Viếng lăng Bác* của Viễn Phương)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM

I	1	Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên: Tự sự	0,75 điểm
	2	Phép liên kết cấu được sử dụng trong các câu văn là phép lặp từ ngữ. Cụ thể: từ "con" và từ "cha"	0,75 điểm
	3	Qua cách hành xử của người cha trong câu chuyện, em rút ra được bài học cho bản thân: Các em có thể lựa chọn một trong số những bài học sau: - Nên nhìn nhận sự việc cẩn thận, sâu sắc (đặc biệt đối với trẻ thơ) để tránh mắc sai lầm đáng tiếc xảy ra. - Luôn lắng nghe, thấu hiểu, tôn trọng nguyện vọng, sở thích, trí tưởng tượng sáng tạo của mọi người. - Cần biết trân trọng và không quá nặng nề về giá trị vật chất trong những món quà khi được trao tặng.	1,5 điểm
II	1	*Hình thức - Đoạn văn ngắn 200 chữ. - Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, ... - Nhập vai nhân vật người cha (thể hiện cách xưng hô trong đoạn văn). *Nội dung: vì câu hỏi mở nên các em có thể tự do phát huy viết ra lời xin lỗi theo cách diễn đạt của mình, nhưng vẫn cần đảm bảo một số nội dung chính sau: - Nêu lý do lời xin lỗi; - Diễn tả được cảm xúc, thái độ chân thành của cha đối với con gái.	2,0 điểm
	2	1. Mở bài : Dẫn dắt, giới thiệu khái quát về tác giả tác phẩm và đoạn thơ hoặc dẫn dắt từ đề tài về lãnh tụ... 2. Thân bài - Khái quát nội dung, cảm xúc của bài thơ và của các khổ thơ trước.	5,0 điểm

	- Khổ 3: Cảm xúc của nhân vật trữ tình khi vào trong lăng. + Không gian trong lăng với sự yên tĩnh thiêng liêng và ánh sáng thanh khiết, dịu nhẹ được diễn tả bằng hình ảnh ẩn dụ độc đáo “vầng trăng sáng dịu hiền”- nâng niu giấc ngủ bình yên của Bác. Vầng trăng còn là biểu tượng cho tấm lòng đức độ, nhân ái bao la của Bác. + “Vẫn biết trời xanh Trong tim”: Cặp từ tăng tiến: Vẫn biết- mà sao diễn tả sự đấu tranh giữa lý trí và tình cảm ->Bác sống mãi với non sông đất nước, nhưng lòng vẫn quặn đau, một nỗi đau nhức nhối tận tâm can à Niềm xúc động thành kính và nỗi đau xót của nhà thơ đã được biểu hiện rất chân thành, sâu sắc. Khổ 4 : Tâm trạng lưu luyến không muốn rời xa Bác + Nghĩ ngày mai xa Bác lòng bịn rịn, lưu luyến + Muốn làm con chim, bông hoa à để được quây quần bên Bác. + Muốn làm cây tre “trung hiếu” để làm tròn bốn phận thực hiện lời dạy “trung với nước, hiếu với dân”à Giọng thơ tha thiết, nhịp dồn dập, điệp từ “muốn làm” nhắc ba lần mở đầu cho các câu đã thể hiện nỗi thiết tha với ước nguyện giản dị, chân thành của nhà thơ. Đó cũng là tình cảm, là ước nguyện của toàn thể nhân dân VN đối với Bác. 3- Kết bài: - Âm hưởng bài thơ tha thiết sâu lắng, hình ảnh giàu sức biểu tượng làm tăng hiệu quả biểu cảm. - Đoạn thơ thể hiện tấm lòng thành kính, biết ơn sâu sắc của tác giả và nhân dân đối với Bác. - Liên hệ: niềm cảm phục, trân trọng, biết ơn lãnh tụ.	

ĐỀ SỐ 63

ĐỀ THI THỬ VÀO 10

Môn NGỮ VĂN

Thời gian: 120 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Hãy hướng sự quan tâm của bạn tới những việc bạn có thể làm thay vì nghi hoặc khả năng của bản thân. Thực tế cho thấy, chúng ta chẳng đạt được bất cứ điều gì nếu cứ luôn miệng nói rằng mình không làm được. Khi phải đối mặt với khó khăn, hãy tự nhủ rằng mọi rắc rối sẽ được giải quyết, từ đó, nỗ lực tìm giải pháp cho vấn đề. Đó chính là cách tạo ra sự khởi đầu tốt đẹp: Hãy nhớ rằng thành công trong cuộc sống luôn đi kèm với những câu khẳng định như: “Tôi có thể” hoặc “Tôi sẽ làm được”, và hành động bao giờ cũng tạo ra điều kì diệu. Đừng ngồi đó chờ đợi mộng tưởng biến thành sự thật. Khi đã nỗ lực hết mình, dù có thất bại, bạn cũng không phải tiếc nuối. Thất bại khiến bạn không chỉ rút ra bài học kinh nghiệm mà còn hiểu được giá trị của thành công. Bạn thực sự thất bại khi chưa thử mọi cơ hội mà bạn đang có. Khi thực sự muốn làm một điều gì đó, chắc chắn sẽ có cách để bạn làm được.

(*Quên hôm qua, sống cho ngày mai* – Tian Dayton, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh)

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định 01 phép liên kết cấu trong đoạn văn:

“Khi đã nỗ lực hết mình, dù có thất bại, bạn cũng không phải tiếc nuối. Thất bại khiến bạn không chỉ rút ra bài học kinh nghiệm mà còn hiểu được giá trị của thành công. Bạn thực sự thất bại khi chưa thử mọi cơ hội mà bạn đang có. Khi thực sự muốn làm một điều gì đó, chắc chắn sẽ có cách để bạn làm được.”

Câu 2 (0,5 điểm). Theo tác giả, ta nên làm gì khi phải đối mặt với khó khăn?

Câu 3 (1,0 điểm). Nêu nội dung chính của đoạn trích.

Câu 4 (1,0 điểm). Em có đồng ý với ý kiến của tác giả “Khi đã nỗ lực hết mình, dù có thất bại, bạn cũng không phải tiếc nuối”? Vì sao? (Trình bày trong khoảng 3-5 dòng)

II - LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ nội dung ở phần Đọc - hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) chia sẻ những điều em có thể làm để thành công.

Câu 2 (5.0 điểm) Cảm nhận của em về bức tranh mùa xuân trong đoạn thơ sau

Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Ôi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng.

(Thanh Hải, *Mùa xuân nho nhỏ*)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phép liên kết cấu trong đoạn văn là lặp từ ngữ : "thất bại".	0,5 điểm
	2	Theo tác giả, khi phải đối mặt với khó khăn: hãy tự nhủ rằng mọi rắc rối sẽ được giải quyết, từ đó, nỗ lực tìm giải pháp cho vấn đề	0,5 điểm
	3	Nội dung chính của đoạn trích: Thất bại giúp ta có thêm động lực và hiểu được giá trị để thành công.	1,0 điểm
	4	Ý kiến của tác giả “ <i>Khi đã nỗ lực hết mình, dù có thất bại, bạn cũng không phải tiếc nuối</i> ”? Vì sao? (Trình bày trong khoảng 3-5 dòng) Các em có thể nêu quan điểm cá nhân của mình về ý kiến của tác giả. Gợi ý: - Với khẳng định: Đồng ý - Thất bại là những điều mà chúng ta không mong muốn gặp phải trong cuộc sống. Nhưng mỗi lần thất bại là chúng ta sẽ rút ra được rất nhiều kinh nghiệm, bài học quý giá cho bản thân, nó khiến bạn ngộ ra nhiều thứ và nó là công cụ sắc bén giúp bạn thấy được những điều xấu, phân biệt được điều hay lẽ phải ở đó và thấy được giá trị của thành công. Qua đó, bạn cũng không phải nuối tiếc về những việc mình đã làm.	1,0 điểm
II	1	Dẫn dắt vấn đề: làm thế nào để thành công. Gợi ý Những điều em có thể làm để thành công: - Hiểu rõ về những gì bạn muốn là bước đầu tiên bước đến thành công. - Lòng đam mê, sự nỗ lực, kiên trì của bản thân là yếu tố vô cùng quan trọng. - Giữ vững nguyên tắc và niềm tin của chính bạn. - Dám nghĩ, dám làm. - Không ngại đối mặt với thất bại để rút ra được bài học trong mọi hoàn cảnh, không nuối tiếc về những gì đã qua. - Học hỏi từ thất bại của chính mình và người khác.	2,0 điểm

	2	1/ Mở bài: - Giới thiệu về tác giả, tác phẩm (đoạn trích) 2/ Thân bài: Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ. Nội dung: Bức tranh thiên nhiên hiền hòa, nên thơ; tâm trạng say sưa, ngây ngất của nhà thơ. -Hình ảnh mùa xuân: không gian khoáng đạt, tươi mát; màu sắc...âm thanh rộn rã, ngân vang (Dòng sông xanh, bông hoa tím, tiếng chim hót.) -Tâm trạng của nhà thơ: Say sưa ngây ngất, trân trọng, nâng niu cảnh đất trời vào xuân -Nghệ thuật: Đảo ngữ; ngôn từ, hình ảnh đậm chất Huế; ẩn dụ chuyển đổi cảm giác. 3/ Kết bài -Khẳng định giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ -Nêu suy nghĩ của bản thân...	5,0 điểm

ĐỀ SỐ 64	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Mỗi chúng ta đều giống một đóa hoa. Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc “đời hoa” bên vệ đường.

Sứ mệnh của hoa là nở. Cho dù không có những ưu thế để như nhiều loài hoa khác, cho dù được đặt ở bất cứ đâu, thì cũng hãy bừng nở rực rỡ, bung ra những nét đẹp mà chỉ riêng ta mới có thể mang đến cho đời.

[...]

Hãy bung nở đóa hoa của riêng mình dù có được gieo mầm ở bất cứ đâu.

(Kazuko Watanabe, *Mình là năng việc của mình là chói chang*, Vũ Thùy Linh dịch, NXB Thế giới, 2018)

Câu 1 (0.5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2 (1.0 điểm). Chỉ ra và nêu tác dụng của một phép tu từ được sử dụng trong câu văn: Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc "đời hoa" bên vệ đường.

Câu 3 (0.5 điểm). Nêu hàm ý của câu: Hãy bung nở đóa hoa của riêng mình dù có được gieo mầm ở bất cứ đâu.

Câu 4 (1.0 điểm). Em có đồng tình với suy nghĩ của tác giả: “*Mỗi chúng ta đều giống một đóa hoa.*” không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm) Từ nội dung văn bản phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) với chủ đề: Tôi là một đóa hoa.

Câu 2 (5.0 điểm)

Cảm nhận của em về vẻ đẹp của các cô gái thanh niên xung phong qua hai đoạn trích sau:

Còn chúng tôi thì chạy trên cao điểm cả ban ngày. Mà ban ngày chạy trên cao điểm không phải chuyện chơi. Thần chết là một tay không thích đùa. Hắn ta lẩn trong ruột những quả bom. Tôi bây giờ còn một vết thương chưa lành miệng ở đùi. Tất nhiên, tôi không vào viện quân y. Việc nào cũng có cái thú của nó. Có ở đâu như thế này không: đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần. Thần kinh căng như chảo, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng khắp chung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ... Rồi khi xong việc, quay lại nhìn cảnh đoạn đường một lần nữa, thở phào, chạy về hang.

Và:

Tôi thích nhiều bài. Những bài hành khúc bộ đội hay hát trên những ngã đường mặt trận. Tôi thích dân ca quan họ mềm mại, dịu dàng. Thích "Ca-chiu-sa" của Hồng quân Liên Xô. Thích ngồi bó gối mơ màng: "Về đây khi mái tóc còn xanh xanh...". [...] Chị Thao hát: "Đây Thăng Long, đây Đông Đô... Hà Nội ...". Nhạc sai bét, còn giọng thì chưa, chị không hát trôi chảy được bài nào. Nhưng chị lại có ba quyền số dày, chép bài hát. Rồi là ngồi chép bài hát. Thậm chí, say mê chép cả những lời tôi tự bịa ra nữa.

(Trích *Những ngôi sao xa xôi* – Lê Minh Khuê, SGK Ngữ văn 9, tập 2)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản là nghị luận.	0,5 điểm
	2	"Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa	1,0 điểm

		<i>nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc "đời hoa" bên vệ đường."</i> Phép tu từ được sử dụng trong câu văn: điệp từ "<i>Có những...cũng có những...</i>". Liệt kê những cuộc đời khác nhau của hoa.	
	3	Hàm ý của câu: Hãy bung nở đóa hoa của riêng mình dù có được gieo mầm ở bất cứ đâu: Dù ta không có ưu thế được như nhiều người khác, cho dù ta sống trong hoàn cảnh nào thì cũng hãy bung nở rực rỡ, phô hết ra những nét đẹp mà chỉ riêng ta mới có thể mang đến cho đời, hãy luôn nuôi dưỡng tâm hồn con người và làm cho xã hội trở nên tốt đẹp hơn.	0,5 điểm
	4	Em đồng tình với suy nghĩ của tác giả: "<i>Mỗi chúng ta đều giống một đóa hoa</i>". Vì: - Mỗi người là một đóa hoa tuyệt vời trên thế giới này, tựa như mỗi một món quà độc đáo - Mỗi người đều có năng lực và phẩm chất tốt đẹp riêng của mình để làm đẹp cho cuộc đời	1,0 điểm
II	1	HS tham khảo dàn ý sau 1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề 2. Thân đoạn: Giải quyết vấn đề: - Đóa hoa: hình ảnh ẩn dụ cho con người có năng lực, có phẩm chất cống hiến cho cuộc đời. => Tôi là một đóa hoa: mỗi người là một đóa hoa đẹp, con người cần ý thức điều đó để cống hiến đóng góp cho cuộc đời. Bàn luận vấn đề - Tại sao nói "Tôi là một đóa hoa"? + Mỗi người là một cá thể có cá tính riêng và năng lực riêng để đóng góp và xây dựng cuộc sống. + Việc tự ý thức mình là một đóa hoa giúp con người sống có ý nghĩa hơn và có trách nhiệm với cuộc đời hơn. + Khi mình trở thành người có ích, biết cống hiến cho cuộc đời, mình cũng sẽ nhận lại được những điều đẹp đẽ	2,0 điểm

	+..... - Phê phán những người chưa ý thức được giá trị bản thân, thiếu tự tin <i>Liên hệ bản thân</i> 3. <i>Kết đoạn:</i> Khẳng định vấn đề	
2	I. Mở bài: - Giới thiệu về tác giả Lê Minh Khuê - Giới thiệu về tác phẩm “<i>Những ngôi sao xa xôi</i>” - Giới thiệu nội dung đoạn trích và nêu cảm nhận chung về nhân vật Phương Định: Khung cảnh và công việc phá bom của Phương Định ở một cao điểm trên đường mòn Trường Sơn đã được nhà văn tái hiện một cách chân thực và sinh động qua đoạn trích trên. Nhân vật Phương Định trong đoạn trích đã để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc bởi lòng quả cảm, không sợ hi sinh... II. Thân bài: 1. Hoàn cảnh sống và chiến đấu: - Phương Định cùng với chị Thao và Nho làm thành một tổ trinh sát mặt đường. Họ ở “trong một hang dưới chân cao điểm”... - Công việc của Phương Định và đồng đội đặc biệt nguy hiểm. Hằng ngày, họ thay nhau đứng trên cao điểm đếm bom rơi rồi lao ra trọng điểm sau mỗi trận bom để đo khối lượng đất, đá phải san lấp, đánh dấu và phá những quả bom chưa nổ. => Cuộc sống gian khổ giữa chiến trường ác liệt, công việc đầy nguy hiểm và luôn phải đối mặt với cái chết, nhưng Phương Định vẫn giữ được những vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Nổi bật là tinh thần dũng cảm, gan dạ, không sợ hi sinh được thể hiện sâu sắc trong một lần phá bom. - Dù công việc của họ rất khó khăn nguy hiểm nhưng họ vẫn lạc quan và yêu đời + Cô thuộc rất nhiều bài hát và hay hát + Cô rất hay mơ mộng và nghĩ vẩn vơ => Phương Định là một cô gái lạc quan yêu đời và yêu nước, có tâm hồn trong trắng, hồn nhiên. 2. Tinh thần dũng cảm, gan dạ trong một lần phá bom:	5,0 điểm

	- Khung cảnh và không khí chưa đầy sự căng thẳng “Văng lạng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác. Đất nóng. Khói đen vật vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì từ xa”. => Không cần tô vẽ, tự bản thân khung cảnh ấy, với những hình ảnh của hung thần chiến tranh đã đủ gây ấn tượng về chiến trường ác liệt, nơi hằng ngày Phương Định cùng với những người đồng đội của mình phải sống và chiến đấu, làm nhiệm vụ. Trang viết của Lê Minh Khuê đã ghi lại một cách ít lời nhất cuộc chiến đấu khốc liệt của tổ trinh sát mặt đường. - Trong không khí căng thẳng và văng lạng đến rợn người, nhưng rồi một cảm giác bỗng đến với cô làm cô không sợ nữa: “Tôi đến gần quả bom. Cảm thấy ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới”. Lòng dũng cảm của cô như được kích thích bởi sự tự trọng. Chính tình đồng đội đã khiến cô vững tâm hơn, yên tâm hơn về công việc nguy hiểm mà mình đang và sẽ phải đối mặt ở phía trước. - Và khi đã ở bên quả bom, kề sát với cái chết có thể đến tức khắc, từng cảm giác của cô như cũng trở nên sắc nhọn hơn và căng như dây đàn: “thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người cửa vào da thịt tôi, tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành”. Thần chết nằm chờ ở đó chờ phút ra tay. Cô phải nhanh hơn, mạnh hơn nó, không được phép chậm chễ một giây. Thật đáng sợ cái công việc chọc giận Thần Chết đó. Ai dám chắc là quả bom sẽ không nổ ngay bây giờ, lúc Phương định đang lúi húi đào đào, bới bới ấy. Thế mà cô vẫn không run tay, không bỏ cuộc và thực hiện nhiệm vụ cho đến thao tác cuối cùng. Cô cố gắng thực hiện các động tác nhanh, chạy đua với thời gian nhưng vẫn cẩn trọng, nhẹ nhàng; chỉ cần sai sót nhỏ thôi là bom sẽ nổ ngay lập tức. - Xong nhiệm vụ, Phương Định chạy tới chỗ ẩn nấp, hồi hộp chờ đợi, lo lắng, “tim đập không rõ”, thần	

	kinh căng thẳng cao độ. Cô có nghĩ đến cái chết, nhưng đó là “một cái chết mờ nhạt, không cụ thể”; tâm trí Phương Định chỉ còn bận khoăn việc “liệu mình có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai”. Cô không ngần ngại hi sinh; cái công việc khủng khiếp bóp nghẹt trái tim này đâu chỉ diễn ra hôm nay, những nguy hiểm không kể xiết ấy diễn ra từng ngày, trở thành một điều quen thuộc.: “Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần”. Cô chỉ sợ đường không thông, không hoàn thành nhiệm vụ. Rồi khi bom nổ - một thứ tiếng kì quái váng óc - ngực nhói, mắt cay, cô vẫn phủi áo và chạy xuống ngay nơi nổ. - Trong truyện, có lẽ đây là đoạn xuất sắc nhất; tâm lí nhân vật được miêu tả vô cùng chi tiết. Khi cái chết im lìm và đáng sợ kề bên, mọi cảm giác của Phương Định đều trở nên sắc nhọn. Chính sự khốc liệt của chiến trường đã tôi luyện tâm hồn vốn nhạy cảm của một nữ sinh thành bản lĩnh của người thanh niên xung phong kiên cường, bất khuất. => Cảm xúc và suy nghĩ chân thực của cô đã truyền sang cho người đọc nỗi niềm đồng cảm yêu mến và sự kính phục. Một cô nữ sinh nhỏ bé, hồn nhiên, giàu mơ mộng và nhạy cảm mà cũng thật anh hùng, thật xứng đáng với những kỉ tích khắc ghi trên những tuyến đường Trường Sơn bi tráng. Một ngày trong những năm tháng Trường Sơn của cô là như vậy! Những trang lịch sử Trường Sơn không thể quên ghi một ngày như thế! 3. Nhận xét, đánh giá về nội dung và nghệ thuật: - Có thể nói, gan dạ, dũng cảm là nét nổi bật trong phẩm chất của Phương Định, của biết bao người con gái, người con trai khi đến với chiến trường ác liệt, tham gia vào việc chiến đấu và bảo vệ Tổ quốc. - Người đọc yêu mến cô còn bởi lí tưởng sống cao đẹp, tình đồng đội gắn bó, tâm hồn trong sáng giàu mơ mộng. Với tất cả những phẩm chất đáng quý đó, cô và những người đồng đội của mình thực sự là “những ngôi sao xa xôi” toả sáng trong trái tim độc giả, trong suy nghĩ của biết bao thế hệ con người	

	Việt Nam hôm qua, hôm nay và mãi mãi mai sau. - Thành công nghệ thuật của tác giả Lê Minh Khuê khi xây dựng nhân vật: ngôi kể thứ nhất, Phương Định là nhân vật chính cũng là người kể chuyện; giọng điệu nữ tính; xây dựng nhân vật vừa có nét tương đồng lại có những cá tính riêng III. Kết bài: Khẳng định lại vấn đề.	

ĐỀ SỐ 65	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN Thời gian: 120 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Trạng nguyên Nguyễn Hiền quê ở Nam Định. Ông là người có hoàn cảnh đặc biệt: cha mất sớm, sống với mẹ trong căn nhà nhỏ bên cạnh một ngôi chùa. Vị sư trụ trì của chùa vốn là một danh Nho, vừa tụng kinh niệm phật vừa dạy học cho những trẻ chưa biết chữ trong làng. Ngay từ thời thơ ấu, Nguyễn Hiền đã lân la ở bên các lớp học, sớm tiếp xúc với chữ nghĩa sách vở. Năng khiếu kỳ lạ về học tập, về trí thông minh của ông đã nhanh chóng được bộc lộ; dù chưa đến tuổi đi học, Nguyễn Hiền đã hiểu biết nhiều, giỏi đối đáp, học thức hơn người. Ông được suy tôn làm “Thần đồng xuất chúng”.

Khi vừa tròn 12 tuổi, Nguyễn Hiền đã thi đậu Trạng nguyên, trở thành vị Trạng nguyên trẻ nhất trong lịch sử Việt Nam,

(Nguồn: Internet)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Tìm thành phần trạng ngữ trong câu văn sau: Ngay từ thời thơ ấu, Nguyễn Hiền đã lân la ở bên các lớp học, sớm tiếp xúc với chữ nghĩa sách vở. (0,5 điểm)

Câu 3. Theo em, vì sao Nguyễn Hiền thi đậu Trạng nguyên? (1,0 điểm)

Câu 4. Em rút ra được bài học gì cho bản thân từ câu chuyện về Trạng nguyên Nguyễn Hiền? (trả lời trong khoảng 3-5 dòng) (1,0 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Em hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 150 - 200 chữ) về chủ đề: *Tự học là một yếu tố quan trọng giúp chúng ta thành công.*

Câu 2: (5,0 điểm) Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

Đất nước bốn ngàn năm

Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước.

Ta là con chim hót
Ta làm ruột cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến

Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.

(Trích [Mùa xuân nho nhỏ](#) - Thanh Hải, Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục, 2005).

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản trên: tự sự	0,5 điểm
	2	Thành phần trạng ngữ trong câu văn sau: Ngay từ thời thơ ấu	0,5 điểm
	3	Nguyễn Hiền thi đậu Trạng nguyên bởi vì có tấm lòng ham học hỏi và ông còn có năng khiếu về học tập.	1,0 điểm
	4	Em rút ra được bài học gì cho bản thân từ câu chuyện về Trạng nguyên Nguyễn Hiền: Gợi ý: - Dù hoàn cảnh cuộc sống có khó khăn tới đâu thì ta cũng cần phải hướng tới phía trước - Cần phải có tinh thần tự học, cầu tiến	1,0 điểm
II	1	I.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề: Tự học là một yếu tố quan trọng giúp chúng ta thành công. II. Thân đoạn Bàn luận vấn đề <i>1. Thế nào là tự học?</i> Tự học là chúng ta tự mình học tập sau khi học ở trường, về nhà chúng ta có thể vạch ra một kế hoạch, một chương trình học cho bản thân mình học không hẳn là học sau khi lên lớp mà còn trước khi đến lớp	2,0 điểm

	2. <i>Chứng minh tự học là một yếu tố quan trọng giúp chúng ta thành công.</i> - Trạng nguyên Nguyễn Hiền đã tự học từ sớm, tiếp xúc với chữ nghĩa và đã thi đậu trạng nguyên - Mạc Đĩnh Chi vì không có tiền đi học mà phải học ké và về nhà tự học và đã đỗ trạng nguyên - Mã Lương đã tự học và đã được nhiều người biết đến - Bác Hồ: bác Hồ đã bôn ba khắp năm châu và đã tự học được rất nhiều thứ tiếng trên thế giới => tự học là một công việc tốt và rất có ích cho việc học tập của mỗi chúng ta và nó là một yếu tố quan trọng giúp chúng ta thành công. 3. <i>Phê phán những người không có tinh thần tự học</i> - Phê phán những người có thói gét học và xme đó là một cực hình - Phê phán những con người lười học - Phê phán những người học tủ, học vẹt 4. <i>Đánh giá việc tự học</i> - Tự học ở nhà là chúng ta tự học, tự soạn bài và học bài không cần ai nhắc nhở - Lên kế hoạch và thời khóa biểu mỗi môn học cho bản thân - Khi chúng ta tự học ở nhà thì những bài trên trường ta sẽ hiểu nhanh hơn và không mất thời gian học lại - Tự học là một công việc giúp chúng ta chủ động hơn trong học tập và các công việc khác 3. Kết đoạn - Tự học chúng ta sẽ biết được nhiều kiến thức và nắm vững kiến thức hơn để dẫn đến những thành công trong tương lai - Tinh thần tự học rất cần thiết cho mỗi người kể cả những người không còn đi học - Cần tạo cho mình một thói quen tự học	
2	I. Mở bài - Giới thiệu tác giả và bài thơ Mùa xuân nho nhỏ là thi phẩm đặc sắc cuối đời của nhà thơ Thanh Hải - Trích dẫn 3 đoạn thơ: là nỗi lòng của tác giả về niềm yêu mến tha thiết với cuộc đời, đất nước mong muốn cống hiến góp mùa xuân nho nhỏ của mình vào mùa	5,0 điểm

	xuân của đất nước, dân tộc. II. Thân bài: Cảm nhận về 3 đoạn thơ “Đất nước bốn ngàn năm Vất vả và gian lao Đất nước như vì sao Cứ đi lên phía trước” + Với nghệ thuật hoán dụ "Đất nước bốn ngàn năm" : biểu hiện bề dày truyền thống vẻ vang của dân tộc ta, một dân tộc cần cù, chịu khó, không chấp nhận dưới sự bóc lột của đế quốc xâm lăng, sẵn sàng anh dũng chiến đấu, hi sinh để bảo vệ tổ quốc. + Phép tu từ so sánh được nhà thơ sử dụng vô cùng đặc sắc, làm ý thơ hàm súc – “Đất nước như vì sao”. Sao là nguồn sáng kì diệu của thiên hà, là vẻ đẹp lung linh của bầu trời đêm, là hiện thân của sự vĩnh hằng trong vũ trụ. So sánh như thế là tác giả đã ca ngợi đất nước đẹp lung linh tỏa sáng như vì sao với tư thế đi lên. <i>“Ta làm con chim hót Ta làm một cành hót Ta nhập vào hòa ca Một nốt trầm xao xuyến”.</i> - Để bày tỏ lẽ sống của mình, ngay từ những câu thơ mở đầu đoạn, Thanh Hải đã đem đến cho người đọc cái giai điệu ngọt ngào, êm ái của những thanh bằng liên tiếp “ta”-“hoa”-“ca”. - Điệp từ “ta” được lặp đi lặp lại thể hiện một ước nguyện chân thành, thiết tha. Động từ “làm”-“nhập” ở vai trò vị ngữ biểu lộ sự hoá thân đến diệu kỳ - hoá thân để sống đẹp, sống có ích. - Nhà thơ đã lựa chọn những hình ảnh đẹp của thiên nhiên, của cuộc sống để bày tỏ ước nguyện: con chim, một cành hoa, một nốt trầm. - Với cách sử dụng đại từ này, nhà thơ đã khẳng định giữa cá nhân và cộng đồng, giữa cái riêng và cái chung. - Hình ảnh “nốt trầm” và lặp lại số từ “một” tác giả cho thấy ước muốn tha thiết, chân thành của mình. Không ồn ào, cao giọng, nhà thơ chỉ muốn làm “một nốt trầm” nhưng phải là “một nốt trầm xao xuyến” để	

	góp vào bản hoà ca chung. -> Nghĩa là nhà thơ muốn đem phần nhỏ bé của riêng mình để góp vào công cuộc đổi mới và đi lên của đất nước. <i>“Một mùa xuân nho nhỏ Lặng lẽ dâng cho đời Dù là tuổi hai mươi Dù là khi tóc bạc”.</i> - Cách sử dụng ngôn từ của nhà thơ Thanh Hải rất chính xác, tinh tế và gợi cảm: làm một mùa xuân nho nhỏ để lặng lẽ dâng hiến cho cuộc đời. “Mùa xuân nho nhỏ” là một ẩn dụ đầy sáng tạo, biểu lộ một cuộc đời đáng yêu, một khát vọng sống cao đẹp. Mỗi người hãy làm một mùa xuân, hãy đem tất cả những gì tốt đẹp, tinh tuý của mình, dầu có nhỏ bé để góp vào làm đẹp cho mùa xuân đất nước. - Cặp từ láy “nho nhỏ”, “lặng lẽ” cho thấy một thái độ chân thành, khiêm nhường, lấy tình thương làm chuẩn mực cho lẽ sống đẹp, sống để cống hiến đem tài năng phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân. - Điệp từ: "Dù là" như nhấn mạnh ước nguyện cống hiến cho đời của tác giả là không kể thời gian, tạo âm điệu thơ sâu lắng, ý nghĩa. → Với niềm yêu đời tha thiết, tác giả vượt lên trên hoàn cảnh về bệnh tật mong muốn da diết được sống có ích bằng tất cả sức trẻ của mình. III. Kết bài - 3 đoạn thơ là tiếng lòng của tác giả trước cuộc đời, đất nước. - Với giọng trầm lắng có lúc nhộn nhịp, hồi hả, bài thơ không những diễn đạt được vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước mà còn thể hiện được sự mê say với cuộc sống và khát vọng chân thành đẹp đẽ của tác giả.	

ĐỀ SỐ 66	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Không hiểu bằng cách nào, một hạt cát lọt vào được bên trong cơ thể một con trai. Vị khách không mời mà đến đó tuy rất nhỏ, nhưng gây rất nhiều khó chịu và đau đớn cho cơ thể mềm mại của con trai. Không thể tống hạt cát ra ngoài, cuối cùng con trai quyết định đối phó bằng cách tiết ra một chất dẻo bọc quanh hạt cát. Ngày qua ngày, con trai đã biến hạt cát gây ra những nỗi đau cho mình thành một viên ngọc trai lấp lánh tuyệt đẹp...

(Theo Lớn lên trong trái tim của mẹ, Bùi Xuân Lộc, NXB Trẻ, 2005)

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2. (0,5 điểm) Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: "Vị khách không mời mà đến đó tuy rất nhỏ, nhưng gây rất nhiều khó chịu và đau đớn cho cơ thể mềm mại của con trai."

Câu 3. (1,0 điểm) Hình ảnh viên ngọc trai lấp lánh tuyệt đẹp trong văn bản có ý nghĩa gì?

Câu 4. (1,0 điểm) Bài học mà em rút ra được từ nội dung văn bản trên? (trả lời trong khoảng 3-5 dòng).

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Em hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ về chủ đề: *tinh thần vượt khó trong cuộc sống.*

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận về nhân vật anh thanh niên (Lặng lẽ Sa Pa, Nguyễn Thành Long, Sách giáo khoa Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục, 2014) để thấy được vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa của những công việc thầm lặng.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: tự sự	0,5 điểm
	2	Nhân hóa	0,5 điểm
	3	Viên ngọc trai là thành quả cuối cùng, là thành công con người đạt được từ những khó khăn.	1,0 điểm
	4	Câu chuyện trên gửi đến người đọc thông điệp: – Cuộc sống luôn tiềm ẩn những khó khăn, trở ngại, những việc bất thường. Vì vậy, khi đứng trước khó khăn, mỗi người phải biết đối mặt, tìm cách khắc phục để có được sự thành công.	1,0 điểm
II	1	1/Mở đoạn: Giới thiệu ngắn gọn vấn đề cần nghị luận: Tinh thần vượt khó trong cuộc sống 2. Thân đoạn: Bàn luận vấn đề cần nghị luận * Giải thích	2,0 điểm

	- Tinh thần vượt khó trong cuộc sống chính là người có nghị lực sống. - Nghị lực sống: Cố gắng quyết tâm vượt qua thử thách dù khó khăn, gian khổ đến đâu. - Người có ý chí, nghị lực sống: Luôn kiên trì, nhẫn nại vượt qua những khó khăn, chông gai trong cuộc đời. <i>* Phân tích, chứng minh</i> a) Nguồn gốc, biểu hiện của tinh thần vượt khó trong cuộc sống - Nguồn gốc: Tinh thần vượt khó trong cuộc sống của con người không phải trời sinh ra mà có, nó xuất phát và được rèn luyện từ gian khổ của cuộc sống. Ví dụ: Nguyễn Sơn Lâm... - Biểu hiện: Người có nghị lực luôn có thể chuyển rủi thành may, chuyển họa thành phúc. Không khuất phục số phận và đổ lỗi thất bại do số phận. Ví dụ: Milton, Beethoven... b) Vai trò - Tinh thần vượt khó trong cuộc sống giúp con người đối chọi với khó khăn, vượt qua thử thách của cuộc sống một cách dễ dàng hơn. Ví dụ: Bill Gate, ... <i>* Bình luận, mở rộng</i> - Trái ngược với những người có ý chí rèn luyện là những người không có ý chí. Giới trẻ bây giờ vẫn rất còn nhiều người chưa làm nhưng thấy khó khăn đã nản chí, thấy thất bại thì hủy hoại và sống bất cần đời. -> Lối sống cần lên án gay gắt <i>Bài học nhận thức và hành động</i> - Cuộc sống nhiều gian nan, thử thách thì nghị lực sống là rất quan trọng. - Rèn luyện bản thân thành người có ý chí và nghị lực để vượt qua mọi chông gai và thử thách trên chặng đường dài. - Lên án, phê phán những người sống mà không có ý chí nghị lực, không có niềm tin về cuộc sống. - Học tập những tấm gương sáng để đi tới thành công. 3.Kết đoạn: Có nghị lực, niềm tin thì chúng ta có	

	thể vượt qua mọi khó khăn để đưa những bước chân gần hơn với thành công và hạnh phúc.	
2	I. Mở bài - Giới thiệu tác giả Nguyễn Thành Long và tác phẩm <i>Lặng lẽ Sa Pa</i>. Ví dụ: Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của tác giả Nguyễn Thành Long lấy cảm hứng từ chuyến đi thực tế ở Lào Cai và nhân vật anh thanh niên đang làm nhiệm vụ khí tượng chính là hình ảnh trung tâm, ca ngợi những đóng góp thầm lặng của những người lao động trong công cuộc xây dựng đất nước. - Giới thiệu nhân vật anh thanh niên. II. Thân bài <i>a, Hoàn cảnh sống và làm việc của anh thanh niên</i> + Làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 m, quanh năm sống với hoa cỏ + Công việc của anh: đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dựa vào công việc dự báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất và chiến đấu + Công việc đòi hỏi tỉ mỉ, chính xác cũng như tinh thần trách nhiệm cao (nửa đêm đi ộp dù trời mưa tuyết, giá lạnh) - Điều gian khổ nhất chính là vượt qua nỗi cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng chỉ sống trên đỉnh núi một mình <i>b, Những nét đẹp trong cách sống, suy nghĩ, hành động và quan hệ tình cảm với mọi người</i> - Vượt lên hoàn cảnh sống khắc nghiệt, anh có suy nghĩ rất đẹp: + Với công việc khắc nghiệt gian khổ, anh luôn yêu và mong muốn được làm việc ở điều kiện lý tưởng (đỉnh cao 3000 m) + Anh có những suy nghĩ đúng đắn, sâu sắc về cuộc sống con người: “khi ta làm việc, ta với công việc là một, sao lại gọi là một mình được” + Anh thấu hiểu nỗi vất vả của đồng nghiệp + Quan niệm về hạnh phúc của anh thật đơn giản và tốt đẹp	5,0 điểm

	- Hành động, việc làm đẹp + Mặc dù chỉ có một mình không ai giám sát nhưng anh luôn tự giác hoàn thành nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao (nửa đêm đúng giờ ộp dù mưa gió thế nào anh cũng trở dậy ra ngoài trời làm việc một cách đều đặn và chính xác 4 lần trong một ngày) - Anh thanh niên có phong cách sống cao đẹp + Anh có nếp sống đẹp khi tự sắp xếp công việc, cuộc sống của mình ở trạm một cách ngăn nắp: có vườn rau xanh, có đàn gà đẻ trứng, có vườn hoa rực + Đó là sự cởi mở chân thành với khách, quý trọng tình cảm của mọi người + Anh còn là người khiêm tốn, thành thực cảm thấy công việc của mình có những đóng góp chỉ là nhỏ bé → Chỉ bằng những chi tiết và chỉ xuất hiện trong một khoảnh khắc của truyện, tác giả phác họa được chân dung nhân vật chính với vẻ đẹp tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa công việc. - Anh thanh niên đại diện cho người lao động + Anh thanh niên là đại diện chung cho những người lao động nhiệt huyết, sống đẹp, cống hiến vì Tổ quốc một cách thầm lặng, vô tư. + Những con người khiêm tốn, giản dị, trung thực, âm thầm thực hiện công việc nhiệm vụ được giao. III. Kết bài - Nêu cảm nhận hình tượng anh thanh niên: Hình tượng nhân vật anh thanh niên miệt mài, hăng say lao động vì lợi ích đất nước, có sức lan tỏa tới những người xung quanh. - Tác giả rất thành công khi xây dựng hình tượng nhân vật anh thanh niên cùng những người đồng nghiệp thầm lặng cống hiến sức trẻ, thanh xuân cho đất nước, dân tộc và cho ta thấy rõ vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa của những công việc thầm lặng.	

ĐỀ SỐ 67	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

Mỗi người đều có một ước mơ riêng cho mình. Có những ước mơ nhỏ nhoi như của cô bé bán diêm trong truyện cổ An-đéc-xen: một mái nhà trong đêm đông giá buốt. Cũng có những ước mơ lớn lao làm thay đổi cả thế giới như của tỷ phú Bill Gates. Mơ ước khiến chúng ta trở nên năng động một cách sáng tạo./ Nhưng chỉ mơ thôi thì chưa đủ. Ước mơ chỉ trở thành hiện thực khi đi kèm với hành động và nỗ lực thực hiện ước mơ... Tất cả chúng ta đều phải hành động nhằm biến ước mơ của mình thành hiện thực.

[...] Ngày bạn thôi mơ mộng là ngày cuộc đời bạn mất hết ý nghĩa. Những người biết ước mơ là những người đang sống cuộc sống của các thiên thần. Ngay cả khi giấc mơ của bạn không bao giờ trọn vẹn, bạn cũng sẽ không phải hối tiếc vì nó. Như Đôn Ki-hô-tê đã nói: “Việc mơ những giấc mơ diệu kỳ là điều tốt nhất một người có thể làm”.

Tôi vẫn tin vào những câu chuyện cổ tích - nơi mà lòng kiên nhẫn, ý chí bền bỉ sẽ được đền đáp. Hãy tự tin tiến bước trên con đường mơ ước của bạn.

(Trích *Quà tặng cuộc sống*, NXB TP.HCM, 2016, tr. 56-57)

Câu 1 (0,5 điểm): Trong đoạn trích trên, tác giả sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 2 (0,5 điểm): Ghi lại câu văn có chứa thành phần biệt lập và gọi tên thành phần đó.

Câu 3 (1,0 điểm):

Em hiểu “*cuộc sống của các thiên thần*” trong câu “*Những người biết ước mơ là những người đang sống cuộc sống của các thiên thần*” là cuộc sống như thế nào?

Câu 4 (1,0 điểm):

Em có đồng tình với ý kiến “*Tất cả chúng ta đều phải hành động nhằm biến ước mơ của mình thành hiện thực*” không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Kết hợp thông tin ở phần đọc - hiểu với những trải nghiệm của bản thân, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về vai trò của ước mơ trong cuộc đời của mỗi người.

Câu 2 (5.0 điểm):

Cảm nhận của em về tình cảm của tác giả và vẻ đẹp của “*người đồng mình*” trong đoạn thơ sau:

Người đồng mình thương lắm con ơi

Cao đo nỗi buồn
 Xa nuôi chí lớn
 Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
 Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
 Sống trong thung không chê thung nghèo đói
 Sống như sông như suối
 Lên thác xuống ghềnh
 Không lo cực nhọc
 Người đồng mình thô sơ da thịt
 Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
 Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
 Còn quê hương thì làm phong tục
 Con ơi tuy thô sơ da thịt
 Lên đường
 Không bao giờ nhỏ bé được
 Nghe con.

(Trích Nói với con - Y Phương, Ngữ văn 9, NXB GD, H.2011, tr 72-73)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Trong đoạn trích trên, tác giả sử dụng phương thức biểu đạt chính là nghị luận.	0,5 điểm
	2	Câu văn có chứa thành phần biệt lập: " <i>Tôi vẫn tin vào những câu chuyện cổ tích - nơi mà lòng kiên nhẫn, ý chí bền bỉ sẽ được đền đáp.</i> " => Thành phần phụ chú	0,5 điểm
	3	Theo em, “cuộc sống của các thiên thần” trong câu “Những người biết ước mơ là những người đang sống cuộc sống của các thiên thần” là cuộc sống	1,0 điểm
	4	Em đồng tình với ý kiến “ <i>Tất cả chúng ta đều phải hành động nhằm biến ước mơ của mình thành hiện thực</i> ”. Vì: Nếu bạn chỉ ước mơ mà không hành động và nỗ lực cố gắng thực hiện ước mơ đó thì ước mơ mãi chỉ là ước mơ mà thôi. Điều kỳ diệu chỉ đến khi bạn biết cách chăm chút cho ước mơ của mình, biến nó thành sức mạnh, thành động lực thực sự khiến bạn không bao giờ gục ngã. Nếu bạn không bắt tay vào làm thì ý tưởng mãi là ý tưởng, ước mơ mãi chỉ vô hình.	1,0 điểm
II	1	1.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề 2.Thân đoạn:	2,0 điểm

	Giải thích: - Ước mơ: là điều tốt đẹp ở phía trước mà con người tha thiết, khao khát, ước mong hướng tới, đạt được. Bàn luận: <i>* Vai trò và ý nghĩa của ước mơ trong cuộc sống của con người như thế nào?</i> - Ước mơ có thể vĩ đại hay nhỏ bé nhưng phàm đã là con người thì ai cũng có ước mơ. Chính ước mơ làm cho cuộc sống của mỗi người thêm tươi đẹp, ý nghĩa, chỉ khi con người nỗ lực vươn lên biến ước mơ thành hiện thực khi đó con người đã làm cho cuộc đời mình và cuộc đời chung thêm ý nghĩa, tươi đẹp. - Ước mơ là động lực giúp con người phát triển và hoàn thiện mình hơn, giúp con người vượt qua khó khăn, thử thách của bản thân. - Ước mơ là phần lãng mạn giúp con người làm việc hiệu quả, yêu cuộc sống hơn, giúp tâm hồn con người trở nên đẹp hơn. - Ước mơ chính là ngọn đuốc soi sáng trong tìm mỗi chúng ta nó hướng chúng ta tới những điều tốt đẹp. - Ước mơ cũng chính là mong muốn được cống hiến sức lực của mình cho xã hội và khi chúng ta đạt được ước mơ cũng là lúc chúng ta được thừa nhận năng lực của mình. - Con đường dẫn tới ước mơ cũng vô cùng khó khăn, không phải lúc nào cũng dễ dàng đạt được, nhưng với những người kiên trì, bền chí, thì ước mơ sẽ giúp cho bạn định hướng cho tương lai của mình một cách tốt đẹp nhất. <i>* Cuộc sống mà không có ước mơ thì sẽ như thế nào?</i> - Ước mơ là điều mà ai cũng nên có và cần có trong cuộc sống bởi nếu không có ước mơ cuộc sống của bạn sẽ mất phương hướng vô định. - Cần phân biệt ước mơ chính đáng với những thứ ảo vọng, hảo huyền - Không có ước mơ bạn sẽ không xác định được	

	mục tiêu sống của mình là gì. Chính vì không xác định được phương hướng sẽ dẫn tới bạn sẽ sống hoài sống phí, và trở thành người tụt hậu bị bạn bè, xã hội bỏ lại phía sau. Liên hệ bản thân em - Bản thân em đã có những ước mơ của riêng mình không? Và em đã làm gì để từng bước thực hiện ước mơ đó ? - Mỗi người chúng ta hãy nuôi dưỡng cho mình một ước mơ, hi vọng. Nếu ai đó sống không có ước mơ, khát vọng thì cuộc đời tẻ nhạt, vô nghĩa biết nhường nào! - Rút ra bài học: Phải không ngừng học tập, rèn ý chí, trau dồi kỹ năng sống để biết ước mơ và biến ước mơ thành hiện thực. 3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề	
2	I. Mở bài - Giới thiệu đôi nét về tác giả và bài thơ: + Là nhà thơ dân tộc Tày, thơ Y Phương thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của con người miền núi. + Ra đời năm 1980, “Nói với con” là một trong những bài thơ hay nhất của ông. - nêu vấn đề cần nghị luận: Vẻ đẹp của “người đồng mình” + Mượn lời tâm sự với con, Y Phương đã để lại trong lòng người đọc nhiều cảm nhận sâu sắc về những đức tính tốt đẹp của “người đồng mình” – của con người quê hương miền núi. II. Thân bài 1. Phân tích, cảm nhận những vẻ đẹp (đức tính tốt đẹp) của người đồng mình - Người đồng mình đáng yêu bởi sự giản dị và tài hoa + Trên quê hương thơ mộng nghĩa tình, người đồng mình hiện lên trong cuộc sống lao động cần cù mà tươi vui: “Người đồng mình yêu lắm, con ơi!/ Đan lờ cài nan hoa/ Vách nhà ken câu hát”. + Chỉ với những câu thơ ngắn gọn, nhà thơ giúp ta hình dung được hình ảnh đáng yêu của người đồng	5,0 điểm

	mình giữa núi rừng thơ mộng, hiền hòa. Vẻ đẹp của họ được gọi ra từ cuộc sống lao động bình dị, từ bàn tay tài hoa và khối óc sáng tạo. Họ có niềm vui giản dị, tinh tế ngay trong cuộc sống mộc mạc đời thường. - Người đồng mình biết lo toan và giàu mơ ước + Người đồng mình không chỉ là những con người giản dị, tài hoa trong cuộc sống lao động mà còn là những con người biết lo toan và giàu mơ ước: “Người đồng mình thương lắm con ơi!/ Cao đo nỗi buồn/ Xa nuôi chi lớn”. + Có thể nói, cuộc sống của người đồng mình còn nhiều nỗi buồn, còn nhiều bộn bề thiếu thốn song họ sẽ vượt qua tất cả, bởi họ có ý chí và nghị lực, họ luôn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp của dân tộc. - Người đồng mình dù sống trong nghèo khổ, gian nan vẫn thủy chung gắn bó với quê hương, cội nguồn + “Sống trên đá không chê đá gập ghềnh/ Sống trong thung không chê thung nghèo đói/ Sống như sông như suối/ Lên thác xuống ghềnh/ Không lo cực nhọc” -> Phép liệt kê với những hình ảnh ẩn dụ “đá gập ghềnh”, “thung nghèo đói”->gợi cuộc sống đói nghèo, khó khăn, cực nhọc => Vận dụng thành ngữ dân gian “Lên thác xuống ghềnh”, ý thơ gợi bao nỗi vất vả, lam lũ => Những câu thơ dài ngắn, cùng những thanh trắc tạo ấn tượng về cuộc sống trắc trở, gian nan, đói nghèo của quê hương. - Người đồng mình có ý thức tự lập, tự cường và tinh thần tự tôn dân tộc + Phẩm chất của người của con người quê hương còn được người cha ca ngợi qua cách nói đối lập tương phản giữa hình thức bên ngoài và giá trị tinh thần bên trong, nhưng rất đúng với người miền núi: <i>“Người đồng mình thô sơ da thịt Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con”</i> → Sự tương phản này đã tôn lên tầm vóc của	

	người đồng mình. Họ mộc mạc nhưng giàu chí khí, niềm tin. Họ có thể “thô sơ da thịt” nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn, về ý chí. => Cùng với ý thức tự lực, tự cường, người đồng mình còn ngời sáng tinh thần tự tôn dân tộc và khát vọng xây dựng quê hương. <i>“Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương Còn quê hương thì làm phong tục”.</i> 2. Nhận xét, đánh giá - Với thể thơ tự do, giọng điệu khỏe khoắn vừa tâm tình tha thiết vừa chứa chan hi vọng - Những hình ảnh, từ ngữ mộc mạc, cụ thể. - Nhà thơ nói với con về những vẻ đẹp của người đồng mình - Truyền cho con lòng tự hào về quê hương, dân tộc, nhắc nhở con biết sống đẹp, biết vượt qua gian khó bằng niềm tin, ý chí như người đồng mình. III. Kết bài - Qua lời thủ thỉ, tâm tình của người cha đối với con, hình ảnh của quê hương, của người đồng mình hiện lên thật chân thực, cụ thể với bao phẩm chất tốt đẹp. Đó là mạch suối ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn và ý chí cho con. - Đọc bài thơ, hiểu về vẻ đẹp của những con người quê hương, ta yêu hơn, trân trọng hơn những con người làm giàu đẹp quê hương, đất nước.	

ĐỀ SỐ 68	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

BÀN TAY YÊU THƯƠNG

"Trong một tiết dạy vẽ, cô giáo bảo các em học sinh lớp một vẽ về điều gì đã làm các em thích nhất trong đời.

Cô thầm nghĩ: “Chắc rồi các em cũng lại vẽ những gói quà, những ly kem, hoặc những món đồ chơi, quyển truyện tranh”. Thế nhưng cô đã hoàn toàn ngạc nhiên trước một bức tranh lạ của em học sinh tên Douglas: Bức tranh vẽ một bàn tay.

Nhưng đây là bàn tay của ai? Cả lớp bị lôi cuốn bởi hình ảnh đầy biểu tượng này. Một em đoán:

- Đó là bàn tay bác nông dân.

Một em khác cự lại:

- Bàn tay thon thả thế này phải là bàn tay của một bác sĩ giải phẫu.

Cô giáo đợi cả lớp bớt xôn xao dần rồi mới hỏi tác giả. Douglas cười ngượng ngịu:

- Thưa cô, đó là bàn tay của cô ạ!

Cô giáo ngăn người ngỡ ngàng, cô nhớ lại những lúc ra chơi cô thường dùng bàn tay để dắt Douglas bước ra sân, bởi em là một cô bé khuyết tật, khuôn mặt không được xinh xắn như các em khác, gia cảnh từ lâu lâm vào cảnh ngặt nghèo. Cô chợt hiểu ra tuy cô vẫn làm điều đó tương tự với các em khác nhưng hóa ra đối với Douglas bàn tay cô mang ý nghĩa sâu xa, một biểu tượng của tình yêu thương."

(Quà tặng cuộc sống)

Câu 1 (0,5 điểm): Nêu phương thức biểu đạt chính của văn bản

Câu 2 (0,5 điểm): Xác định và gọi tên thành phần biệt lập được sử dụng trong câu: “Thưa cô, đó là bàn tay của cô ạ”.

Câu 3 (1,0 điểm): Thông điệp rút ra từ văn bản trên là gì ?

Câu 4 (1,0 điểm): Nếu được cô giáo yêu cầu vẽ về một điều mà em thích nhất thì em sẽ vẽ gì? Vì sao? (Viết từ 5-7 câu)

II. PHẦN LÀM VĂN: (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Từ hình ảnh bàn tay cô giáo trong văn bản phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bày tỏ những suy nghĩ của bản thân về mối quan hệ giữa thầy cô và học sinh trong xã hội hiện nay.

Câu 2 (5,0 điểm) Phân tích nhân vật anh thanh niên trong tác phẩm "Lặng lẽ Sa Pa" (Nguyễn Thành Long). Từ đó, liên hệ với hình ảnh người lính trong tác phẩm "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" (Phạm Tiến Duật) để rút ra được nét chung về vẻ đẹp của con người Việt Nam qua văn học.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính là: Tự sự	0,5 điểm
	2	Thành phần biệt lập gọi đáp: "Thưa cô"	0,5 điểm
	3	Thông điệp mà đoạn văn truyền tải là hãy sống một cuộc sống chan hòa, yêu thương thầy cô, bạn bè.	1,0 điểm
	4	Học sinh tự làm. Các em cần nêu tới hình ảnh mà các em mong muốn vẽ	1,0 điểm

		và nêu được lý do về hình ảnh đó.	
II	1	* Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận * Thân đoạn: Bàn luận. + Giải thích: Tình thầy trò là gì ? Tình thầy trò là mối quan hệ tình cảm đặc biệt giữa người dạy với người học. + Quan niệm của dân tộc ta từ xưa đến nay về tình cảm thầy trò như thế nào ? Từ xưa, tình thầy trò là một tình cảm thiêng liêng góp phần tạo nên đạo lý làm người của dân tộc Việt Nam. Ngày nay, tình cảm đó vẫn tiếp tục được duy trì và phát huy. + Tình thầy trò được thể hiện trong trường hiện nay như thế nào? Thời gian và không gian hình thành tình thầy trò... Tình cảm thầy trò được xây dựng từ cơ sở nào ? (tình cảm của trò đối với thầy; tình cảm của thầy đối với trò). + Phản đề: Nói chung từ xưa đến nay tình thầy trò là tốt đẹp, nhưng cá biệt trong lớp học, trong nhà trường, cũng có những học trò chưa có mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô; và ngược lại cũng có những thầy cô giáo chưa có mối quan hệ tốt với học trò, thậm chí có trường hợp vi phạm đạo đức nhà giáo, đạo đức của người học sinh. * Kết đoạn: Muốn cho tình cảm ấy ngày càng tốt đẹp thì mỗi chúng ta cần phải nghĩ gì, làm gì để tình cảm ấy bền vững hơn, thiêng liêng hơn	2,0 điểm
	2	1. Mở bài: Giới thiệu chung - Giới thiệu về 2 tác giả và 2 tác phẩm. - Hai tác phẩm đều viết về sự cống hiến của tuổi trẻ đối với đất nước trong kháng chiến chống Mỹ - Nêu luận đề vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam 2. Thân bài: a) Hai nhân vật: anh thanh niên trong “<i>Lặng lẽ Sa Pa</i>” và người lính lái xe trong “<i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i>” có những điểm khác nhau : - Hoàn cảnh sống khác nhau : + Anh thanh niên sống một mình trên đỉnh Yên Sơn cao hai nghìn sáu trăm mét, quanh năm làm bạn với cỏ cây mây núi Sa Pa. + Người lính lái xe Trường Sơn trên những chiếc xe không kính, hồng hộc, mất mát tới trần trụi trong	5,0 điểm

	những năm kháng chiến chống Mĩ. - Công việc khác nhau : + Anh thanh niên trong mặt trận xây dựng CNXH: làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn, góp phần vào dự báo thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. + Người lính lái xe trực tiếp đối mặt với hiểm nguy trong chiến tranh chống Mĩ, chở lương thực, vũ khí, đạn dược ra chiến trường, phục vụ chiến đấu. b) Tuy hoàn cảnh sống và công việc khác nhau nhưng ở họ đều có những vẻ đẹp chung : - Nhiệt tình, dũng cảm cống hiến cho Tổ quốc, cho nhân dân + Anh thanh niên vượt lên hoàn cảnh sống đặc biệt, nhiệt tình, say mê, yêu nghề, có trách nhiệm cao trong công việc. (phân tích dẫn chứng) + Người lính lái xe Trường Sơn bất chấp mọi khó khăn, nguy hiểm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. (phân tích dẫn chứng) - Lí tưởng sống đẹp + Anh thanh niên quan niệm: hạnh phúc là được sống có ích, được phục vụ Tổ quốc, nhân dân. (phân tích dẫn chứng) + Người lính lái xe có lí tưởng chiến đấu cao đẹp: vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. (phân tích dẫn chứng) - Đời sống nội tâm phong phú + Anh thanh niên cởi mở, hiếu khách, sống sôi nổi, hồn nhiên với những thú vui lành mạnh. (phân tích dẫn chứng) + Những người lính lái xe tinh nghịch, lạc quan, yêu đời (phân tích dẫn chứng) c) Suy nghĩ của bản thân - Vấn đề cống hiến của tuổi trẻ: hai nhân vật đã cho thấy sự cống hiến của họ trong quá khứ để làm nên đất nước hôm nay. - Thế kỉ XXI có những yêu cầu với thế hệ trẻ giống hôm qua nhưng cũng có những yêu cầu khác (do bối cảnh lịch sử, xã hội, thời đại ...) - Dù ở hoàn cảnh nào tuổi trẻ hôm nay cũng luôn hiểu	

	rõ:cống hiến (trong mọi điều kiện và hoàn cảnh) là mục đích của tuổi trẻ. - Trong thực tế có những bạn trẻ chỉ nghĩ đến hưởng thụ mà quên mất phải cống hiến ... - Nét đẹp của hai nhân vật là tấm gương, là hành trang vào đời của tuổi trẻ hôm nay. 3. Kết bài: Khẳng định vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam; thành công của hai tác phẩm trong việc xây dựng hình tượng tiêu biểu cho vẻ đẹp ấy.	

ĐỀ SỐ 69	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc bài thơ "Lá đỏ" của Nguyễn Đình Thi, và trả lời các câu hỏi:

*Gặp em trên cao lộng gió
Rừng lạ ào ào lá đỏ
Em đứng bên đường như quê hương
Vai áo bạc quàng súng trường.
Đoàn quân vẫn đi vội vã
Bụi Trường Sơn, nhòa trong trời lửa,
Chào em, em gái tiền phương
Hẹn gặp nhé giữa Sài Gòn.
Em vẫy tay cười đôi mắt trong.*

(Trường Sơn, 12/1974)

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? (0.5 điểm)

Câu 2. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ: "Em đứng bên đường như quê hương". (0.5 điểm)

Câu 3. Hãy chỉ ra các hình ảnh miêu tả thiên nhiên. Các hình ảnh đó tạo nên bức tranh rừng Trường Sơn như thế nào? (1.0 điểm)

Câu 4. Hình ảnh "em gái tiền phương" được khắc họa như thế nào? (trình bày ngắn gọn từ một đến ba câu). (1.0 điểm)

II. LÀM VĂN: (7.0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm). Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 từ), trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau: *Ý chí là con đường về đích sớm nhất.*

Câu 2. (5,0 điểm). Cảm nhận của em về nhân vật Phương Định trong đoạn trích sau:

...Văng lạng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác. Đất nóng. Khói đen vạt vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì từ xa. Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không? Chắc có, các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt. Tôi đến gần quả bom. Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ theo dõi mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới.

Quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẽ hai vòng tròn màu vàng...

Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặ là mặt trời nung nóng.

Chị Thao thối còi. Như thế là đã hai mươi phút trôi qua. Tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi. Dây mìn dài, cong, mềm. Tôi khóa đất rồi chạy lại chỗ ẩn nấp của mình.

Hồi còi thứ hai của chị Thao. Tôi nép người vào bức tường đất, nhìn đồng hồ. Không có gió. Tim tôi cũng đập không rõ. Dường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ. Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng, đề lên những con số vĩnh cửu. Còn đằng kia, lửa đang chui bên trong cái dây mìn, chui vào ruột quả bom...

Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đứng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mặn mặn, cát lạo xạo trong miệng.

Nhưng quả bom nổ. Một thứ tiếng kì quái, đến váng óc. Ngực tôi nhói, mắt cay mãi mới mở ra được. Mùi thuốc bom buồn nôn. Ba tiếng nổ nữa tiếp theo. Đất rơi lộp bộp, tan đi âm thầm trong những bụi cây. Mảnh bom xé không khí, lao và rít vô hình trên đầu.

(Lê Minh Khuê, [Những ngôi sao xa xôi](#), Ngữ văn 9, tập hai, trang 117-118)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Bài thơ viết theo thể thơ tự do	0,5 điểm
	2	Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: so sánh (em đứng bên đường - quê hương)	0,5 điểm
	3	- Các hình ảnh miêu tả thiên nhiên: đỉnh trường Sơn lộng gió, rừng lạ ào ào lá đỏ. - Các hình ảnh vẽ lên khung cảnh rừng Trường Sơn khoáng đạt, đầy ấn tượng với những vẻ đẹp lạ	1,0 điểm

		lùng của rừng lá đỏ, những trận mưa lá đỏ ào ào trong gió...	
	4	Hình ảnh “em gái tiên phương”: nhỏ bé giữa rừng Trường Sơn bạt ngàn, lồng gió nhưng lại mang đến cảm giác thân thương, gần gũi vai áo bạc, quàng súng trường - như quê hương; với dáng đứng vững vàng bên đường khi làm nhiệm vụ, gợi hình ảnh cô gái giao liên hay những cô gái TNXP thời chống Mĩ. HS có thể diễn đạt theo cách khác nhưng phải hợp lí, thuyết phục.	1,0 điểm
II	1	1.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề 2.Thân đoạn: - Giải thích: + Ý chí: ý thức, tinh thần tự giác, quyết tâm dồn sức lực, trí tuệ đạt bằng được mục đích. + Đích: chỗ, điểm cần đạt đến, hướng tới. + Ý chí là con đường về đích sớm nhất: Ý chí có vai trò quan trọng trong mọi hoạt động của cuộc đời con người. Khi con người tự giác, quyết tâm dồn sức lực, trí tuệ để đạt những mục tiêu trong cuộc sống thì đó là con đường nhanh nhất đưa ta đến với những thành công. - Vì sao ý chí lại là con đường về đích sớm nhất? + Ý chí giúp con người vững vàng, vượt khó khăn, chinh phục mọi thử thách để đi đến những thành công trong mọi mặt của đời sống: học tập, lao động, khoa học, v.v... (D/C: những tấm gương trong lịch sử và thực tế cuộc sống + Câu nói trên đúc kết một bài học về sự thành công mang tính thực tiễn, có ý nghĩa tiếp thêm niềm tin cho con người trước những thử thách, khó khăn của cuộc sống. (D/c...) + Thiếu ý chí, không đủ quyết tâm để thực hiện những mục đích của mình là biểu hiện của thái độ sống nhu nhược, thiếu bản lĩnh. + Ý chí phải hướng tới những mục tiêu đúng đắn, cao đẹp. - Bài học nhận thức và hành động: + Ý chí là phẩm chất quan trọng, rất cần thiết cho	2,0 điểm

	mỗi con người trong cuộc sống. Đối với học sinh, ý chí là yếu tố quan trọng giúp bản thân thành công trong học tập và rèn luyện. +Để rèn luyện ý chí, mỗi người cần xác định cho mình lí tưởng sống cao đẹp với những mục tiêu phấn đấu hướng tới một cuộc sống ý nghĩa 3. Kết đoạn: khẳng định vấn đề	
2	- Giới thiệu nhà văn Lê Minh Khuê, nhà văn nữ trưởng thành trong giai đoạn chống Mỹ, đã trực tiếp tham gia chiến đấu trên đường mòn Trường Sơn. - Giới thiệu nhân vật chính trong các sáng tác: người nữ thanh niên xung phong trên đường mòn Trường Sơn trong giai đoạn chống Mỹ. Trong đó, có nhân vật Phương Định, một cô gái Hà Nội để lại nhiều cảm xúc nơi người đọc. - Giới thiệu đoạn trích: được trích từ truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê sáng tác năm 1971 lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc đang diễn ra ác liệt. - Nội dung đoạn trích thuật lại khung cảnh và công việc phá bom của Phương Định và hai nữ đồng đội ở một cao điểm trên đường Trường Sơn. - Đoạn trích biểu hiện những phẩm chất của Phương Định: +Phương Định đã sống trong một hoàn cảnh chiến tranh rất gian khổ và nguy hiểm : vùng đất bị bom đạn tàn phá; cây còn lại xơ xác; đất nóng và khói đen thì vật vờ từng cụm. +Phương Định là một cô gái có tình cảm tha thiết đối với đồng đội, nhất là với các chiến sĩ lái xe trên đường mòn, các chiến sĩ ở các cao điểm gần nơi mà các cô công tác. +Là một cô gái xuất thân từ Hà Nội, lãng mạn, giàu xúc cảm. Cho nên, khi làm công việc phá bom, Phương Định không tránh khỏi cảm xúc bình thường ở nơi con người: cảm thấy hồi hộp, căng thẳng, cảm thấy nhức nhối, mắt cay. +Phương Định là một cô gái dũng cảm. Phân tích: Tư thế; Hành động; Suy nghĩ; Kết quả của hành động phá bom.	5,0 điểm

	+Để phá được bom, cô phải đến gần quả bom, dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom trong lúc vỏ quả bom nóng (một dấu hiệu chẳng lành). Cô bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, sau đó châm ngòi, chạy lại chỗ ẩn nấp..., lo lắng liệu bom có nổ, ... bom nổ, tiếng kỳ quái đến váng óc... Đó là một công việc diễn ra một cách thường xuyên trong cuộc sống hàng ngày của Phương Định và các đồng đội. Công việc nguy hiểm nhưng cô luôn cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ thật tốt. +Ngoài đoạn trích này, nhà văn còn có những chi tiết khác về Phương Định: một cô gái Hà Nội đẹp, nhiều mơ mộng, lãng mạn, giàu tình cảm đối với gia đình, đối với quê hương. Điều đó mang lại cho hình ảnh nhân vật một vẻ đẹp hoàn chỉnh, tiêu biểu cho vẻ đẹp tuổi trẻ Việt Nam thời chống Mỹ. +Khi xây dựng nhân vật, nhà văn đã đặc biệt khai thác hoàn cảnh sống và hành động, ngôn ngữ của nhân vật để khắc họa tính cách. +Phương Định, một hình tượng đẹp, có ý nghĩa tiêu biểu về người thanh niên Việt Nam trong sự nghiệp chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Cùng với những hình tượng nghệ thuật khác như hình tượng anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa, người chiến sĩ lái xe trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính... thì nhân vật Phương Định đã góp phần phong phú hóa hình tượng cao đẹp của con người Việt Nam trong chiến đấu.	

ĐỀ SỐ 70	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Hãy đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

“Trong dòng đời vội vã có nhiều người dường như đã quên đi tình nghĩa giữa người với người. Nhưng đã là cuộc đời thì đâu phải chỉ trải đầy hoa hồng, đâu phải ai sinh ra cũng có được cuộc sống giàu sang, có được gia đình hạnh phúc toàn diện mà còn đó nhiều mảnh đời đau thương, bất hạnh cần chúng ta sẻ chia, giúp đỡ. Chúng ta đâu chỉ sống riêng cho mình, mà còn phải biết quan tâm tới những người khác. (Đó chính là sự “cho” và “nhận” trong cuộc đời này).

“Cho” và “nhận” là hai khái niệm tưởng chừng như đơn giản nhưng số người có thể cân bằng được nó lại chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Ai cũng có thể nói “Những ai biết yêu thương sẽ sống tốt đẹp hơn” hay “Đúng thế, cho đi là hạnh phúc hơn nhận về”. Nhưng tự bản thân mình, ta đã làm được những gì ngoài lời nói? Cho nên, giữa nói và làm lại là hai chuyện hoàn toàn khác nhau. Hạnh phúc mà bạn nhận được khi cho đi chỉ thật sự đến khi bạn cho đi mà không nghĩ ngợi đến lợi ích của chính bản thân mình. Đâu phải ai cũng quên mình vì người khác. Nhưng xin đừng quá chú trọng đến cái tôi của chính bản thân mình. Xin hãy sống vì mọi người để cuộc sống không đơn điệu và để trái tim cỏ những nhịp đập yêu thương.

Cuộc sống này có quá nhiều điều bất ngờ nhưng cái quan trọng nhất thực sự tồn tại là tình yêu thương. Sống không chỉ là nhận mà còn phải biết cho đi. Chính lúc ta cho đi nhiều nhất lại là lúc ta được nhận lại nhiều nhất”.

(Trích “Lời khuyên cuộc sống...”)

Câu 1. Nêu nội dung chính của văn bản trên? (1,0 điểm)

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản? (0,5 điểm)

Câu 3. Theo tác giả, cuộc sống này có quá nhiều điều bất ngờ nhưng cái quan trọng nhất thực sự tồn tại là cái gì?(0,5 điểm)

Câu 4. Tại sao lại nói: “*Chính lúc ta cho đi nhiều nhất lại là lúc ta được nhận lại nhiều nhất*”.(1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm).

Câu 1 (2,0 điểm).

Từ nội dung văn bản trên, em hãy viết đoạn văn suy nghĩ về “cho” và “nhận” trong cuộc sống.

Câu 2 (5,0 điểm).

Cảm nhận của em về nhân vật Phương Đình trong đoạn văn sau:

Bây giờ là buổi trưa. Im ắng lạ. Tôi ngồi dựa vào thành đá và khe khẽ hát. Tôi mê hát. Thường cứ thuộc một điệu nhạc nào đó rồi bịa ra lời mà hát. Lời tôi bịa lộn xộn mà ngớ ngẩn đến tôi cũng ngạc nhiên, đôi khi bỏ ra mà cười một mình.

Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm!”.

Xa đến đâu mặc kệ, nhưng tôi thích ngắm mắt tôi trong gương. Nó dài dài, màu nâu, hay nheo lại như chói nắng.

Không hiểu sao các anh pháo thủ và lái xe lại hay hỏi thăm tôi. Hỏi thăm hoặc viết những thư dài gửi đường dây, làm như ở cách nhau hàng nghìn cây số, mặc dù có

thế chào nhau hàng ngày. Tôi không sẵn sóc, vồn vã. Khi bọn bạn gái tôi xúm nhau lại đối đáp với một anh bộ đội nói giỏi nào đấy, tôi thường đứng ra xa, khoanh hai tay trước ngực và nhìn đi nơi khác, môi mím chặt. Nhưng chẳng qua tôi điệu thế thôi. Thực tình trong suy nghĩ của tôi, những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ.

(...)

Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cửa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng.

Chị Thao thối còi. Như thế là đã hai mươi phút qua. Tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi. Dây mìn dài, cong mềm. Tôi khoả đất rồi chạy lại chỗ nắp của mình.

Hồi còi thứ hai của chị Thảo. Tôi nép người vào bức tường, nhìn đồng hồ. Không có gió. Tim tôi cũng đập không rõ. Đường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ. Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng, đề lên những con số vĩnh cửu. Còn đằng kia, lửa đang chui bên trong cái dây mìn, chui vào ruột quả bom...

Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đứng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mắt, mũi, cát lạo xạo trong miệng.

(Trích Những ngôi sao xa xôi, Lê Minh Khuê, Ngữ Văn 9 tập 2, NXBGD, 2013)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Nội dung văn bản: Bàn về cho và nhận trong cuộc sống	1,0 điểm
	2	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0,5 điểm
	3	Theo tác giả, cuộc sống này có quá nhiều điều bất	0,5 điểm

		ngờ nhưng cái quan trọng nhất thực sự tồn tại là: tình yêu thương	
	4	Chính lúc ta cho đi nhiều nhất lại là lúc ta được nhận lại nhiều nhất vì: cho đi là biểu hiện của hành động đẹp, của việc làm tốt, việc có ích. Vì thế, ngay khi cho đi, ta sẽ nhận được niềm vui, sự thanh thản trong tâm hồn.	1,0 điểm
II	1	1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: cho và nhận. 2. Thân đoạn <i>a. Giải thích</i> Cho: mang nghĩa bao quát là yêu thương mọi người, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn hơn mình, cho đi tình cảm, tấm lòng, sẵn sàng vì người khác để xã hội này tốt hơn. Nhận: ở đây là sự thoải mái, thanh thản trong tâm hồn khi giúp đỡ, yêu thương người khác và được họ cảm kích, biết ơn, yêu thương. Cho và nhận là hai khái niệm tưởng chừng đối lập nhau nhưng lại song hành với nhau trở thành những bài học đắt giá cho con người, khuyên con người ta biết yêu thương, san sẻ với người khác. <i>b. Phân tích, chứng minh</i> • Biểu hiện của người sẵn sàng “cho đi” Sẵn sàng giúp đỡ người khác, không từ chối người có hoàn cảnh khó khăn, tuyên truyền, kêu gọi mọi người cùng giúp đỡ người khó khăn hơn mình. Hết lòng vì người khác với mong muốn xã hội tốt hơn, mong cuộc sống của người bất hạnh tốt đẹp hơn. • Ý nghĩa, lợi ích của việc “cho đi” Khi biết cho đi, chúng ta sẽ được nhận lại một cách xứng đáng: đó là sự thanh thản, thoải mái khi nhìn người khác tốt đẹp hơn, được mọi người xung quanh tôn trọng và yêu thương, sẵn sàng giúp đỡ lại chúng ta khi chúng ta gặp khó khăn,... <i>Chứng minh</i> Học sinh tự lấy dẫn chứng về người sẵn sàng cho đi để minh họa cho bài làm văn của mình. Lưu ý: dẫn chứng phải cụ thể, tiêu biểu, xác thực	2,0 điểm

	được nhiều người biết đến. <i>c. Bàn luận mở rộng</i> Trong cuộc sống vẫn còn có nhiều người ích kỉ, nhỏ nhen, lạnh lùng, vô cảm trước nỗi đau, nỗi bất hạnh của người khác, những người này đáng bị xã hội lên án. d. Bài học nhận thức và hành động 3. Kết đoạn Khái quát lại vấn đề nghị luận: cho và nhận; rút ra bài học, liên hệ bản thân.	
2	I. Mở bài - Lê Minh Khuê là một cây bút nữ chuyên viết truyện ngắn, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc . Ngòi bút của bà trong chiến tranh thường hướng về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ trên tuyến đường Trường Sơn. - Truyện ngắn “ <i>Những ngôi sao xa xôi</i>” là tác phẩm tiêu biểu của bà khi viết về đề tài này. Tác phẩm của bà được sáng tác vào năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc diễn ra vô cùng ác liệt. Tác phẩm là bức tranh về cuộc sống chiến đấu vô cùng ác liệt mà ánh sáng của nó là ánh sáng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Những cô gái thanh niên xung phong trinh sát mặt đường là nhân vật chính trong tác phẩm. - Đoạn văn trên giúp người đọc cảm nhận về đẹp nhân vật Phương Định- nhân vật chính trong tác phẩm với vẻ đẹp tâm hồn và sự dũng cảm, gan dạ đầy ngưỡng mộ. II. Thân bài 1. Khái quát về đoạn trích 2. Cảm nhận về Phương Định: a. Phương Định là một cô gái Hà Thành hồn nhiên, thơ mộng , trẻ trung, đáng yêu tràn đầy sức sống	5,0 điểm

	+ Ấn tượng đầu tiên là cô gái có bề ngoài trẻ trung, xinh xắn, đầy sức sống. Cô có “ <i>hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh..</i>”, “ <i>ánh mắt nhìn xa xăm</i>”, cô hay thích ngắm mình trong gương và làm điệu có vẻ kiêu kì... + Cô mang theo vào chiến trường vẻ hồn nhiên vô tư lự của cô gái Hà Thành mơ mộng với những bài hát “ <i>thuộc bất cứ một nhạc điệu nào rồi bịa ra lời mà hát...</i> Tiếng hát ấy để động viên đồng đội và động viên chính bản thân mình, để gửi vào trong tiếng hát sự khao khát của tuổi trẻ, của người chiến sĩ, mong được trở về quê hương yêu dấu, được gặp lại người yêu sau bao ngày nhớ nhung, yêu thương. b. Phương Định- cô gái thanh niên xung phong gan dạ, dũng cảm, mạnh bạo + Phương Định có hoàn cảnh sống và chiến đấu vô cùng khó khăn, sống trên một cao điểm, nơi có trọng điểm ở tuyến Trường Sơn ác liệt, giữa mênh mông khói bụi và bom đạn hủy diệt kẻ thù. Công việc của họ là “<i>đo khối lượng đất lấp vào hố bom và đếm bom nổ bom chưa nổ thì phá bom</i>”, Công việc vô cùng vất vả, hiểm nguy, cô phải đối diện với tử thần với cái chết bất cứ lúc nào. + Trận phá bom trên đỉnh cao Trường Sơn thể hiện rõ tinh thần, thái độ dũng cảm vượt mọi hiểm nguy của Phương Định và các cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường ấy. + Phương Định gan dạ dũng cảm, không hề sợ hãi, không đi khom... vừa thể hiện thái độ tự trọng, vừa là ý chí mạnh mẽ giúp cô vượt mọi khó khăn, hiểm nguy. + Phương Định có những thao tác rất chuẩn xác “	

	<i>dùng xẻng nhỏ đào đất”, “cẩn thận bỏ gói thuốc mìn châm ngòi”, “khỏa đất”....Sự thuần thực, nhanh nhẹn do được tôi luyện theo thời gian đã trở thành tiềm thức của nhân vật.</i> + Phương Định là người có cảm xúc nhạy bén, cảm nhận rõ rệt về trái bom khi nóng lên , suy nghĩ cảm thấy mình làm còn chậm . Sự thúc giục bản thân cần nhanh chóng hoàn thành công việc , tinh thần tự giác và tinh thần trách nhiệm cao trong trái tim người trẻ tuổi yêu nước. + Tâm trạng nhân vật Phương Định được miêu tả tỉ mỉ, chi tiết, suy nghĩ, lo lắng, hoảng sợ nhưng vẫn gan dạ, dũng cảm, hoàn thành trách nhiệm.. Có nghĩ đến cái chết nhưng là cảm giác bình thường, cái chết không rõ ràng, mà vô cùng mơ hồ,..Tinh thần trách nhiệm cao hơn tất cả, cao hơn cả mạng sống bản thân, Họ sẵn sàng hi sinh vì nhiệm vụ. + Câu nói “ <i>quen rồi</i>”, “ <i>phá bom 5 lần</i>”, sự bản lĩnh được tôi luyện. Đối mặt với tử thần là khó khăn nhưng các cô đã làm điều đó trong một thời gian dài để “ <i>quen rồi</i>”.. + Câu văn miêu tả trận phá bom ngắn, dồn dập, khẩn trương, tất cả làm nổi bật vẻ đẹp cô thanh niên xung phong với lý tưởng sống cao đẹp, dũng cảm, gan dạ với đời sống tinh thần phong phú, hồn nhiên, lạc quan, lãng mạn, thơ mộng,... + Phương Định và những đồng đội của mình là những người đã không tiếc tuổi thanh xuân, họ hiến dâng trọn vẹn tất cả những gì cho Tổ quốc: <i>“ Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước</i> <i>Mà lòng phơi phới dậy tương lai”.</i>	

	3. Đánh giá, mở rộng - Đọc tác phẩm “ <i>Những ngôi sao xa xôi</i>” của Lê Minh Khuê, người đọc thấy khâm phục và yêu mến Phương Định bởi vẻ hồn nhiên, ngây thơ lãng mạn của cô và vẻ đẹp dũng cảm, gan dạ, lí tưởng yêu nước cao đẹp trong người con gái này. - Qua nhân vật này chúng ta còn cảm nhận được vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong những năm tháng kháng chiến chống Mĩ đầy oanh liệt hào hùng. Họ đã góp sức nên “<i>thiên sử vàng</i>”. - Liên hệ mở rộng so sánh với bài thơ khác cùng viết về đề tài này như: “ <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i>”(Phạm Tiến Duật) viết về những chàng thanh niên lái xe, “ <i>Khoảng trời hố bom</i>” về cô gái mở đường... - Liên hệ bản thân về trách nhiệm của thế hệ trẻ trong thời đại hiện nay: Đất nước đã ra khỏi cuộc chiến tranh, nhiệm vụ của thế hệ trẻ là học tập , rèn luyện bản thân để phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.... III. Kết bài: Khẳng định vấn đề	

ĐỀ SỐ 71	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích :

*Tương lai con làm tóc mẹ pha màu
Lưng còng xuống gánh đời con trẻ
Để xế chiều bóng nuôi hình lặn lẽ
Quạnh quẽ một mình...
Một mình mẹ mà thôi !!!
Con trưởng thành hồng má đỏ môi*

Mẹ lụm cụm như con cò mò cá !
Con như cây tơ nõn nà phiến lá
Mẹ như hàng so đũa tàn bông !
Mẹ một đời cam phận dòng sông
Khi lớn - khi ròng - ngược - xuôi - vất vả ...
Mang phù sa bồi ruộng đời con.

(Nghĩ về hoàng hôn mẹ, Phan Ngọc Thường Đoàn)

Câu 1. Đoạn trích trên được viết theo thể thơ nào? (0,5 điểm)

Câu 2. Em hiểu nội dung các dòng thơ sau như thế nào? (0,75 điểm)

Tương lai con làm tóc mẹ pha màu
Lương còng xuống gánh đời con trẻ

Câu 3. Hãy cho biết hiệu quả của biện pháp so sánh trong các dòng thơ sau: (0,75 điểm)

Con trưởng thành hồng má đỏ môi
Mẹ lụm cụm như con cò mò cá !
Con như cây tơ nõn nà phiến lá
Mẹ như hàng so đũa tàn bông !

Câu 4. Hình ảnh người mẹ được thể hiện trong đoạn trích gợi cho em suy nghĩ gì về người phụ nữ Việt Nam? (1,0 điểm)

II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa của lòng biết ơn trong cuộc sống.

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận về tình cha con của ông Sáu và bé Thu trong đoạn trích sau:

Đến lúc chia tay, mang ba lô lên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt nhìn con, thấy nó đứng trong góc nhà.

Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn với đôi mắt trù mến lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.

- Thôi ! Ba đi nghe con ! – Anh Sáu khe khẽ nói.

Chúng tôi, mọi người – kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên:

- Ba...a...a... ba!

Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót nó như dựng đứng lên.

Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:

- Ba! Không cho ba đi nữa ! Ba ở nhà với con !

Ba nó bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa...

[...]

Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. Không ghìm được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con:

- Ba đi rồi ba ba về với con.

- Không! – Con bé hét lên, hai tay siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run”

(Nguyễn Quang Sáng, Chiếc lược ngà, Ngữ văn 9, tập 1)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Đoạn trích trên được viết theo thể thơ: Tự do	0,5 điểm
	2	- Nội dung của các dòng thơ: + Miêu tả nỗi vất vả, niềm lo lắng, sự chăm chú của mẹ với tương lai, cuộc sống của con. + Bộc lộ nỗi xót xa của tác giả	0,75 điểm
	3	- Biện pháp so sánh + Mẹ - con cò mò cá; hàng so đũa tàn bông + Con - cây tơ nồn nà phiến lá - Hiệu quả nghệ thuật: + Biểu đạt sâu sắc đức hi sinh của mẹ, để con khôn lớn trưởng thành thì mẹ chấp nhận mọi vất vả, nhọc	0,75 điểm

		nhân, vất kiệt cả tuổi xuân cho con. + Hình ảnh so sánh đem đến sự xúc động cho người đọc và tạo nên giọng điệu thiết tha sâu lắng.	
	4	- Hình ảnh người mẹ trong đoạn trích : Thương yêu con hết mực, tảo tần, chịu thương chịu khó, giàu đức hi sinh... - Suy nghĩ của bản thân:.....	1,0 điểm
II	1	1.Mở đoạn: Giới thiệu lòng biết ơn 2. Thân đoạn: - Giải thích lòng biết ơn - Biểu hiện của lòng biết ơn - Vai trò, ý nghĩa của lòng biết ơn. - Bàn luận mở rộng - Bài học nhận thức và hành động 3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề.	2,0 điểm
	2	I.Mở bài - Nguyễn Quang Sáng (1932 – 2014): là nhà văn trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Sinh ra, lớn lên và hoạt động chủ yếu ở chiến trường miền Nam nên các sáng tác của ông hầu như chỉ xoay quanh cuộc sống con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như sau hòa bình. - Chiếc lược ngà được viết năm 1966 khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Được in trong tập truyện cùng tên. - Khái quát nội dung đoạn trích. II. Thân bài 1. Giới thiệu về hoàn cảnh của cha con ông Sáu. * Khái quát về cuộc chia tay của hai cha con ông Sáu. 2. Cảm nhận tình cha con của cha con ông Sáu a. Tình yêu thương của ông Sáu với con - Khi chia tay, ông bộc lộ tình yêu con sâu nặng. + Anh không dám lại gần con, chỉ nhìn con bằng ánh mắt trìu mến, buồn rầu -> Ánh mắt cho thấy nỗi xót xa, cả sự yếu đuối của 1 người lính trước tình	5,0 điểm

	cảm gia đình. + Giọt nước mắt mà ông cố giấu, lời hứa trở về cùng chiếc lược ngà cho con đã gói trọn tình cảm yêu thương, gắn bó sâu sắc, mãnh liệt mà ông dành cho con. =>Tình yêu con của ông Sáu đã chiến thắng mọi khoảng cách của sự biệt li. Tình cảm ấy luôn vẹn nguyên, ấm áp và tràn đầy. b. Tình yêu thương bé Thu dành cho ông Sáu - Tuy nhiên khi được nghe bà ngoại giải thích, anh Sáu không giống trong bức ảnh thì bé Thu hiểu ra mình đã sai. Thu đã rất ân hận về hành động của mình. - Phản ứng không nhận anh Sáu quyết liệt bao nhiêu thì khi nhận ra cha tình cảm ấy lại càng sâu nặng bấy nhiêu. Trong giờ phút cuối cùng trước khi cha đi, tình cảm dồn nén bấy lâu nay bùng lên thật mãnh liệt, mạnh mẽ. - Nó hét tiếng “Ba” xé ruột, xé gan. Đó là tiếng “ba” nó mong chờ bấy lâu nay, tiếng gọi ấy khiến ông Sáu rơi lệ. - Rồi nó nhảy tót lên ôm chặt lấy ông Sáu, hôn vào tóc, vai, mặt, mũi và cả vết sẹo dài trên mặt ông. Chân nó quắp chặt lấy ba, như thể không muốn cho ông rời đi. => Tính cách nhân vật bé Thu: Tình cảm mạnh mẽ sâu sắc nhưng cũng rất dứt khoát, rạch ròi. Có nét cá tính cứng cỏi đến mức ương ngạnh nhưng vẫn là đứa trẻ hồn nhiên, ngây thơ. => Tất cả những hành động ấy cho thấy Thu yêu thương ba vô cùng, một tình yêu mãnh liệt, chân thành, thấm thiết. Tình yêu đó được bộc lộ một cách cảm động qua hoàn cảnh éo le của chiến tranh.	

		3. Đặc sắc nghệ thuật - Miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật đặc sắc: Từ chỗ Thu ngạc nhiên hoảng sợ đến lạnh lùng, cuối cùng là sự bùng nổ những yêu thương do bị dồn nén. Thể hiện được điều đó chứng tỏ tác giả am hiểu tâm lí trẻ em, yêu mến, trân trọng những tình cảm trẻ thơ. - Ngôn ngữ giản dị, đậm chất Nam Bộ. - Tình huống bất ngờ hợp lí, đã bộc lộ tình yêu thương tha thiết bé Thu dành cho ba của mình III. Kết bài Tác phẩm đã thể hiện một cách chân thực và cảm động tình cảm yêu thương sâu nặng của hai cha con trong hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt.	

ĐỀ SỐ 72	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN Thời gian: 120 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Mùa xuân đã tràn về phủ hơi ấm lên mặt đất và không gian. Dù cái lạnh còn phảng phất nhưng đã nghe trong gió cái nồng nàn của sự sinh sôi. Tiếng cỏ bật mầm non tí tách dưới mưa xuân. Tiếng chồi non khe khẽ cựa mình trong ánh sáng. Buổi chiều nhẹ như tơ vương. Tiếng gà gáy vọng trên đồi nghe sao mà ấm áp. Đâu đó trong con ngõ nhỏ, đài nhà ai phát đi bài hát “Mùa xuân đầu tiên” của Văn Cao với những lời tha thiết: “Rồi đặt dìu mùa xuân theo én về. Mùa bình thường mùa vui nay đã về... Từ đây người biết thương người. Từ đây người biết yêu người...”. Cảm giác thơ thời, nhẹ nhõm ùa vào lòng.

(Theo *Đi giữa trời xuân* - Bảo Trâm, Tạp chí Sông Thương, Hội Văn học nghệ thuật Bắc Giang, số 1/2014, tr.16)

Câu 1. Xác định từ láy trong các câu văn sau: Tiếng cỏ bật mầm non tí tách dưới mưa xuân. Tiếng chồi non khe khẽ cựa mình trong ánh sáng.

Câu 2. Tìm lời dẫn trực tiếp trong đoạn trích.

Câu 3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong câu: Buổi chiều nhẹ như tơ vương.

Câu 4. Đoạn trích khơi gợi trong em tình cảm gì?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về giá trị của tình yêu thương trong cuộc sống.

Câu 2. (5.0 điểm) Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.*

(Trích *Ánh trăng* - Nguyễn Duy, Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục, 2013, tr.156)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Xác định từ láy: Tí tách, khe khẽ	0,5 điểm
	2	Lời dẫn trực tiếp trong đoạn trích: "Rồi dặt dìu mùa xuân theo én về Từ đây biết yêu người"	0,5 điểm
	3	Biện pháp tu từ: So sánh Tác dụng: Miêu tả khung cảnh buổi chiều nhẹ nhàng như một sợi tơ còn vương đó làm ta khó thể nắm bắt mà chỉ thưởng thức vẻ đẹp của nó mà thôi.	1,0 điểm
	4	Đoạn trích trên giúp em liên tưởng tới khung cảnh mùa xuân đã về và đem tới sự tươi mới cả làn không khí xuân tươi trẻ và khỏe khoắn. Của những mầm non vươn mình, của sự vật thiên nhiên thay đổi xung quanh ta. Mỗi khoảnh khắc của mùa xuân đẹp tuyệt vời biết mấy.	1,0 điểm
II	1	1.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề 2.Thân đoạn (1)Giải thích thế nào là tình yêu thương người: - Yêu thương con người là sự quan tâm, giúp đỡ của chúng ta đối với những người xung quanh - Là làm những điều tốt đẹp cho người khác và nhất là những người gặp khó khăn hoạn nạn. - Là thể hiện tính cảm yêu thương và quý mến người khác.	2,0 điểm

	(2). Biểu hiện của tình yêu thương con người: a. Trong gia đình: - Ông bà thương con cháu, cha mẹ thương con, con thương ba mẹ - Con cái biết nghe lời, yêu thương cha mẹ là thể hiện tính yêu thương của mình đối với ba mẹ b. Trong xã hội: - Tình yêu thương thể hiện ở tình yêu đôi lứa - Tình yêu thương con người là truyền thống đạo lí. (3) Bàn luận mở rộng (4) Bài học nhận thức và hành động 3. Kết đoạn - Tình yêu thương con người là lẽ sống của mỗi người - Mỗi người chúng ta phải biết yêu thương lẫn nhau	
2	1. Mở bài: Giới thiệu về bài thơ Ánh trăng và khổ cuối bài thơ 2. Thân bài: Trăng mang đến ánh sáng dịu dàng - Vẻ đẹp tròn đầy của vầng trăng tượng trưng cho những gì viên mãn nhất - Trăng lưu giữ quá khứ, đọng đầy kí ức tuổi thơ, năm tháng chiến trận - Trăng không một lời trách móc "im phăng phắc", không một ánh mắt hờn giận vì ai đó dừng dừng, vô tình với mình. - Ánh trăng kia chẳng nói một lời mà lòng người vẫn thổn thức, xót xa và dằn vặt bởi sự vô tình của chính mình => Vầng trăng bảo dung, thủy chung và tình nghĩa => Vầng trăng thức tỉnh lương tri của con người 3. Kết bài	5,0 điểm

		Khẳng định lại giá trị nghệ thuật của khổ thơ	

ĐỀ SỐ 73	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN Thời gian: 120 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản và trả lời các câu hỏi sau:

... “Mỗi một người đều có vai trò trong cuộc đời này và đều đáng được ghi nhận. Đó là lí do để chúng ta không vì thèm khát vị thế cao sang này mà rẻ rúng công việc bình thường khác. Cha mẹ ta, phần đông, đều làm công việc rất đổi bình thường. Và đó là một thực tế mà chúng ta cần nhìn thấy. Để trân trọng. Không phải để mặc cảm. Để bình thản tiến bước. Không phải để tự ti. Nếu tất cả đều là doanh nhân thành đạt thì ai sẽ quét rác trên những đường phố? Nếu tất cả đều là bác sĩ nổi tiếng thì ai sẽ là người dọn vệ sinh bệnh viện? Nếu tất cả đều là nhà khoa học thì ai sẽ là người tưới nước những luống rau? Nếu tất cả đều là kĩ sư phần mềm thì ai sẽ gắn những con chip vào máy tính? Phần đông chúng ta cũng sẽ là người bình thường. Nhưng điều đó không thể ngăn cản chúng ta vươn lên từng ngày.”...

(Phạm Lữ Ân, *Nếu biết trăm năm là hữu hạn*, NXB Hội Nhà văn năm 2012)

Câu 1 (0,5 điểm): Xác định câu chủ đề của đoạn văn?

Câu 2 (0,5 điểm): Xét về cấu tạo ngữ pháp, các câu: “Để trân trọng. Không phải để mặc cảm. Để bình thản tiến bước. Không phải để tự ti.” thuộc loại câu nào?

Câu 3 (1,0 điểm): Sử dụng cấu trúc “Nếu ...thì” trong những câu văn “Nếu tất cả đều là doanh nhân thành đạt thì ai sẽ quét rác trên những đường phố? Nếu tất cả đều là bác sĩ nổi tiếng thì ai sẽ là người dọn vệ sinh bệnh viện? Nếu tất cả đều là nhà khoa học thì ai sẽ là người tưới nước những luống rau? Nếu tất cả đều là kĩ sư phần mềm thì ai sẽ gắn những con chip vào máy tính?” có tác dụng gì?

Câu 4 (2,0 điểm): Theo em, tại sao “Phần đông chúng ta cũng sẽ là người bình thường. Nhưng điều đó không thể ngăn cản chúng ta vươn lên từng ngày”? Để vươn lên từng ngày em cần làm gì?

II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Cảm nhận của em về nhân vật ông Hai trong đoạn trích sau:

“Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặn ề ề, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc đi:

- Liệu có thật không hở bác? Hay là chỉ lại...

...Vừa về đến nhà, ông Hai nắm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lét đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau.

Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu... Ông lão nắm chặt hai tay mà rít lên:

- Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này.

Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng cho lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được. Ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy!

Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được? Mà thằng chánh Bệu thì đích là người làng không sai rồi. Không có lửa làm sao có khói? Ai người ta hơi đâu bịa tạc ra những chuyện ấy làm gì. Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chưa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước ... Lại con bao nhiêu người làng tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?”

(Trích Làng, Kim Lân, Ngữ văn 9, tập 1, NXBGD, 2013)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Câu chủ đề: “Mỗi một người đều có vai trò trong cuộc đời này và đều đáng được ghi nhận.”	0,5 điểm
	2	- Các câu “Để trân trọng. Không phải để mặc cảm. Để bình thản tiến bước. Không phải để tự ti.” thuộc loại câu rút gọn.	0,5 điểm
	3	Học sinh có thể có những cách diễn đạt khác nhau nhưng phải hợp lý; giám khảo tham khảo những gợi ý sau để đánh giá câu trả lời: Việc sử dụng cấu trúc nhằm nhấn mạnh các ý	1,0 điểm

		sau: - Xã hội phân công nhiệm vụ rất rõ ràng người lao động trí óc – người lao động chân tay; - Bất cứ một công việc nào, con người nào cũng đều có những vai trò nhất định để góp phần giúp ích cho cuộc sống và xây dựng xã hội; - Thái độ trân trọng nghề nghiệp, trân trọng con người.	
	4	Học sinh có nhiều cách diễn đạt khác nhau nhưng cần hợp lí và có sức thuyết phục. Giám khảo tham khảo những gợi ý sau để đánh giá câu trả lời: - Chúng ta cần vươn lên từng ngày vì: + Cuộc sống luôn vận động và phát triển đòi hỏi con người phải có ý thức sống tích cực; + Vươn lên trong cuộc sống để khẳng định giá trị sống của bản thân, hoàn thành vai trò trách nhiệm công dân trong việc xây dựng và phát triển đất nước. - Để vươn lên từng ngày cần phải: + Có ý thức sống: Tôn trọng bản thân và xã hội; + Tích cực học tập, có tinh thần học hỏi, trau dồi các chuẩn mực đạo đức, kỹ năng sống; + Có nghị lực, bản lĩnh vượt qua những khó khăn, trở ngại trong cuộc sống; + Có ước mơ, mục tiêu sống tốt đẹp.	2,0 điểm
II		I.Mở bài - Kim Lân là cây bút chuyên viết truyện ngắn, thành danh từ trước cách mạng tháng 8. Ông có lối viết tự nhiên, giản dị, cách miêu tả chân thực. Đặc biệt ông có biệt tài phân tích tâm lí nhân vật. - Truyện ngắn “<i>Làng</i>” được viết thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, đăng lần đầu trên tạp chí Văn nghệ 1948. -> Là một trong những truyện ngắn thành công	6,0 điểm

	nhất của Kim Lân. - Đoạn trích miêu tả tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc. II. Thân bài 1. Khái quát chung: Giới thiệu nhân vật ông Hai Tóm tắt nội dung trước khi dẫn đến đoạn được trích. 2. Cảm nhận nhân vật ông Hai * Lúc mới nghe tin, ông ngạc nhiên đến bàng hoàng, sửng sờ: - Đúng lúc ông Hai đang phấn khởi trước những tin tức thời sự thì nghe những người tản cư bàn về làng Chợ Dầu. Ông quay phắt lại hỏi: “<i>ta giết được bao nhiêu thằng?</i>” -> Câu hỏi cho thấy niềm tin vững chắc vào tinh thần cách mạng của làng mình. - Vì thế, tin làng theo giặc khiến ông chết lặng vì đau đớn, tủi thẹn: + <i>Cổ nghẹn đắng.</i> + <i>Da mặt tê rân rân.</i> + <i>Giọng lạc hẳn đi.</i> + <i>Lặng đi như không thở được...</i> -> Đau đớn đến mức như không điều khiển được thân thể của chính mình. * Từ giây phút đó, ông chìm vào tâm trạng hoang mang, đau khổ, sợ hãi:	

	- Ông lảng ra chỗ khác rồi về thẳng nhà, nằm vật ra giường chứ không chạy sang hàng xóm khoe làng như thường lệ. - Ông lo lắng, xót xa, trằn trọc cả đêm: + Cho số phận của những đứa con sẽ bị khinh bỉ, hắt hủi vì là trẻ con làng Việt gian; + Cho bao nhiêu người làng ở nơi tản cư. + Cho tương lai cả gia đình. - Ông sợ hãi khi phải đối diện với cuộc sống xung quanh: + Không dám bước chân ra khỏi nhà. + Mỗi một tiếng động bên ngoài cũng khiến ông hoang mang. + Lúc nào cũng nín thở nghe ngóng và chột dạ, nơm nớp.. => Miêu tả diễn biến tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc, đã cho thấy nỗi đau tột cùng của ông Hai khi biết tin làng theo giặc. 3. Nghệ thuật xây dựng nhân vật + Lối kể chuyện giản dị, tự nhiên, ngôn ngữ mang tính khẩu ngữ. + Ngôi bút phân tích tâm lí sắc sảo. III.Kết bài Kim Lân đã miêu tả chân thực, sắc sảo diễn biến tâm trạng ông Hai.=> Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai	

ĐỀ SỐ 74

ĐỀ THI THỬ VÀO 10

Môn NGỮ VĂN

Thời gian: 120 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Trí thức giống như ngọn đèn trong đêm tối, soi sáng con đường chông gai phía trước. Trí tuệ giống như chiếc chìa khóa diệu kì, mở ra cánh cửa tâm hồn. Trí tuệ giống như tia nắng mặt trời ấm áp xua tan bóng tối lạnh giá. Đấng tạo hóa có trí tuệ thì mới tạo ra một thế giới diệu kì, nhân loại có trí tuệ chỉ đường sẽ bước sang thế giới hiện đại văn minh. Khi có trí tuệ bạn sẽ dễ dàng gặt hái được nhiều thành công trong cuộc sống. Bấy trăm năm trước, Giovanni Boccaccio đã nói: “Trí tuệ là cội nguồn hạnh phúc của con người”. Thật vậy, có trí tuệ, bạn sẽ có nhiều niềm vui và mang lại hạnh phúc cho những người xung quanh.”

(Trích Lời nói đầu, *Kỹ năng sống dành cho học sinh, sự kiên cường* - Ngọc Linh, NXB Thế giới, 2019)

Câu 1. Chỉ ra hai phép liên kết câu trong đoạn văn trên.(0,5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả, tại sao Giovanni Boccaccio nói "Trí tuệ là cội nguồn hạnh phúc của con người"?(0,5 điểm)

Câu 3. Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ so sánh trong câu: “Trí tuệ giống như chiếc chìa khóa diệu kỳ, mở ra cánh cửa tâm hồn”.(1,0 điểm)

Câu 4. Theo em, cuộc sống con người sẽ ra sao nếu chúng ta không chú trọng đến việc phát triển trí tuệ? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ về việc cần làm để phát triển trí tuệ của bản thân.

Câu 2. (5,0 điểm) Vẽ đẹp của biển cả và niềm vui của người lao động trong đoạn thơ sau:

*Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng,
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng,
Vảy bạc đuôi vàng loé rạng đông,
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.
Câu hát căng buồm với gió khơi,
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.*

(Trích *Đoàn thuyền đánh cá* - Huy Cận,

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Hai phép liên kết câu trong đoạn văn trên: Phép lặp từ ngữ: trí tuệ Phép lặp cú pháp câu: giống như Phép nối: Thật vậy,.....	0,5 điểm
	2	Theo tác giả, Giovanni Boccaccio nói "Trí tuệ là cội nguồn hạnh phúc của con người" vì: có trí tuệ, bạn sẽ có nhiều niềm vui và mang lại hạnh phúc cho những người xung quanh.	0,5 điểm
	3	Hiệu quả của biện pháp tu từ so sánh: giúp ta hình dung, gia tăng trí tưởng tượng khi so sánh trí tuệ với chiếc chìa khóa diệu kì. Giúp câu văn trở nên cụ thể hơn và người đọc hình dung rõ hơn thế là nào trí tuệ tựa như chiếc chìa khóa có thể khai phá, mở ra một thế giới mới.	1,0 điểm
	4	Nếu không phát triển trí tuệ thì: - Tự bản thân chúng ta trở nên lạc hậu, không theo kịp thời đại - Chúng ta không thể tiếp thu kiến thức, chậm tư duy, giảm khả năng nhận thức về vấn đề - Tạo nên tính cách phụ thuộc, dựa dẫm, thụ động trong cuộc sống -	1,0 điểm
II	1	1. Giới thiệu chung:những việc cần làm để phát triển trí tuệ bản thân 2. Giải thích - Trí tuệ: là kết quả của hoạt động trí thức, dựa trên lý trí, dùng đến lý luận, khái niệm, ngôn từ, và chủ yếu gồm những sự hiểu biết, những kiến thức đã được gom góp lại. 3. Bàn luận - Vai trò của trí tuệ với cuộc sống: + Trí tuệ giúp ta giải quyết mọi vấn đề đơn giản, hiệu quả. + Trí tuệ sáng tạo ra những công cụ phục vụ cuộc sống con người, + ... - Cách thức để phát triển trí tuệ bản thân:	2,0 điểm

	+ Đọc sách, bồi đắp tri thức của mình. + Thực hành dựa trên cơ sở lý thuyết đã học. + Rèn luyện não bộ bằng cách đưa bản thân vào những thử thách mới mẻ, để não bộ trở nên linh hoạt, nhạy bén hơn. + Rèn luyện thân thể, tập thể dục thể thao, + Nghỉ ngơi và giải trí hợp lý - Phê phán những người lười biếng, không chịu suy nghĩ, động não, chỉ thích đi theo lối mòn,... - Liên hệ bản thân.	
2	1. Mở bài: – Huy Cận là một trong những nhà thơ tiêu biểu cho nền thơ ca hiện đại Việt Nam – Giữa năm 1958, ông có chuyến đi dài ngày thực tế ở Quảng Ninh. Từ chuyến đi thực tế này ông viết <i>Đoàn thuyền đánh cá</i>. – Hai khổ thơ cuối, tác giả khắc họa hình ảnh tráng lệ, thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống. <i>"... Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng</i> <i>Câu hát căng buồm với gió khơi, Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời. Mặt trời đội biển nhô màu mới Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi"</i> 2. Thân bài: * <i>Vẻ đẹp hài hòa giữa thiên nhiên tráng lệ và người lao động:</i> - Ra đi từ lúc hoàng hôn buông xuống, sóng cài then, đêm sập cửa, vũ trụ nghỉ ngơi, nay trở về bình minh đang lên rạng rỡ. Trước hết, đó là cảnh khẩn trương, hối hả chuẩn bị cho sự trở về: <i>"... Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng"</i>	5,0 điểm

		Tất cả tinh thần tranh thủ, hối hả được diễn tả qua từ "kịp" và hình ảnh "kéo xoắn tay" một hình ảnh thơ khỏe khoắn gợi tả một công việc lao động hăng say, vất vả nhưng lấp lánh niềm vui bởi thành quả lao động mà họ đạt được "chùm cá nặng". Xoa tay đứng nhìn đầy chặt khoang những cá nhụ, cá chim, cá đế... vẩy đuôi ánh sáng bình minh lấp lánh ánh bạc. - Tinh thần khẩn trương, hối hả của người ngư dân lúc kéo lưới "sao mờ kéo lưới kịp trời sáng" - Sự khỏe mạnh của người lao động qua hình ảnh ẩn dụ "ta kéo xoắn tay chùm cá nặng" - Niềm vui tươi trong lao động qua những câu thơ tả cảnh đẹp, đầy sáng tạo. <i>* Cảnh đoàn thuyền buồm căng gió trở về bến:</i> - Công việc đánh cá kết thúc, khi mà: lưới xếp, buồm lên đón nắng hồng" ấy là lúc đoàn thuyền trở về: <i>"Câu hát căng buồm với gió khơi, Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời. Mặt trời đội biển nhô màu mới Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi"</i> – Chi tiết "đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời" và "mặt trời đội biển nhô màu mới" là chi tiết giàu ý nghĩa. Hình ảnh "mặt trời" là hình ảnh ẩn dụ cho một tương lai xán lạn. Và con thuyền chạy đua về tương lai là con thuyền của chủ nghĩa xã hội đang trên bước đường xây dựng chủ nghĩa xã hội hứa hẹn thành công. 3. Kết bài: – Bài "Đoàn thuyền đánh cá" là một trong những bài thơ hay của phản ánh không khí lao động hăng say, náo nức của những người lao động đánh cá trên biển trong không khí của những ngày đất nước xây dựng sau giải phóng. – Bài thơ có nhiều sáng tạo trong việc xây dựng hình ảnh bằng liên tưởng, tưởng tượng độc đáo và vận dụng nhiều biện pháp tu từ thành công.	

ĐỀ SỐ 75	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và trả lời những câu hỏi ở dưới:

*"Lặng rồi cả tiếng con ve
 Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.
 Nhà em vẫn tiếng ọ ời
 Kéo cà tiếng vồng mẹ ngồi mẹ ru.
 Lời ru có gió mùa thu
 Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.
 Những ngôi sao thức ngoài kia
 Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.
 Đêm nay con ngủ giấc tròn
 Mẹ là ngọn gió của con suốt đời."*

(Mẹ, Trần Quốc Minh, Theo Thơ chọn với lời bình, NXB Giáo dục, 2002, tr. 28 - 29)

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? (0,5 điểm)

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên. (0,5 điểm)

Câu 3. Trong bài thơ, những âm thanh nào được tác giả nhắc đến? (0,75 điểm)

Câu 4. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau: (1,25 điểm)

*Đêm nay con ngủ giấc tròn
 Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.*

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm).

Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về lòng hiếu thảo.

Câu 2. (5,0 điểm). Cảm nhận của em về nhân vật ông Hai trong đoạn trích sau:

Cổ ông lão nghen ắng hần lại, da mặt tê rần rần. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặn ề ề, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hần đi:

- Liệu có thật không hở bác? Hay là chỉ lại ...

[...] Ông lão vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng [...]

Ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi. Ông thoáng nghĩ đến vụ chủ nhà.

Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lén đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau.

Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu... Ông lão nắm chặt hai tay lại mà rít lên:

- Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này.

Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được. Ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy!...

Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được? Mà thằng chánh Bệu thì đích thị là người làng không sai rồi. Không có lửa thì sao có khói? Ai người ta hơi đâu bịa tạc ra những chuyện ấy làm gì. Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước... Lại còn bao nhiêu người làng, tan tác mỗi người một phương nữa không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?...

(Trích *Làng*, Kim Lân, *Ngữ văn 9*, tập 1, NXB Giáo Dục, 2014, tr 165 - 166)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Bài thơ được viết theo thể thơ lục bát	0,5 điểm
	2	Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm	0,5 điểm
	3	Trong bài thơ, những âm thanh được tác giả nhắc đến là: tiếng ve, tiếng văng kêu, tiếng mẹ hát ru.	0,75 điểm
	4	Biện pháp tu từ: - Ẩn dụ: "giấc tròn" => Cách nói ẩn dụ "giấc tròn" không phải chỉ là giấc ngủ của con mà còn mang ý nghĩa cuộc đời con luôn có mẹ theo sát bên nâng bước con đi, che chở cho con, dành tất cả yêu thương.	1,25 điểm
II	1	1. Mở đoạn: Nêu vấn đề cần bàn luận “ <i>Công cha như núi Thái Sơn</i> <i>Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra</i> ” - Đây là những câu tục ngữ nói về lòng hiếu thảo của con người, không chỉ chúng ta có lòng biết ơn đối với cha mẹ mà lòng biết ơn còn được thể hiện với ông bà và đất nước. - Hiếu thảo là là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta từ xưa đến nay, là một phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam ta. 2. Thân đoạn	2,0 điểm

		<i>*. Hiếu thảo là gì ?</i> - Hiếu thảo là hành động đối xử tốt với ông bà cha mẹ, luôn yêu thương họ - Lòng hiếu thảo là phụng dưỡng ông bà cha mẹ khi ốm yếu và già cả <i>*. Biểu hiện của lòng hiếu thảo như thế nào?</i> - Những người có lòng hiếu thảo là người luôn biết cung kính và tôn trọng ông bà, cha mẹ - Biết vâng lời và làm cho cha mẹ được vui vẻ, tinh thần được yên tâm. - Luôn biết sống đúng chuẩn mực với đạo đức xã hội, thực hiện lễ nghi hiếu nghĩa đối với các bậc sinh thành. - Lòng hiếu thảo là hành vi vô cùng ý nghĩa mang lại danh tiếng tốt cho ông bà cha mẹ và tổ tiên. <i>*. Vì sao cần phải có lòng hiếu thảo với ông bà cha mẹ?</i> - Ông bà cha mẹ là người đã sinh ra ta, đã mang lại cuộc sống này cho chúng ta - Hiếu thảo là một chuẩn mực đạo đức của xã hội - Sống hiếu thảo với ông bà cha mẹ là thể hiện sống có trách nhiệm của mỗi người - Người có lòng hiếu thảo luôn được mọi người yêu mến và quý trọng - Khi bạn hiếu thảo thì con cái của bạn sau này sẽ hiếu thảo với bạn - Giá trị của bạn sẽ được nâng cao nếu sống có hiếu thảo - Lòng hiếu thảo gắn kết các thành viên trong gia đình với nhau, thể hiện tình yêu thương gia đình <i>*. Cần làm gì để có được lòng hiếu thảo?</i> - Phải biết kính trọng và yêu thương ông bà cha mẹ - Chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ ông bà khi về già - Cư xử tốt với ông bà cha mẹ, không cãi lại - Yêu thương anh em trong nhà <i>* Liên hệ</i> - Em đã làm những gì để thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ - Phê phán những người không hiếu thảo trong xã	

	hội hiện nay: sống bất hiếu, vô lễ, thậm chí còn đánh đập đối xử tàn nhẫn, bỏ rơi cha mẹ già. Đó là một lối sống vô ơn, một nhân cách kém cỏi, đáng chê trách. 3. Kết đoạn - Phải sống hiếu thảo với ông bà cha mẹ - Cần thể hiện lòng hiếu thảo đối với ông bà cha mẹ ngay từ hôm nay.	
2	I) Mở bài - Kim Lân là nhà văn chuyên viết về cuộc sống nông thôn. - Một trong những tác phẩm của ông là truyện ngắn Làng với nhân vật chính là ông Hai – một người phải rời làng của mình để đến nơi tản cư. II) Thân bài Luận điểm 1: tình yêu làng * <i>Luận cứ 1</i>: niềm tự hào , kiêu hãnh của ông hai về làng của mình - Dù đã rời làng nhưng ông vẫn: + Nghĩ về làng của mình, nghĩ về những buổi làm việc cùng anh em + Lo lắng, nhớ đến làng: “Chao ôi! Ông lão nhớ cái làng này quá ” *<i>Luận cứ 2</i> : tâm trạng của ông hai khi nghe tin làng chợ Dầu đi theo giặc : - Cổ ông ghen, giọng lạc hẳn đi. - Lúc đầu ông không tin nên hỏi lại. - Ông quá xấu hổ nên đã chép miệng , đánh trống lảng:”Hà, nắng gắt, về nào... “ rồi cúi mặt mà đi. - Khi về nhà, ông nằm vật ra giường. Tối hôm đó thì trần trọc ko ngủ dc. - Ông nhìn đám trẻ ngây thơ mà bị mang tiếng việt gian rồi khóc. - Ông điếm lại mọi người trong làng nhưng thấy ai cũng có tinh thần cả nên ông vẫn ko tin lại có ai làm điều nhục nhã ấy. - Lo sợ sẽ bị bà chủ nhà đuổi vì ông biết rằng nơi đây ai cũng khinh bỉ và ko chứa chấp việt gian. * <i>Luận cứ 3</i>: tâm trạng ông hai sau khi nghe tin làng được cải chính	5,0 điểm

		- Mặt ông hai vui tươi, rạng rỡ hẳn lên. - Về nhà, ông chia quà cho lũ trẻ xong liền chạy khắp xóm để loan tin. - Ông qua nhà bác Thứ và kể chuyện làng của mình. Luận điểm 2: tình yêu nước : - Tình yêu làng là cơ sở cho tình yêu nước. - “<i>Ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá!</i>” khi nghe các tin dân ta đánh Tây từ phòng thông tin. - Ông và con ông đều ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh (cuộc đối thoại giữa 2 cha con gần cuối bài – đoạn chữ nhỏ). III) Kết bài - Ông hai là một người rất rất yêu làng và yêu nước của mình. - Hai điều trên đã dc tác giả làm rõ qua cách xây dựng nhiều tình huống truyện khác nhau, miêu tả tâm lí nhân vật qua những cuộc đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm đa dạng.	

ĐỀ SỐ 76	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 4:

Âm nhạc là một trong những món quà kì diệu khiến đời sống tinh thần của con người thêm phong phú. Chắc hẳn không ít lần bạn say sưa, đắm mình trong một giai điệu nào đó - một bản nhạc êm dịu, sâu lắng hoặc náo nức, vui tươi. Chúng khiến tâm trí bạn trở nên thư thái, đưa lại cho bạn cảm giác bình yên sau những giờ làm việc mệt mỏi.

Nhưng bạn có biết rằng, ngoài những thanh âm vang vọng từ thế giới bên ngoài kia còn có một thử âm thanh khác kì diệu hơn cất lên từ chính tâm hồn bạn. Mỗi người trong chúng ta đều ẩn chứa một khúc nhạc huyền bí. Khúc nhạc ấy được tạo nên bởi một chuỗi suy nghĩ nối tiếp nhau. Nó được kết tinh từ những kí ức đã qua. Khi bạn mãi ám ảnh về một điều gì, điều đó sẽ được lưu lại trong khúc nhạc tâm hồn và trở đi, trở lại trong tâm trí bạn.

(Theo Wayne Cordeiro. *Thái độ quyết định thành công*,

NXB Tổng hợp TP.HCM, 2016, tr.88)

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Câu 2. (0,5 điểm) “Một thứ âm thanh khác kì diệu” mà tác giả nhắc đến trong đoạn trích là gì?

Câu 3. (1,0 điểm) Chỉ ra thành phần phụ chú, thành phần tình thái trong câu văn:
Chắc hẳn không ít lần bạn say sưa, đắm mình trong một giai điệu nào đó - một bản nhạc êm dịu, sâu lắng hoặc náo nức, vui tươi.

Câu 4. (1,0 điểm) Điều kì diệu mà âm nhạc mang đến cho em là gì? (viết 3 đến 5 dòng)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) với chủ đề: Hãy sống chan hòa với mọi người.

Câu 2. (5,0 điểm) Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...

Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim.

(Trích **Viếng lăng Bác** - Viễn Phương)

Ngữ văn 9 - Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr.58)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là: Nghị luận	0,5 điểm
	2	“Một thứ âm thanh khác kì diệu” mà tác giả nhắc đến trong đoạn trích là âm thanh cất lên từ chính tâm hồn con người.	0,5 điểm
	3	<i>Chắc hẳn không ít lần bạn say sưa, đắm mình trong một giai điệu nào đó - một bản nhạc êm dịu, sâu lắng hoặc náo nức, vui tươi.</i> - Thành phần phụ chú: <i>một bản nhạc êm dịu, sâu lắng hoặc náo nức, vui tươi.</i> - Thành phần tình thái: <i>chắc hẳn</i>	1,0 điểm
	4	Đây là câu hỏi mở, học sinh có thể tự do bày tỏ suy nghĩ nhưng cần diễn đạt rõ ràng, phù hợp với chuẩn mực đạo đức.	1,0 điểm

		<i>Ví dụ: âm nhạc giúp giải tỏa những áp lực trong cuộc sống, mang lại niềm vui, xoa dịu nỗi buồn...</i>	
II	1	- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: hãy sống chan hòa với mọi người. - Giải thích: sống chan hòa là sống vui vẻ, hòa hợp với mọi người và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động chung có ích. - Bày tỏ suy nghĩ về vấn đề cần nghị luận, kết hợp lí lẽ và dẫn chứng. + Biểu hiện của lối sống chan hòa: cởi mở, gần gũi mọi người quan tâm, yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ những người xung quanh, tích cực tham gia các hoạt động tập thể... . + Ý nghĩa của lối sống chan hòa: Giúp ta có được nhiều niềm vui trong cuộc sống: góp phần xây dựng một tập thể đoàn kết, giúp ta được mọi người yêu quý và sẽ nhận được sự giúp đỡ từ mọi người khi ta gặp khó khăn... + Tuy nhiên sống chan hòa không có nghĩa là a dua đua đòi theo đám đông, khiến ta đánh mất bản thân.. . + Phê phán lối sống ích kỉ, khép kín, không hòa nhã với mọi người... - Liên hệ và rút ra bài học.	2,0 điểm
	2	- Giới thiệu về tác giả, tác phẩm, đoạn trích và vấn đề cần nghị luận. - Cảm nhận về đoạn thơ + Sự tôn kính, biết ơn của nhà thơ khi đứng trước lăng Bác được thể hiện qua sự sống đời của các cặp hình ảnh thực và ẩn dụ.. + Niềm xúc động nghẹn ngào của nhà thơ khi vào trong lăng được gọi lên qua các hình ảnh: vầng trăng sáng dịu hiền, trời xanh... - Đánh giá chung: + Đoạn thơ đã thể hiện tấm lòng thành kính, biết ơn và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ cũng như của mọi người khi vào lăng viếng Bác, + Nghệ thuật: giọng điệu vừa trang nghiêm, sâu lắng, vừa thiết tha tự hào, nhiều hình ảnh thơ đẹp, sáng	5,0 điểm

		tạo, giàu liên tưởng và mang tính biểu tượng: ngôn ngữ bình dị, hàm súc mà âm vang.	

ĐỀ SỐ 77	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi:

Với đôi cánh dầm nắng trời
 Bầy ong bay đến trọn đời tìm hoa.
 Không gian là nẻo đường xa
 Thời gian vô tận mở ra sắc màu.
 Tìm nơi thăm thẳm rừng sâu
 Bập bùng hoa chuối, trắng màu hoa ban.
 Tìm nơi bờ biển sóng tràn
 Hàng cây chắn bão dịu dàng mùa hoa.
 Tìm nơi quần đảo khơi xa
 Có loài hoa nở như là không tên...
 Bầy ong rong ruổi trăm miền
 Rù rì đôi cánh nổi lên mùa hoa.
 Nổi rừng hoang với biển xa
 Đất nơi đâu cũng tìm ra ngọt ngào,

(Hành trình của bầy ong- Nguyễn Đức Mậu)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Những chi tiết nào nói lên hành trình vô tận của bầy ong? (0,5 điểm)

Câu 3. Bầy ong đến tìm mật ở những nơi nào? Những nơi đó có vẻ đẹp gì đặc biệt? (1,0 điểm)

Câu 4. Em hiểu như thế nào về câu thơ “Đất nơi đâu cũng tìm ra ngọt ngào”? (1,0 điểm)

II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Viết đoạn văn ngắn (200 chữ) nêu cảm nhận của em về đoạn thơ trên.

Câu 2: (5,0 điểm)

Viết về sự im lặng có những dòng cảm động như sau:

Gian khổ nhất là lần ghi và bảo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay

tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung... Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được.

(Lặng lẽ Sa Pa - Nguyễn Thành Long, Ngữ văn 9, tập một)

Và:

Cuộc sống ở đây đã dạy cho chúng tôi thế nào là sự im lặng. Sự im lặng từ sáng đến giờ không bình thường. Cái không bình thường đó đang đến. Tiếng máy bay trinh sát rè rè. Phản lực gầm gào lao theo sau. Hai thứ tiếng đó trộn lẫn vào nhau, rót vào tai con người một cảm giác khó chịu và căng thẳng.[...]

Những cái xảy ra hằng ngày: máy bay rít, bom nổ. Nổ trên cao điểm, cách cái hang này khoảng 300 mét. Đất dưới chân chúng tôi rung. Mấy cái khăn mặt mắc ở đây cũng rung. Tất cả, cứ như lên cơn sốt. Khói lên, và cửa hàng bị che lấp. Không thấy mây và bầu trời đâu nữa.

(Những ngôi sao xa xôi- Lê Minh Khuê, Ngữ văn 9, tập hai)

Em hãy cảm nhận về sự im lặng trong cuộc sống của những con người lặng lẽ qua những dòng văn của Nguyễn Thành Long và Lê Minh Khuê.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm	0,5 điểm
	2	Những chi tiết nói lên hành trình vô tận của bầy ong: - Bay trọn đời tìm hoa - Không gian: nẻo đường xa - Thời gian: vô tận	0,5 điểm
	3	- Bầy ong tìm đến mật ở nơi rừng sâu, biển xa, đảo xa, trăm miền đất nước. - Những nơi bầy ong đến tìm mật đều có những vẻ đẹp đặc biệt: hoa chuối, hoa ban của rừng, hàng cây chắn bão của biển, hoa lạ của đảo, các mùa hoa lạ...	1,0 điểm
	4	Ý nghĩa của câu thơ “Đất nơi đâu cũng tìm ra ngọt ngào”: mọi nơi trên mọi miền đất nước đều là những mùa hoa ngọt ngào, những trái thơm dịu ngọt chỉ cần cần mẫn và chăm chỉ.	1,0 điểm

II	1	- Cảm nhận về vẻ đẹp nội dung - Đặc sắc về nghệ thuật	2,0 điểm
	2	a. Mở bài - Dẫn dắt, giới thiệu 2 đoạn trích. - Nêu vấn đề. b. Thân bài: Phân tích, cảm nhận <i>* Về sự im lặng được miêu tả trong đoạn trích tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long :</i> - Khái quát: Đoạn trích kể về công việc gian khổ nhất là báo ốp về nhà lúc 01 giờ sáng của anh thanh niên, công việc “dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu”. - Cảm nhận về sự im lặng được miêu tả trong đoạn trích + Cái lặng im của đêm Sa Pa bị nuốt chửng bởi bóng tối, gió rét, mưa tuyết... Đó là những gian khổ của hoàn cảnh khắc nghiệt mà con người phải đối mặt (ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới, im lặng lạnh cóng mà hùng hực như cháy...). + Anh thanh niên đối diện với sự im lặng ấy trong cô đơn với cảm xúc đan xen nhưng thể hiện một ý chí, tinh thần trách nhiệm cao (nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi, chui ra khỏi chăn, trở vào không thể ngủ lại được...). - Nghệ thuật : + Kể bằng điểm nhìn của nhân vật anh thanh niên.. + Kết hợp ngôi bút kể, tả, biểu cảm; tả thiên nhiên đặc sắc bằng ngôn ngữ giàu hình ảnh thông qua những so sánh, nhân hóa. <i>* Về sự im lặng được miêu tả trong đoạn trích "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê :</i> - Khái quát: Đoạn trích kể về một buổi sáng trên cao điểm của các nữ thanh niên xung phong trong tổ trinh sát mặt đường khi họ phải đối diện với	5,0 điểm

	tiếng máy bay rít và bom nổ. - Cảm nhận về sự im lặng được miêu tả trong đoạn trích: + Cái im lặng không bình thường của một buổi sáng trên cao điểm bị phá tan bởi âm thanh của tiếng máy bay rít, bom nổ. Đó là những mối nguy hiểm, cái chết cận kề mà các nữ thanh niên xung phong phải đối mặt (tiếng máy bay trinh sát rè rè; phản lực gầm gào lao theo sau; nổ trên cao điểm tất cả cứ như lên cơn sốt...). + Cuộc sống ấy đối với ba cô gái ít nhiều để lại những cảm giác khó chịu và căng thẳng nhưng đó là cái diễn ra hàng ngày đã quá quen thuộc (Cuộc sống ở đây đã dạy cho chúng tôi thế nào là sự im lặng). - Nghệ thuật: + Ngôi kể thứ nhất. + Kể kết hợp với miêu tả, ngôn ngữ giàu hình ảnh, câu văn ngắn. * <i>Đánh giá</i> : - Điểm tương đồng trong cái lặng im của một Sa Pa lặng lẽ hay một cao điểm trên tuyến đường Trường Sơn là sự thực cuộc sống không lặng lẽ của những con người ngày đêm hi sinh, cống hiến âm thầm cho đất nước. - Điểm khác biệt: + Nguyễn Thành Long đặt nhân vật trong cuộc sống lao động. + Lê Minh Khuê đặt nhân vật trong cuộc sống chiến đấu c. Kết bài - Khẳng định lại vấn đề cần nghị luận.	

ĐỀ SỐ 78	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc khắp các vùng quê, đâu cũng có những ngôi đình, ngôi chùa để nhân dân cầu bình an. Muốn bình yên cần học cách đối xử hiền hòa với thiên nhiên. Vào thời điểm này, những con sông bậc nhất Bắc Kỳ, dòng sông của thi ca, dòng sông của tiếng hát quan họ vẫn còn lóng lánh đón mặt trời vào mỗi sớm mai, còn đọng đưa những thứ ánh sáng huyền diệu của trăng lên, những cánh hát hội, tiếng gõ mạn thuyền gọi cá tôm vào lưới. Người Bắc Giang đang có những dòng sông đẹp như cô gái đang thời xuân sắc. Giá trị trong lành của những dòng sông không nơi nào có được, cần phải giữ gìn và nâng cao chất lượng của dòng nước, Thiên nhiên ban cho người Bắc Giang những dòng sông, ngọn núi đẹp, là những báu vật có thể để dành cho tương lai. Ở những nước giàu có, nhờ những dòng sông đẹp, nhiều nơi đã phát triển được hệ thống đường thủy trong giao thương và du lịch.

Mọi dòng sông đều đổ về biển lớn. Trên hành trình về biển, sông đi qua bao gian khó và thử thách. [...]

Có lẽ mơ ước của những dòng sông đổ về biển lớn mang theo mơ ước của người Bắc Giang về sự | hội nhập và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội cũng từ đây.

(Theo Nguyễn Thị Thu Hà, *Những dòng nước huyền thoại*, Ngàn năm dưới bóng quê nhà, trang 81-82, NXB Quân đội Nhân dân 2018).

Câu 1. Theo đoạn trích trên:

a. Con người cần phải làm gì nếu *muốn* bình yên? :(0,5 điểm)

b. Thiên nhiên đã ban tặng cho người Bắc Giang những gì? :(0,5 điểm)

Câu 2. Hãy chỉ rõ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu sau: (1,0 điểm)

Người Bắc Giang đang có những dòng sông đẹp như cô gái đang thời xuân sắc.

Câu 3. Nhận xét ngắn gọn về tâm tư, tình cảm của tác giả với những dòng sông quê hương. (1,0 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ hình ảnh *mọi dòng sông đều đổ về biển lớn* với *bao gian khó và thử thách* trong đoạn trích trên, em có liên tưởng gì đến hành trình hội nhập của thế hệ trẻ trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay? Trình bày bằng một đoạn văn khoảng 200 chữ

Câu 2. (5,0 điểm).

Suy nghĩ của em về hình tượng con người đối diện với vàng trắng trong hai đoạn thơ sau:

*Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.*

(Trích *Đồng chí*, Chính Hữu, *Ngữ văn 9*, Tập 1,
trang 129, NXB Giáo dục 2009)

*Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng
Trăng cổ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.*

(Trích *Ánh trăng*, Nguyễn Duy, *Ngữ văn 9*, Tập 1,
trang 165, NXB Giáo Dục)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	a. Con người muốn bình yên cần phải học cách ứng xử hiền hòa với thiên nhiên.	0,5 điểm
		b. Thiên nhiên đã ban tặng cho người Bắc Giang: những dòng sông, ngọn núi đẹp, là những báu vật có thể dành cho tương lai.	0,5 điểm
	2	- Biện pháp: So sánh (so sánh <i>những dòng sông</i> với <i>cô gái đang thời xuân sắc</i>) - Tác dụng: nhấn mạnh khẳng định vẻ đẹp tràn đầy sức sống của những dòng sông ở Bắc Giang. *Giải thích vấn đề: - Hội nhập là tham gia vào một cộng đồng để cùng hoạt động và phát triển với	1,0 điểm
	3	Tâm tư, tình cảm của tác giả với những dòng sông quê hương: - Tình yêu dành cho những dòng sông quê. - Niềm tự hào về những dòng sông gắn với văn hóa lâu đời của người dân, dòng sông của thi ca, dòng sông của tiếng hát quan họ vẫn còn lóng lánh đón mặt trời vào mỗi sớm mai.	1,0 điểm
II	1	*Giải thích vấn đề: - Hội nhập là tham gia vào một cộng đồng để cùng hoạt động và phát triển với cộng đồng ấy (thường nói về quan hệ giữa các dân tộc, các quốc gia),	2,0 điểm

	- Hình ảnh <i>mọi dòng sông đều đổ về biển lớn</i> với <i>bao gian khó và thử thách</i> gợi liên tưởng về những khó khăn lớn lao mà thế hệ trẻ phải vượt qua để hội nhập với thế giới bởi cũng như những dòng sông muốn đổ về biển lớn phải vượt qua bao nhiêu gềnh thác, <i>*Phân tích vấn đề:</i> - Tại sao khi hội nhập, giới trẻ phải vượt qua nhiều thử thách? + Do sự cách biệt về văn hóa và ngôn ngữ, + Do điều kiện về kinh tế và xã hội giữa nước ta với các nước khác có sự chênh lệch khá nhiều. - Giới trẻ cần làm gì để xóa bỏ những khó khăn, thử thách trên: + Cần trau dồi cho mình tri thức và kinh nghiệm sống + Không ngừng học hỏi, tiếp thu tri thức nhân loại. + Phát huy những điểm mạnh, xóa bỏ những điểm yếu, + Cần gạt bỏ những mặt tiêu cực của cái “tôi” cá nhân để có thể hòa nhập hơn với cộng đồng.. - Tuy nhiên cần lưu ý, hội nhập chứ không phải hòa tan vẫn cần giữ những nét văn hóa đẹp đẽ của dân tộc. - Liên hệ bản thân.	
2	1. <i>Mở bài</i> - Giới thiệu tóm tắt hai tác giả: Nguyễn Duy, Chính Hữu. - Dẫn trích và giới thiệu về vầng trăng trong văn học và trong hai đoạn trích: Ánh trăng, Đồng chí, 2. <i>Thân bài</i> a. <i>Đoạn trích Ánh trăng.</i> <i>* Được bắt đầu từ khi gặp lại vầng trăng:</i> - Điệp từ “mặt”, lối chuyển nghĩa độc đáo: + Diễn tả giây phút soi chiếu, giao hòa giữa con người và vầng trăng + Soi vào trăng để con người nhận ra mình và nhận ra cả sự đổi thay của mình. - “Rung rinh”: là những cảm xúc đang ulla về trong giây phút con người nhận ra vầng trăng tri kỉ của đời mình > để rồi thức tỉnh. - “Đồng, bể, sông, rừng”:	5,0 điểm

	+ Xóa đi thời gian, không gian, đưa con người về quá khứ. + Kéo trăng và người xích lại gần nhau. + Để trăng vẫn vẹn nguyên là tri kỉ. + Để con người nhận ra sự nông cạn, thờ ơ, bạc bẽo của chính mình, * Càng sâu sắc hơn khi: -“Trăng”: + “<i>tròn vành vạnh</i>”, ẩn dụ cho nghĩa tình không bao giờ thay đổi, không bao giờ với cạn của nhân dân, đất nước. + “<i>im phăng phắc</i>”; bao dung, độ lượng và nghiêm khắc => cái im lặng chứa đựng lời nhắc nhở, cảnh báo, thức tỉnh con người,. - Người “<i>giật mình</i>” => thức tỉnh: + Nhận ra những cám dỗ vật chất khiến con người đánh mất đi những giá trị tinh thần đẹp đẽ, khiến tâm hồn họ trống rỗng, nghèo nàn. + Nhận ra: không được lãng quên quá khứ, không được thờ ơ, bội bạc với nghĩa tình sâu nặng, thiêng liêng, + Biết trở về nâng niu, trân trọng quá khứ, biết sống ân nghĩa, thủy chung. => Với khoảnh khắc giật mình, nhà thơ đã gieo vào lòng người đọc niềm tin và sức sống mãnh liệt của lương tri con người. - Nghệ thuật: + Thể thơ ngũ ngôn với nhiều sáng tạo độc đáo, + Sự kết hợp hài hòa giữa chất tự sự và trữ tình. + Ngôn ngữ, hình ảnh giản dị, gần gũi mà giàu sức gợi. + Giọng điệu tâm tình thấm thía, khi thì thiết tha cảm xúc, lúc lại trầm lắng, suy tư, b. Đoạn trích Đồng chí Sức mạnh và vẻ đẹp của tình đồng chí: * Được xây dựng trên nền một hoàn cảnh khắc nghiệt: - Thời gian, không gian: Từng đêm hoang vu, lạnh lẽo, - Không khí căng thẳng trước một trận chiến đấu.	

		=> Tâm hồn họ vẫn bay lên với hình ảnh vầng trăng nơi đầu súng. -> Họ vẫn xuất hiện trong tư thế điềm tĩnh, chủ động “chờ giặc tới”. => Nhờ tựa vào sức mạnh của tinh thần đồng đội. Họ “đứng cạnh bên nhau” và trở thành một khối thống nhất không gì lay chuyển nổi. * Được biểu hiện qua một hình ảnh thơ độc đáo, đầy sáng tạo: “Đầu súng trăng treo”. - Vốn là một hình ảnh thơ được cảm nhận từ thực tiễn chiến đấu. - Song hình ảnh này mang nhiều ý nghĩa biểu tượng phong phú + Gợi liên tưởng chiến tranh - hòa bình, hiện thực - ảo mộng, kiên cường - lãng mạn, chất chiến sĩ - chất thi sĩ, + Gợi vẻ đẹp của tình đồng chí sáng trong, sâu sắc. Sự xuất hiện của vầng trăng là một bằng chứng về sức mạnh kì diệu của tình đồng đội. Tình cảm ấy giúp tâm hồn người lính bay lên giữa lúc gay go, khốc liệt của chiến tranh. + Gợi vẻ đẹp của tâm hồn người lính – một tâm hồn luôn trong trẻo, tươi mát dầu phải băng qua lửa đạn chiến tranh. + Gợi vẻ đẹp tâm hồn dân tộc Việt Nam - một bàn tay giữ chắc cây súng mà trái tim luôn hướng đến những khát vọng thanh bình. - Nghệ thuật: Lối miêu tả chân thực, tự nhiên, từ ngữ, hình ảnh giản dị và giàu sức gợi, cảm xúc dồn nén. <i>c. Suy ngẫm về giây phút con người đối diện với vầng trăng</i> - Giống nhau: + Vầng trăng là người bạn thủy chung, tình nghĩa. + Vầng trăng luôn bên cạnh con người, nâng đỡ con người trong những phút khó khăn, đưa đường dẫn lối con người trở về với những giá trị nhân văn tốt đẹp. - Khác nhau + Đồng chí: vầng trăng là người đồng chí, là người bạn, là biểu tượng của hòa bình, tự do.	

		+ Ánh trăng vàng trắng mang ý nghĩa thức tỉnh, giúp con người sống với những giá trị đẹp đẽ của dân tộc “Uống nước, nhớ nguồn” 3. Kết bài: Khẳng định vấn đề	

ĐỀ SỐ 79	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN Thời gian: 120 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

Bà hành khất đến ngõ tôi
Bà tôi cung cúc ra mời vào trong
Lưng còng đỡ lấy lưng còng
Thầm hai tiếng gậy tưng trong nắng chiều.
Nhà nghèo chẳng có bao nhiêu
Gạo còn hai ống chia đều thảo thơm
Nhường khách ngồi chiếc chổi rơm.
Bà ngồi dưới đất mắt buồn ngó xa...
Lá tre rụng xuống sân nhà
Thoảng hương nụ với...chiều qua....cùng chiều.

(Bà Tôi - Kao Sơn, dẫn theo nguồn <http://baohinhbinh.org.vn>)

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ?

Câu 2 (1,0 điểm). Tìm từ đồng nghĩa với từ **hành khất**.

Câu 3 (0,5 điểm). Chỉ ra biện pháp tu từ trong câu thơ thứ ba: *Lưng còng đỡ lấy lưng còng*

Câu 4 (1,0 điểm). Thái độ ứng xử cảm động chan chứa tình người của người bà trong hai thơ trên đã gợi cho em những suy nghĩ gì?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm).

Niềm tin tạo nên sức mạnh.

Từ ý kiến trên hãy viết đoạn văn ngắn với chủ đề: *Niềm tin trong cuộc sống*

Câu 2 (5,0 điểm).

Cảm nhận về ước nguyện của nhà thơ Thanh Hải trong hai khổ thơ sau:

Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến.

Một mùa xuân nho nhỏ
 Lặng lẽ dâng cho đời
 Dù là tuổi hai mươi
 Dù là khi tóc bạc.

(Trích [Mùa xuân nho nhỏ](#) - Thanh Hải, Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ: biểu cảm	0,5 điểm
	2	Từ đồng nghĩa với từ "hành khất" là "ăn mày" hoặc "ăn xin"	1,0 điểm
	3	Biện pháp tu từ trong câu thơ "Lưng còng đỡ lấy lưng còng" là: (chọn 1 trong 2) - Điệp ngữ: "lưng còng" - Hoán dụ => khắc họa chân dung già nua, nhọc nhằn có phần tội nghiệp của hai người bạn già. Từ "lưng còng" được lặp lại, kết hợp với động từ " đỡ" đã tái hiện một hình ảnh đẹp đẽ, cảm động, ấm áp tình người giữa chủ nhà và người hành khất.	0,5 điểm
	4	Thái độ ứng xử cảm động chan chứa tình người của người bà trong bài thơ trên đã gợi cho em những suy nghĩ về tình người, lòng nhân ái của người bà đối với người ăn xin. Đó là nét đẹp tinh thần rất cần phải được trân trọng, nâng niu, giữ gìn và nhân lên.	1,0 điểm
II	1	I. Mở đoạn - Dẫn dắt vấn đề nghị luận: Bàn về vai trò, sức mạnh của niềm tin trong cuộc sống con người. II. Thân đoạn 1. Giải thích – Niềm tin: sự tin tưởng, tín nhiệm vào những điều có thể làm trong cuộc sống dựa trên cơ sở hiện thực nhất định. – Sức mạnh niềm tin trong cuộc sống là sức mạnh tinh thần, giúp con người làm được những điều mong ước, hoàn thành những dự định. 2. Phân tích, bình luận a) Vì sao cần có sức mạnh niềm tin trong cuộc đời ? – Có niềm tin sẽ tạo ra sức mạnh để vượt qua	2,0 điểm

		những khó khăn, trắc trở. – Niềm tin vào bản thân đem lại niềm tin yêu cuộc sống, yêu con người, hi vọng vào những gì tốt đẹp. Niềm tin giúp con người vững vàng, lạc quan và thành công trong cuộc sống. – Niềm tin vào bản thân giúp con người vượt lên mọi thử thách và trưởng thành: Trong cuộc sống, có biết bao con người không may mắn, họ phải trải qua nhiều khó khăn, thử thách, bất hạnh. Nhưng càng khó khăn, bản lĩnh của họ càng vững vàng. Họ tin vào ý chí, nghị lực, khả năng của bản thân và họ đã vượt lên, chiến thắng tất cả. – Vì cuộc đời không bao giờ lường hết cho ta những hiểm nguy, cuộc sống của chúng ta luôn trực chờ sự tổn thương nên cần có niềm tin để vượt qua. – Niềm tin là nền tảng của mọi thành công: Để có được thành công, có cuộc sống tốt đẹp, con người phải biết dựa vào chính bản thân mình chứ không phải dựa vào ai khác, khách quan chỉ là điều kiện tác động, hỗ trợ chứ không phải là yếu tố quyết định thành công. b) Biểu hiện của sức mạnh niềm tin trong cuộc đời – Luôn lạc quan, yêu đời, không gục ngã trước bất kì khó khăn, thử thách nào. – Có ý chí, nghị lực để đối mặt và vượt qua những khó khăn. – Tỉnh táo để tìm những lời giải cho những bài toán mà cuộc sống đặt ra cho chúng ta. Không rối rắm, mất niềm tin. – Biết truyền niềm tin, niềm lạc quan cho người khác và cho cộng đồng. c) Mở rộng – Tự tin, khiêm tốn, cẩn trọng là những đức tính đáng quý của con người. Nó dẫn con người ta đến bến bờ thành công và được mọi người quý trọng. Tuy nhiên, đừng quá tự tin vào bản thân mình mà dẫn đến chủ quan, đừng quá tự tin mà bước sang ranh giới của tự kiêu, tự phụ sẽ thất bại. 3. Bài học hành động và liên hệ bản thân – Em có những niềm tin vào bản thân, gia đình và	

	xã hội như thế nào. – Em đã và đang làm gì để thực hiện hóa niềm tin ấy. – Liên hệ bản thân III. Kết đoạn: Khẳng định lại vai trò, tầm quan trọng của niềm tin đối với con người trong cuộc sống.	
2	1. Mở bài: – Giới thiệu qua về tác giả và tác phẩm: – Bài thơ “<i>Mùa xuân nho nhỏ</i>” là một bài thơ hay nó chính là nỗi lòng của tác giả, nói lên ước mơ, khát khao của tác giả Thanh Hải muốn cống hiến sức lực, trí tuệ của mình để xây dựng đất nước. – Đây là bài thơ cuối được tác giả viết năm 1980 khi đang nằm trên giường bệnh trước khi qua đời không lâu. <i>Ta làm con chim hót</i> <i>Ta làm một nhành hoa</i> ... <i>Dù là khi tóc bạc</i> 2. Thân bài: – Phân tích tựa đề của bài thơ là “Mùa xuân nho nhỏ” tác giả cũng đã gửi gắm rất nhiều tình cảm vào đó. Mùa xuân chúng ta sẽ nghĩ nhiều tới những cảnh lộc non đâm chồi xanh biếc, nhiều sức sống, phơi phới niềm tin. Nhưng đi bên cạnh hai từ “mùa xuân” lại là hai từ “nho nhỏ” gợi cho ta những cái gì đó nhỏ bé, giản dị. – Ước mơ được cống hiến, mãi cống hiến, được thấy mình còn có ích, giúp ích cho cuộc đời dù chỉ là một cái gì đó “nho nhỏ”. Dù là tuổi hai mươi trẻ trung, phơi phới, tràn trề năng lượng, nhiệt huyết hay là khi tóc đã điểm hoa râu, đôi chiếc bạc, thân thể đã yếu ớt, cơ bắp và thớ thịt đã không còn cứng chắc, thì ước muốn được cống hiến vẫn còn vẹn nguyên trong tim tác giả. – Tác giả chỉ muốn như “một nốt trầm xao xuyến” hòa nhập cùng mọi người, hòa ca vào bản nhạc mùa xuân của cuộc đời, của đất nước. – Tác giả nói tới quy luật của cuộc đời của con	5,0 điểm

	người là sinh- lão-bệnh-tử. Ai cũng có lúc trẻ trung, rồi già đi “dù là tuổi hai mươi” hay là khi “tóc bạc” thì khát khao cống hiến, cảm thấy mình sống có ích vẫn luôn cháy bỏng trong tim tác giả. – Tác giả hy vọng những ước mơ giản dị, những dâng hiến nhỏ nhoi của mình sẽ được hòa vào biển người rộng lớn ngoài kia cùng chung tay xây dựng vào sự phát triển của tổ quốc, một tổ quốc thiêng liêng. 3. Kết bài – Nêu lên cảm nghĩ của mình về bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”. – Khẳng định lại một lần nữa những khát khao, ước muốn trong con tim tác giả gửi tới cuộc đời, một khát khao được sống cống hiến sức mình cho việc xây dựng quê hương đất nước “dù là tuổi hai mươi, dù là khi tóc bạc”.	

ĐỀ SỐ 80	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Học vẫn chỉ là một phần trong quá trình học hỏi mà thôi. Thông qua học hỏi, bạn sẽ đạt được nhiều thứ hơn: hình thành tính cách, mở mang trí tuệ, học cách tôn trọng người khác và khiêm tốn hơn, bởi vì càng học hỏi bạn càng hiểu rằng kho tàng kiến thức là vô tận. Và bạn có thể học hỏi nhiều thứ từ mọi người chung quanh, từ mỗi trải nghiệm, hay những khó khăn, giông tố trong đời.

(Theo Cho đi là còn mãi, Azim Jamal & Harvey McKinnon, biên dịch: Huế Phương, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, năm 2017, tr.67-68)

Câu 1. (0.5 điểm) Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích

Câu 2. (1.0 điểm) Tìm một phép liên kết câu, xác định từ ngữ thực hiện phép liên kết ấy được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 3. (1,5 điểm) Trong đoạn trích trên, em hãy chọn một ý kiến và lí giải vì sao em đồng ý hoặc không đồng ý với ý kiến đó.

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Từ nội dung văn bản phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (từ 7 đến 10 câu) trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của việc không ngừng học hỏi.

Câu 2. (5,0 điểm)

NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI

(Trích)

Vắng lặng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác. Đất nóng. Khói đen vật vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì từ xa. Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không? Chắc có, các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt. Tôi đến gần quả bom. Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới.

Quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẻ hai vòng tròn màu vàng...

Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cửa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng.

Chị Thao thối còi. Như thế là đã hai mươi phút qua. Tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi. Dây mìn dài, cong, mềm. Tôi khỏa đất rồi chạy lại chỗ ẩn nấp của mình.

Hồi còi thứ hai của chị Thao. Tôi nép người vào bức tường đất, nhìn đồng hồ. Không có gió. Tim tôi cũng đập không rõ. Đường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ. Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng, đề lên những con số vĩnh cửu. Còn đằng kia, lửa đang chui bên trong cái dây mìn, chui vào ruột quả bom..

Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đừng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mặn mặn, cát lạo xạo trong miệng.

Nhưng quả bom nổ. Một thứ tiếng kì quái đến váng óc. Ngực tôi nhói, mắt cay mãi mới mở ra được. Mùi thuốc bom buồn nôn. Ba tiếng nổ nữa tiếp theo. Đất rơi lộp bộp, tan đi âm thầm trong những bụi cây. Mảnh bom xẻ không khí, lao và rít vô hình trên đầu.

(Lê Minh Khuê, theo Ngữ văn 9, tập hai, NXB GDVN, 2017, tr. 117-118)

Cảm nhận về nhân vật Phương Định trong đoạn trích trên. Từ đó lí giải ngắn gọn vì sao chuyện kể về những cô gái thanh niên xung phong được đặt tên là *Những ngôi sao xa xôi*.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: Nghị luận	0,5 điểm
	2	- Phép liên kết câu là phép lặp ở câu 1 và 2 : từ ngữ lặp "học hỏi". - Phép nối ở câu 3, 4 với từ "và". Tác dụng: Nhằm liên kết các câu trong đoạn văn với nhau.	1,0 điểm
	3	Các em có thể lựa chọn các ý sau để phân tích: - Học vẫn chỉ là một phần trong quá trình học hỏi mà thôi. - Thông qua học hỏi, bạn sẽ đạt được nhiều thứ hơn: hình thành tính cách, mở mang trí tuệ, học cách tôn trọng người khác và khiêm tốn hơn. - Càng học hỏi bạn càng hiểu rằng kho tàng kiến thức là vô tận - Học hỏi nhiều thứ từ mọi người chung quanh, từ mỗi trải nghiệm, hay những khó khăn, giông tố trong đời.	1,5 điểm
II	1	Có thể tham khảo những ý sau đây về ý nghĩa của việc không ngừng học hỏi: - <i>Học hỏi là gì?</i> Học hỏi là quá trình bạn tìm kiếm, khám phá những tri thức mới, đặt ra những thắc mắc và tìm sự hỗ trợ hoặc tự mình tìm ra câu trả lời cho những thắc mắc ấy. Không ngừng học hỏi là con đường dẫn đến thành công - <i>Tại sao lại cần phải học hỏi?</i> + Học tập sẽ chuẩn bị hành trang thay đổi cuộc đời + Học hỏi giúp xây nên thứ vũ khí hủy diệt + Là cách để ta luôn luôn theo kịp được với thời đại. + Học hỏi để nâng cao hình tượng trong mắt người khác + Học hỏi giúp ta liên hệ đến nhiều thứ, từ đó biết thêm nhiều điều khác nữa. - <i>Ý nghĩa của việc học hỏi:</i> + Mở rộng hiểu biết bản thân, giúp bạn tự tin về mọi mặt trong cuộc sống.	2,0 điểm

	+ Học hỏi sẽ giúp tâm hồn rộng mở, hấp thụ được xu thế của thời đại. + Dễ dàng đạt được sự thành công. - Nếu không học hỏi, nâng cao bản thân, con người sẽ tụt hậu. Mỗi cá nhân tụt hậu sẽ kéo theo sự thoái hóa về nhiều mặt trong xã hội. - Các nguồn để học hỏi: sách vở, từ những người thân, bạn bè, thầy cô, từ trải nghiệm của cá nhân mình, - Phê phán những người lười biếng, tự cao, tự mãn với bản thân. - Liên hệ bản thân: Em đã không ngừng học hỏi hay chưa? Hãy chia sẻ đôi điều về bản thân mình trong chủ đề trên? Phương pháp phân tích, tổng hợp. => Tóm lại, học hỏi là quá trình giúp bạn hiểu biết nhiều hơn về cuộc đời, và nhờ học hỏi, bạn sẽ hiểu rõ được bản chất ở những vấn đề mà bạn tiếp cận, rút ra được đâu là điều nên làm, đâu là điều không nên làm, điều nào là tốt, điều nào là xấu,....	
2	I. Mở bài: giới thiệu về nhân vật Phương Định - Lê Minh Khuê là một nhà thơ nổi tiếng về các tác phẩm ngắn, các tác phẩm của bà luôn mang một vẻ tươi sáng, một niềm mong ước tươi đẹp. Các tác phẩm tiêu biểu của Lê Minh Khuê như: Cao điểm mùa hạ, Đoạn kết, Một chiều xa thành phố, Tôi đã không quên, Bì kịch nhỏ, Trong làn gió heo may, Màu xanh man trá, Những dòng sông, Buổi chiều, Cơn mưa, Một mình qua đường, Những ngôi sao, Trái đất, Dòng, Nhiệt đới gió mùa,.... - Trong những tác phẩm của bà, có một tác phẩm tôi rất thích đó là <i>Những ngôi sao xa xôi</i> và nhân vật Trương Định là một hình tượng của cả truyện. II. Thân bài: 1. Giới thiệu tác phẩm <i>Những ngôi sao xa xôi</i>: - Tác phẩm nói về 3 cô thanh niên xung phong - Nhiệm vụ của các cô là phá bom trong thời kì chống Mỹ - Dù công việc của họ rất khó khăn nguy hiểm nhưng họ vẫn lạc quan và yêu đời - nêu cao tình thần đồng đội và yêu nước	5,0 điểm

	2. Nhân vật Phương Định trong truyện: a. Trước khi đi làm nhiệm vụ: - Cô là một cô gái thành phố nhưng mong muốn mặc quân phục vì cho đó là bộ đồ đẹp nhất - Cô thuộc rất nhiều bài hát và hay hát - Cô rất hay mơ mộng và nghĩ vẩn vơ b. Khi vào quân ngũ: - Cô làm quen với quân ngũ và sự căng thẳng hằng ngày - Cô cho rằng mỗi ngày là một thử thách - Cô làm công việc của mình một cách thuần thục và nhanh chóng, nhanh gọn - Cô không quan tâm đến tính mạng của mình, chỉ nghĩ đến có gỡ được bom không c. Tình cảm của cô đối với đồng đội: - Cô yêu thương Nho - Dành tình cảm quý mến và tôn trọng chị Thao - Cô chăm sóc đồng đội rất nhiệt tình và chu đáo - Cô thích mưa và trở nên trẻ con khi gặp mưa - Một người sống tình cảm III. Kết bài: Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật Phương Định: Phương Định, một hình tượng đẹp, có ý nghĩa tiêu biểu về người thanh niên Việt Nam trong sự nghiệp chiến đấu bảo vệ tổ quốc với sự lạc quan, yêu đời.	

ĐỀ SỐ 81	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

HỌA SĨ TÀI GIỎI NHẤT

Thuở trước, ở một thành phố nọ, người ta tổ chức cuộc thi họa sĩ tài giỏi. Rất đông họa sĩ đua tài, trưng bày những bức tranh đẹp của mình cho một ban giám khảo tinh tường xem xét. Cuộc thi đi đến hồi kết thì ban giám khảo lúng túng. Trước mắt họ chỉ còn lại hai tranh của hai họa sĩ bậc thầy. Ban giám khảo hết nhìn tranh lại thì thảo bàn thảo với nhau, cố tìm ra những khiếm khuyết của từng

bức để quyết định ai là người tài giỏi nhất. Nhưng dù đã hết sức cố gắng hay giảm khảo vẫn không thấy bức tranh nào có khiếm khuyết điểm gì.

Có một nhà hiền triết đi ngang qua thấy vậy, nói với ban giám khảo là ông sẽ giúp đỡ họ.

Nhà hiền triết đến bên hai họa sĩ và nói:

- Thưa hai ngài, bức tranh của hai ngài rất đẹp, nhưng thú thực là ban giám khảo cũng như tôi không thấy chúng có khiếm khuyết gì, vì thế xin hai ngài hãy nhìn kỹ lại tranh của mình rồi nói cho tôi biết về những khiếm khuyết của chúng.

Sau một hồi lâu nhìn ngắm tranh của mình, vị họa sĩ thứ nhất thẳng thắn trả lời:

- Thưa tiên sinh, ngắm đi ngắm lại bức tranh của mình tôi vẫn không thấy nó bị khuyết thiếu gì.

Vị họa sĩ thứ hai thì đứng im.

- Chắc ngài cũng không thấy tranh của mình có khiếm khuyết? - nhà hiền triết hỏi.

- Thưa không phải, chỉ là tôi đang không biết cần bắt đầu từ khiếm khuyết nào - vị họa sĩ bối rối trả lời trung thực.

- Ngài đã thắng cuộc thi - nhà hiền triết mỉm cười nói.

Mọi người ồ lên:

- Sao thế được? Giải thưởng trao cho người thấy tranh của mình còn nhiều khiếm khuyết là sao?

Nhà hiền triết từ tốn giải thích:

"... "

(Theo Pritchi in, Ngân Xuyên dịch)

Câu 1. (1,0 điểm)

Xác định thể loại và chỉ ra phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2. (1,0 điểm)

Trong văn bản trên, em hãy:

- Tìm một câu có lời dẫn gián tiếp và chuyển thành câu có lời dẫn trực tiếp.
- Tìm một câu có lời dẫn trực tiếp và chuyển thành câu có lời dẫn gián tiếp.

Câu 3. (1,0 điểm)

Em hãy sáng tạo lời giải thích của nhà hiền triết để hoàn chỉnh văn bản trên.

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Viết một bài văn ngắn khoảng một trang giấy thi, trình bày suy nghĩ về vấn đề được gợi ra từ lời giải thích của nhà hiền triết mà em sáng tạo ở câu 3 phần Đọc hiểu.

Câu 2. (5,0 điểm)

Phân tích sự thay đổi tâm trạng của bé Thu trong đoạn trích sau:

(...) Trong bữa cơm đó, anh Sáu gấp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm. Giận quá và không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:

- Sao mày cứng đầu quá vậy hả?

Tôi tưởng con bé sẽ lăn ra khóc, sẽ giẫy, sẽ đạp đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thế nào mà nó cầm đũa, gấp lại cái trứng cá để vào chén rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm. Xuống bếp, nó nháy xuống xuống, mở lòi tới cổ làm cho dây lòi tới khua rổn rảng, khua thật to, rồi lấy đầm bơi qua sông. Nó sang qua nhà nhà ngoại, mét với ngoại và khóc ở bên ấy. Chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không về.

Và:

(....) Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. Không ghìm được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con:

- Ba đi rồi ba về với con

- Không! – Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run.

Nhìn cảnh ấy bà con xung quanh có người không cầm được nước mắt, còn tôi bỗng thấy khó thở như có bàn tay a nắm lấy trái tim tôi.

(Nguyễn Quang Sáng, *Chiếc lược ngà*, Ngữ văn 9, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019).

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	- Đoạn trích trên thuộc thể loại truyện ngắn - Phương thức biểu đạt chính: tự sự	1,0 điểm
	2	a. Câu có lời dẫn gián tiếp: Có một nhà hiền triết đi ngang qua thấy vậy, nói với ban giám khảo là ông sẽ giúp đỡ họ. => Chuyển thành câu có lời dẫn trực tiếp:	1,0 điểm

		Có nhà hiền triết đi ngang qua thấy vậy, bèn nói với ban giám khảo: - Tôi sẽ giúp các vị tìm ra người chiến thắng. <i>b, Câu có lời dẫn trực tiếp:</i> - Chắc ngài cũng thấy bức tranh của mình có khiếm khuyết? - nhà hiền triết hỏi: => Chuyển thành câu có lời dẫn gián tiếp: Nhà hiền triết quay sang hỏi người họa sĩ thứ hai xem có thấy khuyết điểm nào không	
	3	Trong câu trả lời của học sinh phải nêu được ý: người thấy mình không có khuyết điểm là người không làm gì, tự mãn với những gì mình có. Chỉ có những người nhận ra khuyết điểm của mình, biết sửa chữa nó mới là những người thành công, tài năng thật sự. Ví dụ: Chỉ có hai loại người không có khuyết điểm, đó là những người chưa sinh ra và những người đã chết. Người không có khuyết điểm là người không làm được gì.	1,0 điểm
II	1	1. Giải thích: Vị hiền triết chọn người họa sĩ thứ hai là người chiến thắng vì người nghệ sĩ ấy biết nhận ra những khiếm khuyết của mình => Vấn đề nghị luận biết nhận ra những yếu điểm của mình để tự khắc phục, nâng cao khả năng của bản thân, 2. Bàn luận <i>* Vì sao nhận ra khuyết điểm của bản thân lại quan trọng?</i> - Con người không có ai là hoàn hảo, nhận ra khuyết điểm của mình là có ý thức về bản thân, biết làm gì để khắc phục những khiếm khuyết đó. - Chỉ khi nhận ra được khuyết điểm của bản thân, chúng ta mới có ý chí vươn lên, vượt qua những vết xe đổ đỏ. - Con người ta lớn lên từ những thất bại chứ không phải từ con đường trải đầy hoa hồng của thành công. <i>* Biểu hiện những người ưu tú nhất là những người biết nhận ra khiếm khuyết của mình và sửa chữa nó.</i>	2,0 điểm

	- Mỗi người có một hạn chế riêng, ngay cả trong lĩnh vực tâm đắc nhất của bản thân vẫn có những điểm chưa thật hài lòng. - Nhận ra và sửa chữa những thiếu sót đó là quá trình chúng ta nhận thức thêm nhiều điều mới mẻ, tích lũy cho mình những kinh nghiệm mới, tự phát triển và hoàn thiện bản thân. - Khi không thấy bản thân có khuyết điểm gì, nghĩa là không có ý thức tự phản vấn, không thấy con đường phát triển ở bậc cao hơn. (Có dẫn chứng chứng minh) <i>*Đúc kết vấn đề</i> - Tự nhận ra khuyết điểm của mình để sửa chữa là điều tốt nhưng không phải lúc nào mình cũng thiếu sót. Có những điều bản thân thực sự đạt đến mức độ tuyệt đối, phải tự tin vào bản thân mình để không bỏ lỡ những cơ hội quý giá. 3. Bài học hành động và liên hệ bản thân . - Em nhận ra những khiếm khuyết nào của bản thân. - Em khắc phục nó ra sao?	
2	I. Mở bài - Giới thiệu về tác giả Nguyễn Quang Sáng, hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm “Chiếc lược ngà”. - Giới thiệu về nhân vật bé Thu, giới thiệu 2 đoạn trích. II. Thân bài 1. Giới thiệu khái quát về hoàn cảnh của hai cha con: Anh Sáu đi kháng chiến chống Pháp từ khi đứa con duy nhất của anh chưa đầy một tuổi. Từ đó hai ba con chưa hề gặp lại nhau, cho đến khi anh được nghỉ phép ba ngày, anh đã trở về thăm gia đình, nhưng đứa con gái tám tuổi không chịu nhận ba. Đoạn 1: - Tính cách rắn rỏi, bướng bỉnh, ngang bướng rất trẻ con của bé Thu được thể hiện trong đoạn văn thứ nhất: "Trong bữa cơm đó.... nó cũng không về”.	5,0 điểm

	+ Hất đổ cả chén cơm khi anh Sáu gắp cho nó cái trứng cá. Bị ba đánh, tưởng đâu “con bé sẽ lăn ra khóc, sẽ giãy, sẽ đạp đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thế nào nó cầm đũa, gắp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm.” => Hình ảnh một đứa trẻ gan góc, lì lợm. + "Nhảy xuống xuống, mở lời tới có làm cho dây lòi tới khu rộn ràng, khu thật to" => tính cách trẻ con, hình ảnh của một đứa trẻ lúc giận dữ được khắc họa rất tinh tế với chỉ một chi tiết nhỏ. + "Nó sang nhà bà ngoại và khóc ở bên đây" => dù gan lì và bướng bỉnh nhưng bởi Thu vẫn còn là một đứa trẻ nên vẫn có những hành động mềm nheo khóc nhè. => Bè Thu là một đứa bé gan góc, có cá tính mạnh mẽ, thà sang nhà ngoại khóc thật to nhưng khi đứng trước mặt ông Sáu - người mà bé đang căm ghét thì lìm lìm, im lặng trông như nét hờn dỗi của người lớn. Nhưng suy cho cùng, Thu vẫn là một đứa bé nên vẫn có những hành động trẻ con để thể hiện nỗi bức dọc của mình. Bên cạnh đó, hành động quyết liệt của bé Thu cũng thể hiện tình yêu thương cha mãnh liệt, bé kiên quyết cự tuyệt ông Sáu vì ông không giống bức hình trong ảnh, trên mặt ông có vết sẹo dài. Chính yếu tố đó vừa thể hiện tình yêu thương cha vừa thể hiện cá tính mạnh mẽ của bé Thu. => Nguyễn Quang Sáng đã rất tinh tế, tài tình khi khắc họa được hình ảnh của bé Thu đa chiều và sâu sắc như thế chỉ trong một hành động nhỏ. Đoạn 2: - Tình yêu thương ba vô bờ bên được thể hiện ở đoạn văn thứ hai "Trong lúc đó... nắm lấy trái tim tôi"	

	+ Bé Thu bướng bỉnh bao nhiêu, lì lợm gan góc bao nhiêu thì lại bởi bé thương ba của mình bấy nhiêu: "Con bé hét lên, hai tay nó siết lấy chặt cô....và đôi vai nhỏ bé của nó run run" => Những cái ôm như cổ găng để chặt nhất có thể, như để bù đắp cho những tháng ngày xa lánh ba của mình, những cái ôm cuối cùng như để lấp đi tất thảy những khoảng trống của tình ba – con trong những ngày tháng vừa qua. => Đoạn văn là những gì xúc động nhất, sâu lắng nhất về tình cảm mà bé Thu dành cho ba của mình. 2. Hai đoạn văn đã cho thấy được sự thay đổi trong tâm lý của nhân vật bé Thu đối với người cha của mình. Nếu như đoạn trên, bé Thu xa lánh, với ba mình bao nhiêu thì đoạn 2 lại thấy được sự gần gũi không còn khoảng trống của tình cảm mà Thu dành cho người ba của mình. Đoạn 1 bé Thu lì lợm bướng bỉnh bao nhiêu thì đoạn 2, bé Thu lại trở nên nhẹ nhàng, tình cảm bấy nhiêu 3. Đánh giá chung: Hai đoạn trích cũng cho thấy được sự tài tình trong miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật, đặc biệt là tâm lý của trẻ con của nhà văn: tinh tế, sâu sắc. III. Kết bài Khái quát suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về nhân vật bé Thu và truyện ngắn Chiếc lược ngà	

ĐỀ SỐ 82	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu bên dưới

Nhờ các bạn thân mà ta mở rộng chân trời của ta được, khi giao du với họ mà kinh nghiệm của ta tăng tiến là lúc đó cá tính của ta mạnh mẽ và vững rồi đấy.

Hết thấy chúng ta đều có một cái gì để tặng bằng hữu, dù chỉ là một nét đặc biệt của cá tính ta, một quan niệm độc đáo về đời sống hoặc cái tài kể chuyện vui. Tiếp xúc với nhiều bạn bè, tâm hồn ta phong phú lên, rồi làm cho tâm hồn những bạn sau này của ta cũng phong phú lên.

(Trích “Tìm thêm bạn mới”, Ý cao tình đẹp - Nguyễn Hiến Lê dịch, NXB Trẻ, 2004, tr.115)

Câu 1. (0,5 điểm) Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. (0,5 điểm) Xác định một phép liên kết và chỉ ra từ ngữ thực hiện phép liên kết ấy trong đoạn văn: “Hết thấy chúng ta đều có một cái gì để tặng bằng hữu, dù chỉ là một nét đặc biệt của cá tính ta, một quan niệm độc đáo về đời sống hoặc cái tài kể chuyện vui. Tiếp xúc với nhiều bạn bè, tâm hồn ta phong phú lên, rồi làm cho tâm hồn những bạn sau này của ta cũng phong phú lên”.

Câu 3. (1,0 điểm) Theo tác giả, chúng ta có thể tặng bằng hữu những gì?

Câu 4. (1,0 điểm) Em có đồng ý với ý kiến: “Nhờ các bạn thân mà ta mở rộng chân trời của ta được”? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết đoạn văn nghị luận (200 chữ) trình bày suy nghĩ về tình bạn tuổi học trò.

Câu 2. (5,0 điểm) Cảm nhận hai đoạn thơ sau:

Ngày xuân con én đưa thoi
Thiều quan chín chục đã ngoài sáu mươi
Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa

(Trích "Cảnh ngày xuân" - Truyện Kiều, Nguyễn Du, Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018, Tr.84)

Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân,
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung.
Bốn bề bát ngát xa trông,
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia.

(Trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích" - Truyện Kiều, Nguyễn Du, Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018, Tr.93)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: nghị luận	0,5 điểm
	2	Phép liên kết thế: bằng hữu - bạn bè	0,5 điểm
	3	Theo tác giả, chúng ta có thể tặng bằng hữu hết	1,0 điểm

		thấy mọi thứ	
	4	Đồng ý Vì: - Tình bạn giúp ta mở mang kiến thức - Tình bạn giúp bản thân ta cởi mở, biết chia sẻ buồn vui. - Tạo những mối quan hệ sau này trong cuộc sống.	1,0 điểm
II	1	1. Mở đoạn Cuộc đời học sinh thật đẹp với biết bao kỷ niệm buồn vui, và tình bạn tuổi học trò vẫn luôn đẹp biết mấy 2. Thân đoạn <i>*. Tình bạn là gì?</i> Tình bạn là tình cảm của một người biết quan tâm, giúp đỡ, đồng cảm, một người mình có thể tin tưởng để chia sẻ những niềm vui, nỗi buồn. Tình bạn là điều không thể thiếu với mỗi người, nhất là ở lứa tuổi học trò. Bạn bè là người ta có thể chia sẻ mọi chuyện buồn vui, những thăng trầm trong cuộc sống. Tình bạn tuổi học trò là thứ rất trong sáng, đẹp đẽ. <i>*. Biểu hiện của tình bạn tuổi học trò</i> - Nêu dẫn chứng về tình bạn tuổi học trò: đôi bạn cùng tiến, giúp nhau vượt qua khó khăn: Ta có những người bạn thân thiết cùng giúp nhau học tập, mỗi người học hỏi từ bạn bè những cách sống tốt, những điều hay lẽ phải để hoàn thiện bản thân mình hơn. Thật <i>*. Làm thế nào để có một tình bạn tuổi học trò đáng nhớ</i> - Phải tin bạn, không lừa dối, không vụ lợi - Thông cảm, chia sẻ khó khăn với bạn - Đồng cảm với bạn bất cứ chuyện vui buồn, khó khăn - Rộng lượng tha thứ những lỗi lầm của bạn - Gần bó tình bạn thân thiết với tập thể, không chia rẽ khỏi tập thể. - Phê bình sai lầm giúp bạn sửa sai, tình bạn ngày tốt hơn - Nể nang, che giấu điều xấu của bạn sẽ làm bạn	2,0 điểm

	chậm tiến và tình bạn chậm phát triển. <i>*. Phê phán tình bạn xấu</i> - Dùng tình bạn để trục lợi, ta chơi thật lòng, nhưng họ lại lừa dối ta vu lợi. - Lôi kéo ta theo con đường sai trái. Dù ta bỏ học, tập hút thuốc lá, trộm tiền của cha mẹ, ăn cắp xung quanh. - Dân gian ta có câu: “ giàu vì bạn”, “ nghèo vì bạn” 3. Kết đoạn - Nêu ý nghĩa về tình bạn: Tình bạn tuổi học đường là tình bạn hồn nhiên, đẹp đẽ, và trong sáng nhất. Mỗi người hãy xây dựng cho mình một tình bạn đẹp để động viên, giúp đỡ nhau trong học tập và cuộc sống. - Liên hệ bản thân	
2	I. Mở bài - Giới thiệu tác giả Nguyễn Du và 2 đoạn trích II. Thân bài 1. Khái quát về đoạn trích Cảnh ngày xuân - Đoạn thơ Cảnh ngày xuân là một bức tranh thiên nhiên tả cảnh mùa xuân đẹp với một không khí lễ hội rộn ràng và tưng bừng - Cảnh mùa xuân được Nguyễn Du tả theo trình tự không gian và thời gian. + Không gian khoáng đạt: cảnh ngày xuân trong trẻo, tinh khôi và tràn đầy sức sống. + Không gian trên trời + Chim én đưa thoi + Không gian dưới mặt đất Màu cỏ non xanh rợn đến chân trời: gợi lên không gian khoáng đạt. Cành lê trắng: gợi sự thanh khiết, trong trẻo. Thời gian: thời điểm của tiết Thanh minh Thiều quang chín chục, đã ngoài sáu mươi -> Gợi ra không gian, thời gian: sắc xuân thăm nồng, hội xuân tươi vui và tình xuân ấm áp. 2. Khái quát về đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích - Đây là tâm trạng của Kiều những ngày đầu ở lầu	5,0 điểm

	Ngưng Bích, một tâm trạng sống không bằng chết, cô đơn chán nản cuộc đời và mất lòng tin ở con người. “Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung Bốn bề bát ngát xa trông Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia” - Mở đầu đoạn trích, Nguyễn Du viết: Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân. Khóa xuân để chỉ người con gái đẹp bị cấm cung. Kiều ra lầu Ngưng Bích sau khi đã bị Mã Giám Sinh phá đời thiếu nữ, định tự tử mà không chết được. Thực chất là nàng đang bị giam lỏng. Vì vậy, khóa xuân ở đây có ý nghĩa mỉa mai, nói lên cảnh ngộ trơ trẽn, bất bình thường của nàng Kiều. Vừa bị lừa vừa bị mắng, vừa tự tử không thành, lại vừa bị giam lỏng. Kiều cảm thấy rất cô đơn, buồn tủi. - Cảnh thiên nhiên quanh lầu Ngưng Bích là cảnh núi xa, cảnh trăng sáng, cồn cát vàng, bụi đỏ bốc lên hàng dặm. Cảnh vật được miêu tả rất rộng lớn, bát ngát, và đã góp phần bộc lộ tâm trạng cô đơn, buồn tủi, ngốn ngấu của Thúy Kiều. => Thiên nhiên trong 4 câu thơ đầu được miêu tả hoang vắng, bao la đến rợn ngợp. Ngồi trên lầu cao, nhìn phía trước là núi non trùng điệp, ngẩng lên phía trên là vầng trăng như sắp chạm đầu, nhìn xuống phía dưới là những đoạn cát vàng trải dài vô tận, lác đác như bụi hồng nhỏ bé như càn tồ đậm thêm cuộc sống cô đơn, lẻ loi của nàng. 3. Nhận xét chung - Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật: diễn biến tâm trạng được thể hiện qua ngôn ngữ độc thoại và tả cảnh ngụ tình đặc sắc. Lựa chọn từ ngữ, sử dụng các biện pháp tu từ. - Đoạn trích thể hiện tâm trạng cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thúy Kiều. III. Kết bài Nêu cảm nhận chung của em.	

ĐỀ SỐ 83	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

(1) *Cây dừa xanh toả nhiều tàu
Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng
Thân dừa bạc phếch tháng năm
Quả dừa – đàn lợn con nằm trên cao*
(2) *Đêm hè hoa nở cùng sao
Tàu dừa – chiếc lược chải vào mây xanh
Ai mang nước ngọt, nước lành
Ai đeo bao hũ rượu quanh cổ dừa...*

(Trích **Cây dừa** - Trần Đăng Khoa - Nguồn: <https://www.thivien.net>)

Câu 1(1,0 điểm). Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ gì?

Câu 2(1,0 điểm). Phân tích ý nghĩa của hai biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ (1).

Câu 3 (1,0 điểm). Chép lại câu thơ có sử dụng thành phần biệt lập trong khổ (2) và cho biết đó là thành phần biệt lập gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm).

Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bày tỏ ý kiến của em về *tầm quan trọng của việc đọc sách*.

Câu 2 (5,0 điểm).

Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai (trong truyện ngắn Làng của nhà văn Kim Lân) khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ lục bát.	1,0 điểm
	2	Hai biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ (1) là: nhân hóa, so sánh – Phép nhân hoá được sử dụng trong các từ ngữ: <i>Dang tay đón gió; gật đầu gọi trăng</i> . Các từ ngữ này có tác dụng làm cho vật vô tri là cây dừa cũng có những biểu hiện tình cảm như con người. Dừa cũng mở rộng vòng tay đón gió, cũng gật đầu mời gọi trăng lên. Qua cách nói nhân hoá, cảnh vật	1,0 điểm

		trở nên sống động, có đường nét, hình khối, có hồn và có sức gợi tả, gợi cảm cao. – Phép so sánh được thể hiện trong các từ ngữ: quả dừa (giống như) đàn lợn con; tàu dừa (giống như) chiếc lược. Cách so sánh ở đây khá bất ngờ, thú vị, thể hiện sự liên tưởng, tưởng tượng phong phú của tác giả. Cách so sánh này cũng có tác dụng làm cho cảnh vật trở nên sống động, có đường nét, có hình khối, có sức gợi tả, gợi cảm cao.	
	3	Câu thơ có sử dụng thành phần biệt lập trong khổ (2): <i>Tàu dừa – chiếc lược chải vào mây xanh</i> Thành phần phụ chú: - <i>chiếc lược chải vào mây xanh</i>	1,0 điểm
II	1	I. Mở đoạn - Nhà văn M. Gorki đã nói: “Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới”. Câu nói khẳng định vai trò quan trọng của sách đối với việc nâng cao tri thức của con người. II. Thân đoạn 1. Giải thích - Sách là một bản in bằng giấy có nội dung rất phong phú, được phân loại theo thể loại, lĩnh vực, độ tuổi, sở thích của từng đối tượng, được in với nhiều thứ tiếng, nhiều ngôn ngữ khác nhau và có thể mang đến bất kì đâu trên thế giới. 2. Bàn luận a) Vai trò của sách: - Sách cung cấp cho con người những hiểu biết, những tri thức về mọi lĩnh vực của đời sống, vượt thời gian và vượt không gian. - Sách là phương tiện để ta có thể giao tiếp: giao tiếp với tác giả, với độc giả bao thế hệ để từ đó tự rèn luyện mình. - Sách giúp con người vươn tới những ước mơ, khát vọng; giáo dục tình cảm, đạo đức; giáo dục ý thức thẩm mỹ... - Nếu thiếu sách, cuộc sống con người sẽ rơi vào tăm tối, không có ánh sáng của tri thức, con người trở nên lạc hậu.	2,0 điểm

	b) Làm thế nào để đọc sách hiệu quả? - Cần biết chọn sách và đọc sách: + Chọn sách theo mục đích sử dụng, tuy nhiên sách phải có nội dung lành mạnh, tích cực. + Đọc sách phải có tư duy phản biện, tránh bị chìm đắm trong thế giới mà sách tạo nên, dẫn đến xa rời thực tế, tránh sa vào lí thuyết suông. c) Mở rộng, phản đề: - Cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, văn hoá đọc đang bị văn hoá nghe nhìn lấn át. Nhiều bạn trẻ đã đánh mất thói quen đọc sách. Đây là một hiện tượng rất đáng lo ngại bởi nếu không chịu khó đọc sách, con người sẽ trở nên hời hợt, thiếu tư duy tưởng tượng và thiếu trải nghiệm cần thiết. 3. Bài học nhận thức và hành động - Nhận thức được vai trò của sách, bản thân đã rèn luyện cho mình thói quen đọc sách, đọc để tích lũy kiến thức, đọc để hiểu biết hơn về cuộc sống. III. Kết đoạn - Chẳng lẽ nào con người vẫn còn nhu cầu nhận thức về thế giới và thưởng thức vẻ đẹp của trí tuệ, chẳng lẽ nào loài người còn biết đề cao văn hóa và các giá trị tinh thần, thì chẳng lẽ sách vẫn còn là một công cụ hữu hiệu và vô giá trong công cuộc khai hóa nền văn minh.	
2	I. Mở bài - Giới thiệu tác giả Kim Lân và truyện ngắn <i>Làng</i>: + Nhà văn Kim Lân là nhà văn chuyên viết truyện ngắn, ông vốn am hiểu và gắn bó sâu rộng với cuộc sống nông thôn, <i>Làng</i> là truyện ngắn xuất sắc của ông. + Dẫn dắt nội dung nghị luận: diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai trong truyện ngắn <i>Làng</i> của Kim Lân. II. Thân bài 1. Khái quát về nhân vật và tình huống nảy sinh sự chuyển biến tâm trạng của ông Hai - Nhân vật ông Hai người nông dân yêu, tự hào về làng, mọi niềm vui, nỗi buồn của ông đều xoay quanh chuyện làng chợ Dầu.	5,0 điểm

	+ Ở nơi tản cư ông luôn nhớ về làng, khoe làng của mình với mọi người. - Nhân vật được đặt trong tình huống ngặt nghèo có tính thử thách để nhân vật bộc lộ tâm trạng, tình yêu làng của mình: ở nơi tản cư, ông Hai nghe tin làng chợ Dầu theo giặc làm Việt gian. 2. Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai - Khi đang vui mừng tin thắng trận ở khắp nơi thì ông Hai nghe tin dữ: làng chợ Dầu theo giặc làm Việt gian, ông bất ngờ, choáng váng (Cổ ông nghẹn ắng lại như không thở được). - Ông cố trấn tĩnh bản thân, ông hỏi lại như thể không tin vào những điều vừa nghe thấy nhưng người phụ nữ tản cư khẳng định chắc chắn khiến ông Hai sững sờ, ngượng ngùng, xấu hổ (ông cố làm ra vẻ bình thản, đánh trống lảng ra về). + Cổ ông lão nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân ông lão lặng đi tưởng như không thở được. - Về tới nhà ông tủi hổ, lo lắng khi thấy đàn con (nước mắt lão cứ dàn ra, chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư?) + Niềm tin, sự ngờ vực giằng xé mạnh trong tâm trạng ông Hai - Nghe thấy tiếng chửi bọn Việt gian “ông cúi gằm mặt xuống mà đi”, nỗi tủi hổ khiến ông không dám lộ mặt ra ngoài + Lúc nào cũng nơm nớp lo sợ, thấy đám đông tụ tập nhắc tới hai chữ Cam nhông, Việt gian ông lại chột dạ. → Tác giả diễn đạt cụ thể nỗi lo lắng, sợ hãi tới mức ám ảnh thường xuyên của ông Hai, trong tâm trạng ông lúc nào cũng thường trực nỗi đau xót, tủi hổ trước tin làng mình theo giặc. - Tình yêu làng quê và tình yêu làng trong ông có cuộc xung đột lớn, gay gắt. Ông Hai dứt khoát chọn theo cách mạng “Làng yêu thì yêu thật, nhưng làng theo giặc thì phải thù”. + Tình yêu nước rộng lớn bao trùm lên tình yêu làng, dù xác định như thế nhưng trong lòng ông vẫn chan chứa nỗi xót xa, tủi hổ.	

	+ Ông Hai tiếp tục rơi vào bế tắc, tuyệt vọng khi mục chủ nhà đánh tiếng đuổi gia đình ông đi nơi khác - Đoạn văn diễn tả cảm động, chân thật nỗi đau sâu xa trong lòng và sự chân thành của nhân vật ông Hai - Ông Hai chỉ biết tâm sự nỗi lòng mình với đứa con chưa hiểu sự đời. Lời nói của ông với con thực chất là lời nói để ông tỏ lòng mình: nỗi nhớ, tình yêu làng, sự thủy chung với kháng chiến, cách mạng - Khi nghe tin cải chính, ông Hai như sống lại, mọi nỗi xót xa, tủi hờn, đau đớn tan biến, thay vào đó là niềm hân hoan, hạnh phúc hiện lên trên khuôn mặt, cử chỉ, điệu cười của ông (dẫn chứng trong văn bản) 3. Thành công nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật - Đặt tâm trạng nhân vật vào tình huống thử thách để khai thác chiều sâu tâm trạng - Thể hiện tâm trạng nhân vật tài tình, cụ thể qua ngôn ngữ đối thoại, độc thoại, và độc thoại nội tâm qua ý nghĩ, hành vi, cử chỉ. + Ngôn ngữ đậm chất khẩu ngữ và lời ăn tiếng nói của người nông dân, và thế giới tinh thần của người nông dân. III. Kết bài - Tâm trạng nhân vật ông Hai được thể hiện qua nhiều cung bậc tinh tế, chân thật, đa dạng: diễn tả đúng, gây ấn tượng mạnh mẽ về sự ám ảnh, day dứt trong tâm trạng nhân vật. - Ông Hai người yêu làng mạnh mẽ, say sưa, hãnh diện thành thói quen khoe làng, qua tình huống thử thách tình cảm đó càng trở nên sâu sắc hơn. - Chứng tỏ Kim Lân am hiểu sâu sắc về người nông dân và thế giới tinh thần của họ.	

ĐỀ SỐ 84	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc kĩ ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu biên dưới:

Âm nhạc là phương tiện chuyển tới cảm xúc tuyệt vời nhất, trọn vẹn nhất, giúp chúng ta cảm nhận được từng ngõ ngách sâu thẳm nhất của tâm hồn [...] Âm nhạc là chất xúc tác lãng mạn, thi vị làm khuấy động xúc cảm. Thử hình dung những thước phim lãng mạn sẽ buồn tẻ, vô hồn đến nhường nào nếu không có giai điệu của những bản tình ca. Có một câu nói mà tôi rất tâm đắc" từng nốt nhạc chạm vào da thịt tôi, vuốt ve xoa dịu nỗi cô đơn tưởng như đá hóa thạch trong tâm hồn". Âm nhạc là một người bạn thủy chung, biết chia sẻ. Khi buồn, nó là liều thuốc xoa dịu nỗi sầu, làm tâm hồn nhẹ nhàng, thanh thản..Khi vui, nó lại là chất xúc tác màu hồng tô vẽ cảm xúc, giúp ta cảm nhận sâu sắc hơn vẻ đẹp của cuộc sống (Dr Bernie S Siegel, Quà tặng cuộc sống, biên dịch Thu Quỳnh -Hạnh Nguyên, NXHTH TP HCM, tr. 11)

Câu 1: (0,5 điểm)

Xác định phương thức biểu đạt chính của ngữ liệu trên

Câu 2: (0,5 điểm)

Đặt một nhan đề phù hợp cho ngữ liệu:

Câu 3: (1,0 điểm)

Chỉ rõ hai phép liên kết về hình thức có trong ngữ liệu.

Câu 4: (1,0 điểm)

Xác định và nêu ngắn gọn tác dụng của biện pháp tu từ từ vựng trong câu : Âm nhạc là một người bạn thủy chung, biết chia sẻ.

II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn nghị luận (200 chữ) bàn về ý nghĩa của tinh thần lạc quan đối với cuộc sống của mỗi người.

Câu 2: (5 điểm)

Cảm nhận của em về vẻ đẹp của đoạn trích sau:

Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó – buổi chiều sau một ngày mưa rùng, giọt mưa còn đọng trên lá, rừng sáng lấp lánh. Đang ngồi làm việc dưới tấm ni lông nóc, tôi bỗng nghe tiếng kêu. Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hớt hải chạy về, tay cầm khúc gỗ đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hờ như một đứa trẻ được quà.

Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi li của Mĩ, đập mỏng làm thành một cây cửa nhỏ, cửa khúc gỗ thành từng miếng nhỏ. Những lúc rỗi, anh cửa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc. Chẳng hiểu sao tôi thích ngồi nhìn anh làm và cảm thấy vui vui khi thấy bụi gỗ rơi mỗi lúc một nhiều. Một ngày, anh cửa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược

dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tần mẫn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Cây lược ngà ấy chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh. Những đêm nhớ con, anh ít nhớ đến nỗi hối hận đánh con, nhớ con, anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên mái tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra. Một ngày cuối năm năm mươi tám – năm đó ta chưa vô trang – trong một trận càn lớn của quân Mĩ – nguy, anh Sáu bị hi sinh. Anh bị viên đạn của máy bay Mĩ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lễ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh.

- Tôi sẽ mang về và trao tận tay cho cháu.

Tôi cúi xuống gần anh và khẽ nói. Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi.

(Trích “Chiếc lược ngà”, Nguyễn Quang Sáng, Ngữ Văn 9, Tập một)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của ngữ liệu trên: Nghị luận	0,5 điểm
	2	Âm nhạc là điều tuyệt vời của cuộc sống.	0,5 điểm
	3	Hai phép liên kết về hình thức có trong ngữ liệu: - Phép lặp: âm nhạc là - Phép thế: "nó" = "âm nhạc"	1,0 điểm
	4	Biện pháp tu từ từ vựng trong câu: nhân hóa Tác dụng: làm câu văn gợi cảm xúc, nhấn mạnh rằng âm nhạc là người bạn đồng hành cùng chúng ta	1,0 điểm
II	1	I. Mở đoạn - Giới thiệu vấn đề nghị luận: tinh thần lạc quan trong cuộc sống II. Thân đoạn: 1. Lạc quan là gì? - Lạc quan là thái độ sống - Lạc quan là luôn vui tươi, vui cười dù có bất kì	2,0 điểm

	chuyện gì xảy ra - Lạc quan như là một liều thuốc bổ cho cuộc sống tươi đẹp hơn. 2. Phân tích, chứng minh - Lạc quan sẽ tạo nên cuộc sống tươi đẹp cho tất cả mọi người - Giúp chúng ta biết sống một cách có ý nghĩa hơn - Giúp con người tránh khỏi những hiểm họa trong cuộc sống - Những người lạc quan thường thành công trong cuộc sống và công việc * Biểu hiện của tinh thần lạc quan - Luôn tươi cười dù có chuyện gì xảy ra - Luôn yêu đời - Luôn bình tĩnh xử lí mọi tình huống dù có chuyện gì xảy ra * Một số tấm gương về tinh thần lạc quan - Bác Hồ ở trong tù vẫn có thể sáng tác thơ, ngâm trăng - Các bệnh nhân ung thư vẫn lạc quan để chiến đấu bệnh tật để giành giật sự sống - Các em bé mồ côi vẫn lạc quan sống để mong ngày gặp lại cha mẹ của mình III. Kết đoạn Nêu cảm nghĩ của em về tinh thần lạc quan	
2	I.Mở bài - Tác giả: Nguyễn Quang Sáng sinh năm 1932, quê ở huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Trong kháng chiến chống Pháp, ông tham gia bộ đội, hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Từ sau 1954, tập kết ra miền Bắc, Nguyễn Quang Sáng bắt đầu viết văn. Những năm chống Mỹ, ông trở về Nam Bộ tham gia kháng chiến và tiếp tục sáng tác văn học. Tác phẩm của ông thuộc nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản phim và hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như trong thời bình. - Truyện ngắn “<i>Chiếc lược ngà</i>” được viết năm 1966, khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ	5,0 điểm

	và được đưa vào tập truyện cùng tên. - Nhân vật ông Sáu là nhân vật chính của tác phẩm, để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn đọc. Đặc biệt là ở đoạn trích từ: <i>“Tôi vẫn còn nhớ buổi chiều hôm đó... Anh mới nhắm mắt xuôi tay”</i>. Đoạn trích thể hiện vẻ đẹp của tình phụ tử thiêng liêng, sâu sắc của ông Sáu đối với bé Thu trong những ngày ở chiến khu. II. Thân bài 1. Giới thiệu khái quát cảnh ngộ gia đình ông Sáu và tình yêu thương ông Sáu dành cho con - Đất nước có chiến tranh, công Sáu phải đi công tác khi con gái chưa đầy một tuổi, khi con lớn lên, ông Sáu không một lần được gặp con, được yêu thương chăm sóc cho con. - Sau tám năm vào sinh ra tử, khi được về thăm nhà, nỗi khao khát được gặp con, được ôm con vào lòng khiến ông không kìm nén được cảm xúc. Tuy nhiên, vì vết sẹo trên mặt, vết thương do chiến tranh gây ra nên đứa con gái hồn nhiên, ngây thơ của ông nhất định không chịu nhận cha. Đến lúc con gái nhận ra thì là lúc ông phải trở lại chiến trường. Niềm hạnh phúc mà ông hằng mong chờ đã tới nhưng quá ngắn ngủi vì đến giờ biệt li. Ông chỉ kịp rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên tóc con, lặng lẽ ra đi không hẹn ngày về mang theo một ước nguyện của con là cây lược nhỏ. 2. Cảm nhận về vẻ đẹp nội dung của đoạn trích – vẻ đẹp của tình phụ tử thiêng liêng Website VnTeach.Com https://www.vnnteach.com - Luôn ghi nhớ như in lời con dặn vội vàng lúc chia tay <i>“Ba về, ba mua cho con một cây lược nghe ba!”</i>. Điều đó thúc giục ông đến việc làm cây lược ấy. <i>“Lúc rảnh rồi anh ngồi cửa từng chiếc răng</i>	

	<i>lược cho đến khi hoàn thành, những đêm nhớ con anh lấy cây lược ra ngắm nghía”.</i> - Chiếc lược trở thành một vật quý giá, nó làm vơi đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm nhớ nhung, yêu mến của người cha đối với đứa con trong xa cách. Chiếc lược ngà trở thành một kỉ vật thiêng liêng, nuôi dưỡng tinh thần chiến đấu cho người chiến sĩ trong những ngày tháng gian khổ. - Bị thương nặng, chỉ đến khi gửi lại chiếc lược ngà lại cho bạn với lời nhắn nhủ sẽ trao tận tay bé Thu, ông mới yên lòng nhắm mắt. - Ông Sáu hi sinh khi chưa kịp gửi món quà cho con gái. Đây là tình huống rất cảm động. Những mất mát do chiến tranh gây ra là không bù đắp nổi. Tuy không một lời trăng trối nhưng hành động cuối cùng của ông Sáu càng cho ta thấy tình cảm của ông dành cho con thật sâu nặng. Người đồng chí của ông – người kể chuyện đã thay ông làm việc đó. Chiếc lược ngà đã trở thành biểu tượng của tình cha con đời đời bất diệt. 3.Về đẹp về hình thức nghệ thuật - Đoạn văn là lời kể của một người đồng chí của ông, người đã chứng kiến toàn bộ quá trình ông làm cây lược tặng con gái và thấu hiểu những suy nghĩ, cảm xúc của ông. Đoạn văn vì thế trở nên khách quan, chân thành. - Ngôn ngữ văn xuôi giàu tình cảm, khả năng miêu tả tâm lí tinh tế, chính xác, bắt nguồn từ một tâm hồn nhạy cảm và tấm lòng yêu thương, trân trọng con người. - Đặc biệt, nhà văn đã xây dựng một tình huống truyện rất éo le, bất ngờ mà tự nhiên, cảm động; qua đó, phần nào nói lên sự ác nghiệt của chiến	

		tranh. III. Kết bài - Cảm nhận khái quát về đoạn văn, liên hệ bản thân.	

ĐỀ SỐ 85	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN Thời gian: 120 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Hành trình trái tim từ những người lạ

Quãng đường mà cậu bé Vì Quyết Chiến đi được bằng xe đạp khoảng 103 km từ Sơn La đến Hòa Bình trong hành trình thăm em trai bị ốm tại Bệnh viện Nhi trung ương được lan truyền trên các phương tiện truyền thông như một "Chuyện lạ chưa từng xảy ra"...

Nhiều nhà hảo tâm muốn giúp đỡ cậu bé có chiếc xe mới, ủng hộ gia đình Chiến tiền chạy chữa cho con trai. Nhưng điều đáng quý nhất trong câu chuyện của Chiến chính là những con người tốt bụng, xa lạ đã giúp đỡ Chiến trên chuyến xe đưa cậu bé về Hà Nội an toàn.

Chuyến xe ấy là câu chuyện về lòng nhân văn, là hành trình trái tim ấm áp tình người!

Trên chuyến xe ấy, dù chẳng ai quen Vì Quyết Chiến nhưng họ hỏi han, đưa cậu bé đến điểm cuối. Nhà xe còn mua bánh, nước cho cậu bé ăn uống, liên lạc với bố của Chiến. Chắc hẳn ai nấy trên xe đều kinh ngạc khi cậu bé chẳng có gì ngoài chiếc xe đạp mất phanh, đôi dép mòn chày do phanh xe, bàn chân xước sát, trên người không tiền, không điện thoại... Tài xế xe khách kể: Trời tối, tôi thấy cậu bé nhỏ nhắn vẫy xe, ban đầu tôi tưởng cậu bé đùa nên đi qua. Nhưng rồi, tôi dừng lại, cầm đèn pin xuống hỏi cậu bé và không tin nói câu chuyện của em. Lúc vậy xe cũng là lúc em đã quá đói và không thể tiếp tục hành trình. Nếu chiếc xe không dừng lại, có lẽ câu chuyện của Chiến đã sang một hướng khác.

(Theo <http://www.24h.com.vn/tintuctrongngay>, 28/3/2019)

Câu 1 (0.5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2 (0,5 điểm) Chỉ ra và gọi tên thành phần biệt lập trong câu văn sau: “Chắc hẳn ai nấy trên xe đều kinh ngạc khi cậu bé chẳng có gì ngoài chiếc xe đạp mất phanh, đôi dép mòn chày do phanh xe, bàn chân xước sát, trên người không tiền, không điện thoại...”

Câu 3 (1,0 điểm) Vì sao tác giả bài viết lại cho rằng: Chuyến xe ấy là câu chuyện về lòng nhân văn?

Câu 4 (1,0 điểm) Em có đồng ý với hành động của cậu bé Vì Quyết Chiến đã đạp xe khoảng 103km từ Sơn La đến Hòa Bình trong hành trình thăm em trai bị ốm tại Bệnh viện Nhi Trung ương không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm) Từ nội dung phần Đọc hiểu, em hãy nêu *cảm nhận về lòng tốt giữa con người với con người trong cuộc sống hiện nay*. (Trình bày trong một đoạn văn khoảng 200 từ)

Câu 2 (5.0 điểm)

Cảm nhận của em về vẻ đẹp của mùa xuân đất nước và con người qua các khổ thơ sau:

*Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng.*

.....

*Đất nước bốn nghìn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước.
Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến.*

(Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: tự sự	0,5 điểm
	2	Thành phần biệt lập: tình thái - Chắc hẳn	0,5 điểm
	3	Tác giả bài viết cho rằng: Chuyến xe ấy là câu chuyện về lòng nhân văn bởi trên chuyến xe ấy, dù chẳng ai quen Vì Quyết Chiến nhưng họ hỏi han, đưa cậu bé đến điểm cuối. Nhà xe còn mua bánh, nước cho cậu bé ăn uống, liên lạc với bố của Chiến.	1,0 điểm

		Hơn nữa, chuyến xe ấy là do cậu bé tự lái và đi bằng xe đạp tận 103 km để xuống viện thăm em trai. Đó cũng chính là biểu hiện cao đẹp của tình cảm gia đình, của tình thân máu mủ ruột thịt.	
	4	Nêu quan điểm của em: đồng ý hoặc không rồi đưa ra lý do. Gợi ý: Đồng ý nếu em cảm nhận đây là một cách thể hiện tình yêu thương trong gia đình của người anh và người em. Không đồng ý: em quá nhỏ, đạp xe như vậy nguy hiểm và nếu như chuyến xe đó không dừng lại thì liệu em sẽ thế nào?	1,0 điểm
II	1	Tham khảo đoạn văn sau: “Cuộc sống có vô vàn những thứ quý giá như sức khỏe, thời gian bởi người ta thường nói "có sức khỏe là có tất cả" và “thời gian là vàng”. Song có một thứ quý giá vô cùng mà ta không thể không kể đến đó là lòng tốt trong câu “lòng tốt là của cải”. Vậy lòng tốt là gì? Lòng tốt là hành động, việc làm xuất phát từ tấm lòng nhằm giúp đỡ người khác. Người có lòng tốt giúp đỡ người khác như tìm thấy niềm vui trong cuộc sống và người được giúp đỡ sẽ trở lên hân hoan, có niềm tin để vượt qua khó khăn, những trẻ em nghèo, những người nhiễm chất độc da cam sẽ yên tâm hơn với cuộc sống, nhờ có lòng tốt của người khác mà những người nghèo được đón Tết đầy đủ, vui vẻ hơn. Có thể nhờ có lòng tốt mà cuộc sống của con người với con người trở lên tốt đẹp hơn. Người có lòng tốt luôn quan tâm, chia sẻ giúp đỡ những người khác, không nghĩ xấu, nói xấu ai, không đố kỵ, không tranh giành quyền lợi... Biểu hiện của lòng tốt trong cuộc sống rất đa dạng và phong phú, nhỏ nhất là việc dắt cụ già đi qua đường, nhặt được của rơi trả lại người mất... lớn hơn là giúp đỡ người khi gặp hoạn nạn... Tuy nhiên, trên thực tế con người không phải ai cũng tốt, cái ác vẫn tồn tại vì tham lam, đố kỵ, vì bồng lộc quyền hành nhiều khi cả những cái hảo huyền mà người ta đối	2,0 điểm

	xử với nhau một cách tàn nhẫn, chúng ta cần lên án đấu tranh chống lại cái ác, đồng thời quý trọng người có lòng tốt. Nhưng lòng tốt không mua được bằng tiền, lòng tốt quý hơn của cải, của cải dùng mãi sẽ hết còn lòng tốt thì không bao giờ cạn. Lòng tốt là giá trị tinh thần vô giá không gì đánh đổi được nên ngay từ hôm nay chúng ta hãy nâng niu, nuôi dưỡng hạt mầm yêu thương để lòng tốt nảy nở từ những việc làm nhỏ nhất.	
2	I. Mở bài - Giới thiệu tác giả Thanh Hải và bài thơ Mùa xuân nho nhỏ - Bài thơ là nỗi lòng của tác giả về niềm yêu mến tha thiết với cuộc đời, đất nước mong muốn cống hiến góp vẻ đẹp của mùa xuân đất nước và con người. II. Thân bài Đoạn thơ thứ nhất: Cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên đất nước và con người - Bức tranh thiên nhiên tươi đẹp trong tưởng tượng của tác giả (lưu ý, tác giả viết bài thơ 11/1980 - lúc này đang là mùa đông) + Hình ảnh vẻ đẹp của mùa xuân xứ Huế được khắc họa qua: hoa tím, sông xanh, bầu trời cao rộng + Âm thanh tiếng chim chiền chiện báo xuân về như kết tinh thành “từng giọt long lanh” + Vẻ đẹp của mùa xuân thể hiện qua góc nhìn của tác giả cũng như tấm lòng trân trọng của tác giả trước thiên nhiên, cuộc đời + Lời trò chuyện thân mật cùng tự nhiên và sự trân trọng sự sống được thể hiện qua hành động “đưa tay hứng” của tác giả Từng giọt long lanh rơi Tôi đưa tay tôi hứng + Giọt long lanh được hiểu theo nghĩa ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, từ chỗ âm thanh được cảm nhận bằng thính giác chuyển sang cảm nhận bằng thị giác và xúc giác “đưa tay hứng” → Tác giả say đắm trong mùa xuân của thiên nhiên	5,0 điểm

		đất trời với tâm thế đón nhận trân trọng Đoạn thơ thứ 2: Ước nguyện chân thành, giản dị được cống hiến của tác giả - Tác giả thể hiện tâm nguyện tha thiết muốn cống hiến qua những hình ảnh đẹp, thuần phác: <i>Ta làm con chim hót</i> <i>Ta làm một cành hoa</i> <i>Ta nhập vào hòa ca</i> <i>Một nốt trầm xao xuyến</i> + Điệp từ “ta” để khẳng định đó là tâm niệm chân thành của nhà thơ, cũng là khát vọng cống hiến cho đời chung của nhiều người. + Các từ láy “lặng lẽ”, “nhỏ nhỏ” là cách nói khiêm tốn, chân thành của nhân cách sống cao đẹp khi hướng tới việc góp vào lợi ích chung của dân tộc. - Mùa xuân nho nhỏ là một ẩn dụ đầy sáng tạo của nhà thơ khi thể hiện thiết tha, cảm động khát vọng được cống hiến và sống ý nghĩa. + Điệp từ “dù là” khiến âm điệu câu thơ trở nên thiết tha, lắng đọng + Dù đang nằm trên giường bệnh nhưng tác giả vẫn tha thiết với cuộc đời, mong muốn sống đẹp và hữu ích, tận hiến cho cuộc đời chung. → Với niềm yêu đời tha thiết, tác giả vượt lên trên hoàn cảnh về bệnh tật mong muốn da diết được sống có ích bằng tất cả sức trẻ của mình. Đoạn thơ thứ 3. Ngợi ca quê hương đất nước qua điệu hát dân ca Huế - Cả bài thơ giống như làn điệu dân ca Huế mượt mà, trữ tình và sâu lắng + Bài thơ khép lại với điệu Nam ai, Nam bình của xứ Huế để ca ngợi vẻ đẹp và nỗi niềm của người con xứ Huế + Khúc ca còn ngân vang mãi từ tâm hồn của người lạc quan, yêu đời, khát khao sống có ích III. Kết bài - Những đoạn thơ chính là tiếng lòng của tác giả trước cuộc đời, đất nước. - Với giọng trầm lắng có lúc nhộn nhịp, hối hả, bài thơ không những diễn đạt được vẻ đẹp của thiên

		nhiên, đất nước mà còn thể hiện được sự mê say với cuộc sống và khát vọng chân thành đẹp đẽ của tác giả.	

ĐỀ SỐ 86	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*Có gì đâu, có gì đâu
 Mỡ màu ít chắt dồn lâu hoá nhiều
 Rễ siêng không ngại đất nghèo
 Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù
 Vườn mình trong gió tre đu
 Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành
 Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh
 Tre xanh không đứng khuất mình bóng râm
 Bão bùng thân bọc lấy thân
 Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm.*

(Trích Tre Việt Nam - Nguyễn Duy, tập Cát trắng, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1973)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên. (0,5 điểm)

Câu 2. Chỉ ra các từ láy trong đoạn thơ trên. (0,5 điểm)

Câu 3. Nêu tác dụng của 01 biện pháp tu từ đặc sắc được sử dụng trong hai câu thơ: (1,0 điểm)

*"Bão bùng thân bọc lấy thân
 Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm"*

Câu 4. Theo em, hình ảnh cây tre đã gợi lên những phẩm chất cao quý nào của dân tộc Việt Nam? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về *sự cần thiết của tinh thần lạc quan trong cuộc sống*

Câu 2 (5,0 điểm)

Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long có đoạn: "... Nhân dịp Tết một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đây. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói: nhờ cháu có góp phần phát hiện

một đám mây khô mà ngày ấy tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế (...)

Nhưng từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc. Ở bác vẽ cháu đấy ư? Không, không được vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn" (Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, tr 185).

Và tác phẩm Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê Có đoạn: "Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần, Ngày nào Ít ba lần. Tôi cố nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chinh: liệu mình có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đừng cần thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi,, mẩn mẩn, cát lạo xạo trong miệng. "

(Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, tr 118)

Cảm nhận của em về hai đoạn trích trên. Từ đó, hãy nhận xét ngắn gọn về vẻ đẹp của tuổi trẻ Việt Nam trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên: Biểu cảm	0,5 điểm
	2	Chỉ ra các từ láy trong đoạn thơ trên: mờ màu, cần cù, kham khổ, năng nổ, bão bùng	0,5 điểm
	3	Biện pháp tu từ nhân hóa. Tác dụng: nhấn mạnh và gợi cảm xúc thêm cho câu thơ, và nó diễn tả cho người đọc hình ảnh cây tre mang những phẩm chất tốt đẹp của con người đã đem lại những bài học " <i>thân bọc lấy thân</i> ", " <i>tay ôm tay nín</i> "	1,0 điểm
	4	Theo em, hình ảnh cây tre đã gợi lên những phẩm chất cao quý nào của dân tộc Việt Nam: Sự cố gắng bền bỉ vươn lên trong hoàn cảnh khó khăn thử thách, sự đoàn kết đùm bọc che chở.	1,0 điểm
II	1	I. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận: ý nghĩa của tinh thần lạc quan trong cuộc sống II. Thân đoạn 1. Lạc quan là gì? - Lạc quan là thái độ sống - Lạc quan là luôn vui tươi, vui cười dù có bất kì chuyện gì xảy ra - Lạc quan như là một liều thuốc bổ cho cuộc sống tươi đẹp hơn.	2,0 điểm

	2. Biểu hiện của tinh thần lạc quan - Luôn tươi cười dù có chuyện gì xảy ra - Luôn yêu đời - Luôn bình tĩnh xử lí mọi tình huống dù có chuyện gì xảy ra 3. Ý nghĩa của tinh thần lạc quan - Lạc quan sẽ tạo nên cuộc sống tươi đẹp cho tất cả mọi người - Giúp chúng ta biết sống một cách có ý nghĩa hơn - Giúp con người tránh khỏi những hiểm họa trong cuộc sống - Những người lạc quan thường thành công trong cuộc sống và công việc 4. Một số tấm gương về tinh thần lạc quan - Bác Hồ ở trong tù vẫn có thể sáng tác thơ, ngắm trăng - Các bệnh nhân ung thư vẫn lạc quan để chiến đấu bệnh tật để giành giật sự sống - Các em bé mồ côi vẫn lạc quan sống để mong ngày gặp lại cha mẹ của mình III. Kết đoạn: Nêu cảm nghĩ của em về tinh thần lạc quan: - Đây là một tinh thần rất tốt, giúp con người vượt qua số phận - Bên cạnh đó nó còn có những tác động xấu khi con người có tinh thần lạc quan thái quá.	
2	I. Mở bài: - Giới thiệu tác giả, tác phẩm và hai nhân vật + Giới thiệu Nguyễn Thành Long và truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa; Lê Minh Khuê và truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi. + Giới thiệu nhân vật anh thanh niên và Phương Định, từ đó khái quát vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc sống lao động và chiến đấu thời kháng chiến chống Mỹ cứu nước. II. Thân bài: - Lặng lẽ Sa Pa là kết quả từ chuyến đi thực tế ở Lào Cai của Nguyễn Thành Long. Tác giả đã khắc họa vẻ đẹp của người lao động, ca ngợi cuộc sống mới, con người mới trong công cuộc xây dựng chủ	5,0 điểm

	nghĩa xã hội ở miền Bắc, là hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn ở miền Nam. - <u>Những ngôi sao xa xôi</u> của Lê Minh Khuê lại miêu tả chân thực, sinh động cuộc sống chiến đấu dũng cảm; tâm hồn lạc quan, hồn nhiên, trong sáng của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. 1. Vẻ đẹp trong cách sống a. Nhân vật anh thanh niên trong <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> – Hoàn cảnh sống và làm việc: một mình trên núi cao, quanh năm suốt tháng giữa cây cỏ và mây núi Sa Pa. Công việc là đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất.. – Anh làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cụ thể, tỉ mỉ, chính xác, đúng giờ ốp thì dù cho mưa tuyết, giá lạnh thế nào anh cũng trở dậy ra ngoài trời làm việc đúng giờ quy định. – Anh đã vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ quanh năm suốt tháng trên đỉnh núi cao không một bóng người. – Sự cởi mở chân thành, quý trọng mọi người, khao khát được gặp gỡ, trò chuyện với mọi người. – Tổ chức sắp xếp cuộc sống của mình một cách ngăn nắp, chủ động: trồng hoa, nuôi gà, tự học.. b. Cô thanh niên xung phong Phương Định – Hoàn cảnh sống và chiến đấu: ở trên cao điểm giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhất bom đạn và sự nguy hiểm, ác liệt. Công việc đặc biệt nguy hiểm: Chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình trong vùng máy bay địch bị bắn phá, ước lượng khối lượng đất đá, đếm bom, phá bom. – Yêu mến đồng đội, yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn. – Có những đức tính đáng quý, có tinh thần trách nhiệm với công việc, bình tĩnh, tự tin, dũng cảm... 2. Vẻ đẹp tâm hồn a. Anh thanh niên trong <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> – Anh ý thức về công việc của mình và lòng yêu nghề khiến anh thấy được công việc thầm lặng ấy có	

		ích cho cuộc sống, cho mọi người. – Anh đã có suy nghĩ thật đúng và sâu sắc về công việc và những đóng góp của mình rất nhỏ bé. – Cảm thấy cuộc sống không cô đơn buồn tẻ vì có một nguồn vui, đó là niềm vui đọc sách mà lúc nào anh cũng thấy như có bạn để trò chuyện. – Là người nhân hậu, chân thành, giản dị. b. Cô thanh niên xung phong Phương Định – Có thời học sinh hồn nhiên vô tư, vào chiến trường vẫn giữ được sự hồn nhiên. – Là cô gái nhạy cảm, mơ mộng, thích hát, tinh tế, quan tâm và tự hào về vẻ đẹp của mình. – Kín đáo trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình. -> Các tác giả đã miêu tả sinh động, chân thực tâm lí nhân vật làm hiện lên một thế giới tâm hồn phong phú, trong sáng và đẹp đẽ cao thượng của nhân vật ngay trong hoàn cảnh chiến đấu đầy hi sinh gian khổ. + Một người ở hậu phương, một người ở tiền tuyến nhưng cả hai có điểm chung là đều có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; không ngại gian khổ hi sinh trong hoàn cảnh đơn độc hay ác liệt; sống có lí tưởng, sống là để cống hiến, phục vụ, sẵn sàng hi sinh cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. + Cùng có tinh thần dũng cảm, lạc quan, yêu đời, trẻ trung, sôi nổi hồn nhiên; giản dị, khiêm tốn. => Hai tác phẩm có đề tài phản ánh khác nhau, thể hiện hình tượng nhân vật khác nhau nhưng cùng hướng đến vẻ đẹp chung của tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc sống lao động và chiến đấu để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giữa những ngày tháng chống Mĩ ác liệt nhất. III. Kết bài – Hai tác phẩm đều khám phá, phát hiện ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam trong lao động và trong chiến đấu. – Vẻ đẹp của các nhân vật đều mang màu sắc lí tưởng, họ là hình ảnh của con người Việt Nam	

		mang vẻ đẹp của thời kì lịch sử gian khổ hào hùng và lãng mạn của dân tộc.	

ĐỀ SỐ 87	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Câu chuyện chú Dê

Buổi sớm nọ, một chú Dê dùng sàng vàng ngoài vườn rau, chú ta muốn ăn cải trong vườn nhưng vì rào cao nên không thể vào được.

Lúc ấy, trời vờn tối, mặt trời vừa ló dạng ở đằng đông, Chú Dê nhìn thấy cái bóng của mình dài thật di. Chú ta chợt nghĩ “Ôi, mình cao thế này ư? Thế thì mình có thể ăn quả trên cây rồi, cần gì phải ăn những cây cải dưới đất nữa” Ở đằng xa có một vườn táo. Các cây táo trĩu nặng những quả táo ửng hồng. Chú Dê hăm hở chạy đến đó.

Khi đến nơi thì trời đã trưa, lúc này mặt trời lên đến đỉnh đầu. Bóng chú Dê trở thành một cái bóng nhỏ sát chân chú.

"Ôi, thì ra mình bé nhỏ đến thế làm sao mình ăn quả trên cây được, thôi đành trở về ăn cải trong vườn thôi". Chú ta buồn bã quay lại nơi vườn cải.

Khi đến nơi, mặt trời đã xuống phía tây, cái bóng của chú lại trải dài thật dài.

"Sao mình lại trở về đây làm gì nhỉ? Mình cao thế này thì ăn những quả táo trên cây đầu thành vấn đề?" - Chú ta phiền não, lăm bầm.

(Nguồn <http://thuvienbinhthuan.com.vn/moi-ngay-mot-call-chuyen>)

Câu 1 (0,5 điểm). Văn bản trên thuộc kiểu văn bản gì (tự sự, thuyết minh, nghị luận)?

Câu 2 (0,5 điểm). Em hãy chỉ ra những hành động của chú Dê trong câu chuyện trên.

Câu 3 (1,0 điểm). Vì sao cuối câu chuyện, chú ta phiền não, lăm bầm?

Câu 4 (1,0 điểm). Bài học rút ra từ câu chuyện trên.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Từ nội dung gợi ra ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về việc mỗi người cần xác định mục tiêu trong cuộc sống của mình.

Câu 2 (5,0 điểm): Trong bài thơ Khoảng trời, hố bom, Lâm Thị Mỹ Dạ có đoạn viết:

*Chuyện kể rằng: em, cô gái mở đường
 Để cứu con đường đẽm ấy khỏi bị thương
 Cho đoàn xe kịp giờ ra trận
 Em đã lấy tình yêu Tổ quốc của mình thắp lên ngọn lửa*
 (Theo Văn chương một thời để nhớ, NXB Văn học, 2006)

Hình ảnh cô gái thanh niên xung phong mở đường một lần nữa được Lê Minh Khuê khắc họa trong truyện ngắn [Những ngôi sao xa xôi](#) (Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục, 2006). Em hãy phân tích để làm nổi bật vẻ đẹp của các nhân vật trong truyện ngắn đó.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Văn bản trên thuộc kiểu văn bản tự sự.	0,5 điểm
	2	Những hành động của chú Dê trong đoạn trích - lảng vảng ngoài vườn rau - nhìn thấy cái bóng của mình thật dài - - chột nghĩ “Ôi mình cao thế này ư? Thế thì mình có thể ăn quả trên cây rồi cần gì phải ăn những cây cải dưới đất nữa”. - hăm hở chạy đến vườn táo - buồn bã quay lại nơi vườn cải - phiền não, lẩm bẩm	0,5 điểm
	3	Chú ta phiền não, lẩm bẩm vì thấy rằng quyết định của mình là sai lầm.	1,0 điểm
	4	Bài học rút ra từ câu chuyện: Chúng ta nên xác định mục tiêu rõ ràng và kiên định với mục tiêu mình lựa chọn.	1,0 điểm
II	1	1. Giới thiệu vấn đề 2. Giải thích vấn đề - Mục tiêu: đích cần đạt tới để thực hiện nhiệm vụ - Việc xác định mục tiêu trong cuộc sống của mỗi người là vô cùng quan trọng. 3. Bàn luận vấn đề - Tại sao cần xác định mục tiêu trong cuộc sống? + Mục tiêu khiến cuộc sống con người có phương hướng và có ý nghĩa + Mục tiêu sẽ thúc đẩy con người nỗ lực để vươn tới thành công + Một người sống có mục tiêu tức là sống có ý	2,0 điểm

	tưởng, có ước mơ và khát vọng - Cần phải có mơ ước, có ý tưởng sống rõ ràng, hiểu được năng lực, thể mạnh của bản thân để xác định được đúng mục tiêu của mình. - Khi đã có mục tiêu cần vạch ra kế hoạch cụ thể, không ngừng nỗ lực, cố gắng vượt qua mọi khó khăn để vươn đến mục tiêu - Mỗi người cần xây dựng cho mình những mục tiêu riêng trong cuộc sống - Phê phán những người sống không mục tiêu không lý tưởng 4.Liên hệ bản thân.	
2	1. Giới thiệu chung về tác giả tác phẩm - Lê Minh Khuê sinh năm 1949, quê ở huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. - Trong kháng chiến chống Mĩ bà gia nhập thanh niên xung phong, truyện của bà viết về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn. Sau năm 1975, tác phẩm của nhà văn bám sát những chuyển biến của đời sống xã hội và con người trên tinh thần đổi mới. - Tác phẩm Hoàn cảnh sáng tác: năm 1971, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ ở vào giai đoạn ác liệt nhất. - Các em có thể trích dẫn câu thơ trong đề bài của Lâm Thị Mỹ Dạ để dẫn dắt vào đề. 2. Phân tích vẻ đẹp của ba nhân vật - Nhà văn Lê Minh Khuê đã tái hiện lại một tình huống quen thuộc trong chiến trường những năm tháng chống Mỹ cứu nước gian khổ ác liệt – tình huống phá bom. Đây là tình huống đầy thử thách nhưng lại là công việc thường nhật của các cô gái trong tổ trinh sát mặt đường trên tuyến đường Trường Sơn. - Tác giả đặt nhân vật vào hoàn cảnh khắc nghiệt mà ranh giới giữa sự sống và cái chết rất mong manh. Nhưng cũng từ đó, các nhân vật bộc lộ phẩm chất của mình sự lạc quan, dũng cảm tinh thần trách nhiệm với công việc, tình đồng chí đồng đội sâu sắc... Đó là phẩm chất anh hùng	5,0 điểm

		của thế hệ trẻ Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước. 2.1 Hoàn cảnh sống và chiến đấu của ba cô gái - Ba cô gái sống trong một cái hang dưới chân cao điểm ở vùng trọng điểm bắn phá của giặc Mỹ. - Các cô đảm nhiệm công việc phá bom “Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần”. Đó là một công việc nguy hiểm gian khổ đòi hỏi sự dũng cảm tinh thần trách nhiệm cao. - Từ hang các cô ở, nhìn ra bên ngoài đường bị đánh lở loét màu đất đỏ trắng lẫn lộn chỉ có thân cây bị tước khô cháy. Đất bốc khói không khí bàng hoàng máy bay rẻ rẻ, phản lực gầm gào... Ở đây không có dấu hiệu của sự sống. => Bằng những lời kể mộc mạc, giọng điệu tự nhiên, nhà văn Lê Minh Khuê đã tái hiện chân thực hiện thực khốc liệt của chiến trường. Đặt nhân vật vào hoàn cảnh đó, bà đã khắc họa nổi bật phẩm chất anh hùng của những cô gái thanh niên xung phong trẻ tuổi 2.2 Vẻ đẹp của ba cô thanh niên xung phong a. Những nét chung + Lòng dũng cảm, sẵn sàng hi sinh không quản ngại khó khăn gian khổ, tinh thần trách nhiệm cao, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được phân công + Sống lạc quan, nhiều mơ mộng, thích làm đẹp cho cuộc sống ngay cả trong chiến trường + Tinh đồng đội keo sơn gắn bó. → Đó là những phẩm chất vừa cao đẹp, vừa bình dị lạc quan của thế hệ trẻ Việt Nam trong chiến tranh chống Mỹ b. Nét tính cách riêng của mỗi người * Nhân vật chị Thao: - Sự cứng cỏi, điềm tĩnh: + Những lúc sắp bước vào cuộc chiến và sau cuộc chiến chị bình tĩnh đến phát sợ: bóc bánh	

		quy ra ăn, lúc từ mặt đường đầy đạn bom trở về chị vẫn bình thản như không. + Chị luôn có những mệnh lệnh quyết đoán: lệnh cho Phương Định ở lại hàng trực điện đài còn chị và Nho lên mặt đường + Lúc Nho bị thương dù rất lo lắng nhưng chị không hề khóc, còn bảo Phương Định hát để xua đi căng thẳng. => Chị Thao là người bình tĩnh, cứng cỏi nhất tổ trinh sát mặt đường. - Là một tâm hồn nhạy cảm nữ tính trẻ trung, giàu tình cảm + Chị hay hát và có đến 3 quyển sổ dày để chép bài hát. + Chị cũng thích làm đẹp: lông mày tỉa nhỏ như cái tăm áo lót thêu chỉ màu + Chị rất sợ máu và vết. + Rất gắn bó với đồng đội chị kín đáo quan tâm, lo lắng cho họ. No bị thương: chị mở to mắt như không còn sự sống hng túng quanh Nho, ngắm nhìn Nho ngủ, sửa cổ áo, mái tóc cho Nho. => Vẻ đẹp nữ tính đã tạo nên chiều sâu nhân vật này. Vẻ đẹp ấy khiến chị Thao trở nên gần gũi hơn, đời thường hơn. * Nhân vật Nho: - Nhỏ tuổi nhất trong tổ trinh sát mặt đường nên được các chị yêu chiều như cô em út trong nhà. + Nho mang vẻ xinh xắn nhẹ nhõm dễ thương, cô như một que kem trắng bé nhỏ khiến Phương Định thương mến đến mức muốn bế lên tay. + Nho hay vùi vãnh, làm nũng các chị hay đòi ăn kẹo, lần nào Phương Định cũng chiều theo cô. - Mạnh mẽ, can đảm dám đối mặt với đạn bom của chiến tranh Khi bị thương cô không kêu rên một tiếng không về quân y viện chữa trị mà vẫn bám trụ lại cao điểm để hoàn thành công việc của mình => Dù ít tuổi nhất nhưng Nho cũng mang những nét can đảm riêng, khó lẫn. * Nhân vật Phương Định:	

		- Hồn nhiên, mơ mộng, yêu đời: Trong bom đạn khốc hết, cô vẫn hồn nhiên hát, hát dân ca quan họ mềm mại dịu dàng hát Ca-chau-Sa của Hồng quân Liên Xô, hát dân ca Ý trữ tình giàu có... Cô gái ấy còn hay mơ mộng ngắm mình trong gương nhớ về kỉ niệm thơ trẻ, gia đình, quê hương... -> Cô vui thích cuồng cuồng khi gặp cơn mưa đá - một niềm vui rất đời nữ tính Những xúc cảm hồn nhiên như nguồn sống, là điểm tựa giúp cô có thêm sức mạnh vượt qua mưa bom bão đạn của chiến trường - Dũng cảm có tinh thần trách nhiệm trong công việc phẩm chất anh hùng) + Phương Định giới thiệu về công việc phá bom của mình bằng giọng điệu khô khốc, thản nhiên như chính bản lĩnh kiên cường của cô: “Việc của chúng tôi là ngồi đây, khi có bom nổ thì chạy lên... Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần”. Cô kể mình bị thương nhưng quyết không đi viện quân y vì việc nào cũng có cái thú của nó”. Vâng, chính chiến tranh và đạn bom đã làm cô trưởng thành trở thành dũng sĩ mạnh mẽ mà cô không hề biết. Thật đáng phục làm sao! + Sự dũng cảm còn thể hiện trong từng cách nghĩ cách hành động của Phương Định. Khi đến gần quả bom cô vẫn giữ được tư thế hiên ngang ngẩng cao đầu Dù có kinh nghiệm và ngày phá tới năm quả bom nhưng cô có lúc vẫn thấy “rùng mình” nghĩ đến cái chết, có lúc “thần kinh căng như dây chầy, tim đập bất chấp cả nhịp điệu” nhưng cô vẫn dũng cảm đến gần dùng xẻng đào đất dưới quả bom.. Như thế cô đã đặt công việc lên trên cả tính mạng của mình. Quả thật, bom đạn của kẻ thù có thể đốt cháy cánh rừng già Trường Sơn, có thể cày nát những con đường xe qua nhưng không thể nào dập tắt được ý chí, lòng dũng cảm và bản lĩnh của các cô gái thanh niên xung phong như Phương Định. Đó chính là	

		phẩm chất anh hùng đáng trân quý, ngưỡng mộ. => Đường như nhà văn Lê Minh Khuê đã hóa thân cao độ vào nhân vật để miêu tả tường tận chân thực những suy nghĩ nội tâm trong cổ và để tái hiện một cách chân thực nhất đời sống chiến đấu nơi chiến trường ác liệt. Nhờ đó chúng ta càng hiểu và thêm yêu mến nhân vật Phương Định - Giàu tình cảm + Trong suy nghĩ của cô gái trẻ ấy, những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ. Cô luôn dành cho các anh bộ đội một nếm thán phục, ngưỡng mộ như thế đấy! + Phương Định rất hiếu tính cách, sở thích của chị Thao và Nho. Biết chị Thao lúc cương quyết táo bạo (chị không ra nước mắt), khi mềm mại nữ tính (sợ máu, sợ vắt, thích thêu thùa...) + Lúc Nho bị thương, Phương Định “moi đất bể Nho đặt lên đầu” rửa vết thương pha sữa, chăm sóc chu đáo. -> Phải nói rằng, nhà văn từng có mặt trên tuyến đường Trường Sơn trong những năm chống Mĩ nên bà viết về những nữ thanh niên xung phong bằng cả sự trải nghiệm nơi chiến trường và bằng tình cảm yêu mến kính phục các cô gái trẻ. -> Bạn đọc không khỏi yêu mến cảm phục trước một cô gái trẻ hồn nhiên, yêu đời, đời sống tâm hồn phong phú nhưng cũng đầy tâm huyết với công việc, với đồng đội => Nhà văn Lê Minh Khuê viết về ba cô gái với tất cả tình cảm trân trọng và cảm phục, ngưỡng mộ. Họ tiêu biểu cho thế hệ trẻ thời chống Mĩ - những con người mang trong mình tình yêu Tổ Quốc lớn lao. 3. Tổng kết - Nội dung: Truyện làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mơ mộng, th thần dũng cảm cuộc sống chiến đấu gian khổ, hi sinh nhưng rất hồn nhiên lạc quan của những cô gái thanh niên xung	

	phong trên tuyến đường Trường Sơn. Đó chính là hình ảnh tiêu biểu về thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. - Nghệ thuật + Lựa chọn ngôi kể phù hợp, cách kể chuyện tự nhiên và + Nghệ thuật xây dựng nhân vật, nhất là miêu tả diễn biến tâm lí. + Ngôn ngữ giản dị vừa mang tính khẩu ngữ vừa đậm chất trữ tình. + Câu văn ngắn, nhịp điệu dồn dập, gợi không khí căng thẳng khẩn trương ở chiến trường.	

ĐỀ SỐ 88	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Tre xanh

Xanh tự bao giờ?

Chuyện ngầy xưa... đã có bờ tre xanh

Thân gầy guộc, lá mong manh

Mà sao nên lũy nên thành tre ơi?

Ở đâu tre cũng xanh tươi

Cho dù đất sỏi đất vôi bạc màu!

Có gì đâu, có gì đâu

Mỡ màu ít chặt đồn lâu hoá nhiều

Rễ siêng không ngại đất nghèo

Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù

Vươn mình trong gió tre đu

Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành

Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh

Tre xanh không đứt khuất mình bóng râm

(Trích *Tre Việt Nam*- Nguyễn Duy, *Cát trắng*,

NXB Quân đội Nhân dân, 1973

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định thể thơ.

Câu 2. (0,5 điểm) Chỉ ra phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ.

Câu 3. (1,0 điểm) Tìm hai biện pháp tu từ, xác định từ ngữ thực hiện hai biện pháp tu từ ấy được sử dụng trong hai dòng thơ sau:

*Thân gầy guộc, lá mong manh
Mà sao nên lũy nên thành tre ơi?*

Câu 4. (1,0 điểm) Hình tượng cây tre trong hai dòng thơ sau mang đến cho em cảm nhận gì về vẻ đẹp của con người Việt Nam?

*Rễ siêng không ngại đất nghèo
Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù*

II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (từ 7 đến 10 câu) trình bày suy nghĩ của em về *đức tính siêng năng cần cù của con người Việt Nam*.

Câu 2. (5,0 điểm)

Một trong những thành công nổi bật của nhà văn Kim Lân là xây dựng được những tình huống truyện độc đáo.

Từ truyện ngắn *Làng* của Kim Lân (*Ngữ văn 9*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016), em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN/CÂU	Nội dung	ĐIỂM
Phần I Đọc hiểu	Thể thơ: <i>Lục bát</i> .	0,5 điểm
	Câu 2. Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm	0,5 điểm
	Câu 3. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong hai dòng thơ: - Nhân hóa (<i>Thân gầy guộc, lá mong manh</i>). - Ẩn dụ (Hình ảnh <i>tre</i> là ẩn dụ cho con người Việt Nam). - Đối lập (<i>Thân gầy guộc, lá mong manh - nên lũy nên thành</i>). - Câu hỏi tu từ: <i>Mà sao nên lũy nên thành tre ơi?</i>	1,0 điểm
	Câu 4. Học sinh có thể hiểu và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng có thể theo các định hướng sau: Hình tượng cây tre trong hai dòng thơ mang đến cảm nhận gì về vẻ đẹp của con người Việt Nam: cần cù, chịu khó, gắn bó tha thiết với quê hương, đất nước...	1, 0 điểm
Phần II:	Câu 1. Viết một đoạn văn (từ 7 đến 10 câu) trình bày suy	2,0 điểm

Làm văn Câu 1	nghĩ của em về đức tính siêng năng cần cù của con người Việt Nam.	
	a. Về hình thức: Đảm bảo thể thức của một đoạn văn, số câu quy định, liên kết chặt chẽ, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ, đặt câu.	(0,5 điểm)
	b. Về nội dung: Xác định đúng vấn đề nghị luận: <i>đức tính siêng năng cần cù của con người Việt Nam.</i> Có thể triển khai hợp lý nội dung đoạn văn theo nhiều cách khác nhau song cơ bản hướng vào các ý: - Nêu vấn đề nghị luận: <i>Đức tính siêng năng cần cù của con người Việt Nam.</i> - Những biểu hiện của <i>đức tính siêng năng cần cù</i> của con người Việt Nam. - Thái độ và hành động của bản thân - Phê phán những người lười biếng, không siêng năng cần cù	(1,25 điểm)
	c. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.	(0,25 điểm)
Câu 2	Câu 2. Một trong những thành công nổi bật của nhà văn Kim Lân là xây dựng được những tình huống truyện độc đáo. Từ truyện ngắn <i>Làng</i> của Kim Lân (<i>Ngữ văn 9</i>, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016), em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.	5,0 điểm
	a. Về kĩ năng: - Xác định đúng kiểu bài nghị luận về tác phẩm văn học (tác phẩm truyện/đoạn trích). - Vận dụng kiến thức, kĩ năng của kiểu bài nghị luận văn học để trình bày vấn đề. - Bố cục ba phần rõ ràng, rành mạch, hợp lí. - Diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu....	(1,0 điểm)
	b. Về kiến thức: Học sinh có thể trình bày bài văn theo nhiều cách khác nhau. Song cơ bản cần hướng vào các ý sau: * Giới thiệu những nét cơ bản về tác giả Kim Lân, truyện ngắn <i>Làng</i> và vấn đề nghị luận (<i>nghệ thuật xây dựng tình huống truyện</i>). * Giải thích ngắn gọn khái niệm <i>tình huống truyện</i>: à mối quan hệ đặc biệt giữa các nhân vật với nhau, giữa nhân vật	(3,0 điểm)

	với hoàn cảnh và môi trường sống, qua đó bộc lộ rõ tâm trạng, tính cách hay thân phận của nhân vật, góp phần thể hiện sâu sắc tư tưởng của tác phẩm. * Chứng minh thành công của nhà văn Kim Lân trong nghệ thuật xây dựng tình huống truyện: - Trong truyện ngắn <i>Làng</i>, Kim Lân đã sáng tạo ra một tình huống đặc sắc, gay cấn: Ông Hai trong truyện là người rất yêu làng Chợ Dầu của mình, luôn hãnh diện khoe về làng, ấy thế mà tình cờ ông nghe được tin ngôi làng yêu quý của mình trở thành làng Việt gian theo Pháp, phản lại kháng chiến, phản lại Cụ Hồ. - Ý nghĩa của tình huống truyện: + Tình huống bất ngờ, gay cấn tạo nút thắt cho cốt truyện. + Tác động mạnh mẽ đến diễn biến tâm lí của ông Hai. Toàn bộ diễn biến tâm lí của ông Hai từ khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc cho đến khi tin thất thiệt được cải chính là một trường tâm trạng hết sức phong phú, phức tạp. + Thể hiện tư tưởng, chủ đề của tác phẩm: Tình cảm yêu làng, tinh thần yêu nước của người nông dân trong thời kì kháng chiến chống Pháp. - Nhận xét, đánh giá: + tình huống truyện đã thể hiện tài năng viết truyện ngắn của nhà văn Kim Lân; + Tình huống truyện độc đáo tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt đối với người đọc, thôi thúc người đọc dõi theo toàn bộ câu chuyện từ khi bắt đầu cho đến phút cuối cùng.	
	c. Sáng tạo: có cách diễn đạt độc đáo, suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về nội dung, nghệ thuật hoặc tư tưởng; biết liên hệ mở rộng vấn đề.	(1,0 điểm)
Tổng điểm		10,0 điểm

ĐỀ SỐ 89	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu

Đất nước mình bé nhỏ vậy thôi em
Nhưng làm được những điều phi thường lắm
Bởi hai tiếng nhân văn được cất vào sâu thẳm
Bởi vẫn giữ vẹn nguyên hai tiếng đồng bào.

Em thấy không? Trong nỗi nhọc nhằn, vất vả, gian lao
Khi dịch bệnh hiểm nguy đang ngày càng lan rộng
Cả đất nước mình cùng đồng hành ra trận
Trên dưới một lòng chống dịch thoát nguy.

(Trích "[Đất nước ở trong tim](#)" - Chu Ngọc Thanh)

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định thể thơ của đoạn thơ trên?

Câu 2 (0,5 điểm). Đoạn thơ trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 3 (1,0 điểm). Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ cuối của khổ thơ thứ nhất. Hiệu quả của biện pháp tu từ đó?

Câu 4 (1,0 điểm). Nêu nội dung chính của đoạn thơ. Từ nội dung đó đã chạm vào miền cảm xúc nào trong em về đất nước?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm) Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ của em về tinh thần đoàn kết được gợi ra từ đoạn trích trong phần Đọc hiểu.

Câu 2 (5,0 điểm): Phân tích tình cảm của ông Sáu dành cho con gái qua đoạn trích sau đây:

[...] Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hốt hải chạy về, tay cầm khúc gỗ đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà.

Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi ly của Mĩ, đập mỏng làm thành một cây cưa nhỏ, cưa khúc gỗ thành từng miếng nhỏ. Những lúc rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc... Mỗi ngày anh cưa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi... cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba” ... Những đêm nhớ con,... anh lấy cây lược ra ngắm nghía, rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra... Anh bị viên đạn của máy bay Mĩ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh.

- Tôi sẽ mang về trao tận tay cho cháu.

Tôi cúi xuống gần anh và khẽ nói. Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi.

(Trích **Chiếc lược ngà**, Nguyễn Quang Sáng, Ngữ văn 9, Tập 1)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Thể thơ của đoạn thơ: tự do	0,5 điểm
	2	Đoạn thơ trên sử dụng phương thức biểu đạt chính là biểu cảm	0,5 điểm
	3	Biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ cuối của khổ thơ thứ nhất là biện pháp điệp từ. Tác dụng: vừa nhấn mạnh, vừa gợi cho cảm xúc của người đọc vào lý do rằng trong con người Việt Nam vẫn luôn tồn tại "nhân văn", "đồng bào" nên dù nước ta có nhỏ bé thật đấy nhưng vẫn làm nên được những điều phi thường.	1,0 điểm
	4	Nội dung chính của đoạn thơ: Sự đoàn kết của cả nước trước đại dịch. (Các em tự nêu suy nghĩ và nêu cảm xúc của mình.)	1,0 điểm
II	1	*Mở đoạn: Dẫn dắt đề tài: Sau khi đọc bài thơ "Đất nước ở trong tim" của cô giáo Chu Ngọc Thanh đã cho em những suy nghĩ gì về tinh thần đoàn kết. *Thân đoạn: - Giải thích: + Tinh thần đoàn kết là sự gắn kết, sự liên kết bền chặt giữa các cá nhân trong một tập thể để trải qua hoặc hoàn thành những giai đoạn khác nhau của cuộc sống. + Tinh thần đoàn kết đó cũng được bộc lộ rõ nét trong tình hình đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nặng nề về cả kinh tế, tính mạng và sức khỏe người dân. - Biểu hiện của tinh thần đoàn kết + Khi xưa, tinh thần đoàn kết của nhân dân, của ông cha ta khi đánh lùi giặc ngoại xâm, giữ vững	2,0 điểm

	bảo toàn lãnh thổ Việt Nam khỏi thực dân Pháp, đế quốc Mỹ. + Ngày nay, tinh thần đoàn kết chính là chung tay vào xây dựng phát triển đất nước, xã hội. Khi dịch bệnh bùng phát, người dân trong cả nước ủng hộ, quyên góp sức người sức của. Không chỉ có các y, bác sĩ, những chiến sĩ ngoài biên phòng... mà là toàn Đảng, toàn dân ta cùng chung tay chống dịch. - Làm sao có được sự đoàn kết ? + Mỗi cá nhân nên đặt lợi ích chung hàng đầu, phần đấu cống hiến hết mình vì tổ chức. + Hiểu rõ sức mạnh đoàn kết và cố gắng phát huy tinh thần đó trong tổ chức, tập thể. - Lên án người không có sự đoàn kết: + Phê phán các cá nhân sống ích kỷ, hẹp hòi, chỉ nghĩ cho bản thân mình, vì trục lợi mà bán khẩu trang, nước rửa tay khô giá đắt, không đạt tiêu chuẩn... + Phê phán những kẻ âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, lan truyền mê tín dị đoan, thông tin sai lệch ảnh hưởng nghiêm trọng tới cộng đồng. *Kết đoạn: Đúc kết lại vấn đề và rút ra bài học cho bản thân em.	
2	I.Mở bài - Giới thiệu vài nét về tác giả Nguyễn Quang Sáng và tác phẩm “Chiếc lược ngà”. - Giới thiệu cảm nghĩ khái quát về nhân vật ông Sáu. - Giới thiệu về vấn đề nghị luận: Tình yêu của ông Sáu dành cho bé Thu, được thể hiện trong đoạn văn kể chuyện khi ông trở về khu căn cứ và làm cho con cây lược ngà. II. Thân bài 1. Khái quát Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến, mãi đến khi	5,0 điểm

	con gái ông lên tám tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Bé Thu không chịu nhận cha vì vết sẹo trên mặt làm ba em không giống với người chụp chung với má trong bức ảnh mà em đã biết. Thu đối xử với ba như người xa lạ, đến lúc hiểu ra, tình cảm cha con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải lên đường. Ở khu căn cứ, bao nỗi nhớ thương con, ông dồn vào việc làm cho con cây lược. Ông hi sinh trong một trận càn của Mỹ nguy. Trước lúc nhắm mắt, ông còn kịp trao cây lược cho một người bạn. Tình đồng đội, tình cha con của ông Sáu được miêu tả thật cảm động, làm sáng ngời vẻ đẹp của người lính Cách mạng, của người cha yêu con. 2. Tình cảm của ông Sáu dành cho con khi ông ở căn cứ kháng chiến. - Kiểm được ngà voi, mặt ông <i>“hớn hờ như một đứa trẻ được quà”</i>. Những lúc rỗi, ông <i>“ngồi cửa từng chiếc răng lược, thận trọng tỉ mỉ và khổ công như người thợ bạc”</i>. Trên sống lưng cây lược, ông đã tận tâm khắc một dòng chữ nhỏ: <i>“Yêu nhớ tặng Thu con của ba”</i>. Dòng chữ nhỏ mà chứa bao tình cảm lớn lao. Việc làm chiếc lược vừa là cách ông giải tỏa tâm trạng mong nhớ, ân hận vừa là cách gửi vào đó những yêu thương khao khát cháy bỏng dành cho đứa con gái yêu của mình. Chiếc lược ngà giờ đây đã trở thành một vật quý giá thiêng liêng với ông Sáu. Nó làm dịu đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu mến, nhớ thương, mong đợi của người cha đối với đứa con xa cách. Cây lược ấy chưa chải được mái tóc của con nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của ông. Những lúc nhớ con, ông <i>“lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng thêm mượt”</i>. Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ trở thành một nghệ nhân - nghệ nhân chỉ sáng tạo ra một tác phẩm duy nhất trong đời. Ông gửi	

		vào đó bao lời nhắn nhủ thiêng liêng, gửi vào đó bao nỗi nhớ mong con. Chiếc lược ngà là kết tinh tình phụ tử mộc mạc mà đằm thắm, đơn sơ mà diệu kì, là hiện hữu của tình cha con bất hủ giữa ông Sáu và bé Thu. Tình thương ông dành cho con cháy bỏng, như một dòng sông chảy mãi từ suối nguồn, như dòng máu chảy sâu vào tim ông, vào tâm hồn ông đến phút cuối vẫn bùng cháy chẳng nguôi. - Một tình cảnh đau thương lại đến với cha con ông Sáu: trong một trận càn lớn của quân Mỹ ngụy, ông Sáu bị một viên đạn bắn vào ngực và ông đã hi sinh. <i>“Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được”</i>, tất cả tàn lực cuối cùng chỉ còn cho ông làm một việc “đưa tay vào túi, móc cây lược” đưa cho người bạn chiến đấu. Đó là điều trăng trối không lời nhưng nó thiêng liêng hơn cả những lời di chúc. Nó là sự ủy thác, là ước nguyện cuối cùng, ước nguyện của tình phụ tử. Chiếc lược ngà như là biểu tượng của tình thương yêu, săn sóc của người cha dành cho con gái, cho dù đến khi không còn nữa anh chưa một lần được chải tóc cho con. Người kể chuyện, đồng đội của ông Sáu đã bộc lộ một sự đồng cảm và xúc động thực sự khi kể lại câu chuyện. - Những dòng cuối cùng của đoạn trích khép lại trong nỗi buồn mênh mang mà chứa chan ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Chiến tranh là hiện thực đau xót của nhân loại. Chiến tranh đã làm cho con người phải xa nhau, chiến tranh làm khuôn mặt ông Sáu biến dạng, chiến tranh khiến cuộc gặp gỡ của hai cha con vô cùng éo le, bị thử thách, rồi một lần nữa chiến tranh lại khắc nghiệt để ông Sáu chưa kịp trao chiếc lược ngà đến tận tay cho con mà đã phải hi sinh trên chiến trường. Nhưng những đau thương mất mát mà chiến	

	tranh tàn bạo gây ra không thể nào giết chết những tình cảm đẹp đẽ của con người Việt Nam. “Chiếc lược ngà” như một truyện cổ tích hiện đại dẫn người đọc dõi theo số phận của nhân vật. Người còn, người mất nhưng kỉ vật gạch nối giữa cái mất mát và sự tồn tại là chiếc lược ngà nói với chúng ta nhiều điều về tình người, tình đồng chí, tình cha con. Cảm động nhất, để lại ấn tượng nhiều nhất cho người đọc là tình phụ tử thiêng liêng, sâu đậm – tình yêu thương mà ông Sáu dành cho đứa con gái. 3. Nhận xét, đánh giá: - Có thể nói nhân vật ông Sáu được nhà văn xây dựng bằng những nét nghệ thuật đặc sắc. Nguyễn Quang Sáng đã đặt nhân vật vào cảnh ngộ éo le của đời sống để từ đó ngòi bút miêu tả tâm lí tinh tế đã phát hiện bao cung bậc cảm xúc của tình phụ tử. - Ngôn ngữ kể chuyện vừa truyền cảm, vừa mang đậm chất địa phương Nam Bộ đem đến cho người đọc nhiều xúc động. Đặc biệt, nhà văn đã lựa chọn được một số chi tiết nghệ thuật rất đắt giá như lời dặn mua cho con cây lược của bé Thu, ông Sáu hớn hờ khi kiếm được chiếc ngà voi... Tất cả đã góp phần tô đậm vẻ đẹp của người chiến sĩ Cách mạng, của người cha yêu con nồng thắm. III. Kết bài - Khẳng định thành công của tác giả trong việc thể hiện tình phụ tử thiêng liêng. - Khẳng định giá trị tác phẩm.	

ĐỀ SỐ 90	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

[1] Hôm qua, mình share (chia sẻ) cái clip về tình cảm của động vật hoang dã với người giải cứu nó trên mạng và viết: “Tối một cô tinh tinh bị bỏ rơi, khi được cứu và thả cho trở về rừng, cô còn biết ôm chầm lấy người từng cứu mình”. Mọi người cảm thán quá chừng. Hầu hết nghiêng về hướng “Cứu vật vật trả ơn – cứu nhân nhân trả oán”. Còn mình, thú thật, khi ngắm mãi cái ôm đó của con tinh tinh với người phụ nữ của trạm cứu hộ, khi viết những dòng đó, mình đã nghĩ nhiều hơn đến ý: Đến con vật mà còn biết ôm chầm lấy con người để biểu lộ tình cảm, còn giữa con người chúng ta, vì sao hà tiện làm chỉ những cái ôm?

[2] Mình cứ xem đi xem lại cái ôm thăm thiết, đầy tình cảm thương yêu của cô tinh tinh và cái vỗ vỗ lưng đầy động viên an ủi của người phụ nữ. Mấy lần như một, cứ xem tới đoạn đấy, là nước mắt lại trào ra. Và bạn nghiệm lại đi, đâu phải chỉ có mỗi trường hợp này.

[3] Có phải một trăm lần như một, mỗi lần bạn được ngắm cảnh hai người (hoặc mở rộng ra, chúng sanh nói chung) ôm chầm lấy nhau - dẫu đó là vợ chồng, cha con mẹ con, anh chị em, hay bạn bè, người thân, đồng nghiệp, thậm chí những người xa lạ vì thương cảm hoặc cảm kích nhau mà ôm chầm lấy nhau, trái tim bạn lại trào dâng một dòng cảm xúc ấm áp, tựa như dòng nước chảy xuôi?

[4] Đó, tác động của những cái ôm đó. Không chỉ làm rung cảm những người trong cuộc, mà còn làm những người xung quanh ấm áp lây.

(Lê Đỗ Quỳnh Hương, *Trích Thương còn không hết - ghét nhau chi*, Nxb Trẻ, 2017, tr.57 - 58)

Câu 1 (0.5 điểm): Xác định thành phần khởi ngữ trong đoạn văn số 1.

Câu 2 (0.5 điểm): Khi xem cái clip về tình cảm của động vật hoang dã với người giải cứu nó, tác giả bài viết đã nghĩ về điều gì?

Câu 3 (1.0 điểm): Xác định và nêu tác dụng của một phép tu từ được sử dụng trong đoạn văn số 3.

Câu 4 (1.0 điểm): Em có đồng ý với ý kiến của tác giả về tác động của những cái ôm là “Không chỉ làm rung cảm những người trong cuộc, mà còn làm những người xung quanh ấm áp lây.” không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Viết một đoạn văn khoảng 200 chữ với câu chủ đề: *Là con người, hà tiện làm chỉ những cái ôm.*

Câu 2 (5.0 điểm)

Cảm nhận vẻ đẹp của người lao động qua hai đoạn thơ sau:

Thuyền ta lái gió với buồm trăng

Lướt giữa mây cao với biển bằng,
Ra đậu dặm xa dò bụng biển,
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.

Và:

Câu hát căng buồm với gió khơi,
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.
Mặt trời đội biển nhô màu mới,
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.

(Trích Đoàn thuyền đánh cá, Huy Cận, Ngữ văn 9, tập 1)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Thành phần khởi ngữ trong đoạn văn số 1: "Còn mình"	0,5 điểm
	2	Khi xem cái clip về tình cảm của động vật hoang dã với người giải cứu nó, tác giả bài viết đã nghĩ nhiều hơn đến ý: Đến con vật mà còn biết ôm choàng lấy con người để biểu lộ tình cảm, còn giữa con người chúng ta, vì sao hà tiện làm chỉ những cái ôm?	0,5 điểm
	3	Phép tu từ được sử dụng trong đoạn văn số 3: liệt kê, so sánh. (Các em chỉ cần nêu 1 trong 2) - Liệt kê: "vợ chồng, cha con mẹ con, ...", thậm chí những người xa lạ: để diễn tả đầy đủ, sâu sắc hơn những chủ thể muốn nói tới trong lời văn. - So sánh: So sánh "trái tim bạn lại trào dâng một dòng cảm xúc ấm áp, tựa như dòng nước chảy xuôi" giúp làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho lời văn. khiến cho cái ôm dù là "thương cảm hoặc cảm kích nhau" đều khiến ta cảm thấy thật ấm áp và hạnh phúc biết bao.	1,0 điểm
	4	HS nêu quan điểm của bản thân rồi đưa ra lập luận để làm rõ quan điểm đó	1,0 điểm
II	1	Yêu cầu về hình thức: một đoạn văn khoảng 150 chữ Yêu cầu về nội dung: chủ đề bàn luận: "Là con người, hà tiện làm chỉ những cái ôm." Gợi ý: Sử dụng ngữ liệu đã được cho ở phần đọc hiểu làm dẫn chứng để minh họa.	2,0 điểm
	2	Mở bài:	5,0 điểm

		- Nêu ngắn gọn về bài thơ Đoàn thuyền đánh cá và tác giả Huy Cận. - Trích dẫn 2 đoạn thơ: là Thân bài: Cảm nhận vẻ đẹp của người lao động: Khổ thơ 1: Thuyền ta lái gió với buồm trắng Lướt giữa mây cao với biển bằng, Ra đậu dặm xa dò bụng biển, Dàn đan thế trận lưới vây giăng. Tác giả cho bạn đọc thấy con tàu đánh cá như tàu chiến, những ngư dân như những người anh hùng trên biển khơi: - Hình ảnh mạnh mẽ, hùng tráng: con thuyền đi nhanh như “lái gió”, cánh buồm trắng ôm trọn mặt trăng, thuyền đi “giữa mây cao với biển bằng” - Động từ “lướt”: cảm giác đi như bay, mạnh mẽ ⇒ hình ảnh đẹp, con thuyền được người lao động điều khiển khéo léo, đi trên biển như thuyền có phép lạ bay trên mây. - Việc đánh cá của người lao động được hiển thị thật tài tình và đầy chiến thuật như đi đánh giặc: thuyền ra “dặm xa dò bụng biển”, “Dàn đan thế trận lưới vây giăng”. Khổ thơ 2: Câu hát căng buồm với gió khơi, Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời. Mặt trời đội biển nhô màu mới, Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi. - Tác giả lặp lại một số hình ảnh giống cảnh đoàn thuyền ra khơi ở khổ 1 của bài thơ: câu hát, mặt trời nhưng với những sắc thái mới: - Ngư dân vẫn hát cùng gió khơi, bây giờ là khúc ca ăn mừng thành quả của một đêm lao động miệt mài => khổ thơ cuối giống như điệp khúc của một bài hát, tạo cảm giác tuần hoàn về thời gian, về công việc lao động; nhấn mạnh khí thế tâm trạng của những người dân, tinh thần sôi nổi, khẩn trương - Đoàn thuyền vẫn đi thật nhanh, như “chạy đua	

		cùng mặt trời” để về cho kịp phiên chợ buôn bán => biện pháp khoa trương, hình ảnh nhân hóa => con người và vũ trụ chạy đua trong cuộc vận hành vô tận, con người đã mang tầm vóc lớn lao của thiên nhiên vũ trụ trong cuộc chạy đua này và con người đã chiến thắng - Kết thúc bài thơ chính là cảnh bình minh "Mặt trời đội biển nhô màu mới" => kết thúc một đêm làm việc như bao ngày, người lao động vẫn hoạt động theo như sự tuần hoàn vốn có của thời gian. - Hình ảnh “ mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi” gợi nhiều liên tưởng như những mặt trời nhỏ bé đang tỏa rạng niềm vui trước thành quả lao động mà con người đã giành được sau một đêm lao động trên biển. => đó là cảnh tượng đẹp huy hoàng giữa bầu trời và mặt biển, giữa thiên nhiên và thành quả lao động. Kết bài 2 đoạn thơ đều nói tới vẻ đẹp của con người lao động cũng như sự hòa hợp giữa thiên nhiên và con người: "thiên nhiên cho con người nhiều của cải, con người cũng cần biết ơn thiên nhiên, con người và thiên nhiên là bạn đồng hành qua đó thể hiện niềm tin, niềm vui trước cuộc sống mới, cuộc sống tự do lao động.	

ĐỀ SỐ 91	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) Bấy lâu nay, hình ảnh bộ đội giúp dân mỗi khi có thiên tai hoạn nạn đã thành điều quen thuộc tưởng như một lẽ đương nhiên. Nhưng lần này, khi nạn dịch đổ tai họa lên tất cả mọi người, thì hình ảnh những chiến sĩ bộ đội căng mình vươn ra tuyến đầu, nhận về mình những đêm ngủ ngoài trời, những bữa cơm nuốt vội nơi biên cương hay trong những khu cách ly để làm lá chắn an toàn cho người dân khiến người người đều cảm động, yêu mến hơn.

(2) Bất cứ nơi nào đất nước gọi về để khóa chặt vòng tuyến an toàn cho dân như những chốt chặn kiểm soát đường mòn, lối mở; các bệnh viện dã chiến, các khu cách ly tập trung; những nơi cần phòng độc, khử trùng...thì những áo xanh bộ đội đều có mặt. Những hò hẹn hạnh phúc lứa đôi, những sum vầy ríu rít cha con đều phải tạm khép vì nhiệm vụ với dân, với nước nhưng ai ai cũng vui vẻ, cái vui của đoàn quân ra trận phơi phới niềm tin chiến thắng. Còn nhân dân thì dõi theo các anh từng ngày, với lòng biết ơn vô hạn sự bình yên mà mọi người đang có được từ những hi sinh của các anh.

(Trích *Những đêm ngủ ngoài trời những bữa cơm nuốt vội*, nguồn: <https://tuoitre.vn/hoda-truyen-cam-hung-de-cung-dong-bao-vuot-qua-dai-dich-20200429153836404.htm>)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính? (0,5 điểm)

Câu 2. Tìm phép liên kết hình thức được sử dụng trong đoạn (1) của văn bản. (1,0 điểm)

Câu 3. Nêu tác dụng của phép liên kết đó. (0,5 điểm)

Câu 4. Nội dung chính của văn bản? (1,0 điểm).

II. Làm văn (7.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Từ nội dung trong văn bản ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn ngắn bàn về lòng dũng cảm trong cuộc sống.

Câu 2. (5.0 điểm)

Phân tích hai khổ thơ sau:

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...

(Trích *Viếng lăng Bác*, Viễn Phương, Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr.58)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận	0,5 điểm
	2	Phép liên kết hình thức được sử dụng trong đoạn (1) của văn bản: - Phép nối: "nhưng" - Phép lặp từ ngữ: hình ảnh, bộ đội	1,0 điểm

	3	Tác dụng của phép liên kết: giúp văn bản có sự liên kết giữa các câu trong đoạn văn, liên mạch, tạo ấn tượng và cảm xúc trong lòng người đọc.	0,5 điểm
	4	Nội dung chính của văn bản: - Sự hi sinh thầm lặng, quên mình của những chiến sĩ bộ đội cụ Hồ trên tuyến đầu chống dịch. - Thái độ yêu mến, quý trọng và biết ơn của nhân dân tới những gì các anh đã làm.	1,0 điểm
II	1	1.Mở đoạn: Lòng dũng cảm là một đức tính vô cùng cần thiết đối với mỗi con người. 2. Thân đoạn: a. Giải thích: - Dũng cảm là dám đối mặt với sự thật dù nó có khó khăn và rất gian nan, là không trốn tránh, dám đối đầu với những khó khăn của cuộc sống. - Dũng cảm là dám làm những việc mà người khác không dám làm, là dám đương đầu với những khó khăn thử thách của bản thân, dám đối diện với chính mình. - Lòng dũng cảm luôn hướng tới những điều tốt đẹp, mang lại lợi ích cho con người và xã hội. b. Phân tích, chứng minh - Trong cuộc sống, chúng ta vẫn luôn phải đối mặt với những khó khăn; lòng dũng cảm là sức mạnh để con người có thể vượt lên mọi gian nan thử thách và gặt hái thành công. - Lòng dũng cảm được biểu hiện vô cùng đa dạng: Dám đứng lên vạch trần cái sai, cái xấu để bảo vệ cái đúng, cái tốt trong xã hội; tự nhận ra lỗi sai của bản thân và sửa chữa... - Dũng cảm nhất là vượt lên chính bản thân mình. c. Bàn luận mở rộng - Khẳng định lòng dũng cảm là đức tính quý báu mà mỗi người cần rèn luyện để có được, đặc biệt là thế hệ trẻ. - Phê phán những con người yếu đuối, hèn nhát. d. Bài học: Rèn luyện đức tính dũng cảm từ những việc làm nhỏ nhất... 3. Kết đoạn:	2,0 điểm

		Khẳng định vấn đề	
	2	Câu 2: 1/ Mở bài Giới thiệu tác giả, tác phẩm (đoạn trích) 2/ Thân bài: Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích , đồng thời nói lên tình cảm của bản thân. *Khổ 1: - Câu thơ mở đầu: Như một lời thông báo, giọng điệu trang nghiêm, tha thiết phù hợp với cảm xúc của người con miền Nam lần đầu tiên ra thăm lăng Bác. . - Được tạo nên từ 2 cặp câu với hình ảnh thực và hình ảnh ẩn dụ sóng đôi. "Mặt trời trong lăng" nói lên sự vĩ đại của Bác, biểu hiện sự tôn kính của nhà thơ đối với Bác. - "Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân" là những hình ảnh tu từ đặc sắc, sáng tạo, thể hiện lòng thành kính của nhân dân với Bác. 3/ Kết bài -Khẳng định giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ -Nêu suy nghĩ của bản thân...	5,0 điểm

ĐỀ SỐ 92	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc khổ thơ sau và thực hiện các yêu cầu :

"Tia nắng tia nháy hoài trong ruộng lúa
Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh
Đồi thoa son nằm dưới ánh bình minh
Người mua bán ra vào đầy cổng chợ".

(Trích *Chợ Tết*, Đoàn Văn Cừ)

Câu 1 (0,5 điểm) Em hãy xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của khổ thơ trên .

Câu 2 (0,5 điểm) Tìm những hình ảnh gợi nhắc đến bức tranh thiên nhiên và hoạt động của con người trong khổ thơ trên

Câu 3 (1 điểm) Xác định biện pháp tu từ trong khổ thơ trên và nêu tác dụng của biện pháp tu từ ấy .

Câu 4 (1 điểm) Tìm từ trái nghĩa trong câu thơ: "Người mua bán ra vào đầy cổng chợ ". Nêu tác dụng của cách dùng từ ấy .

Câu 5 (1 điểm) Nêu nội dung khái quát của khổ thơ trên .

II. LÂM VĂN (6 điểm)

Câu 1 (2 điểm). Viết đoạn văn diễn dịch từ 8 đến 10 câu trong đó có câu văn chứa thành phần khởi ngữ (gạch chân dưới thành phần khởi ngữ) với câu chủ đề :

Tuổi trẻ cần biết ước mơ .

Câu 2 (4 điểm) *“Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, Chuyện người con gái Nam Xương thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến, đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ”.*

Phân tích nhân vật Vũ Nương trong “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ để làm sáng tỏ nhận định trên.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
	1	Thể thơ: 8 chữ Phương thức biểu đạt chính của khổ thơ trên là biểu cảm	0,5 điểm
	2	- Hình ảnh gợi nhắc đến bức tranh thiên nhiên: Tia nắng tía, ruộng lúa, núi, đồi, ánh bình minh - Hình ảnh gợi nhắc đến hoạt động của con người: mua bán ra vào	0,5 điểm
	3	- Biện pháp tu từ trong khổ thơ trên: nhân hóa: nháy hoà, uốn mình, thoa son - Tác dụng: + Diễn đạt sinh động, giàu hình ảnh + Ngợi ca bức tranh quê hương yên bình, hạnh phúc. Bức tranh mang vẻ đẹp tinh khôi, trong trẻo, rực rỡ sắc màu, đầy sức sống trong buổi sáng mùa xuân. + Thể hiện tình yêu quê hương tha thiết của tác giả.	1,0 điểm
	4	Từ trái nghĩa trong câu thơ: mua - bán, ra - vào - Tác dụng: Làm nổi bật sự đông vui, tấp nập, nhộn nhịp của phiên chợ Tết.	1,0 điểm

	5	- Nội dung chính của khổ thơ: Cảm xúc yêu mến hân hoan của tác giả khi ngắm nhìn sự đổi thay của bức tranh thiên nhiên nơi làng quê khi mùa xuân đến, với những hình ảnh tươi mới sinh động, rực rỡ sắc màu của cảnh vật và hoạt động tấp nập, nhộn nhịp của con người. Qua đó ngợi ca cuộc sống bình yên, no ấm, hạnh phúc.	1,0 điểm
	1	Yêu cầu về hình thức: - Đoạn văn diễn dịch từ 8 đến 10 câu - Có câu văn chứa thành phần khởi ngữ (gạch chân dưới thành phần khởi ngữ) Yêu cầu về nội dung: Tuổi trẻ cần biết ước mơ . Thí sinh có thể triển khai nội dung câu chủ đề theo nhiều hướng, miễn là hợp lí, đúng đắn và làm sáng tỏ được chủ đề, có thể tham khảo gợi ý sau: - Ước mơ là những điều tốt đẹp mà mỗi chúng ta mong muốn đạt được. Ước mơ chính là khát vọng, động lực để tuổi trẻ vượt qua khó khăn, vượt qua giới hạn của bản thân, đứng dậy sau những vấp ngã, vững bước đi đến thành công. - Bước vào thời đại 4.0 tuổi trẻ càng cần biết ước mơ để tránh xa những cám dỗ, cống hiến sức lực, trí tuệ cho xã hội. - Để đạt được ước mơ chúng ta cần ra sức rèn luyện học tập, tu dưỡng đạo đức, để chuẩn bị những tư trang cần thiết cho con đường đi tới ước mơ của mình. - Tuổi trẻ không có ước mơ sẽ không có động lực để vượt qua khó khăn, vượt qua giới hạn bản thân để vươn lên.	2,0 điểm
	2	I.Mở bài - Tác giả: Nguyễn Dữ là người sống ở thế kỷ XVI, thời kì triều đình nhà Lê bắt đầu khủng hoảng, các tập đoàn phong kiến Lê Mạc, Trịnh giành quyền bính, gây ra các cuộc nội chiến kéo dài. Ông học rộng, tài cao nhưng chỉ làm quan một năm rồi xin nghỉ về nhà nuôi mẹ già và viết sách, sống ẩn dật như nhiều trí thức đương thời. - Tác phẩm: “<i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>” là một trong 20 truyện của “<i>Truyền kỳ mạn lục</i>”	4,0 điểm

	(Ghi chép tản mạn những điều kỳ lạ vẫn được lưu truyền). “<i>Truyện kỳ mạn lục</i>” được viết bằng chữ Hán, khai thác các truyện cổ dân gian và truyền thuyết lịch sử, dã sử của Việt Nam. Nhân vật chính thường là những người phụ nữ đức hạnh, khao khát cuộc sống bình yên, hạnh phúc, nhưng các thế lực tàn bạo cùng lễ giáo phong kiến khắc nghiệt lại xô đẩy họ vào những cảnh ngộ éo le, oan khuất và bất hạnh. - Trích dẫn nhận định: “.....”. II. Thân bài 1. Số phận oan nghiệt của Vũ Nương - Tình duyên ngang trái Nguyễn Dữ đã cảm thương cho Vũ Nương người phụ nữ nhan sắc và đức hạnh lại phải lấy Trương Sinh, một kẻ vô học hồ đồ vũ phu. Thương tâm hơn nữa, người chồng còn “có tính đa nghi” nên đối với vợ đã “phòng ngừa quá sức”. - Mòn mỏi đợi chờ, vất vả gian lao. Đọc tác phẩm, ta thấy được nỗi niềm đau đớn của nhà văn với Vũ Nương – người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Đó là sự xót xa cho hoàn cảnh éo le của người phụ nữ: lấy chồng chưa được bao lâu, “<i>chưa thỏa tình chẵn gối, chia phôi vì động việc lửa binh</i>”, nàng đã phải tiễn biệt chồng lên đường đi đánh giặc Chiêm. Cảnh tiễn đưa chồng của Vũ Nương mới ái ngại xiết bao. Nàng rót chén rượu đầy ứa hai hàng lệ: “<i>Chàng đi chuyến này... mẹ hiền lo lắng</i>”. Thật buồn thương cho Vũ Nương, trong những ngày vò võ một mình ngóng trông tin chồng với bao nhớ thương vời vợi: “<i>Mỗi khi... ngẩn được</i>”. Hẳn rằng Nguyễn Dữ vô cùng đau đớn cho Vũ Nương nên chỉ cần một câu văn ấy cũng đủ làm người đọc cảm thấy xót xa với người mệnh bạc có chồng chia xa. Tâm trạng nhớ thương đau buồn ấy của Vũ Nương cũng là tâm trạng chung của những người chinh phụ trong thời phong kiến loạn lạc. Trương Sinh đi, để lại gánh nặng gia đình, để lại gánh nặng cho người vợ trẻ. Vũ Nương thay chồng vất vả nuôi mẹ, nuôi con.	

	Sau khi mẹ chồng mất, chỉ còn hai mẹ con Vũ Nương trong căn nhà trống vắng cô đơn. Đọc đến những dòng tả cảnh đêm, người vợ trẻ chỉ biết san sẻ buồn vui với đứa con thơ dại, chúng ta không khỏi chạnh lòng thương xót cho mẹ con nàng. - Cái chết thương tâm (Nỗi oan khuất của Vũ Nương) Qua năm sau, “<i>Việc quân kết thúc</i>”, Trương Sinh từ miền xa chinh chiến trở về, nhưng Vũ Nương không được hưởng hạnh phúc trong cảnh vợ chồng sum họp. Chỉ vì chuyện chiếc bóng qua miệng đứa con thơ mới tập nói mà Trương Sinh lại đinh ninh rằng vợ mình hư hỏng nên “<i>mắng nhiếc</i>” và “<i>đánh đuổi đi</i>”. Trương Sinh đã bỏ ngoài tai mọi lời bày tỏ van xin đến róm máu của vợ, mọi sự “<i>biện bạch</i>” của họ hàng làng xóm. Vũ Nương bị chồng đẩy vào bi kịch, bị vu oan là vợ mất nết hư thân: “<i>Nay đã bình rơi... Vọng Phu kia nữa</i>”. Bi kịch Vũ Nương là bi kịch gia đình từ chuyện chồng con, nhưng nguyên nhân sâu xa là do chiến tranh loạn lạc gây nên. Chỉ một thời gian ngắn, sau khi Vũ Nương tự tử, một đêm khuya dưới ngọn đèn, chợt đứa con nói rằng: “<i>Cha Đản lại đến kia kia</i>”. Lúc bấy giờ Trương Sinh “<i>mới tỉnh ngộ thấu nỗi oan của vợ, nhưng việc trót đã qua rồi</i>”. Người đọc xưa cũng chỉ biết thở dài, cùng Nguyễn Dữ xót thương cho người con gái Nam Xương và bao phụ nữ bạc mệnh khác trong cõi đời. - Nỗi oan cách trở Hình ảnh Vũ Nương ngồi kiệu hoa, phía sau có năm mươi chiếc xe cờ tán vông lộng rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện... là những chi tiết hoang đường, nhưng đã tô đậm nỗi đau của người phụ nữ “<i>bạc mệnh</i>” duyên phận hẩm hiu, có giá trị tố cáo lễ giáo phong kiến vô nhân đạo. Câu nói của hồn ma Vũ Nương giữa dòng sông vọng vào: “<i>Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa</i>” làm cho nỗi đau của nhà văn thêm phần bi thiết. Nỗi oan tình của Vũ Nương được minh oan	

	và giải toả, nhưng âm – dương đã đôi đường cách trở, nàng chẳng thể trở lại nhân gian và cũng không bao giờ còn được làm vợ, làm mẹ. 2. Về đẹp truyền thống của Vũ Nương - Người con gái “<i>thùy mị, nết na</i>” và “<i>tư dung tốt đẹp</i>” - Tác giả đã giới thiệu về Vũ Nương với một chi tiết thật ngắn gọn, khái quát “<i>Tính đã thùy mị, nết na lại thêm có tư dung tốt đẹp</i>”. Nàng là một cô gái danh giá nên Trương Sinh, con nhà hào phú “<i>mến vì dung hạnh</i>” đã xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về. - Người vợ thủy chung + Trong đạo vợ chồng, Vũ Nương là một người phụ nữ khéo léo, đôn hậu, biết chồng có tính “<i>đa nghi</i>” nàng đã “<i>giữ gìn khuôn phép</i>” không để xảy ra cảnh vợ chồng phải “<i>thất hoà</i>”. + Khi tiễn chồng đi lính, Vũ Nương rót chén rượu đầy chúc chồng “<i>được hai chữ bình yên</i>”. Nàng chẳng mong được đeo ấn phong hầu mặc áo gấm trở về quê cũ. Ước mong của nàng thật bình dị, vì nàng đã coi trọng hạnh phúc gia đình hơn mọi công danh phù phiếm ở đời. Vũ Nương còn thể hiện niềm cảm thông trước nỗi vất vả, gian lao mà chồng phải chịu đựng và nói lên nỗi khắc khoải nhớ nhung của mình: “<i>Nhìn trăng soi... bay bổng</i>” + Khi xa chồng, Vũ Nương là người vợ thủy chung, yêu chồng tha thiết, nỗi buồn nhớ dài theo năm tháng. + Khi bị chồng nghi oan, nàng đã phân trần để chồng hiểu rõ tấm lòng mình. Nàng còn nói đến thân phận mình và nghĩa tình vợ chồng để khẳng định tấm lòng thủy chung trong trắng, cầu xin chồng đừng nghi oan, nghĩa là đã hết lòng tìm cách hàn gắn hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ. Nàng nhảy xuống sông Hoàng Giang tự tử để tỏ rõ là người phụ nữ “<i>đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn son</i>”, mãi mãi soi tỏ với đời “<i>vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu Mi</i>”. Ở dưới thủy cung, tuy Vũ Nương có oán	

	trách Trương Sinh, nhưng nàng vẫn thương nhớ chồng con, quê hương và khao khát được trả lại danh dự: <i>“Có lẽ không thể ... tìm về có ngày”</i>. - Người mẹ hiền, dâu thảo + Vũ Nương là người phụ nữ đảm đang và giàu tình thương mến. Chồng ra trận mới được một tuần, nàng đã sinh con. Mẹ chồng già yếu, ốm đau, nàng <i>“hết sức thuốc thang”</i>, <i>“ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn”</i>. Vừa phụng dưỡng mẹ già, vừa chăm sóc nuôi dạy con thơ. Lúc mẹ chồng qua đời, nàng đã <i>“hết lời thương xót”</i>, việc ma chay tế lễ được lo liệu, tổ chức rất chu đáo. + Lời của người mẹ chồng trước lúc chết chính là lời ghi nhận công ơn của nàng với gia đình nhà chồng: <i>“Sau này... chẳng phụ mẹ”</i>. Đó là cách đánh giá thật xác đáng và khách quan. Xưa nay cũng hiếm có lời xác nhận tốt đẹp của mẹ chồng đối với nàng dâu. Điều đó chứng tỏ Vũ Nương là một nhân vật có phẩm hạnh hoàn hảo, trọng đạo nghĩa làm vợ, làm dâu và làm mẹ. Tác giả khẳng định một lần nữa trong lời kể: <i>“Nàng hết lời ... cha mẹ đẻ mình”</i>. - Người phụ nữ lý tưởng trong xã hội phong kiến + Qua hình tượng Vũ Nương, người đọc thấy trong Vũ Nương cùng xuất hiện ba con người tốt đẹp: nàng dâu hiếu thảo, người vợ đảm đang chung thủy, người mẹ hiền đôn hậu. Ở nàng, mọi cái đều sáng tỏ và hoàn hảo đến mức tuyệt vời. Đó là hình ảnh người phụ nữ lý tưởng trong xã hội phong kiến ngày xưa. 3. Đánh giá - Bi kịch của Vũ Nương là một lời tố cáo xã hội phong kiến xem trọng quyền uy của những kẻ giàu có và những người đàn ông trong gia đình. Những người phụ nữ đức hạnh ở đây không được bênh vực, chở che mà còn bị đối xử bất công, vô lí. Những vẻ đẹp của Vũ Nương rất tiêu biểu cho người phụ nữ Việt Nam từ xưa đến nay. Thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của Vũ Nương và khẳng định vẻ đẹp truyền thống của	

	nàng, tác phẩm đã thể hiện giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc. - Liên hệ so sánh với những tác phẩm viết về nỗi bất hạnh của người phụ nữ và ca ngợi vẻ đẹp của họ: Văn học dân gian, “<i>Truyện Kiều</i>” – Nguyễn Du, thơ Hồ Xuân Hương, “<i>Chinh phụ ngâm</i>” – Đoàn Thị Điểm, “<i>Cung oán ngâm khúc</i>” – Nguyễn Gia Thiều... III. Kết bài Khẳng định vấn đề	

ĐỀ SỐ 93	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Mỉm cười là một trạng thái tinh thần đặc biệt.

Khác với bản thân cái cười. Cái cười cần và phải có đối tượng rõ ràng. Không có người ta bảo mình “có vấn đề rồi”.

Mỉm cười đến từ xa xôi, xa xôi đến mức có vẻ như mỉm cười là tự thân. Mỉm cười là trạng thái trong lành, thân thiện đang tay vui đón vũ trụ, hoà vui cuộc đời. Như tia nắng xuân mềm mại, mỏng manh, rụt rè, vô tư lự hé chào khu vườn cuối đông. [...]Thật là vui khi nhìn thấy cái mỉm cười ở trong cái cười của ai đó, của những người bạn của mình.

Chúc mỗi bạn bè ta, mỗi sáng trước khi ra cửa, mỉm cười.

(Theo Hoàng Hồng Minh, *Lòng người mệnh mang*, NXB Văn hóa thông tin, 2014)

Câu 1 (1 điểm). Kể trên 02 phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2 (0,5 điểm). Chỉ ra phép liên kết giữa hai câu văn sau: "xa xôi đến mức có vẻ như mỉm cười là tự thân. Mỉm cười là trạng thái trong lành, thân thiện đang tay vui đón vũ trụ, hoà vui cuộc đời".

Câu 3. (0,5 điểm). Theo tác giả, tại sao "mỉm cười" khác với "cái cười"?

Câu 4 (1.0 điểm) "Chúc bạn bè ta mỗi sáng trước khi ra cửa, mỉm cười". Câu nói trên cho em lời khuyên gì về thái độ sống?

II. LÀM VĂN (7,0 ĐIỂM)

Câu 1. (2,0 điểm)

Cần tôn trọng sự riêng tư của người khác.

Hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ của em về ý kiến trên.

Câu 2 (5,0 điểm).

Phân tích nhân vật anh thanh niên qua đoạn trích sau:

- Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:
- Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Và, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả "thèm" hờ bác? Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy. Bác lái xe đi, về Lai Châu cứ đến đây dừng lại một lát.. Không vào giờ "ốp" là cháu chạy xuống chơi, lâu thành lệ. Cháu bỗng dừng tự hỏi: Cái nhớ xe, nhớ người ấy thật ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phần hoa đô hội thì xoàng. Cháu ở liền trong trạm hàng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lại phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói: "Đây, bác cũng chẳng thèm người là gì?"

Anh xoay sang người con gái đang một mắt đọc cuốn sách, một mắt lắng nghe, chân cô đứng đưa khe khẽ, nói:

- Và cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện. Nghĩa là có sách ấy mà. Mỗi người viết một vẽ.

- Quê anh ở đâu thế? - Họa sĩ hỏi.

- Quê cháu ở Lào Cai này thôi. Năm trước, cháu tưởng cháu được đi xa lắm cơ đấy, hóa lại không. Cháu có ông bố tuyệt lắm. Hai bố con cùng viết đơn xin ra lính đi mặt trận. Kết quả: bố cháu thắng cháu một - không. Nhân dịp Tết, một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đấy. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói: nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế. Chú lái máy bay có nhắc đến bố cháu, ôm cháu mà lắc "Thế là một - hoà nhé!". Chưa hòa đâu bác ạ. Nhưng từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc. Ở, bác vẽ cháu đấy ư? Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn... .

(**Lặng lẽ Sa Pa**, Nguyễn Thành Long, SGK Ngữ Văn 9, tập 1, NXBGD)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	2 phương thức biểu đạt chính là thuyết minh và nghị luận.	1,0 điểm
	2	Phương pháp liên kết: phép lặp ("mỉm cười")	0,5 điểm
	3	Theo tác giả thì mỉm cười là một trạng thái tinh thần đặc biệt và nó đến từ xa xôi đến mức có vẻ	0,5 điểm

		như mỉm cười là tự thân hay hiểu thành mỉm cười là do chính tự thân - một phản xạ tự nhiên của con người. Còn cái cười lại cần phải có đối tượng rõ ràng cụ thể hay cái cười xảy ra khi có tác động của sự vật sự việc quanh ta.	
	4	"Chúc bạn bè ta, mỗi sáng trước khi ra cửa, mỉm cười" mang đến cho ta thông điệp: Hãy đón ngày mới bằng niềm vui, niềm tin và hạnh phúc, mỉm cười để bắt đầu một ngày thật tốt đẹp hơn.	1,0 điểm
II	1	HS làm theo gợi ý sau Thứ nhất: Khẳng định ý kiến trên là đúng, sau đó các em cần phân tích từng khía cạnh. - Tôn trọng là sự đánh giá đúng mực, coi trọng danh dự, phẩm giá và lợi ích của người khác, thể hiện lối sống văn hóa của mỗi người. - Sự riêng tư của người khác: chính là đời sống cá nhân, tình cảm của người đó trong cuộc sống hàng ngày. => Khẳng định ý kiến : "Cần tôn trọng sự riêng tư của người khác" là vô cùng cần thiết. Là cách tốt nhất để duy trì quan hệ tốt đẹp trong xã hội	2,0 điểm
	2	1. Mở bài: Giới thiệu tác giả, đoạn trích - Tác giả Nguyễn Thành Long: + Là một nhà văn Việt Nam, Nguyễn Thành Long sinh tại huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, nguyên quán ở Quy Nhơn, Bình Định + Ông có nhiều tác phẩm văn học đặc sắc như: Bức cơm Cự Hồ (1952), Gió bắc gió nồm (1956), Hướng điền (1957), Chuyện nhà chuyện xưởng (1962), Trong gió bão (1963), Gang ra (1964), Những tiếng vỗ cánh (1967), Giữa trong xanh (1972), Nửa đêm về sáng (1978), Lý Sơn mùa tỏi (1980), Sáng mai nao, xế chiều nào (1984),... - Tác phẩm <i>Lặng lẽ Sapa</i>: + Tác phẩm xoay quanh cuộc gặp gỡ của bốn nhân vật + Qua câu chuyện ta có thể thấy được nhiều phẩm chất tốt đẹp của anh thanh niên + Tác phẩm xây dựng hình tượng nhân vật độc	5,0 điểm

		đảo + Đoạn trích nằm trong đoạn hội thoại của anh thanh niên với ông họa sĩ qua đó bộc lộ vẻ đẹp trong tính cách của người thanh niên. 2. Thân bài: Phân tích nhân vật anh thanh niên qua đoạn trích cuộc đối thoại với ông họa sĩ <i>* Hoàn cảnh sống và làm việc:</i> - Nhân vật chính trong truyện làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu. Sống một mình trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m, quanh năm suốt tháng giữa cổ cây và mây núi Sa Pa. Công việc của anh là: “đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dựa vào công việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu”. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao (nửa đêm đúng giờ ộp thì dù mưa tuyết, giá lạnh thế nào cũng phải trở dậy ra ngoài trời làm công việc đã quy định). - Nhưng cái gian khổ nhất là phải vượt qua được sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng một mình trên đỉnh núi cao không một bóng người – một hoàn cảnh thật đặc biệt. <i>* Những nét đẹp trong việc làm, cách sống, suy nghĩ, tình cảm và quan hệ với mọi người.</i> - Vượt lên hoàn cảnh sống, những vất vả của công việc, anh có những suy nghĩ rất đẹp: - Anh đã có những suy nghĩ thật đúng, thật giản dị mà sâu sắc về công việc, về cuộc sống. Có lẽ đây là những tâm sự chân thành và sâu sắc nhất của anh: “ Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt...mình vì ai mà làm việc”. Dù đang một mình nhưng anh tự hiểu mình đang cùng với bao nhiêu người khác làm việc, làm việc vì con người, vì cuộc sống, nên không còn thấy cô đơn nữa. - Anh có những suy nghĩ thật đúng và sâu sắc về công việc đối với cuộc sống con người: “khi ta làm việc, ta với công việc là một, sao lại gọi là	

		một mình được” và anh hiểu rằng công việc của anh còn gắn với công việc của bao anh em đồng chí dưới kia. “Công việc của cháu gian khổ thật đấy chứ vất vả đi, cháu buồn đến chết mất”. - Ý thức về công việc và lòng yêu nghề, thấy được ý nghĩa cao quý trong công việc thầm lặng của mình. Anh không tô đậm cái gian khổ của công việc, nhưng anh nhấn mạnh niềm hạnh phúc khi biết được mình góp phần phát hiện kịp thời một đám mây khô mà nhờ đó “ không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng” - Anh còn biết tìm đến những niềm vui lành mạnh để cân bằng cuộc sống tinh thần của mình. Cuộc sống của anh không còn cô đơn, buồn tẻ khi anh biết lấy sách làm người bạn tâm tình, biết tổ chức cuộc sống của mình một cách ngăn nắp, tươi tắn (trồng hoa, nuôi gà). Thế giới riêng của anh là công việc “ Một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm. Cuộc đời anh thu gọn lại một góc trái gian với chiếc giường con, một chiếc bàn học, một giá sách” <i>* Ở người thanh niên ấy còn có nhiều nét tính cách và phẩm chất rất đáng mến</i> - Anh đếm từng phút vì sợ hết mất ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý báu: “ Bác lái xe chỉ cho ba mươi phút thôi. Hết năm phút rồi. Cháu nói qua công việc của cháu năm phút. Còn hai mươi phút, mời cô và bác vào nhà uống chè, cho cháu nghe chuyện. Cháu thèm nghe chuyện dưới xuôi lắm”, “ Trời ơi chỉ còn có năm phút !” - Anh còn người khiêm tốn thành thực, cảm thấy công việc và những đóng góp của mình chỉ là nhỏ bé. Khi ông họa sĩ muốn vẽ chân dung anh, anh không dám từ chối để khỏi vô lễ, nhưng anh nhiệt thành giới thiệu những người khác mà anh thực sự cảm phục. => Dù anh thanh niên chỉ xuất hiện trong khoảng khắc nhưng bằng những chi tiết tiêu biểu, tác giả	

		đã phác hoạ được chân dung nhân vật với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa của công việc. 3. Kết bài: - Nêu cảm nghĩ của em về phẩm chất con người tốt đẹp của anh thanh niên. - Qua câu chuyện về anh thanh niên, tác phẩm cũng gợi ra những vấn đề về ý nghĩa và niềm vui của lao động tự giác, vì những mục đích chân chính đối với con người: dù trong hoàn cảnh đơn độc giữa thiên nhiên vắng lặng quanh năm mà con người vẫn không cô đơn buồn tẻ khi người ta tìm thấy ý nghĩa của công việc và cuộc sống của mình.	

ĐỀ SỐ 94	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4

Mỗi người đều có một ước mơ riêng cho mình. Có những ước mơ nhỏ nhoi như của cô bé bán diêm trong truyện cổ An-đéc-xen: một mái nhà trong đêm đông giá buốt. Cũng có những ước mơ lớn lao làm thay đổi cả thế giới như của tỷ phú Bill Gates. Mơ ước khiến chúng ta trở nên năng động một cách sáng tạo. Nhưng chỉ mơ thôi thì chưa đủ. Ước mơ chỉ trở thành hiện thực khi đi kèm với hành động và nỗ lực thực hiện ước mơ... Tất cả chúng ta đều phải hành động nhằm biến ước mơ của mình thành hiện thực.

[..] Ngày bạn thôi mơ mộng là ngày cuộc đời bạn mất hết ý nghĩa. Những người biết ước mơ là những người đang sống cuộc sống của các thiên thần. Ngay cả khi giấc mơ của bạn không bao giờ trọn vẹn, bạn cũng sẽ không phải hối tiếc vì nó. Như Đôn Ki-hô-tê đã nói: “Việc mơ những giấc mơ diệu kỳ là điều tốt nhất một người có thể làm”.

Tôi vẫn tin vào những câu chuyện cổ tích - nơi mà lòng kiên nhẫn, ý chí bền bỉ sẽ được đền đáp. Hãy tự tin tiến bước trên con đường mơ ước của bạn.

(*Quà tặng cuộc sống* - Thu Quỳnh và Hạnh Nguyên dịch, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr.56-57)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích. (0,5 điểm)

Câu 2. Tìm và gọi tên thành phần biệt lập được sử dụng trong câu sau: Tôi vẫn tin vào những câu chuyện cổ tích - nơi mà lòng kiên nhẫn, ý chí bền bỉ sẽ được đền đáp. (1,0 điểm)

Câu 3. Việc tác giả dẫn ra ước mơ của cô bé bán diêm trong truyện cổ tích An-đéc-xen và ước mơ của tỷ phú Bill Gates trong đoạn trích có tác dụng gì? (0,5 điểm)

Câu 4. Em có đồng tình với ý kiến sau không? Vì sao? (1,0 điểm)

Ước mơ chỉ trở thành hiện thực khi đi kèm với hành động và nỗ lực thực hiện ước mơ.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ về vai trò của ước mơ trong cuộc đời của mỗi người.

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về bức tranh mùa xuân trong đoạn thơ sau

Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Ôi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng.

(Thanh Hải, *Mùa xuân nho nhỏ*)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính là nghị luận.	0,5 điểm
	2	Thành phần biệt lập phụ chú: "nơi mà lòng kiên nhẫn, ý chí bền bỉ sẽ được đền đáp."	1,0 điểm
	3	Việc tác giả dẫn ra ước mơ của cô bé bán diêm trong truyện cổ tích An-đéc-xen: "ước mơ có một mái nhà trong đêm đông giá buốt" và ước mơ của tỷ phú Bill Gates: "làm thay đổi cả thế giới" nhấn mạnh mỗi người đều có những ước mơ của riêng mình, bất kể là lớn lao hay nhỏ bé thì đều là những ước mơ đáng quý, đáng trân trọng.	0,5 điểm
	4	Đồng ý. Vì hành động và nỗ lực cố gắng là con	1,0 điểm

		đường đi đến ước mơ nhanh nhất. Nếu bạn chỉ ước mơ mà không hành động và nỗ lực cố gắng thực hiện ước mơ đó thì ước mơ mãi chỉ là ước mơ mà thôi.	
II	1	I.Mở đoạn: Giới thiệu vai trò của ước mơ trong đời sống con người. II. Thân đoạn 1. Giải thích: - Ước mơ: là điều tốt đẹp ở phía trước mà con người tha thiết, khao khát, ước mong hướng tới, đạt được. 2. Bàn luận: * Vai trò và ý nghĩa của ước mơ trong cuộc sống của con người như thế nào? - Ước mơ có thể vĩ đại hay nhỏ bé nhưng phàm đã là con người thì ai cũng có ước mơ. Chính ước mơ làm cho cuộc sống của mỗi người thêm tươi đẹp, ý nghĩa, chỉ khi con người nỗ lực vươn lên biến ước mơ thành hiện thực khi đó con người đã làm cho cuộc đời mình và cuộc đời chung thêm ý nghĩa, tươi đẹp. - Ước mơ là động lực giúp con người phát triển và hoàn thiện mình hơn, giúp con người vượt qua khó khăn, thử thách của bản thân. - Ước mơ là phần lãng mạn giúp con người làm việc hiệu quả, yêu cuộc sống hơn, giúp tâm hồn con người trở nên đẹp hơn. - Ước mơ chính là ngọn đuốc soi sáng trong tim mỗi chúng ta nó hướng chúng ta tới những điều tốt đẹp. - Ước mơ cũng chính là mong muốn được cống hiến sức lực của mình cho xã hội và khi chúng ta đạt được ước mơ cũng là lúc chúng ta được thừa nhận năng lực của mình. - Con đường dẫn tới ước mơ cũng vô cùng khó khăn, không phải lúc nào cũng dễ dàng đạt được, nhưng với những người kiên trì, bền chí, thì ước mơ sẽ giúp cho bạn định hướng cho tương lai của mình một cách tốt đẹp nhất. * Cuộc sống mà không có ước mơ thì sẽ như thế	2,0 điểm

	nào? - Ước mơ là điều mà ai cũng nên có và cần có trong cuộc sống bởi nếu không có ước mơ cuộc sống của bạn sẽ mất phương hướng vô định. - Cần phân biệt ước mơ chính đáng với những thứ ảo vọng, hảo huyền - Không có ước mơ bạn sẽ không xác định được mục tiêu sống của mình là gì. Chính vì không xác định được phương hướng sẽ dẫn tới bạn sẽ sống hoài sống phí, và trở thành người tụt hậu bị bạn bè, xã hội bỏ lại phía sau. 3. Bài học - Bản thân em đã có những ước mơ của riêng mình không? Và em đã làm gì để từng bước thực hiện ước mơ đó ? - Mỗi người chúng ta hãy nuôi dưỡng cho mình một ước mơ, hi vọng. Nếu ai đó sống không có ước mơ, khát vọng thì cuộc đời tẻ nhạt, vô nghĩa biết nhường nào! - Rút ra bài học: Phải không ngừng học tập, rèn ý chí, trau dồi kỹ năng sống để biết ước mơ và biến ước mơ thành hiện thực. III. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề	
2	1/ Mở bài: - Giới thiệu về tác giả, tác phẩm (đoạn trích) 2/ Thân bài: Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ. Nội dung: Bức tranh thiên nhiên hiền hòa, nên thơ; tâm trạng say sưa, ngây ngất của nhà thơ. - Hình ảnh mùa xuân: không gian khoáng đạt, tươi mát; màu sắc...âm thanh rộn rã, ngân vang (Dòng sông xanh, bông hoa tím, tiếng chim hót.) - Tâm trạng của nhà thơ: Say sưa ngây ngất, trân trọng, nâng niu cảnh đất trời vào xuân - Nghệ thuật: Đảo ngữ; ngôn từ, hình ảnh đậm chất Huế; ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.	5,0 điểm

		3/ Kết bài - Khẳng định giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ - Nêu suy nghĩ của bản thân...	

ĐỀ SỐ 95	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

THƯA THẦY

- Tạ Nghi Lễ -

Thưa thầy, bài học chiều nay
 Con bỏ quên ngoài cửa lớp
 Dưới gốc phượng già, nằm nghe chim hót
 Con hóa mình thành bướm và hoa
 Thưa thầy bài tập hôm qua
 Con bỏ vào ngăn khóa kín
 Mãi lượn lờ theo từng vòng sóng
 Cái ngã điệu dàng, sân trượt patin
 Thưa thầy, bên ly cà phê đen
 Con đốt thời gian bằng khói thuốc
 Sống cho mình và không bao giờ mơ ước
 Mình sẽ là ai? Tôi sẽ là ai?
 Thưa thầy, qua ngõ nhà thầy khuya nay
 Con vẫn thấy một vầng trăng ấm sáng
 Thầy ngồi bên bàn phẳng lặng
 Soạn bài trong tiếng ho khan
 Thưa thầy, cho là nhận: điều giản đơn
 Sao con học hoài không thuộc
 Để bây giờ khi con hiểu được
 Biết làm sao tạ lỗi cùng thầy

(Theo Minh Châu, *Thư thầy, bài học chiều nay*,...24/11/2012)

Câu 1: Xác định thể thơ của văn bản. (0.5 điểm)

Câu 2: Cậu học trò dành phần lớn thời gian để làm những việc gì? (0.5 điểm)

Câu 3: Vì sao “tiếng ho khan” của thầy đã làm chuyển biến nhận thức, tình cảm của cậu học trò (1,0 điểm)

Câu 4:

a) Gọi tên hai thành phần biệt lập trong khổ thơ cuối. (0.5 điểm)

b) Đặt câu có thành phần biệt lập thể hiện tác động tích cực của bài thơ đối với bản thân. (0.5 điểm)

II. LÀM VĂN: (7.0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề: *Cần biết quý trọng thời gian.*

Câu 2: (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn những cô thanh niên xung phong trong [truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi](#) (Lê Minh Khuê).

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Thể thơ của văn bản trên: Tự do	0,5 điểm
	2	Cậu học trò dành phần lớn thời gian để làm những việc: nằm nghe chim hót dưới gốc phượng già, trượt patin, hút thuốc và uống cà phê - sống cho mình, không bao giờ ước mơ.	0,5 điểm
	3	Tiếng ho khan” của thầy đã làm chuyển biến nhận thức, tình cảm của cậu học trò vì: khi thầy nhọc lòng soạn bài trong đêm khuya, dù có mệt mỏi, có ốm nhưng cậu học trò lại phụ công thầy khi không học thuộc được bài học thầy cho. => từ đó cậu học trò mới hiểu rằng mình đã nhận được từ thầy vô vàn điều quý giá nhưng mình lại phụ lại tấm lòng của thầy.	1,0 điểm
	4	a) Hai thành phần biệt lập trong khổ thơ cuối: - Phụ chú: ": điều giản đơn" - Gọi đáp: "Thưa thầy" b) Đặt câu có thành phần biệt lập thể hiện tác động tích cực của bài thơ đối với bản thân: Ví dụ: Thầy ơi, những bài học thầy giảng như những điều trân quý nhất con từng được nhận, cảm ơn thầy đã đùm bọc chúng con thời gian qua.	1,0 điểm

II	1	I. Mở đoạn - Dẫn dắt vào vấn đề: Có người từng nói: "Người nào dám lãng phí một giờ đồng hồ nhẽ là chưa phát hiện giá trị của cuộc sống". Thời gian là thứ có giá trị không thể nào đong đếm được. II. Thân đoạn 1. Bàn luận, phân tích - Thời gian là một thứ trừu tượng, trôi qua từng ngày, ta không cảm nhận thời gian một cách trực quan như nhìn hay chạm vào, ta cảm sự trôi chảy của thời gian qua sự thay đổi của sự vật tồn tại xung quanh mình. - Thời gian là thứ tiền bạc không thể mua được, một đi không trở lại, một khi đã qua đi không thể nào lấy lại được. Nếu để lỡ mất thời gian dù có hối tiếc cũng thể lấy lại được. ("Nếu một người cho bạn thời gian của của mình, anh ta không thể cho bạn món quà nào quý giá hơn nữa") - Thời gian giúp vạn vật vận động theo đúng quy luật, trình tự của nó (con người, cây cối trưởng thành rồi chết đi, xã hội cũng thay đổi theo thời gian). - Thời gian giúp con người tích lũy được giá trị, không chỉ vật chất mà quan trọng hơn là tinh thần, nếu biết tận dụng tốt sẽ tích sẽ khiến giá trị bản thân tăng lên (trưởng thành hơn, hiểu biết hơn, ...) - Thời gian giúp thay đổi suy nghĩ, tình cảm của con người: giúp xóa nhòa nỗi đau, hận thù, thậm chí làm phai nhạt tình cảm yêu thương, thay đổi tính tình của con người. 2. Mở rộng vấn đề - Quý trọng thời gian không có nghĩa là phải sống gấp gáp, chạy theo thời gian mà là biết trân trọng từng giây, sống hết mình, cống hiến hết mình cho cuộc đời. - Không chỉ dành thời gian ra để làm việc như một cỗ máy mà cũng cần cả thời gian nghỉ ngơi hợp lí, quan tâm yêu thương mọi người xung quanh có như vậy mới là tận dụng hết giá trị đích	2,0 điểm

	thực của thời gian. - Ngày nay vẫn còn một bộ phận giới trẻ chưa biết quý trọng giá trị của thời gian, để thời gian trôi đi vô nghĩa, không tích lũy được giá trị cho bản thân: VD: chỉ biết vui chơi, thay vì tận dụng thời gian để học lại sa vào trang mạng xã hội than thở học vất vả, ... 3. Liên hệ bản thân - Cần có thái độ phê phán những người không biết quý trọng thời gian. - Là một học sinh cần ý thức được giá trị quý báu của thời gian để tránh làm lãng phí thời gian của mình cũng như của những người xung quanh. - Biết cách lên kế hoạch, sắp xếp mọi việc sao cho sử dụng quỹ thời gian hiệu quả nhất: biết phân chia hợp lí giữa thời gian học tập và vui chơi giải trí, ... - Nhưng tránh hấp tấp nóng vội bởi mỗi việc cần được đầu tư một quỹ thời gian nhất định của nó thì có thể thành công, chỉ cần biết làm chủ thời gian, nỗ lực và kiên trì ắt sẽ thành công. - Sống hết mình từng giây từng phút để không hối hận khi thời gian qua đi, để cuộc sống trở nên ý nghĩa hơn. III. Kết đoạn - Mỗi người hãy trân trọng từng phút giây mình đang sống, bạn có thể trì hoãn những thời gian thì không.	
2	1/ Mở bài: - Giới thiệu tác phẩm Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê; Giới thiệu chung về ba cô gái trong tổ trinh sát mặt đường. 2/ Thân bài * Khái quát hoàn cảnh sống và chiến đấu của 3 cô gái + Sống và chiến đấu trên tuyến đường Trường Sơn đầy bom đạn. + Họ phải đối mặt đó là cuộc chiến đấu ác liệt và chính là công việc tổ trinh sát mặt đường - một	5,0 điểm

	công việc hơn cả nặng nhọc, đó là nhiệm vụ hiểm nghèo. * Vẻ đẹp chung của ba cô gái + Họ có lòng yêu nước sâu sắc, sống có lí tưởng cao đẹp. + Tinh thần trách nhiệm cao với công việc, lòng dũng cảm, gan dạ không sợ gian khổ hi sinh. + Họ có tâm hồn trong sáng, lạc quan, yêu đời + Họ là những nữ thanh niên xung phong có tình đồng đội gắn bó, thân thiết *Vẻ đẹp riêng của ba cô thanh niên xung phong + Nho là một cô gái trẻ, xinh xắn nhưng trong chiến đấu thì rất dũng cảm, hành động thật nhanh gọn. + Nhân vật Phương Định là đại diện các cô gái trẻ Hà Nội vào chiến trường tham gia đánh giặc, tuy gian khổ nhưng vẫn giữ được cái phong cách riêng của người Hà Nội, rất trữ tình và đáng yêu. Là một cô học sinh thành phố, nhạy cảm và hồn nhiên, thích mơ mộng và hay sống với những kỉ niệm của tuổi thiếu nữ vô tư về gia đình và về thành phố của mình. + Nhân vật chị Thao lớn tuổi hơn nên những ước mơ và dự định về tương lai cũng thiết thực hơn. Một người chị nông thôn, đầy tinh thần trách nhiệm, dám quyết đoán, biết hi sinh và nhường nhịn. 3/ Kết bài: Nêu cảm nhận chung của em về vẻ đẹp tâm hồn của 3 cô thanh niên xung phong trong truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi.	

ĐỀ SỐ 96	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi.

(1) Một chàng trai trẻ đến gặp một chuyên gia đá quý và đề nghị ông ta dạy cho anh trở thành một nhà nghiên cứu về đá quý. Chuyên gia nọ từ chối vì ông sợ rằng chàng trai không đủ kiên nhẫn để theo học. Chàng trai cầu xin một cơ hội. Cuối cùng, vị chuyên gia đồng ý và bảo chàng trai "Ngày mai hãy đến đây".

(2) Sáng hôm sau, vị chuyên gia đặt một hòn ngọc bích vào tay chàng trai và bảo chàng hãy cầm nó. Rồi ông tiếp tục công việc của mình: mài đá, cân và phân loại đá quý. Chàng trai ngồi yên lặng và chờ đợi.

(3) Buổi sáng tiếp theo, vị chuyên gia lại đặt hòn ngọc bích vào tay chàng trai và bảo chàng cầm nó. Ngày thứ ba, thứ tư, thứ năm sau đó vị chuyên gia vẫn lặp lại hành động trên.

(4) Đến ngày thứ sáu, chàng trai vẫn cầm hòn ngọc bích nhưng chàng không thể im lặng được nữa.

- Thưa thầy - chàng trai hỏi - khi nào thì em sẽ bắt đầu học ạ?

- Con sẽ được học - vị chuyên gia trả lời và tiếp tục công việc của mình.

(3) Vài ngày nữa lại trôi qua và sự thất vọng của chàng trai càng tăng. Một ngày kia, khi vị chuyên gia bảo chàng trai đưa tay ra, chàng định nói với ông ta rằng chàng chẳng muốn tiếp tục việc này nữa. Nhưng khi vị chuyên gia đặt hòn ngọc bích lên tay chàng trai, chàng nói mà không cần nhìn viên đá:

- Đây không phải là hòn đá con vẫn cầm!

- Con đã bắt đầu học rồi đấy - vị chuyên gia nói.

(Theo Quà tặng cuộc sống. NXB Trẻ, 2013)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2. Vì sao ban đầu vị chuyên gia lại từ chối lời đề nghị của chàng trai?

Câu 3. Tìm câu văn có lời dẫn trực tiếp trong đoạn (1), sau đó chuyển thành lời dẫn gián tiếp.

Câu 4. Em có đồng tình với quan điểm được gợi ra từ phần đọc hiểu "tự học là cách học tập hiệu quả nhất" không? Vì sao? (Trình bày từ 7 đến 10 câu)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung của văn bản trong phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của lòng kiên nhẫn.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trình bày suy nghĩ về nhân vật Phương Định trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản là: tự sự	0,5 điểm
	2	Ban đầu vị chuyên gia lại từ chối lời đề nghị của chàng trai vì ông sợ rằng chàng trai không đủ	0,5 điểm

		kiên nhẫn để theo học.	
	3	Lời dẫn trực tiếp trong đoạn (1): "Ngày mai hãy đến đây". Chuyển thành lời dẫn gián tiếp: Cuối cùng, vị chuyên gia đồng ý và bảo chàng trai hãy đến đây và ngày mai.	1,0 điểm
	4	Tự học là cách học tập hiệu quả nhất là quan điểm đúng đắn bởi: - Tự học giúp ta chủ động tiếp thu kiến thức thoải mái hơn, có sự cầu tiến - Thúc đẩy con người tự chủ hơn trong mọi công việc, có động lực tìm kiếm đam mê của mình - Giúp kiến thức nhớ lâu hơn, khắc ghi trong suy nghĩ để áp dụng vào thực tế.	1,0 điểm
II	1	1.Mở đoạn: Dẫn dắt, giới thiệu về lòng Kiên nhẫn. Nêu khái quát nhận định, suy nghĩ của em về lòng Kiên nhẫn và vai trò của nó đối với mỗi người (quan trọng, cần thiết,...). 1.Thân đoạn: Giải thích Kiên nhẫn là gì? Sự nhẫn nại, bền bỉ, vững vàng, không cúi đầu trước thất bại, không buồn bỏ cho đến khi đạt được mục tiêu đặt ra. Người có lòng kiên nhẫn là người như thế nào? Người biết cố gắng phấn đấu, không ngại khó khăn, thất bại trên con đường dẫn đến thành công. Tầm quan trọng của lòng kiên nhẫn: Giúp con người rèn luyện ý chí, nghị lực từ đó không dễ dàng bị vấp ngã. Làm cho con người trở nên bản lĩnh hơn, không sợ hãi hay lùi bước trước những khó khăn có thể xảy đến trong cuộc sống. Trang bị cho con người những phẩm chất đẹp, là chìa khóa dẫn đến sự thành công trong nhiều lĩnh vực. Người có lòng kiên nhẫn tích góp được cho mình nhiều kinh nghiệm quý giá và sự dẻo dai. Người không có lòng kiên nhẫn thường chán	2,0 điểm

	nản, bỏ dở mọi việc giữa chừng, khó thành công trong mọi việc. Dẫn chứng cụ thể một vài tấm tấm gương về lòng kiên nhẫn mà em biết: Đối tượng là ai? tên gì? (có thể lấy ví dụ về một danh nhân, một người bạn mà em biết). Sống ở đâu? (nếu biết) Lòng Kiên nhẫn được thể hiện qua điều gì? Nó giúp đối tượng đạt được những thành công như thế nào? Qua đó, nêu cảm nghĩ của em về tầm quan trọng của lòng Kiên nhẫn đối với sự thành công của một con người. (là yếu tố quan trọng, cần thiết, không thể thiếu,...) - Liên hệ bản thân, đúc kết kinh nghiệm và đưa ra lời khuyên. 3. Kết đoạn - Khẳng định lại quan điểm, nhận định về lòng Kiên nhẫn.	
2	1/ Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác. Sơ lược đánh giá: về vẻ đẹp của nhân vật Phương Định và thành công về nghệ thuật của truyện. 2/ Thân bài: Lần lượt trình bày các luận điểm: Phương Định là cô gái Hà Nội dễ thương, có tâm hồn trong sáng, mơ mộng, hồn nhiên. Phương Định là cô thanh niên xung phong: dũng cảm, lạc quan. Phương Định là hình ảnh đẹp tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam thời đánh Mỹ. Phương Định được khắc họa sinh động: qua nghệ thuật kể chuyện tự nhiên, miêu tả tâm lý nhân vật 3/ Kết bài: Khẳng định lại vẻ đẹp của nhân vật Phương Định và những thành công về nghệ thuật xây dựng nhân vật. - Liên hệ thực tế rút ra bài học thiết thực cho bản thân.	5,0 điểm

ĐỀ SỐ 97	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc ngữ liệu và trả lời các câu hỏi:

Điều gì là quan trọng?

Chuyện xảy ra tại một trường trung học.

Thầy giáo giơ cao một tờ giấy trắng, trên đó có một vệt đen dài và đặt câu hỏi với học sinh:

- Các em có thấy gì không?

Cả phòng vang lên câu trả lời:

- Đó là một vệt đen.

Thầy giáo nhận xét:

- Các em trả lời không sai. Nhưng không ai nhận ra đây là một tờ giấy trắng ư?

Và thấy kết luận:

- Có người thường chú tâm đến những lỗi lầm nhỏ nhất của người khác mà quên đi những phẩm chất tốt đẹp của họ. Khi phải đánh giá về một sự việc hay một con người, thầy mong các em đừng chú trọng vào vệt đen mà hãy nhìn ra tờ giấy trắng với nhiều mảng sạch mà ta có thể viết lên đó những điều có ích cho đời,

(Trích Quà tặng cuộc sống)

Câu 1:

a) Xác định phương thức biểu đạt chính. (0,5 điểm)

b) Cho biết cách trích dẫn ở phần in đậm? (0,5 điểm)

c) Chỉ ra và gọi tên phép liên kết hình thức ở phần in đậm. (0,5 điểm)

Câu 2: (0,5 điểm)

Em hiểu thế nào về câu nói: "Có người thường chú tâm đến những lỗi lầm nhỏ nhất của người khác mà quên đi những phẩm chất tốt đẹp của họ"?

Câu 3: (1,0 điểm)

Từ ngữ liệu trên, em rút ra bài học gì?

II. PHẦN LÀM VĂN: (7,0 điểm).

Câu 1: (2,0 điểm)

Từ ngữ liệu ở phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về lời khuyên của thầy giáo " Khi phải đánh giá về một sự việc hay một con người, thầy mong các em đừng chú trọng vào vệt đen mà hãy nhìn ra tờ giấy trắng với nhiều mảng sạch mà ta có thể viết lên đó những điều có ích cho đời,"

Câu 2. (5,0 điểm)

Phân tích khổ thơ cuối bài Viếng lăng Bác của Viễn Phương

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	a) Xác định phương thức biểu đạt chính: Tự sự b) Cho biết cách trích dẫn ở phần in đậm: trực tiếp c) Phép nối: Nhưng	1,5 điểm
	2	Việc chỉ “chú tâm đến những lỗi lầm nhỏ nhặt của người khác mà quên đi những phẩm chất tốt đẹp của họ” thể hiện một cách đánh giá con người chủ quan, phiến diện, thiếu đi sự độ lượng, bao dung cần thiết để nhìn nhận, đánh giá người khác một cách toàn diện.	0,5 điểm
	3	Các em có thể tùy theo suy nghĩ của mình: Gợi ý: - Đừng đánh giá người khác qua sai lầm, thiếu sót, hạn chế của họ - Đừng bao giờ phán xét người khác một cách dễ dàng	1,0 điểm
II	1	1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề: - Có một lời khuyên của thầy giáo nói với học sinh " Khi phải đánh giá về một sự việc hay một con người, thầy mong các em đừng chú trọng vào vệt đen mà hãy nhìn ra tờ giấy trắng với nhiều mảng sạch mà ta có thể viết lên đó những điều có ích cho đời." 2. Thân đoạn: Giải thích từ cách nhìn: cách nhìn là sự quan sát, đánh giá, quan niệm của mỗi người về hiện tượng, sự vật, con người, cuộc sống... - “Vệt đen”: những lỗi lầm những điều chưa tốt, chưa hoàn hảo ở một con người - “Tờ giấy trắng” những điều tốt, những khoảng trống trong tâm hồn một người có thể tạo dựng vun đắp để tạo nên những điều tốt đẹp => Ý kiến của thầy giáo là một lời khuyên vô cùng đúng đắn: Khi đánh giá một con người không nên quá chú ý vào những sai lầm thiếu sót mà cần biết trân trọng những điều tốt đẹp, biết nhìn thấy trong tâm hồn mỗi người đều có những khoảng trống để từ đó có thể tạo dựng, vun đắp, hoàn thiện nhân cách.	2,0 điểm

	Bình luận về ý nghĩa gợi ra từ câu chuyện: + Cuộc sống muôn hình vạn trạng , cùng một sự việc xảy ra, cùng một vấn đề nhưng mỗi người lại có cách đánh giá khác nhau, phụ thuộc vào cách nhìn nhận chủ quan của bản thân. + Trong cuộc sống có những cách đánh giá, nhìn nhận vấn đề đánh mất cơ hội, sự tự tin, lạc quan của con người. Cách nhìn này kìm hãm sự nỗ lực hành động vươn lên của con người. Nhưng trong cuộc sống cũng có những cách đánh giá, nhìn nhận vấn đề tạo cơ hội, niềm tin, lạc quan của con người. Đó là cách nhìn tạo động lực giúp con người nỗ lực hành động để tạo ra những thành quả có ý nghĩa cho bản thân và xã hội. + Để có được cách nhìn đúng đắn, tích cực con người cần có sự tinh nhạy, sắc bén, sâu sắc khi quan sát và suy xét thấu đáo vấn đề trước khi đưa ra kết luận. Và quan trọng hơn là phải có niềm tin đối với đối tượng được nhìn nhận, đánh giá. + Phản đề : Phê phán những người có cái nhìn hời hợt, có cách đánh giá chủ quan theo cảm tính. Phê phán cái nhìn bi quan, thiếu tự tin,... Liên hệ và rút ra bài học: + Cuộc sống vốn muôn màu, muôn sắc nên khi nhìn nhận vấn đề không được vội vàng, hấp tấp chỉ nhìn hời hợt bên ngoài hiện tượng mà phải suy nghĩ kỹ lưỡng trước khi đưa ra kết luận. Và phải có trách nhiệm trước sự đánh giá của bản thân. + Cần có cách nhìn lạc quan để phát hiện mặt tốt, mặt tích cực của sự vật, hiện tượng, con người.... Từ đó luôn biết vượt qua những khó khăn, thử thách để tạo cơ hội hướng tới mục đích cao cả. 3.Kết đoạn: khẳng định vấn đề	
2	I. Mở bài - Giới thiệu nhân cách phẩm chất đạo đức của chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại - Nêu vấn đề nghị luận: Phân tích khổ cuối bài thơ Viếng lăng Bác của nhà thơ Viễn Phương	5,0 điểm

	II. Thân bài 1. Giới thiệu khái quát chung về bài thơ Viếng Lăng Bác được nhà thơ Viễn Phương sáng tác năm 1976 khi ông được vinh dự cùng đoàn đại biểu miền Nam ra thủ đô Hà Nội viếng lăng Bác sau ngày đất nước hoàn toàn thống nhất và lăng Bác vừa được hoàn thành. 2. Phân tích nội dung khổ thơ cuối - Niềm thương cảm lớn lao: <i>Mai về miền Nam thương trào nước mắt</i> + Một tiếng “thương” của miền Nam là trọn vẹn tình cảm của người miền Nam đối với Bác. + Thương là yêu là kính yêu là quý trọng cả cuộc đời cao thượng vĩ đại của Bác đã dành hết cho dân cho nước cho sự nghiệp giải phóng dân tộc: <i>Bác để tình thương cho chúng con</i> <i>Một đời thanh bạch chẳng vàng son</i> + Thương là xót xa vì nỗi đau mất mát đi người cha già kính yêu, nỗi đau ấy trào dâng thành nước mắt, mà cả dân tộc Việt Nam không kiềm lại được. Nỗi đau niềm thương tiếc của nhân dân Việt Nam đối với Bác làm cảm động cả tấm lòng trời đất khi: <i>Suốt mấy đêm dài đau tiễn đưa</i> <i>Đời tuôn nước mắt trời tuôn mưa</i> => Câu thơ như bộc lộ rất chân thành nỗi xót thương vô hạn bị kìm nén cho tới phút chia tay và tuôn thành dòng lệ.	

	- Nguyện ước của tác giả: + Trong cảm xúc nghẹn ngào, tâm trạng lưu luyến ấy, nhà thơ như muốn được hoá thân để mãi mãi bên Người: <i>Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác</i> <i>Muốn làm đoá hoa tỏa hương đâu đây</i> <i>Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này</i> + Điệp ngữ "muốn làm" được nhắc tới ba lần cùng với các hình ảnh liên tiếp con chim, đoá hoa, cây tre như để nói lên ước nguyện tha thiết của nhà thơ muốn là Bác yên lòng, muốn đền đáp công ơn trời biển của Người. => Nguyện ước của nhà thơ vừa chân thành, sâu sắc đó cũng chính là những cảm xúc của hàng triệu con người miền Nam trước khi rời lăng Bác sau những lần đến thăm Người. III. Kết bài - Nêu cảm nhận của bản thân về khổ thơ	

ĐỀ SỐ 98	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới:

"*Quê hương mỗi người chỉ một,
 Như là chỉ một mẹ thôi.
 Quê hương nếu ai không nhớ,
 Sẽ không lớn nổi thành người.*"

(Trích "Bài học đầu cho con" - Đỗ Trung Quân - thivien.net).

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. (1,5 điểm) Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong câu “Quê hương mỗi người chỉ một,/ Như là chỉ một mẹ thôi, ”?

Câu 3. (1,0 điểm). Em tâm đắc nhất với thông điệp nào được tác giả gửi gắm trong hai câu thơ “Quê hương nếu ai không nhớ. Sẽ không lớn nổi thành người ”?

II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ văn bản trong phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của quê hương đối với mỗi con người.

Câu 2. (5,0 điểm)

Về *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ, có ý kiến cho rằng: *Tác phẩm không chỉ phản ánh số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến mà còn khẳng định vẻ đẹp truyền thống đáng quý của họ.*

Theo em, ý kiến trên thể hiện như thế nào qua nhân vật Vũ Nương?

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm	0,5 điểm
	2	Biện pháp tu từ: So sánh: Quê hương như là chỉ một mẹ thôi. Tác dụng: nhấn mạnh tình yêu tha thiết, sự gắn bó sâu nặng với quê hương của tác giả. Đồng thời đã làm nổi bật hình ảnh quê hương thật ấm áp, gần gũi, thân thương, máu thịt, thấm thiết.	1,5 điểm
	3	Học sinh có thể tùy ý kiến của mình mà đưa ra thông điệp bản thân tâm đắc: Gợi ý: - Vai trò của quê hương. - Giáo dục tình yêu quê hương	1,0 điểm
II	1	1.Mở đoạn: Dẫn dắt vấn đề: Trong mỗi con người chúng ta, quê hương có ý nghĩa vô cùng quan trọng. 2. Thân đoạn: a. Giải thích: - Quê hương có ý nghĩa là gì? => Quê hương chính là nơi ta sinh ra và lớn lên, nơi mà ta có nhiều kỉ niệm gắn liền với những kí ức và tâm	2,0 điểm

	hồn của mỗi con người, là một thứ vô hình, vô dạng nhưng đã in sâu vào trong tâm trí chúng ta để khi đi xa ta vẫn nhớ về nó. b. Ý nghĩa của quê hương đối với mỗi con người. - Mỗi con người đều gắn bó với quê hương, mang bản sắc, truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp của quê hương. Chính vì thế, tình cảm dành cho quê hương ở mỗi con người là tình cảm có tính chất tự nhiên, sâu nặng. - Quê hương luôn bồi đắp cho con người những giá trị tinh thần cao quý: tình làng nghĩa xóm. tình yêu quê hương, gia đình sâu nặng... - Quê hương luôn là điểm tựa vững vàng cho con người trong mọi hoàn cảnh, là nguồn cổ vũ, động viên, là đích hướng về của con người. (Lưu ý: HS lấy dẫn chứng trong đời sống, trong văn học để chứng minh) c. Trách nhiệm của mỗi con người, rút ra bài học - Tình yêu quê hương, gia đình luôn gắn liền với tình yêu đất nước. Cần hướng về quê hương, song không có nghĩa là chỉ hướng về mảnh đất nơi mình sinh ra, mà phải biết tôn trọng và yêu quý tất cả những gì thuộc về Tổ quốc. - Xây đắp, bảo vệ, phát huy những truyền thống tốt đẹp của quê hương, đất nước là trách nhiệm, là nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi con người. - Là HS, ngay từ bây giờ phải tu dưỡng đạo đức, tích lũy kiến thức để sau này góp một phần nhỏ của việc vào công cuộc dựng xây, và bảo vệ quê hương đất nước. - Cần có thái độ phê phán những người có hành động, suy nghĩ chưa tích cực đối với quê hương: chê quê hương nghèo khó, lạc hậu; không có ý thức xây dựng quê hương, thậm chí quay lưng, phản bội quê hương, xứ sở.... 3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề.	
2	I.Mở bài	5,0 điểm

	– Nguyễn Dữ sống vào khoảng thế kỉ XVI, quê ở Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Ông nổi tiếng học rộng, tài cao. – “<i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>” rút trong tác phẩm “<i>Truyền kì mạn lục</i>”, áng văn xuôi viết bằng chữ Hán của Nguyễn Dữ trong thế kỉ 16 – một kiệt tác văn chương cổ được ca ngợi là “<i>thiên cổ kì bút</i>”. “Tác phẩm không chỉ phản ánh số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến mà còn khẳng định vẻ đẹp truyền thống đáng quý của họ”. 2. Thân bài Phân tích nhân vật Vũ Nương để làm sáng tỏ nhận định: 1/ Số phận bất hạnh: * Phải sống trong nỗi cô đơn, vất vả: – Nỗi vất vả của Vũ Nương: Một mình gánh vác gia đình, nuôi dạy con thơ, chăm sóc mẹ già. – Nỗi cô đơn tinh thần (phải vượt lên): + Cảnh sống lẻ loi. + Nỗi nhớ thương khắc khoải. + Nỗi lo lắng cho chồng đang chinh chiến nơi xa. * Phải gánh chịu nỗi oan lạ lùng và phải tìm đến cái chết: – Nguyên nhân (của nỗi oan): + Do lời nói ngây thơ của bé Đản.	

	+ Do Trường Sinh vốn đa nghi, hay ghen lại đang buồn vì mẹ mất. + Do chiến tranh gây ra 3 năm xa cách, niềm tin vào Vũ Nương ị thử thách, bị lung lay. + Có thể do cuộc hôn nhân bất bình đẳng giữa Vũ Nương và Trường Sinh, do xã hội phong kiến trọng nam, khinh nữ cho phép Trường Sinh được đối xử rẻ rúng, tàn tệ với vợ mình. – Hậu quả (của nỗi oan): + Trường Sinh nghi ngờ, gạt đi lời thanh minh của Vũ Nương, mắng nhiếc, đánh đuổi Vũ Nương đi. + Cùng đường Vũ Nương nhảy xuống sông Hoàng Giang tự tận. Đây là phản ứng dữ dội, quyết liệt của Vũ Nương để bảo vệ nhân phẩm nhưng cũng là cho thấy nỗi bất hạnh tột cùng của nàng. * Phải sống không hạnh phúc thực sự dưới thủy cung: – Vũ Nương tuy được cứu sống, sống bất tử, giàu sang, đã được minh oan trên bến Hoàng Giang nhưng nàng không hạnh phúc thực sự: + Vẫn nhớ thương gia đình. + Vẫn mong trở về dương thế mà không thể.	

	=> Nhận xét: Số phận Vũ Nương tiêu biểu cho phận bạc của biết bao người phụ nữ trong xã hội phong kiến bất công, tàn bạo, nặng nề lễ giáo, hà khắc. 2. Vẻ đẹp của Vũ Nương: * Mang vẻ đẹp toàn vẹn nhất của người phụ nữ xã hội phong kiến. – Chi tiết Trường Sinh xin mẹ “<i>đem 100 lạng vàng cưới về</i>” càng tô đậm hơn vẻ đẹp nhan sắc, phẩm chất của nàng. * Là người vợ, người mẹ đảm đang, người con dâu hiếu thảo: – Đảm đang (khi chồng đi lính): + Một mình gánh vác gia đình. + Chăm sóc mẹ chồng già yếu. + Nuôi dạy con thơ. – Hiếu thảo (khi mẹ chồng ốm): + Nàng hết lòng chăm sóc như với cha mẹ đẻ của mình (cơm cháo, thuốc thang, an ủi...) + Lễ bái thần phật cầu cho bà tai qua, nạn khỏi. + Lời trăng trối của bà trước khi mất đã khẳng định lòng hiếu thảo, tình cảm chân thành của Vũ Nương. (phút lâm chung bà cảm tạ công lao của nàng -> mối quan hệ mẹ chồng nàng dâu của xã hội phong kiến xưa thường chỉ mang tính chất ràng buộc của lễ giáo phong kiến.	

	Những lời cảm tạ của bà mẹ đã cho thấy Vũ Nương yêu thương bà thực lòng nên bà cũng yêu quý, biết ơn nàng thực lòng như vậy) + Bà mất: nàng lo tang ma chu đáo. * Là người vợ nết na, thủy chung, giàu lòng vị tha: – Nết na, thủy chung: + Khi mới cưới: nàng hết sức giữ gìn khuôn phép. + Ngày tiễn chồng ra trận, trong lời từ biệt ta thấy nàng không màng công danh phú quý, chỉ mong chồng trở về bình yên. + Ba năm xa chồng, Vũ Nương buồn nhớ khôn nguôi, nàng bỏ cả điểm trang, toàn tâm toàn ý chăm sóc gia đình, làm tròn bổn phận của người vợ, người mẹ trong gia đình. + Thậm chí, ngày Trường Sinh trở về, bị nghi ngờ, Vũ Nương chỉ biết khóc rồi thanh minh bằng những lời lẽ tha thiết, dịu dàng. => Tấm lòng son sắt, thủy chung sáng ngời của nàng. – Giàu lòng vị tha: + Khi bị chồng đổ oan, mắng nhiếc, đánh đuổi đi, Vũ Nương chỉ đau khổ, thanh minh mà	

	chẳng hề oán hận, căm ghét chồng. Nàng vẫn bao dung với người chồng hẹp hòi, ích kỉ. + Sống dưới thủy cung nàng vẫn một lòng nhớ thương gia đình, quê hương. Việc nàng gửi vật làm tin chứng tỏ nàng vẫn sẵn sàng tha thứ cho chồng. + Khoảnh khắc gặp lại Vũ Nương không trách móc mà còn hết lời cảm tạ Trường Sinh. Lời nói ấy cho thấy Vũ Nương hoàn toàn tha thứ cho chồng. Trường Sinh đã được giải thoát khỏi nỗi ân hận, day dứt vì sự hàm hồ, hẹp hòi, tàn nhẫn của mình. => Nhận xét: Vũ Nương trở thành hiện thân cho vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam thảo hiền, đức hạnh. 3. Đánh giá: – Bằng việc xây dựng tình huống truyện độc đáo – xoay quanh sự ngộ nhận, hiểu lầm lời nói của bé Đản; nghệ thuật kể chuyện đặc sắc, kết hợp hài hòa yếu tố hiện thực và kì ảo; khắc họa nhân vật thông qua lời nói trần thuật, lời thoại; hành động...; Nguyễn Dữ đã xây dựng thành công nhân vật Vũ Nương – một điển hình cho số phận và vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam. – Qua đó, bày tỏ niềm trân trọng và cảm thương sâu sắc, tiếng nói bênh vực người phụ nữ trong xã hội xưa; tố cáo xã hội phong kiến nam quyền, nhiều lễ giáo hà khắc, tố cáo chiến tranh phi nghĩa đã đẩy người phụ nữ vào những bi kịch đốn đau. 3.Kết bài: Khẳng định vấn đề	

ĐỀ SỐ 99	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

"Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi. Ông chìa tay xin tôi. Tôi lục hết túi nọ đến túi kia, không có lấy một xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đợi tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào. Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay nóng hổi của ông:

- Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.

Ông nhìn tôi chăm chăm, đôi môi nở nụ cười:

- Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.

Khi ấy tôi chợt hiểu ra: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được một cái gì đó của ông."

(Theo Tuốc – ghê – nhép)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên. (0.5 điểm)

Câu 2: Hành động và lời nói của nhân vật "Tôi" trong câu chuyện thể hiện tình cảm gì của nhân vật đối với ông lão ăn xin? (0.5 điểm)

Câu 3: Theo em, nhân vật "Tôi" trong câu chuyện đã nhận được gì ở ông lão ăn xin?(0,5 điểm)

Câu 4: Em rút ra bài học gì qua câu chuyện trên? (1.5 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm)

Từ câu chuyện trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về tình yêu thương của giới trẻ hiện nay.

Câu 2: (5.0 điểm)

Phân tích nhân vật anh thanh niên qua đoạn trích sau:

- Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:
- Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Và, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một

mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả "thèm" hờ bác? Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy. Bác lái xe đi, về Lai Châu cứ đến đây dừng lại một lát.. Không vào giờ "ốp" là cháu chạy xuống chơi, lâu thành lệ. Cháu bỗng dừng tự hỏi: Cái nhớ xe, nhớ người ấy thật ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phần hoa đô hội thì xoàng. Cháu ở liền trong trạm hàng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lại phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói: “Đây, bác cũng chẳng thèm người là gì?”

Anh xoay sang người con gái đang một mắt đọc cuốn sách, một mắt lắng nghe, chân cô đứng đưa khe khẽ, nói:

- Và cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện. Nghĩa là có sách ấy mà. Mỗi người viết một vẻ.

- Quê anh ở đâu thế? - Họa sĩ hỏi.

- Quê cháu ở Lào Cai này thôi. Năm trước, cháu tưởng cháu được đi xa lắm cơ đấy, hóa lại không. Cháu có ông bố tuyệt lắm. Hai bố con cùng viết đơn xin ra lính đi mặt trận. Kết quả: bố cháu thắng cháu một - không. Nhân dịp Tết, một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đấy. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói: nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế. Chú lái máy bay có nhắc đến bố cháu, ôm cháu mà lắc “Thế là một - hoà nhé!”. Chưa hòa đâu bác ạ. Nhưng từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc. Ờ, bác vẽ cháu đấy ư? Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn... .

(**Lặng lẽ Sa Pa**, Nguyễn Thành Long, SGK Ngữ Văn 9, tập 1, NXBGD)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: tự sự	0,5 điểm
	2	Hành động và lời nói của nhân vật “tôi” đã thể hiện tình cảm xót thương và đồng cảm với cảnh ngộ của người ăn xin	0,5 điểm
	3	Nhân vật “tôi” nhận được <u>lời cảm ơn</u> từ ông lão, đồng thời nhận được <u>bài học sâu sắc</u> : Sự đồng cảm, tình người có giá trị hơn mọi thứ vật chất, của cải khác	0,5 điểm
	4	Các bài học rút ra từ văn bản:	1,5 điểm

		- Sự quan tâm, lòng chân thành chính là món quà tinh thần quý giá nhất đối với những mảnh đời bất hạnh, nó vượt lên trên mọi giá trị vật chất khác. - Phải biết yêu thương, chia sẻ, đồng cảm với hoàn cảnh, số phận của người khác - Khi cho đi cũng chính là lúc ta nhận lại. Trả lời được 1 trong 3 bài học trên thì được trọn điểm Học sinh có thể rút ra các bài học khác nhau nhưng phải gắn với thông điệp của văn bản.	
II	1	1/ Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề bàn luận: Tình yêu thương con người là phẩm chất cao quý, sáng ngời giá trị nhân văn của mỗi con người chúng ta, phát xuất từ tình yêu những người ruột thịt : cha mẹ, anh em, họ hàng cô bác rồi đến cộng đồng người trong xã hội nói chung. 2/ Thân đoạn: Đưa ra quan điểm đánh giá của bản thân: - Quan điểm tích cực: Giới trẻ ngày nay vẫn luôn thể hiện tình yêu thương của mình với gia đình, thầy cô, bạn bè và xã hội. Những học sinh, sinh viên không những lo đèn sách, học tập văn hóa, bồi dưỡng kiến thức mà họ còn tham gia nhiều hoạt động xã hội như: Chiến dịch tình nguyện mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo, dạy thêm cho các mái ấm ... đó là biểu hiện tốt đẹp của tình yêu thương con người - Quan điểm tiêu cực: Hiện nay, một bộ phận giới trẻ ăn chơi lêu lổng, ích kỉ, vô cảm với cuộc sống của người thân trong gia đình và xã hội. Những người này không những không thể hiện tình yêu thương đối với gia đình, mọi người xung quanh mà thậm chí trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội.	2,0 điểm

		Rút ra bài học cho bản thân 3.Kết đoạn: Khẳng định vấn đề	
2		1. Mở bài: Giới thiệu tác giả, đoạn trích - Tác giả Nguyễn Thành Long: + Là một nhà văn Việt Nam, Nguyễn Thành Long sinh tại huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, nguyên quán ở Quy Nhơn, Bình Định + Ông có nhiều tác phẩm văn học đặc sắc như: Bác cơm Cù Hồ (1952), Gió bắc gió nồm (1956), Hường điền (1957), Chuyện nhà chuyện xưởng (1962), Trong gió bão (1963), Gang ra (1964), Những tiếng vỗ cánh (1967), Giữa trong xanh (1972), Nửa đêm về sáng (1978), Lý Sơn mùa tỏi (1980), Sáng mai nao, xế chiều nào (1984),... - Tác phẩm <i>Lặng lẽ Sapa</i>: + Tác phẩm xoay quanh cuộc gặp gỡ của bốn nhân vật + Qua câu chuyện ta có thể thấy được nhiều phẩm chất tốt đẹp của anh thanh niên + Tác phẩm xây dựng hình tượng nhân vật độc đáo + Đoạn trích nằm trong đoạn hội thoại của anh thanh niên với ông họa sĩ qua đó bộc lộ vẻ đẹp trong tính cách của người thanh niên. 2. Thân bài: Phân tích nhân vật anh thanh niên qua đoạn trích cuộc đối thoại với ông họa sĩ <i>* Hoàn cảnh sống và làm việc:</i> - Nhân vật chính trong truyện làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu. Sống một mình trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m, quanh năm suốt tháng giữa cổ cây và mây núi Sa Pa. Công việc của anh là: “đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dựa vào công việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu”. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao (nửa đêm đúng giờ ộp thì dù mưa tuyết, giá lạnh thế nào cũng phải trở dậy ra ngoài trời làm công việc	5,0 điểm

		đã quy định). - Nhưng cái gian khổ nhất là phải vượt qua được sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng một mình trên đỉnh núi cao không một bóng người – một hoàn cảnh thật đặc biệt. <i>* Những nét đẹp trong việc làm, cách sống, suy nghĩ, tình cảm và quan hệ với mọi người.</i> - Vượt lên hoàn cảnh sống, những vất vả của công việc, anh có những suy nghĩ rất đẹp: - Anh đã có những suy nghĩ thật đúng, thật giản dị mà sâu sắc về công việc, về cuộc sống. Có lẽ đây là những tâm sự chân thành và sâu sắc nhất của anh: “ Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt...mình vì ai mà làm việc”. Dù đang một mình nhưng anh tự hiểu mình đang cùng với bao nhiêu người khác làm việc, làm việc vì con người, vì cuộc sống, nên không còn thấy cô đơn nữa. - Anh có những suy nghĩ thật đúng và sâu sắc về công việc đối với cuộc sống con người: “khi ta làm việc, ta với công việc là một, sao lại gọi là một mình được” và anh hiểu rằng công việc của anh còn gắn với công việc của bao anh em đồng chí dưới kia. “Công việc của cháu gian khổ thật đấy chứ vất vả nó đi, cháu buồn đến chết mất”. - Ý thức về công việc và lòng yêu nghề, thấy được ý nghĩa cao quý trong công việc thầm lặng của mình. Anh không tô đậm cái gian khổ của công việc, nhưng anh nhấn mạnh niềm hạnh phúc khi biết được mình góp phần phát hiện kịp thời một đám mây khô mà nhờ đó “ không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng” - Anh còn biết tìm đến những niềm vui lành mạnh để cân bằng cuộc sống tinh thần của mình. Cuộc sống của anh không còn cô đơn, buồn tẻ khi anh biết lấy sách làm người bạn tâm tình, biết tổ chức cuộc sống của mình một cách ngăn nắp, tươi tắn (trồng hoa, nuôi gà). Thế giới riêng của anh là công việc “ Một căn nhà ba	

	gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm. Cuộc đời anh thu gọn lại một góc trái gian với chiếc giường con, một chiếc bàn học, một giá sách” <i>* Ở người thanh niên ấy còn có nhiều nét tính cách và phẩm chất rất đáng mến</i> - Anh đếm từng phút vì sợ hết mất ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý báu: “ Bác lái xe chỉ cho ba mươi phút thôi. Hết năm phút rồi. Cháu nói qua công việc của cháu năm phút. Còn hai mươi phút, mời cô và bác vào nhà uống chè, cho cháu nghe chuyện. Cháu thèm nghe chuyện dưới xuôi lắm”, “ Trời ơi chỉ còn có năm phút !” - Anh còn người khiêm tốn thành thực, cảm thấy công việc và những đóng góp của mình chỉ là nhỏ bé. Khi ông họa sĩ muốn vẽ chân dung anh, anh không dám từ chối để khỏi vô lễ, nhưng anh nhiệt thành giới thiệu những người khác mà anh thực sự cảm phục. => Dù anh thanh niên chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc nhưng bằng những chi tiết tiêu biểu, tác giả đã phác họa được chân dung nhân vật với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa của công việc. 3. Kết bài: - Nêu cảm nghĩ của em về phẩm chất con người tốt đẹp của anh thanh niên. - Qua câu chuyện về anh thanh niên, tác phẩm cũng gợi ra những vấn đề về ý nghĩa và niềm vui của lao động tự giác, vì những mục đích chân chính đối với con người: dù trong hoàn cảnh đơn độc giữa thiên nhiên vắng lặng quanh năm mà con người vẫn không cô đơn buồn tẻ khi người ta tìm thấy ý nghĩa của công việc và cuộc sống của mình.	

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc ngữ liệu và trả lời các câu hỏi sau:

Trên đường đời bạn cũng có lúc vấp ngã. Tôi cũng vậy. Ngay cả người tài giỏi, khôn ngoan nhất cũng có lúc vấp ngã. Vấp ngã là điều bình thường, chỉ có những người không bao giờ đứng dậy sau vấp ngã mới là người thực sự thất bại. Điều chúng ta cần ghi nhớ là, cuộc sống không phải là một cuộc thi đố - trượt... Cuộc sống là một quá trình thử nghiệm các biện pháp khác nhau cho đến khi tìm ra một cách thích hợp. Những người đạt được thành công phần lớn là người biết đứng dậy từ những sai lầm ngớ ngẩn của mình bởi họ coi thất bại, vấp ngã chỉ là tạm thời và là kinh nghiệm bổ ích. Tất cả những người thành đạt mà tôi biết đều có lúc phạm sai lầm. Thường thì họ nói rằng sai lầm đóng vai trò quan trọng đối với thành công của họ. Khi vấp ngã, họ không bỏ cuộc. Thay vì thế, họ xác định các vấn đề của mình là gì, cố gắng cải thiện tình hình và tìm kiếm giải pháp sáng tạo hơn để giải quyết. Nếu thất bại năm lần, họ cố gắng đứng dậy năm lần, mỗi lần một cố gắng hơn, Winston Churchill đã nắm bắt được cốt lõi của quá trình này khi ông nói: “Sự thành công là khả năng đi từ thất bại này đến thất bại khác mà không đánh mất nhiệt huyết và quyết tâm vươn lên”.

(Trích Cuộc sống không giới hạn, Nick Vujicic, chương VII, trang 236)

Câu 1: (1,0 điểm)

- a. Xác định phương thức biểu đạt chính. (0,25 điểm)
- b. Cho biết cách trích dẫn ở phần in đậm? (0,25 điểm)
- c. Chỉ ra phép liên kết hình thức được sử dụng trong hai câu văn sau: "Khi vấp ngã, họ không bỏ cuộc. Thay vì thế, họ xác định các vấn đề của mình là gì, cố gắng cải thiện tình hình và tìm kiếm giải pháp sáng tạo hơn để giải quyết." (0,5 điểm)

Câu 2: (1,0 điểm)

- Em hiểu thế nào về câu văn: "Vấp ngã là điều bình thường, chỉ có những người không bao giờ đứng dậy sau vấp ngã mới là người thực sự thất bại" ?

Câu 3: (1,0 điểm)

Em có đồng ý với quan điểm của Winston Churchill: "Sự thành công là khả năng đi từ thất bại này đến thất bại khác mà không đánh mất nhiệt huyết và quyết tâm vươn lên."? Vì sao?

II. LÀM VĂN: (7,0 điểm).

Câu 1: (2,0 điểm).

Từ ngữ liệu phần đọc hiểu, em hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về ý nghĩa của việc *đứng dậy sau vấp ngã* đối với tuổi trẻ trong cuộc sống.

Câu 2: (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về đoạn thơ:

*Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng,
Ra đậu dặm xa dò bụng biển,
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.
Cá nhụ cá chim cùng cá đé,
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,
Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóa.
Đêm thơ: sao lùa nước Hạ Long,*

(Trích *Đoàn thuyền đánh cá*, Huy Cận, Ngữ văn 9, tập 1, NXBGD 2018, tr.140)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	a. Phương thức biểu đạt chính là nghị luận. b. Trích dẫn trực tiếp. c. Phép thế: "Khi vấp ngã, họ không bỏ cuộc." = "Thay vì thế"	1,0 điểm
	2	- Vấp ngã là điều bình thường bởi ai cũng có lúc thất bại và vấp ngã trong cuộc sống, chỉ trừ những người không dám đứng dậy sau vấp ngã hay chính là sợ hãi, không dám đối mặt với những điều xấu	1,0 điểm

		nhất có thể xảy ra thì họ mới là người thực sự thất bại.	
	3	Học sinh có thể đưa ra quan điểm riêng của mình là đồng tình hoặc không đồng tình. Đồng thời đưa ra lập luận giải thích cho quan điểm đó.) Ví dụ: Đồng tình vì: - Thất bại là một phần của cuộc sống và đó là điều rất bình thường, không ai không thành công mà không trải qua những thất bại. - Thất bại thử thách sự kiên nhẫn của con người. Con người biết theo đuổi đam mê, chắc chắn sẽ thành công. - Thất bại cho con người những bài học kinh nghiệm quý báu để nuôi dưỡng đam mê của chính mình.	1,0 điểm
II	1	1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề: ý nghĩa của việc đứng dậy sau vấp ngã đối với tuổi trẻ trong cuộc sống. - Cuộc đời ai cũng từng vấp ngã trước khó khăn thất bại. Điều quan trọng không phải là khó khăn to hay nhỏ mà quan trọng là con người có đủ sức để đứng dậy sau những vấp ngã hay không? 2. Thân đoạn: Bàn luận vấn đề - Con người từ khi sinh ra đã không ít lần vấp ngã: Ngày còn bé bụ bẫm, chập chững tập đi qua bao nhiêu lần vấp ngã đứng dậy và tập đi được. Vì vậy giờ ta có trưởng thành thì ta càng phải biết cách	2,0 điểm

	chấp nhận nó như một điều tự nhiên trong cuộc sống để sống nhẹ nhàng và vui vẻ hơn. Thất bại chính là động lực để con người vượt qua, là bài học để từ đó con người rèn luyện bản thân phấn đấu để ngày càng hoàn thiện. - Đứng dậy sau mỗi lần vấp ngã làm ta trưởng thành hơn trong cuộc sống, học được cách đứng dậy giúp ta vượt qua được khó khăn. - Trong cuộc sống, ai cũng ít nhất 1 lần vấp ngã theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Sau mỗi lần vấp ngã ấy, người ta sẽ rút ra dc một bài học cho chính mình, biết tránh những chỗ ghồ ghề khó đi, biết tìm cho mình bước đi mới hay là dẫm lên chính chỗ đã ngã xuống và đi tiếp. - Vấp ngã thất bại chỉ là một chuyện thường tình trong cuộc sống, người muốn thành công đều phải trải qua vấp ngã. Như một vận động viên muốn thành công đều có khó khăn trong quá trình luyện tập, khi thi đấu cũng có lúc vấp ngã nhưng luôn nỗ lực phấn đấu rèn luyện để đến được vinh quang, người chiến thắng là người ngã gục cuối cùng trước các đối thủ. - Đứng dậy ngay tại điểm vấp ngã rất dễ làm ta thấy sợ hãi, thiếu suy nghĩ, sáng suốt hay áp đặt quá khứ vì vậy khi bạn cảm thấy đủ tự tin hãy đứng dậy từ một điểm bắt đầu theo hướng mới tích cực hơn. - Mở rộng: Tuổi trẻ không nên sợ hãi vấp ngã, vì càng ngã đau thì bạn càng nhớ rõ để rồi không bao giờ vấp ngã tại chính điểm đấy.	

	- Bài học 3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề	
2	1. Mở bài - Tác giả: Huy Cận và bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” - Dẫn dắt vào đoạn trích: là khổ 3 và khổ 4 của bài thơ, miêu tả cảnh đánh cá trên biển đêm với những vẻ đẹp bình dị của bút pháp hiện thực và trí tưởng tượng phong phú. 2. Thân bài a. Khổ thơ thứ nhất - Mở đầu đoạn trích là hình ảnh đoàn thuyền đang băng băng lướt sóng: “Thuyền ta lái gió với buồm trăng Lướt giữa mây cao với biển bằng.” Con thuyền vốn nhỏ bé trước biển cả bao la qua cái nhìn của nhà thơ bỗng trở nên lớn lao, kì vĩ. Đoàn thuyền ấy có gió làm lái, có trăng làm buồm, thiên nhiên như mở ra bát ngát mệnh mệnh. Đoàn thuyền hòa nhập với thiên nhiên, con người cũng vươn lên ngang tầm vũ trụ, làm chủ thiên nhiên với sự tự tin, mạnh mẽ. - Giữa không gian bao la của trời biển, con thuyền trở thành trung tâm, vừa đẹp đẽ, khỏe khoắn, vừa giàu chất thơ. Thiên nhiên như cùng chung sức với con người điều khiển con thuyền. - Người lao động đã đánh thức thiên nhiên, cùng thiên nhiên vũ trụ giao hòa trong công cuộc lao	5,0 điểm

	động. Lòng tin yêu con người và trí tưởng tượng bay bổng đã giúp nhà thơ xây dựng được hình ảnh tuyệt đẹp và giàu ý nghĩa. Thiên nhiên không đối lập với con người, không làm cho con người trở nên nhỏ bé, cô đơn, bơ vơ mà càng trở nên lớn lao, mạnh mẽ, hài hòa với khung cảnh thiên nhiên. - Hai câu tiếp theo miêu tả những công việc cụ thể của đoàn thuyền đánh cá: Ra đậu dậm xa dò bụng biển Dàn đan thế trận lưới vây giăng Nhịp thơ hối hả, lôi cuốn. Con thuyền là vũ khí, mỗi ngư dân là một chiến sĩ đầy uy quyền sức mạnh. Cuộc đánh cá có phương tiện kỹ thuật, được chuẩn bị như một cuộc chiến đấu với khí thế của những con người có niềm tin chiến thắng. b. Khổ thơ thứ hai - Những câu thơ miêu tả đàn cá đặc sắc, biển cả giàu có với những loại cá ngon và quý. Huy Cận đã vận dụng sáng tạo cách nói dân gian “chim thu nhụ đế” để viết: Cá nhụ cá thu cùng cá đế Cá song lấp lánh đuốc đen hồng Cá đuôi em quẫy trăng vàng chóa Đêm thở sao lùa nước Hạ Long. - Hình ảnh con cá song là một nét vẽ tài hoa. Vây cá đen hồng lấp lánh trên biển nước chan hòa ánh	

	trắng vàng chói. Cái đuôi cá quẫy được so sánh với ngọn đuốc rực cháy. Nghệ thuật phối sắc tài tình làm cho đoạn thơ đẹp như một bức tranh sơn mài rực rỡ. Bầy cá như những nàng tiên trong vũ hội. - Vẻ đẹp của bức tranh lao động tiếp tục được thể hiện rõ hơn trong những đoạn thơ tiếp theo. c. Nhận xét - Hai đoạn thơ miêu tả khung cảnh lao động tươi vui với sự trù phú, giàu có của biển cả. - Tác giả sử dụng nghệ thuật liệt kê, nhân hóa, so sánh đặc sắc. - Thể hiện phong cách nghệ thuật Huy Cận sau cách mạng tháng Tám: tin yêu vào cuộc sống mới, con người mới. 3. Kết bài - Bút pháp vừa hiện thực vừa lãng mạn của tác giả vẽ nên bức tranh sơn mài rực rỡ về thiên nhiên và con người trong lao động. - Hình ảnh con người nâng lên ngang tầm vũ trụ và công việc đánh cá trở thành một công việc nên thơ.	

ĐỀ SỐ 101	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới

Mùa dịch giúp xóa khoảng cách và kéo mọi người gần nhau hơn. Mọi người đồng lòng và cùng chung mục tiêu chiến thắng dịch bệnh. Các hoạt động thiện nguyện một phần xuất phát từ tinh thần trách nhiệm xã hội, và sâu thẳm tận đáy lòng của mọi người là tinh thần "máu chảy ruột mềm", vì tình dân tộc và nghĩa đồng bào.

Không cần những mỹ từ kêu gọi, mọi người đến với nhau và chung tay trên sự tin tưởng và tín nhiệm. Chúng tôi đã cùng nhau lập các nhóm thiện nguyện "Góp khẩu trang cho tuyến đầu", "Góp gạo, nhu yếu phẩm cho người yếu thế", với sự hợp sức của các nhóm tình nguyện viên trên khắp miền đất nước. Mỗi người mỗi công việc khác nhau nhưng chất kết dính là sự đồng lòng, minh bạch.

Sau hơn một tháng chống dịch, tôi nghĩ "niềm tin thắng dịch" là vitamin tích cực giúp sợi dây đồng lòng, chung sức của mọi người thêm bền chặt.

(Trích *Sức hạnh đồng lòng, đoàn kết*, tuoitre.vn, ngày 19-04-2020)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2 (0,5 điểm).

Theo tác giả, các hoạt động thiện nguyện trong mùa dịch xuất phát từ những điều gì?

Câu 3 (1,0 điểm). Nêu nội dung chính của đoạn trích.

Câu 4 (1,0 điểm) Em có đồng tình với quan điểm của tác giả: "niềm tin chống dịch" là vitamin tích cực giúp sợi dây đồng lòng chung sức của mọi người thêm bền chặt "? Vì sao? (Trả lời trong khoảng 3 - 5 dòng).

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 15 - 20 dòng) trình bày suy nghĩ của em về **ý nghĩa của lòng tốt trong cuộc sống hôm nay**.

Câu 2 (5,0 điểm)

Phân tích **nhân vật Vũ Nương** trong tác phẩm "*Chuyện người con gái Nam Xương*" của Nguyễn Dữ.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: nghị luận	0,5 điểm
	2	Theo tác giả, các hoạt động thiện nguyện trong mùa dịch xuất phát từ tinh thần trách nhiệm xã hội, và sâu thẳm tận đáy lòng của mọi người là tinh thần "máu chảy ruột mềm", vì tình dân tộc và nghĩa đồng bào.	0,5 điểm

	3	Nội dung chính của đoạn trích: chất kết dính là sự đồng lòng, minh bạch	1,0 điểm
	4	- Thí sinh thể hiện quan điểm cá nhân: đồng tình/không đồng tình/đồng tình một phần - Có sự lí giải thuyết phục, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. - Đảm bảo dung lượng (khoảng 3 – 5 dòng)	1,0 điểm
II	1	Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề Thân đoạn: Bàn luận về lòng tốt - Giải thích: Lòng tốt là gì? Nhận diện người có lòng tốt và biểu hiện? + Lòng tốt là những hành động, việc làm cao đẹp xuất phát từ tấm lòng của bản thân mỗi cá nhân nhằm giúp đỡ người khác. + Lòng tốt là tấm lòng yêu thương con người, thể hiện qua cách ứng xử tốt đẹp giữa người với người trong xã hội.... + Người có lòng tốt sẽ biết cảm thông, chia sẻ; luôn nhường nhịn, hi sinh; không bao giờ tranh giành quyền lợi hay ghen ghét, đố kị ai... - Vai trò của lòng tốt trong cuộc sống hôm nay: Là thước đo phẩm chất, nhân cách con người; xóa bỏ sự ích kỉ, hẹp hòi, làm tâm hồn con người thêm rộng mở; tăng sự đoàn kết trong tập thể, cộng đồng; giúp những người khó khăn có cơ hội sống tốt hơn, khắc phục và vượt qua hoàn cảnh... - Biểu hiện của lòng tốt: nhỏ là dắt người già qua đường, nhặt được của rơi trả người đánh mất; lớn là cứu người bị nạn, mở lòng từ bi dành cả đời mình làm việc thiện. Nói lòng tốt là của cải nghĩa là lòng tốt được so với của cải, quý giá, quan trọng và cần thiết như của cải. - Bàn luận mở rộng + Lòng tốt không mua được bằng tiền; lòng tốt cho đi mà không với, không mất. Vì thế, lòng tốt là tài sản tinh thần vô giá. + Phê phán, lên án và đấu tranh chống lại cái ác. + Không để lòng tốt bị lợi dụng Kết đoạn: Khẳng định lại tầm quan trọng của	2,0 điểm

		lòng tốt trong cuộc sống ngày hôm nay	
2		I. Mở bài - Giới thiệu tác giả Nguyễn Dữ, tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương. - Dẫn dắt vấn đề nghị luận: Nhân vật Vũ Nương là người con gái có những phẩm chất tốt đẹp nhưng bị hàm oan vì thế số phận trở nên bất hạnh II. Thân bài 1. Giới thiệu khái quát về tác phẩm (3-5 dòng) - Thời gian ra đời: thế kỉ XVI, khi XHPK Việt Nam còn nặng tư tưởng trọng nam khinh nữ, người phụ nữ mang thân phận bọt bèo... - Nội dung chính: tập trung làm nổi bật vẻ đẹp phẩm giá của Vũ Nương cũng như những đau đớn mà nàng phải trải qua. 2. Phân tích nhân vật Vũ Nương a. Hoàn cảnh sống của Vũ Nương - Xã hội: Chiến tranh phong kiến, xã hội trọng nam khinh nữ - Gia đình: + Xuất thân nghèo khó + Vợ chồng vì chiến tranh phải xa nhau + Hôn nhân không bình đẳng + Tính cách vợ chồng trái ngược nhau... b. Vũ Nương là người phụ nữ có nhiều phẩm chất tốt đẹp. - Người phụ nữ thùy mị, nết na. - Người vợ thủy chung, thấu hiểu nỗi khổ và nguy hiểm của chồng phải đối mặt nơi chiến tuyến, chờ đợi chồng. - Người con dâu hiếu thảo: chăm sóc mẹ chồng khi ốm đau, lo ma chay chu đáo. - Người mẹ hết mực thương yêu con: bù đắp thiếu thốn cho con bằng cách chỉ bóng mình trên tường để tạo cho con những hình ảnh về người cha. - Người phụ nữ trọng nhân phẩm và danh dự: tìm đến cái chết để giữ tròn danh tiết, từ chối trở về trần gian để nhân phẩm được bảo toàn.	5,0 điểm

		=> Vũ Nương mang trong mình đầy đủ những nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam truyền thống: công, dung, ngôn, hạnh. c. Vũ Nương có số phận bất hạnh, hẩm hiu: - Chồng đi lính, một mình gánh vác gia đình, chăm sóc con nhỏ, phụng dưỡng mẹ già-> trụ cột của gia đình. - Bị chồng nghi oan, mắng nhiết, đánh đuổi,.. - Phải chết khi tuổi đời còn trẻ, khi hạnh phúc mới chớm nở trong đời. - Ở chốn thủy cung luôn nhớ về nhân gian nhưng không thể trở về. => Số phận của Vũ Nương tiêu biểu cho phụ nữ xưa. 3. Đánh giá khái quát: - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: tạo dựng tình huống để thử thách nhân vật, khắc họa nhân vật qua ngoại hình, hành động, đối thoại...kết hợp yếu tố kì ảo và yếu tố thực để làm nên nỗi đau của nhân vật. - Thể hiện niềm thương cảm với số phận oan nghiệt của người phụ nữ trong xã hội phong kiến; khẳng định những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ: hiếu thảo, thủy chung, nhân hậu,.. - Lên án, tố cáo chiến tranh phi nghĩa, phê phán thói xấu: gia trưởng, thô bạo, bất bình đẳng giới...luôn chà đạp và vùi dập người phụ nữ. III. Kết bài - Vũ Nương tiêu biểu cho số phận bi thảm của người phụ nữ trong xã hội cũ. - Vũ Nương để lại trong lòng người đọc nỗi cảm thương sâu sắc.	

ĐỀ SỐ 102	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây:

(1) Cuộc sống này vốn không chỉ có hương thơm của hoa hồng và vẻ thơ mộng của dòng sông, nó còn có cả những phút giây bị gai hoa hồng đâm đến ứa máu hoặc vấy vùng giữa dòng nước chảy xiết. Bên cạnh những niềm vui là những khó khăn và cạm bẫy luôn chờ chỉ cần bạn lơ là mất cảnh giác chúng sẽ xô tới. Chính những khó khăn thử thách ấy sẽ góp phần nhào nặn bạn trở thành một phiên bản tốt hơn.

(2) Sẽ có những lúc bạn hoang mang, chông chênh, mệt mỏi và hoàn toàn mất phương hướng. Đó có thể là khi bạn thi trượt cuộc thi mà bạn nghĩ là quan trọng nhất đời mình. Đó là khi người bạn thân nhất quay lưng đi sau khi đâm vào lưng bạn một vết dao.

[...]

(3) Để vượt qua được những khoảnh khắc đó, bạn phải tìm kiếm cho mình một điểm tựa vững chắc luôn cho bạn lời khuyên và không bao giờ rời xa. Đến cái bóng cũng rời xa bạn khi bạn đi vào bóng tối, nhưng điểm tựa thì không, mỗi người hãy tìm kiếm cho mình một điểm tựa. Có một loại điểm tựa như thế, thường được gọi là “trọng tâm cuộc đời”.

(Phi Tuyết Sống như ngày mai sẽ chết, NXB Thế giới, 2017, tr.37-39)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích. (0,5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả, cuộc sống này có những gì ? (0,5 điểm)

Câu 3. Chỉ ra và gọi tên các phép liên kết về hình thức được sử dụng trong đoạn (2). (1,0 điểm)

Câu 4. Theo em, vì sao tác giả cho rằng: Đến cái bóng cũng rời xa bạn khi bạn đi vào bóng tối, nhưng điểm tựa thì không ? (1,0 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) bàn về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: *Chính những khó khăn thử thách sẽ góp phần nhào nặn bạn trở thành một phiên bản tốt hơn.*

Câu 2. (5,0 điểm) Trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

Quê hương anh nước mặn, đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,

Súng bên súng, đầu sát bên đầu,

Đêm rét chung chăn thành đội tri kỉ.

Đồng chí !

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

(Trích Đồng chí - Chính Hữu, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục, 2008, tr.128)
ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: nghị luận	0,5 điểm
	2	Theo tác giả, cuộc sống này vốn không chỉ có hương thơm của hoa hồng và vẻ thơ mộng của dòng sông, nó còn có cả những phút giây bị gai hoa hồng đâm đến ứa máu hoặc vấy vùng giữa dòng nước chảy xiết.	0,5 điểm
	3	Phép liên kết về hình thức được sử dụng trong đoạn (2): Phép thế: "đó" = "những lúc bạn hoang mang, chông chênh, mệt mỏi và hoàn toàn mất phương hướng." Phép lặp: "là khi", "bạn"	1,0 điểm
	4	Gợi ý: Tác giả cho rằng: Đến cái bóng cũng rời xa bạn khi bạn đi vào bóng tối, nhưng điểm tựa thì không, vì: + Điểm tựa là thứ vững chắc, nó chính là niềm tin xuất phát từ trong tâm mỗi chúng ta. Chỉ cần có điểm tựa mọi khó khăn sẽ không làm ta gục ngã. + Điểm tựa sẽ giúp ý chí của ta thêm vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách. => Qua câu nói này, tác giả muốn nhấn mạnh ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của điểm tựa.	1,0 điểm
II	1	Giới thiệu vấn đề: ý kiến Chính những khó khăn thử thách sẽ góp phần nhào nặn bạn trở thành một phiên bản tốt hơn. Giải thích vấn đề - Khó khăn, thử thách là những trở ngại mà con người sẽ gặp phải trong cuộc sống. - Nhào nặn là hoạt động, tác động làm cho biến đổi dần, hình thành nên cái mới. => Cả câu nói khẳng định những trở ngại trong cuộc sống góp phần giúp con người trưởng thành hơn. Bàn luận vấn đề	2,0 điểm

	- Vì sao nói khó khăn thử thách sẽ góp phần nhào nặn bạn thành phiên bản tốt hơn? + Đem đến cho con người những bài học quý giá trong cuộc sống. Đó có thể là bài học về công việc, tình yêu,... + Rèn luyện ý chí, tôi luyện tính cách của con người. + Giúp con người trở nên bản lĩnh, trưởng thành hơn. + Giúp con người biết trân quý những thành công mình có được. + Giúp con người thấu hiểu lẽ đời và biết sống khiêm nhường. = > Khó khăn, thử thách giúp bạn rút ra những bài học kinh nghiệm, giúp bạn có sức mạnh, niềm tin, lòng kiên trì vượt qua mọi thử thách. Từ một con người non nớt, mềm yếu nhờ khó khăn, thử thách, nhờ vấp ngã mà bạn ngày càng trưởng thành, vững vàng và tốt đẹp hơn. - Khó khăn, thử thách luôn hiện diện trong cuộc sống, là một phần tất yếu cuộc sống. Sau khi vượt qua khó khăn, thử thách con người sẽ có được những thành quả quý giá. Vì vậy không nên nản chí. - Phê phán những người sống thiếu ý chí, ngại khó. Kết thúc vấn đề: Liên hệ và rút ra bài học cho bản thân.	
2	I. Mở bài. - Giới thiệu ngắn gọn tác giả Chính Hữu và bài thơ “Đồng chí” - là một trong số những bài thơ hay nhất, tiêu biểu nhất của Chính Hữu và cũng là của nền thơ kháng chiến. - Qua bài thơ ta càng hiểu rõ hơn về cơ sở hình thành tình đồng chí cũng như tình cảm mà các anh dành cho nhau. II. Thân bài: 1. Khái quát chung: Hoàn cảnh sáng tác: - Bài thơ “Đồng chí” được sáng tác mùa xuân năm 1948, sau khi tác giả tham gia chiến dịch	5,0 điểm

	Việt – Bắc thu đông (1947). Bài thơ là kết quả từ những trải nghiệm của tác giả về thực tế cuộc sống và chiến đấu của bộ đội ta trong những ngày đầu kháng chiến. – Bài thơ được in trong tập “Đầu súng trăng treo” (1966) – tập thơ phần lớn viết về người lính trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. 2. Cơ sở hình thành tình đồng chí - Tình đồng chí bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân của những người lính: "Quê hương anh nước mặn đồng chua Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá". "Anh" ra đi từ vùng "nước mặn đồng chua", "tôi" từ miền "đất cày lên sỏi đá". Hai miền đất xa nhau, "đôi người xa lạ" nhưng cùng giống nhau ở cái "nghèo". Hai câu thơ giới thiệu thật giản dị hoàn cảnh xuất thân của người lính: họ là những người nông dân nghèo. - Tình đồng chí hình thành từ sự cùng chung nhiệm vụ, cùng chung lý tưởng, sát cánh bên nhau trong hàng ngũ chiến đấu: "Súng bên súng, đầu sát bên đầu" Họ vốn "chẳng hẹn quen nhau" nhưng lý tưởng chung của thời đại đã gắn kết họ lại với nhau trong hàng ngũ quân đội cách mạng. "Súng" biểu tượng cho nhiệm vụ chiến đấu, "đầu" biểu tượng cho lý tưởng, suy nghĩ. Phép điệp từ (súng, đầu, bên) tạo nên âm điệu khoẻ, chắc, nhấn mạnh sự gắn kết, cùng chung lý tưởng, cùng chung nhiệm vụ. - Tình đồng chí nảy nở và bền chặt trong sự chan hoà và chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui: Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ. Cái khó khăn thiếu thốn hiện lên: đêm rét, chăn không đủ đắp nên phải "chung chăn". Nhưng chính sự chung chăn ấy, sự chia sẻ với nhau trong gian khổ ấy đã trở thành niềm vui, thắt chặt tình cảm của những người đồng đội để trở thành "đôi tri kỷ".	

	=> Sáu câu thơ đầu đã giải thích cội nguồn và sự hình thành của tình đồng chí giữa những người đồng đội. Câu thơ thứ bảy như một cái bản lề khép lại đoạn thơ một để mở ra đoạn hai. 3. Những biểu hiện cảm động của tình đồng chí - Tình đồng chí là sự cảm thông sâu sắc những tâm tư, nỗi niềm của nhau. Những người lính gắn bó với nhau, họ hiểu đến những nỗi niềm sâu xa, thầm kín của đồng đội mình: <i>Ruộng nương anh gửi bạn thân cày, Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.</i> Người lính đi chiến đấu để lại sau lưng những gì yêu quý nhất của quê hương: ruộng nương, gian nhà, giếng nước gốc đa,... Từ "mặc kệ" cho thấy tư thế lòng, họ vẫn da diết nhớ quê hương. Ở ngoài mặt trận, họ vẫn hình dung thấy gian nhà không đang lung lay trong cơn gió nơi quê nhà ra đi dứt khoát của người lính. Nhưng sâu xa trong xa xôi. - Tình đồng chí còn là cùng nhau chia sẻ những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời người lính : + Những gian lao, thiếu thốn trong cuộc sống của người lính những năm kháng chiến chống pháp hiện lên rất cụ thể, chân thực: áo rách, quần vá, chân không giày, sự khổ sở của những cơn sốt rét rừng hành hạ, trời buốt giá, môi miệng khô và nứt nẻ, nói cười rất khó khăn, có khi nứt ra chảy cả máu. Nhưng những người lính vẫn cười bởi họ có hơi ấm và niềm vui của tình đồng đội "thương nhau tay nắm lấy bàn tay". + Hơi ấm ở bàn tay, ở tấm lòng đã chiến thắng cái lạnh ở "chân không giày" và thời tiết "buốt giá". Cặp từ xưng hô "anh" và "tôi" luôn đi với nhau, có khi đứng chung trong một câu thơ, có khi đi sóng đôi trong từng cặp câu liền nhau diễn tả sự gắn bó, chia sẻ của những người đồng đội. III.Kết bài:Tổng kết cảm nhận của em.	

ĐỀ SỐ 103	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN Thời gian: 120 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản:

“1) Cảm ơn hay xin lỗi là một trong các biểu hiện của ứng xử có văn học hành vi văn minh, lịch sự trong quan hệ xã hội. Trong ứng xử giữa cộng đồng, cảm ơn và xin lỗi được trình bày một cách chân thành, một mặt phản ánh phẩm chất văn hóa của cá nhân, một mặt giúp mọi người dễ cư xử với nhau hơn.

(2) Trong nhiều trường hợp, lời cảm ơn hay lời xin lỗi không chỉ đem niềm vui tới người nhận, chúng còn trực tiếp giải tỏa khúc mắc, gỡ rối các quan hệ con người cũng vì thế mà sống vị tha hơn.

(3) Trước đây, trong quan hệ xã hội, việc mọi người cảm ơn và xin lỗi "vốn là chuyện bình thường, cảm ơn và xin lỗi trở thành một trong các tiêu chí “định tính tư cách văn hóa của con người. Rồi nhiều năm trở lại đây, lời cảm ơn và xin lỗi như có chiều hướng giảm trong giao tiếp xã hội. Có người cho ra 18 nguyên nhân của tình trạng này là do sự lỏng lẻo của chuẩn mực ứng xử, lại người cho rằng, lối sống công nghiệp làm con người thay đổi, hay do bản tính cá một người cụ thể nào đó vốn không quen với hai từ cảm ơn và xin lỗi,... Song thiết nghĩ, vẫn còn một nguyên nhân nữa là lâu nay, như một luật lệ bất thành và thường thì chỉ có con cái xin lỗi hay cảm ơn cha mẹ, người ít tuổi xin lỗi hay cảm ơn người lớn tuổi, mà nhiều người lớn tuổi không chú ý tới việc cảm ơn hay xin lỗi khi ứng xử với người khác. Trong giao tiếp xã hội, nhất là trong giao tiếp với công cộng, người lớn tuổi hơn ít khi sử dụng lời xin lỗi hoặc cảm ơn cho dù họ nhận được sự giúp đỡ, hay hành vi của họ gây phiền toái cho người khác. Các em nhỏ khi nhận được sự giúp đỡ hay sau khi mắc lỗi thường không ngần ngại nói lời xin lỗi hay cảm ơn, nhưng càng lớn lên thì thói quen này dường như đã mất dần, phải chăng vì các em học nói lời cảm ơn và xin lỗi không chỉ qua bài học giáo dục công dân hoặc qua lời răn dạy của cha mẹ, mà còn học trực tiếp qua ứng xử và việc làm của những người lớn tuổi?”

(dẫn theo Hà Anh, "Cảm ơn" và "xin lỗi" là biểu hiện của ứng xử văn hóa, <https://www.nhandan.com.vn/> - Báo Nhân dân điện tử)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. (0,5 điểm)

Em hãy cho biết, lời “cảm ơn” và “xin lỗi” được sử dụng trong trường hợp nào?

Câu 2. (0,5 điểm)

Theo tác giả bài viết, “*Trong ứng xử giữa cộng đồng, khi cảm ơn và xin lỗi được trình bày một cách chân thành, một mặt phản ánh phẩm chất văn hóa của cả nhân, một mặt giúp mọi người dễ cư xử với nhau hơn*”, nhưng trong nhiều trường hợp, lời cảm ơn, xin lỗi còn có tác dụng nào khác?

Câu 3. (1,0 điểm).

Ở đoạn (3), tác giả bài viết chỉ ra những nguyên nhân nào làm cho “lời cảm ơn và xin lỗi như có chiều hướng giảm trong giao tiếp xã hội”? (Nêu ngắn gọn những nguyên nhân đó).

Câu 4. (1,0 điểm)

Em có đồng ý với ý kiến: “Cảm ơn hay xin lỗi là một trong các biểu hiện của ứng xử có văn hóa” không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)**Câu 1.** (2,0 điểm)

Từ nội dung văn bản Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ), nói về ý nghĩa của lời xin lỗi trong cuộc sống.

Câu 2. (5,0 điểm) Phân tích đoạn thơ sau:

Vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều trong đoạn trích cùng tên, trích Truyện Kiều của Nguyễn Du.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Lời “ <i>cảm ơn</i> ” và “ <i>xin lỗi</i> ” được sử dụng trong các trường hợp ứng xử cộng đồng: - Khi nhận được sự giúp đỡ - Khi hành động của mình gây phiền toái cho ai đó - Khi mắc lỗi với ai đó.	0,5 điểm
	2	Theo tác giả bài viết, “ <i>Trong ứng xử giữa cộng đồng, khi cảm ơn và xin lỗi được trình bày một cách chân thành, một mặt phản ánh phẩm chất văn hóa của cả nhân, một mặt giúp mọi người dễ cư xử với nhau hơn</i> ”, nhưng trong nhiều trường hợp, lời cảm ơn, xin lỗi còn có tác dụng đem niềm vui tới người nhận, trực tiếp giải tỏa khúc mắc, gỡ rối các quan hệ, con người cũng vì thế mà sống vị tha hơn.	0,5 điểm
	3	Những nguyên nhân làm cho “lời cảm ơn và xin lỗi như có chiều hướng giảm trong giao tiếp xã hội”: <i>sự lỏng lẻo của chuẩn mực ứng xử lối sống</i>	1,0 điểm

		<i>công nghiệp làm con người thay đổi, hay do bản tính cá một người cụ thể nào đó vốn không quen với hai từ cảm ơn và xin lỗi; thường chỉ có con cái xin lỗi hay cảm ơn cha mẹ, người ít tuổi xin lỗi hay cảm ơn người lớn tuổi, mà nhiều người lớn tuổi không chú ý tới việc cảm ơn hay xin lỗi khi ứng xử với người khác.</i>	
	4	Đồng ý: vì cảm ơn và xin lỗi chính là những cách ứng xử tối thiểu thể hiện sự văn minh, lịch sự trong cuộc sống giữa người với người. Đầu tiên, ta cần biết nói lời cảm ơn, xin lỗi đúng nơi đúng lúc và thời điểm. Có như vậy, nó sẽ phản ánh được phẩm chất văn hóa của chính mỗi người chúng ta. Bên cạnh đó, khi nói lời cảm ơn hay xin lỗi, ta cần thực sự thể hiện được thái độ chân thành từ tình cảm từ trong chính trái tim mình, ví dụ thái độ hối lỗi khi nói xin lỗi và thái độ cảm kích khi nói cảm ơn.	1,0 điểm
II	1	- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Bàn về lời xin lỗi, suy nghĩ về vai trò, ý nghĩa của lời xin lỗi trong cuộc sống - Giải thích + Xin lỗi": là hành động tự nhận khuyết điểm, sai lầm về mình, là sự đồng cảm, sẻ chia đối với người bị ta làm tổn thương, thiệt hại. Biết xin lỗi là mong muốn được đền bù thiệt hại và tha thứ. + Xin lỗi không chỉ là cách thể hiện thái độ biết lỗi, tự nhận thấy sai lầm mà còn là phép lịch sự trong giao tiếp, ứng xử giữa người với người. - Tại sao sống phải biết nói lời xin lỗi? + Xin lỗi là một trong các biểu hiện của ứng xử có văn hóa của con người, là hành vi văn minh, lịch sự trong quan hệ xã hội + Lời xin lỗi chân thành phản ánh phẩm chất văn hóa của cá nhân, giúp mọi người dễ cư xử với nhau hơn. + Xin lỗi là một phép lịch sự trong giao tiếp, thể hiện sự văn minh và thái độ tôn trọng con người + Lời xin lỗi chân thành có thể cứu vãn được sự việc đáng tiếc có thể đã xảy ra	2,0 điểm

		+ Xin lỗi đúng cách, đúng lúc giúp ta tránh được những tổn thất về vật chất và tinh thần + Lời xin lỗi còn để thể hiện sự chia sẻ, đồng cảm với mọi người + Lời xin lỗi chân thành hàn gắn những chia rẽ và hận thù do những lỗi lầm ấy gây nên. + Xin lỗi còn để dạy cho con cái biết học cách lớn lên là người có ý thức trách nhiệm. + Biết nói lời xin lỗi giúp cho cuộc sống của chúng ta được an lành, hạnh phúc hơn. - Bài học nhận thức và hành động + Biết sống chân thành, tôn trọng, quý trọng người khác, thành thật nhận khuyết điểm về mình, không được né tránh trách nhiệm hay ngụy biện về hành động của mình + Lời xin lỗi phải xuất phát từ đáy lòng mới thật sự hữu dụng + Hiểu rõ đối tượng là ai để bày tỏ thái độ xin lỗi một cách đúng đắn và hiệu quả nhất. + Xin lỗi đúng lúc, đúng nơi sẽ làm cho người được xin lỗi thấy dễ tha thứ hơn, đặc biệt cần biết sửa sai sau khi xin lỗi. - Kết luận: Khẳng định vai trò, ý nghĩa của lời xin lỗi trong các mối quan hệ cuộc sống <u>Đoạn văn mẫu tham khảo:</u> Có ai đó đã từng nói: “Một lời xin lỗi vụng về vẫn tốt hơn sự im lặng”. Quả thật như vậy, lời xin lỗi là cái cúi đầu, cái khoanh tay lễ phép và lời chân thành: cháu xin lỗi, em xin lỗi, bác xin lỗi, thầy xin lỗi... Nhưng trong cuộc sống này đã mấy ai làm được điều đó. Lời xin lỗi khi mình làm sai không chỉ là cách thể hiện thái độ biết lỗi, tự nhận thấy sai lầm mà còn là phép lịch sự trong giao tiếp, ứng xử giữa người với người. Lời xin lỗi là thể hiện sự tôn trọng và khiến người nghe cảm thấy hài lòng, vui vẻ, chấp nhận, bỏ qua, làm cho mối quan hệ tốt đẹp hơn. Còn người xin lỗi thì cảm thấy nhẹ lòng và trên hết là ý thức được trách nhiệm của mình trước hành động sai trái. Hành động của cậu bé 8 tuổi ở Hải	

	Phòng lỡ làm vỡ gương ô tô đã viết giấy gửi lời xin lỗi và số điện thoại ngõ ý đền bù cho chủ nhân chiếc ô tô để trước cổng trường mà báo chí đưa tin trong suốt thời gian qua khiến chúng ta phải suy ngẫm. Cho nên biết nói lời xin lỗi là một hành động lịch sự làm cuộc sống xã hội trở nên văn minh, tốt đẹp hơn. Cần phê phán những kẻ thiếu tự trọng, thiếu dũng cảm, làm sai nhưng bảo thủ không nhận trách nhiệm. Cũng qua đây chúng ta cần rút ra bài học cho mình: cần phải nghiêm túc nhận lỗi khi làm sai, biết nói lời xin lỗi chân thành cũng như dũng cảm, tự trọng trước những sai lầm của bản thân.	
2	I. Mở bài - Giới thiệu tác giả Nguyễn Du và đoạn trích Chị em Thúy Kiều - Dẫn dắt vấn đề nghị luận: đoạn trích đã làm nổi bật nhan sắc và tài năng của chị em Thúy Kiều, đặc biệt là sắc đẹp và tài năng của Thúy Kiều. II. Thân bài 1. Giới thiệu khái quát về đoạn trích - Nằm ở phần đầu của Truyện Kiều - Nội dung: Khắc họa chân dung chị em Thúy Kiều qua đó bộc lộ cảm hứng nhân văn sâu sắc của tác giả. 2. Về đẹp của Chị em Thúy Kiều a. Về đẹp của Thúy Vân: - Phong thái: thanh thoát, nhẹ nhàng, đoan trang, lịch sự; - Nhân diện: Lấy vàng trắng so sánh khuôn mặt: phúc hậu, hiền hòa - Giọng nói: cũng trở thành nét đẹp rất riêng trong con người nàng. Xuân Diệu ca ngợi: từ thốt là chữ đắt giá. - Dự báo số phận từ nhan sắc: “<i>mây thua....tuyết nhường.</i>”: số phận bình an, hạnh phúc. => Bằng bút pháp ước lệ tượng trưng và thủ pháp so sánh ngầm, Nguyễn Du đã làm cho chân dung Thúy Vân hiện lên như một tố nữ, đẹp người, đẹp nét và bình an trong số phận.	5,0 điểm

	b. Vẻ đẹp tài sắc của Thúy Kiều b1. Nhan sắc của Thúy Kiều: - Thúy Vân là phong nền hoàn hảo mở đường cho sự xuất hiện của Thúy Kiều với vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà; - Thủ pháp tăng tiến trong miêu tả “ <i>Kiều càng sắc sảo mặn mà</i>” không chỉ đẹp mà còn có sức hút mạnh mẽ đối với người đối diện; - <i>Đôi mắt</i> như nước mùa thu lột tả nội tâm luôn man mác một chút buồn ẩn sâu dưới cái nhìn trong veo của Kiều - Nguyễn Du sử dụng những từ ngữ có sức gợi cảm cao như “ghen”, “hờn” khi miêu tả vẻ đẹp của Kiều. Hai từ ngữ ấy tự nó đã chứa đựng sự dự báo không mấy tốt đẹp mà Kiều có thể phải đối mặt ở tương lai. => Tạo hóa ganh ghét với nhan sắc vượt qua những chuẩn chung. Nguyễn Du đã bày tỏ sự thương cảm kín đáo với số phận của nhân vật. - “ <i>Nghiêng nước nghiêng thành</i>” : đây vẻ đẹp của Kiều lên hàng <i>quốc sắc thiên hương</i>, có một không hai-> Sự yêu mến hết mực mà Nguyễn Du đã dành cho Kiều-> Chân dung của Kiều hiện ra với vẻ đẹp vạn người mê. Vẻ đẹp ấy khiến cho tạo hóa và vạn vật sinh lòng đố kị->Dấu hiệu dự báo một cuộc đời đầy sóng gió. b2. Nét đẹp tài năng: - Thúy Kiều có tài năng toàn vẹn: cầm, kì, thi, họa. Lĩnh vực nào Kiều cũng tinh thông nhưng nổi bật nhất là tài đàn. - Nguyễn Du hoàn thiện cho một triết lí “<i>tài mệnh tương đố</i>”, mỗi khúc đàn luôn ẩn chứa nét buồn ai oán-> tiếng đàn mang tính chất dự báo một thiên bạc mệnh đang chờ đợi nàng ở phía trước-> người con gái đa sầu, đa cảm. => Bằng bút pháp lí tưởng hóa, vẻ đẹp của Thúy Kiều ở phương diện tài năng và nhan sắc đạt đến mức hoàn mỹ và đỉnh cao. c. Vẻ đẹp trong lối sống của chị em Thúy Kiều - Lối sống phong lưu, được chăm sóc và yêu	

	chiều “<i>Phong lưu rất mực hồng quần</i>” - Luôn khuôn phép giữ mình theo đúng chuẩn mực của một người có nền nếp gia phong. - Cả hai chị em Kiều là những cô gái ngoan, kín đáo, tế nhị và luôn ý thức được giá trị của bản thân mình. “ <i>Tường đông ong bướm đi về mặc ai</i>” 3. Đánh giá khái quát: - Tả người từ khái quát đến cụ thể, tả ngoại hình mà bộc lộ tính cách, dự báo số phận, ngôn ngữ gợi tả, sử dụng hình ảnh ước lệ, thủ pháp đòn bẩy, các biện pháp tu từ, nhân hóa, so sánh, dùng điển tích, điển cố. Tất cả đã làm nổi bật lên hai bức tranh tố nữ với những nét đẹp không hề lặp lại. Nghệ thuật ấy đã tôn lên tài năng của Nguyễn Du trong việc khắc họa chân dung nhân vật. - Qua chân dung chị em Kiều, ta càng mến yêu, trân trọng những người phụ nữ xưa. Dù cuộc sống có trải qua những thăng trầm biến cố song vẻ đẹp của họ luôn khiến ta ngưỡng mộ và yêu thương. III. Kết bài - Đánh giá khái quát lại vẻ đẹp của chị em Kiều cũng như tấm lòng và tài năng của Nguyễn Du. - Nêu được cảm xúc của bản thân về hai nhân vật và niềm mong ước của bản thân về cuộc sống và số phận của người phụ nữ trong xã hội ngày nay.	

ĐỀ SỐ 104	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Có bao giờ sông chảy thẳng đâu em

Sông lượn khúc lượn dòng mà đến biển

Bờ bãi loi thoi xóm làng ẩn hiện

Đời sống như đời người trên sông

...

Em yêu anh có yêu được như sông

Sông chẳng theo ai, tự chảy nên dòng

Sông nhớ biển lao ghềnh vượt thác

Mang suối nguồn đi đến suốt mệnh mông

Đã yêu sông anh chẳng ngại sâu nông

Em có theo anh lên núi về đồng

Hạt muối mặn lên ngàn, bè tre xuôi về bến

Em có cùng lũ lụt với mưa dông

Đời sống trôi như đời người trên sông

Anh tin bến, tin bờ, tin sức mình đến bể

Tin ánh sáng trên cột buồm, ngọn lửa

Tin mái chèo cày trên sóng cần lao

Anh tin em khi đứng mũi chịu sào

Anh chẳng sợ mọi đá ngầm sóng cả

Anh yêu sông, yêu từ nguồn đến bể

Gió về rồi, nào ta kéo buồm lên

(Vũ Quần Phương – *Tình yêu dòng sông* – NXB Văn học, 1988)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản? (0,5 điểm)

Câu 2. Trong bài thơ, nhà thơ đã bày tỏ niềm băn khoăn: “Em yêu anh có yêu được như sông”. Theo nhà thơ, dòng sông và tình yêu có những điểm nào tương đồng? (1,0 điểm)

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong khổ thơ: (0,5 điểm)

Đời sống trôi như đời người trên sông

Anh tin bến, tin bờ, tin sức mình đến bến

Tin ánh sáng trên cột buồm, ngọn lửa

Tin mái chèo cày trên sóng cần lao

Câu 4. Thông điệp tình yêu ẩn chứa trong hai câu thơ cuối là gì? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ về bài học từ những dòng sông được nêu trong hai câu mở đầu của bài thơ phần Đọc – hiểu:

Có bao giờ sông chảy thẳng đâu em

Sông lượn khúc lượn dòng mà đến biển

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về nhân vật anh thanh niên trong đoạn trích sau:

[...] Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu [...] Cháu lấy những con số, mỗi ngày báo về “nhà” bằng máy bộ đàm bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối, lại một giờ sáng. Bản báo ấy trong ngành gọi là “ốp”. Công việc nói chung dễ, chỉ cần chính xác. Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vụt to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc

đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung

tung ... Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hùng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ được.

(Trích *Lặng lẽ Sa Pa*, Nguyễn Thành Long, Ngữ văn 9, tập I)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm/ Phương thức biểu cảm.	0,5 điểm
	2	Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, thể hiện khả năng hiểu biết của bản thân về văn bản nhưng cần đảm bảo logic, chặt chẽ. Cần nêu được ít nhất hai nét tương đồng. Gợi ý: -Sông lượn khúc, lượn dòng mà tới biển; lũ, đông, đá ngầm, vực xoáy: tình yêu nhiều thử thách, trắc trở, khó khăn. -Sông nhớ biển, lao ghềnh vượt thác; suối nguồn đi suốt mệnh mông: tình yêu mạnh mẽ, nồng nhiệt, dạt dào, đòi hỏi sự hi sinh; -Sông chẳng theo ai tự chảy nên dòng: bản lĩnh, ý chí vượt qua khó khăn trong tình yêu.	1,0 điểm
	3	Tác dụng: -Tăng tính sinh động và gợi cảm cho câu thơ. -Thể hiện hình ảnh của cuộc đời như một cuộc hành trình dài với nhiều khó khăn, thử thách và cũng nhiều niềm vui, hạnh phúc. Con người cần có can đảm đi qua khó khăn thì sẽ đạt đến thành công.	0,5 điểm
	4	-Tình yêu cần có niềm tin, sự lạc quan, niềm tin làm nên sự bền vững của tình yêu.	1,0 điểm

		-Trong tình yêu cần chân thành, chung thủy. Sự chân thành, thủy chung tạo nên sức mạnh to lớn cho tình yêu. -Tình yêu cần trọn vẹn, yêu ai là yêu chính con người của họ. Đó là tình yêu đích thực, tình yêu từ những điều nhỏ nhất.	
II	1	1.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề 2. Thân đoạn: a. Giải thích: + Chạy thẳng: đối đầu trực diện với khó khăn, đi xuyên qua một cách quyết liệt. Lượn khúc, lượn dòng đến biển: tìm ra con đường đi mới, đi vòng khéo léo tránh được khó khăn để đi đến đích. + Nội dung của hai câu thơ đã thể hiện hai quan niệm sống, hai cách ứng xử với những khó khăn, thử thách trong cuộc sống: hoặc là đối đầu, xuyên qua khó khăn hoặc là linh hoạt, tìm con đường khác. Từ đó giúp cho mỗi người có được bài học cho riêng mình. b.Bàn luận: + Hai quan niệm, hai cách ứng xử trước khó khăn, thử thách có những giá trị riêng, ý nghĩa, vai trò riêng. + Khi đi xuyên qua khó khăn là chấp nhận tổn thương, đau đớn, nguy hiểm; cần có ý chí vững vàng nhưng qua đó cũng tôi luyện được bản lĩnh con người, giúp con người trưởng thành. (dẫn chứng) + Khi đi vòng đường khác, né tránh những khó	2,0 điểm

	khăn một cách linh hoạt tuy có xa hơn, chậm hơn để đến đích nhưng an toàn hơn. Tuy nhiên, chỉ biết né tránh cũng là lựa chọn của người yếu đuối, thể hiện sự thụt lùi, sự kém cỏi. (dẫn chứng) c. Bài học nhận thức: Dựa vào hoàn cảnh thực tế để có ứng xử phù hợp. 3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề	
2	I. Mở bài - Giới thiệu tác giả, tác phẩm - Khái quát chung về nhân vật anh thanh niên qua đoạn trích. II. Thân bài 1. Khái quát chung - Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác. - Tóm tắt lại nội dung chính của đoạn trích 2. Cảm nhận về nhân vật anh thanh niên a. Công việc của anh thanh niên - Đoạn văn là lời của nhân vật thanh niên, nhân vật chính trong truyện Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long kể về công việc làm của mình cho ông họa sĩ già và cô kỹ sư nông nghiệp trẻ, qua lời giới thiệu của bác lái xe, lên thăm nơi ở và làm việc của anh thanh niên trên đỉnh Yên Sơn cao hai ngàn sáu trăm mét trong thời gian ba mươi phút. Nhân vật thanh niên đó sống một mình trên núi cao, quanh năm suốt tháng làm việc với cây và mây núi ở Sa Pa. - Công việc của anh là làm khí tượng kiêm vật lý	5,0 điểm

	địa cầu. Nhiệm vụ của anh là đo gió, đo mưa, đo gió, đo chấn động mặt đất và dự báo thời tiết hằng ngày phục vụ cho công việc chiến đấu và sản xuất. Anh lấy những con số, mỗi ngày báo về “nhà” bằng báo bộ đàm bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối và một giờ sáng. Công việc anh thanh niên kể trong đoạn văn là ghi báo về những con số lúc một giờ sáng trong hoàn cảnh thời tiết khắc nghiệt. - Ngoài khó khăn được nói đến trong đoạn trích trên, hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật còn có điều đặc biệt là: Anh thanh niên mới có hai mươi bảy tuổi, cái tuổi đang hừng hực sức sống và sự bay nhảy. Thế mà, anh đã sống một mình trong suốt bốn năm trên đỉnh Yên Sơn. Trong bốn năm đó, ông họa sĩ và cô gái trẻ là đoàn khách thứ hai đến thăm nhà anh. Như vậy, cái gian khổ nhất đối với anh là phải vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng chỉ có một mình trên đỉnh núi cao không một bóng người. Công việc của anh làm âm thầm, lặng lẽ một mình, báo về “ốp” đều đặn những con số để phục vụ sản xuất, chiến đấu. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác, có tính trách nhiệm cao. => Hoàn cảnh sống khắc nghiệt, công việc gian khổ, vất vả. Đó là thử thách rất lớn nhưng anh thanh niên đã vượt qua hoàn cảnh ấy bằng ý chí, nghị lực và những suy nghĩ rất đẹp. <i>b. Phẩm chất của anh thanh niên được thể hiện qua đoạn văn</i> - Trước hết, anh thanh niên rất yêu nghề. Anh có những suy nghĩ đúng và sâu sắc về công việc đối với cuộc sống con người: “...Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với công việc	

		của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất”. - Là người có hành động đẹp: Một mình sống trên đỉnh Yên Sơn, không có ai đôn đốc, kiểm tra nhưng anh vẫn vượt qua hoàn cảnh làm việc một cách nghiêm túc, tự giác với tinh thần trách nhiệm cao. Dù thời tiết khắc nghiệt mùa đông giá rét mà anh đều thức dậy thắp đèn đi “ốp” đúng giờ. Ngày nào cũng vậy anh làm việc một cách đều đặn, chính xác 4 lần trong ngày, âm thầm, bền bỉ trong nhiều năm trời. - Anh thấy được công việc thầm lặng của mình có ích cho cuộc sống, cho mọi người. Anh đã thấy mình “thật hạnh phúc” khi được biết một lần do phát hiện kịp thời một đám mây khô mà anh đã góp phần vào chiến thắng của không quân ta bắn rơi nhiều máy bay Mỹ trên bầu trời Hàm Rồng. - Người có phong cách sống đẹp: Anh có một phong cách sống khiến mọi người phải nể trọng. Tinh thần thái độ làm việc của anh thật nghiêm túc, chính xác, khoa học và nó đã trở thành phong cách sống của anh. 3. Đánh giá, mở rộng: - Anh thanh niên là đại diện tiêu biểu cho thanh niên Việt Nam, hăng say làm việc, hết mình cống hiến cho dân tộc, cho đất nước: “ Nếu là con chim...” (Khúc ca xuân, Tố Hữu) - Nghệ thuật: cách đặt tên cho nhân vật, xây dựng cốt truyện,... - Mở rộng những tác phẩm cùng đề tài.	

		III.Kết bài Cảm nhận chung về anh thanh niên : sống có lí tưởng, sống đẹp, sống có ích « <i>Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình</i> »	

ĐỀ SỐ 105	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu

Giặc Covid đang áp đặt luật chơi cho loài người, và đã thấy rõ con người mới yếu ớt, mỏng manh, nhỏ bé biết bao. Trong cuộc chiến này, nếu muốn lật ngược thế cờ, đẩy giặc virus Covid ra khỏi cơ thể, dập dịch thành công ở mỗi quốc gia, nhân loại, thì con người phải nghĩ đến con người. Cá nhân nghĩ đến mình, những cũng phải nghĩ đến mọi người. Chỉ cần Covid đục thủng phòng tuyến ở một người, và người đó chủ quan, vô tình, tiếp xúc vô tội vạ, không cách ly toàn xã hội, thì đội quân virus sẽ tràn lan cả cộng đồng, cả quốc gia. Chỉ cần Covid xâm nhập vào một quốc gia, nhưng quốc gia ấy và các quốc gia khác không phong tỏa, lơ là phòng chống, thì đại dịch sẽ hoành hành, tàn phá khắp hành tinh.

Mỗi người hãy hòa mình vào dân tộc, nhân loại. Loài người hãy hòa nhập với thiên nhiên. Không phá đi rồi xây. Không hủy diệt rồi nuôi trồng. Không đối đầu. Không đối nghịch. Không đối kháng. Con người phải đặt trong môi trường sinh thái của thiên nhiên, chung sống hòa bình với vạn vật. Một con voi, con hổ, hay con sâu cái kiến, một loài côn trùng, một loại vi khuẩn, một chủng virus nào đó cũng có vị thế trong vũ trụ của Tạo hóa. Con người chớ ngạo mạn đến mức khùng điên làm chúa tể của muôn loài không chế, thống trị chúng sinh, mà không biết sống hòa nhập hòa bình trong sinh thái cân bằng.

Nhận thức lại về thiên nhiên và giống loài trên trái đất để ứng xử là một điều cần thiết. Hy vọng nhân loại sẽ đi qua đại dịch Covid 19. Sau bão giông, trời lại sáng. Những cánh rừng lại xanh. Ngựa, dê, hổ báo nô đùa với con người. Chim chóc đậu nơi cửa sổ nghiêng ngó đầu nhìn đôi vợ chồng trẻ sau một đêm nồng nàn đang ngủ nướng. Nắng mới tràn mọi ngõ ngách! Cuộc sống thường nhật an lành sẽ lại về trong hạnh phúc bình dị.

(*Loài người có bớt ngạo mạn* (trích) - Sương Nguyệt Minh)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích? (0,5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả “*Loài người hãy hòa nhập với thiên nhiên*” bằng những cách nào? (0,5 điểm)

Câu 3. Em hiểu thế nào về câu: *Chỉ cần Covid đục thủng phòng tuyến ở một người, và người đó chủ quan, vô tình tiếp xúc vô tội vạ, không cách li toàn xã hội, thì đội quân virus sẽ tràn lan cả cộng đồng, cả quốc gia?* (1,0 điểm)

Câu 4. Em có đồng tình với quan niệm của tác giả: *Giặc Covid đang áp đặt luật chơi cho loài người, và đã thấy rõ con người mới yếu ớt, mỏng manh, nhỏ bé biết bao?* Vì sao? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Dựa vào nội dung phần Đọc hiểu trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về **trách nhiệm của công dân trong việc phòng chống đại dịch Covid-19.**

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về nhân vật Phương Đình trong đoạn văn sau:

Bây giờ là buổi trưa. Im ắng lạ. Tôi ngồi dựa vào thành đá và khe khẽ hát. Tôi mê hát. Thường cứ thuộc một điệu nhạc nào đó rồi bịa ra lời mà hát. Lời tôi bịa lộn xộn mà ngớ ngẩn đến tôi cũng ngạc nhiên, đôi khi bỏ ra mà cười một mình.

Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm!”.

Xa đến đâu mặc kệ, nhưng tôi thích ngắm mắt tôi trong gương. Nó dài dài, màu nâu, hay nheo lại như chói nắng.

Không hiểu sao các anh pháo thủ và lái xe lại hay hỏi thăm tôi. Hỏi thăm hoặc viết những thư dài gửi đường dây, làm như ở cách nhau hàng nghìn cây số, mặc dù có thể chào nhau hàng ngày. Tôi không sẵn sàng, vồn vã. Khi bọn bạn gái tôi xúm nhau lại đối đáp với một anh bộ đội nói giỏi nào đấy, tôi thường đứng ra xa, khoanh hai tay trước ngực và nhìn đi nơi khác, môi mím chặt. Nhưng chẳng qua tôi điệu thế thôi. Thực tình trong suy nghĩ của tôi, những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ.

(...)

Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cửa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm.

Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng.

Chị Thao thối còi. Như thế là đã hai mươi phút qua. Tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi. Dây mìn dài, cong mềm. Tôi khoả đất rồi chạy lại chỗ nấp của mình.

Hồi còi thứ hai của chị Thảo. Tôi nép người vào bức tường, nhìn đồng hồ. Không có gió. Tim tôi cũng đập không rõ. Đường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ. Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng, đề lên những con số vĩnh cửu. Còn đằng kia, lửa đang chui bên trong cái dây mìn, chui vào ruột quả bom...

Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đứng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mặn mặn, cát lạo xạo trong miệng.

(Trích *Những ngôi sao xa xôi*, Lê Minh Khuê, *Ngữ Văn 9* tập 2, NXBGD, 2013)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên: Phương thức nghị luận	0,5 điểm
	2	Theo tác giả “Loài người hãy hòa nhập với thiên nhiên” bằng những cách sau: - Không phá đi rồi xây. - Không hủy diệt rồi nuôi trồng. - Không đối đầu. - Không đối nghịch. - Không đối kháng. -, Con người phải đặt trong môi trường sinh thái của thiên nhiên, chung sống hòa bình với vạn vật.	0,5 điểm
	3	- Virus Covid-19 có khả năng lây lan từ người sang người. - Nếu một người chủ quan, bị mắc bệnh mà vẫn tiếp xúc với mọi người thì hậu quả sẽ là kéo theo cả những người xung quanh bị nhiễm bệnh. - Bởi vậy mà mỗi người hãy ý thức tự bảo vệ bản thân, để	1,0 điểm

		có thể bảo vệ cộng đồng trong cuộc chiến chống lại đại dịch.	
	4	- Đưa ra quan điểm cá nhân, giải thích lý do cho quan điểm đó. - Gợi ý: Tán thành với quan điểm trên. - Nguyên nhân: Virus Covid-19 có khả năng lây lan từ người sang người. Chúng giống như quân địch ở trong bóng tối, nắm quyền chủ động. Chỉ cần một người lơ là, để bị “chọc thủng phòng tuyến” thì sẽ nhanh chóng lây lan cho cả cộng đồng. Cụ thể là trên thế giới, hiện nay đã có hơn một trăm sáu mươi sáu triệu ca mắc, 3,44 triệu ca tử vong.	1,0 điểm 0,25 điểm 0,75 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1.Mở đoạn: Dẫn dắt để giới thiệu về đại dịch Covid-19. 2. Thân đoạn: - Tình hình dịch Covid-19: diễn biến phức tạp với hơn 166 triệu ca mắc, 3,44 triệu ca tử vong (22/5/2021) - Hậu quả của dịch Covid-19: ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của con người; sự phát triển kinh tế của đất nước... - Trách nhiệm của công dân: + Tuân thủ các biện pháp phòng dịch: đeo khẩu trang ở nơi công cộng, hạn chế tiếp xúc... + Thực hiện thông điệp 5K của Bộ Y Tế. + Ngăn chặn hành vi nhập cảnh trái phép, khai báo y tế trung thực...	2,0 điểm

	- Phê phán những người thiếu trách nhiệm trong phòng chống dịch. 3. Kết đoạn: Khẳng định ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm công dân. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I. Mở bài - Lê Minh Khuê là một cây bút nữ chuyên viết truyện ngắn, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc . Ngôi bút của bà trong chiến tranh thường hướng về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ trên tuyến đường Trường Sơn. - Truyện ngắn “ <i>Những ngôi sao xa xôi</i>” là tác phẩm tiêu biểu của bà khi viết về đề tài này. Tác phẩm của bà được sáng tác vào năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc diễn ra vô cùng ác liệt. Tác phẩm là bức tranh về cuộc sống chiến đấu vô cùng ác liệt mà ánh sáng của nó là ánh sáng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Những cô gái thanh niên xung phong trinh sát mặt đường là nhân vật chính trong tác phẩm. - Đoạn văn trên giúp người đọc cảm nhận về đẹp nhân vật Phương Định- nhân vật chính trong tác phẩm với vẻ đẹp tâm hồn và sự dũng cảm, gan dạ đầy ngưỡng mộ. II.Thân bài 1.Khái quát về đoạn trích 2. Cảm nhận về Phương Định: a. Phương Định là một cô gái Hà Thành hồn nhiên, thơ mộng , trẻ trung, đáng yêu tràn đầy sức sống	5,0 điểm

	+ Ấn tượng đầu tiên là cô gái có bề ngoài trẻ trung, xinh xắn, đầy sức sống. Cô có “ hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh..”, “ ánh mắt nhìn xa xăm”, cô hay thích ngắm mình trong gương và làm điệu có vẻ kiêu kì... + Cô mang theo vào chiến trường vẻ hồn nhiên vô tư lự của cô gái Hà Thành mơ mộng với những bài hát “ <i>thuộc bất cứ một nhạc điệu nào rồi bịa ra lời mà hát...</i> Tiếng hát ấy để động viên đồng đội và động viên chính bản thân mình, để gửi vào trong tiếng hát sự khao khát của tuổi trẻ, của người chiến sĩ, mong được trở về quê hương yêu dấu, được gặp lại người yêu sau bao ngày nhớ nhung, yêu thương. b. Phương Định- cô gái thanh niên xung phong gan dạ, dũng cảm, mạnh bạo + Phương Định có hoàn cảnh sống và chiến đấu vô cùng khó khăn, sống trên một cao điểm, nơi có trọng điểm ở tuyến Trường Sơn ác liệt,giữa mênh mông khói bụi và bom đạn hủy diệt kẻ thù. Công việc của họ là “<i>đo khối lượng đất lấp vào hố bom và đếm bom nổ bom chưa nổ thì phá bom</i>”, Công việc vô cùng vất vả, hiểm nguy, cô phải đối diện với tử thần với cái chết bất cứ lúc nào. + Trận phá bom trên đỉnh cao Trường Sơn thể hiện rõ tinh thần, thái độ dũng cảm vượt mọi hiểm nguy của Phương Định và các cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường ấy. + Phương Định gan dạ dũng cảm, không hề sợ hãi, không đi khom... vừa thể hiện thái độ tự trọng, vừa là ý chí mạnh mẽ giúp cô vượt mọi khó khăn, hiểm nguy. + Phương Định có những thao tác rất chuẩn xác “ <i>dùng xẻng nhỏ đào đất</i>”, “<i>cẩn thận bỏ gói thuốc mìn châm ngòi</i>”, “<i>khỏa đất</i>”....Sự thuần thục, nhanh nhẹn do được tôi luyện theo thời gian đã trở thành tiềm thức của nhân vật.	

	+ Phương Định là người có cảm xúc nhạy bén, cảm nhận rõ rệt về trái bom khi nóng lên , suy nghĩ cảm thấy mình làm còn chậm . Sự thúc giục bản thân cần nhanh chóng hoàn thành công việc , tinh thần tự giác và tinh thần trách nhiệm cao trong trái tim người trẻ tuổi yêu nước. + Tâm trạng nhân vật Phương Định được miêu tả tỉ mỉ, chi tiết, suy nghĩ, lo lắng, hoảng sợ nhưng vẫn gan dạ, dũng cảm, hoàn thành trách nhiệm.. Có nghĩ đến cái chết nhưng là cảm giác bình thường, cái chết không rõ ràng, mà vô cùng mơ hồ,..Tinh thần trách nhiệm cao hơn tất cả, cao hơn cả mạng sống bản thân, Họ sẵn sàng hi sinh vì nhiệm vụ. + Câu nói “ <i>quen rồi</i>”, “ <i>phá bom 5 lần</i>”, sự bản lĩnh được tôi luyện. Đối mặt với tử thần là khó khăn nhưng các cô đã làm điều đó trong một thời gian dài để “ <i>quen rồi</i>”.. + Câu văn miêu tả trận phá bom ngắn, dồn dập, khẩn trương, tất cả làm nổi bật vẻ đẹp cô thanh niên xung phong với lý tưởng sống cao đẹp, dũng cảm, gan dạ với đời sống tinh thần phong phú, hồn nhiên, lạc quan, lãng mạn, thơ mộng,... + Phương Định và những đồng đội của mình là những người đã không tiếc tuổi thanh xuân, họ hiến dâng trọn vẹn tất cả những gì cho Tổ quốc: <i>“ Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước</i> <i>Mà lòng phơi phới dậy tương lai”.</i> 3. Đánh giá, mở rộng - Đọc tác phẩm “ <i>Những ngôi sao xa xôi</i>” của Lê Minh Khuê, người đọc thấy khâm phục và yêu mến Phương Định bởi vẻ hồn nhiên, ngây thơ lãng mạn của cô và vẻ đẹp dũng cảm, gan dạ, lí tưởng yêu nước cao đẹp trong người con gái này.	

	- Qua nhân vật này chúng ta còn cảm nhận được vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong những năm tháng kháng chiến chống Mĩ đầy oanh liệt hào hùng. Họ đã góp sức nên “<i>thiên sử vàng</i>”. - Liên hệ mở rộng so sánh với bài thơ khác cùng viết về đề tài này như: “ <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i>”(Phạm Tiến Duật) viết về những chàng thanh niên lái xe, “ <i>Khoảng trời hố bom</i>” về cô gái mở đường... - Liên hệ bản thân về trách nhiệm của thế hệ trẻ trong thời đại hiện nay: Đất nước đã ra khỏi cuộc chiến tranh, nhiệm vụ của thế hệ trẻ là học tập , rèn luyện bản thân để phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.... III. Kết bài: Khẳng định vấn đề d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 106	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn thơ và thực hiện các yêu cầu

Nếu giờ đây ai viết một chiến ca
 Việt Nam tôi là bài ca bất hủ
 Đánh giặc này chưa từng trong lịch sử
 Nhưng vẫn tự tin như tự thuở nào.
 Khi chống dịch thấy đậm nghĩa đồng bào
 Con cá mớ rau gửi vào khóm phố
 Chắc bị cách ly đâu thể còn đi chợ
 Gói đồ này gửi người chẳng hề quen.
 Đường phố Thủ đô thật quá lặng yên
 Nhịp sống căng tràn giờ như nén lại
 Hụt hẫng đấy nhưng lòng không trống trải
 Hà Nội mình vẫn chiến đấu ngày đêm.
 Vị Tư lệnh nhiều đêm thức chong đèn

Phối hợp cánh quân ra tay đập dịch
 Mắt trừng sâu nhìn biểu đồ phân tích
 Gần sáng rồi ngủ một chút đi Anh!
 Ngành Y ta lại hát bản quân hành
 Chiến sỹ tuyến đầu trong bộ blu trắng
 Gian khó hiểm nguy hy sinh thầm lặng
 Cứu sống mạng người đẹp nhất khúc vĩ thanh.
 Tổ Quốc mình mãi là mảnh đất lành
 Giang rộng cánh tay đón Con về với Mẹ
 Bộ đội nhường Con nơi nằm tử tế
 Còn các anh với lán trại phong sương.
 Là chiến binh ở nơi chốn thương trường
 Khó khăn bội phần khi kinh doanh tụt dốc
 Anh vẫn sẻ chia vẫn góp công góp sức
 Số tiền này đỡ gánh nặng tiền phương.
 (Trích Niềm tin ơi, Đỗ Minh Phú)

Câu 1: (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích?

Câu 2: (0,5 điểm) Tìm trong đoạn trích những câu nói lên phẩm chất tốt đẹp của các chiến sỹ ngành Y và bộ đội?

Câu 3: (1,0 điểm) Em hiểu nội dung của khổ thơ sau như thế nào ?

Khi chống dịch thấy đậm nghĩa đồng bào
 Con cá, mớ rau gửi vào khóm phở
 Chắc bị cách ly, đâu thể còn đi chợ
 Gói đồ này gửi người chẳng hề quen.

Câu 4: (1,0 điểm) Qua đoạn trích ở trên, em thấm thía điều gì nhất? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Từ nội dung đoạn trích ở phần đọc-hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái của nhân dân ta trong việc phòng chống đại dịch Covid 19.

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận về vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên trong tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích: Nghị luận	0,5 điểm
	2	Những câu nói lên phẩm chất tốt đẹp của các chiến sỹ ngành Y và bộ đội: <i>Gian khó hiểm nguy hy sinh thầm lặng</i>	0,5 điểm

		<i>Anh vẫn sẽ chia vẫn góp công góp sức</i>	
	3	Nội dung các câu thơ: Nghĩa tình đồng bào thăm đợm trong mùa dịch.	1,0 điểm
	4	HS có thể trả lời theo những gợi ý sau: - Sự hi sinh thầm lặng của các y bác sĩ và bộ đội - Sự sẻ chia, đoàn kết chống dịch - HS lí giải theo sự hiểu biết của mình, không vi phạm chuẩn mực, đạo đức xã hội	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1. Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận 2. Thân đoạn a. Giải thích: - Đoàn kết là kết thành một khối thống nhất, cùng hoạt động vì một mục đích chung, không chia rẽ. - Tương thân tương ái: là tinh thần thương yêu lẫn nhau. b. Phân tích, chứng minh - Cả hệ thống chính trị vào cuộc. - Tất cả người dân cùng chung tay chống giặc bằng những hành động cụ thể. Khẳng định đây là những hoạt động văn hóa ứng xử tốt đẹp của nhân dân ta - Đoàn kết tạo nên sức mạnh chung thống nhất - ĐK giúp đất nước vượt qua khó khăn, chung tay cùng với chính phủ đương đầu với “sóng thần” Covid 19. - Giúp những người bị cách ly hoặc mắc Covid 19 nhận được những ấm áp về tinh thần và vật chất. - Góp phần lan tỏa tình yêu thương trong xã hội, góp phần tạo nên một xã hội tốt đẹp hơn. => Đoàn kết và tương thân tương ái đều là những biểu hiện của tình yêu nước.	2,0 điểm

	Dẫn chứng: Ủng hộ những chai nước rửa tay khô, những chiếc khẩu trang y tế, những bữa ăn miễn phí cho vùng bị cách ly,... c. Bàn luận, mở rộng - Phê phán những biểu hiện sai trái, tin giả, trục lợi khi mua những thiết bị y tế. d. Bài học nhận thức và hành động * Nhận thức: là một nét đẹp trong hành động và trong văn hóa ứng xử của người Việt * Hành động: Rèn cho mình đức tính đoàn kết, tương thân tương ái trong cuộc sống từ những việc nhỏ nhất. 3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề Có thể viết đoạn văn như sau: Tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái của nhân dân ta trong việc phòng chống đại dịch Covid 19 là một nét đẹp trong hành động và trong văn hóa ứng xử. Vậy đoàn kết và tương thân tương ái là gì? Đoàn kết là kết thành một khối thống nhất, cùng hoạt động vì một mục đích chung, không chia rẽ còn tương thân tương ái là tinh thần thương yêu lẫn nhau. Đây là những hoạt động văn hóa ứng xử tốt đẹp của nhân dân ta. Đoàn kết tạo nên sức mạnh chung thống nhất, giúp đất nước vượt qua khó khăn, giúp những người bị cách ly hoặc mắc Covid 19 nhận được những ấm áp về tinh thần và vật chất, góp phần lan tỏa tình yêu thương trong xã hội để tạo nên một xã hội tốt đẹp hơn. Ta dễ dàng nhận thấy điều đó qua đại dịch Covid 19 khi cả hệ thống chính trị, người dân vào cuộc cùng chung tay chống giặc bằng những hành động cụ thể như ủng hộ những chai nước rửa tay khô, những chiếc khẩu trang y tế, những bữa ăn miễn phí cho vùng bị cách ly... Đoàn kết và tương thân tương ái đều là những biểu hiện của tình yêu nước. Tuy nhiên trong xã hội hiện nay khi cả nước đang oằn mình chống dịch thì vẫn còn đâu đó những hạng người với những biểu hiện sai trái, tung tin giả, trục lợi cho cá nhân. Những hành động này cần lên án gay gắt. Bản thân em là học sinh khi đang ngồi trên ghế nhà trường phải ra sức học tập và rèn luyện thật tốt bên cạnh đó cũng rèn cho mình đức tính đoàn kết, tương thân tương ái trong cuộc sống từ những việc nhỏ nhất, góp phần vào vườn hoa đẹp để cùng cả nước chống dịch. Tóm	

	lại, với tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái trong thời gian tới, nhất định dịch Covid 19 sẽ được ngăn chặn và đẩy lùi. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I.Mở bài - Giới thiệu tác giả, tác phẩm - Khái quát chung về nhân vật anh thanh niên II. Thân bài 1. Khái quát chung: - <i>Hoàn cảnh sáng tác:</i> + Riêng: Mùa hè 1970 sau chuyến đi thực tế ở Lào Cai + Chung: Miền Bắc đang xây dựng CNXH (vừa làm nhiệm vụ của hậu phương chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam, vừa chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. - <i>Tóm tắt truyện:</i> 5-7 dòng - <i>Cốt truyện đơn giản:</i> xoay quanh cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa ông họa sĩ, cô kĩ sư với anh thanh niên ở trạm khí tượng trên đỉnh Yên Sơn. 2. Cảm nhận về nhân vật anh thanh niên a. Hoàn cảnh sống và công việc khó khăn gian khổ: - Hoàn cảnh sống và làm việc: + Hoàn cảnh sống: trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m-> gian khổ, vất vả + Công việc: Công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu + Nhiệm vụ: đo gió, đo mưa, tính mây, tính nắng,...-> đòi hỏi chính xác, tỉ mỉ,... b. Về đẹp phẩm chất, tâm hồn cao quý * Yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm với công việc - Yêu nghề: “Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi,..nếu cất đi cháu buồn đến chết mất”	5,0 điểm

	-> Anh tìm thấy niềm vui, niềm hạnh phúc, tình yêu và niềm đam mê công việc. - Tinh thần trách nhiệm: Nửa đêm, đúng giờ ốp thì dù mưa tuyết, gió rét vẫn trở dậy làm việc-> Vượt qua khó khăn, gian khổ để hoàn thành công việc. * Tâm hồn lạc quan, biết sắp xếp công việc, cuộc sống khoa học, gọn gàng, ngăn nắp. - Căn nhà ba gian sạch sẽ, đồ đạc được kê xếp gọn gàng, ngăn nắp. - Ngoài giờ làm việc, anh trồng hoa, nuôi gà, đọc sách, coi sách là bạn. -> Tự tìm niềm vui, hạnh phúc trong cuộc sống. * Cởi mở, chân thành, hiếu khách - Anh đón khách niềm nở, chia sẻ cởi mở những suy nghĩ về cuộc sống và công việc của mình. - Pha trà Yên Sơn mời khách, biểu ông họa sĩ làn trứng, cô kĩ sư bó hoa để tưởng nhớ buổi đầu gặp mặt=> Người con trai đáng yêu thật. * Khiêm tốn, có ý thức hoàn thiện bản thân: - Ông họa sĩ định vẽ chân dung nhưng anh từ chối, giới thiệu người khác xứng đáng hơn. - Anh cảm thấy đóng góp của mình còn nhỏ bé. * Biết quan tâm chu đáo đến người khác: - Biểu bác lái xe củ tam thất khi biết bác gái bị ốm. - Biểu ông họa sĩ làn trứng, cô kĩ sư bó hoa.... c. Những ảnh hưởng tích cực của anh với các nhân vật khác: * Ông họa sĩ: - Cảm thấy bối rối, Họa sĩ bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước..... - Ông muốn vẽ chân dung anh nhưng làm thế nào đặt được chính tấm lòng của mình vào bức tranh đó. => ATN làm cho ông họa sĩ thêm khao khát, thêm yêu cuộc sống. * Cô kĩ sư: - Cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên khiến cô cảm thấy “bàng hoàng”. Cô hiểu thêm cuộc sống một mình cũng cảm tuyệt đẹp của người thanh niên, về cái thế giới những con người như anh mà anh kể và về con đường cô đang đi tới.	

	- Một ấn tượng hàm ớn khó tả dạt lên trong lòng cô gái trẻ. => ATN làm cho cô kĩ sư háo hức và mơ mộng. Cô tin tưởng con đường mà mình đã lựa chọn. 3. Đánh giá, mở rộng: * Đánh giá: - Nhân vật ATN là đại diện cho vẻ đẹp của người lao động đang ngày đêm lặng lẽ, âm thầm cống hiến cho đất nước. “Nếu là con chim.....nhận riêng mình (Tố Hữu) - Nghệ thuật: + Nhân vật chính được tái hiện qua nhiều điểm nhìn: Ông họa sĩ, cô kĩ sư,.. + Cách đặt tên cho nhân vật: Được gọi bằng các Danh từ chung như anh thanh niên, cô kĩ sư,...xây dựng cốt truyện, tình huống nhẹ nhàng, hợp lí. + Truyện đậm chất thơ (chất trữ tình): toát lên từ vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Sa Pa. * Mở rộng: - Tác phẩm cùng đề tài: Đoàn thuyền đánh cá (Huy Cận); Bài ca xuân 61 (Tố Hữu)’ Một khúc ca xuân (Tố Hữu); Mùa lạc (Nguyễn Khải).... => Miền Bắc xây dựng CNXH, ca ngợi những con người đang lạc quan, làm việc hăng say, cống hiến cho đất nước. III. Kết bài: - Khẳng định vẻ đẹp của hình tượng nhân vật anh thanh niên tiêu biểu cho những người lao động bình dị đang cống hiến lặng thầm cho đất nước. - Tác phẩm khơi dậy khát vọng sống cao cả cho người đọc: Sống có lí tưởng, sống đẹp, sống có ích “<i>Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình</i>”. (Tố Hữu) d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 107	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**Đọc đoạn thơ và thực hiện các yêu cầu**

Nếu anh không về trong buổi chiều nay
Em đừng buồn và âu lo quá nhé
Nhớ đón con và động viên cha mẹ
Bởi Tổ quốc cần, anh chẳng thể ngồi yên...
Bao nhiêu người cũng rất muốn đoàn viên
Nhưng covid đang tràn lan đất nước
Anh không thể, nghĩ tình riêng mình được
Khi các bạn anh, bạc tóc, hao gầy
Ai cũng mong cho đất nước mỗi ngày
Không còn tin, người nhiễm thêm ca mới
Thương Tổ quốc, em ở nhà hãy đợi
Hết dịch rồi, anh sẽ lại về thôi...
Sáng nay tin từ nước Ý xa xôi
Mấy ngàn người đã không còn sự sống
Thương Iran, muôn trái tim lay động
Hơn nghìn người trong tuyệt vọng, ra đi...
Tây Ban Nha, rồi Đại Lục - Trung Hoa...
Cả thế giới chìm một màu tang tóc
Lo quê nhà, trái tim anh chợt khóc
Sợ dịch đến mình, sợ mất một người thân...
Anh không về, vì dân tộc đang cần
Chào em yêu, đồng đội anh đang đợi
Nếu ngày mai, anh mãi xa vời vợi
Đừng khóc nghe em... Anh chẳng yên lòng..."

(Theo “Nếu anh không về” của Vũ Quốc Tuấn)

Câu 1. (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt của đoạn trích trên.

Câu 2. (0,5 điểm). Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ

“Sáng nay tin từ nước Ý xa xôi

Mấy ngàn người đã không còn sự sống
 Thương Iran, muôn trái tim lay động
 Hơn nghìn người trong tuyệt vọng, ra đi...
 Tây Ban Nha, rồi Đại Lục - Trung Hoa...

Cả thế giới chìm một màu tang tóc”

Câu 3. (1,0 điểm). Em hiểu gì về nội dung của đoạn thơ sau:

“Nếu anh không về trong buổi chiều nay
 Em đừng buồn và âu lo quá nhé
 Nhớ đón con và động viên cha mẹ
 Bởi Tổ quốc cần, anh chẳng thể ngồi yên...”

Câu 4. (1,0 điểm). Em rút ra thông điệp gì từ đoạn trích trên.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm).

Từ nội dung đoạn trích ở phần đọc-hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của sự cống hiến cho cuộc đời trong cuộc chiến chống đại dịch Covid 19 hiện nay.

Câu 2. (5,0 điểm).

Vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều trong đoạn trích cùng tên, trích *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích: Biểu cảm	0,5 điểm
	2	Biện pháp tu từ : Liệt kê	0,5 điểm
	3	Nội dung của đoạn thơ: -Lời tâm tình của những người nơi tuyến đầu chống dịch. -Nhắc nhở những người nơi hậu phương hãy làm thật tốt vai trò của mình	1,0 điểm
	4	HS có thể rút ra nhiều thông điệp, miễn không vi phạm chuẩn mực đạo đức. Sau đây là vài gợi ý: -Thấu hiểu, sẻ chia với những người nơi tuyến đầu chống dịch. - Hãy làm thật tốt vai trò của người hậu phương để người	1,0 điểm

		tuyển đầu với bột nhọc nhần.	
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: “ <i>Đừng hỏi Tổ quốc đã làm gì cho ta/ Mà hãy hỏi ta đã làm gì cho Tổ quốc hôm nay</i>”, câu hát trên đã gọi cho ta nhiều suy ngẫm về sự cống hiến của mỗi người cho cuộc đời đặc biệt là trong đại dịch Covid 19 hiện nay. Vậy theo bạn cống hiến là gì? Theo tôi cống hiến là sự hi sinh lợi ích của bản thân, làm việc hết mình, dốc lòng, dốc sức đóng góp cho công việc chung của tập thể. Cống hiến sẽ giúp cho con người khẳng định được giá trị của bản thân và phát huy vai trò trách nhiệm của mình với mọi người và xã hội. Cống hiến sẽ làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, lan tỏa yêu thương đến cộng đồng. Người cống hiến sẽ được mọi người yêu quý, ngưỡng mộ, ca ngợi và trân trọng. Ta có thể bắt gặp sự cống hiến của mọi người ở khắp mọi nơi, mọi thời điểm. Trong đại dịch Covid 19 thì sự cống hiến của mọi người càng được thể hiện rõ hơn, sâu sắc hơn. Sẻ chia những chai sát khuẩn, những chiếc khẩu trang, những cây gạo ATM, những bữa cơm không đồng,...đã làm ấm lòng đồng bào để vượt qua đại dịch. Những thiên thần áo trắng, các lực lượng công an, bộ đội...cũng căng mình chiến đấu vì Covid. Kết quả của sự cống hiến đó là Việt Nam đã từng bước kiểm soát tốt dịch bệnh và trở thành điểm sáng trên bản đồ thế giới về chống dịch. Thế nhưng bên cạnh những người cống hiến quên mình vì đất nước thì vẫn còn đâu đó những thành phần vô cảm, ích kỉ không có tinh thần cống hiến thiết nghĩ đáng lên án. Bản thân em là học sinh, là thế hệ trẻ của đất nước vậy nên ngay từ bây giờ phải ra sức rèn đức luyện tài và góp một phần nhỏ bé của mình vào xây dựng quê hương đất nước và trước hết hãy cùng nhau chống dịch bằng những việc làm nhỏ nhất. Tóm lại sự cống hiến có vai trò, ý nghĩa vô cùng quan trọng trong cuộc sống của con người ở mọi thời đại.	<i>2,0 điểm</i>

	d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I. Mở bài - Giới thiệu tác giả Nguyễn Du và đoạn trích Chị em Thúy Kiều - Dẫn dắt vấn đề nghị luận: đoạn trích đã làm nổi bật nhan sắc và tài năng của chị em Thúy Kiều, đặc biệt là sắc đẹp và tài năng của Thúy Kiều. Có thể viết mở bài như sau: Nguyễn Du cả đời cầm bút luôn dụng tâm hướng cảm xúc của mình đến với vẻ đẹp cũng như số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Dưới ngòi bút của ông, chân dung những người phụ nữ luôn được ca ngợi và cực tả đến tuyệt mỹ. Điều này ta có thể thấy rõ qua bức chân dung chị em Thúy Kiều trong đoạn trích cùng tên. Bằng nét bút tài hoa, ông đã dựng nên bức tranh về hai tố nữ với những nét đẹp không hề lặp lại. Vẻ đẹp ấy đã làm cho trái tim bao thế hệ bạn đọc không khỏi trầm trồ, ngưỡng mộ. Đồng thời qua đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” mỗi chúng ta có cơ hội được diện kiến ngòi bút kì tài của Nguyễn Du trong nghệ thuật khắc họa chân dung nhân vật. II.Thân bài 1. Giới thiệu khái quát về đoạn trích - Nằm ở phần đầu của Truyện Kiều - Nội dung: Khắc họa chân dung chị em Thúy Kiều qua đó bộc lộ cảm hứng nhân văn sâu sắc của tác giả. 2. Vẻ đẹp của Chị em Thúy Kiều a. Vẻ đẹp của Thúy Vân: - Phong thái: thanh thoát, nhẹ nhàng, đoan trang, lịch sự; - Nhân diện: Lấy vàng trắng so sánh khuôn mặt: phúc hậu, hiền hòa	5,0 điểm

	- Giọng nói: cũng trở thành nét đẹp rất riêng trong con người nàng. Xuân Diệu ca ngợi: từ thốt là chữ đắt giá. - Dự báo số phận từ nhan sắc: “<i>mây thua....tuyết nhường..</i>”: số phận bình an, hạnh phúc. => Bằng bút pháp ước lệ tượng trưng và thủ pháp so sánh ngầm, Nguyễn Du đã làm cho chân dung Thúy Vân hiện lên như một tố nữ, đẹp người, đẹp nết và bình an trong số phận. b. Vẻ đẹp tài sắc của Thúy Kiều b1. Nhan sắc của Thúy Kiều: - Thúy Vân là phong nền hoàn hảo mở đường cho sự xuất hiện của Thúy Kiều với vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà; - Thủ pháp tăng tiến trong miêu tả “ <i>Kiều càng sắc sảo mặn mà</i>” không chỉ đẹp mà còn có sức hút mạnh mẽ đối với người đối diện; - <i>Đôi mắt</i> như nước mùa thu lột tả nội tâm luôn man mác một chút buồn ẩn sâu dưới cái nhìn trong veo của Kiều - Nguyễn Du sử dụng những từ ngữ có sức gợi cảm cao như “ghen”, “hờn” khi miêu tả vẻ đẹp của Kiều. Hai từ ngữ ấy tự nó đã chứa đựng sự dự báo không mấy tốt đẹp mà Kiều có thể phải đối mặt ở tương lai. => Tạo hóa ganh ghét với nhan sắc vượt qua những chuẩn chung. Nguyễn Du đã bày tỏ sự thương cảm kín đáo với số phận của nhân vật. - “ <i>Nghiêng nước nghiêng thành</i>” : đẩy vẻ đẹp của Kiều lên hàng <i>quốc sắc thiên hương</i>, có một không hai-> Sự yêu mến hết mực mà Nguyễn Du đã dành cho Kiều-> Chân dung của Kiều hiện ra với vẻ đẹp vạn người mê. Vẻ đẹp ấy khiến cho tạo hóa và vạn vật sinh lòng đố kị->Dấu hiệu dự báo một cuộc đời đầy sóng gió. b2. Nét đẹp tài năng: - Thúy Kiều có tài năng toàn vẹn: cầm, kì, thi, họa. Lĩnh vực nào Kiều cũng tinh thông nhưng nổi bật nhất là tài đàn. - Nguyễn Du hoàn thiện cho một triết lí “<i>tài mệnh tương đố</i>”, mỗi khúc đàn luôn ẩn chứa nét buồn ai oán-> tiếng đàn mang tính chất dự báo một thiên bạc mệnh đang chờ đợi nàng ở phía trước-> người con gái đa sầu, đa cảm. =>Bằng bút pháp lí tưởng hóa, vẻ đẹp của Thúy Kiều ở phương diện tài năng và nhan sắc đạt đến mức hoàn mỹ và	

	đỉnh cao. c. Vẻ đẹp trong lối sống của chị em Thúy Kiều - Lối sống phong lưu, được chăm sóc và yêu chiều “<i>Phong lưu rất mực hồng quần</i>” - Luôn khuôn phép giữ mình theo đúng chuẩn mực của một người có nền nếp gia phong. - Cả hai chị em Kiều là những cô gái ngoan, kín đáo, tế nhị và luôn ý thức được giá trị của bản thân mình. “<i>Tường đông ong bướm đi về mặc ai</i>” 3. Đánh giá khái quát: - Tả người từ khái quát đến cụ thể, tả ngoại hình mà bộc lộ tính cách, dự báo số phận, ngôn ngữ gợi tả, sử dụng hình ảnh ước lệ, thủ pháp đòn bẩy, các biện pháp tu từ, nhân hóa, so sánh, dùng điển tích, điển cố. Tất cả đã làm nổi bật lên hai bức tranh tố nữ với những nét đẹp không hề lặp lại. Nghệ thuật ấy đã tôn lên tài năng của Nguyễn Du trong việc khắc họa chân dung nhân vật. - Qua chân dung chị em Kiều, ta càng mến yêu, trân trọng những người phụ nữ xưa. Dù cuộc sống có trải qua những thăng trầm biến cố song vẻ đẹp của họ luôn khiến ta ngưỡng mộ và yêu thương. III. Kết bài - Đánh giá khái quát lại vẻ đẹp của chị em Kiều cũng như tấm lòng và tài năng của Nguyễn Du. - Nêu được cảm xúc của bản thân về hai nhân vật và niềm mong ước của bản thân về cuộc sống và số phận của người phụ nữ trong xã hội ngày nay. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 108	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu

Sẽ chia từng chiếc khăn trang

Bạn đã nghe đến chuyện phát bánh mì miễn phí cho người nghèo hay những thùng trà đá miễn phí để bên đường. Hoặc những chai nước suối được chính các anh CSGT phát cho người dân trên những nẻo đường về quê ăn Tết. Thì trong mùa dịch, chính là những bạch khẩu trang được phát miễn phí khắp các ngõ phố từ Bắc vô Nam, không tỉnh nào là không có. Tại các công viên hay khu tập trung công cộng, bạn sẽ bắt gặp nhiều bạn sinh viên cầm trên tay những chiếc khẩu trang đi phát cho những người chưa có cơ hội mua được. Mọi người sẵn sàng chia sẻ khẩu trang khi bắt gặp người đang không có khẩu trang.

Khi một số cửa hàng tăng giá khẩu trang, thì những cửa hàng khác lại không bán khẩu trang. Họ chỉ phát miễn phí. Người dân đến mua hàng hay đi qua có thể ghé qua tự lấy khẩu trang miễn phí nếu cần. Chỉ cần bước chân vào một hiệu thuốc, nhân viên sẽ hỏi bạn có cần khẩu trang không và tự động để khẩu trang vào túi cho bạn. Và tất nhiên đó là miễn phí.

(Trích Câu chuyện về tình dân tộc Việt mùa đại dịch từ virus Corona)

Câu 1. (0,5 điểm) Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.

Câu 2. (0,5 điểm) Tìm và gọi tên một phép liên kết có trong đoạn văn thứ nhất?

Câu 3. (1,0 điểm) Những việc làm của các bạn sinh viên và các cửa hàng có ý nghĩa như thế nào trong việc phòng chống dịch bệnh?

Câu 4. (1,0 điểm) Theo em việc làm của rất nhiều cá nhân và tập thể trong văn bản trên có cần được ca ngợi không? Vì sao? Bản thân em cần phải làm gì để cùng chung tay đẩy lùi dịch bệnh?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm) Hãy viết đoạn văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về sự chia sẻ trong cuộc sống hàng ngày.

Câu 2. (5.0 điểm) Cảm nhận của em về hai khổ thơ sau trong bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải.

*Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến.*

*Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.*
(Thanh Hải – Mùa xuân nho nhỏ)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên: tự sự	0,5 điểm
	2	Một phép liên kết: lặp từ “khẩu trang” ở câu (4) và câu (5)	0,5 điểm
	3	Việc làm của các bạn sinh viên và các cửa hàng phát khẩu trang miễn phí có ý nghĩa rất lớn trong việc bảo vệ sức khỏe của mọi người và phòng chống dịch bệnh. Hành động đó cũng là biểu tượng đẹp của sự sẻ chia trong cuộc sống.	1,0 điểm
	4	- Theo em việc làm của rất nhiều cá nhân và tập thể trong văn bản trên cần được ca ngợi vì đó là những nghĩa cử cao đẹp vì những hành động ấy thể hiện sự tương thân tương ái của đồng bào trong hoàn cảnh khó khăn của đất nước. - Để chung tay đẩy lùi dịch, bản thân em: + Chấp hành quy định cách li của Nhà nước. + Tuyên truyền nâng cao ý thức cách li đối với mỗi người. + Chung tay giúp đỡ người khó khăn trong điều kiện bản thân có thể làm được.	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1.Mở đoạn: Giới thiệu về sự sẻ chia trong cuộc sống. 2.Thân đoạn a.Giải thích: sẻ chia là san sẻ những gì mình khó, giúp người khác qua cơn khó khăn. b. Phân tích, chứng minh * Biểu hiện của sự chia sẻ:	2,0 điểm

	-Về vật chất: chúng ta có thể quyên góp, ủng hộ bằng nhiều cách để giúp đỡ những người gặp hoạn nạn, khó khăn. -Về tinh thần: chúng ta biết lắng nghe, mở lòng để thấu hiểu họ, thể hiện tình cảm, sự thấu hiểu đối với những người gặp khó khăn - Về công sức: có thể góp sức xây dựng nên nơi cư trú hay xây dựng trường học cho những nơi khó khăn,... * Ý nghĩa: - Đối với người nhận: những người gặp khó khăn sẽ rất vui, họ cảm thấy được an ủi, được quan tâm và chia sẻ - Đối với người cho: những người ủng hộ sẽ được an lòng, cảm thấy nhẹ nhàng, thanh thản và sống tốt hơn. => Chia sẻ đều mang lại lợi ích cho cả hai bên, giúp cho tinh thần của học trở nên thư thái và được yêu thương hơn. c. Bàn luận mở rộng: Phê phán những người vô cảm, ích kỉ, không biết sẻ chia. d. Bài học nhận thức và hành động: - SC là một hành động đẹp cần phát huy, lan tỏa. - Học tập và rèn luyện, tham gia các hoạt động, các phong trào thiện nguyện,... 3. Kết đoạn: Cuộc sống sẽ tốt đẹp hơn khi chúng ta biết sẻ chia. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc.	5,0 điểm

	Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I. Mở bài - Vài nét về nhà thơ Thanh Hải: Một nhà thơ có thể nói là đã cống hiến cả đời mình cho cách mạng. - Tác phẩm: một bông hoa đặc sắc về tình yêu và khát khao cống hiến đối với đất nước thiêng liêng. - Dẫn dắt đoạn thơ: nằm ở giữa tác phẩm, nói về ước nguyện được cống hiến của tác giả. II. Thân bài 1. Khái quát về bài thơ - Giới thiệu về hoàn cảnh ra đời đặc biệt của bài thơ: được viết trong những ngày cuối cùng Thanh Hải nằm trên giường bệnh, cả cuộc đời ông đã dùng để cống hiến cho cách mạng, giờ đây ông lại cất lên niềm khát khao, niềm mong mỏi có thể tiếp tục cống hiến “mùa xuân nho nhỏ” cho cuộc đời này. - Giá trị nội dung: Bài thơ thể hiện tình yêu thiên nhiên, ca ngợi quê hương và khát khao cống hiến của tác giả. 2. Ước nguyện của tác giả - Sự chuyển đổi ngôi thứ "tôi" -> "ta" => Nói lên quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng - Điệp ngữ "ta làm", nói lên sự quyết tâm, lối liệt kê: con chim, cành hoa, nốt nhạc -> Yếu tố tạo nên mùa xuân - Nốt nhạc trầm là biểu tượng cho sự cống hiến thầm lặng => Liên tưởng anh thanh niên trong "Lặng lẽ Sapa", chị quét rác trong "Tiếng chổi tre" - Giải thích tựa bài thơ - Điệp ngữ "dù là" => Như lời nhắn nhủ giữa người đi trước và người đi sau - Lối hoán dụ người tóc bạc, tuổi 20 -> tuổi trẻ -> tuổi già -> Sự cống hiến không phân biệt tuổi tác, thứ bậc, giới	

	tính, giai cấp. 3. Đặc sắc nghệ thuật - Cảm xúc dâng trào, cách diễn đạt thật chân thật, tha thiết - Ngôn từ giản dị, giọng điệu thiết tha. - Hình ảnh ẩn dụ đẹp dễ - biểu tượng vừa quen thuộc, vừa gần gũi với hình ảnh thực, vừa sâu sắc, có ý nghĩa khái quát và giá trị biểu cảm, tạo nên giá trị sâu sắc trong lòng người đọc. III. Kết bài - Đánh giá giá trị nghệ thuật, nội dung. - Đoạn thơ đã góp phần làm nên thành công tác phẩm. d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 109	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN Thời gian: 120 phút

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu

Một trong những nhân vật - đồ vật xuất hiện xuyên suốt trong đời sống nhân loại năm 2020 chính là chiếc khẩu trang. Vốn chỉ thông dụng ở những xứ sở ô nhiễm môi trường hay trong những nơi làm việc độc hại, từ khi coronavirus khởi phát ở Vũ Hán (Trung Quốc) rồi trở thành đại dịch, chiếc khẩu trang đồng hành với đời sống con người, từ Đông sang Tây, từ thành phố hoa lệ đến thôn quê hẻo lánh, từ người trẻ trong học đường đến người già trong nhà dưỡng lão... Vượt qua những e ngại và thành kiến ban đầu, nay chiếc khẩu trang đã chinh phục tuyệt đại đa số nhân loại như là một "vị cứu tinh" trong đại dịch Covid-19, ít nhất là cho đến khi vaccine chủng ngừa căn bệnh này được sử dụng phổ biến trên toàn cầu.

Chiếc khẩu trang trước hết là một sản phẩm y tế, nhằm bảo vệ sức khỏe con người. Đeo khẩu trang là để lập lá chắn bảo vệ bản thân, gia đình và xã hội. Đeo khẩu

trang cũng là cách góp phần giảm gánh nặng của y, bác sĩ và nhân viên y tế trong tình trạng quá tải của các bệnh viện...

Từ một sản phẩm y tế, chiếc khẩu trang trở thành một hiện tượng giao tiếp xã hội. Đeo khẩu trang là một cách thể hiện thái độ ứng xử với tha nhân, với không gian công cộng. Cũng là "mask" như cái mặt nạ trong hội hóa trang, nhưng khẩu trang chỉ che miệng và mũi, vẫn còn để hở đôi mắt, vầng trán, mái tóc để nhận ra một hình ảnh. Người ta vẫn có thể nhận ra nhau qua ánh mắt lấp lánh niềm vui để động viên nhau hay buồn rầu ứa lệ trước cảnh người thân bị cách ly, thậm chí là đời mà không thể tiễn đưa. Giao tiếp qua trung gian chiếc khẩu trang đòi hỏi những thay đổi nhất định: giọng nói tăng âm, ánh mắt biểu cảm, khoảng cách cần thiết, cử chỉ linh hoạt để thu hút người đối thoại... Cách đeo khẩu trang nói lên tính kỷ luật và ý thức cộng đồng của con người. Người cẩn trọng đeo khẩu trang chỉ chạm vào sợi dây, không chạm vào mặt vải và thay mới hằng ngày; người cầu thả đeo cho lấy có, dùng một khẩu trang vài nhiều ngày liền mà không giặt sạch. Năm qua nước ta thành công trong chống dịch, ngoài những biện pháp quyết liệt như giãn cách xã hội, cách ly tập trung, có phần nhờ nâng cao ý thức cá nhân trong việc sử dụng khẩu trang.

Trong hoạn nạn, chiếc khẩu trang trở thành một hiện tượng văn hóa, thể hiện tình gia đình, tình đồng bào, tình nhân loại"

Học sinh thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Theo văn bản, nhân vật - đồ vật nào xuất hiện xuyên suốt trong đời sống nhân loại năm 2020? (0,5 điểm)

Câu 2. Chỉ ra hai tác dụng của việc đeo khẩu trang đã được đề cập trong đoạn trích(0,5 điểm)

Câu 3. Em có đồng tình với ý kiến của tác giả: "Trong hoạn nạn, chiếc khẩu trang trở thành một hiện tượng văn hóa, thể hiện tình gia đình, tình đồng bào, tình nhân loại" không? Vì sao? (1,0 điểm)

Câu 4. Em rút ra những bài học gì cho bản thân qua việc đeo khẩu trang? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về trách nhiệm của mỗi người trong đại dịch.

Câu 2. (5.0 điểm)

Trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

Quê hương anh nước mặn, đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.
 Anh với tôi đôi người xa lạ
 Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,
 Súng bên súng, đầu sát bên đầu,
 Đêm rét chung chăn thành đội tri kỉ.
 Đồng chí !
 Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
 Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay
 Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

(Trích Đồng chí - Chính Hữu, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục, 2008, tr.128)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Theo văn bản, nhân vật - đồ vật xuất hiện xuyên suốt trong đời sống nhân loại năm 2020: chiếc khẩu trang	0,5 điểm
	2	HS nêu được hai trong số những tác dụng sau - Một sản phẩm y tế để bảo vệ sức khỏe con người. - Một hiện tượng giao tiếp xã hội - Một hiện tượng văn hóa.	0,5 điểm
	3	HS nêu quan điểm của bản thân, lí giải phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội	1,0 điểm
	4	- Đeo khẩu trang giúp bảo vệ sức khỏe cho bản thân, gia đình và xã hội. - Đeo khẩu trang sẽ giảm gánh nặng của y, bác sĩ và nhân viên y tế. - Đeo khẩu trang là góp phần nhanh chóng đẩy lùi dịch bệnh.	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau Ta từng tự hào vì đất nước Việt Nam hơn 4000 năm dựng nước và giữ nước thì giờ đây ta lại thêm tự hào vì mang trong mình dòng máu của mảnh đất anh hùng, kiên cường chống dịch Covid 19. Để có được điều đó bên cạnh sự chỉ đạo sáng suốt của các cấp lãnh đạo thì còn phải kể đến ý thức trách nhiệm của mỗi người dân. Vậy ý thức trách	2,0 điểm

	nhiệm là gì? Trách nhiệm là việc mỗi người phải làm và phải có ý thức với những điều đó.. Người sống có trách nhiệm sẽ luôn chủ động trong mọi việc. Để làm được điều đó mỗi người phải chấp hành tốt quy định phòng chống dịch như đeo khẩu trang, thường xuyên sát khuẩn,...Ta dễ dàng nhận thấy ý thức trách nhiệm của mỗi công dân khi nhiều người xung phong vào tuyến đầu chống dịch, đó có thể là những người đang công tác là y bác sĩ, bộ đội, công an, cũng có thể là những người về hưu và thậm chí là những sinh viên y khoa đang còn ngồi trên ghế nhà trường.Điều đó thật tự hào làm sao. Mỗi cá nhân như một vì sao tinh tú góp phần tô sáng cho bầu trời âm u mà ở nơi đó đại dịch không hoành hành. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn có một bộ phận không nhỏ thiếu đi tinh thần trách nhiệm. Đó có thể là những cô gái chàng trai trốn cách li, không khai báo y tế khi vừa về từ vùng dịch, hay là vì lợi ích cá nhân mà cho những người nhập cảnh trái phép. Những hành vi ấy thật đáng suy ngẫm. Bản thân em là học sinh ngoài việc học tập và rèn luyện thì cần phải chung tay đẩy lùi dịch bệnh như đeo khẩu trang, giữ khoảng cách tối thiểu đến nơi công cộng, thường xuyên sát khuẩn...Tóm lại, mỗi người hãy cùng chung tay đồng lòng chống dịch thì nhất định ngày chiến thắng Covid-19 sẽ không còn xa. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I. Mở bài - Giới thiệu ngắn gọn tác giả Chính Hữu và bài thơ “Đồng chí” - là một trong số những bài thơ hay nhất, tiêu biểu nhất của Chính Hữu và cũng là của nền thơ kháng chiến. - Qua bài thơ ta càng hiểu rõ hơn về cơ sở hình thành tình	5,0 điểm

	đồng chí cũng như tình cảm mà các anh dành cho nhau. II. Thân bài 1. Khái quát chung: - Bài thơ “Đồng chí” được sáng tác mùa xuân năm 1948, sau khi tác giả tham gia chiến dịch Việt – Bắc thu đông (1947). Bài thơ là kết quả từ những trải nghiệm của tác giả về thực tế cuộc sống và chiến đấu của bộ đội ta trong những ngày đầu kháng chiến. – Bài thơ được in trong tập “Đầu súng trăng treo” (1966) – tập thơ phần lớn viết về người lính trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. 2. Cơ sở hình thành tình đồng chí - Tình đồng chí bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân của những người lính: "Quê hương anh nước mặn đồng chua Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá". "Anh" ra đi từ vùng "nước mặn đồng chua", "tôi" từ miền "đất cày lên sỏi đá". Hai miền đất xa nhau, "đôi người xa lạ" nhưng cùng giống nhau ở cái "nghèo". Hai câu thơ giới thiệu thật giản dị hoàn cảnh xuất thân của người lính: họ là những người nông dân nghèo. - Tình đồng chí hình thành từ sự cùng chung nhiệm vụ, cùng chung lý tưởng, sát cánh bên nhau trong hàng ngũ chiến đấu: "Súng bên súng, đầu sát bên đầu" Họ vốn "chẳng hẹn quen nhau" nhưng lý tưởng chung của thời đại đã gắn kết họ lại với nhau trong hàng ngũ quân đội cách mạng. "Súng" biểu tượng cho nhiệm vụ chiến đấu, "đầu" biểu tượng cho lý tưởng, suy nghĩ. Phép điệp từ (súng, đầu, bên) tạo nên âm điệu khoẻ, chắc, nhấn mạnh sự gắn kết, cùng chung lý tưởng, cùng chung nhiệm vụ. - Tình đồng chí nảy nở và bền chặt trong sự chan hoà và chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui: Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ. Cái khó khăn thiếu thốn hiện lên: đêm rét, chăn không đủ đắp nên phải "chung chăn". Nhưng chính sự chung chăn ấy, sự chia sẻ với nhau trong gian khổ ấy đã trở thành niềm vui, thắt chặt tình cảm của những người đồng đội để	

	trở thành "đôi tri kỷ". => Sáu câu thơ đầu đã giải thích cội nguồn và sự hình thành của tình đồng chí giữa những người đồng đội. Câu thơ thứ bảy như một cái bản lề khép lại đoạn thơ một để mở ra đoạn hai. 3. Những biểu hiện cảm động của tình đồng chí - Tình đồng chí là sự cảm thông sâu sắc những tâm tư, nỗi niềm của nhau. Những người lính gắn bó với nhau, họ hiểu đến những nỗi niềm sâu xa, thầm kín của đồng đội mình: <i>Ruộng nương anh gửi bạn thân cày, Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.</i> Người lính đi chiến đấu để lại sau lưng những gì yêu quý nhất của quê hương: ruộng nương, gian nhà, giếng nước gốc đa,... Từ "mặc kệ" cho thấy tư thế ra đi dứt khoát của người lính. Nhưng sâu xa trong lòng, họ vẫn da diết nhớ quê hương. Ở ngoài mặt trận, họ vẫn hình dung thấy gian nhà không đang lung lay trong cơn gió nơi quê nhà xa xôi. - Tình đồng chí còn là cùng nhau chia sẻ những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời người lính : + Những gian lao, thiếu thốn trong cuộc sống của người lính những năm kháng chiến chống pháp hiện lên rất cụ thể, chân thực: áo rách, quần vá, chân không giày, sự khổ sở của những cơn sốt rét rừng hành hạ, trời buốt giá, môi miệng khô và nứt nẻ, nói cười rất khó khăn, có khi nứt ra chảy cả máu. Nhưng những người lính vẫn cười bởi họ có hơi ấm và niềm vui của tình đồng đội "thương nhau tay nắm lấy bàn tay". + Hơi ấm ở bàn tay, ở tấm lòng đã chiến thắng cái lạnh ở "chân không giày" và thời tiết "buốt giá". Cặp từ xưng hô "anh" và "tôi" luôn đi với nhau, có khi đứng chung trong một câu thơ, có khi đi sóng đôi trong từng cặp câu liền nhau diễn tả sự gắn bó, chia sẻ của những người đồng đội. III. Kết bài - Khẳng định thành công của tác phẩm	

		- Dư âm của tác phẩm với bạn đọc d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 110	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu

*Đất nước mình bé nhỏ vậy thôi em
 Nhưng làm được những điều phi thường lắm
 Bởi hai tiếng nhân văn được cất vào sâu thẳm
 Bởi vẫn giữ vẹn nguyên hai tiếng đồng bào.*

*Em thấy không? Trong nỗi nhọc nhằn, vất vả, gian lao
 Khi dịch bệnh hiểm nguy đang ngày càng lan rộng
 Cả đất nước mình cùng đồng hành ra trận
 Trên dưới một lòng chống dịch thoát nguy.*

(Trích "Đất nước ở trong tim" - Chu Ngọc Thanh)

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định thể thơ của đoạn thơ trên?

Câu 2 (0,5 điểm). Đoạn thơ trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 3 (1,0 điểm). Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ cuối của khổ thơ thứ nhất. Hiệu quả của biện pháp tu từ đó?

Câu 4 (1,0 điểm). Nêu nội dung chính của đoạn thơ. Từ nội dung đó đã chạm vào miền cảm xúc nào trong em về đất nước?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ của em về *tinh thần đoàn kết* được gợi ra từ đoạn trích trong phần Đọc hiểu.

Câu 2 (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về hai khổ cuối bài thơ Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận.

“Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng

Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng

Vẫy bạc đuôi vàng lóe rạng đông
 Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng
 Câu hát căng buồm với gió khơi,
 Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.
 Mặt trời đội biển nhô màu mới
 Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.”

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Thể thơ của đoạn thơ: tự do	0,5 điểm
	2	Đoạn thơ trên sử dụng phương thức biểu đạt chính là biểu cảm	0,5 điểm
	3	Biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ cuối của khổ thơ thứ nhất là biện pháp điệp từ. Tác dụng: vừa nhấn mạnh, vừa gợi cho cảm xúc của người đọc vào lý do rằng trong con người Việt Nam vẫn luôn tồn tại "nhân văn", "đồng bào" nên dù nước ta có nhỏ bé thật đấy nhưng vẫn làm nên được những điều phi thường.	1,0 điểm
	4	Nội dung chính của đoạn thơ: Sự đoàn kết của cả nước trước đại dịch. (Các em tự nêu suy nghĩ và nêu cảm xúc của mình.)	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1. Mở đoạn: Sau khi đọc bài thơ "Đất nước ở trong tim" của cô giáo Chu Ngọc Thanh đã cho em những suy nghĩ gì về tinh thần đoàn kết. 2. Thân đoạn	2,0 điểm

	a. Giải thích: + Tinh thần đoàn kết là sự gắn kết, sự liên kết bền chặt giữa các cá nhân trong một tập thể để trải qua hoặc hoàn thành những giai đoạn khác nhau của cuộc sống. + Tinh thần đoàn kết đó cũng được bộc lộ rõ nét trong tình hình đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nặng nề về cả kinh tế, tính mạng và sức khỏe người dân. b. Biểu hiện của tinh thần đoàn kết + Khi xưa, tinh thần đoàn kết của nhân dân, của ông cha ta khi đánh lùi giặc ngoại xâm, giữ vững bảo toàn lãnh thổ Việt Nam khỏi thực dân Pháp, đế quốc Mỹ. + Ngày nay, tinh thần đoàn kết chính là chung tay vào xây dựng phát triển đất nước, xã hội. Khi dịch bệnh bùng phát, người dân trong cả nước ủng hộ, quyên góp sức người sức của. Không chỉ có các y, bác sĩ, những chiến sĩ ngoài biên phòng... mà là toàn Đảng, toàn dân ta cùng chung tay chống dịch. c. Làm sao có được sự đoàn kết ? + Mỗi cá nhân nên đặt lợi ích chung hàng đầu, phấn đấu cống hiến hết mình vì tổ chức. + Hiểu rõ sức mạnh đoàn kết và cố gắng phát huy tinh thần đó trong tổ chức, tập thể. d. Mở rộng: Lên án người không có sự đoàn kết: + Phê phán các cá nhân sống ích kỷ, hẹp hòi, chỉ nghĩ cho bản thân mình, vì trục lợi mà bán khẩu trang, nước rửa tay khô giá đắt, không đạt tiêu chuẩn... + Phê phán những kẻ âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, lan truyền mê tín dị đoan, thông tin sai lệch ảnh hưởng nghiêm trọng tới cộng đồng. 3.Kết đoạn: Đúc kết lại vấn đề và rút ra bài học cho bản thân em d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự	5,0 điểm

	cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : 1. Mở bài: + Huy Cận là một trong những nhà thơ tiêu biểu cho nền thơ ca hiện đại Việt Nam + Giữa năm 1958, ông có chuyến đi thực tế dài ngày ở Quảng Ninh. Từ chuyến đi thực tế này, ông viết Đoàn thuyền đánh cá. + Hai khổ thơ cuối, tác giả khắc họa hình ảnh tráng lệ, thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống. 2. Thân bài: + Vẻ đẹp hài hòa giữa thiên nhiên tráng lệ và người lao động: Ra đi từ lúc hoàng hôn buông xuống, sóng cài then, đêm sập cửa, vũ trụ nghỉ ngơi, nay trở về bình minh đang lên rạng rỡ. Trước hết, đó là cảnh khẩn trương, hối hả chuẩn bị cho sự trở về: <i>Sao mờ, kéo lưới trời sáng</i> <i>Ta kéo xoắn tay chùm cá nặng</i> <i>Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông</i> <i>Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng</i> Tất cả tinh thần khẩn trương, hối hả được diễn tả qua từ "kịp" và hình ảnh "kéo xoắn tay" một hình ảnh thơ khỏe khoắn gợi tả một công việc lao động hăng say, vất vả nhưng lấp lánh niềm vui bởi thành quả lao động mà họ đạt được "chùm cá nặng".	

	- Sự khoẻ mạnh của người lao động qua hình ảnh ẩn dụ "ta kéo xoăn tay chùm cá nặng" - Niềm vui tươi trong lao động qua những câu thơ tả cảnh đẹp, đầy sáng tạo. + Cảnh đoàn thuyền buồm căng gió trở về bến: Công việc đánh cá kết thúc, khi mà: "lưới xếp, buồm lên đón nắng hồng" đó là lúc đoàn thuyền trở về: <i>Câu hát căng buồm với gió khơi,</i> <i>Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.</i> <i>Mặt trời đội biển nhô màu mới</i> <i>Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi</i> - Chi tiết "đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời" và "mặt trời đội biển nhô màu mới" là chi tiết giàu ý nghĩa. Hình ảnh "mặt trời" là hình ảnh ẩn dụ cho một tương lai xán lạn. Và con thuyền chạy đua về tương lai là con thuyền tự do làm chủ cuộc sống đang trên bước đường xây dựng chủ nghĩa xã hội hứa hẹn thành công. 3. Kết bài: + Bài "Đoàn thuyền đánh cá" là một trong những bài thơ hay phản ánh không khí lao động hăng say, náo nức của những người lao động đánh cá trên biển trong không khí của những ngày đất nước miền bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội. + Bài thơ có nhiều sáng tạo trong việc xây dựng hình ảnh bằng liên tưởng, tưởng tượng độc đáo và vận dụng nhiều biện pháp tu từ thành công. Giám khảo cho điểm tối đa khi bài viết đảm bảo tốt hai yêu cầu về kiến thức và kĩ năng làm bài, cần trân trọng những bài viết sáng	

	tạo, có chất văn. d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 111	ĐỀ THI THỬ VÀO 10 Môn NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu

Mùa dịch giúp xóa khoảng cách và kéo mọi người gần nhau hơn. Mọi người đồng lòng và cùng chung mục tiêu chiến thắng dịch bệnh. Các hoạt động thiện nguyện một phần xuất phát từ tinh thần trách nhiệm xã hội, và sâu thẳm tận đáy lòng của mọi người là tinh thần “máu chảy ruột mềm”, vì tình dân tộc và nghĩa đồng bào.

Không cần những mỹ từ kêu gọi, mọi người đến với nhau và chung tay trên sự tin tưởng và tín nhiệm. Chúng tôi đã cùng nhau lập các nhóm thiện nguyện “Góp khẩu trang cho tuyến đầu”, “Góp gạo nhu yếu phẩm cho người yếu thế”, với sự hợp tác của các nhóm tình nguyện viên trên khắp miền đất nước. Mỗi người, mỗi công việc khác nhau nhưng chất kết dính là sự đồng lòng, minh bạch.

Sau hơn một tháng chống dịch, tôi nghĩ “niềm tin thắng dịch” là vitamin tích cực giúp sợi dây đồng lòng, chung sức của mọi người thêm bền chặt.

(Trích *Sức mạnh đồng lòng, đoàn kết*- tuoitre.vn, ngày 19-4-2020)

Câu 1. (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. (0,5 điểm). Theo tác giả, các hoạt động thiện nguyện trong mùa dịch xuất phát từ những điều gì?

Câu 3. (1,0 điểm) Nêu nội dung chính của đoạn trích.

Câu 4. (1,0 điểm). Em có đồng tình với quan điểm của tác giả: “Niềm tin chống dịch” là vitamin tích cực giúp sợi dây đồng lòng chung sức của mọi người thêm bền chặt”? Vì sao? (Trả lời 3-5 dòng)

II.LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm).

Từ nội dung đoạn trích ở phần đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của lòng tốt trong cuộc sống hôm nay.

Câu 2. (5,0 điểm).

Cảm nhận của em về tình cảm của tác giả và vẻ đẹp của “người đồng mình” trong đoạn thơ sau:

Người đồng mình thương lắm con ơi
 Cao đo nỗi buồn
 Xa nuôi chí lớn
 Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
 Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
 Sống trong thung không chê thung nghèo đói
 Sống như sông như suối
 Lên thác xuống ghềnh
 Không lo cực nhọc
 Người đồng mình thô sơ da thịt
 Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
 Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
 Còn quê hương thì làm phong tục
 Con ơi tuy thô sơ da thịt
 Lên đường
 Không bao giờ nhỏ bé được
 Nghe con.

(Trích Nói với con - Y Phương, Ngữ văn 9, NXB GD, H.2011, tr 72-73)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0,5 điểm
	2	Theo tác giả các hoạt động thiện nguyện trong mùa dịch xuất phát từ tinh thần trách nhiệm xã hội, và sâu thẳm tận đáy lòng của mọi người là tinh thần “máu chảy ruột mềm”, vì tình dân tộc và nghĩa đồng bào.	0,5 điểm
	3	Nội dung chính của đoạn trích: Chất kết dính: sự đồng lòng, minh bạch	1,0 điểm
	4	-HS thể hiện quan điểm cá nhân: đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần. -Có sự lí giải thuyết phục, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. -Đảm bảo dung lượng (3-5 dòng)	1,0 điểm
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn	2,0 điểm

	chứng. Có thể viết đoạn văn như sau: 1.Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề 2.Thân đoạn: a.Giải thích: Lòng tốt là những hành động, những việc làm cao đẹp xuất phát từ tấm lòng của bản thân mỗi cá nhân nhằm giúp đỡ người khác. b. Biểu hiện của lòng tốt: nhỏ là dắt người già qua đường, nhặt của rơi trả lại người mất, lớn hơn là cứu người bị nạn, mở lòng từ bi cả đời mình làm việc thiện c. Mở rộng: Phê phán, lên án đấu tranh chống lại cái ác Không để lòng tốt bị lợi dụng d. Bài học: Liên hệ bản thân 3. Kết đoạn: Khẳng định tầm quan trọng của lòng tốt trong xã hội hôm nay. d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I. Mở bài - Giới thiệu đôi nét về tác giả và bài thơ: + Là nhà thơ dân tộc Tày, thơ Y Phương thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của con người miền núi. + Ra đời năm 1980, “Nói với con” là một trong những bài thơ hay nhất của ông. - Nêu vấn đề cần nghị luận: Vẻ đẹp của “người đồng mình” + Mượn lời tâm sự với con, Y Phương đã để lại trong lòng người đọc nhiều cảm nhận sâu sắc về những đức tính tốt đẹp của “người đồng mình” – của con người quê hương miền núi. II.Thân bài 1.Khái quát chung	5,0 điểm

	2.Phân tích, cảm nhận những vẻ đẹp (đức tính tốt đẹp) của người đồng mình - Người đồng mình đáng yêu bởi sự giản dị và tài hoa + Trên quê hương thơ mộng nghĩa tình, người đồng mình hiện lên trong cuộc sống lao động cần cù mà tươi vui: “Người đồng mình yêu lắm, con ơi!/ Đan lờ cài nan hoa/ Vách nhà ken câu hát”. + Chỉ với những câu thơ ngắn gọn, nhà thơ giúp ta hình dung được hình ảnh đáng yêu của người đồng mình giữa núi rừng thơ mộng, hiền hòa. Vẻ đẹp của họ được gợi ra từ cuộc sống lao động bình dị, từ bàn tay tài hoa và khối óc sáng tạo. Họ có niềm vui giản dị, tinh tế ngay trong cuộc sống mộc mạc đời thường. - Người đồng mình biết lo toan và giàu mơ ước + Người đồng mình không chỉ là những con người giản dị, tài hoa trong cuộc sống lao động mà còn là những con người biết lo toan và giàu mơ ước: “Người đồng mình thương lắm con ơi!/ Cao đo nỗi buồn/ Xa nuôi chi lớn”. + Có thể nói, cuộc sống của người đồng mình còn nhiều nỗi buồn, còn nhiều bộn bề thiếu thốn song họ sẽ vượt qua tất cả, bởi họ có ý chí và nghị lực, họ luôn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp của dân tộc. - Người đồng mình dù sống trong nghèo khổ, gian nan vẫn thủy chung gắn bó với quê hương, cội nguồn + “Sống trên đá không chê đá gập ghềnh/ Sống trong thung không chê thung nghèo đói/ Sống như sông như suối/ Lên thác xuống ghềnh/ Không lo cực nhọc” -> Phép liệt kê với những hình ảnh ẩn dụ “đá gập ghềnh”, “thung nghèo đói”->gợi cuộc sống đói nghèo, khó khăn, cực nhọc => Vận dụng thành ngữ dân gian “Lên thác xuống ghềnh”, ý thơ gợi bao nỗi vất vả, lam lũ => Những câu thơ dài ngắn, cùng những thanh trắc tạo ấn tượng về cuộc sống trắc trở, gian nan, đói nghèo của quê hương. - Người đồng mình có ý thức tự lập, tự cường và tinh thần tự tôn dân tộc + Phẩm chất của người của con người quê hương còn được người cha ca ngợi qua cách nói đối lập tương phản giữa hình thức bên ngoài và giá trị tinh thần bên trong, nhưng rất đúng với người miền núi: “Người đồng mình thô sơ da thịt	

	<i>Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con</i> → Sự tương phản này đã tôn lên tầm vóc của người đồng mình. Họ mộc mạc nhưng giàu chí khí, niềm tin. Họ có thể “thô sơ da thịt” nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn, về ý chí. => Cùng với ý thức tư lực, tự cường, người đồng mình còn ngời sáng tinh thần tự tôn dân tộc và khát vọng xây dựng quê hương. <i>“Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương Còn quê hương thì làm phong tục”.</i> 3. Nhận xét, đánh giá - Với thể thơ tự do, giọng điệu khỏe khoắn vừa tâm tình tha thiết vừa chứa chan hi vọng - Những hình ảnh, từ ngữ mộc mạc, cụ thể. - Nhà thơ nói với con về những vẻ đẹp của người đồng mình - Truyền cho con lòng tự hào về quê hương, dân tộc, nhắc nhủ con biết sống đẹp, biết vượt qua gian khó bằng niềm tin, ý chí như người đồng mình. III. Kết bài - Qua lời thủ thỉ, tâm tình của người cha đối với con, hình ảnh của quê hương, của người đồng mình hiện lên thật chân thực, cụ thể với bao phẩm chất tốt đẹp. Đó là mạch suối ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn và ý chí cho con. - Đọc bài thơ, hiểu về vẻ đẹp của những con người quê hương, ta yêu hơn, trân trọng hơn những con người làm giàu đẹp quê hương, đất nước. d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	

ĐỀ SỐ 112

ĐỀ THI THỬ VÀO 10

Môn NGỮ VĂN

Thời gian: 120 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Em sinh ra trong sự nâng niu, đón chờ của những người thân và nhiều hơn thế nữa. Tiếng khóc chào đời của em đã thắp thêm niềm hy vọng, niềm tin chiến thắng đại dịch cho những chiến sĩ áo trắng nơi đây. Dù cho ngoài kia, cả thế giới đang chao đảo vì cơn bão tử thần Covid-19, thì em ơi, cứ ngủ thật ngon lành bởi trong này bình yên lắm. Em được chở che trong vòng tay ấm êm của những con người trầm lặng. **Đó là những bác sĩ không quản ngày đêm hy sinh bản thân mình, hết lòng vì người bệnh. Tắm chăn giọt bản lúc nào cũng đầy hơi nước vì không có cơ hội được bỏ ra, lưng áo ướt đầm mồ hôi cho dù là đang giữa những ngày đông tháng giá. Đó là những người tự nguyện ở luôn trong bệnh viện, cả cái Tết đoàn viên cũng chẳng về nhà. Đó là cô y tá sẵn sàng gửi con nhỏ mới lên ba cho ông bà chăm sóc, và từng đêm, khi em quấy khóc, cô lại bế bổng và hát ru em câu hát "À ơi, con cò bay lá bay la..."**

[...] Thế giới có những anh hùng trầm lặng, sẵn sàng cho đi mà không đòi hỏi bất cứ thứ gì. Nơi đây đã cho chị biết hạnh phúc không phải chỉ là được ăn ngon, mặc đẹp, được thoải sức vui chơi mà là được sống trong niềm tin về tình yêu thương giữa con người.

(Trích *Thư gửi em bé có mẹ nhiễm Covid-19 giành giải nhất Viết thư UPU*, VnExpress, 11/5/2021)

Câu 1 (0.5 điểm). Từ cơn bão trong đoạn trích được sử dụng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

Câu 2 (05. điểm). Theo tác giả, tiếng khóc chào đời của em mang lại điều gì cho những chiến sĩ áo trắng?

Câu 3 (1.0 điểm). Xác định và nêu tác dụng của một phép tu từ được sử dụng trong phần in đậm

Câu 4 (1.0 điểm) . Em có đồng tình với suy nghĩ "hạnh phúc không phải chỉ là được ăn ngon, mặc đẹp, được thoải sức vui chơi mà là được sống trong niềm tin về tình yêu thương giữa con người?" Vì sao?

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm). Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về **sức mạnh của tình yêu thương giữa con người trong cuộc chiến chống đại dịch Covid 19.**

Câu 2. (5.0 điểm). Phân tích **sự thay đổi tâm trạng của bé Thu** trong đoạn trích sau:

(...) Trong bữa cơm đó, anh Sáu gặp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm. Giận quá và không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:

- Sao mày cứng đầu quá vậy hả?

Tôi tưởng con bé sẽ lăn ra khóc, sẽ giãy, sẽ đạp đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thế nào mà nó cầm đũa, gắp lại cái trứng cá để vào chén rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm. Xuống bếp, nó nhẩy xuống xuống, mở lòi tới cổ làm cho dây lòi tới khua rồn rảng, khua thật to, rồi lấy đầm bơi qua sông. Nó sang qua nhà nhà ngoại, mét với ngoại và khóc ở bên ấy. Chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không về.

Và:

(...) Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. Không ghìm được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con:

- Ba đi rồi ba về với con

- Không! – Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi ôm chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run.

Nhìn cảnh ấy bà con xung quanh có người không cầm được nước mắt, còn tôi bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim tôi.

(Nguyễn Quang Sáng, *Chiếc lược ngà*, Ngữ văn 9, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019).

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	1	Từ cơn bão trong đoạn trích được sử dụng theo nghĩa chuyển.	0,5 điểm
	2	Theo tác giả, tiếng khóc chào đời của em mang lại niềm hy vọng, niềm tin chiến thắng đại dịch cho những chiến sĩ áo trắng nơi đây.	0,5 điểm
	3	Biệt pháp điệp cấu trúc: "Đó là". Tác dụng: nhấn mạnh hơn về những gì mà các bác sĩ ở tuyến đầu chống dịch nơi đây vẫn đang kiên cường đấu tranh , những hy sinh thầm lặng.	1,0 điểm
	4	Trình bày quan điểm của bản thân em, lý giải hợp lý. Gợi ý: Đồng ý. Lý giải:	1,0 điểm

		Hạnh phúc không chỉ là tận hưởng những nhu cầu mang tính chất cá nhân mà hạnh phúc chính là được sống trong tình yêu thương giữa con người với con người, được yêu thương và trao đi yêu thương. Như vậy cuộc sống mới thực sự có ý nghĩa.	
II	1	a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. 1. Mở đoạn: Giới thiệu về đề tài cần nghị luận: Sức mạnh của tình yêu thương giữa con người trong cuộc chiến chống đại dịch Covid 19 2. 2. Thân đoạn a. Giải thích: Tình yêu thương là sự quan tâm chăm sóc, che chở, lo lắng cho nhau giữa con người với con người. - > Sức mạnh của tình yêu thương giữa con người trong cuộc chiến chống đại dịch Covid 19 giúp đem lại cuộc sống hòa bình, tốt đẹp. Mỗi người biết cách nhìn cuộc sống một cách tích cực hơn. Chúng ta có thể nhìn thấy truyền thống dân tộc ấy được phát huy trong tình hình chống giặc” COVID-19. b. Biểu hiện: - Tình yêu thương được xuất phát từ trái tim, luôn yêu thương, quan tâm người khác. - Biết giúp đỡ, sẵn sàng chia sẻ - Biết hy sinh, tha thứ cho người khác. - Dẫn chứng, chứng minh hành động cụ thể. + Dịch bệnh COVID-19 đã càn quét, gây ảnh hưởng về sức khỏe, kinh tế của nhiều quốc gia trên thế giới. Là một nước nằm trong vùng ảnh hưởng của dịch bệnh, Việt Nam đã có những cách xử lý tuyệt vời, làm thế giới thán phục. Có thể nói, chính nhờ sức mạnh của tình yêu thương đã giúp đất nước ta bước đầu chiến thắng trên mặt trận chống Tình cảm gia đình, thầy trò, hàng xóm láng giềng, chung tay góp từ thiện ủng hộ... + Ngay từ lúc dịch bệnh bùng phát, giữa bối cảnh nhiều quốc gia hoang mang lo lắng, chính phủ nước ta đã có động thái quyết tâm, thể hiện trách nhiệm bảo vệ, giúp đỡ công dân, “Việt Nam quyết tâm không để ai bị bỏ lại phía	2,0 điểm

	<i>sau, trong cuộc chiến chống dịch bệnh COVID-19”.</i> + Các hoạt động thiện nguyện, “lá lành đùm lá rách”, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn. + Sự hi sinh của các bác sĩ tuyến đầu chống dịch COVID-19. + Học sinh, sinh viên các trường đại học phát khẩu trang, nước rửa tay cho người dân. + Phong trào giải cứu dừa hấu, giải cứu tôm hùm,... khắp các tỉnh thành. * Ý nghĩa: - Mang lại hạnh phúc cho nhân loại. - Tình cảm giữa con người với con người ngày một bền chặt hơn. - Xây dựng được một xã hội văn minh, giàu tình người. - Phát huy sức mạnh tình yêu thương: Việt Nam đã vượt qua tình trạng khó khăn do COVID 19 gây ra. + Cơ bản đã kiểm soát được dịch bệnh... c. Bàn luận mở rộng: Những người sống vô cảm, không biết yêu thương con người, đối xử tệ bạc với nhau. d. Liên hệ, rút ra bài học: Lòng yêu thương rất quan trọng, cần yêu thương con người nhiều hơn. 3. Kết đoạn: Khẳng định vấn đề d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận. e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	
2	a.Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận c.Triển khai vấn nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I/ Mở bài Chiếc lược ngà là truyện ngắn xuất sắc của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Truyện được viết vào năm 1966 khi tác giả đang hoạt động ở chiến trường Nam Bộ.Với cảm hứng viết về tình cha con và nỗi đau do chiến tranh, truyện đã để lại cho người đọc những rung động thấm thía. Đặc biệt là sự thay đổi trong tâm lý của nhân vật bé Thu đối với người cha của mình trong hai đoạn trích	5,0 điểm

trên.

II/ Thân bài

1. Khái quát chung về hoàn cảnh của hai cha con

Anh Sáu đi kháng chiến từ khi đứa con duy nhất của anh chưa đầy một tuổi. Từ đó hai ba con chưa hề gặp lại nhau, cho đến khi anh được nghỉ phép ba ngày, anh đã trở về thăm gia đình, nhưng đứa con gái tám tuổi không chịu nhận ba.

2. Phân tích sự thay đổi tâm trạng của bé Thu trong đoạn trích

Sự thay đổi trong tâm trạng bé Thu trong hai đoạn văn rất tự nhiên và hợp lí.

Đoạn 1: Trước khi nhận cha: Bé Thu là đứa bé bướng bỉnh, ương ngạnh

Trước hết là ở đoạn văn thứ nhất. Ở đoạn văn này, Bé Thu hiện lên với tính cách rắn rỏi, bướng bỉnh, lì lợm rất trẻ con *"Trong bữa cơm đó.... nó cũng không về"*

Như ta đã biết, Thu gặp lại cha sau tám năm xa cách. Trước sự vô vập của cha, bé Thu tỏ ra ngờ vực và hoảng sợ. Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn mình như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: *"Má! Má!"*.

Những ngày sau đó, bé Thu hiện lên là một cô bé không ngoan, thiếu lễ phép với người lớn, nó còn khước từ mọi sự quan tâm của ông Sáu. Điều đó cũng thật dễ hiểu bởi *"người cha"* – người vốn đã có trong hình dung, tiềm thức của bé, nay lại có người xa lạ lại đến bắt em gọi bằng ba. Với bé Thu, đây thực sự là một *"cú sốc tinh thần"*. Mặc dù vậy, bé Thu không phải là đứa trẻ chỉ biết *"chống đối"*, quậy phá, bé cũng có suy nghĩ. Khi thấy ông Sáu *"gắp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó"*, Thu *"liền lấy đĩa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm"*. Từ ***"bất thần"*** như nhãn tự của câu văn, nó cho chúng ta thấy đó không phải là hành động cố tình mà phải chăng là

hành động bất cần do đang mãi suy nghĩ ? Bởi nếu phản đối, em đã hất miếng trứng ra ngay từ đầu. Nhưng do quá yêu con, quá thương con và mong mỗi một tiếng gọi “*ba*” ấm áp mà luôn bị chối từ nên khi con bé làm như vậy, ông Sáu đã không kiềm chế được nên đã đánh và mắng con : “*Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?*“. Sự bướng bỉnh, ngang ngạnh không phải là bản chất tính cách của bé Thu nên dù bị cha đánh em không “*khóc, giẫy, đạp đổ cả mâm cơm*” mà “*gắp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm rồi sang nhà ngoại, mét với ngoại và khóc ở bên đấy*”. Bé Thu là cô bé bướng bỉnh, song em thực sự là người có tình cảm, biết suy nghĩ. Nếu không như vậy, chắc hẳn em sẽ quậy đến cùng chứ không sang nhà ngoại để “*khóc*”. Với em yêu ghét rõ ràng, kiên định trong nhận thức, trong tình cảm. Thái độ ngang ngạnh của em với ông Sáu không làm người đọc giận, trái lại làm người đọc thấy đau xót. Sự tàn phá của chiến tranh thật ghê gớm, nó khiến cho con không nhận ra ba... Thật xót xa. **Qua phân tích ta thấy bé Thu dù “*cứng đầu*” ương ngạnh nhưng rất giàu tình yêu thương cha.**

Đoạn 2: Khi nhận ra ba: Bé Thu có tình yêu thương cha tha thiết, mãnh liệt

Nếu như ở đoạn văn thứ nhất bé Thu bướng bỉnh, ương ngạnh bao nhiêu thì ở đoạn văn thứ hai này bé Thu thay đổi bấy nhiêu. Thay vì bướng bỉnh, ương ngạnh thì Thu dành cho ba một tình yêu thương vô bờ “*Trong lúc đó... nắm lấy trái tim tôi*”. Điều kì diệu đã xảy ra vào những phút giây cuối cùng trước khi ông Sáu chia tay gia đình lên đường chiến đấu. Trong khi mọi người đang chuẩn bị cho ông Sáu lên đường “*con bé như bị bỏ rơi, nó không bướng bỉnh hay nhăn mày cau có nữa, vẻ mặt nó sầm tị, buồn rầu*”. **Bé Thu đã có sự thay đổi thái độ rõ rệt.** Nhà văn miêu tả cô bé như già hơn so với tuổi “*đôi mắt nó như to hơn, cái nhìn của nó không ngơ ngác, không lạ lùng, nó nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa*”. Người đọc hiểu rằng chắc hẳn đang có sự giằng co, day dứt trong lòng bé. Liệu bé có nhận ông Sáu làm cha ?

Tiếng thét nước nở của em như trả lời cho tất cả: “Ba..a... a..ba”. Bé Thu thật đáng thương bởi giây phút nhận cha cũng là giây phút em phải chia tay ba. Hạnh phúc đến với em ngắn ngủi quá. Như ý thức được điều đó, Thu ra sức níu giữ “*nó vẫn ôm chặt lấy ba nó*” nhưng rồi nó sợ ba nó đi thế nên “*hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai của nó run run*”. Chắc cô bé đã khóc, khóc vì sự ân hận của mình đã không nhận ra cha, khóc vì xót thương người cha vì chiến tranh mà phải xa gia đình. Nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã vượt qua các họa sĩ hay nhiếp ảnh gia để tạo dựng một cảnh chia tay đầm nước mắt bằng ngôn từ thông qua việc lựa chọn câu chữ giàu chất tạo hình, biểu cảm. Chiến tranh khiến cho cả những đứa trẻ ngây thơ cũng phải hi sinh. Thu chấp nhận để ông Sáu ra đi và không quên kèm theo lời dặn trong nước mắt : “*Ba về ! Ba mua cho con một cây lược nghe ba*”. Nhìn cảnh ấy không ai cầm được nước mắt còn ông Ba-người kể chuyện cảm thấy khó thở như có bàn tay ai đó đang nắm lấy trái tim mình. Chỉ vì bom đạn quân thù, mà ba đã mang sẹo trên mặt. Đó là điều đau khổ. Vậy mà, bé Thu đã không hiểu, lại còn xa lánh cha khiến cha đau khổ. Khi được bà ngoại giảng cho, bé đã hiểu. Nhưng có lẽ khi bé hiểu ra thì ...muộn rồi. Cha bé đã phải xa gia đình trở về chiến trường, phải chịu bao gian khổ của mưa bom bão đạn. Vì vậy, mà bé Thu mới siết cổ cha, níu chặt lấy người cha, như muốn đền bù những hành động sai lầm của bé. Từ giây phút bé Thu thức tỉnh, tình cảm tính cách của bé đã thay đổi. **Sự ương ngạnh, bướng bỉnh của cô bé tám tuổi đã không còn, mà thay vào đó là tình yêu cha, thương cha, tự hào về cha.** Chính tình yêu thương cha ấy đã tạo nên một sức mạnh thôi thúc, rèn giũa để Thu trưởng thành sau này, khi trở thành một cô giao liên gan dạ, dũng cảm. Đoạn văn là những gì xúc động nhất, sâu lắng nhất về tình cảm mà bé Thu dành cho ba của mình.

Qua phân tích ta thấy hai đoạn văn đã cho thấy được sự thay đổi trong tâm lý của nhân vật bé Thu đối với

người cha của mình. Nếu như đoạn trên, bé Thu xa lánh, với ba mình bao nhiêu thì đoạn dưới ta lại thấy được sự gần gũi không còn khoảng trống của tình cảm mà Thu dành cho người ba của mình. Đoạn 1 bé Thu lì lợm, bướng bỉnh bao nhiêu thì đoạn 2, bé Thu lại trở nên nhẹ nhàng, tình cảm bấy nhiêu

3.Đánh giá chung

Hai đoạn trích cũng cho thấy được sự tài tình trong miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật, đặc biệt là tâm lý của trẻ con của nhà văn: tinh tế, sâu sắc. Qua những biểu hiện tâm lí và hành động của bé Thu, người đọc cảm nhận được tình cảm sâu sắc, mạnh mẽ nhưng cũng thật dứt khoát, rạch ròi của bé Thu. Sự cứng đầu, tưởng như ương ngạnh ở Thu là biểu hiện của một cá tính mạnh mẽ (cơ sở để sau này trở thành một cô giao liên mưu trí, dũng cảm). Tuy nhiên, cách thể hiện tình cảm của em vẫn rất hồn nhiên, ngây thơ.Điều đó cho thấy tác giả đã tỏ ra rất am hiểu tâm lí trẻ thơ và diễn tả rất sinh động với tấm lòng yêu mến, trân trọng những tình cảm trẻ thơ

III/ Kết bài

Với cái nhìn của người từng trải, Nguyễn Quang Sáng đã làm sống dậy hình ảnh **một bé Thu hồn nhiên, bướng bỉnh mà giàu tình cảm.** Tình cảm của em dành cho cha thật xúc động. Những trang văn của Nguyễn Quang Sáng thực sự là những trang văn đắm nước mắt. Nó giúp người đọc hiểu được sự tàn phá khốc liệt của chiến tranh nhưng cũng thấy được sự bất diệt của tình cảm thiêng liêng, cao quý của con người. Câu chuyện đã khép lại mà vẫn còn văng vẳng đâu đây tiếng gọi ba đến xé lòng của bé Thu. Đó thực sự là một âm vang ám ảnh trong lòng người đọc hôm nay và mai sau...

d.Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.

e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp
